

VBF VIETNAM BUSINESS FORUM

DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THƯỜNG NIÊN 2020

Thách thức & Cơ hội trong trạng thái bình thường mới



Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2020

KHUYẾN CÁO

Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (“**VBF**”) là một cơ chế đối thoại liên tục và chặt chẽ giữa Chính phủ Việt Nam với cộng đồng các doanh nghiệp trong nước và quốc tế, nhằm cải thiện các điều kiện kinh doanh cần thiết để thúc đẩy sự phát triển của khối doanh nghiệp tư nhân, thuận lợi hóa môi trường đầu tư, đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế bền vững của Việt Nam.

Tài liệu này được phát hành để phục vụ cho Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam thường niên 2020 được tổ chức vào ngày 22/12/2020 tại Hà Nội.

Các kết luận và nhận định đưa ra trong tài liệu này, cũng như trong các bài thuyết trình của đại diện các doanh nghiệp tại Diễn đàn, không thể hiện quan điểm của Hội đồng Quản trị Liên minh VBF, Ban Thư ký VBF, cũng như các tổ chức đồng chủ tọa VBF bao gồm Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam, Ngân hàng Thế giới, và Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) - thành viên của Nhóm Ngân hàng Thế giới. Hội đồng Quản trị Liên minh VBF, Ban Thư ký VBF, và các tổ chức đồng chủ tọa VBF không đảm bảo tính chính xác của các dữ liệu được sử dụng trong tài liệu này, cũng như trong các bài thuyết trình nói trên, và không chịu trách nhiệm đối với các hậu quả do việc sử dụng các dữ liệu này gây ra.

Tài liệu này không được cho thuê, bán lại hoặc phát hành cho mục đích thương mại.



MỤC LỤC

I. PHẦN 1: PHÁT BIỂU/BÁO CÁO CỦA CÁC HIỆP HỘI THƯƠNG MẠI

- 1.1 Báo cáo của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam – VCCI
- 1.2 Báo cáo của Hiệp hội Doanh nghiệp Châu Âu – EuroCham
- 1.3.1 Bài phát biểu của Hiệp hội Doanh nghiệp Hoa Kỳ – AmCham
- 1.3.2 Báo cáo của Hiệp hội Doanh nghiệp Hoa Kỳ – AmCham
- 1.4.1 Bài phát biểu của Hiệp hội Doanh nghiệp Hàn Quốc – KoCham
- 1.4.2 Báo cáo của Hiệp hội Doanh nghiệp Hàn Quốc – KoCham
- 1.5.1 Bài phát biểu của Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản – JCCI
- 1.5.2 Báo cáo của Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản – JCCI
- 1.6 Báo cáo của Hiệp hội Doanh nghiệp Anh Quốc – BritCham
- 1.7 Báo cáo của Hiệp hội Doanh nghiệp Úc – AusCham
- 1.8 Báo cáo của Hiệp hội Doanh nghiệp Ấn Độ – InCham

II. PHẦN 2: BÁO CÁO CỦA CÁC NHÓM CÔNG TÁC

- 2.1 Báo cáo của Nhóm Công tác Điện và Năng lượng
- 2.2 Báo cáo của Nhóm Công tác Nguồn nhân lực
- 2.3 Báo cáo của Nhóm Công tác Giáo dục và Đào tạo
- 2.4 Báo cáo của Nhóm Công tác Đầu tư và Thương mại
- 2.5 Báo cáo của Nhóm Công tác Cơ sở Hạ tầng
- 2.6 Báo cáo của Nhóm Công tác Ngân hàng
- 2.7 Báo cáo của Nhóm Công tác Thị trường Vốn
- 2.8 Báo cáo của Nhóm Công tác Thuế & Hải quan
- 2.9 Báo cáo của Nhóm Công tác Du lịch
- 2.10 Báo cáo của Nhóm Công tác Nông nghiệp
- 2.11 Báo cáo của Nhóm Công tác Khoáng sản

III. PHỤ LỤC

- 3.1 Tóm tắt cuộc họp với Tổng Cục Hải quan vào ngày 30/9/2020
- 3.2 Tóm tắt cuộc thảo luận với Chính phủ vào ngày 02/10/2020
- 3.3 Tóm tắt cuộc họp với Bộ Tài chính vào ngày 25/11/2020
- 3.4 Tóm tắt cuộc họp Energy Day vào ngày 03/12/2020
- 3.5 Tóm tắt cuộc họp với Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc vào ngày 10/12/2020
- 3.6 Tóm tắt Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam thường niên 2019

I. PHẦN 1

PHÁT BIỂU/BÁO CÁO CỦA CÁC HIỆP HỘI THƯƠNG MẠI



**BÁO CÁO CỦA PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
TẠI DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THƯỜNG NIÊN 2020**

***HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP VƯỢT QUA THÁCH THỨC CỦA DỊCH COVID-19
VÀ TIẾP TỤC CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH***

Năm 2020 ghi dấu ấn bằng cú sốc đại dịch Covid-19 với tác động sâu rộng trên bình diện toàn cầu. Tính đến ngày 15/12/2020, thế giới đã vượt qua con số 73 triệu ca nhiễm và đại dịch này đã cướp đi sinh mạng của 1,6 triệu người tại 235 quốc gia, vùng lãnh thổ¹; và những con số này đang tiếp tục gia tăng khi đại dịch Covid-19 chưa hề có dấu hiệu về thời điểm kết thúc. Không chỉ là nguy cơ y tế đối với cộng đồng, đại dịch Covid-19 làm đứt gãy các chuỗi cung ứng, thu hẹp cả tổng cung và tổng cầu, gia tăng rủi ro tài chính đưa kinh tế thế giới vào vòng suy giảm. Làn sóng phá sản doanh nghiệp đang diễn ra trên phạm vi toàn thế giới, với ước tính tỷ lệ doanh nghiệp có thể mất khả năng thanh toán sẽ tăng tới 35% trong giai đoạn từ năm 2019 đến 2021.² Kéo theo đó là làn sóng mất việc làm của người lao động, khi Tổ chức Lao động thế giới (ILO, tháng 9/2020) tính toán mức tổn thất về thời giờ làm việc toàn cầu của quý III-2020 là 12,1%, tương đương với 345 triệu việc làm toàn thời gian. Trong Báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu, Ngân hàng Thế giới (WB) đã dự báo năm 2020 nền kinh tế thế giới có thể tăng trưởng âm tới -5,2%, đây sẽ là cuộc suy thoái kinh tế tồi tệ nhất kể từ Chiến tranh Thế giới lần thứ II.³

Khi ca nhiễm COVID-19 phát hiện đầu tiên tại Việt Nam vào ngày 23/1/2020, Chính phủ đã hành động nhanh chóng và quyết liệt để khống chế dịch. Cùng với các biện pháp y tế, nhiều biện pháp mạnh đã được áp dụng như: kiểm soát chặt chẽ biên giới, hạn chế các đường bay quốc tế và một số đường bay trong nước, áp dụng giãn cách xã hội nghiêm ngặt vào tháng 3-4/2020... Khi làn sóng Covid-19 thứ 2 bất ngờ trở lại vào ngày 25/7/2020, Chính phủ đã áp dụng các biện pháp khống chế dịch theo mức độ rủi ro với sự phối hợp hiệu quả, chặt chẽ hơn giữa các ngành và các cấp. Tính tới ngày 15/12/2020, Việt Nam chỉ có 1.402 ca nhiễm, với 35 người tử vong⁴.

Những diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 tại Việt Nam cũng như trên thế giới đã tác động nghiêm trọng tới nền kinh tế cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam. Theo Báo cáo Tình hình kinh tế xã hội quý III và 9 tháng năm 2020 của Tổng cục Thống kê, GDP 9 tháng năm 2020 tăng 2,12% là mức tăng thấp nhất của 9 tháng các năm trong giai đoạn 2011-2020. Trong 11 tháng có gần 93,5 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 15,6% so với cùng kỳ năm trước. Trung bình mỗi tháng có 8,5 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường. Một số ngành bị ảnh hưởng nghiêm trọng, như: dịch vụ lưu trú, ăn uống, với doanh thu 11 tháng năm 2020 ước tính đạt 461,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 10% tổng mức và giảm 13,7% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2019 tăng 9,6%); du lịch lữ hành, với doanh thu lữ hành 11 tháng ước tính đạt 16,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,4% tổng mức và giảm 58,6% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2019 tăng 9,9%); vận chuyển hành khách giảm 29,7% và vận chuyển hàng hóa giảm 6,2% trong 11 tháng

¹ Bộ Y tế, Trang tin về dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp covid-19, truy cập ngày 15/12/2020 tại <https://ncov.moh.gov.vn/>

² Khoảng 35% doanh nghiệp toàn cầu có thể phá sản do dịch COVID-19, truy cập tại <http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/quoc-te/2020-07-21/khoang-35-doanh-nghiep-toan-cau-co-the-pha-san-do-dich-covid-19-89766.aspx>

³ Ngân hàng Thế giới, Báo cáo Triển vọng Kinh tế toàn cầu, tháng 6/2020, truy cập tại <https://www.worldbank.org/en/publication/global-economic-prospects>

⁴ Bộ Y tế, Trang tin về dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp covid-19, số liệu Việt Nam tính đến ngày 15/12/2020.

năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019⁵...Doanh nghiệp gặp khó khăn cũng dẫn tới số lượng việc làm giảm. Tính chung 9 tháng đầu năm, số lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc là 53,1 triệu người, giảm 6,5% so với cùng kỳ năm 2019.⁶

Dù vậy, những tác động tiêu cực của dịch Covid-19 tại Việt Nam đã được hạn chế một cách đáng kể so với nhiều quốc gia khác trên thế giới. Ngoại trừ một vài địa phương bị phong tỏa do tình hình dịch nguy hiểm, nhiều hoạt động trong đời sống thường ngày vẫn có thể được diễn ra trong điều kiện bình thường mới ở các tỉnh, thành phố còn lại trên cả nước. Vì vậy, trong bối cảnh ảm đạm của nền kinh tế thế giới do tác động của đại dịch Covid-19, nền kinh tế Việt Nam vẫn đạt được con số tăng trưởng GDP 9 tháng đầu năm 2020 ở mức +2,12%. Và Việt Nam là một trong số hiếm hoi các nước có mức tăng trưởng dương trên thế giới. Đáng lưu ý, cả 3 khu vực công nghiệp, thương mại/dịch vụ và nông, lâm nghiệp thủy sản đều vẫn giữ được mức tăng trưởng dương.⁷ Trong lúc dịch Covid-19 diễn biến phức tạp trên thế giới làm đứt gãy thương mại quốc tế, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa 11 tháng ước tính đạt 489,1 tỷ USD, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu đạt 254,6 tỷ USD, tăng 5,3%; nhập khẩu đạt 234,5 tỷ USD, tăng 1,5%. Trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của khu vực kinh tế trong nước đạt 73 tỷ USD, tăng 1,6%, chiếm 28,7% tổng kim ngạch xuất khẩu. Tính chung 11 tháng năm 2020, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu kỷ lục 20,1 tỷ USD, vượt qua cả mốc xuất siêu 10,8 tỷ USD cùng kỳ năm trước.⁸

Những thành công về mặt kinh tế nói trên là kết quả của những nỗ lực của Nhà nước từ đầu năm đến nay trong công tác khống chế dịch Covid-19 và khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp. Ngày 8/6/2020, Quốc hội đã biểu quyết thông qua Nghị quyết phê chuẩn Hiệp định Thương mại Tự do (EVFTA) và Hiệp định Bảo hộ đầu tư (EVIPA) giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu. Trên cơ sở đó, Chính phủ đã nhanh chóng xây dựng và ban hành một số văn bản hướng dẫn thực hiện EVFTA, đã mở ra cơ hội mới cho các doanh nghiệp Việt Nam đối với thị trường đầy tiềm năng này. Tiếp tục một tín hiệu tích cực mở ra cho các doanh nghiệp Việt Nam, khi ngày 11/12/2020, Việt Nam và Vương quốc Anh đã ký biên bản ghi nhớ kết thúc đàm phán Hiệp định Thương mại tự do (FTA) Việt Nam - Vương quốc Anh (UKVFTA). Trước đó, Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) đã được ký kết vào ngày 15/11/2020....Quốc hội cũng đã thông qua một số luật quan trọng, theo hướng thông thoáng hơn, như Luật Doanh nghiệp sửa đổi, Luật Đầu tư sửa đổi, Luật Xây dựng sửa đổi, Luật Đầu tư theo hình thức đối tác công tư. Ngay từ đầu năm, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 02 về tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực kinh doanh với nhiều giải pháp cụ thể.

Và ngay trong lúc dịch Covid-19 đang có những tác động nghiêm trọng tới nền kinh tế Việt Nam, Chính phủ đã đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính với việc vận hành Cổng dịch vụ Công quốc gia.⁹ Chính phủ đã tiếp tục

⁵ Tổng cục Thống kê, Tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 và 11 tháng năm 2020, truy cập tại <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/11/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-thang-11-va-11-thang-nam-2020/>

⁶ Tổng cục Thống kê, Tình hình kinh tế - xã hội tháng 9 và 9 tháng năm 2020, truy cập tại <https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=621&ItemID=19760>

⁷ Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,84%, đóng góp 13,62% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,08%, đóng góp 58,35%; khu vực dịch vụ tăng 1,37%, đóng góp 28,03%. Tổng cục Thống kê, Tình hình kinh tế - xã hội tháng 9 và 9 tháng năm 2020, truy cập tại <https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=621&ItemID=19760>

⁸ Tổng cục Thống kê, Tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 và 11 tháng năm 2020, truy cập tại <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/11/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-thang-11-va-11-thang-nam-2020/>

⁹ Tính đến cuối tháng 9/2020, trên Cổng dịch vụ công quốc gia đã có 1.298 thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến, trong đó có 818 dịch vụ công dành cho doanh nghiệp. Báo Nhân dân, Dịch vụ công quốc gia: Kênh hữu hiệu nhất "hiện đại hóa" thủ tục hành chính, ngày 25/9/2020, truy cập tại <https://nhandan.com.vn/tin-tuc-su-kien/dich-vu-cong-quoc-gia-kenh-huu-hieu-nhat-hien-dai-hoa-thu-tuc-hanh-chinh-618128/>

thúc đẩy chương trình rà soát và đơn giản hoá điều kiện kinh doanh với trọng tâm cải cách các quy định về kinh doanh và gỡ bỏ chướng ngại xung đột. Đặc biệt vào tháng 5/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 68 về cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025, với mục tiêu rất cụ thể: giảm 20% số quy định và 20% chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh.

Những thành công kinh tế nói trên cũng chính là nhờ kết quả của sự cố gắng vượt bậc của các doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh khó khăn chưa từng có này. Nhiều doanh nghiệp đã chủ động lên kịch bản để ứng phó với khó khăn, rất nỗ lực duy trì sản xuất, chủ động nguồn nguyên liệu, thay đổi sản phẩm để tồn tại. Các doanh nghiệp đều cố gắng có đơn hàng dù nhỏ để bảo đảm cho người lao động có việc làm, có thu nhập.¹⁰ Các doanh nghiệp đã triển khai các biện pháp ứng phó với dịch Covid-19 như cấp đồ bảo hộ phòng dịch cho người lao động, áp dụng cách thức sản xuất kinh doanh mới/linh hoạt hơn, dự trữ hàng hoá, nguyên vật liệu, tìm giải pháp chuỗi cung ứng mới, đào tạo kỹ năng số cho người lao động... Không chỉ vậy, ngay trong lúc đang gặp những khó khăn cùng cực, các doanh nghiệp đã chung tay cùng với Chính phủ trong cuộc chiến chống dịch Covid-19, bằng việc đóng góp, ủng hộ thiết bị y tế, đồ bảo hộ cho ngành y..., Nhiều doanh nghiệp đã cung cấp các hỗ trợ thiết thực cho người dân ở nhiều tỉnh, thành trên cả nước, như lắp đặt các cây ATM gạo, các suất ăn miễn phí... cho người dân gặp khó khăn bởi dịch Covid-19.

Để vượt qua các thách thức do dịch Covid-19, các doanh nghiệp đang kỳ vọng rất lớn vào các giải pháp của Chính phủ. Điều tra của VCCI và Ngân hàng Thế giới cho thấy, các doanh nghiệp đặc biệt đánh giá cao một số biện pháp Chính phủ đã triển khai để hỗ trợ doanh nghiệp. Đó là vay lãi suất 0% để trả lương cho người lao động, giãn thời gian các khoản vay hiện tại, giảm lãi suất, tạm dừng đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, lùi thời hạn đóng phí công đoàn, gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất, giảm và gia hạn đóng thuế thu nhập doanh nghiệp, gia hạn đóng thuế VAT... Việc áp dụng các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp cần điều chỉnh kịp thời về điều kiện áp dụng, phù hợp với thực tế và sát với nhu cầu của doanh nghiệp. Những bài học từ việc không chế thành công dịch Covid-19 hoàn toàn có thể áp dụng cho việc hỗ trợ doanh nghiệp khôi phục phát triển sản xuất kinh doanh. Đó là sự điều hành linh hoạt, chủ động của Chính phủ liên tục bám sát tình hình thực tiễn để có giải pháp phù hợp và kịp thời; chủ động cung cấp thông tin đầy đủ, minh bạch, rộng rãi và kịp thời; lựa chọn và áp dụng các biện pháp xử lý dịch theo mức độ rủi ro; chú trọng hiệu quả phối hợp giữa các ngành, các cấp;...

Bên cạnh những yêu cầu cấp bách về những hành động cụ thể nhằm giảm chi phí cho doanh nghiệp nhằm đối phó với khó khăn do COVID-19 gây ra, cộng đồng doanh nghiệp cũng mong Chính phủ có các biện pháp cụ thể và nhanh chóng để ***giải quyết ngay các nút thắt đang cản trở doanh nghiệp tận dụng các cơ hội hội nhập từ các FTA nói chung và từ EVFTA nói riêng để phục hồi từ những tác động tiêu cực do dịch COVID-19 gây ra và tiếp tục phát triển***. Cụ thể:

Về nguồn nhân lực, đề nghị Chính phủ có sự đầu tư triển khai ngay ít nhất là các công việc sau:

- Xây dựng và thực hiện các Chương trình đào tạo công nhân kỹ thuật chuyên sâu, bài bản trong những ngành công nghiệp kỹ thuật phụ trợ cần thiết nhất hiện nay. Việc Thủ tướng quyết định lấy ngày 4/10 hàng năm là Ngày kỹ năng lao động Việt Nam là một tín hiệu rất đáng mừng, cho thấy sự quan tâm của Chính phủ tới vấn đề này. Vấn đề của chúng ta phải có các Chương trình đào tạo kỹ năng cụ thể, cho từng ngành nghề, lĩnh vực công nghiệp kỹ thuật phụ trợ cụ thể thuộc các chuỗi giá trị trọng điểm, và nằm trong chiến lược cụ thể thu hút các chuỗi FDI chuyển dịch;

¹⁰ Báo Nhân dân, Doanh nghiệp nỗ lực duy trì sản xuất, kinh doanh, ngày 13/8/2020, truy cập tại <https://nhandan.com.vn/tin-chung1/doanh-nghiep-no-luc-duy-tri-san-xuat-kinh-doanh--612794/>

- Thực hiện một Nghiên cứu dự báo khoa học và hiệu quả về thị trường lao động việc làm trong 5-10 năm tới. Nghiên cứu phải trả lời được câu hỏi ngành nào, lĩnh vực nào sẽ phát triển và cần những lao động như thế nào trong thời gian tới. Từ đây, các chiến lược về đào tạo nhân lực (tại các cơ sở đào tạo đại học, trường dạy nghề....) sẽ có cơ sở để xây dựng và triển khai hiệu quả;
- Rà soát lại toàn bộ hệ thống các Trường đào tạo nghề và có chiến lược hỗ trợ các Trường, ít nhất là đối với các ngành nghề được nhận diện là rất cần lao động trong tương lai gần (từ kết quả Nghiên cứu dự báo nêu ở trên).

Về cơ sở hạ tầng, VCCI và cộng đồng doanh nghiệp kiến nghị Chính phủ chỉ đạo triển khai các giải pháp khẩn cấp sau đây:

- Tập trung triển khai hiệu quả Luật PPP và Luật Đầu tư công với ưu tiên cho lĩnh vực cơ sở hạ tầng giao thông và các dự án đang triển khai dở dang;
- Triển khai ngay một nghiên cứu nhận diện các đường giao thông (đường bộ, thủy, sắt) cần thiết kết nối các khu vực sản xuất trọng điểm (nông nghiệp, công nghiệp) đến các cửa khẩu quốc tế. Trên cơ sở đó có Chương trình đầu tư phát triển, nâng cấp các hệ thống được nhận diện này;
- Ở các cửa khẩu quốc tế trọng điểm, đầu tư hoặc kêu gọi đầu tư phát triển, nâng cấp hệ thống logistics cần thiết, đặc biệt đối với các cửa khẩu đầu mối cho các hàng hóa đặc thù (dễ bị hư hỏng, cần bảo quản đặc biệt...).

Về nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, mặc dù đây là công việc của từng doanh nghiệp, cộng đồng doanh nghiệp kỳ vọng Chính phủ có thể hỗ trợ doanh nghiệp trong vấn đề này, cụ thể:

- Ở mỗi Thương vụ Việt Nam ở nước ngoài, (i) thiết lập một Cổng thông tin về thị trường và kết nối kinh doanh cho doanh nghiệp, đặc biệt với thị trường EU và các thị trường mà Việt Nam đã có FTA (với các thông tin về các cam kết thương mại với Việt Nam; quy trình thủ tục xuất nhập khẩu; hệ thống các quy định pháp luật liên quan; các thông tin về đặc điểm thị trường, kênh phân phối...; các đầu mối, đối tác có nhu cầu); (ii) thực hiện các chương trình quảng bá, xúc tiến thương mại cho hàng hóa Việt Nam tại nước ngoài (các Ngày Việt Nam; các Hội chợ, Triển lãm sản phẩm Việt Nam; các Chương trình kết nối doanh nhân/doanh nghiệp...);
- Ở trong nước, đối với các nhóm nông sản mà các nước Đối tác nhập khẩu có yêu cầu đặc thù về tiêu chuẩn kỹ thuật, vệ sinh an toàn thực phẩm (ví dụ phải chiếu xạ, phải kiểm tra trước khi bốc hàng...), Chính phủ hỗ trợ thiết lập các trung tâm kỹ thuật nhằm (i) hướng dẫn người sản xuất, xuất khẩu thực hiện các yêu cầu; (ii) thực hiện việc kiểm tra hàng hóa miễn phí hoặc phí ưu đãi theo tiêu chuẩn của nước nhập khẩu; (iii) phối hợp với đơn vị kỹ thuật được Đối tác chỉ định để giúp thúc đẩy nhanh việc thực hiện các yêu cầu kỹ thuật.

Cùng với đó, để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phục hồi và phát triển trong thời gian tới, cộng đồng doanh nghiệp đang kỳ vọng Chính phủ **tiếp tục đẩy mạnh cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, với trọng tâm là cải cách về thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp**. Cụ thể, đó là:

- *Tập trung cải cách một số lĩnh vực TTHC còn nhiều phiền hà:* Những lĩnh vực mà doanh nghiệp phản ánh còn gặp nhiều phiền hà trong quá trình thực hiện TTHC bao gồm đất đai, thuế, bảo hiểm xã hội, xây dựng, quản lý thị trường, giao thông, phòng cháy, môi trường, kho bãi và lao động.

- *Tiếp tục đẩy mạnh cải cách quy định về điều kiện kinh doanh.* Trong thời gian gần đây, Chính phủ đã có nhiều nỗ lực trong việc cắt giảm điều kiện kinh doanh. Khi rà soát, bãi bỏ hàng ngàn điều kiện kinh doanh vốn được quy định tại hàng trăm thông tư của các bộ, ngành và chuyển đổi lên cấp Nghị định của Chính phủ. Điều tra thường niên 10.000 doanh nghiệp tại 63 tỉnh, thành phố của VCCI năm vừa qua cho thấy tỷ lệ doanh nghiệp gặp khó khăn khi xin giấy phép giảm còn 35%, từ con số từ 42% của năm 2018. Tuy nhiên, 35% doanh nghiệp gặp khó khăn khi xin giấy phép kinh doanh có điều kiện vẫn là con số tương đối lớn. Nghị quyết 68 do Chính phủ mới ban hành tháng 5/2020 đang được kỳ vọng sẽ thúc đẩy làn sóng cải cách điều kiện kinh doanh trong năm 2020, khi đã giao nhiệm vụ cho các bộ ngành cần phải ban hành kế hoạch cắt giảm, đơn giản hoá quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong thời hạn 20 ngày kể từ khi Nghị quyết được ban hành và phải rà soát, đánh giá, xây dựng phương án cắt giảm, đơn giản hoá trước 1/10/2020.
- Tập trung rà soát và tối ưu hóa quy trình thủ tục hành chính liên ngành, đặc biệt là các thủ tục liên quan tới đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường. Tiến hành cải cách thủ tục hành chính theo hướng cắt giảm gánh nặng chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp và giảm thiểu cơ hội phát sinh chi phí không chính thức. Đẩy nhanh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, tăng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4. Hướng tới việc tạo lập và kết nối liên thông giữa các cơ quan quản lý nhà nước cơ sở dữ liệu doanh nghiệp để đảm bảo công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp thực hiện một cách thống nhất, đồng bộ.
- Nâng cao hiệu quả các trung tâm hành chính công cấp tỉnh và cấp huyện, triệt để ứng dụng công nghệ thông tin và tăng tối đa số thủ tục hành chính đưa vào giải quyết tại các trung tâm này.
- Tăng cường công khai minh bạch thông tin trên trang thông tin website cơ quan chính quyền, đặc biệt là việc đăng tải đầy đủ các thông tin như các quy hoạch, kế hoạch phát triển của địa phương, các dự án đầu tư công, đấu thầu, các dự án kêu gọi đầu tư, các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư, các quy trình, thủ tục cũng như kết quả giải quyết thủ tục hành chính của các ngành, các cấp.
- Tiếp tục giảm thiểu gánh nặng thanh, kiểm tra doanh nghiệp, theo hướng áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro trong thực hiện thanh tra kiểm tra. Xác định rõ đầu mối kiểm soát các hoạt động thanh kiểm tra doanh nghiệp trên địa bàn, kể cả các cuộc thanh kiểm tra của cơ quan trung ương; sớm công khai trên website của cơ quan nhà nước danh sách các đối tượng bị thanh kiểm tra theo kế hoạch, cũng như kết quả thanh, kiểm tra sau khi có kết luận.
- Cải cách mạnh mẽ hơn về kiểm tra chuyên ngành. Áp dụng triệt để nguyên tắc quản lý rủi ro, chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm, giảm thiểu sự chồng chéo trùng lặp trong công tác quản lý, kiểm tra chuyên ngành.
- Phối hợp với các hiệp hội doanh nghiệp tiến hành thường xuyên và thực chất các cuộc đối thoại doanh nghiệp. Đảm bảo các cuộc gặp mặt, đối thoại này có sự tham gia của các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa. Kịp thời giải quyết vướng mắc của doanh nghiệp; giao hiệp hội doanh nghiệp của tỉnh theo dõi, giám sát quá trình giải quyết; định kỳ tiến hành đánh giá công khai kết quả giải quyết vướng mắc từ các doanh nghiệp. Đăng tải kịp thời những thông tin về phản hồi, đánh giá, phản ánh vướng mắc kiến nghị, khiếu nại của doanh nghiệp; tiếp tục tổ chức và thực hiện việc đánh giá thực thi của sở, ngành, quận, huyện thông qua việc xây dựng và công bố bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, quận huyện (DDCI) định kỳ hàng năm.

- Xây dựng và triển khai hiệu quả, thực chất các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, tập trung vào đối tượng doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa, chủ động nghiên cứu và cung cấp thông tin cho các doanh nghiệp về tiếp cận thị trường, tiếp cận vốn, thông tin thị trường lao động...
- Giải quyết các chồng chéo và thiếu rõ ràng trong hệ thống pháp luật kinh doanh. Trong thời gian qua, VCCI đã nhận được rất nhiều kiến nghị về các vướng mắc bất cập từ doanh nghiệp, hiệp hội, chính quyền địa phương về các quy định chồng chéo, mâu thuẫn trong pháp luật kinh doanh đang gây khó cho doanh nghiệp và đã báo cáo lên Quốc hội và Chính phủ. Quốc hội đã thông qua Luật Đầu tư 2020, tháo gỡ khá nhiều các xung đột, chồng chéo mà VCCI đã chỉ ra. Chính phủ cũng thành lập Tổ Công tác rà soát chồng chéo do Bộ trưởng Bộ Tư pháp làm Tổ trưởng. Hiện nay đang dự thảo báo cáo lên Quốc hội. Tuy nhiên, về lâu dài để tránh trường hợp này, cần thay đổi quy trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật theo đó cần kiểm soát tốt hơn về tính thống nhất trong các quy định của luật.



BÁO CÁO CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP CHÂU ÂU TẠI VIỆT NAM TẠI DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

THÁCH THỨC VÀ CƠ HỘI TRONG GIAI ĐOẠN BÌNH THƯỜNG MỚI

Kính thưa Ngài Phạm Bình Minh, Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao,

Các Bộ trưởng và quan chức Chính phủ, Chủ tịch Ngân hàng Thế giới và Công ty Tài chính Quốc tế tại Việt Nam, Các Quý đồng nghiệp của Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam, Các Hiệp hội Doanh nghiệp,

Vào năm 2020, kết quả Khảo sát thành viên BCI của EuroCham đã giảm xuống mức thấp nhất từ trước đến nay là 26% trong Quý I. Việc sụt giảm này là do tác động trực tiếp chỉ của dịch COVID-19 chứ không phản ánh về Việt Nam hay môi trường đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam. Từ đó tới nay, nhờ việc thực hiện theo chỉ đạo của Chính phủ về y tế cộng đồng cũng như tăng trưởng kinh tế, chúng tôi nhận thấy có sự cải thiện trong Quý 3 với kết quả là 57.5. Ảnh hưởng toàn cầu của đại dịch vẫn ở mức tiêu cực và cộng đồng thế giới vẫn đang chống chọi với hệ lụy của virus, tuy nhiên sự tác động tới các thành viên của chúng tôi đã giảm đi nhiều so với Quý I.

Điều này khẳng định rằng niềm tin đang quay trở lại thị trường sau sự sụt giảm trong thời gian đầu xuất hiện COVID-19. Tuy nhiên, chỉ số BCI cũng phản ánh các nhà lãnh đạo doanh nghiệp châu Âu vẫn quan ngại về tác động của đại dịch toàn cầu và thận trọng về triển vọng tương lai của doanh nghiệp mình.

Các nhà lãnh đạo và các chủ doanh nghiệp có phản hồi tích cực hơn về doanh nghiệp của mình trong Quý 3, 40% mô tả hoạt động kinh doanh của mình là “Rất tốt” hoặc “Tốt”, tăng 18% so với quý trước. Quý 4 hứa hẹn với 44% thành viên dự báo rằng năm 2020 sẽ kết thúc tốt đẹp đồng thời 65% thành viên thực hiện việc ổn định về nhân sự và 57% về các kế hoạch đầu tư, trong khi đó chỉ dưới một nửa số thành viên (44%) dự báo tăng trưởng về doanh thu và các đơn đặt hàng. Tuy nhiên, các nhà lãnh đạo doanh nghiệp châu Âu vẫn rất thận trọng. Điều này một lần nữa nhắc nhở chúng ta rằng tình hình là chưa từng có và rất khó lường, ngay cả trên quy mô toàn cầu.

EuroCham và Ban Lãnh đạo cùng 17 Tiểu ban Ngành nghề của chúng tôi đánh giá cao sự tăng cường hợp tác với Chính phủ Việt Nam để thực hiện đóng góp về chính sách và các quy định pháp luật nhằm hỗ trợ doanh nghiệp trong và sau COVID-19, chẳng hạn như đóng góp cho Nghị định về hoãn nộp thuế và tiền thuê đất, Nghị quyết về nhiệm vụ và các biện pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, đề xuất gói giải cứu áp dụng rộng rãi, tạo điều kiện bảo vệ bình đẳng các doanh nghiệp trong và ngoài nước tại Việt Nam trong bối cảnh Việt Nam hội nhập mạnh mẽ vào chuỗi cung ứng và dòng vốn toàn cầu.

Chúng tôi đã làm việc cùng với Chính phủ, Ban Cố vấn Cải cách Thủ tục Hành chính (ACAPR) để hỗ trợ các doanh nghiệp châu Âu được hỗ trợ và xử lý nhanh chóng, đưa các nhà đầu tư và chuyên gia châu Âu vào Việt Nam; đóng góp cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong cuộc chiến chung chống đại dịch; đảm bảo duy trì nguồn cung cấp thuốc bền vững và các thiết bị y tế cũng như giúp đảm bảo việc làm trên quy mô lớn, thúc đẩy giải ngân đầu tư công. EuroCham cam kết tiếp tục là đối tác đồng hành cùng Chính phủ Việt Nam trong những thời khắc tốt đẹp và khó khăn, hỗ trợ đất nước thông qua các chính sách và các hình thức đóng góp khác mà chúng tôi có thể huy

động tốt nhất để chung tay giúp Việt Nam phục hồi và duy trì phát triển kinh tế, an sinh xã hội, v.v.

Chúng tôi muốn tận dụng cơ hội này để phản ánh tiếng nói của các thành viên và đề nghị Chính phủ xem xét thêm gói hỗ trợ tài chính và giải cứu hiệu quả và kịp thời cho nhiều lĩnh vực sẽ mang lại cho họ động lực, tinh thần chia sẻ cho cả nền kinh tế. Chúng tôi tiếp tục đề xuất giảm 50% thuế TNDN đối với tất cả các doanh nghiệp trong tất cả các ngành bị ảnh hưởng, bao gồm cả các tập đoàn lớn và các doanh nghiệp nhỏ và vừa, giảm 50% thuế TNCN đối với thu nhập của tất cả người nộp thuế tại Việt Nam, giảm 50% thuế VAT để kích cầu tiêu dùng, giảm 50% các khoản đóng góp an sinh xã hội bắt buộc cho tất cả các đối tượng bị ảnh hưởng.

Việc phản hồi chính sách nhanh hơn và chủ động hơn cùng các hành động hiệu quả thông qua việc phản hồi, hỗ trợ các khuyến nghị của chúng tôi có thể giúp duy trì và thu hút nhiều hơn nữa các nhà đầu tư châu Âu và tạo điều kiện cho định vị lại nền kinh tế của đất nước trong thời gian sau dịch COVID-19.

Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA)

Năm 2020, mặc dù diễn biến của đại dịch COVID-19 khá phức tạp, nhưng vẫn đánh dấu một cột mốc ấn tượng và rất quan trọng trong quan hệ hợp tác của Việt Nam với Liên minh châu Âu. Cuối cùng, Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu đã được Quốc hội phê chuẩn vào tháng 6 năm 2020 và đã đi vào hiệu lực từ ngày 1 tháng 8 năm 2020. Việc thực thi đầy đủ một hiệp định toàn diện và tham vọng như vậy có thể giúp thúc đẩy sản xuất, thương mại và đầu tư trở lại và tạo điều kiện Việt Nam phục hồi nền kinh tế nhanh hơn và bước sang trạng thái bình thường mới.

Sự hỗ trợ của EuroCham và cộng đồng quốc tế sẽ là chìa khóa thành công của Việt Nam và các công ty Việt Nam trong việc tận dụng tối đa các lợi thế của các hiệp định thương mại tự do. Cộng đồng doanh nghiệp châu Âu đang nỗ lực hết mình để hỗ trợ Chính phủ, chính quyền địa phương và các công ty Việt Nam trong giai đoạn triển khai. Chúng tôi đang phối hợp với Bộ Công Thương, Phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam, Bộ Ngoại giao để xúc tiến EVFTA tại nhiều địa phương. Chúng tôi đã ký Biên bản ghi nhớ với Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông Vận tải để phối hợp thực hiện EVFTA và xúc tiến phát triển ngành hàng hải và vận tải biển tại Việt Nam và châu Âu.

Chúng tôi cũng có kế hoạch ra mắt Hội đồng Doanh nghiệp Việt Nam- châu Âu với VCCI để hỗ trợ các doanh nghiệp của hai bên hiểu sâu hơn và tận dụng tốt nhất những lợi ích của EVFTA và vượt qua một số rào cản và trở ngại tạm thời trong việc mở rộng tiếp cận thị trường sang châu Âu và Việt Nam. Chúng tôi cũng sẽ tiếp tục làm việc với Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan để tổ chức các buổi tập huấn chuyên môn cho các thành viên và doanh nghiệp Việt Nam về xuất xứ hàng hóa và các thủ tục hành chính hải quan, nhằm tạo thuận lợi cho xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và châu Âu. Chúng tôi cũng mong nhận được sự chỉ đạo sâu sát hơn của Chính phủ và Bộ Tài chính, kịp thời ban hành Nghị định hướng dẫn, bao gồm danh mục biểu thuế để thực hiện tại Việt Nam và hướng dẫn các thành viên để lên chiến lược cho hoạt động kinh doanh của họ. Chúng tôi cũng hiểu rằng việc áp dụng cắt giảm thuế quan theo EVFTA sẽ bắt đầu áp dụng từ ngày 1 tháng 8 năm 2020 và các doanh nghiệp sẽ nhận được sự hỗ trợ của Chính phủ và Bộ Tài chính để hoàn trả các khoản thuế hiện hành đã nộp trong thời gian chờ đợi văn bản hướng dẫn.

Bên cạnh EVFTA, dưới đây là các vấn đề và khuyến nghị từ 17 Tiểu ban Ngành nghề thuộc EuroCham gửi tới Chính phủ, trong đó chúng tôi nêu lên những cơ hội và thách thức đối với quá trình phục hồi kinh tế và an sinh xã hội của đất nước.

I. Chuỗi thực phẩm, nông nghiệp và trồng trọt bền vững

A. Tiểu ban Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng Thủy sản của EuroCham

1. Cơ hội vàng để tái cấu trúc ngành chăn nuôi liên kết với nhu cầu: Một chính sách Nông Nghiệp – Thực Phẩm toàn diện

Dịch tả lợn châu Phi (ASF) tại Việt Nam đã và đang gây ra những ảnh hưởng bất lợi đáng kể cho ngành chăn nuôi và những thách thức cho quản lý của Chính phủ, bộ ngành. 25% tổng đàn lợn của cả nước đã có thể bị mất mát do ASF vào cuối năm nay.¹ Hậu quả trực tiếp là nhu cầu thức ăn chăn nuôi từ chăn nuôi lợn đã giảm khoảng 20%-25%; sản xuất cám thức ăn cho lợn và các hoạt động thương mại tương ứng liên quan đến các thành phần cám như ngô ở Việt Nam dự kiến sẽ giảm. Ngành chăn nuôi gia cầm đã làm dịu cú sốc này cho ngành hàng cám và chăn nuôi lợn cùng với việc tiêu thụ thịt khác tăng lên²; tuy nhiên, sự thay đổi nhu cầu protein này cũng sẽ gây rắc rối cho kế hoạch chăn nuôi nói chung vì việc chuyển đổi sản xuất từ lợn sang gia cầm không thể xảy ra trong một ngày đêm và sẽ ngày càng khó khăn hơn ở cấp độ chăn nuôi quy mô lớn. Hơn nữa, chỉ số giá tiêu dùng Việt Nam tháng 10 năm 2019 đã đạt mức cao nhất trong ba năm trong tình trạng giảm nguồn cung thịt lợn vào cuối năm 2019 và đầu năm 2020³. Do đó, chúng tôi lưu ý rằng tác động bất lợi đối với ngành chăn nuôi lợn, với thịt lợn là loại thịt chính ở Việt Nam, cũng sẽ mang lại tình trạng không mong muốn cho ngành chăn nuôi gia cầm, hoạt động kinh doanh thương mại nguyên liệu thức ăn và mục tiêu hàng năm của chính phủ.

Luật Chăn nuôi 2018 quy định các hoạt động chăn nuôi, quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động chăn nuôi, quản lý chăn nuôi toàn quốc với 8 Chương và 83 Điều; luật có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2020. Tuy nhiên, quy hoạch tổng thể về nông nghiệp Việt Nam chỉ đến năm 2020 với tầm nhìn đến năm 2030 được ban hành, đi kèm Quyết định 124/QĐ-TTg, ngày 2 tháng 2 năm 2012⁴. Chúng tôi tin rằng đây là thời điểm vàng để cập nhật quy hoạch tổng thể về nông nghiệp Việt Nam đến năm 2030 trên nền tảng Luật Chăn nuôi 2018. Ngài Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Nguyễn Xuân Cường cũng đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hình thành kết nối mạnh mẽ giữa sản xuất và nhu cầu; đồng thời, ngành nông nghiệp Việt Nam cũng sẽ được tái cơ cấu lại và quy hoạch sản xuất các sản phẩm chính ở cấp quốc gia, tỉnh, thành và xã để đáp ứng mục tiêu xuất khẩu trong tương lai⁵. Cả Luật Chăn nuôi 2018 và định hướng mới nhất của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đều đặt ra một câu hỏi thú vị là tổng mức tiêu thụ nội địa và tiềm năng xuất khẩu trong tương lai có thể được xác định và dự báo chính xác như thế nào để quy hoạch nông nghiệp có thể được thực hiện một cách phù hợp.

Chúng tôi lưu ý rằng sự kết nối giữa sản xuất và nhu cầu được nêu bởi Ngài Bộ Trưởng, là một cách tiếp cận đầy đủ mới giúp giảm thiểu rủi ro trong bối cảnh có những thách thức mới trong tương lai. Bằng việc lên kế hoạch định hướng đến năm 2030, chúng ta có thể xem xét tình hình hiện tại và thấy rằng sự bùng phát ASF ở Trung Quốc ảnh hưởng đến cả hoạt động sản xuất và thương mại của Việt Nam; sự gia tăng hoạt động xuất khẩu biên giới từ Việt Nam sang Trung Quốc và khối lượng xuất khẩu chính ngạch gia tăng từ các nước khác sang Trung Quốc sẽ gây lo ngại cho các hoạt động cung ứng và nhập khẩu của Việt Nam⁶. Thách thức trong việc quản lý tổng

¹ “Dịch tả lợn châu Phi: lượng lợn Trung Quốc có thể giảm 55%”, cnbc.com. Xem tại: <https://www.cnbc.com/2019/10/03/african-swine-fever-chinas-pig-population-may-drop-by-55percent.html>, truy cập lần cuối ngày 2 tháng 10 năm 2019.

² “Nhu cầu ngô của Việt Nam đối với thức ăn thịt lợn trong thời kỳ dịch tả lợn châu Phi”, spglobal.com. Xem tại: <https://www.spglobal.com/platts/en/market-insights/latest-news/agriculture/090919-vietnams-corn-demand-for-pork-feed-falls-on-african-swine-fever>, truy cập lần cuối ngày 9 tháng 9 năm 2019.

³ “CPI tháng 10 đạt mức cao nhất trong ba năm”, vietnamnews.vn. Xem tại <https://vietnamnews.vn/economy/537623/octobers-cpi-reaches-three-year-high.html#pEdcxvCS03LaJYp.97>, truy cập lần cuối ngày 30 tháng 10 năm 2019.

⁴ Quyết định 124/QĐ-TOT ngày 2/2/2012 của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030.

⁵ “Việt Nam tìm cách đẩy mạnh sản xuất, tiêu dùng” vietnamnews.vn. Xem tại <https://en.vietnamplus.vn/vietnam-seeks-to-boost-agricultural-production-consumption/147739.vnp>, truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2019.

⁶ “Tăng giá thịt lợn ở Trung Quốc một nam châm cho thương nhân Việt Nam” vnexpress.net. Xem tại: <https://e.vnexpress.net/news/business/industries/increasing-pork-prices-in-china-a-magnet-for-vietnamese-traders-3979439.html>, truy cập lần cuối ngày 9 tháng 9 năm 2019.

cung lợn và thịt lợn ở Việt Nam cho thấy một kế hoạch quốc gia cho cả cung và cầu phải xem xét các kịch bản toàn cầu khác nhau về hoạt động thương mại toàn cầu.

Chúng tôi khuyến nghị một cách tiếp cận gồm ba giai đoạn để lập kế hoạch chăn nuôi liên kết với nhu cầu như sau:

- Giai đoạn 1: Hiểu và dự báo tổng nhu cầu, hoạt động xuất nhập khẩu, cụ thể là: Tổng lượng tiêu thụ protein tại Việt Nam; Hoạt động xuất nhập khẩu biên giới tại Việt Nam; Tiềm năng xuất khẩu; Hoạch định nhập khẩu; và Tình hình giao thương toàn cầu.
- Giai đoạn 2: Xem xét các mục tiêu dài hạn của ngành chăn nuôi khi tái cơ cấu lại quy hoạch nông nghiệp, bao gồm nhưng không giới hạn trong các vấn đề như sau: truy xuất nguồn gốc, an toàn và an ninh lương thực, và cải thiện mức sống của nông dân.
- Giai đoạn 3: Xây dựng kế hoạch chăn nuôi năm 2030 trong việc xem xét tổng thể tất cả các phân ngành và tích hợp vào một chính sách Nông Nghiệp – Thực Phẩm toàn diện.

Chính sách Nông Nghiệp – Thực Phẩm toàn diện mới phải bao gồm tất cả các phân ngành quan trọng đối với an ninh lương thực của Việt Nam bao gồm gạo, thủy sản, chăn nuôi, trồng trọt, nông nghiệp giá trị cao, hóa chất nông nghiệp và du lịch nông nghiệp.

Tác động tổng hợp của ASF và dịch COVID-19 đã gây ra những ảnh hưởng nghiêm trọng đến nông dân và ngành nông sản Việt Nam cho đến tận ngày nay. Gói hỗ trợ kịp thời về giảm tổn thất thu nhập và tiếp cận tài chính cho nông dân là điều cần thiết để lấy lại lòng tin của nông dân và tăng cường năng lực cho họ nhằm phục hồi trong ngắn hạn. Hơn nữa, do thị trường xuất khẩu và chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn, sự hỗ trợ từ Chính phủ cho nông dân để nhanh chóng thu hồi xuất khẩu sang Liên minh châu Âu, Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc và các thị trường khác là rất quan trọng trong ngắn hạn và trung hạn. Việc triển khai Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu cũng là cơ hội về lâu dài mà Chính phủ cam kết mạnh mẽ để phát triển nông sản Việt Nam và phục hồi nhanh hơn từ năm 2021 trở đi.

2. Tiến tới việc cấm chất Azodicarbonamide trong công nghiệp thực phẩm

Kali bromate (e924) đã bị cấm vào năm 2015 ở Việt Nam, và đã bị loại khỏi danh sách phụ gia thực phẩm. Việc thực thi lệnh này kéo dài vài năm vì rất khó xác định việc sử dụng phụ gia như vậy trong ngành làm bánh, mà đây không phải là ngành nổi bật trong nhiều năm. Theo Công văn 62/ATTP-SP của Cục An Toàn Thực phẩm⁷, các cơ quan nhà nước Việt Nam đã thi hành lệnh cấm, cung cấp một môi trường làm việc lành mạnh hơn cho người làm bánh, và cuối cùng là tạo nên một hình ảnh tốt hơn về ngành công nghiệp bánh mì trong khu vực. Ngành công nghiệp trong nước không chịu bất kỳ tổn thất nào về việc làm hay tiêu dùng, và thực tế lệnh cấm đã chứng minh ngành công nghiệp làm bánh Việt Nam có thể thích nghi với các quy định chặt chẽ hơn, khi được chứng minh và giải thích cho các bên liên quan. Kết quả là, ngành công nghiệp bánh của Việt Nam đã chứng kiến sự gia tăng xuất khẩu và hiện nay được xem xét nhiều hơn về việc cung cấp bánh mì trong khu vực dưới các hình thức khác nhau.

Sau khi lệnh cấm Kali Bromate được thi hành, một số nhà sản xuất phụ gia bánh mì trong nước đã bắt đầu sử dụng Azodicarbonamide như một phụ gia thay thế. Những phụ gia bánh mì này chủ yếu được tiêu thụ bởi các tiệm bánh thủ công (đại diện cho phần lớn nhà sản xuất bánh mì trong nước), chủ yếu là vì lợi ích về “giá trên mỗi ki-lô-gam”. Azodicarbonamide (ADA) là một chất oxy hóa. Azodicarbonamide được sử dụng chính trong ngành cao su và ngành nhựa như là một tác

⁷ Công văn 62 /ATTP-SP ngày 13 tháng 1 năm 2015 của Cục An toàn Thực phẩm về việc cấm sử dụng chất Kali Bromate trong sản phẩm thực phẩm.

nhân tạo nở. Nó được sử dụng cho mục đích tăng thể tích của các polymers, bao gồm polyvinyl chloride, polyolefins, cao su tự nhiên và tổng hợp.

Mối đe dọa đối với sức khỏe con người của ADA vẫn đang được nghiên cứu, nhưng hầu hết các quốc gia đều cấm nó như một biện pháp phòng ngừa. Ngày nay việc sử dụng ADA trong thực phẩm bị cấm ở châu Âu, Úc, Newzealand, Ấn Độ, Singapore, Nhật bản, Indonesia, Philipine, và Hồng Kông. Ở châu Âu, trong ngành thực phẩm, ADA đã bị cấm tại các quốc gia thuộc thành viên Liên minh châu Âu. Kể từ năm 2005 Liên Minh châu Âu cũng đã cấm ADA có trong các nguyên liệu thực phẩm (SEM có thể hiện diện trong thực phẩm là do từ miếng đệm làm kín trong nắp kim loại của chai lọ).

Việt Nam đã đưa ADA (e927a) vào danh sách các loại phụ gia được phép sử dụng và cho phép các nhà sản xuất và nhà nhập khẩu đăng ký các chất phụ gia bánh mì có chứa chất này. Cho đến nay, chỉ những nhà sản xuất trong nước cung cấp công thức có chứa ADA, để phục vụ cho phân khúc thị trường thủ công, vì ở đây vấn đề an toàn thực phẩm ít được quan tâm hơn, và vì thương hiệu của nhà sản xuất không phải là ưu tiên hàng đầu. Để bảo vệ thương hiệu, tất cả các nhà sản xuất bánh mì lớn gồm các công ty quy mô công nghiệp, chuỗi siêu thị, chuỗi cửa hàng bánh đã không còn sử dụng ADA trong công thức làm bánh của họ nữa. Vì các thương hiệu này không muốn sản phẩm của họ liên quan đến chất phụ gia vẫn còn đang gây tranh cãi này.

Quá trình quyết định xem xét việc áp dụng ADA bởi Codex có thể mất vài năm trước khi đi đến kết luận khoa học. Tiểu ban khuyến nghị Việt Nam tham gia cộng đồng các quốc gia đã quyết định không cho phép sử dụng ADA trong các ứng dụng thực phẩm.

Đề cập đến danh mục chất phụ gia thực phẩm đang được áp dụng trong Luật An Toàn Thực phẩm, chúng tôi cho rằng Azodicarbonamide (e927a) cần được loại bỏ và cấm để nâng cấp ngành bánh mì của đất nước. EuroCham FAABS rất vui được trao đổi thêm với Cục An toàn Thực phẩm và Bộ Công Thương về chủ đề này và cơ sở khoa học liên quan.

Chúng tôi khuyến nghị ADA bị loại bỏ khỏi danh sách chất phụ gia được sử dụng nhằm đảm bảo nó không còn trên thị trường. Nếu Cục An toàn Thực phẩm Việt Nam quyết định duy trì ADA như một phần của danh sách các chất được sử dụng thì việc sử dụng phải được quy định trong luật, cho phép người tiêu dùng nhận thức được những gì đang được sử dụng. Vì Codex Alimentarius ngày nay xem ADA là một chất phụ gia được khuyến nghị cần phải “giới hạn sử dụng” cụ thể là về liều lượng. Cho dù lệnh cấm hay quy định chặt chẽ hơn được thực hiện, cần áp dụng một giai đoạn chuyển tiếp, để các nhà sản xuất và thợ làm bánh trong nước điều chỉnh trước khi thực thi pháp luật.

B. Tiểu ban Thực phẩm Dinh dưỡng

1. Sự mâu thuẫn trong các văn bản hướng dẫn của Hải quan với biểu thuế hiện hành

Công văn 7183/TCHQ-TXNK của Tổng cục Hải quan hướng dẫn “*các sản phẩm thực phẩm bổ sung/thực phẩm bảo vệ sức khỏe/thực phẩm chức năng dạng lỏng... thuộc nhóm 2202*”, nhưng không biết rằng nhóm Thực Phẩm Chức Năng bao gồm cả Thực Phẩm Dinh Dưỡng Y tế (quy định bởi Thông tư 43/2014/TT-BYT của Bộ Y tế). Thực phẩm Y tế đã được phân loại vào các nhóm 1901 và 2106 theo Biểu thuế hiện hành. Hướng dẫn này của Hải quan mâu thuẫn với Biểu thuế hiện hành dẫn đến nhiều khó khăn cho nhà nhập khẩu cũng như cơ quan Hải quan địa phương trong việc thực hiện.

EuroCham đã nêu vấn đề này trong hội thảo về Sách Trắng 2020 ngày 30 tháng 6 năm 2020. Đại diện của Tổng Cục Hải Quan, Bộ Tài chính đã hứa sẽ trả lời nhưng đến nay vẫn chưa có phản hồi

hoặc hướng dẫn chính thức nên chúng tôi một lần nữa khuyến nghị Tổng Cục Hải quan làm rõ, hoặc nếu có thể, bỏ cụm từ “thực phẩm chức năng” trong Công văn 7183/TCHQ-TXNK. Nếu có vướng mắc trong việc phân loại các sản phẩm chỉ kê khai chung chung là thực phẩm chức năng, chúng tôi đề nghị Tổng Cục Hải quan nên phối hợp, lấy ý kiến Bộ Y tế và các Bộ, ngành, đơn vị liên quan như Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính để xác định chính xác phân loại của các sản phẩm này nhằm áp dụng thuế quan chính xác và phù hợp cho các sản phẩm.

2. Vướng mắc về danh mục các chất phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm

Dự thảo ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Thông tư 24/2019/TT-BYT quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm (“Thông tư 24”) đã có các điều khoản rất tiến bộ để cập nhật danh mục các chất phụ gia, cụ thể là các khoản 1 và 4 điều 15 của Dự thảo. Tuy nhiên các điều khoản tiến bộ này đã bị bỏ ra khỏi Thông tư 24 khi ban hành, dẫn đến vấn đề nghiêm trọng làm sản xuất-kinh doanh thực phẩm ở Việt nam bị lạc hậu so với thế giới, do danh mục này không được cập nhật theo tiêu chuẩn Codex. Danh mục này không có nhiều phụ gia được công nhận là an toàn và sử dụng rộng rãi ở các nước tiên tiến như Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu. Ngoài ra danh mục này chỉ công nhận hương liệu thực phẩm được Ủy ban Chuyên gia về Phụ gia Thực phẩm của FAO và WHO (JECFA) đánh giá, không có hương liệu thực phẩm được các tổ chức Hiệp hội các nhà sản xuất hương liệu và các chất chiết xuất FEMA, IOFI đánh giá, mặc dù các quốc gia trong khu vực và hầu hết các nước trên thế giới cho phép sử dụng hương liệu thực phẩm được các tổ chức khác đánh giá như Cơ quan Quản lý Khẩn cấp Liên bang (FEMA), Tổ chức Quốc tế về Ngành Hương liệu (IOFI). Vì vậy, các nhà sản xuất/kinh doanh thực phẩm ở Việt Nam không thể ứng dụng nhiều tiến bộ khoa học, nên bị tụt hậu và mất lợi thế cạnh tranh.

Chúng tôi khuyến nghị Bộ Y tế sớm sửa đổi Thông tư 24 theo hướng khôi phục các khoản 1 và 4 điều 15 trong dự thảo ngày 30 tháng 10 năm 2018 của chính thông tư này, cụ thể là: cho phép tự động cập nhật danh mục phụ gia theo tiêu chuẩn Codex; cho phép đăng ký các thực phẩm chứa phụ gia mới khi đã được nước xuất xứ chứng nhận là an toàn; bổ sung thêm các phụ gia được công nhận là an toàn và sử dụng rộng rãi ở các nước tiên tiến như Liên minh châu Âu, Hoa Kỳ, v.v.; các hương liệu thực phẩm được các tổ chức FEMA, IOFI đánh giá.

3. Thủ tục cấp giấy chứng nhận y tế cho các sản phẩm thực phẩm xuất khẩu còn phức tạp và tốn thời gian

Hiện tại Thủ tục cấp giấy chứng nhận y tế cho các sản phẩm thực phẩm xuất khẩu do Bộ Y Tế quản lý phải theo quy trình 2 vòng phức tạp và tốn thời gian không cần thiết, ảnh hưởng đến xuất khẩu. Vòng 1: kiểm nghiệm ở phòng kiểm nghiệm được Bộ Y tế chỉ định; Vòng 2: nộp giấy kiểm nghiệm lên Cục An toàn Thực phẩm để được cấp giấy chứng nhận y tế (mất thêm 5 ngày làm việc).

Trong khi đó, thủy sản cũng là thực phẩm, nhưng thủ tục cấp chứng thư xuất khẩu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tại Điều 30⁸ và Điều 32⁹ Thông tư 48/2013/TT-BNNPTNT (“**Thông tư 48**”) chỉ cần theo quy trình một vòng sẽ rất nhanh chóng: Cơ quan kiểm tra, chứng nhận cử kiểm tra viên thực hiện kiểm tra, lấy mẫu kiểm nghiệm lô hàng trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, và cấp chứng thư luôn, không phải gửi kết quả kiểm nghiệm lên Bộ.

⁸ Điều 30 Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT quy định về kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu:

“1. Cơ quan kiểm tra, chứng nhận cử kiểm tra viên thực hiện kiểm tra, lấy mẫu kiểm nghiệm lô hàng trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày Chủ hàng đề nghị hoặc theo thời gian đã được thống nhất giữa Chủ hàng và Cơ quan kiểm tra, chứng nhận.

2. Nội dung, thủ tục kiểm tra lô hàng thực hiện theo quy định tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này.”

⁹ Điều 32 Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT quy định về kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu:

1. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ khi lô hàng được xuất khẩu, Chủ hàng phải cung cấp bằng văn bản đầy đủ các thông tin cần thiết quy định trong mẫu chứng thư theo yêu cầu của Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu cho Cơ quan kiểm tra, chứng nhận để cấp Chứng thư. Trong vòng 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ thông tin, Cơ quan kiểm tra, chứng nhận cấp Chứng thư cho lô hàng xuất khẩu theo mẫu của thị trường nhập khẩu tương ứng nếu kết quả kiểm tra, kiểm nghiệm lô hàng đạt yêu cầu.

2. Sau thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kiểm tra, nếu Chủ hàng không cung cấp đầy đủ thông tin cho Cơ quan kiểm tra, chứng nhận để cấp Chứng thư, Chủ hàng phải thực hiện đăng ký kiểm tra như quy định tại Điều 29 Thông tư này”.

Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn có phân loại đối tượng ưu tiên dựa trên quản lý rủi ro: Đối với những cơ sở đạt chứng chỉ VietGap chỉ cần lấy mẫu 2 tháng 1 lần, từ đó khuyến khích các doanh nghiệp nâng cao quản lý chất lượng.

Để tạo thuận lợi cho xuất khẩu, đề nghị Bộ Y tế sửa đổi Thông tư 52/2015/TT-BYT giống như Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã làm trong Thông tư 48/2013/TT-BNNPTNT (Thông tư 48), cụ thể là cắt giảm 2 vòng trong Thủ tục cấp giấy chứng nhận y tế cho các sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thành 1 vòng: Phòng Kiểm nghiệm được chỉ định lấy mẫu kiểm nghiệm lô hàng, và cấp Giấy chứng nhận y tế ngay khi có kết quả kiểm nghiệm đạt yêu cầu.

Nếu Bộ Y tế cho rằng thật sự cần thiết giữ quy trình 2 vòng thì chúng tôi khuyến nghị giảm thời gian cấp giấy chứng nhận kể từ khi nhận đủ hồ sơ xuống 1 ngày làm việc, giống như Bộ Nông nghiệp & PTNT đã áp dụng khi cấp chứng thư xuất khẩu (Điều 32 Thông tư 48)

Chúng tôi cũng khuyến nghị Bộ Y tế nên có phân loại đối tượng ưu tiên theo mức độ quản lý nguy cơ giống Thông tư 48: các cơ sở có các chứng chỉ quản lý tiên tiến như GMP/HACCP, ISO 22000 chỉ cần lấy mẫu 2 tháng một lần.

4. Vướng mắc về quy định giới hạn vi sinh vật

Công văn 1180/ATTP-PCTTR ngày 18/5/2020 của Cục An toàn Thực phẩm, Bộ Y tế trả lời thư của EuroCham 2804/2020/MOH/EUC-NFG cho biết chưa thể bãi bỏ Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT (“Quyết định 46”) do chưa có văn bản thay thế đối với một số nhóm thực phẩm.

Chúng tôi muốn làm rõ rằng Quyết định 46 do ban hành từ 13 năm trước, nên có một số điểm bất hợp lý, không có cơ sở khoa học, không phù hợp với quy định quốc tế, gây khó khăn cho sản xuất-kinh doanh, cụ thể là:

Mục 6.9 của Quyết định 46/2007/QĐ-BYT cho Thức ăn khô và thức ăn dinh dưỡng cho trẻ em, thức ăn thay thế đặc biệt có quy định giới hạn *Bacillus cereus* rất thấp là 10 CFU/g (ml). Trong khi đó QCVN 8.3: 2012/BYT không quy định giới hạn *Bacillus cereus* cho các thực phẩm cho lứa tuổi >1. Quy định của châu Âu EC 1441/2007 cũng giống như của QCVN 8: 3.

Khái niệm thức ăn khô và thức ăn dinh dưỡng cho trẻ em, thức ăn thay thế đặc biệt trong mục 6.9 của Quyết định 46/2007/QĐ-BYT cũng không được định nghĩa trong bất kỳ văn bản quy phạm pháp luật nào dẫn đến việc suy diễn để áp dụng tùy hứng theo quan điểm của từng cán bộ, gây khó khăn cho doanh nghiệp.

Chúng tôi khuyến nghị Bộ Y tế xem xét lại, ban hành một quyết định mới và bỏ mục 6.9 của Quyết định 46/2007/QĐ-BYT, hoặc bỏ giới hạn *Bacillus cereus* trong mục này nhằm cập nhật những quy định và tiêu chuẩn quốc tế.

C. Croplife Vietnam thuộc Eurocham

Công cụ bảo vệ thực vật và quy trình đánh giá

Các giải pháp và sản phẩm khoa học tiên tiến ứng dụng trong nông nghiệp là một công cụ quan trọng Chính Phủ hoàn thành mục tiêu phát triển bền vững, tăng nhu nhập cho nông dân, ứng phó với biến đổi khí hậu và đảm bảo an ninh lương thực.

Đảm bảo tăng cường khả năng cạnh tranh của nông dân Việt Nam và triển vọng đầu tư phát triển và ứng dụng đổi mới khoa học công nghệ trong nông nghiệp bằng việc phát triển và thực hiện các chính sách pháp lý dựa trên nền tảng khoa học, phù hợp tiêu chuẩn quốc tế, thống nhất và rõ ràng.

Đào tạo nông dân sử dụng các ứng dụng khoa học trong nông nghiệp một cách có trách nhiệm và hiệu quả sẽ tạo ra tác động tích cực hơn so với các quyết định hạn chế sử dụng.

Chúng tôi khuyến nghị rằng Các giải pháp và công cụ bảo vệ thực vật cần được đánh giá thông qua một quy trình pháp lý thống nhất, khoa học và tuân thủ nghiêm ngặt với các quy tắc theo nguyên tắc đánh giá rủi ro được cộng đồng quốc tế công nhận. Các quy định pháp lý dựa trên khoa học, có thể dự đoán được về công nghệ biến đổi gen đang hiện hành tại Việt Nam cần phải được tuân thủ và thực thi đầy đủ để giúp đạt được các mục tiêu về phát triển bền vững và nâng cao thu nhập cho nông dân trong nước. Nông dân Việt Nam cần phải được khuyến khích tiếp cận với các sản phẩm về bảo vệ thực vật và công nghệ sinh học tiên tiến nhất trên thế giới thông qua các chương trình tập huấn và hướng dẫn sử dụng bài bản. Điều này đảm bảo rằng họ sẽ tiếp tục có thể sử dụng các công nghệ đó một cách có trách nhiệm để tiếp tục sản xuất thêm các sản phẩm có chất lượng, an toàn và phải chăng cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

II. Chăm sóc sức khỏe bền vững và cung cấp các thiết bị y tế

A. Tiểu ban Thiết bị y tế và chẩn đoán thuộc EuroCham

1. Mô hình đặt máy, mượn máy trong bệnh viện

Nghị định 151/2017/NĐ-CP chưa quy định hình thức mượn máy, đặt máy, cũng như chưa hướng dẫn cụ thể việc thực hiện cho một số các hình thức xã hội hóa như hình thức cho thuê. Hiện nay các bệnh viện và doanh nghiệp đang gặp khó khăn vì mô hình đặt máy, mượn tồn tại lâu nhưng chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể, dẫn đến khó khăn trong thanh toán bảo hiểm.

Thông báo 1039/TB-BYT-BHXHVN ngày 02 tháng 10 năm 2018 kết luận hội nghị giao ban giữa Bộ Y tế và Bảo hiểm Xã hội Việt Nam là: tiếp tục thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế của các dịch vụ kỹ thuật thực hiện bằng các máy do các đơn vị trúng thầu vật tư, hóa chất cho mượn hoặc đặt theo kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật đấu thầu và hợp đồng đã ký; sau khi hết hợp đồng nếu tiếp tục thực hiện thì phải thực hiện theo quy định của Nghị định 151/2017/NĐ-CP về quản lý, sử dụng tài sản công. Tuy nhiên, Nghị định 151/2017/NĐ-CP chưa quy định hình thức mượn máy, đặt máy, cũng như chưa hướng dẫn cụ thể việc thực hiện cho một số các hình thức xã hội hóa như hình thức cho thuê. Hiện nay một số máy đặt, máy mượn đã hết hợp đồng trong khi bệnh viện, doanh nghiệp chưa có hướng xử lý do thiếu văn bản thống nhất hướng dẫn cho cơ sở y tế và các bên liên quan thực hiện.

Với mục tiêu chung đảm bảo minh bạch, công khai, hài hòa lợi ích giữa cơ sở khám, chữa bệnh, người bệnh và quỹ bảo hiểm y tế; nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho người dân và hiện đại hóa công tác xét nghiệm, chẩn đoán. Chúng tôi kính mong Chính phủ, Bộ Y tế, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam và các cơ quan quản lý tiếng hành những bước như sau:

- Bổ sung hình thức công ty trúng thầu hóa chất, vật tư mang máy đến đặt để đơn vị sử dụng vật tư, hóa chất đã trúng thầu vào hệ thống văn bản chính thức thống nhất giữa Bộ Tài Chính, Bộ Y Tế và Bảo hiểm Xã hội nhằm tạo một hành lang pháp lý công khai và minh bạch.
- Cho đến khi có Chính phủ ban hành quy định sửa đổi, bổ sung thì tiếp tục cho phép gia hạn hợp đồng đã hết hạn, thanh toán các dịch vụ kỹ thuật chạy trên máy đặt và mượn áp dụng mô

hình công ty trúng thầu hóa chất, vật tư mang máy đến đặt để đơn vị sử dụng vật tư, hóa chất đã trúng thầu.

- Ban hành văn bản và hướng dẫn cho cơ sở y tế và các bên liên quan thực hiện. Tiến hành phổ biến các văn bản, huấn luyện các bên liên quan giúp các đơn vị thấu hiểu chính sách rõ ràng để thực hiện đúng và tuân thủ theo pháp luật.

2. Thuế giá trị gia tăng (“GTGT”) áp dụng cho trang thiết bị y tế nhập khẩu

Theo Nghị định 36/2016/NĐ-CP (Nghị định 36) và Nghị định 169/2018/NĐ-CP (Nghị định 169), việc phân loại trang thiết bị y tế được thực hiện bởi cơ sở đã công bố đủ điều kiện phân loại trang thiết bị y tế, còn Bộ Y tế không thực hiện phân loại trang thiết bị y tế.

Mặc dù có quy định trong Nghị định 36 và Nghị định 169, các cơ quan thuế và hải quan vẫn yêu cầu doanh nghiệp cung cấp xác nhận của Bộ Y tế cho trang thiết bị y tế nhập khẩu. Cụ thể, doanh nghiệp phải cung cấp xác nhận của Bộ Y tế để được áp dụng thuế suất thuế GTGT 5% cho thiết bị chuyên dùng, vật tư hóa chất xét nghiệm, diệt khuẩn dùng trong y tế không được đề cập tại Thông tư 26/2015/TT-BTC và Thông tư 83/2014/TT-BTC. Do đó, nhiều mặt hàng trang thiết bị y tế nhập khẩu mà theo Nghị định 36 và Nghị định 169 được phân loại là trang thiết bị y tế hiện nay không được hưởng thuế suất thuế GTGT 5%, ví dụ như:

- Sản phẩm trang thiết bị y tế loại A đã có phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng trang thiết bị y tế loại A do Sở Y tế cấp theo quy định tại Nghị định 36 và Nghị định 169;
- Sản phẩm trang thiết bị y tế loại B, C hoặc D đã có kết quả phân loại TTBYT nhưng không nằm trong Danh mục trang thiết bị y tế phải cấp giấy phép nhập khẩu theo Thông tư 30/2015/TT-BYT;
- Các sản phẩm là vật liệu, vật tư tiêu hao, phần mềm (software), phụ kiện và khí y tế được xác định là TTBYT và đã có bản phân loại trang thiết bị y tế là A, B, C hoặc D.

Chúng tôi được biết Bộ Tài chính đang soạn dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 83/2014/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn. Tuy nhiên, chúng tôi muốn lưu ý rằng Thông tư 26/2015/TT-BTC cũng là một trở ngại lớn cần được quan tâm. Vấn đề này kéo dài trong thời gian dài đã ảnh hưởng rất lớn đến các doanh nghiệp nhập khẩu trang thiết bị y tế.

Chúng tôi kiến nghị Bộ Tài chính cần ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện việc áp dụng thuế suất thuế GTGT cho TTBYT, theo Nghị định 36/2016/NĐ-CP và Nghị định 169/2018/NĐ-CP; đưa ra lộ trình cụ thể cho việc sửa đổi các văn bản hướng dẫn như Thông tư 26/2015/TT-BTC và Thông tư 83/2014/TT-BTC trong thời gian sớm nhất. Chúng tôi cũng mong Bộ Tài chính công bố dự thảo các Thông tư sửa đổi để doanh nghiệp đóng góp ý kiến trước khi ban hành theo đúng quy trình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam.

B. Tiểu ban Dược phẩm (Pharma Group)

Việt Nam, so với nhiều quốc gia khác trên thế giới, đang liên tục mở rộng độ bao phủ Bảo hiểm y tế và quản lý tốt ngân sách. Chính phủ có quyết tâm cao độ trong việc cải cách thủ tục hành chính ở tất cả các Bộ ngành, hướng đến một môi trường đầu tư và kinh doanh thuận lợi hơn, và chúng tôi rất cảm kích vì điều này.

Ngoài sứ mệnh nêu trên, ngành dược phẩm phát minh với cam kết lâu dài tại Việt Nam, hiện đang tích cực xem xét các lĩnh vực khác mà chúng tôi có khả năng đóng góp dựa trên kinh nghiệm

chuyên môn từ các hoạt động toàn cầu của mình, mở rộng đầu tư và hỗ trợ Chính phủ trong việc đưa hệ thống y tế quốc gia lên cấp độ phát triển tiếp theo.

Để làm được điều này, các công ty rất cần một môi trường hoạt động bền vững và mang tính dự báo, đặc biệt về khung pháp lý. Chúng tôi đã nhìn thấy những bước phát triển tích cực trong các quy định gần đây và tin rằng có những cơ hội để tăng cường hợp tác nhằm tiếp tục nâng cao khả năng tiếp cận thuốc của người bệnh và cải thiện môi trường đầu tư:

1. Hướng đến những giải pháp tài chính y tế bền vững

Ngành dược phẩm phát minh đang rất tích cực nhằm (i) trong ngắn hạn trước mắt, hỗ trợ thực thi thành công chính sách đấu thầu thuốc đáp ứng được các mục tiêu ngân sách y tế của Chính phủ, đồng thời đảm bảo khả năng tiếp cận thuốc của bệnh nhân, và (ii) trong trung và dài hạn, tiếp tục đóng góp chuyên môn toàn cầu của chúng tôi để phát triển các giải pháp tài chính y tế, nhằm duy trì tốt cân bằng tài chính và thúc đẩy phát triển ngành.

2. Tiếp tục thúc đẩy cải cách toàn diện thủ tục hành chính ở các Bộ ngành, đảm bảo sự hài hòa về các quy định pháp lý với tiêu chuẩn quốc tế, và tránh những thay đổi đột ngột/không phù hợp với thực tiễn trong chính sách, gây ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh và các gián đoạn trong hệ thống y tế.

Ngành dược phẩm phát minh hoàn toàn tin tưởng vào khả năng và tiềm năng của Việt Nam trong việc trở thành quốc gia đi đầu trong khu vực về chất lượng y tế, đặc biệt như đã được thể hiện trong cuộc chiến chống lại dịch COVID-19.

III. Sự lựa chọn của người tiêu dùng

A. Tiểu ban Mỹ phẩm thuộc EuroCham

1. Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm nhập khẩu

Khoản 1 Điều 10, Nghị định 69/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của luật quản lý ngoại thương “ban hành Danh mục hàng hóa và thẩm quyền quản lý CFS quy định tại Phụ lục V, trong đó bao gồm nhóm sản phẩm Mỹ phẩm” và Khoản 3. Điều 10 quy định: “3. *CFS phải có tối thiểu các thông tin sau: a) Tên cơ quan, tổ chức cấp CFS; b) Số, ngày cấp CFS; c) Tên sản phẩm, hàng hóa được cấp CFS; d) Loại hoặc nhóm sản phẩm, hàng hóa được cấp CFS; đ) Tên và địa chỉ của nhà sản xuất; e) Trên CFS phải ghi rõ là sản phẩm, hàng hóa được sản xuất và được phép bán tự do tại thị trường của nước sản xuất hoặc nước cấp CFS; g) Họ tên, chữ ký của người ký CFS và dấu của cơ quan, tổ chức cấp CFS.*”

Giấy chứng nhận lưu hành tự do không chứng nhận về chất lượng cũng như sự an toàn của sản phẩm. Sản phẩm có CFS, trong nhiều trường hợp, không thực sự được lưu hành tại quốc gia cấp CFS. Vì vậy, trong thực tế CFS không đảm bảo chất lượng của sản phẩm và không hỗ trợ trong việc quản lý mỹ phẩm mà đơn thuần chỉ là một thủ tục hành chính bổ sung không cần thiết.

Thêm vào đó, tình hình COVID đang gia tăng nghiêm trọng tại nhiều nước trên thế giới dẫn đến việc các văn phòng/ công sở tại các quốc gia này phải đóng cửa hoặc chuyển sang phương thức làm việc tại nhà, điều này khiến cho thời gian để xin cấp CFS – một giấy chứng nhận mang tính thủ tục hành chính kéo dài hoặc bị đình trệ. Hơn nữa, kể từ khi EVFTA chính thức có hiệu lực từ 1.8.2020, Bộ Y tế không thể phân biệt đối xử các sản phẩm có xuất xứ từ các nước thành viên Liên minh châu Âu bằng cách từ chối miễn áp dụng CFS trong khi chấp nhận miễn CFS đối với sản phẩm có xuất xứ các nước thành viên CPTPP.

Mỹ phẩm là ngành hàng tiêu dùng nhanh và thay đổi liên tục. Chúng tôi khuyến nghị bỏ Mỹ phẩm khỏi danh mục hàng hóa yêu cầu CFS khi nhập khẩu. Đây là yêu cầu không cần thiết trong khi làm chậm tốc độ doanh nghiệp đưa hàng vào thị trường VN, giảm tính cạnh tranh của Thị trường Việt Nam và bởi vì sự miễn trừ như vậy đã dành cho các sản phẩm có xuất xứ từ CPTPP chứ không phải các sản phẩm có xuất xứ EVFTA. Trong thời gian Bộ Y tế nghiên cứu đề xuất của chúng tôi cũng như trong thời gian tình hình dịch COVID-19 đang gia tăng nghiêm trọng, chúng tôi khuyến nghị Bộ Y tế chấp nhận bản CFS điện tử mà không cần hợp pháp hóa lãnh sự. Doanh nghiệp cam kết chịu trách nhiệm về tính pháp lý của tài liệu và sẽ bổ sung CFS hoàn chỉnh sau khi dịch COVID -19 kết thúc.

2. Quảng cáo mỹ phẩm

Việc yêu cầu các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt bao gồm mỹ phẩm cần phải có xác nhận về nội dung quảng cáo từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi thực hiện quảng cáo không được yêu cầu trong Luật Quảng cáo, cụ thể trong khoản 4.b Điều 20 Luật Quảng cáo quy định điều kiện để một sản phẩm mỹ phẩm được quảng cáo là phải có phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm theo quy định hiện hành¹⁰. Trong thực tiễn, chúng tôi nhận thấy rằng việc yêu cầu phải có phê duyệt quảng cáo không có ý nghĩa nhiều về mặt quản lý và giải quyết các tranh chấp so với việc tập trung thanh kiểm tra hoạt động quảng cáo cụ thể trên thị trường. Trong khi đó điều này lại làm chậm quy trình đưa sản phẩm ra thị trường Việt Nam so với các nước trong khu vực và thế giới, cũng như làm tăng đáng kể chi phí cho doanh nghiệp. Hình thức bán hàng qua các cửa hàng truyền thống đang được Chính phủ khuyến khích chuyển sang hình thức kinh doanh trên các sàn thương mại điện tử do các cửa hàng bị yêu cầu đóng cửa để phòng, chống dịch. Việc yêu cầu phải xác nhận nội dung thông tin sản phẩm bán trên sàn thương mại điện tử đã gây nhiều trở ngại cho doanh nghiệp. Thêm vào đó, theo yêu cầu về giãn cách xã hội, cơ quan quản lý ở các địa phương khác nhau cũng đang áp dụng các phương thức làm việc khác nhau dẫn đến việc đình trệ trong các hoạt động cấp phép, làm kéo dài thời gian xin xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm và điều này gây ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Chúng tôi khuyến nghị Chính phủ bãi bỏ yêu cầu phê duyệt nội dung quảng cáo mỹ phẩm và tập trung vào khâu hậu kiểm nhằm đảm bảo tính nhất quán trong hệ thống pháp luật cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trong thời gian chờ đợi các cơ quan có thẩm quyền xem xét đề xuất của chúng tôi, chúng tôi khuyến nghị bãi bỏ yêu cầu phê duyệt thông tin sản phẩm được bán trên sàn thương mại điện tử do tốc độ thay đổi sản phẩm trên sàn thương mại điện tử là rất nhanh trong khi chúng tôi mất khá nhiều thời gian chờ việc xác nhận cho các nội dung này. Đặc biệt trong giai đoạn COVID-19, chúng tôi khuyến nghị Chính phủ cho phép doanh nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các nội dung này.

3. Thủ tục đăng ký các chế phẩm diệt khuẩn kéo dài và phức tạp

Quy trình đăng ký các sản phẩm sát trùng, đặc biệt là những sản phẩm rất quan trọng để chống lại COVID-19 như chất khử trùng tay và các sản phẩm khử trùng bề mặt, hiện nay còn kéo dài và phức tạp. Đây là các sản phẩm thông dụng được sử dụng rất phổ biến để bảo đảm vệ sinh sức khỏe cho người dân, đặc biệt quan trọng và cần thiết cho đời sống người dân trong giai đoạn dịch COVID-19.

¹⁰ Điều 20.4b, Luật Quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012: “Điều kiện quảng cáo: Có tờ thông báo mỹ phẩm theo quy định của pháp luật về thuốc khi quảng cáo mỹ phẩm.”

Theo Nghị định 91/2016/NĐ-CP về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực diệt côn trùng, diệt khuẩn, thủ tục đăng ký dài và phức tạp cho các sản phẩm diệt khuẩn, đặc biệt là các sản phẩm thiết yếu trong việc chống dịch COVID-19 như dung dịch diệt khuẩn trên tay và dung dịch diệt khuẩn các bề mặt. Quy trình cấp phép hiện nay đang kéo dài từ 4-6 tháng, thậm chí có nhiều hồ sơ kéo dài đến 12 tháng. Chúng tôi kính đề nghị Bộ Y tế xem xét rút ngắn quy trình cấp phép cho các sản phẩm này và sớm đưa quy trình cấp phép lên online cấp độ 4. Chúng tôi cũng đề nghị Quý Bộ chấp nhận các kết quả kiểm nghiệm, khảo nghiệm ở các phòng kiểm nghiệm đạt chuẩn ở nước ngoài thay vì doanh nghiệp phải làm lại ở Việt Nam, đặc biệt là trong bối cảnh Việt Nam chưa có quy trình khảo nghiệm Virus SARS CoV-2 được chấp nhận bởi Bộ Y tế.

Chúng tôi mong Bộ Y tế sớm có những quy định cụ thể nhằm giải quyết các vấn đề nêu trên, hỗ trợ kịp thời để các sản phẩm diệt khuẩn thiết yếu này được nhanh chóng đưa ra thị trường Việt Nam trong thời gian ngắn nhất, tạo nguồn cung cần thiết, đủ để phục vụ cho nhu cầu người dân Việt nam bảo vệ sức khỏe, tiếp tục chống dịch. Điều này cũng rất phù hợp với cách quản lý của các nước trong khu vực. Cụ thể, đối với sản phẩm diệt khuẩn trên tay (Hand Sanitiser) đa số các nước trong khối ASEAN đang duyệt công bố/ đăng ký trong thời gian từ 0-3 ngày, thậm chí Singapore không yêu cầu bất cứ thủ tục phê duyệt nào khi đưa sản phẩm ra thị trường.

B. Tiểu ban Ngành công nghiệp ô-tô và xe máy

1. Công văn 7203/TCHQ-TXNK của Tổng Cục Hải Quan ban hành ngày 11 tháng 11 năm 2020 về rà soát dữ liệu

Tổng cục Hải quan ban hành Công văn 7203/TCHQ-TXNK, có hiệu lực ngay lập tức vào ngày 11 tháng 11 năm 2020 (Công văn 7203) yêu cầu khi làm thủ tục thông quan cần khai báo nhiều chi tiết về loại Sản phẩm, số lượng, chủng loại, thành phần cấu trúc và đặc tính trong trường hợp các bộ phận được làm từ vật liệu hỗn hợp, công suất tính bằng Watt/kW.

Điểm 6 của Công văn 7203 cung cấp một số lý do bối cảnh:

Theo như hướng dẫn của Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 04 năm 2018, số lượng (1) và số lượng (2) là các trường thông tin mà người khai hải quan phải khai báo. Tuy nhiên, số liệu của Cục Thông tin cho thấy chỉ có 2% doanh nghiệp khai chỉ tiêu số lượng (2) trên tờ khai hải quan. Ngoài ra, khi kiểm tra tờ khai hải quan (trường hợp tờ khai luồng vàng, luồng đỏ), công chức hải quan thường không kiểm tra phần khai số lượng (2) trên tờ khai hải quan nên cơ quan hải quan không yêu cầu người khai hải quan phải khai bổ sung khi chỉ tiêu số lượng (2) để trống, không khai báo.

Do vậy, việc thống kê, kiểm tra, đánh giá và xây dựng chính sách quản lý (cụ thể là chính sách giá) đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chưa chính xác, đang gặp vướng mắc. Theo công văn trên, trong tương lai hàng hóa phải khai báo đầy đủ tên hàng, thành phần, tính chất, cấu tạo, hàm lượng và phải có thêm khối lượng của từng mặt hàng và đơn vị đo khối lượng để kê khai vào cột số lượng (2) trên tờ khai để tránh nhầm lẫn khi làm thủ tục nhập hàng.

Nhập khẩu phụ tùng ô tô là những bộ phận phức tạp liên quan đến các vật liệu khác nhau và không có thông tin chi tiết đến mức này.

Kể từ ngày 11 tháng 11 năm 2020, Công văn 7203 đột ngột được áp dụng là một thách thức đối với các nhà sản xuất và nhập khẩu linh kiện ô tô phải đối mặt với yêu cầu đó mà không có sự phối hợp và thông báo trước để chuẩn bị. Do công nghệ phức tạp liên quan đến một số bộ phận, một số thông tin được yêu cầu sẽ không bao giờ có sẵn.

Việc này đang tạo ra thêm sự chậm trễ trong việc thông quan và chi phí cho các công ty và khách hàng. Những chi tiết như vậy không tạo ra bất kỳ giá trị nào và tạo ra một tình huống phức tạp ở Việt Nam thay vì đơn giản hóa hoạt động kinh doanh tại Việt Nam cho các công ty, điều này hoàn toàn ngược lại với mục tiêu của Thủ tướng Chính phủ.

Các văn bản của UNECE đối với hàng hóa từ EU đã được chấp nhận trong khuôn khổ EVFTA, việc thi hành đột ngột văn bản mới như Công văn 7203 là một rào cản kỹ thuật không cần thiết trong thương mại đối với các nhà nhập khẩu EU tại Việt Nam.

Nhằm giải quyết những rào cản lớn đối với việc bảo trì, bảo hành và thu hồi kỹ thuật các phụ tùng ô tô, theo yêu cầu từ các nhà nhập khẩu và lắp ráp, chúng tôi kính đề nghị Tổng cục Hải quan Việt Nam có thể đưa ra thời gian thực hiện linh hoạt là ba năm để cho các nhà sản xuất thời gian cần thiết nhằm xác định và lưu trữ các thông tin đó cũng như đơn giản hóa dữ liệu được yêu cầu.

2. Thông tư số 41/2018/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2018

Quy trình được mô tả trong thông tư đã được thực hiện một phần và các nhà nhập khẩu có thể nhận được chứng chỉ có giá trị 6 tháng và có thể gia hạn, cho phép nhà nhập khẩu bán hàng hóa cho khách hàng. Các quy trình thử nghiệm như hiện tại vẫn chưa thể thực hiện theo đúng yêu cầu như mô tả trong thông tư.

Một vài nội dung dưới đây hiện đang chưa rõ ràng và không được đề cập trong Nghị định 74/2018/ND-CP và Thông tư 41/2018/TT-BGTVT (Thông tư 41)

- Cục Đăng kiểm Việt Nam chưa công bố quy trình đăng kiểm chính thức của phụ tùng ô tô.
- Với một số bộ phận tương tự theo Thông tư 41 đã được đăng ký và đã có chứng chỉ hợp lệ, chính số bộ phận này phải trải qua toàn bộ quá trình chứng nhận một lần nữa ngay cả khi số bộ phận đó được nhập khẩu trong khoảng thời gian 6 tháng.
- Gia tăng chi phí kiểm định: yêu cầu chứng nhận các phụ tùng có mục đích dịch vụ có thể dẫn đến thực tế là nhiều bộ phận sẽ phải trải qua nhiều lần chứng nhận. Ví dụ, một đèn xe phía trước, khi được nhập khẩu để sản xuất hoặc khi nhập khẩu nguyên chiếc, đã được chứng nhận. Tuy nhiên, khi chỉ một bộ phận (trong số 1951 bộ phận của đèn như vậy) cần được thay thế, bộ phận đó cần phải trải qua quá trình chứng nhận thêm một lần nữa. Hơn nữa, đối với các phụ tùng thay thế điển hình như bình xăng nhựa, kính chắn gió hay đèn pha, do độ bền của chúng nên được nhập khẩu với số lượng hạn chế, thậm chí chỉ có một bộ, dùng cho sửa chữa ngẫu nhiên, triệu hồi kỹ thuật hoặc bảo hành. Nếu tất cả các phụ tùng đó đều phải được chứng nhận thì các doanh nghiệp phải nhập số lượng thừa để có đủ mẫu xin chứng nhận. Việc phải nhập khẩu bổ sung này dẫn tới việc giá của sản phẩm gia tăng lên đáng kể.

Chúng tôi khuyến nghị rằng chỉ những phụ tùng thay thế liên quan đến Thông tư 41 không được lắp trên các mẫu xe nhập khẩu nguyên chiếc (CBU) hoặc lắp ráp trong nước (CKD) hoặc khác với mô tả của Nhà sản xuất thiết bị gốc đối với các mẫu đó mới cần được kiểm định theo Thông tư 41 và Nghị định 74.

Điều này sẽ miễn giảm kiểm định đối với các phụ tùng thay thế với mục đích sửa chữa và thay thế đồng thời cho phép các nhà nhập khẩu tuân thủ nghĩa vụ pháp lý của họ về thu hồi kỹ thuật và bảo hành theo Nghị định 116. Chúng tôi khuyến nghị rằng việc chứng nhận như vậy chỉ được thực hiện một lần và chỉ cho lần nhập khẩu đầu tiên các mặt hàng đó.

3. Ưu đãi thuế phí đăng ký xe cho các phương tiện thân thiện với môi trường

Chất lượng không khí là một vấn đề sức khỏe cộng đồng ngày càng được quan tâm đối với người dân sống ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Xe thân thiện với môi trường sử dụng công nghệ mild hybrid, hybrid và hoàn toàn bằng điện. Vì đây là những công nghệ mới nên chi phí sản xuất cao hơn so với các loại xe chỉ sử dụng xăng hoặc dầu diesel.

Chính phủ ban hành Nghị định 70/2020/ND-CP nhằm hỗ trợ cho các loại xe sản xuất, lắp ráp trong nước bằng cách giảm 50% thuế trước bạ cho khách hàng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020. Tuy nhiên, không có ưu đãi đăng ký nào dành cho khách hàng có ý thức bảo vệ môi trường mua các mẫu xe này tại Việt Nam.

Khi việc giảm 50% lệ phí trước bạ đối với các mẫu xe lắp ráp trong nước kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, chúng tôi đề xuất Chính phủ áp dụng mức giảm 50% thuế trước bạ tương tự đối với xe mild hybrid, hybrid và xe chạy hoàn toàn bằng điện vào năm 2021 trong thời gian tối đa là ba nhiều năm để hỗ trợ sự phát triển của các phương tiện thân thiện với môi trường và thể hiện cam kết của họ đối với một xã hội xanh sạch hơn.

III. Nguồn nhân lực và các ngành công nghiệp hỗ trợ khác

A. Tiểu ban Nguồn nhân lực và Đào tạo

1. Dự thảo Nghị định quy định về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, thay thế Nghị định số 11/2016/NĐ-CP¹¹

a/ Số vốn góp tối thiểu để được miễn giấy phép lao động

Điều 7.1 (a) của dự thảo Nghị định quy định rằng chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn có vốn góp từ 5 tỷ Đồng trở lên được miễn giấy phép lao động. Ngưỡng 5 tỷ Đồng đối với nhà đầu tư nước ngoài là một ngưỡng rất cao và sẽ không khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài và đầu tư FDI nếu họ vẫn phải xin giấy phép lao động.

Căn cứ theo Khoản 1, 2 Điều 154 của Bộ Luật Lao động, chúng tôi trân trọng đưa ra đề xuất quy định số vốn góp tối thiểu là 300 triệu Đồng. Theo thực tiễn, đây là số vốn đầu tư được yêu cầu bởi cơ quan chức năng đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Vì vậy, chúng tôi khuyến nghị điều chỉnh số vốn góp tối thiểu để được miễn giấy phép lao động phù hợp với số vốn đầu tư tối thiểu được các cơ quan chức năng áp dụng trên thực tiễn, và để giữ ngưỡng đầu tư được quy định thấp để khuyến khích đầu tư nước ngoài và giúp Việt Nam nhanh chóng hồi phục nền kinh tế hậu đại dịch COVID-19.

Thêm vào đó, các cam kết của Việt Nam trong Chương về Dịch vụ của WTO trích dẫn ngôn ngữ Hiệp định Thương mại về Dịch vụ (GATS - General Agreement on Trade in Services) trong đó cấm các hạn chế định lượng đối với các nhà cung cấp dịch vụ (bao gồm bất cứ ngưỡng vốn tối thiểu nào) ngoại trừ trong một số lĩnh vực nhất định (ví dụ: các tổ chức tín dụng vì lợi ích ổn định tài chính quốc gia). Tại các lĩnh vực dịch vụ, không có hạn chế định lượng nào có thể được áp dụng trên cơ sở phân biệt đối xử (chẳng hạn như áp dụng đối với các doanh nghiệp FDI chứ không phải các doanh nghiệp trong nước).

b/ Thời hạn của giấy phép lao động

¹¹ Nghị định 11/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03 tháng 02 năm 2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của bộ luật lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam

Điều 20 về thời hạn của giấy phép lao động được gia hạn trong Dự thảo Nghị định quy định về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, thay thế Nghị định số 11/2016/NĐ-CP quy định: *“Thời hạn của giấy phép lao động được gia hạn theo thời hạn của một trong các trường hợp quy định tại Điều 11 Nghị định này nhưng chỉ được gia hạn một lần với thời hạn tối đa là 02 năm.”* Từ quy định này, có thể hiểu rằng người lao động nước ngoài sẽ không thể tiếp tục làm việc tại Việt Nam sau 4 năm (2 năm trong giấy phép lao động mới và sau đó 2 năm được gia hạn giấy phép lao động).

Chúng tôi kính đề nghị Chính phủ Việt Nam điều chỉnh và quy định trong dự thảo Nghị định rằng, để tiếp tục làm việc tại Việt Nam sau thời hạn 4 năm, người lao động nước ngoài có thể nộp đơn xin cấp giấy phép lao động mới và người nộp đơn không phải rời khỏi Việt Nam trong quá trình gia hạn và chờ lấy giấy phép lao động mới. Ngoài ra, chúng tôi đề nghị Chính phủ quy định rõ hơn về việc liệu đơn đăng ký mới có thể được nộp trước ngày hết hạn của giấy phép làm việc ban đầu hay không. Chúng tôi mong nhận được phản hồi từ Chính phủ và Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc này và sắp xếp một cuộc họp tiếp theo để thảo luận thêm. Ngoài ra, đối với những người nước ngoài muốn nộp đơn mới với thời hạn 4 năm, chúng tôi khuyến nghị rằng các tài liệu đã nộp trước đó (và đã được xác thực) được chấp nhận và chỉ những tài liệu mới được cấp (trong vòng 4 năm trở lại đây) mới cần yêu cầu xác minh/chứng nhận/xác thực).

2. Đào tạo về giáo dục trực tuyến cho giáo viên

Trước tiên, chúng tôi cảm ơn Chính phủ Việt Nam vì đã bảo vệ những người dân, nhà đầu tư và gia đình – tạo môi trường điều kiện cho trường học được mở cửa trở lại vào thời điểm mà đa số trường trên thế giới chưa thể. Điều này khiến chúng tôi rất lạc quan về tương lai của Việt Nam như là một trung tâm về đầu tư và giáo dục mang tính hình mẫu trên thế giới. Với những ảnh hưởng hiện tại mà dịch bệnh COVID-19 đã có đối với nền giáo dục của trẻ em trên toàn thế giới, giáo dục đã nhanh chóng chuyển thể từ mô hình lớp học truyền thống sang mô hình trực tuyến và học từ xa. Đây là một hình thức giáo dục mới cần đến chuyên môn, đào tạo, kỹ năng công nghệ nhằm đảm bảo có tính ảnh hưởng tới nền giáo dục chất lượng cho học sinh.

Chúng tôi khuyến nghị các cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam – cụ thể là Bộ Giáo dục và Đào tạo – phối hợp với các tổ chức giáo dục quốc tế tại Việt Nam nhằm tổ chức đào tạo giáo viên trong lĩnh vực giáo dục trực tuyến dựa trên kinh nghiệm quốc tế. Đây là cơ hội để tăng cường năng lực cho giáo viên và đáp ứng nhu cầu của học sinh.

3. Mở rộng các trường hợp “di chuyển nội bộ”

Khoản 1, Điều 3, Nghị định 11 quy định: *“1. Người lao động nước ngoài di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia và lao động kỹ thuật của một doanh nghiệp nước ngoài đã thành lập hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam, di chuyển tạm thời trong nội bộ doanh nghiệp sang hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam và đã được doanh nghiệp nước ngoài tuyển dụng trước đó ít nhất 12 tháng”*.

Theo Điều 2, Thông tư 35/2016/TT-BCT của Bộ Công thương ban hành ngày 28/12/2016, hiện diện thương mại bao gồm các hình thức: *“a) Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; b) Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam; c) Văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh.”*

Quy định về người lao động di chuyển nội bộ doanh nghiệp đang được các Sở Lao động – Thương binh & Xã hội (“LĐTB&XH”) tại các tỉnh, thành phố diễn giải theo hướng chỉ những lao động nước ngoài được cử từ công ty mẹ sang làm việc tại công ty con tại Việt Nam do công ty mẹ đó trực tiếp sở hữu 100% vốn mới được coi là di chuyển nội bộ, còn việc điều chuyển lao động từ các

công ty khác trong tập đoàn (kể cả từ công ty mẹ cấp cao nhất) đến công ty tại Việt Nam hoặc điều chuyển lao động từ công ty mẹ tại nước ngoài đến văn phòng đại diện, chi nhánh của công ty con tại Việt Nam không được coi là di chuyển nội bộ.

Sự diễn giải của Bộ LĐTB&XH về “di chuyển nội bộ” phản ánh sai thực tế huy động nguồn nhân lực toàn cầu của các công ty đa quốc gia. Chúng tôi kính đề nghị Bộ LĐTB&XH xem xét thừa nhận việc điều động nhân viên trong nhóm ở cấp độ toàn cầu là di chuyển nội bộ. Chúng tôi cũng kiến nghị Bộ Công Thương xem xét mở rộng các hình thức hiện diện thương mại tại Việt Nam.

4. Các chính sách hỗ trợ khác:

a/ Thuế nhà thầu đối với khoản bồi hoàn chi phí tiền lương của nhân viên phái cử từ công ty mẹ theo hình thức di chuyển nội bộ

Mặc dù trước đây, tại Công văn 17862/BTC-TCT ngày 09/12/2014, Bộ Tài chính đã hướng dẫn nguyên tắc không thu thuế nhà thầu đối với khoản bồi hoàn chi phí tiền lương nếu (i) khoản thanh toán của công ty con tại Việt Nam cho công ty mẹ tại nước ngoài chỉ đơn thuần là việc bồi hoàn lại toàn bộ tiền lương và các chi phí thực phát sinh mà công ty nước ngoài đã trả hộ công ty Việt Nam cho các chuyên gia biệt phái sang làm việc tại Việt Nam và (ii) các chuyên gia biệt phái đã kê khai và nộp đầy đủ thuế thu nhập cá nhân (“TNCN”) cho thu nhập toàn cầu tại Việt Nam. Tuy nhiên, gần đây, một số cơ quan thuế địa phương yêu cầu doanh nghiệp nộp thuế nhà thầu đối với khoản bồi hoàn chi phí tiền lương của nhân viên phái cử từ công ty mẹ theo hình thức di chuyển nội bộ, với lý do là những nhân viên phái cử này vẫn thuộc sự quản lý của công ty mẹ.

Chúng tôi khuyến nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, xem xét và có hướng dẫn về việc không thu thuế nhà thầu đối với khoản bồi hoàn chi phí tiền lương của nhân viên phái cử từ công ty mẹ theo hình thức di chuyển nội bộ để tránh việc các cơ quan thuế địa phương áp dụng các quan điểm truy thu không nhất quán.

b/ Kỳ tính thuế 12 tháng liên tục kể từ ngày đến Việt Nam

Theo quy định, trường hợp trong năm dương lịch, cá nhân có mặt tại Việt Nam dưới 183 ngày nhưng tính trong 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam là từ 183 ngày trở lên thì kỳ tính thuế đầu tiên được xác định là 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam. Từ năm thứ hai, kỳ tính thuế căn cứ theo năm dương lịch.

Quy định về việc quyết toán thuế cho giai đoạn 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên đến Việt Nam đã bộc lộ những bất cập trên thực tế như sau:

- Việc xác định “ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam” của cá nhân có thể không nhất quán trong nhiều trường hợp, ví dụ:
- Trước khi bắt đầu thời gian bổ nhiệm chính thức tại Việt Nam, nếu cá nhân đã đến Việt Nam cho mục đích cá nhân, không liên quan đến công việc thì những ngày này có bị coi là ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam hay không.
- Nếu cá nhân đã hoàn thành nhiệm kỳ công tác tại Việt Nam sau đó quay lại Việt Nam công tác trong cùng năm hoặc trong các năm sau thì ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam được xác định như thế nào.

Khi xác định số thuế TNCN còn phải nộp của năm tính thuế thứ hai, theo quy định, số thuế được trừ của giai đoạn trùng giữa hai năm tính thuế là số thuế phân bổ trung bình của năm tính thuế thứ nhất, thay vì số thuế thực tế đã nộp cho giai đoạn trùng. Do vậy, trong trường hợp cá nhân có biến động thu nhập giữa các tháng lớn, có khả năng số thuế phân bổ trung bình của năm tính thuế thứ

nhất sẽ khác với số thuế thực tế đã nộp cho giai đoạn trùng, dẫn đến việc phát sinh số thuế nộp thừa hoặc nộp thiếu của năm tính thuế thứ hai, kể cả khi thuế TNCN hàng tháng đã được tính toán và nộp đủ.

Trong trường hợp cá nhân là cá nhân cư trú trong giai đoạn 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên đến Việt Nam nhưng là cá nhân không cư trú của năm tính thuế thứ 2, việc xác định nghĩa vụ thuế của năm tính thuế thứ 2 chưa được quy định rõ ràng, dẫn đến nhiều bất cập. Ví dụ: cá nhân lần đầu đến Việt Nam vào 10/05/2018 và lần cuối rời Việt Nam ngày 20/06/2019. Cá nhân có mặt tại Việt Nam trên 183 ngày trong giai đoạn từ 10/05/2018 đến 09/05/2019 và có mặt tại Việt Nam dưới 183 ngày trong giai đoạn từ 01/01/2019 đến 20/06/2019. Theo đó, cá nhân là cá nhân cư trú trong năm tính thuế từ 10/05/2018 đến 09/05/2019 và là cá nhân không cư trú trong năm tính thuế từ 01/01/2019 đến 20/06/2019. Như vậy, cuối cùng, cá nhân sẽ được coi là cá nhân cư trú hay không cư trú cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 09/05/2019 và việc kê khai thuế cho giai đoạn này sẽ như thế nào?

Phần mềm hỗ trợ kê khai (HTKK) đang chỉ hỗ trợ xác định năm tính thuế theo chẵn tháng (tức từ ngày đầu tháng đến ngày cuối tháng) trong khi năm tính thuế theo 12 tháng liên tục có thể là lẻ tháng. Do đó, thời hạn kê khai thuế theo năm tính thuế đúng và thời hạn kê khai thuế được xác định trên phần mềm quản lý thuế có thể khác nhau, dẫn đến khó khăn và mất thời gian cho cơ quan thuế và người nộp thuế trong việc đối chiếu và tính toán lãi phạt chậm nộp tiền thuế (nếu có). Trên thế giới và trong khu vực, có nhiều quốc gia chỉ áp dụng năm tính thuế theo năm dương lịch, không áp dụng năm tính thuế 12 tháng liên tục, ví dụ: Lào, Myanmar, Malaysia, Singapore, Philippines, Thái Lan, Hàn Quốc). Do đó, cá nhân là công dân của các nước này sẽ gặp khó khăn trong việc xin cấp xác nhận cá nhân cư trú thuế và khấu trừ thuế đã nộp tại nước ngoài do năm tính thuế không tương đồng.

Chúng tôi kính đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, xem xét bỏ việc xác định kỳ tính thuế 12 tháng liên tục để đơn giản hoá thủ tục hành chính thuế, tránh việc phát sinh các cách hiểu thiếu nhất quán về quy định thuế cũng như phù hợp với thông lệ quốc tế.

c/ Kê khai phần thu nhập phát sinh tại Việt Nam đối với người nước ngoài sang Việt Nam công tác ngắn ngày

Theo quy định hiện hành, có thể hiểu rằng, người nước ngoài có nghĩa vụ kê khai thuế TNCN tại Việt Nam trên phần thu nhập được cho là thu nhập phát sinh tại Việt Nam nhưng nhận được từ nước ngoài trong trường hợp cá nhân nước ngoài sang Việt Nam công tác, kể cả chỉ 01 ngày. Quy định này gần như không có nhiều ý nghĩa về mặt thực tế và khiến cá nhân không thể tuân thủ, đặc biệt trong trường hợp cá nhân chỉ sang làm việc ở Việt Nam vài ngày.

Trên thế giới, nhiều quốc gia đã quy định một số trường hợp mà cá nhân nước ngoài được miễn trừ nghĩa vụ kê khai thuế TNCN, nếu có mặt hoặc có thu nhập phát sinh tại nước đó dưới ngưỡng quy định, ví dụ:

- Hoa Kỳ: có mặt tại Mỹ không quá 90 ngày/năm tính thuế hoặc có thu nhập phát sinh tại Mỹ không quá 3.000 Đô la Mỹ/năm
- Ấn Độ: có mặt tại Ấn Độ không quá 90 ngày/năm
- Malaysia, Singapore: có mặt tại các nước này không quá 60 ngày/năm

Ngoài ra, luật lao động cũng có quy định về việc miễn giấy phép lao động cho người nước ngoài sang Việt Nam làm việc dưới 30 ngày/lần hoặc không quá 90 ngày/năm.

Chúng tôi kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét và cân nhắc đưa ra quy định về việc cá nhân nước ngoài sang công tác ngắn ngày tại Việt Nam không phải kê khai thuế TNCN tại Việt Nam trên phần thu nhập phát sinh tại Việt Nam nhưng nhận tại nước ngoài nếu thỏa mãn một số điều kiện về số ngày có mặt tại Việt Nam để phù hợp với thông lệ quốc tế, thống nhất giữa quy định thuế và lao động, cũng như tạo điều kiện để việc tuân thủ quy định thuế trở nên khả thi với người nộp thuế.

d/ Khoản học phí được miễn phí cho con của người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam học tại Việt Nam, con của người lao động Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài học tại nước ngoài

Theo quy định tại Điểm g.7, Khoản 2, Điều 2, Thông tư 111/2013/TT-BTC, “*khoản tiền học phí cho con của người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam học tại Việt Nam, con của người lao động Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài học tại nước ngoài theo bậc học từ mầm non đến trung học phổ thông do người sử dụng lao động trả hộ*” được coi là thu nhập không chịu thuế TNCN.

Theo Khoản 1, Điều 105, Luật Giáo dục 2005, “*học phí, lệ phí tuyển sinh là khoản tiền của gia đình người học hoặc người học phải nộp để góp phần bảo đảm chi phí cho các hoạt động giáo dục*”. Như vậy, học phí, lệ phí tuyển sinh theo quy định tại Luật Giáo dục 2005 là khái niệm rất rộng, có thể hiểu đơn giản là bao gồm các khoản chi phí phát sinh cho việc học, do các khoản chi này đều góp phần bảo đảm chi phí cho các hoạt động giáo dục.

Do Thông tư 111/2013/TT-BTC không quy định cụ thể khoản học phí không chịu thuế và chịu thuế TNCN bao gồm những khoản nào, một số cơ quan thuế hiện đang tính thuế TNCN đối với cả các khoản như: phí nhập học, phí xây dựng trường, phí học tiếng Anh, v.v. Như vậy, đang có sự không thống nhất giữa định nghĩa học phí được quy định trong Luật Giáo dục với các quy định về thuế.

Chúng tôi kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận các khoản chi phí mà học sinh và phụ huynh phải đóng cho nhà trường (ví dụ: phí nhập học, phí xây dựng trường, phí học ngoại ngữ, kỹ năng mềm, v.v.) có phải là học phí hay không. Chúng tôi cũng khuyến nghị Bộ Tài chính quy định cụ thể hơn các khoản tiền học phí không chịu thuế TNCN để đảm bảo quy định thuế được hiểu đầy đủ và nhất quán.

e/ Miễn đóng kinh phí công đoàn (“KPCĐ”) đối với người lao động nước ngoài

Theo Điều 5, Nghị định 191/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định về mức đóng và căn cứ đóng KPCĐ như sau: “*Mức đóng bằng 2% quỹ tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động. Quỹ tiền lương này là tổng mức tiền lương của những người lao động thuộc đối tượng phải đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.*”

Do người lao động nước ngoài bắt đầu thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội (“BHXH”) bắt buộc từ ngày 01/12/2018 theo hướng dẫn tại Nghị định 143/2018/NĐ-CP ngày 15/10/2018 của Chính phủ (“Nghị định 143”), các liên đoàn lao động địa phương đang yêu cầu doanh nghiệp phải đóng thêm KPCĐ 2% cho đối tượng NLD nước ngoài tham gia BHXH bắt buộc. Tuy nhiên, Khoản 1, Điều 5, Luật Công đoàn 2012 quy định về quyền thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn như sau: “Người lao động là người Việt Nam làm việc trong cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có quyền thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn”. Như vậy, người lao động nước ngoài không thuộc đối tượng gia nhập công đoàn. Do đó, việc yêu cầu doanh nghiệp phải đóng kinh phí công đoàn cho cả đối tượng người nước ngoài – đối tượng không được tham gia công đoàn là vô không có căn cứ.

Chúng tôi kính đề nghị Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét và cân nhắc đưa ra hướng dẫn cụ thể về việc người lao động nước ngoài không thuộc đối tượng phải đóng kinh phí công đoàn để đảm bảo tính nhất quán của các quy định về công đoàn và bảo hiểm xã hội, đồng thời tránh việc tạo ra gánh nặng về chi phí cho doanh nghiệp.

B. Tiểu ban Vận tải và Hậu cần

1. Áp dụng chữ ký điện tử

Số lượng giao dịch xuyên biên giới ngày càng gia tăng, giải pháp chữ ký điện tử (ví dụ: DocuSign, SignNow, SignEasy, etc.) đang được sử dụng rộng rãi hơn bởi nhiều đối tác kinh doanh quốc tế. Đặc biệt trong bối cảnh đại dịch COVID-19 vừa qua, nhược điểm của việc sử dụng chữ ký và con dấu “tươi” càng bộc lộ rõ ràng hơn bao giờ hết.

Tại Việt Nam, mặc dù Luật Giao dịch Điện tử 2005 đã có hiệu lực nhiều năm, nhưng các quy định về chữ ký điện tử vẫn chưa được áp dụng hiệu quả trong thực tế nhằm hỗ trợ hoạt động kinh doanh. Việc sử dụng chữ ký điện tử còn gặp nhiều rào cản về mặt công nghệ và giá trị pháp lý.

Tiểu ban Vận tải và Hậu cần đề xuất Chính phủ xây dựng cơ chế áp dụng rộng rãi các giải pháp chữ ký điện tử nhằm giảm bớt các yêu cầu kỹ thuật và việc công nhận giá trị pháp lý của các giao dịch /hợp đồng được ký bằng chữ ký điện tử.

2. Tổ chức đại diện người lao động ở cơ sở

Các doanh nghiệp đang gấp rút chuẩn bị để Bộ Luật Lao Động 2019 (“**BLLĐ 2019**”) đi vào thi hành vào ngày 1 tháng 1 năm 2021 sắp tới. Phù hợp với yêu cầu của Tổ chức Lao động Thế giới (ILO), BLLĐ 2019 đã đưa ra yêu cầu thành lập và hoạt động của “tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở” bên cạnh công đoàn sơ sở truyền thống theo quy định hiện tại.

Doanh nghiệp vẫn còn nhiều túng túng trong phạm vi hoạt động, chức năng, quyền hạn của từng tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở cũng như tương tác giữa các tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong cùng một doanh nghiệp. Nếu những nội dung này không được hướng dẫn cụ thể và rõ ràng, sẽ rất dễ dẫn đến việc vừa không bảo vệ được quyền lợi của người lao động vừa tạo ra một bộ máy tổ chức chồng chéo tại doanh nghiệp.

Tiểu ban Vận tải và Hậu cần đề xuất Chính phủ nghiên cứu và sớm có hướng dẫn về hoạt động của các tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở theo hướng quy định rõ ràng nhiệm vụ, quyền hạn của từng tổ chức và tránh trùng lặp về mặt nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức trong cùng một doanh nghiệp.

V. Tăng trưởng xanh và phát triển bền vững

A. Tiểu ban Tăng trưởng Xanh

1. Đơn giản hóa các thủ tục cho các nhà máy điện BTM

Tất cả các dự án phát điện, bao gồm nhà máy điện độc lập cho người mua tư nhân sử dụng tại chỗ (nhà máy BTM) có công suất từ 1MWp đến 50MWp mà không đấu nối vào lưới phân phối điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), cần được phê duyệt để đưa vào Quy hoạch điện.

Tiểu ban Tăng trưởng Xanh đề xuất đối với nhà máy BTM từ 1MWp đến 50 MWp (không truyền điện lên lưới điện), quy trình xin phê duyệt bổ sung vào Quy hoạch điện nên được đơn giản hóa.

Cụ thể, các nhà máy điện này có thể trình bày với Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh (của tỉnh hoặc thành phố nơi đặt các nhà máy điện): bản báo cáo đánh giá khả thi, tài liệu thông báo, bản mô tả kỹ thuật của nhà máy điện giải thích cách tiêu thụ 100% năng lượng tại chỗ và dự báo phát điện. Trong vòng 60 ngày, nếu Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh không đưa ra sự phản đối cụ thể đối với nhà máy điện BTM, dự án nên được tự động xem như đã phê duyệt và bổ sung vào Quy hoạch phát triển điện cấp tỉnh. Đề cập nhật cho Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể nộp báo cáo nội bộ giữa các cơ quan quản lý nhà nước.

2. Gia hạn thời gian cho Biểu giá Năng lượng Tái tạo (Feed-in-Tariff-FIT) hiện hữu và cung cấp biểu giá FIT mới

Các dự án điện gió trên đất liền thường cần khoảng hai năm để phát triển dự án, trước khi đi đến quyết định đầu tư tài chính. Tuy nhiên, chỉ còn 14 tháng nữa là giá FIT hiện tại hết hạn, điều này đã gây ra những thách thức đối với các dự án mới vì phải hoàn thành đúng thời hạn để đủ điều kiện tham gia giá FIT. Do đó, các nhà đầu tư không sẵn sàng cam kết cho các dự án mới có ngày vận hành thương mại (COD) từ năm 2022 trở đi mà không có xác nhận về việc gia hạn giá FIT.

COVID-19 đã làm cho các dự án điện gió ở Việt Nam phát triển chậm lại, do sự gián đoạn chuỗi cung ứng và hạn chế về khả năng di chuyển, ngăn cản các nhà đầu tư đến Việt Nam để đưa ra các quyết định tài chính trong năm nay, vì giữa năm nay là thời điểm quan trọng để thực hiện đầu tư nếu muốn một số dự án đủ điều kiện trước khi hết hạn biểu giá FIT hiện tại.

Thêm vào đó, để thúc đẩy đầu tư, chính phủ cần cung cấp giá FIT mới vì những vấn đề như sau:

- **Chi phí sản xuất năng lượng quy đổi (“Levelised Cost of Energy, LCOE”) giảm chậm:** Tốc độ giảm chi phí trong hai năm qua đã chậm hơn, do thiếu về hiệu ứng quy mô và tắc nghẽn toàn cầu về vấn đề tuabin.
- **Gia tăng Chi phí Vốn (CAPEX):** Đồng thời, chi phí phát triển dự án đã tăng do chi phí lao động và đất đai cao hơn. Do các công trình chính đang được phát triển, các dự án mới sẽ được đặt tại Đồng bằng sông Cửu Long, nơi tỷ lệ CAPEX cao hơn tới 20% so với khu vực miền Trung. Trong khi các yếu tố về công suất vận hành cao hơn ở phía Nam, nhưng chúng không đủ cao để bù đắp cho các chi phí xây dựng gia tăng.

Vì những lý do này, chúng tôi cho rằng việc giảm biểu giá FIT hiện nay sẽ là quá sớm. Chúng tôi cho rằng Việt Nam sẽ đáp ứng tốt nhất tham vọng năng lượng của mình nếu các biện pháp sau được thực hiện: gia hạn 6 tháng đối với biểu giá FIT hiện tại đối với năng lượng điện gió trên đất liền, tiếp theo là sự khả thi trong biểu giá FIT mới cho các dự án điện gió trên đất liền được nối lưới vào cuối năm 2023; và gia hạn hai năm đối với mức giá FIT hiện tại đối với dự án năng lượng điện gió ngoài khơi đến cuối năm 2023.

B. Tiểu ban Du lịch và Nhà hàng - Khách sạn

1. Quy định về thị thực (Visa)

Trong bối cảnh hậu COVID-19, danh sách các quốc gia được miễn thị thực cần được mở rộng. Chỉ có như vậy, ngành Du lịch mới có thể hoàn thành nhiệm vụ trở thành một trong những ngành mũi nhọn của nền kinh tế Việt Nam. Thêm vào đó, chúng tôi cho rằng việc có các Hiệp định Thương mại Tự do (FTAs) với các quốc gia trong khi vẫn duy trì yêu cầu rằng khách du lịch từ các quốc gia đó phải có thị thực là không nhất quán. Đặc biệt, với việc thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 8 năm 2020, chúng tôi hy vọng Chính phủ sẽ mở rộng danh sách miễn thị thực từ 7 nước lên thành cho tất cả các Quốc

gia Thành viên Liên minh châu Âu như một công cụ để nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành du lịch Việt Nam. Khách du lịch châu Âu rất quan trọng đối với Việt Nam.

Chúng tôi khuyến nghị Việt Nam mở rộng danh sách các quốc gia được miễn thị thực để có thể bao gồm tất cả các quốc gia mà Việt Nam có FTAs, khi mà các hiệp định này được thực hiện và với thời gian thích hợp, bao gồm tất cả các quốc gia Liên minh châu Âu, các đối tác thương mại hoặc đầu tư quan trọng và các thị trường du lịch mục tiêu. Chúng tôi cũng có kiến nghị kéo dài thời hạn miễn thị thực đã công bố gần đây và các trường hợp miễn mới mới lên 5 năm cũng như kéo dài thời gian miễn thị thực từ 15 lên 30 ngày. Điều này sẽ nâng cao khả năng cạnh tranh của ngành du lịch Việt Nam bằng cách cho phép du khách đến thăm đủ lâu để khám phá văn hóa và vẻ đẹp thiên nhiên của Việt Nam và sẽ giúp tăng chi tiêu trung bình của khách du lịch khi đến thăm Việt Nam;

Lưu trú ngắn hạn trong thời gian diễn ra sự kiện cho khách doanh nhân và các nhóm đã đăng ký trước và đại biểu vào Việt Nam để tham dự các cuộc họp, ưu đãi, hội nghị và sự kiện cụ thể (MICE) cần được miễn thị thực. Du lịch MICE là một phân khúc năng động của ngành dịch vụ hội họp toàn cầu và là một nhân tố quan trọng cho các phân khúc khách sạn và du lịch liên quan. Việc loại bỏ các quy định rắc rối về thị thực đối với thị thực lưu trú ngắn ngày và cam kết các làn nhập cảnh nhanh chóng dành riêng cho du khách MICE sẽ khiến Việt Nam trở nên cạnh tranh hơn và hấp dẫn hơn đối với các hiệp hội quốc tế và các cuộc họp lớn.

2. Quảng bá điểm du lịch

Du lịch có vai trò quan trọng đối với nền kinh tế Việt Nam. Ngành công nghiệp này tạo ra khoảng 9,2% GDP vào năm 2019. Thêm vào đó, với mục tiêu đầy tham vọng của Chính phủ là phát triển du lịch trở thành ngành mũi nhọn của nền kinh tế, chúng ta cần phải ghi nhận sự đóng góp của ngành vào phúc lợi kinh tế - xã hội của Nhà nước và để hỗ trợ ngành thông qua một kế hoạch chiến lược hiệu quả cho tiếp thị du lịch quốc tế để chuẩn bị cho giai đoạn hậu COVID-19.

Chúng tôi kính đề nghị Chính phủ thành lập Hội đồng Du lịch Việt Nam, cơ quan đại diện chính thức cho Việt Nam tại các thị trường nước ngoài và tích cực làm việc với các công ty quản lý du lịch, hãng hàng không và giới truyền thông tại các thị trường đó, là điểm đến cho các công ty du lịch khi coi Việt Nam là điểm đến cho các khách hàng của họ. Các ví dụ điển hình trong ASEAN bao gồm Hội đồng Du lịch Singapore (www.stb.gov.sg) hoặc Hội đồng Du lịch Thái Lan (www.tourismthailand.org).

Việt Nam nên phân bổ hợp lý hơn cho quỹ xúc tiến du lịch quốc gia từ nguồn ngân sách Nhà nước để hỗ trợ xúc tiến du lịch; tập trung xúc tiến vào các thị trường mục tiêu có lượng khách cao và ổn định, có xu hướng lưu trú dài ngày, thăm quan thường xuyên và chi tiêu nhiều hơn khi du lịch tại Việt Nam. Tiểu ban cũng khuyến nghị Việt Nam nên đưa ra các cơ cấu phối hợp toàn vùng để tập trung và tối đa hóa các hành động của các tỉnh hợp tác và tạo thuận lợi cho hợp tác. Cuối cùng, chúng tôi rất mong được thiết lập các cơ chế cải thiện sự tương tác, trao đổi giữa các doanh nghiệp, hiệp hội và khu vực công liên quan đến du lịch, được làm việc với các nhóm và hiệp hội ngành một cách thường xuyên và điều phối các mô hình tổ chức./.



**BÀI PHÁT BIỂU CỦA HIỆP HỘI THƯƠNG MẠI HOA KỲ TẠI VIỆT NAM
TẠI DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM VÀ PHÓ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
PHẠM BÌNH MINH NGÀY 22/12/2020**

*Trình bày bởi
Bà Virginia B. Foote
Chủ tịch*

Kính thưa Ngài Phó Thủ tướng,

Chúng tôi cảm ơn Ngài đã lắng nghe ý kiến của chúng tôi ngày hôm nay và đặc biệt của cộng đồng doanh nghiệp nước ngoài.

Lời đầu tiên, chúng tôi cảm ơn Chính phủ vì sự quan tâm thấu đáo và thành công hiếm có của Việt Nam trong việc ứng phó với chủng virus khủng khiếp này. Chúng tôi vẫn lạc quan rằng năm 2020 sẽ kết thúc tốt đẹp tạo tiền đề cho một năm 2021 thật vững chắc.

Tôi muốn tập trung vào một số vấn đề mà tôi cho rằng Việt Nam có thể xem xét để chuẩn bị cho việc khắc phục sau đại dịch.

Thứ nhất, nền **kinh tế kỹ thuật số** nói chung và thương mại điện tử, ngân hàng điện tử, điện toán đám mây và chính phủ điện tử nói riêng, xuất phát từ nhu cầu giảm giao dịch trực tiếp và tiến tới mục tiêu giảm sử dụng tiền mặt vĩnh viễn của Việt Nam. Các công ty nước ngoài như chúng tôi đã liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp trong nước và hi vọng hệ thống điện tử cùng với an ninh mạng sẽ giúp ích hơn chứ không làm ảnh hưởng cho sự tích hợp cùng phát triển với các tiêu chuẩn toàn cầu.

Lĩnh vực thứ hai mà chúng tôi rất ủng hộ là các kế hoạch **tương lai về một môi trường và năng lượng sạch hơn**. Các thành viên của chúng tôi rất vui khi thấy được các Nghị quyết 55 và Nghị quyết 140 của Đảng và sẽ làm việc với Chính phủ về các vấn đề liên quan đến nhu cầu đầu tư.

Như quý vị đã biết, chúng tôi quan ngại rằng vai trò rất lớn của điện than vẫn được tiếp tục duy trì trong các dự thảo của Tổng Sơ đồ Điện 8, việc này sẽ gây nguy hiểm cho môi trường và sức khỏe của người dân khi than hiện là một công nghệ dư thừa và tốn kém. Thay vì xây dựng các nhà máy than, chúng tôi khuyến nghị xem xét năng lượng tái tạo và cải thiện các thủ tục để chào đón đầu tư nước ngoài và trong nước vào năng lượng tái tạo, truyền tải, LNG và khí đốt ngoài khơi.

Đặc biệt, chúng tôi đề nghị Chính Phủ xem xét việc giảm gánh nặng thuế - hiện đang ở mức rất cao - đối với việc phát triển dự trữ khí đốt ngoài khơi vốn đã chiếm tới 50-60% đối với nguồn tài nguyên của bạn. Việc cân bằng thuế đối với LNG và nước ngoài, đồng thời cung cấp các ưu đãi về thuế và thuế quan đối với năng lượng mặt trời, gió và sinh khối có thể giúp tạo ra sự khác biệt. Chúng tôi mong muốn sớm ký kết và thực hiện các điều khoản của Thỏa thuận mua bán điện trực tiếp có thể giúp xanh hóa chuỗi cung ứng. Ngoài ra, chúng tôi mong muốn hợp tác để xây dựng

ngành công nghiệp tái chế theo Luật Môi trường mới để giúp làm sạch các tuyến đường thủy và thành phố của Việt Nam, đồng thời thu hút việc làm mới.

Và thứ ba, chúng tôi được biết Chính phủ đã ưu tiên **cải cách hành chính**. Chúng tôi tiếp tục làm việc với Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ và chúng tôi cảm ơn Chính phủ vì những nỗ lực này. Điều quan trọng là tất cả các công ty và nhà đầu tư phải có một môi trường pháp lý công bằng, minh bạch, có thể dự đoán và hợp lý hóa, coi trọng sự đổi mới - không chỉ để thu hút đầu tư mới và đang tăng trưởng, mà còn tạo thuận lợi cho hàng hóa nhập khẩu.

Ví dụ: Sự phát triển của một hệ thống chăm sóc sức khỏe và việc nhập khẩu các loại thuốc đã bị cản trở bởi các quy định do đó việc tiếp cận của bệnh nhân với các loại thuốc và vắc-xin cứu người đã khó khăn. Sự chậm trễ này cũng làm giảm khả năng dự đoán và tính bền vững của doanh nghiệp, gây khó khăn cho việc tiếp tục đầu tư vào các quan hệ đối tác công tư. Chúng tôi mong muốn được làm việc để tìm ra các giải pháp lâu dài và tham vấn cải cách chính sách để giúp xây dựng một hệ thống chăm sóc sức khỏe tiên tiến.

Một ví dụ khác là những khó khăn do quy định giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài dường như cản trở đầu tư vào đổi mới và tăng trưởng. Ngoài ra, hợp lý hóa các quy trình phê duyệt đối với các dự án cơ sở hạ tầng lớn như LNG có thể giúp tạo điều kiện đầu tư cho các dự án đó và cung cấp cơ sở hạ tầng quan trọng cần thiết để thu hút các nguồn vốn FDI khác.

Và cuối cùng, **hệ thống thuế** còn nhiều gánh nặng về thủ tục hành chính, trong khi thuế suất 20% của Việt Nam là cạnh tranh, dữ liệu thống kê cho thấy quá trình nộp thuế ở Việt Nam vẫn tồn tại nhiều gánh nặng so với các nước láng giềng. Rất nhiều công ty dường như đang phải chịu đựng những đánh giá kiểm toán không công bằng và thiếu minh bạch cùng các mức phạt và lãi suất. Chúng tôi hy vọng sẽ có những cải thiện thực sự về Thỏa thuận định giá trước (APA), tạo ra sự ổn định và khả năng dự đoán cần thiết để tích hợp vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

Cuối cùng, chúng tôi xin được cảm ơn Ngài cùng Chính phủ một lần nữa cho những nỗ lực trong một năm đầy khó khăn vừa qua và tin tưởng Việt Nam sẽ phát triển hơn trong những năm tiếp theo.



BÁO CÁO CỦA HIỆP HỘI THƯƠNG MẠI HOA KỲ TẠI VIỆT NAM TẠI DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THƯỜNG NIÊN 2020

Lời đầu tiên, tôi rất hân hạnh được đại diện cho Hiệp hội thương mại Hoa Kỳ (Amcham) để trình bày quan điểm của Amcham về việc thúc đẩy một môi trường kinh doanh sáng tạo và bền vững ở Việt Nam cũng như các cách thức tăng cường sự phục hồi của nền kinh tế trong thời điểm đại dịch toàn cầu này. Diễn ra vào thời điểm quan trọng đối với cả các công ty nước ngoài lẫn trong nước, Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam lần này là cơ hội để chuẩn bị cho một tương lai tươi sáng.

Đại dịch đã thay đổi cách mọi người làm việc, học tập, giải trí và tiêu dùng. Không một doanh nghiệp, lĩnh vực và nền kinh tế nào nằm ngoài sức ảnh hưởng tàn khốc của đại dịch này. Việt Nam đang trên con đường phục hồi kinh tế, nhưng đây có thể sẽ là một chặng đường khó khăn, và chúng tôi muốn đóng góp một số ý tưởng cho công cuộc phục hồi nhanh hơn và thành công hơn nữa sau đại dịch.

Những phản ứng nhanh chóng, hệ thống truy vết rộng khắp, và sự truyền thông hiệu quả của Chính phủ cũng như sự tuân thủ của cộng đồng đã giúp Việt Nam giảm thiểu thiệt hại từ loại virus chết người này. Thành công trong việc phòng chống dịch bệnh đã giúp Việt Nam sớm bắt đầu công cuộc phục hồi kinh tế và trong bối cảnh các công ty liên tục điều chỉnh chuỗi cung ứng toàn cầu, sự ứng phó hiệu quả của Chính phủ Việt Nam đối với đại dịch sẽ càng nâng tầm vị thế của Việt Nam trở thành điểm đến đầu tư hấp dẫn.

Giống như ở nhiều quốc gia khác, đại dịch đã thúc đẩy mạnh mẽ nền kinh tế số của Việt Nam nói chung và thương mại điện tử nói riêng. Các trường học và công sở trên khắp đất nước đã chuyển sang sử dụng các giải pháp trực tuyến, và các đơn đặt hàng trực tuyến cũng tăng gấp 10 lần trong thời gian giãn cách xã hội. Những tổ chức và doanh nghiệp nhanh chóng triển khai các nền tảng, ứng dụng và dịch vụ mới tỏ ra thích ứng tốt hơn với đại dịch. Họ cố gắng duy trì tính liên tục trong kinh doanh hiện tại, đồng thời chuyển sang làm việc và học tập từ xa, và thậm chí còn thử nghiệm những cách mới để đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

Khi chúng ta xem xét về việc thúc đẩy phục hồi kinh tế sau Covid-19, có những biện pháp Chính phủ có thể thực hiện ngay bây giờ để cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư cũng như thu hút thêm các nguồn đầu tư mới.

Nâng cao tính linh hoạt: xây dựng các thủ tục cho người nước ngoài vào Việt Nam

Chúng tôi rất mong Chính phủ có các phương án hỗ trợ các giám đốc điều hành và nhóm hỗ trợ kỹ thuật của các doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam làm việc. Chúng tôi hiểu rằng an toàn vẫn là ưu tiên hàng đầu, nhưng chúng tôi mong muốn Chính phủ có thể đưa ra những hướng dẫn, thủ tục đơn giản hơn cho các nhân viên bị mắc kẹt ở nước ngoài có thể nhanh chóng quay trở lại

Việt Nam hoặc những người không muốn mạo hiểm rời khỏi Việt Nam vì lo lắng rằng sẽ không được phép quay lại có thể yên tâm công tác. Ngoài ra, khi các nhà đầu tư mới đến Việt Nam, họ cũng cần cử nhân sự để khảo sát và đàm phán với các đối tác tại đây. Vì vậy, chúng tôi hi vọng rằng cánh cửa ngành du lịch có thể mở cửa trở lại - một cách an toàn - để khôi phục ngành khách sạn đang bị tổn thất nặng nề. Sự phối hợp chặt chẽ hơn giữa các cơ quan Chính phủ, các công ty vận tải và khách sạn là vô cùng quan trọng.

Thúc đẩy Chính phủ điện tử và thương mại điện tử

Chúng ta cần thúc đẩy chính phủ điện tử, thương mại điện tử, ngân hàng điện tử, công nghệ tài chính, điện toán đám mây quy mô lớn, giảm tải lượng giấy và tiền mặt trong tất cả hoạt động kinh doanh. Thay thế tiêu chuẩn kỹ thuật đám mây áp dụng cho các cơ quan nhà nước bằng các tiêu chuẩn và cơ chế tuân thủ được quốc tế công nhận, đồng thời áp dụng Chính sách ưu tiên Đám mây sẽ giúp Chính phủ Việt Nam có được những công nghệ tiên tiến nhất, tăng cường tính thích ứng số hóa và phát triển một hệ sinh thái công nghệ chính phủ điện tử vững mạnh. Thiết lập những chính sách cho phép việc sử dụng ví di động và những hệ thống thanh toán điện tử khác có thể giúp thúc đẩy thương mại điện tử hiệu quả hơn và giảm thiểu nguy cơ tham nhũng gian lận. Khoảng thời gian giãn cách xã hội đã cho thấy rằng sử dụng hệ thống điện tử tiết kiệm thời gian và tiền bạc một cách rõ ràng. Đẩy nhanh việc thực hiện những mục tiêu kinh tế số này có thể giảm thiểu chi phí hành chính và gánh nặng về thời gian cho cả nhà nước và các doanh nghiệp về mặt lâu dài – và sẽ thu hút thêm nhiều nhà đầu tư mới đang tìm kiếm những tiêu chuẩn quốc tế tạo thuận lợi trong kinh doanh. Việc này chính là nền tảng cho cơ sở hạ tầng và dịch vụ của Thành phố Thông Minh.

Xem xét kĩ lưỡng về Dự Thảo Nghị định Luật an ninh mạng

Một nền an ninh mạng tốt là xương sống của các hệ thống điện tử. Mặc dù luật nhằm điều chỉnh những khác biệt giữa các nền tảng, tuy nhiên do tính chất phát triển nhanh và không ngừng của ngành kỹ thuật số, các quy định nên được viết theo cách trung lập về công nghệ nhằm giải quyết những vấn đề cơ bản hơn là tập trung vào các công nghệ hiện có hoặc sửa chữa những lỗi kỹ thuật cụ thể.

Cộng đồng doanh nghiệp bày tỏ quan ngại đến Dự thảo Nghị định hướng dẫn Luật An ninh mạng mới đây. Đặc biệt là điều khoản yêu cầu các tổ chức trong nước bắt buộc phải tự động lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam trong khi các công ty nước ngoài sẽ phải làm như vậy nếu họ không tuân đầy đủ quy trình thực thi pháp luật 3 bước trong Nghị định. Đề xuất mới này thực sự là một bước thụt lùi đáng kể bởi nó chia rẽ cộng đồng doanh nghiệp trong và ngoài nước và sẽ tác động tiêu cực đến sự phát triển trong thời gian tới của hệ sinh thái kỹ thuật số ở Việt Nam.

Nhiều doanh nghiệp lớn của Việt Nam cũng như các công ty khởi nghiệp nhỏ đã ký hợp đồng với các nhà cung cấp dịch vụ số nước ngoài cho các dịch vụ thiết yếu về dữ liệu - yêu cầu mới này sẽ khiến các công ty trong nước không thể sử dụng các dịch vụ nước ngoài mà họ đang sử dụng hợp pháp và hiệu quả. Bản dự thảo Nghị định này sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng tới các công ty cả trong nước lẫn ngoài nước và các dịch vụ các công ty đang sử dụng để thúc đẩy lợi ích kinh tế của Việt Nam. Chúng tôi chưa được tiếp cận bản dự thảo Nghị định mới này, và kính đề nghị được chỉ đạo từ Chính phủ trong việc chia sẻ dự thảo mới nhất cho cộng đồng doanh nghiệp để được tham vấn thêm. Đây là một vấn đề khẩn thiết với Cộng đồng doanh nghiệp và rất mong sẽ nhận được giải pháp từ phía Chính phủ.

Bảo đảm môi trường phát triển thuận lợi cho những nhà đầu tư hiện tại

Chúng tôi biết rằng Thủ tướng và Chính phủ đã và đang ưu tiên sửa đổi các thủ tục hành chính nhằm giúp hoạt động kinh doanh trở nên dễ dàng hơn. Điểm quan trọng ở đây là những doanh nghiệp và nhà đầu tư cần có một môi trường pháp lý công bằng, minh bạch, không khó dự đoán và tinh gọn, ưu tiên cho sự đổi mới trong kinh doanh- không chỉ nhằm mục đích thu hút đầu tư mới, mà còn duy trì và phát triển những nguồn đầu tư tại Việt Nam. Một khung pháp lý quá máy móc, thủ tục hành chính rườm rà có thể phát sinh thêm các cơ hội "trục lợi" và những khoản phí phát sinh bất hợp pháp. Ngược lại thì những thủ tục hành chính hợp lý có thể khuyến khích, thúc đẩy đầu tư nước ngoài và phục hồi nền kinh tế.

Về vấn đề này, các thành viên của chúng tôi ban đầu lo ngại rằng Dự thảo Nghị định Lao động có thể lập lại một số thủ tục đã có trong việc tuyển dụng và sử dụng lao động Việt Nam. Tuy nhiên, chúng tôi thấy rằng những mối quan tâm này đã được giải quyết và chúng tôi rất cảm ơn Chính phủ đã lắng nghe và loại bỏ điều khoản đó.

Là một nền kinh tế mở nhất ở Đông Nam Á, thách thức ngắn hạn của Việt Nam là sự phụ thuộc vào phần còn lại của thế giới để thúc đẩy tăng trưởng trong nước. Mặc dù nền kinh tế Việt Nam đang ở giai đoạn phục hồi nhanh và mạnh hơn các nước láng giềng trong khu vực, chúng tôi tin rằng khoảng thời gian còn lại của năm 2020 và những tháng đầu năm 2021 vẫn còn nhiều thách thức. Nguyên nhân chính là các đối tác thương mại lớn của Việt Nam đều bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid - đặc biệt là Hoa Kỳ, thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam hiện nay.

Nhu cầu cho các mặt hàng xuất khẩu chủ lực như đồ nội thất, may mặc và giày dép đang giảm khá mạnh trong khi cạnh tranh trong khu vực ngày một tăng lên. Chúng tôi quan ngại về sự giảm sút trong những đơn hàng từ phía Mỹ cùng với doanh số bán hàng từ Việt Nam trong những tháng tới, thậm chí là kéo dài đến năm sau. Trong tình thế khó khăn này, nhiều doanh nghiệp muốn duy trì lực lượng lao động để phát triển lâu dài. Chúng tôi hy vọng rằng các doanh nghiệp sẽ nhận được hỗ trợ từ phía Chính phủ để giúp người lao động không bị mất việc làm, bằng việc giảm trợ cấp hoặc giảm những khoản đóng góp nghĩa vụ đối với Chính phủ.

Đảm bảo người bệnh được tiếp cận với các dịch vụ và sản phẩm y tế chất lượng

Chúng tôi kêu gọi Chính phủ giảm bớt những hạn chế và khó khăn mà một số sản phẩm y tế đang gặp phải trong quá trình gia nhập thị trường Việt Nam. Ví dụ, một số sản phẩm thuốc phải đối mặt với những yêu cầu cấp phép và nhập khẩu quá phức tạp ngay cả khi đã được phê duyệt cho bệnh nhân Việt Nam. Đảm bảo hiệu lực của Giấy đăng ký lưu hành thuốc (MA) là điều cần thiết cho các công ty dược phẩm và cho chính sức khỏe của người bệnh. Các hồ sơ xin gia hạn Giấy đăng ký lưu hành thuốc tồn đọng lâu đã trở thành vấn đề cấp bách; do đó, chúng tôi kêu gọi Chính phủ thiết lập chế độ gia hạn 12 tháng tự động cho các MA và tạm thời hoãn các quy định đang gây ra rào cản cho việc tiếp cận thị trường (chẳng hạn như Giấy chứng nhận sản phẩm dược phẩm, CPPs) cho đến khi chúng được sửa đổi. Ngoài ra, các công ty công nghệ y tế đang phải đối mặt với các yêu cầu về tài liệu và công bố thông tin không nhất quán với thông lệ quốc tế.

Áp dụng những chính sách tài khóa hỗ trợ doanh nghiệp

Bất chấp đại dịch, Việt Nam vẫn có những cơ hội để thu hút doanh nghiệp và đầu tư. Các doanh nghiệp và nhà đầu tư Mỹ đã có nhiều quan ngại trong hợp tác thương mại với các nước khác bởi chính sách thương mại và công nghiệp của họ khiến cho doanh nghiệp Mỹ rơi vào thế cạnh tranh bất lợi. Căng thẳng thương mại trước Covid làm dấy lên những lo ngại về việc tập trung sản xuất ở một quốc gia duy nhất và đại dịch đã làm cho mọi người thấy rõ hơn những lo ngại đó. Trong 18 tháng qua, Việt Nam đã tiếp nhận thêm sản xuất trong chuỗi cung ứng và chúng tôi tin rằng

Việt Nam có thể sẽ nhận được nhiều khoản đầu tư như vậy khi các công ty đang chịu áp lực ngày càng tăng trong việc đa dạng hóa chuỗi cung ứng của họ.

Các thành viên của chúng tôi tin rằng các hành động của Chính phủ đối với đại dịch cũng sẽ củng cố vị thế của Việt Nam như một thị trường hấp dẫn cho hoạt động M&A tiếp tục. Việc nâng Giới hạn Sở hữu Nước ngoài đối với các ngân hàng có thể giúp tăng sức mạnh cho các ngân hàng trong nước và cung cấp nhiều vốn hơn để hội nhập và tăng trưởng kinh doanh. Các thành viên của chúng tôi cũng mong muốn được tham gia thoái vốn nhà nước, mong sớm nhận được hướng dẫn minh bạch về việc gỡ bỏ giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài trong các trường hợp này.

Thúc đẩy các dự án bền vững

Đại dịch toàn cầu đã chứng tỏ rằng các tổ chức công và tư nhân cần có cơ sở hạ tầng thích hợp để vượt qua những sự gián đoạn này. Một lĩnh vực đầy hứa hẹn khác có thể thúc đẩy phục hồi kinh tế là việc tiếp tục phát triển cơ sở hạ tầng, phê duyệt và xúc tiến các dự án đầu tư đã được mong chờ từ lâu. Hợp lý hóa quy trình phê duyệt có thể giúp tạo điều kiện đầu tư cho các dự án và cung cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu để thu hút các nguồn vốn FDI khác. Đây cũng là cơ hội để tập trung vào các dự án bền vững. Các thành viên của chúng tôi rất vui mừng khi thấy Nghị Quyết 55-NQ/TW về năng lượng sạch. Cải thiện việc quản lý chất thải, giảm thiểu lượng khí thải cacbon và các mối lo ngại về chất lượng không khí tại Việt Nam bằng cách thúc đẩy việc sử dụng năng lượng sạch, phương tiện sạch, nông nghiệp sạch, giảm thiểu việc sử dụng năng lượng kém hiệu quả và lãng phí sẽ giúp xây dựng một nền kinh tế tuần hoàn vững mạnh và thúc đẩy tạo việc làm. Các thành viên của chúng tôi hy vọng có thể tiếp cận đầu tư vào các dự án phát triển khí đốt ngoài khơi, các dự án khí thiên nhiên hóa lỏng, năng lượng mặt trời, gió, sinh khối và tham gia đầu tư tư nhân trong các dự án đường truyền tải điện. Cơ hội trong các lĩnh vực này có thể giúp Việt Nam đáp ứng nhu cầu về phát triển năng lượng đồng thời cải thiện môi trường.

Các thành viên của Hiệp hội Thương mại Hoa Kỳ tại Việt Nam cũng rất quan tâm đến sự phát triển của ngành công nghiệp tái chế tại Việt Nam nhằm giảm thiểu ô nhiễm nhựa trên các con sông và biển của Việt Nam. Nếu chúng ta có thể thiết lập một hệ thống thu gom và tái chế rác thải, các giá trị sẽ được định giá và một mảng mới trong nền kinh tế tuần hoàn sẽ được phát triển. Chúng tôi xin cảm ơn Bộ Tài Nguyên và Môi trường đã nỗ lực làm việc cùng chúng tôi. Chúng tôi mong được tiếp tục làm việc với Bộ để đưa ra các ý tưởng nhằm giảm thiểu việc sử dụng các nguyên vật liệu không thể tái chế.

Ứng dụng những sáng kiến mới cho việc tích hợp chuỗi cung ứng toàn cầu

Cuối cùng, trong khi mức thuế suất 20% của Việt Nam là cạnh tranh, các số liệu cho thấy việc khai và nộp thuế ở Việt Nam vẫn còn quá khó khăn so với các nước láng giềng. Quá nhiều các công ty đang chịu những đối xử không công bằng và thiếu minh bạch về việc đánh giá mức thuế, tiền phạt và tiền lãi. Các nhà đầu tư cần thấy các thủ tục kiểm toán và thuế quan có thể dự đoán được và nhất quán với tiêu chuẩn toàn cầu, đồng thời ngăn chặn các phán quyết có hiệu lực hồi tố. Sau nhiều năm, chúng ta vẫn thấy rằng các tiêu chuẩn kế toán của Việt Nam chưa tiệm cận với các tiêu chuẩn toàn cầu, chúng tôi cũng hy vọng được nhìn thấy những sự tiến bộ đối với Thỏa Thuận Trước Về Phương Pháp Xác Định Giá Tính Thuế (APA) nhằm tạo ra sự ổn định và khả năng dự đoán cần thiết để tích hợp vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Sự tiến bộ trong các lĩnh vực thuế sẽ giúp cải thiện các điều kiện kinh doanh nhằm tăng cường sức mạnh cho khối tư nhân, đảm bảo sự phát triển về kinh tế và xã hội, thu hút thêm đầu tư và thúc đẩy sự thịnh vượng tại Việt Nam.

Các thành viên của chúng tôi đại diện cho hàng tỷ đô-la nguồn đầu tư nước ngoài, hàng chục nghìn nhân công trực tiếp, hàng trăm nghìn nhân công gián tiếp và một phần đáng kể trong doanh thu xuất khẩu và thuế của Việt Nam. Như chúng tôi đã nhấn mạnh tại Hội Nghị Thượng Đỉnh Kinh

Doanh tuần trước, các đối tác tin cậy sẽ cùng nhau phát triển thịnh vượng. Các thành viên Amcham luôn sát cánh cùng người dân Việt Nam và luôn cam kết hợp tác với các cơ quan chức năng của Việt Nam để đảm bảo hoạt động kinh doanh không bị gián đoạn quá mức cần thiết trong cuộc khủng hoảng lần này và hiện thực hóa các cơ hội mới trong tương lai.

Nhân dịp kỷ niệm 25 năm quan hệ ngoại giao giữa hai quốc gia, Amcham hy vọng Chính phủ Hoa Kỳ và Việt Nam sẽ thực hiện các bước để bắt đầu đàm phán về một hiệp định thương mại tự do - đa phương hoặc song phương. Điều này cực kỳ quan trọng với các công ty Việt Nam và Hoa Kỳ.

Thay cho lời kết, chúng tôi tự hào rằng có rất nhiều công ty đang nỗ lực tìm cách hỗ trợ cộng đồng địa phương. Các thành viên của Amcham đã quyên góp các trang thiết bị bảo hộ cá nhân, đồ ăn thức uống cho các nhân viên tuyến đầu chống dịch; các thiết bị y tế bao gồm một bộ kit tách chiết ADN/ARN và một hệ thống Realtime PCR, và một xe cứu thương được trang bị đầy đủ cùng với trợ cấp tài chính và các hình thức hỗ trợ khác. Chúng tôi rất vui mừng được hỗ trợ các tổ chức của Việt Nam ở tuyến đầu chống dịch. Chúng tôi vô cùng xúc động trước những món quà là khẩu trang y tế từ Chính phủ và nhân dân Việt Nam đến với Chính phủ và nhân dân Hoa Kỳ. Đó là một lời nhắc nhở tuyệt vời rằng tất cả chúng ta đều có thể cùng nhau đóng góp để hỗ trợ nhau trong những thời điểm khó khăn này.

Lời cuối cùng, tôi xin chân thành cảm ơn vì đã cơ hội được phát biểu vào buổi sáng ngày hôm nay. Chúng ta đều mong đợi vào một tương lai tươi sáng cho Việt Nam và tôi xin gửi lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công đến các vị lãnh đạo, các vị khách quý và các thành viên có mặt tại đây ngày hôm nay.



**BÀI PHÁT BIỂU CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP HÀN QUỐC TẠI VIỆT NAM
TẠI DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM VÀ PHÓ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
PHẠM BÌNH MINH NGÀY 22/12/2020**

*Trình bày bởi: Ông Kim HanYong
Chủ tịch Phòng Thương mại Hàn Quốc tại Việt Nam (KoCham)*

Kính thưa Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Bình Minh,
Kính thưa các quý vị đại biểu,

Hôm nay, tôi xin trao đổi về một số đề xuất với tư cách là đại diện của Cộng đồng Doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam.

Trước tiên, tôi xin đánh giá cao hỗ trợ của Chính phủ Việt Nam đối với các doanh nghiệp Hàn Quốc, nhất là chế độ nhập cảnh đặc biệt vào Việt Nam.

Gần đây, hai nước đã đạt thỏa thuận về việc doanh nhân tới Việt Nam dưới 14 ngày với mục đích kinh doanh sẽ được miễn cách ly bắt buộc, với điều kiện phải tuân thủ chặt chẽ hướng dẫn về cách ly theo quy định của cơ quan chức năng trong thời gian lưu trú tại Việt Nam.

Tôi tin tưởng mạnh mẽ rằng hành động thiện chí với doanh nghiệp này sẽ rất hữu ích trong việc thúc đẩy nền kinh tế của cả Hàn Quốc và Việt Nam trong tình hình COVID-19.

Tôi mong rằng các chuyến bay thương mại thường xuyên giữa Việt Nam và Hàn Quốc sẽ sớm được nối lại trong tương lai gần.

Thứ hai, tôi xin nêu một số vấn đề về giấy phép của nhà đầu tư Hàn Quốc tại Việt Nam.

Tôi đã được nghe về những khó khăn của doanh nghiệp Hàn Quốc khi xin giấy phép tại Việt Nam.

Trong tình hình COVID 19, Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều chính sách thuận lợi để hỗ trợ doanh nghiệp đối phó với tình hình kinh tế của đại dịch.

Tuy nhiên việc cấp phép cho một số dự án quy mô lớn của Hàn Quốc tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh đã bị chậm trễ do thiếu hướng dẫn pháp lý rõ ràng, và điều này gây nhiều khó khăn trong hoạt động đầu tư.

Vì vậy, chúng tôi kính mong Phó Thủ tướng hiểu được tình trạng này, và có hướng dẫn rõ ràng về việc thực hiện quy định để chính quyền địa phương nắm rõ.

Điều này sẽ giúp chính quyền địa phương kịp thời cấp giấy phép cho các dự án bị chậm tiến độ.

Cuối cùng, tôi xin đề nghị Chính phủ Việt Nam cân nhắc việc xây dựng nhà máy điện hạt nhân.

Để hỗ trợ tăng trưởng bền vững, nguồn cung cấp điện ổn định là vấn đề quan trọng mà Chính phủ Việt Nam cần xem xét.

Tôi được biết Bộ Công Thương Việt Nam (Bộ CT) hiện đang chuẩn bị xây dựng Quy hoạch Phát triển Điện lực Quốc gia (Quy hoạch Điện 8) (2021-2030), là quy hoạch cung cấp điện trung và dài hạn.

Việc mở rộng các nguồn năng lượng mới và tái tạo, trong đó có năng lượng mặt trời sẽ là ưu tiên hàng đầu mà chính phủ Việt Nam theo đuổi, và chúng ta đều nhất trí với nghị trình này.

Tôi hiểu rằng các nhà máy điện chịu tải chính trong lưới điện với năng lực sản xuất điện ổn định không bị gián đoạn đóng vai trò thiết yếu đối với Quy hoạch này.

Đề hướng đến mục tiêu này, hiện nay là thời điểm vô cùng thích hợp để Việt Nam cân nhắc phát triển điện hạt nhân, vốn đã bị ngưng lại trước đây trong quy hoạch trung - dài hạn.

Tôi rất tin tưởng rằng chúng tôi sẽ có thể hợp tác với Chính phủ Việt Nam để cung cấp điện ổn định trong tương lai vì Hàn Quốc đã có rất nhiều kinh nghiệm và bí quyết trong hoạt động sản xuất của nhà máy điện hạt nhân.

Xin cảm ơn quý vị đã dành thời gian và chú ý lắng nghe.



BÁO CÁO CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP HÀN QUỐC TẠI VIỆT NAM

TẠI DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THƯỜNG NIÊN 2020

1. Về việc nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính hàng quý

Vấn đề:

Hiện tại - Hiện tại, thuế thu nhập doanh nghiệp của Việt Nam phải tạm nộp theo quý, và nếu tổng số tiền dự kiến nộp hàng quý nhỏ hơn 80% số thuế doanh nghiệp sau khi quyết toán thì sẽ bị áp dụng phạt thuế chậm nộp đối với số tiền chưa nộp.

Tuy nhiên, do ngày đến hạn thanh toán trong quý 4 là vào cuối tháng 1 năm sau, nên cuối cùng công ty phải quyết toán chậm nhất vào cuối tháng 1 để tính số thuế doanh nghiệp phải nộp cuối cùng và tính 80% cho phù hợp.

Do đó, thời hạn quyết toán đến cuối tháng 3 theo luật trên thực tế không được áp dụng và doanh nghiệp phải quyết toán trước tháng 1 để tránh nộp thuế phạt bổ sung nên phát sinh rất nhiều khó khăn cho doanh nghiệp.

Kiến nghị:

Đề xuất cần cải thiện sửa đổi ví dụ như đối với khoản tạm nộp hàng quý, khi nộp số tiền được điều chỉnh hợp lý được tính toán theo kết quả kinh doanh hàng quý của năm hiện tại lấy tiêu chuẩn là 1/4 số thuế doanh nghiệp đã nộp trong năm trước thì sẽ không phải nộp khoản thuế phạt chậm nộp, v.v.

2. Về việc nhập khẩu máy móc đã qua sử dụng

2.1. Định nghĩa dây chuyền sản xuất

Tại Quyết định số 18/2019/QĐ-TTg về việc nhập khẩu máy móc thiết bị đã qua sử dụng quy định: “Dây chuyền công nghệ là hệ thống các máy móc, thiết bị, công cụ, phương tiện được bố trí lắp đặt, kết nối liên hoàn tại một địa điểm nhất định theo sơ đồ, quy trình công nghệ đã thiết kế, bảo đảm vận hành đồng bộ để sản xuất.”

Tuy nhiên, khi nhập khẩu máy móc vào Việt Nam, khó có thể khẳng định rõ ràng hàng hóa nhập khẩu có thuộc 'dây chuyền công nghệ' hay không chỉ với định nghĩa trên.

2.2. Tiêu chuẩn nhập khẩu dây chuyền sản xuất

Tiêu chuẩn nhập khẩu đối với dây chuyền sản xuất cũng quy định tại Quyết định này như sau.

- i. Công suất hoặc hiệu suất còn lại phải đạt từ 85% trở lên so với công suất hoặc hiệu suất thiết kế.
- ii. Mức tiêu hao nguyên, vật liệu, năng lượng không vượt quá 15% so với thiết kế.
- iii. Công nghệ của dây chuyền công nghệ phải đang được sử dụng tại ít nhất 03 cơ sở sản xuất trong các nước thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (Organization for Economic Cooperation and Development - OECD).

Đề nghị làm rõ phương pháp chứng minh chi tiết đáp ứng các tiêu chí trên.

3. Giá chuyển nhượng

Vấn đề:

Hiện tại - Một số lượng lớn các tập đoàn của Hàn Quốc đầu tư vào Việt Nam đang thực hiện nhiều hình thức giao dịch với các công ty mẹ. (Mua, bán nguyên liệu thô, giao dịch vay vốn, giao dịch tiền bản quyền, v.v.)

Theo quy định hiện hành của Việt Nam, đối tượng nộp báo cáo chuyển giá là những doanh nghiệp có doanh thu hàng năm khoảng 2,24 triệu đô la Mỹ (50 tỷ đồng) trở lên và giao dịch với các bên liên quan là 1,35 triệu đô la (30 tỷ đồng).

Các doanh nghiệp vừa và nhỏ, chiếm phần lớn trong số các công ty có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, là đối tượng phải nộp báo cáo và việc đáp ứng được quy định này là một gánh nặng rất lớn cho các doanh nghiệp.

Ngoài ra, nếu cơ quan thuế Việt Nam kiểm tra thuế giá chuyển nhượng và bị đánh thuế bổ sung thì sẽ phát sinh vấn đề doanh nghiệp bị đánh thuế hai lần do tập đoàn mẹ Hàn Quốc cũng phải nộp thuế tại Hàn Quốc, và hiện nay không có phương tiện hay cách thức nào để có thể đưa ra kiến nghị sửa đổi.

Tất nhiên, các quy định pháp luật có cơ sở để đưa ra kiến nghị, nhưng thực tế không dễ để các doanh nghiệp vừa và nhỏ thực hiện thủ tục này do vấn đề về chi phí và thời gian.

Kiến nghị:

Do đó, trước tiên, đề xuất cần tăng đáng kể các điều kiện áp dụng chứng từ giá chuyển nhượng, và thứ hai, thành lập Ủy ban kiểm tra đặc biệt về giá chuyển nhượng (có sự tham gia của các chuyên gia cơ quan thuế và các công ty thuộc lĩnh vực tư nhân như công ty kế toán v.v) có thể tiếp nhận và xử lý các kiến nghị về việc đánh thuế giá chuyển nhượng để giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể nhận được sự hỗ trợ và ưu đãi thỏa đáng.

4. Cần chuẩn hóa quy trình kiểm tra hải quan đối với chất thải công nghiệp khi xử lý đốt chất thải công nghiệp.

Vấn đề:

Hiện tại: Thủ tục kiểm tra hải quan đối với việc xả chất thải định kỳ là 6 tháng hoặc 1 năm. Vấn đề: Xảy ra bất hợp lý, cần phải để phế thải công nghiệp trong nhà máy lâu ngày để hải quan kiểm tra

Kiến nghị:

Đề xuất cải thiện bằng cách kiểm tra hải quan hàng tháng sau đó thực hiện xử lý đốt chất thải công nghiệp.

5. Phương án giải quyết các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường lao động do khói thải từ các nhà máy lân cận tràn vào nhà máy của xí nghiệp

Vấn đề:

Hiện tại: Chính phủ đã ban hành hướng dẫn thi hành để trang bị các phương tiện ngăn ngừa ô nhiễm môi trường để lọc khói độc từ ống khói trong tất cả các cơ sở công nghiệp.

Kiến nghị:

Đề xuất: Vì không có điều khoản bắt buộc, nên có nhiều trường hợp không tuân thủ theo hướng dẫn này, do đó cần phải có các quy định bắt buộc từ cơ quan môi trường của chính phủ.

6. Đề xuất phát triển ngành sản xuất xe nâng / xe tải công nghiệp Việt Nam

Vấn đề:

Hiện tại: Phải nộp thuế hải quan khi nhập khẩu phụ tùng xe nâng để bán trong nước (Tối thiểu 5% ~ Tối đa 25% / Trung bình 15%). Tuy nhiên, khi nhập khẩu và bán xe nâng thành phẩm được miễn thuế / có sự phân biệt đối với các nhà sản xuất trong nước.

Kiến nghị:

- Cần giảm thuế đối với các bộ phận nhập khẩu để sản xuất xe nâng. Mở rộng phạm vi áp dụng các bộ phận dùng cho sản xuất xe nâng (Mã HS 8431.20) hoặc mở rộng việc áp dụng thuế suất 0% đối với các bộ phận chung cho sản xuất xe nâng.
- Cần có các tiêu chuẩn quản lý một cách có hệ thống đối với xe nâng nhập khẩu
 - Áp thuế nhập khẩu xe nâng đã hoàn thành: Hiện tại 0% / Áp dụng trong tương lai (trên 30%)
 - Bao gồm phê duyệt hình thức Việt Nam cho xe nâng nhập khẩu (đã qua sử dụng và mới)



BÀI PHÁT BIỂU CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP NHẬT BẢN TẠI VIỆT NAM TẠI DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THƯỜNG NIÊN 2020

*Trình bày bởi
Ông Tetsu Funayama
Đại diện*

Lời đầu tiên, tôi xin bày tỏ lời cảm ơn chân thành tới Chính phủ Việt Nam vì những nỗ lực hỗ trợ chúng tôi trong suốt thời gian qua, đặc biệt bao gồm vấn đề hoàn thiện môi trường kinh doanh đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Hôm nay, tôi xin thay mặt JCCI đưa ra đề xuất về các biện pháp nhằm xúc tiến đầu tư nước ngoài vào Việt Nam bao gồm đầu tư từ các doanh nghiệp Nhật Bản.

Thực tế cho thấy nền kinh tế Việt Nam đang tiếp tục đà tăng trưởng mạnh trong bối cảnh rất nhiều nền kinh tế trên thế giới đang rơi vào trạng thái trì trệ do ảnh hưởng tiêu cực từ COVID-19. Đây là kết quả xứng đáng nhờ sự chỉ đạo quyết liệt và kịp thời của Chính phủ Việt Nam. Tuy nhiên, để nâng cao hơn nữa đà tăng trưởng hiện tại, chúng tôi cho rằng đẩy mạnh thu hút thêm nhiều vốn FDI chính là một trong những chìa khóa quan trọng.

Trong số những doanh nghiệp Nhật Bản đã đầu tư vào Việt Nam, có không ít doanh nghiệp phải đối mặt với các vấn đề khi "Thực hiện dự án đầu tư đã được cấp phép", hoặc khi "Lắp đặt nhà máy sản xuất". Ngoài ra, cũng có những doanh nghiệp cảm thấy bối rối khi gặp vấn đề về "Thuế và lao động", hoặc lo lắng về "Cơ sở hạ tầng năng lượng". Bởi vậy, giải quyết được những vấn đề kể trên sẽ tạo tiền đề quan trọng giúp thu hút nhiều hơn nữa vốn FDI không chỉ từ Nhật Bản mà còn từ nhiều quốc gia khác.

Tôi xin đề xuất hai yêu cầu nhằm giải quyết những vấn đề này.

Đầu tiên là "*Bố trí một đầu mối liên hệ chung liên quan đến dự án đầu tư*". Tôi mong rằng Chính phủ sẽ bố trí một đầu mối liên hệ chung trong bộ máy chính quyền trung ương để liên lạc với các cơ quan có thẩm quyền ở địa phương và đối ứng tham vấn từ các doanh nghiệp nước ngoài. Thông qua trao đổi liên lạc với đầu mối liên hệ này, các doanh nghiệp nước ngoài có thể hiểu một cách chi tiết về thủ tục cần thiết để xin cấp phép đầu tư và thực hiện đầu tư, hiểu về việc áp dụng cụ thể của từng quy định pháp luật trước khi thực hiện đăng ký đầu tư. Điều này sẽ giúp loại bỏ những lo lắng của doanh nghiệp nước ngoài khi đầu tư vào Việt Nam, từ đó giảm thiểu phần nào các rủi ro phát sinh trong quá trình "Thực hiện đầu tư".

Thứ hai là "*Tiếp tục hỗ trợ người nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam vì mục đích công việc và thực hiện các biện pháp đặc biệt cho người nước ngoài có thể nhập cảnh vào Việt Nam trong thời gian ngắn hạn vì mục đích công việc*". Dưới sự hỗ trợ của Chính phủ Việt Nam, đến nay đã có khoảng 3.000 người nước ngoài được nhập cảnh vào Việt Nam với mục đích công việc. Tuy nhiên, những người nước ngoài được nhập cảnh vào Việt Nam theo diện trên phần lớn là các vị trí cấp cao của doanh nghiệp đã sinh sống ở Việt Nam trong một thời gian dài. Thực tế cho thấy việc nhập cảnh đối với các kỹ sư sang Việt Nam ngắn hạn để thi công, vận hành thử dây chuyền sản xuất, giải quyết các vấn đề trước khi sản xuất chính thức vẫn còn rất nhiều hạn chế. Chúng tôi rất hy vọng Chính phủ Việt Nam sẽ có những biện pháp, cơ chế đặc biệt đối với các trường hợp nhập cảnh ngắn hạn như đã kể trên.

Bên cạnh việc cải thiện môi trường kinh doanh, về lâu dài, liên quan đến lĩnh vực công nghiệp sản xuất chế tạo, việc "Phát triển công nghiệp vật liệu" và "Giải quyết tận gốc vấn đề năng lượng" là

những nan đề mà Chính phủ Việt Nam bắt buộc phải lưu tâm. Bên cạnh đó, để đáp ứng tốc độ phát triển kinh tế vượt bậc như hiện nay, tôi nghĩ rằng Việt Nam cần phải "Xây dựng một thị trường chứng khoán, cơ chế tài chính minh bạch và công bằng, được vận hành một cách hiệu quả và mở cửa hơn đối với các giao dịch với nước ngoài".

Bên cạnh đó, câu hỏi đặt ra là chúng ta sẽ thực hiện "Chuyển đổi kỹ thuật số" – yếu tố chìa khóa ảnh hưởng tới sự hưng thịnh hay lụi tàn của các doanh nghiệp và việc kinh doanh trong tương lai bằng cách nào? Đây là một đề tài vô cùng quan trọng trong việc quyết định khả năng cạnh tranh của Việt Nam trên trường quốc tế. Mặc dù việc ứng dụng chuyển đổi số có thể phải đồng nghĩa với nguy cơ đánh đổi các chính sách về an ninh quốc gia và doanh nghiệp, việc ứng dụng nhanh và đi trước các quốc gia khác sẽ đem lại lợi ích to lớn đối với Việt Nam. Chính vì thế, chúng tôi rất hy vọng Chính phủ sẽ có những hỗ trợ đặc biệt đối với các doanh nghiệp nước ngoài mong muốn đóng góp sức mình cho Việt Nam trong lĩnh vực này.

Tôi tin tưởng rằng dưới sự chỉ đạo, lãnh đạo tài tình của Chính phủ Việt Nam trong việc thành công đẩy lùi đại dịch COVID-19, thực hiện các chính sách xây dựng môi trường kinh doanh phù hợp để thu hút FDI, cùng những nỗ lực dẫn đầu trong quá trình chuyển đổi số chắc chắn sẽ giúp nền kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng phi mã trong tương lai.



BÁO CÁO CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP NHẬT BẢN TẠI VIỆT NAM TẠI DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THƯỜNG NIÊN 2020

Nhờ nhiều hình thức hỗ trợ khác nhau bao gồm Chính sách ưu đãi đầu tư của Chính phủ Việt Nam, tổng số vốn được chấp thuận đầu tư từ Nhật Bản vào Việt Nam trong 4 năm từ năm 2017 đến tháng 8 năm 2020 đạt 20.3 triệu đô la Mỹ. Tính theo vốn đầu tư của từng nước, Nhật Bản trở thành nước có vốn đầu tư lớn thứ 2 tại Việt Nam. Tính riêng từng năm, Nhật Bản là nước có vốn đầu tư lớn nhất tại Việt Nam trong năm 2017 và 2018.

Nhằm thu hút hơn nữa vốn đầu tư từ Nhật Bản - một nước đang xếp thứ hạng cao về vốn đầu tư lớn vào Việt Nam, phục hồi nền kinh tế Việt Nam dưới tác động của dịch Virus corona chủng mới theo mô hình chữ V và đưa nền kinh tế sang trạng thái bình thường mới của thời kỳ hậu COVID-19, chúng tôi xin kiến nghị các nội dung sau đây gồm Các vấn đề cũng như đưa ra Giải pháp cho các vấn đề đó như sau:

1. Vấn đề xây dựng Cơ sở sản xuất và lắp ráp quan trọng đóng vai trò xương sống của chuỗi cung ứng toàn cầu

1.1. Thời điểm thẩm định thiết bị sản xuất liên quan đến xây dựng nhà máy quy mô lớn

Vấn đề:

- Hiện nay, việc xây dựng nhà máy mới có diện tích từ 20.000 m² trở lên sẽ trở thành dự án cấp độ 1 (Grade 1) và thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Xây dựng, vì thế nhà máy bao gồm cả thiết bị nhà xưởng và thiết bị sản xuất sẽ phải được thẩm định và phê duyệt từng thứ một.

Sau khi hoàn tất 2 giai đoạn phê duyệt này, cuối cùng thì doanh nghiệp cũng có thể bắt đầu điều chỉnh dây chuyền sản xuất, bao gồm điều chỉnh Hệ số sinh lợi để bắt đầu sản xuất sản phẩm thương mại. Tuy nhiên, việc thẩm định thiết bị sản xuất này mất rất nhiều thời gian khiến doanh nghiệp khó lên được kế hoạch khi nào sẽ bắt đầu sản xuất, dẫn đến làm tăng rủi ro khi đầu tư vào Việt Nam.

Đề xuất:

- Chúng tôi mong chính phủ Việt Nam nói lỏng quy định về thời điểm thẩm định thiết bị sản xuất khi xây dựng nhà máy quy mô lớn cũng như đổi quy định sao cho doanh nghiệp có thể bắt đầu điều chỉnh dây chuyền sản xuất song song với thời gian thẩm định thiết bị sản xuất.

1.2. Thay đổi khoảng thời gian chấp thuận trong Chính sách ưu đãi thuế đối với dự án đầu tư quy mô lớn

Vấn đề:

- Theo Chính sách hiện hành, các doanh nghiệp Nhật Bản sẽ được nhận ưu đãi về thuế bằng cách nộp đơn xin cho Cơ quan có thẩm quyền để đăng ký đầu tư dự án từ 6 nghìn tỷ VNĐ trở lên trong vòng 3 năm. Đầu tiên họ sẽ đầu tư vào dự án có quy mô vừa và nhỏ, sau đó mới đưa ra quyết định chuyển sang đầu tư quy mô lớn dựa trên đánh giá thực tế phản ứng thị trường dựa trên khoản đầu tư ban đầu. Bởi vậy, chúng tôi tin tưởng rằng

nếu chính phủ cho phép doanh nghiệp được chứng nhận đầu tư quy mô lớn tính theo lũy kế thì Việt Nam sẽ có thêm nhiều dự án lớn hơn 6 nghìn tỷ đồng hơn nữa.

Đề xuất:

- Chúng tôi mong chính phủ Việt Nam sẽ cho phép áp dụng Chính sách ưu đãi thuế đối với trường hợp doanh nghiệp thực hiện đầu tư từ 6 nghìn tỷ VNĐ trở lên tính theo lũy kế bao gồm cả số tiền đầu tư tăng thêm sau khi đã đăng ký dự án đầu tư, hoặc sau khi đã thực hiện đầu tư cho cùng lĩnh vực trong thời gian trước đây.

1.3. Hưởng ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp chế xuất

Vấn đề:

- Các doanh nghiệp Nhật Bản đang gặp phải một số vấn đề để được hưởng ưu đãi thuế cho doanh nghiệp chế xuất (EPE).
- Sau khi Nghị định 82/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, đã có một số trường hợp doanh nghiệp không được cấp giấy phép EPE cho đến khi nhà máy được xây dựng xong, và phải chịu các loại thuế phí liên quan đến việc lấy đất, xây dựng nhà xưởng và nhập khẩu thiết bị mà những loại thuế này đáng lẽ ra được miễn. Đây là gánh nặng trong quá trình hoạt động kinh doanh đối với doanh nghiệp đầu tư vào Việt Nam.

Đề xuất:

- Mong muốn khi thực hiện cấp giấy phép EPE, chính phủ Việt Nam quy định rõ trong văn bản việc sẽ miễn một phần chi phí liên quan đến việc lấy đất, xây dựng nhà xưởng, nhập khẩu thiết bị mà doanh nghiệp đã trả trước khi được cấp giấy phép. Hơn nữa, chúng tôi đặc biệt rất mong chính phủ sẽ cấp giấy phép EPE cùng lúc khi xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư như trước đây.

1.4. Hưởng ưu đãi thuế cho toàn bộ chuỗi cung ứng

Vấn đề:

- Cho đến hiện tại, đã có nhiều doanh nghiệp Nhật Bản đầu tư vào Việt Nam nhờ những Chính sách ưu đãi do Chính phủ Việt Nam ban hành. Việc thiết lập các chính sách ưu đãi tốt hơn nữa là chìa khóa quan trọng giúp thu hút toàn bộ chuỗi cung ứng bao gồm cả các ngành công nghiệp phụ trợ của các công ty Nhật Bản đầu tư vào Việt Nam. Ví dụ, các doanh nghiệp Nhật Bản thường sẽ có nhiều công ty hợp tác xung quanh một công ty lớn. Giữa công ty lớn và các công ty hợp tác có phân chia vai trò phức tạp và chặt chẽ liên quan đến hoạt động sản xuất. Chúng tôi cho rằng việc thu hút không chỉ các doanh nghiệp lớn mà cả các công ty hợp tác của doanh nghiệp đó, nghĩa là thu hút cả một chuỗi hệ thống sản xuất sẽ tạo ra nhiều lợi thế hơn cho Việt Nam. Bằng cách đó, không chỉ các công ty lớn đầu tư vào Việt Nam, mà còn thu hút và tạo điều kiện cho các công ty hợp tác của công ty lớn đó cũng có thể đầu tư vào Việt Nam.

Đề xuất:

- Mong muốn chính phủ Việt Nam cho phép áp dụng Chính sách ưu đãi thuế doanh nghiệp đối với từng công ty thông qua việc xem xét từng dự án của công ty đó có đủ điều kiện nhận ưu đãi thuế hay không. Tuy nhiên, trong trường hợp thỏa mãn điều kiện là khoản đầu tư vào lĩnh vực công nghệ cao, hoặc số tiền đầu tư vượt quá một hạn mức nhất định thì rất mong chính phủ phê duyệt ưu đãi thuế cho toàn bộ công ty trong chuỗi cung ứng đó.

1.5. Thực hiện các ưu đãi mới

Vấn đề:

- Khi doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam (ví dụ doanh nghiệp sản xuất ô tô) đầu tư thiết bị cho nhà máy sản xuất, họ rơi vào tình trạng rất khó đầu tư vốn cho dây chuyền sản xuất sản phẩm dành cho thị trường nội địa vì thị trường nội địa Việt Nam chưa phát triển đến quy mô giúp doanh nghiệp có thể thu hồi khoản vốn đầu tư này.
- Trong việc thu hút đầu tư cho ngành công nghiệp sản xuất, chúng tôi thấy ngành công nghiệp vật liệu (như kim loại và nhựa chất lượng cao) chưa phát triển ở Việt Nam. Hơn nữa, cho dù doanh nghiệp Nhật Bản đã phát triển được mạng lưới nhà cung cấp tại Việt Nam đi nữa thì khi đạt đến một mức độ nhất định, các nhà cung cấp này sẽ ngừng chuyển hướng kinh doanh với các công ty từ các quốc gia khác thay vì tiếp tục hợp tác với doanh nghiệp Nhật Bản. Kết quả tất yếu là sự phụ thuộc vào vật liệu nhập khẩu sẽ ngày càng tăng, khiến ngành công nghiệp vật liệu có giá trị gia tăng và chất lượng cao tại Việt Nam khó có thể phát triển được.

Đề xuất:

- Cho đến khi thị trường trong nước phát triển, chúng tôi mong muốn chính phủ xem xét việc áp dụng biện pháp hỗ trợ tài chính và ưu đãi thuế đối với hoạt động đầu tư vốn vào trang thiết bị như khuôn mẫu và đồ gá, nhằm thúc đẩy đầu tư từ các hãng sản xuất ô tô.
- Để thu hút doanh nghiệp Nhật Bản sản xuất các sản phẩm tiên tiến, cao cấp và phát triển mạng lưới nhà cung cấp có thể sản xuất vật liệu có giá trị gia tăng và chất lượng cao tại Việt Nam, chúng tôi mong rằng chính phủ Việt Nam xem xét áp dụng các Chính sách khuyến khích chẳng hạn như ưu đãi thuế cho nhà cung cấp và các doanh nghiệp có kế hoạch mở rộng, phát triển mạng lưới nhà cung cấp sản xuất các vật liệu có giá trị gia tăng và chất lượng cao.

2. Phương thức đối tác công tư (PPP)

Vấn đề:

- Việt Nam cần phát triển cơ sở hạ tầng hơn nữa từ phát điện, sân bay, đường sá, bến cảng cho đến bệnh viện để có thể tiếp tục tăng trưởng kinh tế sau khi kiểm soát được dịch COVID-19 ở trong nước. Mặt khác, các nước đang phát triển đều có tình trạng chung giống nhau là vốn đầu tư cho cơ sở hạ tầng chỉ lấy từ vốn đầu tư công của chính phủ và nguồn vốn tư nhân trong nước, cho nên vốn đầu tư tương đối hạn chế. Trong bối cảnh đó, không thể phủ nhận rằng phương thức đối tác công tư (PPP) có vai trò vô cùng quan trọng trong việc phân bổ nguồn vốn tư nhân của nước ngoài cho việc phát triển cơ sở hạ tầng ở Việt Nam và giúp giảm gánh nặng cho ngân sách quốc gia.
- Thông thường các dự án để phát triển cơ sở hạ tầng sẽ sử dụng hình thức huy động vốn theo phương thức PPP này, và chi dòng tiền do hoạt động kinh doanh cơ sở hạ tầng đó tạo ra mới được coi là nguồn tiền để hoàn trả vốn vay, cho nên khi huy động nguồn vốn phát triển khổng lồ thì tính ưu việt của chính hoạt động kinh doanh của dự án được đảm bảo như thế nào mới là chìa khóa quan trọng.

Đề xuất:

- Để đảm bảo khả năng vay từ ngân hàng, cần phải cân bằng tỷ lệ rủi ro giữa chính phủ và doanh nghiệp, đảm bảo các bảo lãnh từ chính phủ trong trường hợp khẩn cấp, và phải vận hành theo các quy tắc có tính minh bạch cao. Cụ thể những nội dung dưới đây là vô cùng quan trọng cho việc thu hút sự tham gia của các doanh nghiệp Nhật Bản:
 - Chính phủ bảo lãnh thực hiện hợp đồng chẳng hạn như bảo lãnh các khoản thanh toán của công ty nhà nước cho doanh nghiệp PPP
 - Áp dụng luật quốc tế, không chỉ giới hạn ở luật Việt Nam, làm luật điều chỉnh", và

- Xem xét lại bảo lãnh chuyển đổi ngoại tệ trong đó đã thiết lập phạm vi bảo lãnh là nhỏ hơn hoặc bằng 30% số tiền sau khi trừ các khoản phải chi từ thu nhập kinh doanh bằng tiền VND.
- Ngay cả sau khi luật PPP mới có hiệu lực vào năm 2021, chúng tôi mong muốn được tiếp tục thảo luận với các bộ, ngành và các thành viên liên quan trong Quốc hội nhằm hướng tới đảm bảo các điều kiện nêu trên thông qua việc hoàn thiện quy định pháp luật, sớm áp dụng các điều kiện linh hoạt cho từng dự án trong quá trình vận hành.

3. Cải thiện môi trường nhằm thúc đẩy M&A (Luật Chứng khoán, Luật Quản lý và Sử dụng vốn nhà nước)

Vấn đề:

- Giống như Nhật Bản, trong Luật Chứng khoán của Việt Nam cũng nghiêm cấm Giao dịch nội gián khi mua bán cổ phiếu của công ty niêm yết. Tuy nhiên, các quy định của Luật Chứng khoán Việt Nam còn mang tính trừu tượng, chưa làm rõ trường hợp nào thì được coi là thông tin nội bộ. Mặt khác, tại Việt Nam, đến thời điểm hiện tại, hầu như không có trường hợp giao dịch nội gián nào bị phát hiện, và chúng tôi nhận thấy rằng trong số các công ty niêm yết của Việt Nam, cũng có rất ít người biết về quy định liên quan đến giao dịch nội gián. Do vậy, khi doanh nghiệp Nhật Bản xem xét việc tham gia góp vốn vào một công ty niêm yết tại Việt Nam, cũng có trường hợp việc xử lý các thông tin không công khai thu được thông qua Thẩm định chi tiết doanh nghiệp, v.v có thể trở thành một điểm nghẽn làm cho việc tham gia góp vốn trở nên không thực hiện được.
- Liên quan tới vấn đề đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài vào công ty niêm yết, theo Nghị định chính phủ trong Luật Chứng khoán có quy định Tỷ lệ sở hữu vốn của nhà đầu tư nước ngoài tối đa là 49% đối với các ngành nghề đáp ứng các điều kiện thuộc “lĩnh vực đầu tư có điều kiện” của Luật Đầu tư. Về điểm này, với việc sửa đổi Nghị định chính phủ năm 2015, việc nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn đã được chấp thuận ở một số ngành, tuy nhiên vẫn còn rất nhiều ngành nghề bị giới hạn Tỷ lệ sở hữu vốn, điều này đã gây cản trở không nhỏ tới mong muốn đầu tư của doanh nghiệp Nhật Bản vào Việt Nam.
- Các quy tắc cụ thể liên quan đến việc tư nhân hóa công ty nhà nước đã được quy định trong Nghị định chính phủ, nhưng xét từ tiêu chuẩn M&A mang tính quốc tế thì chúng tôi nghĩ là vẫn còn nhiều chỗ cần xem xét về phương pháp định giá cổ phiếu và phương pháp chào bán cổ phiếu khi xác định giá bán.

Đề xuất:

- Chúng tôi mong chính phủ “Làm rõ tiêu chí vận hành quy định giao dịch nội gián liên quan đến việc mua bán cổ phiếu của công ty niêm yết”. Cụ thể là xin hãy làm rõ tiêu chí vận hành quy định giao dịch nội gián trong Thông tư hoặc các hình thức tài liệu chính thức khác
- Chúng tôi cũng hy vọng rằng chính phủ sẽ nới lỏng giới hạn đối với "Giới hạn tỷ lệ sở hữu vốn của nhà đầu tư nước ngoài trong công ty niêm yết". Chúng tôi hy vọng rằng trong Nghị định mới của chính phủ hiện đang soạn thảo sẽ nới lỏng hơn nữa tỷ lệ sở hữu vốn của nhà đầu tư nước ngoài.
- Chúng tôi mong chính phủ xem xét lại "Phương pháp định giá cổ phiếu và phương pháp chào bán cổ phiếu của công ty nhà nước". Ví dụ, chúng tôi mong muốn chính phủ cải thiện tính minh bạch về thủ tục hành chính bao gồm việc quy định rõ trong các văn bản pháp luật các nguyên tắc, hình thức đấu thầu công khai, quy trình và yêu cầu trong việc Thẩm định chi tiết doanh nghiệp.

4. Các thách thức về vấn đề thuế

Vấn đề:

- Nhất quán về cách hiểu quy định pháp luật: Việt Nam đã ban hành Chính sách ưu đãi thuế đối với ngành công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp công nghệ cao, nhưng chưa quy định rõ tiêu chí để trở thành đối tượng được hưởng ưu đãi, và có trường hợp giữa các bộ, ngành có cách hiểu khác nhau. Nếu bị truy thu thuế sau khi bị thanh tra thuế thì ưu đãi thuế không còn là chính sách khuyến khích nữa, mà là một rủi ro đối với doanh nghiệp.

Đề xuất:

- Để tránh điều này, chúng tôi mong chính phủ Việt Nam thực hiện các biện pháp để giúp sử dụng hiệu quả hơn các chính sách ưu đãi thuế hiện tại bằng cách ban hành văn bản hướng dẫn giúp làm rõ các quy định hiện hành.

Vấn đề:

- Cập nhật đối tượng: Tại Việt Nam, đã ban hành chính sách ưu đãi thuế dành cho doanh nghiệp có giấy phép kinh doanh lĩnh vực công nghệ cao nhằm thu hút các Cơ sở sản xuất sử dụng công nghệ tiên tiến. Tuy nhiên, đối tượng xin cấp giấy phép kinh doanh lĩnh vực công nghệ cao này chỉ áp dụng cho các công nghệ và sản phẩm đang được xem xét tại thời điểm xin cấp giấy phép, không bao gồm các công nghệ và sản phẩm mới. Do đó, chính sách này không mang tính khuyến khích cao cho các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ và sản phẩm tiên tiến mới.

Đề xuất:

- Đặc biệt, chu kỳ vòng đời của các sản phẩm và công nghệ tiên tiến thường rất ngắn, có nhiều trường hợp ví dụ như một chiếc điện thoại thông minh chẳng hạn, cùng một mẫu máy sau 4-5 năm có thể phải sử dụng công nghệ hoàn toàn khác. Chính vì vậy, chúng tôi hy vọng chính phủ sẽ xây dựng một chính sách khuyến khích đổi mới công nghệ và sản phẩm thông qua việc cho phép kéo dài thời hạn tái thẩm định, miễn trừ giấy phép kinh doanh lĩnh vực công nghệ cao.

Vấn đề:

- Phạm vi đối tượng nộp thuế: Trong chính sách thuế định giá chuyển nhượng, đối tượng là doanh nghiệp có nhiều giao dịch với bên liên quan chẳng hạn như doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài bao gồm cả Nhật Bản, nhưng trong phạm vi quy định đối tượng được miễn thuế lại đang đề xuất là tính từ Tứ phân vị thứ nhất trở lên (top 75%) hoặc bách phân vị thứ 35 (top 65% trở lên). Trong khi nhiều nước phát triển khác đang áp dụng Tứ phân vị thứ nhất thì quy định này của Việt Nam khá là khắt khe, và tương đối bất lợi với doanh nghiệp vì nó làm tăng khả năng đánh thuế hai lần một cách vô lý giữa hai nước.

Đề xuất:

- Chúng tôi mong muốn chính phủ vẫn giữ cách tính Tứ phân vị thứ nhất như hiện tại phù hợp với thông lệ quốc tế.

Vấn đề:

- Nghĩa vụ lập Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia đối với công ty con trong Chính sách thuế định giá chuyển nhượng: Trong dự thảo sửa đổi nghị định Chính phủ có đề xuất về trường hợp bắt buộc pháp nhân Việt Nam là công ty con phải lập báo cáo lợi nhuận liên quốc gia, nhưng đây là một yêu cầu không thực tế, và sẽ tạo nên gánh nặng và rủi ro quá sức đối với công ty con.

Đề xuất:

- Do công ty con ít khi có được thông tin về công ty mẹ và các công ty con ở các quốc gia khác, cho nên quy định này làm tăng rủi ro không cần thiết cho doanh nghiệp khi đầu tư vào Việt Nam và thành lập pháp nhân tại Việt Nam. Vì vậy chúng tôi mong chính phủ xóa bỏ quy định này.

Vấn đề:

- Hệ thống xác nhận trước: Do Hệ thống xác nhận trước trong đó Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và các cơ quan chức năng của nước khác trong đó có Nhật Bản thương lượng với nhau để thống nhất về phạm vi chưa đi vào hoạt động, nên đã làm tăng rủi ro về mặt quản lý của doanh nghiệp Nhật Bản khi tính thuế định giá chuyển nhượng.

Đề xuất:

- Để giảm thiểu rủi ro khi tính thuế định giá chuyển nhượng, Chính phủ Việt Nam đã ban hành Hệ thống xác nhận trước trong đó Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và các cơ quan chức năng của nước khác trong đó có Nhật Bản thương lượng với nhau để thống nhất về phạm vi đối tượng, nhưng vẫn chưa quyết định người ký tên cuối cùng ở phía Việt Nam nên Hệ thống này vẫn chưa đi vào hoạt động. Vì vậy, mong chính phủ hãy cải thiện vấn đề này.

5. Các thách thức về vấn đề lao động

Vấn đề:

- Vấn đề bãi bỏ Tuyển dụng lao động ngắn hạn: Luật Lao động sửa đổi bãi bỏ Hình thức hợp đồng lao động ngắn hạn và Hợp đồng lao động theo mùa vụ mà trong Luật cũ đã được quy định. Tuy nhiên, Tuyển dụng ngắn hạn là một cách để doanh nghiệp đối ứng sự biến động trong sản xuất, vì thế việc bãi bỏ Hợp đồng lao động ngắn hạn sẽ khiến doanh nghiệp đang tham gia hoạt động sản xuất ở Việt Nam gặp khó khăn trong việc đảm bảo nguồn nhân lực. Hiện tại, chúng tôi e ngại là doanh nghiệp khó có thể đối ứng sự biến động trong sản xuất liên quan đến thị trường nước ngoài, và điều này sẽ làm giảm khả năng cạnh tranh của họ.

Đề xuất:

- Chúng tôi mong Chính phủ Việt Nam xem xét Hình thức hợp đồng lao động mới để giúp doanh nghiệp đối ứng sự biến động trong sản xuất, và ban hành Nghị định chính phủ liên quan đến lao động để giúp duy trì hoạt động sản xuất và đáp ứng các điều kiện thị trường, chẳng hạn như tăng số lần gia hạn Hợp đồng lao động thay cho Hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

Vấn đề:

- Vấn đề trong Quy định về thời gian làm thêm giờ: Quy định số giờ làm thêm trong một năm: Thông thường được làm thêm 200 giờ/năm, trường hợp đặc biệt được làm thêm 300 giờ/năm. So với Nhật Bản thông thường 360 giờ một năm thì số giờ làm thêm ở Việt Nam tương đối ít hơn, điều này làm mất đi tính linh hoạt trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Việt Nam và làm giảm sức cạnh tranh của những công ty này trên trường quốc tế.

Đề xuất:

- Để tăng tính linh hoạt trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, chúng tôi mong chính phủ cho phép doanh nghiệp không cần thiết phải xin tăng số giờ làm thêm lên 300 giờ, và việc số giờ làm thêm vượt quá 300 giờ sẽ được chấp thuận trên cơ sở hợp đồng quản lý lao động.

Vấn đề:

- Vấn đề của Quy trình quyết định mức lương tối thiểu: Quy trình quyết định mức lương tối thiểu không rõ ràng được cho là một trong những yếu tố làm tăng rủi ro quản lý của doanh nghiệp.

Đề xuất:

- Nếu chính phủ công khai tiêu chuẩn tính toán thì doanh nghiệp có thể xây dựng kế hoạch quản lý có tầm nhìn tốt hơn. Và nếu chính phủ định nghĩa phạm vi đối tượng của mức lương tối thiểu là tổng số tiền lương phải trả thì sẽ giúp doanh nghiệp giảm thiểu được rủi ro về mặt quản lý. Vì vậy, chúng tôi mong chính phủ đưa ra Quy trình quyết định mức lương tối thiểu này một cách rõ ràng

Vấn đề:

- Vấn đề về thời hạn của Giấy phép lao động và số lần gia hạn giấy phép lao động cho lao động nước ngoài: Luật Lao động sửa đổi quy định thời hạn của giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài là hai năm và được gia hạn một lần. Giả sử sau 4 năm kể từ khi kết thúc thời gian gia hạn nói trên, nếu không được cấp giấy phép nữa, hoặc phải tạm thời quay về nước rồi trở lại Việt Nam mới được cấp lại giấy phép thì sẽ làm cho việc chỉ đạo, hướng dẫn về quản lý và kỹ thuật cho pháp nhân tại nước sở tại bị trì hoãn, vì thế có thể làm cho khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp bị giảm sút.

Đề xuất:

- Chúng tôi mong chính phủ ban hành Nghị định làm rõ thủ tục xin cấp giấy phép lao động mới với thủ tục đơn giản và nhanh chóng sau khi giấy phép hết hạn.

Vấn đề:

- Về thủ tục tuyển dụng của các tổ chức, cá nhân có vốn đầu tư nước ngoài: Nghị định mới đang trong quá trình soạn thảo, yêu cầu các công ty, tổ chức, cá nhân có vốn đầu tư nước ngoài trên 51% phải thực hiện hoạt động tuyển dụng thông qua các trung tâm giới thiệu việc làm do Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội cấp phép. Nếu nghị định sửa đổi này được thông qua, hầu hết các công ty nước ngoài sẽ cần thêm thời gian để tiến hành tuyển dụng nhân lực, gây tác động tiêu cực tới hoạt động kinh doanh.

Đề xuất:

- Chúng tôi mong Chính phủ Việt Nam tiếp tục cho phép các công ty, cá nhân có 51% vốn đầu tư nước ngoài trở lên được phép tiến hành tuyển dụng trực tiếp lao động Việt Nam.

6. Cơ sở hạ tầng năng lượng

6.1. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng năng lượng để đa dạng hóa các nguồn năng lượng thân thiện với môi trường

Vấn đề:

- Cùng với tăng trưởng kinh tế, nhu cầu sử dụng điện cũng tăng lên, cho nên việc đảm bảo nguồn điện nhanh chóng và lượng điện cung cấp bằng cách phát triển lưới điện trở thành vấn đề cấp bách. Để đảm bảo năng lượng bao gồm điện năng, một yếu tố không thể thiếu cho phát triển kinh tế và xã hội, thì bên cạnh việc khai thác dầu, khí tự nhiên, than đá được sản xuất trong nước vốn được coi là chìa khóa để phát triển công nghiệp và nền tảng kinh tế trong nước, cần phải có một chiến lược phát triển nguồn năng lượng phù hợp bao gồm cả năng lượng nhập khẩu. Vì thế, chúng tôi cho rằng chính phủ cần xem xét các

nguồn năng lượng phù hợp với tình hình của Việt Nam và đảm bảo thân thiện với môi trường - một vấn đề đang được quan tâm trong những năm gần đây.

- Từ quan điểm bảo vệ môi trường, LNG và năng lượng tái tạo đang thu hút sự chú ý vì đây là loại năng lượng ít gây tác động xấu tới môi trường. Mặt khác, để sử dụng những nguồn năng lượng này, cần hoàn thiện cơ sở hạ tầng và xây dựng Chế độ chính sách phù hợp.

Đề xuất:

- Để sử dụng LNG, việc hoàn thiện cơ sở hạ tầng bao gồm kho tiếp nhận và thiết bị chứa LNG nhập khẩu, đường ống dẫn khí đến nơi sử dụng, máy phát điện, v.v là vô cùng cấp bách. Chúng tôi mong chính phủ sẽ nhanh chóng xúc tiến hoàn thiện cơ sở hạ tầng này dựa trên Quy hoạch tổng thể ngành công nghiệp khí (ban hành năm 2017), và thấu hiểu tầm quan trọng của việc đảm bảo khả năng vay vốn ngân hàng giống như nội dung được nghị luận về Phương thức đối tác công tư (PPP) khi phát triển các dự án phát điện bằng LNG, v.v. Yêu cầu đối với việc phát triển các nguồn tài nguyên trong nước cũng tương tự như vậy.
- Về việc xây dựng Chế độ chính sách, chúng tôi mong chính phủ xem xét việc xây dựng Chế độ chính sách ổn định để nhà đầu tư nước ngoài dễ dàng lập kế hoạch đầu tư trung và dài hạn, đặc biệt đối với năng lượng tái tạo cụ thể như sau:
 - Xem xét duy trì và kiện toàn Chính sách Feed-in Tariff (Biểu giá điện hỗ trợ) phù hợp hơn;
 - Hoàn thiện hợp đồng mua điện giúp nhà đầu tư dễ dàng vay vốn ngân hàng hơn;
 - Rút ngắn thời gian và đơn giản hóa các thủ tục khi bổ sung dự án vào Quy hoạch tổng thể phát triển điện lực (PDP);
 - Áp dụng ưu đãi cho công ty và nhà máy sử dụng năng lượng tái tạo;
 - Nói lỏng hơn nữa quy định về sử dụng các nguồn điện ngoài lưới điện.
 - Chúng tôi cho rằng nhiệt điện than vẫn tiếp tục là nguồn điện cơ bản quan trọng ở Việt Nam. Bên cạnh các biện pháp bảo vệ môi trường bằng cách nâng cao hiệu suất của các nhà máy nhiệt điện than hiện có và lắp đặt thêm các thiết bị bảo vệ môi trường, chúng tôi mong Chính phủ xem xét việc xây dựng thêm các nhà máy nhiệt điện than sử dụng công nghệ mới nhất bởi lẽ đây cũng là một biện pháp quan trọng để đảm bảo nguồn cung cấp điện ổn định và giá rẻ.

6.2. Khuyến khích các hoạt động và sản phẩm tiết kiệm năng lượng và ít tác động môi trường

Vấn đề:

- Không chỉ phía công ty cung cấp điện mà cả phía người sử dụng điện cũng cần phải nỗ lực cùng tham gia giải quyết sớm vấn đề này.

Đề xuất:

- Chúng tôi đề xuất chính phủ áp dụng ưu đãi cho "Hoạt động tiết kiệm năng lượng" để cắt giảm việc sử dụng điện năng lãng phí và hạn chế ảnh hưởng của tình trạng cung không đủ cầu.

Vấn đề:

- Lượng phát thải khí CO₂ cao và ô nhiễm không khí ngày càng nghiêm trọng đang trở thành rào cản giúp Việt Nam tiến tới phát triển và hiện thực hóa một xã hội bền vững và hiệu quả.

Đề xuất:

- Phổ cập các sản phẩm ít tác động môi trường bằng chính sách ưu đãi là một trong những biện pháp hiệu quả để loại bỏ phát thải khí CO₂. Ví dụ bằng cách thúc đẩy lượng tiêu thụ xe điện và xe hybrid thay vì xe chạy xăng truyền thống thông qua chính sách ưu đãi có thể giúp giảm thiểu phát thải khí CO₂ và giảm bớt tình trạng ô nhiễm không khí.

7. Mong muốn sự hỗ trợ từ phía chính phủ Việt Nam đối với từng dự án FDI riêng lẻ

- Để thúc đẩy FDI từ doanh nghiệp Nhật Bản, chúng tôi tin rằng một trong số những điều quan trọng nhất đó là các doanh nghiệp Nhật Bản yêu cầu thông tin cũng như xác nhận trước với Chính phủ Việt Nam về các quy định pháp luật cụ thể áp dụng và có khả năng gây ảnh hưởng tới tiến độ cũng như quy trình đầu tư ví dụ như các thủ tục cần thiết để đăng ký đầu tư hay ưu đãi thuế áp dụng đối với từng dự án đầu tư riêng biệt.
- Về điểm này, JCCI đã đề xuất với chính phủ việc ban hành Hệ thống tham chiếu trước liên quan đến việc áp dụng cụ thể từng quy định pháp luật tại Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam(Vietnam Business Forum) từ năm 2017 trên cơ sở tham khảo "Thủ tục xác nhận trước việc áp dụng quy định và pháp luật Nhật Bản (Hệ thống No Action Letter (Thư Không Có Biện Pháp) phiên bản tiếng Nhật). Nhân dịp này, chúng tôi mong chính phủ Việt Nam một lần nữa nỗ lực hiện thức hóa Hệ thống này. Ngoài ra, chúng tôi cũng muốn đưa ra đề xuất việc bố trí một đầu mối liên hệ chung trong bộ máy chính quyền trung ương để xử lý việc tham chiếu và tham vấn trước, đề xuất việc đảm bảo và tăng cường hợp tác giữa đầu mối liên hệ chung này với các cơ quan có thẩm quyền ở địa phương.



BÁO CÁO CỦA PHÒNG THƯƠNG MẠI ANH QUỐC TẠI VIỆT NAM (BRITCHAM) TẠI DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THƯỜNG NIÊN 2020

Phòng Thương mại Anh Quốc tại Việt Nam (Britcham Việt Nam) xin gửi lời chào tới các Chủ tịch và Đồng Chủ tịch Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam. Hiệp hội Doanh nghiệp Anh Quốc tại Việt Nam đã đổi tên và thương hiệu trong năm nay nhằm hỗ trợ mối quan hệ ngày càng phát triển giữa Việt Nam và Vương quốc Anh nhân dịp kỷ niệm quan hệ Đối tác Chiến lược của hai quốc gia.

BritCham xin chúc mừng Chính phủ và nhân dân Việt Nam vì đã thành công trong kiểm soát COVID-19, trong khi tiếp tục duy trì được tăng trưởng và sự hấp dẫn của quốc gia đối với Đầu tư Trực tiếp Nước ngoài, cũng như ủng hộ yêu cầu của Vương quốc Anh về việc trở thành quan sát viên chính thức của ASEAN và CPTPP trong chuyến thăm của Bộ trưởng Ngoại giao và Bộ trưởng Chính sách Thương mại Anh Quốc vào tháng 9 năm 2020, BritCham hoàn toàn ủng hộ Chính phủ Việt Nam trong tiến trình hướng tới môi trường kinh doanh cởi mở và minh bạch hơn.

Chúng tôi mong được Chính phủ Việt Nam quan tâm đến những vấn đề sau đây, là những vấn đề được các doanh nghiệp thành viên của chúng tôi đề cập.

1. Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Vương quốc Anh

Thứ sáu, ngày 11/12/2020, Bộ trưởng Bộ Thương mại Quốc tế Vương quốc Anh Liz Truss và Bộ trưởng Bộ Công Thương Việt Nam Trần Tuấn Anh đã kết thúc đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Vương quốc Anh (UKVNFTA) tại Hà Nội, với sự chứng kiến của hai các doanh nghiệp hàng đầu của hai quốc gia. Việc ký kết UKVNFTA duy trì tính liên tục cần thiết cho quan hệ thương mại chặt chẽ giữa Vương quốc Anh và Việt Nam, chuyển tiếp lợi ích của FTA giữa Việt Nam-EU sang hiệp định song phương Việt Nam – Vương quốc Anh từ ngày 1/1/2021. Đặc biệt, hiệp định mang lại cơ hội tăng cường thương mại và hỗ trợ việc làm và tăng trưởng cho cả hai quốc gia khi hiệp định có hiệu lực, thông qua:

- Xóa bỏ 65% trong tổng số các loại thuế quan từ thời điểm hiệp định có hiệu lực, tăng lên 99% sau 7 năm. Điều này có lợi cho doanh nghiệp xuất khẩu máy móc, dược phẩm, hóa chất, rượu mạnh của Vương quốc Anh (bao gồm Scotch Whisky);
- Giảm rào cản luật pháp và cắt giảm thủ tục hành chính;
- Bảo đảm bảo hộ chỉ dẫn địa lý;
- Mở cửa thị trường dịch vụ và mua sắm công;
- Đảm bảo thực thi các quy tắc đã thỏa thuận.

2. Vấn đề Kiểm soát Biên giới - Công tác ngăn chặn - Chuyên gia và Chủ doanh nghiệp bị mắc kẹt ở Nước ngoài

Nhận xét:

Nhiều doanh nghiệp hoạt động theo hình thức có lãnh đạo điều hành tại Việt Nam và có trách nhiệm báo cáo hoặc quản lý tại các địa điểm trong khu vực. Ngoài ra, lãnh đạo điều hành tại các địa điểm trong khu vực cũng có trách nhiệm quản lý đối với các khoản đầu tư và hoạt động của doanh nghiệp tại Việt Nam. Bên cạnh đó, những dự án đầu tư quan trọng cả ở khu vực tư nhân và nhà nước cũng có nhu cầu cử chuyên gia kỹ thuật sang Việt Nam liên quan đến các vấn đề như lắp đặt máy móc phức tạp, cần có sự tham gia của chuyên gia thì bảo hành mới có hiệu lực. Việc đóng cửa biên giới kéo dài đã bảo vệ Việt Nam khỏi tác động tồi tệ nhất của đại dịch COVID toàn cầu, nhưng đang có tác động đến tâm lý kinh doanh, khả năng thực hiện kinh doanh ở Việt Nam và việc triển khai các dự án đầu tư đúng tiến độ. Điều này đang ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế của Việt Nam và có thể trở thành một bất lợi cạnh tranh đối với Việt Nam khi hạn chế đi lại được giảm bớt trên toàn cầu.

Hơn nữa, nhiều doanh nghiệp đang gặp phải những thách thức lớn khi hoạt động mà không có nhân sự chủ chốt và gia đình, đặc biệt những gia đình có trẻ em đang thấy nhiều nguy hại do tình trạng chia cắt kéo dài.

BritCham đánh giá cao những nỗ lực của Chính phủ trong việc hỗ trợ cộng đồng quốc tế tại Việt Nam, mặc dù vẫn còn những thách thức về quy trình và lịch bay.

Doanh nghiệp có trụ sở tại Việt Nam có công ty con trong khu vực đang gặp khó khăn trong quản lý những công ty con này do các yêu cầu cách ly và tình trạng không chắc chắn, do đó, việc điều chỉnh hợp lý những yêu cầu này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động quản lý hoạt động khu vực/quốc tế từ Việt Nam.

Kiến nghị:

Chúng tôi kiến nghị về việc ưu tiên thiết lập các “bong bóng du lịch” hay “hành lang đường không” đi lại an toàn với các trung tâm tài chính khu vực có vai trò quan trọng đối với Việt Nam, đặc biệt là với những quốc gia có thành tích tốt trong kiểm soát COVID như Singapore, Thái Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản. Việc bố trí cho phép chuyên gia kỹ thuật đi công tác ngắn hạn và nhập cảnh vào Việt Nam với thủ tục hợp lý (như xét nghiệm, thời gian cách ly ngắn hạn và hạn chế hoạt động trong nước), kết hợp với quy trình nộp hồ sơ hợp lý, bao gồm việc phê duyệt các chuyến bay và loại bỏ việc phê duyệt trực tiếp đối với các chuyến bay cụ thể vào những ngày cụ thể do lịch bay liên tục thay đổi.

3. Chứng nhận Hợp quy (CoC)

Vấn đề:

Việt Nam hiện chưa chấp nhận CoC. Do đó, tất cả các lô xe ô tô nhập cảnh đều được cơ quan hải quan xử lý riêng từng lô, bao gồm quy trình kiểm tra chứng nhận khí thải và chất lượng an toàn phức tạp và tốn kém.

Nhận xét:

Nếu một nhà máy được phê duyệt theo Giấy chứng nhận Sản xuất (CoP), nhà máy sẽ cấp giấy này cho các nhà nhập khẩu thực hiện nhập khẩu ô tô được sản xuất từ nhà máy này trong 3 năm. Thanh tra Việt Nam không thể thực hiện được việc kiểm tra các cơ sở do COVID. Do đó, doanh nghiệp nhập

khẩu có thể nộp đơn xin CoP dựa trên chứng từ. Nhưng sau 6 tháng, việc kiểm tra sẽ cần được thực hiện do chúng tôi không kỳ vọng tình hình COVID trên thế giới sẽ thay đổi trong những tháng tới.

Kiến nghị:

Do đó, Britcham Việt Nam kiến nghị chấp nhận Chứng nhận Hợp quy làm tiêu chuẩn nhập khẩu ô tô.

4. Năng lượng Tái tạo

a. Kéo dài thời gian áp dụng cơ chế giá FIT cho năng lượng gió

Vấn đề:

Cơ chế giá FIT hiện tại cho năng lượng gió sẽ hết hạn vào ngày 1/11/2021, khiến doanh nghiệp phát triển điện gió không có đủ thời gian để đưa dự án vào hoạt động trước thời hạn đó - 91 dự án điện gió được phê duyệt vào tháng 7/2020 sẽ được đưa vào Tổng sơ đồ Điện 7 (PDP7) và vẫn đang chờ Bộ Công Thương cấp giấy phép.

Nhận xét:

Thời hạn này không cho phép có đủ thời gian chuẩn bị để hoàn thành các dự án mới, đặc biệt là điện gió ngoài khơi.

Kiến nghị:

Chúng tôi kiến nghị kéo dài thời gian áp dụng cơ chế giá FIT thêm tối thiểu 2 năm, đến ngày 31/12/2023.

b. Cơ chế giá FIT cho năng lượng mặt trời

Vấn đề:

Theo các doanh nghiệp phát triển năng lượng mặt trời, việc kéo dài thời gian áp dụng cơ chế giá FIT từ ngày 30/6/2020 đến ngày 30/12/2020 vẫn chưa đủ.

Nhận xét:

FIT nên có thời hạn áp dụng lâu hơn để cho phép doanh nghiệp phát triển thực hiện các dự án năng lượng mặt trời, đặc biệt là năng lượng mặt trời mái nhà.

Kiến nghị:

Chúng tôi kiến nghị công bố áp dụng FIT mới cho năng lượng mặt trời đúng hạn và có thời hạn áp dụng lâu hơn.

5. Chính sách thuế

Vấn đề:

Chính sách thuế trong đó chi phí lãi vay có thể được trừ khi tính thuế TNDN bị giới hạn ở mức trần 30% Thu nhập trước lãi vay, thuế, khấu hao (EBITA) nếu công ty vay từ nước ngoài từ 1 đô la trở lên hoặc giao dịch với các bên liên quan.

Ý tưởng của thuế này là để hạn chế chuyển giá thông qua các khoản thanh toán lãi vay.

Nhận xét:

Trong kinh doanh và xuất khẩu cà phê, chính sách thuế này khuyến khích các công ty bán cà phê giao ngay cho các công ty nước ngoài, trong khi thị trường cà phê kỳ hạn vẫn có thể bù đắp chi phí lãi vay khi giữ cà phê ở Việt Nam khi thị trường đang có cấu trúc 'contango' (giá tương lai của hàng hóa cao hơn giá giao ngay được dự kiến trong tương lai).

Điều đó nghĩa là doanh nghiệp xuất khẩu bỏ lỡ lợi nhuận từ giao dịch vì lợi nhuận được ghi nhận bởi đơn vị nước ngoài nơi đặt sở kinh doanh.

Ngoài ra, các công ty thương mại Anh không thể giao dịch với đối tác liên doanh địa phương cũng là doanh nghiệp xuất khẩu cà phê, vì sau đó họ sẽ phải chịu trách nhiệm về thuế này. Trước khi áp dụng thuế này, các công ty thương mại Anh đã thường xuyên giao dịch với đối tác liên doanh bất cứ khi nào doanh nghiệp có cà phê với phẩm chất đặc biệt mà họ cần.

Kiến nghị:

Britcham Việt Nam kiến nghị về việc hủy mức trần về chi phí lãi vay cho cà phê và các lĩnh vực kinh doanh hàng hóa khác. Quy định được đưa ra với ý định tốt nhưng không thực tế trong thực tiễn, hoặc tối thiểu trong ngành kinh doanh cà phê.

6. Giáo dục:

Vấn đề:

Các trường quốc tế Anh đang phải đối mặt với một loạt các thủ tục phức tạp để xin giấy phép thành lập cơ sở giáo dục. Có bốn loại giấy phép: (1) sử dụng đất; (2) giấy phép xây dựng; (3) nghiệm thu công trình; và (4) giấy phép mở trường. Các bộ ngành khác nhau xử lý từng loại việc này.

Nhận xét:

Quy trình cấp phép phức tạp này không khuyến khích đầu tư thành lập các trường quốc tế tại Việt Nam.

Khuyến nghị:

Chúng tôi đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng quy trình xin giấy phép rõ ràng, có các mốc thời gian và quy trình khiếu nại.

7. Công nghệ tài chính (Fintech):

Vấn đề:

Vương quốc Anh được công nhận là trung tâm Fintech toàn cầu hàng đầu. Các công ty Anh đang mong muốn mở rộng đầu tư vào lĩnh vực Fintech tại Việt Nam. Một khuôn khổ pháp lý thuận lợi hơn sẽ tạo sự chắc chắn cho các công ty muốn gia nhập thị trường Việt Nam.

Nhận xét:

Các quy định đối với Fintech tại Việt Nam vẫn còn hạn chế. Việt Nam chưa ban hành bất kỳ quy định chính thức hoặc hướng dẫn rõ ràng nào cho lĩnh vực Fintech; điều này sẽ hạn chế đầu tư và gây ra do dự của các công ty muốn tiếp cận thị trường Việt Nam.

Kiến nghị:

Chúng tôi được biết, NHNN đang dự thảo Nghị định về Fintech, đang lấy ý kiến của nhiều bộ ngành và cơ quan liên quan, do đó chúng tôi mong Nghị định này sẽ sớm được báo cáo lên Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

8. Dược phẩm

Vấn đề:

Ba thách thức có liên quan dưới đây gây chậm trễ trong việc phê duyệt dược phẩm sẽ ảnh hưởng đến cơ hội sử dụng, cung ứng và xuất/nhập khẩu dược phẩm

a. Yêu cầu bổ sung đối với Giấy chứng nhận Sản phẩm Dược phẩm (CPP)

Theo quy định tại Thông tư 32/2018/TT-BYT, có yêu cầu bổ sung về thủ tục đăng ký thuốc, theo đó CPP trong hồ sơ phải có các nguồn hoạt chất của thành phẩm, không tuân thủ mẫu CPP của WHO. Quy định này gây ra gánh nặng hành chính và tài chính đối với doanh nghiệp và các cơ quan quản lý/đại sứ quán các quốc gia khác bao gồm cả Vương quốc Anh.

b. Hiệu lực của giấy chứng nhận lưu hành đối với thuốc/vắc xin

Theo quy định mới, giấy chứng nhận lưu hành đối với thuốc/vắc xin có hạn sử dụng giấy chứng nhận lưu hành trước ngày 1/7/2020 không được gia hạn thêm 12 tháng trong khi chờ được gia hạn 5 năm. Do đó, những loại thuốc/vắc xin này không được xuất khẩu vào Việt Nam và điều này gây ra gián đoạn nguồn cung, đặc biệt bất lợi trong đại dịch Covid-19.

c. Mẫu giấy tờ pháp lý kèm theo hồ sơ đăng ký thuốc

BYT yêu cầu tất cả các giấy tờ hợp pháp phải được hợp pháp hóa bằng chữ ký tươi và con dấu. Tuy nhiên, trong thời gian Covid, cơ quan quản lý nước ngoài không thể ban hành những giấy tờ này, do vậy đã gây khó khăn cho doanh nghiệp.

Kiến nghị:

Để đảm bảo tính liên tục của nguồn cung thuốc, bảo vệ bệnh nhân Việt Nam và giảm áp lực đối với ngành y tế trong và hậu Covid-19, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho kế hoạch sản xuất của doanh nghiệp, chúng tôi kính đề nghị Chính phủ nhanh chóng ban hành một Nghị quyết để giải quyết những vấn đề sau đây:

- Tạm dừng thực hiện một số quy định liên quan đến yêu cầu bổ sung liên quan đến CPP tại Thông tư 32, hiện đang gây khó khăn cho việc thực hiện cho đến khi Thông tư được sửa đổi, bổ sung.
- Duy trì hiệu lực của giấy chứng nhận lưu hành thuốc thêm 12 tháng, áp dụng cho các giấy chứng nhận hết hạn từ 01/07/2020 đến 31/12/2021.
- Chấp nhận và áp dụng định dạng điện tử đối với các giấy tờ pháp lý kèm theo hồ sơ đăng ký.

Chúng tôi hy vọng các phản hồi cùng các nhận xét và kiến nghị nêu trên của chúng tôi sẽ được sự quan tâm của Chính phủ và tất cả những vấn đề này sẽ được giải quyết kịp thời, tạo môi trường tốt nhất cho doanh nghiệp Anh Quốc và Việt Nam phát triển quan hệ hơn nữa trong 10 năm quan hệ đối tác chiến lược sắp tới.

Một lần nữa, chúng tôi xin chân thành cảm ơn Chính phủ Việt Nam đã liên tục hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam, trong đó có doanh nghiệp Vương quốc Anh trong những năm qua, và chúng tôi cũng đánh giá cao những tiến bộ mà Chính phủ đã đạt được theo hướng có môi trường kinh doanh cởi mở hơn và minh bạch hơn.



BÁO CÁO CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP ÚC TẠI DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THƯỜNG NIÊN 2020

Chính phủ Việt Nam đã có những biện pháp hiệu quả trong việc ứng phó với dịch COVID-19, bao gồm nhận thức rõ mối đe dọa của đại dịch đối với sức khỏe con người và nền kinh tế, thực hiện các chương trình nâng cao nhận thức người dân, quy định đeo khẩu trang, sử dụng dung dịch nước rửa tay, đo thân nhiệt và giãn cách xã hội; cũng như áp dụng biện pháp cách ly tập trung và cách ly tại nơi cư trú để ngăn ngừa sự lây lan của đại dịch.

Kết quả là Việt Nam có số ca nhiễm bệnh ở mức rất thấp và số ca tử vong đặc biệt thấp so với các quốc gia khác có dân số tương đương, và dĩ nhiên, tốt hơn nhiều so với Australia.

Tuy nhiên, cũng như ở tất cả các quốc gia khác, COVID-19 đang đặt ra những thách thức lớn cho nền kinh tế và các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Dù đã có những kết quả ấn tượng trong nỗ lực kiểm soát đại dịch từ góc độ y tế cộng đồng nhưng thành công trong việc ngăn chặn khủng hoảng y tế không đồng nghĩa với việc chống lại suy thoái kinh tế. Theo dự báo của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), cầu trong nước và quốc tế giảm sâu hơn dự kiến sẽ làm chậm tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam từ 7% xuống còn khoảng 2,7% trong năm 2020.

Tăng trưởng thương mại ở Việt Nam cũng sẽ tiếp tục chậm lại do ảnh hưởng của suy thoái toàn cầu và gián đoạn chuỗi cung ứng.

Bên cạnh đó, trong thời gian đóng cửa thị trường, những thay đổi công nghệ đang tạo ra những bước đột phá tích cực đối với quy trình sản xuất và phân phối, và đại dịch cũng cho thấy rõ hơn bao giờ hết tầm quan trọng của công nghệ số trong hoạt động kinh doanh, nêu bật ý nghĩa của việc tăng cường kỹ năng số và bảo mật dữ liệu.

Australia là một trong các quốc gia đầu tư FDI lớn vào Việt Nam và hai Chính phủ Australia và Việt Nam cũng đã khẳng định cam kết làm sâu sắc quan hệ hai nước với việc thiết lập Quan hệ Đối tác Chiến lược. Doanh nghiệp Australia, cũng giống như các công ty khác trên thế giới vào thời điểm này, đang rà soát, đánh giá và định hình lại hoạt động ở phạm vi trong nước cũng như nước ngoài. Nhiều công ty ở Australia đang phải vật lộn để tồn tại và chuyển đổi để tinh gọn hơn, tập trung hơn và đang cân nhắc đa dạng hóa chuỗi cung ứng, đặc biệt là ở châu Á, trong đó có Việt Nam.

Tuy vậy, một số doanh nghiệp Australia, đặc biệt là những doanh nghiệp có nền tảng tài chính vững chắc, quản lý thông minh và hỗ trợ công nghệ tiên tiến, sẽ tận dụng lợi thế trong bối cảnh này để đẩy mạnh đầu tư, phát triển tại Việt Nam cũng như các nước lân cận.

Nhiều công ty Australia nhìn thấy cơ hội để mở rộng phạm vi hiện diện và hoạt động khi tình hình đại dịch dần ổn định và hoạt động kinh doanh quay trở lại trạng thái “bình thường mới”. AusCham sẽ tiếp tục hỗ trợ tích cực cho các doanh nghiệp Australia đang hoạt động tại Việt Nam và chào đón các doanh nghiệp mới thiết lập hoạt động tại đây.

Các doanh nghiệp Australia tại Việt Nam vẫn tiếp tục duy trì hoạt động, nhưng có thu hẹp quy mô sản xuất và do đó nguồn doanh thu cũng giảm hơn so với trước. Hoạt động đầu tư và chi tiêu trong trạng thái cầm cự và cắt giảm trong 9 tháng qua là hiện tượng phổ biến trong môi trường kinh doanh. Tất nhiên, một số công ty vẫn phải cắt giảm nhân viên, giảm lương, yêu cầu nhân viên sử dụng hết thời gian nghỉ phép và nhìn chung giảm mức độ hoạt động kinh doanh.

Tuy nhiên, chúng ta vẫn có thể nhìn thấy ánh sáng ở cuối đường hầm. Chúng tôi kỳ vọng rằng vào giữa năm 2021, tình hình kinh doanh sẽ có bước khởi sắc với việc mở cửa thị trường quốc tế và khôi phục hoạt động thương mại, đương nhiên với một cách tiếp cận mới để quản lý kinh doanh, can thiệp vào Chuỗi cung ứng toàn cầu và kiểm soát thương mại quốc tế dựa trên điều kiện cụ thể của bối cảnh bình thường mới và chung sống an toàn với đại dịch COVID-19.

Để đảm bảo hoạt động kinh doanh bền vững trong dài hạn, chúng ta ý thức được sự cần thiết phải thực hiện các quy trình an toàn không chỉ vì sức khỏe và an toàn của nhân viên mà còn trong việc quản lý nguyên vật liệu, đóng gói, vận chuyển và logistic. Các công ty vượt qua đại dịch và phát triển mạnh mẽ trong thập kỷ tới sẽ áp dụng các hệ thống quản lý và kiểm soát công nghệ tiên tiến nhằm giảm thiểu sự can thiệp của con người và sử dụng các hệ thống xử lý, quản lý và phân phối tự động dựa trên số hóa. Bên cạnh đó, chuỗi cung ứng cần được rút ngắn hoặc đa dạng hóa để giảm thiểu nguy cơ gián đoạn nguồn cung. Chúng ta sẽ có được những bài học quý báu về gián đoạn nghiêm trọng và lâu dài đối với Chuỗi cung ứng toàn cầu trong đại dịch COVID-19 để phòng tránh trong những trường hợp tương tự ở tương lai.

Vì Australia tham gia nhiều vào các hoạt động giáo dục tại Việt Nam, trong các trường đại học, cao đẳng và trường quốc tế, chúng tôi đặc biệt quan tâm về định hướng đối với hệ thống trường học trong tương lai. Các trường học nên được thiết kế, xây dựng và vận hành như thế nào để giảm thiểu việc gián đoạn hoạt động và lây truyền dịch bệnh, đồng thời giảm thiểu khả năng lây nhiễm bệnh cho giáo viên, phụ huynh và học sinh trong tương lai. Chúng tôi có nhiều đại diện tham gia trong Nhóm Công tác Nguồn Nhân lực, Giáo dục và Đào tạo của VBF.

Các doanh nghiệp Australia cũng rất quan tâm đến lĩnh vực khách sạn và du lịch, ngành đang chịu ảnh hưởng nghiêm trọng do việc thiếu vắng khách du lịch quốc tế. Ngay cả việc hạn chế đi lại và công tác trong nước cũng là vấn đề đáng quan ngại. Mặc dù du lịch nội địa đang cố gắng hỗ trợ ngành khách sạn và du lịch, nhưng việc suy giảm tình hình kinh doanh thương mại trong nước cũng ảnh hưởng không nhỏ đến các doanh nghiệp. Một số doanh nghiệp đã đóng cửa hoặc cắt giảm dịch vụ trong khi một số khác gặp khó khăn về tài chính, thậm chí phá sản. Các công ty Du lịch và Khách sạn đang chờ đến khi các quy định hạn chế đi lại được gỡ bỏ và quay trở lại môi trường du lịch khi mà sự xuất hiện của du khách nước ngoài tại Việt Nam được coi là một hiện tượng bình thường chứ không phải ngoại lệ như hiện nay. Dĩ nhiên, trạng thái bình thường mới đối với khách du lịch quốc tế sẽ là việc các cơ sở lưu trú duy trì hoạt động vệ sinh, khử trùng dù là phòng nghỉ, nhà hàng hay cơ sở vật chất khác, kiểm tra thân nhiệt, sử dụng khẩu trang, nước rửa tay, v.v., để giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm và truyền bệnh, đồng thời đảm bảo tối đa sức khỏe và sự an toàn của khách du lịch.

Như tất cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài khác, những thách thức do đại dịch COVID-19 gây ra đối với các doanh nghiệp Australia đang hoạt động tại Việt Nam là vô cùng sâu rộng. Tuy vậy, chúng ta tin rằng điều tồi tệ nhất đã ở phía sau cùng với những kiến thức, trải nghiệm sống và làm việc trong bối cảnh đại dịch, chúng tôi tin tưởng rằng chúng ta sẽ phục hồi vững chắc hơn trong tương lai.

Trong chuyến thăm tới Việt Nam vào tháng 8/2019, Thủ tướng Australia Morrison và Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc cam kết tiếp tục thúc đẩy mối quan hệ song phương bền chặt giữa hai nước và xây dựng Kế hoạch hành động cho quan hệ Đối tác Chiến lược giai đoạn 2020-2023.

Trong bối cảnh này, khai khoáng là lĩnh vực đầy tiềm năng để hợp tác phát triển, trong đó Australia là một trong những quốc gia hàng đầu thế giới về thực hiện đổi mới trong ngành khai thác và chế biến, với chuyên môn kỹ thuật xuất sắc, an toàn và bền vững môi trường còn ngành khai khoáng Việt Nam hiện đang hoạt động với “công nghệ khai thác, chế biến ở mức hạn chế, điều kiện hạ tầng còn thiếu, lực lượng nhân công lớn nhưng năng suất lao động thấp, sử dụng nhiều năng lượng, rủi ro an toàn cao và ô nhiễm môi trường vượt xa mức cho phép”, theo như phản ánh của một công ty khai thác mỏ quốc doanh hàng đầu.

Các khu vực nơi phát hiện mỏ khoáng sản thường nằm ở vùng sâu, vùng xa hơn, miền núi và chủ yếu bao gồm những vùng kinh tế xã hội nghèo nhất trong cả nước, Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ. Khai thác bền vững và hiện đại ở Việt Nam chắc chắn sẽ đáp ứng hai trong số các mục tiêu chính của Ngân hàng Thế giới trong Khung Đối tác Quốc gia tại Việt Nam, đó là (a) Phát triển cơ sở hạ tầng và (b) mở rộng cơ hội tham gia hoạt động kinh tế của các dân tộc thiểu số ở vùng sâu vùng xa.

Do đó, Australia có thể đóng một vai trò quan trọng trong việc giúp Việt Nam tận dụng các nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, chưa được khai thác một cách hiệu quả, có trách nhiệm với môi trường, bền vững và an toàn, nhằm thu hút FDI và tạo chuyển biến quan trọng cho tăng trưởng kinh tế đất nước cũng như giảm tỷ lệ nợ quốc gia, đặc biệt là trong giai đoạn phục hồi sau đại dịch.

Chúng tôi cũng xin vui mừng được thông báo rằng cùng với Đại học RMIT Việt Nam, AusCham Việt Nam đã tổ chức thành công việc đưa các doanh nhân Australia trở lại Việt Nam trên chuyến bay của Bamboo Airways hạ cánh vào ngày 6 tháng 9. Các hành khách đã trải qua 14 ngày cách ly tại khách sạn ở thành phố Hạ Long ngay sau khi máy bay hạ cánh.



BÁO CÁO ¹CỦA HIỆP HỘI CÁC DOANH NGHIỆP ẤN ĐỘ TẠI VIỆT NAM TẠI DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THƯỜNG NIÊN 2020

Hiệp hội Doanh nghiệp Ấn Độ tại Việt Nam (InCham Hà Nội) xin được bày tỏ sự đánh giá cao những nỗ lực gần đây của Chính phủ Việt Nam nhằm cải thiện hơn nữa môi trường đầu tư tại Việt Nam. Trên thực tế, chúng tôi nhận thấy có nhiều tiềm năng đầu tư to lớn từ phía các nhà đầu tư Ấn Độ và trên cơ sở đó, chúng tôi muốn nhân cơ hội này để đưa ra các ý kiến đóng góp về chính sách dành cho các ngành chủ chốt, bao gồm đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực năng lượng và điện. Đây là các nhóm ngành có ảnh hưởng không chỉ tới các dự án đầu tư của Ấn Độ tại Việt Nam mà còn gắn bó chặt chẽ với khu vực đầu tư nước ngoài nói chung tại Việt Nam.

Chúng tôi hi vọng Chính phủ Việt Nam sẽ xem xét các đề xuất của chúng tôi, đề xuất được chia thành hai phần như dưới đây:

I. ĐIỆN KHÍ TỰ NHIÊN HÓA LỎNG (LNG)

Nhu cầu điện ở Việt Nam đang tăng khoảng 10% / năm, tạo áp lực lớn lên ngành điện trong việc đảm bảo nguồn cung ổn định cho phát triển kinh tế và đảm bảo cân đối cung cầu trong chuỗi giá trị. Hiện tại, hỗn hợp năng lượng của Việt Nam chủ yếu dựa vào các nguồn truyền thống như thủy điện, nhiệt điện đang trên đà bão hòa và các nguồn thông thường như than đã bị thế giới loại bỏ do tác động nguy hại đến môi trường. Việt Nam dự đoán sẽ có hỗn hợp năng lượng hợp lý với các nguồn điện sạch như năng lượng tái tạo và thị trường dường như đang cân nhắc đưa khí thiên nhiên hóa lỏng tham gia vào tổ hợp năng lượng bền vững của Việt Nam như một giải pháp thay thế hiệu quả cho than. Mặc dù khí hóa lỏng LNG không phải là loại năng lượng không phát thải carbon, nhưng nó vẫn tốt hơn các nguồn nhiệt điện.

1. Đề án

Vào tháng 3 năm 2016, Đề án Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia (Quy hoạch điện VII Điều chỉnh) đã được phê duyệt cho giai đoạn 2016-2030 (Đề án này đang được điều chỉnh thêm và Quy hoạch điện VIII dự kiến hoàn thành vào năm 2020). Theo Quy hoạch điện VII Điều chỉnh, nhiệt điện khí, bao gồm nhiệt điện khí thông thường, bên cạnh điện khí tự nhiên hóa lỏng được đặt mục tiêu đạt 44 tỷ kWh vào năm 2020, 76 tỷ kWh vào năm 2025 và 96 tỷ kWh vào năm 2030. Tổng công suất của các nhà máy nhiệt điện khí được đặt mục tiêu lần lượt đạt 9 triệu kW vào năm 2020, 15 triệu kW vào năm 2025 và 19 triệu kW vào năm 2030.

Bên cạnh đó, Quy hoạch điện VII Điều chỉnh nêu rõ mục tiêu phát triển hệ thống kho cảng khí hóa lỏng LNG tại Sơn Mỹ, Bình Thuận nhằm mục đích cung cấp thêm cho các cơ sở khí với các thiết bị

¹ Khuyến cáo: Nội dung trong Báo cáo này chỉ được cung cấp cho mục đích tư vấn và không cấu thành lời khuyên pháp lý hoặc chuyên môn khác. Mặc dù thông tin có thể được coi là đúng và chính xác vào ngày xuất bản, nhưng những thay đổi về hoàn cảnh có thể ảnh hưởng đến tính chính xác và hợp lệ của thông tin. InCham sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào phát sinh từ việc sử dụng thông tin trong Báo cáo này.

đầu cuối phù hợp cho các trung tâm điện lực như Phú Mỹ và Nhơn Trạch, đây là những trung tâm đi đầu trong việc sản xuất điện khí hoá lỏng LNG.

2. Hình thức đầu tư

Theo quy định của pháp luật và thực tiễn ở Việt Nam, các dự án điện lớn và không bao gồm các dự án điện tái tạo thường được phát triển dựa trên (i) một nhà sản xuất điện độc lập (**IPP**); hoặc (ii) dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (**PPP**) (Luật PPP mới hạn chế Bảo lãnh và Cam kết của Chính phủ (**GGU**) ở mức độ lớn hơn và giới hạn khả năng chuyển đổi tiền tệ ở mức 30%, điều này là không thực tế nhìn từ khía cạnh kinh doanh), thường dưới hình thức một dự án xây dựng - vận hành - chuyển nhượng (**BOT**). Dự án IPP do tư nhân tài trợ toàn bộ mà không sử dụng bất kỳ nguồn vốn nào từ ngân sách nhà nước, trong khi đó dự án PPP dựa trên sự hợp tác giữa một bên là Nhà nước và một bên tư nhân. So với dự án IPP, cơ chế BOT được ưu tiên hơn vì các đặc điểm khác biệt của nó là đảm bảo an ninh thông qua nhiều bảo lãnh và khuyến khích từ chính phủ. Nói cách khác, thông thường, Chính phủ cấp Bảo lãnh và Cam kết của Chính phủ (GGU) cho các nhà đầu tư và công ty dự án của các dự án điện BOT, chủ yếu bao gồm (i) cung cấp vật tư; (ii) bao tiêu sản phẩm; (iii) mọi nghĩa vụ thanh toán và mọi cam kết tài chính; và (iv) quyền chuyển đổi thanh toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (**EVN**) từ Đồng Việt Nam sang Đô la Mỹ và chuyển tiền từ Đô la Mỹ ra nước ngoài.

3. Ưu đãi đầu tư

Dự án nhà máy điện khí hóa lỏng LNG đầu tư theo hình thức PPP có tổng vốn đầu tư hơn 2.300 tỷ đồng (khoảng 100.000.000 USD) thuộc diện ưu đãi đầu tư. Nhà đầu tư sẽ được hưởng các ưu đãi đầu tư khác nhau, có thể minh họa ngắn gọn như sau:

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp:** 10% trong 15 năm, mở rộng lên đến 15 năm với Thủ tướng Chính phủ Việt Nam (“PM”) phê duyệt. Bên cạnh đó, nhà đầu tư được miễn 4 năm đầu và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo;
- **Thuế nhập khẩu:** Dự án LNG được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án;
- **Tiền thuê đất:** Dự án LNG được hưởng ưu đãi về tiền sử dụng đất / tiền thuê đất ngang với dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư. Tùy theo vị trí của dự án, còn có thể được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất với thời hạn từ 03 năm đến 15 năm hoặc cả thời hạn.

Trường hợp dự án nhà máy điện LNG được đầu tư theo hình thức IPP thì IPP chỉ được hưởng ưu đãi đầu tư như trên nếu dự án đó có tổng vốn đầu tư trên 5.000 tỷ đồng Việt Nam (khoảng 217.000.000 USD) phải được chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.

4. Hợp đồng mua bán điện (PPA)

Dự án điện LNG không có PPA mẫu cụ thể như các dự án điện mặt trời hoặc điện gió và khá cởi mở trong việc đàm phán để có được một PPA theo tiêu chuẩn quốc tế. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 1.2 (a) Thông tư 56/2014 / TT-BCT của Bộ Công Thương (MoIT), PPA mẫu trong thông tư này được áp dụng cho dự án điện khí LNG. Thông tư 56 không áp dụng đối với dự án IPP theo hình thức BOT. Mẫu PPA theo Thông tư 56 đã được chứng kiến một số điểm đáng chú ý, bao gồm:

- **Bao tiêu:** Theo Hợp đồng mua bán điện mẫu, EVN hoặc công ty con được ủy quyền tiếp nhận mọi quyền và nghĩa vụ của EVN theo quy định của pháp luật với tư cách là bên mua điện có trách nhiệm bao tiêu toàn bộ sản lượng điện phát lên lưới dự án điện khí LNG có liên quan. Các nhà đầu tư có thể quan tâm đến công ty con do EVN ủy quyền với tư cách là Bên mua, tức là liệu EVN có phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với bất kỳ vi phạm hoặc thất bại nào của công ty con được ủy quyền trong việc thực hiện PPA đã ký với công ty dự án hay không.
- **Giá hợp đồng:** Công thức tính chủ yếu dựa trên 4 yếu tố là chi phí cố định hàng năm, chi phí vận hành và bảo dưỡng cố định hàng tháng, chi phí biến đổi hàng tháng và chi phí vận chuyển nhiên liệu chính. Việc áp dụng các công thức định giá cho phép biến động giá LNG tự động đưa vào biểu giá điện một cách thường xuyên mà không cần đến sự can thiệp của pháp luật là một cách hiệu quả để giảm thiểu rủi ro tài chính cho nhà đầu tư trong trường hợp giá LNG tăng.
- **Hệ thống đo đếm và đấu nối lưới điện:** Bên bán điện chịu trách nhiệm xây dựng và duy trì các công trình đấu nối theo PPA mẫu. Tuy nhiên, PPA mẫu chưa giải quyết các tình huống nhà máy điện bị ngăn không cho phát điện do không có sẵn hoặc các rủi ro khác liên quan đến lưới điện.
- **Các sự kiện ảnh hưởng đến việc thực hiện PPA:** PPA mẫu chỉ cung cấp ba sự kiện (không bao gồm các sự kiện khác) ảnh hưởng đến việc thực hiện PPA bao gồm (i) các sự kiện liên quan đến việc giải thể và phá sản của cả hai bên, (ii) vi phạm nghiêm trọng của PPA không chữa khỏi trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày thông báo và (iii) đình chỉ hoạt động theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- **Quyền can thiệp:** Quyền can thiệp là rất quan trọng đối với người cho vay và cho phép họ duy trì các hợp đồng thiết yếu mà công ty dự án đã ký kết trong trường hợp công ty dự án đó không trả được nợ. Đối với dự án PPP, quyền của các bên cho vay thực tế đã được thương lượng rõ ràng. Tuy nhiên, đối với dự án IPP, quyền can thiệp cũng có thể được thương lượng.
- **Thay đổi luật pháp:** Việt Nam đã đảm bảo được môi trường đầu tư ổn định từ nhiều năm nay, nhưng luật pháp và quy định liên tục thay đổi theo quy hoạch phát triển và nhu cầu của đất nước, điều này gây rủi ro cho các nhà đầu tư dài hạn ví dụ như đối với điện LNG. Tuy nhiên, PPA mẫu không đề cập cụ thể các rủi ro thay đổi luật (bao gồm cả việc thay đổi cách giải thích và áp dụng luật). Mặc dù Luật Đầu tư 2014 quy định bảo vệ nhà đầu tư và công ty dự án trong trường hợp có sự thay đổi về luật hoặc chính sách, nhưng trong quá trình đàm phán PPA, các bên có thể xem xét căn cứ vào tranh luận của mình về điều luật nêu trên để có một PPA tiềm năng hơn.

5. Nhập khẩu khí tự nhiên hóa lỏng LNG

Khí đóng một vai trò quan trọng trong bối cảnh năng lượng tương lai của Việt Nam, với việc nhập khẩu LNG hiện là đặc điểm chính trong chính sách năng lượng của Việt Nam. Theo Quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp khí Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035, phát triển ngành công nghiệp khí dựa trên nguyên tắc tiết kiệm chi phí và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên trong nước; phát triển nhập khẩu LNG song song với khai thác nguồn khí mới trong nước để bổ sung nguồn khí đang suy giảm nhằm duy trì khả năng cung cấp khí không bị cản trở cho các hộ tiêu thụ.

Doanh nghiệp nhập khẩu LNG phải đáp ứng đủ các điều kiện theo Điều 6 Nghị định 8787/2018/NĐ-CP của Chính phủ, bao gồm: (i) là công ty được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam; (ii) sở hữu hoặc có hợp đồng thuê cầu cảng với thời hạn thuê tối thiểu 5 năm và các cầu cảng này phải

nằm trong mạng lưới / hệ thống cảng Việt Nam; (iii) sở hữu bình gas hoặc có hợp đồng thuê bình gas đáp ứng tất cả các quy định về an toàn; (iv) đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy; và (v) có kho chứa khí hoặc hợp đồng cho thuê kho chứa khí đáp ứng đủ điều kiện lưu thông trên thị trường của thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu khí và kinh doanh khí tồn trữ. Tổ chức kinh doanh nhập khẩu LNG qua đường ống ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định tại (i), (ii) và (iii) nêu trên phải có đường ống vận chuyển khí và trạm cấp khí đáp ứng đủ điều kiện về an toàn, phòng cháy và chiến đấu. Doanh nghiệp nhập khẩu sẽ được cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức kinh doanh nhập khẩu LNG khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định nêu trên.

6. Nhận xét và đề xuất

Bên cạnh những thuận lợi như tiêu thụ điện năng lớn, chính phủ ngày càng ủng hộ các quan điểm như khuyến khích sử dụng khí nhiều hơn, giá nhân công rẻ ..., tuy nhiên các nhà đầu tư nước ngoài tham gia lĩnh vực điện LNG tại Việt Nam có thể gặp nhiều thách thức bao gồm: (i) chi phí đầu tư LNG cao; (ii) khung pháp lý đang phát triển về điện khí hóa lỏng (LNG-to-power) ở Việt Nam có thể mang lại những bất ổn; (iii) làm việc với các doanh nghiệp nhà nước đôi khi là một công việc khó khăn do cách thức hoạt động của các doanh nghiệp này và nguồn thông tin hạn chế để các nhà đầu tư thực hiện thẩm định doanh nghiệp; và (iv) Việt Nam không có đủ nguồn khí trong nước và phải nhập khẩu nhiên liệu để vận hành các nhà máy điện LNG, đồng nghĩa với việc tăng thêm chi phí.

Khung pháp lý tại Việt Nam về lĩnh vực LNG cần được làm mới để hỗ trợ các cơ hội đầu tư tốt hơn cho các nhà đầu tư nước ngoài. Hơn nữa, Việt Nam cần duy trì sự cân bằng giữa các mục tiêu kinh tế và an ninh năng lượng để Việt Nam không phải đối mặt với tình trạng thiếu điện trong tương lai, đồng thời với vấn đề độc lập kinh tế cho đất nước, Việt Nam nên xây dựng nguồn dự trữ LNG dồi dào và tránh dựa trên mô hình phát điện phụ thuộc chủ yếu vào nhiên liệu nhập khẩu. Các chính sách tốt hơn có thể tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư thiết lập các cơ sở lưu trữ LNG tại Việt Nam và quốc gia này sẽ được hưởng lợi khi có nguồn nhiên liệu dồi dào để đáp ứng nhu cầu năng lượng trong tương lai.

II. ĐIỆN HẠT NHÂN KHÔNG CARBON - NĂNG LƯỢNG HẠT NHÂN SỬ DỤNG NGUYÊN TỬ VÌ HÒA BÌNH

Việt Nam bắt đầu coi điện hạt nhân là một lựa chọn cung cấp năng lượng từ những năm 1980 để giải quyết nhu cầu năng lượng ngày càng tăng của mình. Theo đó, Việt Nam đã nỗ lực xây dựng hệ thống pháp luật quốc gia để đồng bộ với các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn do Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế (IAEA).

1. Khuôn khổ pháp luật Việt Nam về năng lượng nguyên tử

Vào ngày 03 tháng 06 năm 2008, Luật số 18/2008/QH12 về Năng lượng nguyên tử (Luật Năng lượng nguyên tử) đã được Quốc hội thông qua và có hiệu lực vào năm 2009 và Chính phủ Việt Nam cũng đã thông qua Các nghị định liên quan hướng dẫn luật này. Luật Năng lượng nguyên tử điều chỉnh tất cả các hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử bao gồm cả việc thúc đẩy các hoạt động và bảo đảm an toàn và an ninh cho các hoạt động đó. Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam, cá nhân Việt Nam ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài và tổ chức quốc tế hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử tại Việt Nam.

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, hệ thống cấp phép hiện nay rất phức tạp, cụ thể: Thủ tướng chịu trách nhiệm phê duyệt địa điểm và nghiên cứu khả thi, Bộ Khoa học và Công nghệ (MoST) chịu trách nhiệm xem xét cấp phép kỹ thuật và Bộ Công Thương chịu trách nhiệm cấp phép hoạt động, v.v. Bộ Khoa học và Công nghệ / Cục An toàn bức xạ và hạt nhân Việt Nam (VARANS) chịu trách nhiệm đánh giá an toàn của Báo cáo phân tích an toàn ở tất cả các giai đoạn phát triển nhà máy điện hạt nhân. Bộ Tài nguyên và Môi trường (MoNRE) chịu trách nhiệm thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, Bộ Xây Dựng chịu trách nhiệm rà soát việc xử lý và lưu giữ chất thải phóng xạ. Điều này có thể gây ra sự phức tạp trong việc quản lý hệ thống cấp phép nói chung và các cơ quan chức năng ngẫu nhiên có thể thiếu chuyên môn trong lĩnh vực tiên tiến như vậy.

Để giải quyết vấn đề này, Chính phủ Việt Nam đã quyết định sửa đổi Luật Năng lượng nguyên tử. Tuy nhiên, việc sửa đổi về thống nhất các hoạt động quản lý sẽ chỉ khả thi nếu năng lực của Cục An toàn bức xạ và hạt nhân cũng như tổ chức hỗ trợ kỹ thuật của Cục đủ tiềm lực. Theo Quyết định số 446/QĐ-TTg ngày 07 tháng 04 năm 2010, Hội đồng Quốc gia về An toàn hạt nhân được thành lập với chức năng tham mưu Thủ tướng về chính sách và các biện pháp để đảm bảo an toàn hạt nhân trong việc sử dụng năng lượng nguyên tử, trong quá trình vận hành nhà máy điện hạt nhân cũng như các biện pháp khắc phục sự cố hạt nhân đặc biệt nghiêm trọng; kiểm tra, thẩm định báo cáo an toàn nhà máy điện hạt nhân và kết quả thẩm định của cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân.

Luật Năng lượng nguyên tử gần như đã cho phép tính công chúng nhiều hơn trong quá trình cấp phép. Theo quy định tại Điều 47 Luật Năng lượng nguyên tử, việc quyết định phê duyệt địa điểm xây dựng nhà máy điện hạt nhân phải căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi dự kiến đặt nhà máy điện hạt nhân, nêu rõ ý kiến của nhân dân địa phương / quan điểm về các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh, chính sách đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, phát triển văn hóa, giáo dục và phúc lợi xã hội nhằm bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, nhà đầu tư và lợi ích của nhân dân địa phương.

Mặt khác, để ngăn chặn hoạt động của cơ sở lắp đặt hạt nhân mà không có giấy phép hợp lệ, Luật Năng lượng nguyên tử đã nghiêm cấm hoạt động của cơ sở bức xạ, hoạt động bức xạ hoặc cơ sở lắp đặt hạt nhân mà không có giấy phép hợp lệ.

2. Thỏa thuận quốc tế về năng lượng nguyên tử của Việt Nam

Với việc thừa nhận tầm quan trọng của hợp tác quốc tế, đặc biệt là sự đóng góp của các chế độ quốc tế trong việc đạt được và duy trì mức độ an toàn cao, Việt Nam đã là một thành viên của một số văn kiện quốc tế, bao gồm:

- Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân (1982);
- Hiệp định về các biện pháp bảo vệ (1990);
- Công ước về Thông báo sớm về Tai nạn Hạt nhân (1987);
- Công ước về Hỗ trợ trong Trường hợp Tai nạn Hạt nhân hoặc Bức xạ Khẩn cấp (1987);
- Hiệp ước Cấm Kiểm tra Toàn diện (2006);
- Hiệp ước Đông Nam Á không có vũ khí hạt nhân (1997);
- Các Hiệp định Hợp tác khu vực;
- Nghị định thư bổ sung cho Hiệp định Tự vệ (ký năm 2007);
- Công ước về an toàn hạt nhân (4/2010);
- Công ước về bảo vệ vật liệu hạt nhân và bản sửa đổi của Công ước (2012);

- Công ước chung về An toàn sử dụng nhiên liệu và An toàn trong quản lý chất thải phóng xạ (9/2013);
- Công ước quốc tế về ngăn chặn hành vi khủng bố hạt nhân (do Chủ tịch nước ký ngày 14 tháng 7 năm 2016);
- Công ước Viên về Trách nhiệm đối với Thiệt hại Hạt nhân và các Nghị định thư của Công ước (2016-2017).

3. Các vấn đề thực tiễn và đề xuất

Việt Nam trở thành thành viên của Công ước An toàn Hạt nhân vào ngày 15 tháng 7 năm 2010. Theo định nghĩa trong công ước nói trên, Việt Nam không có cơ sở hạt nhân dân dụng. Việt Nam có một lò phản ứng nghiên cứu 500 kW (Da Lat Nuclear Research Reactor - DNRR), đặt tại Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, hoạt động từ năm 1983. Vì mục đích an toàn và an ninh, một số dự án đã được thực hiện gần đây, bao gồm chuyển đổi lõi HEU-LEU, I&C nâng cấp, dưới sự giám sát của Cục ATBXHN thông qua đánh giá SAR được trình để cấp phép và xác minh trong các hoạt động thanh tra. Vấn đề lão hóa được theo dõi và giải quyết đầy đủ.

Việt Nam đã chuẩn bị xây dựng hai nhà máy điện hạt nhân đầu tiên (NPP) tại tỉnh Ninh Thuận để giải quyết nhu cầu ngày càng tăng về năng lượng. Các hoạt động nghiên cứu thực địa và điều tra tại chỗ đã được thực hiện ở cả NPP số 1 và NPP số 2 trong quá trình thực hiện các hoạt động nghiên cứu và điều tra, Hội đồng An toàn Hạt nhân Quốc gia và Cục ATBXHN đã cử các chuyên gia đến hiện trường. Các chủ dự án đã nêu ra những khuyến nghị và câu hỏi để cải thiện kết quả điều tra hiện trường.

Tuy nhiên, việc xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về an toàn hạt nhân là một thách thức vì an toàn hạt nhân là một lĩnh vực còn khá mới đối với Việt Nam trong khi nguồn nhân lực trong các lĩnh vực vật lý, công nghệ hạt nhân, thủy nhiệt, vật liệu và các lĩnh vực khác còn thiếu rất nhiều, nhưng đây có thể là một phương án khả thi trong tương lai để Chính phủ Việt Nam xem xét từ góc độ môi trường với tư cách là nước đi đầu trong lĩnh vực năng lượng không carbon.

Việt Nam đã khởi động 20 dự án quốc gia và 48 dự án khu vực hoặc liên khu vực do IAEA tài trợ trong giai đoạn 2014-2019. Trong giai đoạn 2020-2021, 5 dự án mới đã được IAEA phê duyệt.

Cuối năm 2018, Viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam và IAEA đã ký thỏa thuận thành lập trung tâm hợp tác sử dụng công nghệ hạt nhân để quản lý tài nguyên nước và môi trường tại Việt Nam và các vùng ven biển Đông Nam Á.

Mặt khác, do sự bất cập của Luật Năng lượng nguyên tử, đặc biệt là liên quan đến tính độc lập của cơ quan quản lý, các vấn đề cấp phép nhà máy điện hạt nhân, ứng phó khẩn cấp, v.v., Chính phủ đã quyết định sửa đổi luật.

Rào cản lớn ở bất kỳ quốc gia đang phát triển nào liên quan đến phát triển điện hạt nhân là thiếu kiến thức và nhận thức đúng đắn về điện hạt nhân. Mọi công nghệ đều đi kèm với rủi ro và tương tự như vậy, vật liệu hạt nhân nếu được sử dụng đúng mục đích có thể mang lại lợi ích cho đất nước cũng như thế giới nói chung bằng cách duy trì môi trường với nguồn năng lượng xanh và ổn định nhất mà nhân loại đã phát minh ra.

Dự kiến, dự thảo Luật sửa đổi sẽ được trình Quốc hội thông qua vào năm 2018. Để hỗ trợ việc sửa đổi, OLA, IAEA đã tiến hành 2 đoàn chuyên gia đến Hà Nội vào tháng 3 năm 2012 và tháng 5 năm

2013 và 2 đoàn chuyên gia đã được thực hiện với sự tham gia của các quan chức cấp cao từ Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp (MoJ), MoST, v.v. Các vấn đề chính được sửa đổi bao gồm: tính độc lập của cơ quan quản lý, sự thống nhất trong quy trình cấp phép, ứng phó khẩn cấp và chuẩn bị sẵn sàng, trách nhiệm đối với thiệt hại hạt nhân, v.v. Cần lưu ý rằng Việt Nam dự kiến sẽ không xem xét lại năng lượng hạt nhân theo Tổng sơ đồ 8 (PDP8) từ tầm nhìn tương lai nhưng Việt Nam cần phải cố gắng nâng cao mối quan tâm về năng lượng trong khu vực và xem xét chặt chẽ về hiệu quả sử dụng công nghệ hạt nhân cho các mục đích dân dụng bằng cách tạo ra năng lượng xanh với chi phí cực kỳ thấp mà không phương án phát điện nào khác có thể cung cấp được. Điện hạt nhân cũng có thể được coi là một động thái chiến lược của quốc gia nhằm duy trì an ninh đầu tư với sức mạnh sản xuất điện trong khu vực. Ấn Độ là nước đi đầu trong ngành điện hạt nhân ở châu Á và Việt Nam có thể hưởng lợi từ kinh nghiệm hơn hai thập kỷ của Ấn Độ trong lĩnh vực sản xuất điện hạt nhân. Việt Nam và Ấn Độ là đối tác chiến lược toàn diện và có lịch sử quan hệ đồng minh lâu đời, tạo nên sự gắn bó bền chặt giữa các quốc gia. Ngoài ra, những quốc gia như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc và các quốc gia Châu Âu cũng có thể thấy được cơ hội để cùng Ấn Độ hỗ trợ sự phát triển không ngừng của Việt Nam trên diễn đàn toàn cầu không có dấu vết carbon.

III. NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Thị trường điện mặt trời tại Việt Nam đã chứng kiến sự tăng trưởng nhanh chóng và tiềm năng đầu tư đáng kể trong những năm gần đây. Trước những nỗ lực gần đây nhằm thúc đẩy phát triển điện mặt trời của Chính phủ Việt Nam, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 18/2020/TT-BCT (“Thông tư 18”) ngày 17 tháng 7 năm 2020 về phát triển dự án và đính kèm mẫu điện hợp đồng mua bán (“Hợp đồng mua bán điện mẫu” - Model PPA) áp dụng cho các dự án điện mặt trời trên mặt đất, nổi và trên mái nhà.

Thông tư 18 mới hướng dẫn chi tiết việc thực hiện Quyết định 13/2020 / QĐ-TTg ngày 06 Tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về khuyến khích phát triển năng lượng mặt trời ở Việt Nam (“Quyết định 13”). Thông tư 18 tiếp tục nhằm lấp đầy khoảng trống của Thông tư số 16/2017/TT-BCT ngày 12 tháng 9 năm 2017 (“Thông tư 16”).

Nhận xét và đề nghị

Điều khoản chuyển tiếp theo Thông tư 18 cho phép các dự án năng lượng mặt trời nổi lưới mà một phần hoặc toàn bộ đã đạt được trước ngày 01 tháng 07 năm 2019 theo thỏa thuận mua bán điện đã ký kết (tức là trước ngày 30 tháng 6 năm 2019, ngày Quyết định 11/2017 / QĐ-TTg về cơ chế giá điện cho các dự án điện mặt trời do Thủ tướng Chính phủ ban hành hết hiệu lực và Quyết định 13 kế nhiệm được ban hành vào tháng 4 năm 2020).

Trong trường hợp nổi lưới các dự án năng lượng mặt trời (bao gồm một phần hoặc toàn bộ dự án) và trên mái nhà hệ thống điện năng lượng mặt trời, trong đó có thỏa thuận mua bán điện đã ký kết và được đưa vào khai thác thương mại trong giai đoạn từ ngày 30 tháng 6 năm 2019 đến ngày có hiệu lực Thông tư 18 (tức ngày 31 tháng 8 năm 2020), người mua điện và bên bán điện được yêu cầu phải tái ký hoặc sửa đổi, bổ sung hợp đồng mua bán điện hiện có phù hợp với mô hình PPA.

Chúng ta có thể thấy sự hạn chế của Thông tư 18 và lưu ý rằng nó không giải quyết được kịch bản dự án điện mặt trời nổi lưới đã ký hợp đồng mua bán điện theo các điều khoản của Thông tư 16 nhưng chưa đạt được ngày vận hành thương mại (COD) trước 31 tháng 8 năm 2020, quy định chuyển tiếp quy định tại Điều 9 của Thông tư 18 đã không xử lý được tình huống tương tự mà hợp đồng mua bán

điện được ký kết trước ngày 30 tháng 6 năm 2019. Tuy nhiên, COD được kỳ vọng sẽ đạt được vào ngày 31 tháng 08 năm 2020. Bộ Công Thương có thể xem xét về vấn đề này để làm rõ từ quan điểm chính sách và ban hành hướng dẫn để loại bỏ bất kỳ sự mơ hồ nào, và tạo điều kiện giải thích rõ cho từng trường hợp cụ thể ở cấp tỉnh.

IV. PHÁP LÝ VÀ THUẾ

Chúng tôi lưu ý rằng Dự thảo Nghị định hướng dẫn Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 có quy định về hiệu lực của Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (sau đây gọi là APA). Theo đó, APA chỉ có hiệu lực kể từ kỳ tính thuế của năm tiếp theo năm mà APA được ký kết. Cụ thể, theo khoản 7 Điều 41: “Hiệu lực của APA sẽ được tính từ kỳ tính thuế ngay sau kỳ tính thuế mà APA được ký kết hợp lệ”.

Ý kiến đóng góp

1. Quy định của Việt Nam về thời gian có hiệu lực của APA không phù hợp với quy định về APA ở các quốc gia khác và có thể dẫn đến tình trạng đánh thuế hai lần đối với các doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam. Điều này mâu thuẫn với các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (“DTAA”) mà Việt Nam đã ký với các nước khác.

Đặc biệt, hầu hết các quốc gia, bao gồm cả các quốc gia châu Á, châu Mỹ và châu Âu quy định rằng ngày APA có hiệu lực là kể từ năm nộp đơn đăng ký APA. Nhiều quốc gia còn cho phép kéo dài thời hạn cho những năm trước.

Điều khoản liên quan trong dự thảo Nghị định sẽ tạo ra khoảng cách đáng kể về thời gian hiệu lực của APA giữa hai nước. Nếu ở Việt Nam, APA có hiệu lực sau khi được ký thì sẽ có trường hợp phổ biến là APA có hiệu lực ở nước đối tác nhưng chưa có ở Việt Nam, khi có hiệu lực ở Việt Nam thì sẽ hết hiệu lực ở nước đối tác. Do đó, APA sẽ không có hiệu lực ngay cả khi nó đã được ký kết và vấn đề đánh thuế hai lần sẽ không được giảm thiểu, tức là các công ty có thể phải nộp thuế tại Việt Nam và tại nước đối tác cho cùng một khoản thu nhập.

2. Quy định của Việt Nam về thời gian APA có hiệu lực là không phù hợp với thông lệ quốc tế mà OECD khuyến nghị và sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường đầu tư nước ngoài của Việt Nam.

Việt Nam chính thức tham gia Diễn đàn hợp tác thực hiện chương trình hành động chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận (BEPS) vào tháng 7 năm 2017. Với việc tham gia Diễn đàn này, Việt Nam đã cam kết thực hiện ít nhất bốn (4) hành động trong gói giải pháp tổng thể mười lăm (15) các hành động để ngăn chặn BEPS (bao gồm Hành động 14 - Làm cho Cơ chế Giải quyết Tranh chấp Hiệu quả hơn). Trong chương trình nghị sự cho Hành động 14, yêu cầu tối thiểu đối với các nước tham gia là phải có cơ chế giảm thiểu và giải quyết kịp thời các tranh chấp, theo đó điểm 2.7 nêu rõ các nước tham gia APA song phương “nên” cho phép khôi phục lại APA trong các hoàn cảnh thích hợp.

“2.7. Các quốc gia có chương trình Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (“APA”) nên quy định việc khôi phục các APA trong các trường hợp thích hợp, tùy thuộc vào các thời hạn được áp dụng (chẳng hạn như các quy định về giới hạn đánh giá) trong đó các điều kiện

và hoàn cảnh liên quan về thuế của các năm trước đó đều giống nhau và tùy thuộc vào việc xác minh các sự kiện và hoàn cảnh này khi kiểm toán”.²

Việc các quy định của APA không phù hợp với thông lệ quốc tế và khuyến nghị của OECD sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín của Việt Nam trong mắt các nhà đầu tư nước ngoài. Các quy định hiện hành theo Thông tư 201/2013/TT-BTC (“Thông tư 201”) là phù hợp với thông lệ quốc tế, và việc thay đổi theo hướng ngược lại sẽ khiến các nhà đầu tư nước ngoài đặt câu hỏi về sự ổn định của các chính sách tại Việt Nam. Do đó, dự thảo hiện tại có quy định về thời gian có hiệu lực của APA phần nào mâu thuẫn với các khuyến khích đầu tư quốc tế sẽ gây lo ngại cho các nhà đầu tư nước ngoài. Chúng tôi hy vọng dự thảo Nghị định sẽ được xem xét kỹ lưỡng với mục tiêu nâng cao hiệu quả của môi trường pháp lý, góp phần củng cố niềm tin của các nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

3. Việc xử lý hồ sơ nộp trước ngày Nghị định này có hiệu lực còn thiếu rõ ràng.

Hiện nay, có rất nhiều doanh nghiệp nước ngoài đã nộp hồ sơ APA chính thức theo Thông tư 201. Tuy nhiên, vẫn chưa có hướng dẫn về cách thức xử lý các hồ sơ này. Do đó, chúng tôi đề nghị bổ sung một điều khoản riêng hướng dẫn xử lý các hồ sơ đã nộp trước ngày Luật Quản lý thuế có hiệu lực vào dự thảo Nghị định nhằm củng cố niềm tin của nhà đầu tư vào sự ổn định và minh bạch của pháp luật Việt Nam.

V. PHÂN KẾT LUẬN

Với tư cách là đại diện cho các doanh nghiệp Ấn Độ tại Việt Nam, chúng tôi đang hết sức tạo điều kiện cho các doanh nghiệp và hỗ trợ họ tiếp cận nhiều hơn với thị trường Việt Nam. Một số hội thảo và cuộc họp kinh doanh trực tuyến đã được tổ chức trong suốt năm và điều này từ lâu đã trở thành truyền thống của Hiệp hội các doanh nghiệp Ấn Độ tại Việt Nam. Chúng tôi sẽ tiếp tục phát triển để hỗ trợ Việt Nam trong hành trình của mình và hướng tới những kết quả tích cực trong thời gian tới.

² Để các cơ chế giải quyết tranh chấp hiệu quả hơn, Hành động 14 - 2015 Báo cáo chính thức do OECD ban hành.

II. PHẦN 2

BÁO CÁO CỦA CÁC NHÓM CÔNG TÁC

ĐẢM BẢO NĂNG LƯỢNG BỀN VỮNG THU HÚT ĐẦU TƯ TƯ NHÂN

*Chuẩn bị bởi
NCT Điện và Năng lượng VBF*

Thay mặt Nhóm Công tác Điện và Năng lượng (PEWG) - Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF), nhân cơ hội này chúng tôi xin chúc mừng Chính phủ Việt Nam đã ban hành thành công Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 2 về “Định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” (Nghị quyết 55) và Diễn đàn năng lượng quốc gia ngày 22 tháng 7. Với những quy định mới, mạnh mẽ và đột phá về phát triển năng lượng quốc gia, Nghị quyết 55 tiếp tục tạo ra những tiềm năng lớn và cơ hội cho khu vực tư nhân tham gia phát triển năng lượng trong thời gian tới. Chúng tôi đã nhận những phản ứng tích cực bởi nguồn tài trợ quốc tế từ các Ngân hàng, ECA và khu vực tư nhân đa quốc gia như IFC trong lĩnh vực năng lượng mặt trời và gần đây là LNG.

Nghị quyết 55 đã mở ra những cánh cửa mới và chúng tôi hoàn toàn tin tưởng vào một chiến lược với cơ chế chính sách mới, trong đó có khung pháp lý để định hướng phát triển và đảm bảo an ninh năng lượng, trên tinh thần tiếp tục các giải pháp huy động nguồn lực, đặc biệt là sự tham gia sâu rộng của khu vực tư nhân trong phát triển năng lượng quốc gia.

Trên cơ sở tham vấn lãnh đạo các doanh nghiệp và xem xét kỹ lưỡng các xu hướng trong nước và quốc tế, PEWG đề xuất các khuyến nghị sau đây nhằm cải thiện độ tin cậy và khả năng chi trả cho hệ thống năng lượng bền vững của Việt Nam.

Ưu tiên năng lượng tái tạo trong quy hoạch phát triển điện quốc gia

Việt Nam có thể đạt được cam kết giảm phát thải khí nhà kính theo Hiệp định Paris về biến đổi khí hậu năm 2015 thông qua việc áp dụng các chính sách hợp lý và kịp thời. Chúng tôi đề xuất BCT tăng tỷ trọng điện từ nguồn năng lượng tái tạo như mặt trời và gió trong Quy hoạch phát triển điện quốc gia trong thời gian tới như một biện pháp để giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch đồng thời nghiên cứu một loạt các chính sách đánh thuế carbon, bao gồm thuế tại nguồn, thuế điều chỉnh biên giới đối với nhiên liệu hóa thạch chưa được đánh thuế, định giá carbon cho các ngành và lĩnh vực có mức carbon cao, và cơ chế kinh doanh carbon. Sự kết hợp giữa các chính sách này sẽ giúp Việt Nam vừa đạt và vượt mục tiêu giảm phát thải, vừa tránh được các loại thuế điều chỉnh biên giới trừng phạt đối với carbon trong hàng xuất khẩu của Việt Nam. Ngoài ra, nguồn thu từ thuế carbon có thể được sử dụng để tài trợ cho nghiên cứu và các biện pháp khuyến khích khác để hỗ trợ Việt Nam chuyển đổi sang nền kinh tế carbon thấp. Chúng tôi đồng ý rằng các dự án này không nên dựa trên trợ cấp mà dựa trên chi phí thực tế và thuế quan.

Tăng cường sử dụng khí tự nhiên như “phụ tải nền phù hợp nhất hiện nay” cho năng lượng tái tạo

MVEP kiến nghị phân cấp thuế cho việc phát triển khí đốt ngoài khơi được chứng nhận và nhập khẩu khí thiên nhiên lỏng do đây là phụ tải nền phù hợp nhất cho năng lượng tái tạo. Điện khí có thể dễ dàng mở rộng quy mô để đáp ứng nhu cầu sử dụng cao của Việt Nam và ứng phó với các biến động về phụ tải gián đoạn cũng như sự cố mất điện nhanh chóng hơn so với nhiệt điện than. Việc đưa điện khí nhập khẩu vào tổ hợp các nguồn năng lượng giúp Việt Nam củng cố năng lực năng lượng trong khi thiết lập các hợp đồng cung cấp khí ga ngoài khơi trong nước dài hạn.

Xây dựng môi trường pháp lý và thuận lợi để thu hút đầu tư tư nhân vào hoạt động sản xuất năng lượng sạch và sử dụng năng lượng hiệu quả

Hợp đồng mua bán điện (PPA): MVEP 2.0 khuyến nghị xây dựng Hợp đồng mua bán điện cho các dự án sản xuất điện gió và điện mặt trời có khả năng được cấp vốn bằng cách thiết lập trước Cơ chế biểu giá FITs và tháo gỡ các quy định chưa hợp lý. VBF khuyến nghị minh bạch hoá các thay đổi về biểu giá FITs và khuyến khích thảo luận về cách điều chỉnh quá trình duyệt quy hoạch tổng thể. Cuối cùng, những nỗ lực này sẽ giúp giảm bớt rủi ro cho nhà đầu tư và hạn chế khả năng giảm giá FITs khi các dự án năng lượng tái tạo trở nên đơn giản và mang lại nhiều lợi nhuận hơn.

Hợp đồng mua bán điện trực tiếp (DPPA): MVEP 2.0 khuyến nghị các quy định của Thỏa thuận mua bán điện trực tiếp nhằm thúc đẩy khả năng tiếp cận năng lượng sạch cho người dùng cuối bằng cách phát điện và lưu trữ tại chỗ. DPPA có thể thúc đẩy phát triển năng lượng tái tạo giữa người mua và người bán và giảm bớt áp lực cho EVN. Chúng tôi khuyến khích chính phủ nắm bắt lợi ích của việc tạo điều kiện đầu tư vào các nhà máy năng lượng mặt trời, pin, sinh khối và năng lượng từ chất thải thành năng lượng được phát triển bởi người tiêu dùng điện và các nhà cung cấp chuyên môn. Quy định này sẽ giúp phát triển một mô hình thị trường năng động mới đồng thời duy trì nguồn cung cấp điện an toàn và đáng tin cậy.

Giá bán điện: PEWG khuyến nghị EVN giữ nguyên trợ cấp cho những đối tượng sử dụng điện ít và Chính phủ vẫn cần ban hành lộ trình định giá thị trường cho tất cả các biểu giá khác. Chúng tôi tin rằng việc định giá thị trường từng bước được áp dụng, sẽ khuyến khích người tiêu dùng sử dụng điện tiết kiệm hơn và bằng cách ban hành lộ trình tăng giá, các đối tượng sử dụng điện, kể cả nhóm ngành sản xuất, sẽ có thời gian đầu tư vào các giải pháp công nghệ để tiết kiệm năng lượng và sử dụng năng lượng hiệu quả, đặc biệt nếu Lộ trình được đi kèm với các khuyến khích đầu tư vào các tài sản vốn sử dụng năng lượng hiệu quả. Việt Nam cũng cần tiến hành một chiến dịch tuyên truyền nhằm cung cấp thông tin cho các bên có liên quan về nhu cầu và lợi ích của việc sử dụng năng lượng hiệu quả.

Gia hạn thời hạn để các nhà phát triển Điện Mặt trời và Điện gió được hưởng FiT theo Quyết định 13 và Quyết định 39

Chúng tôi đề xuất chính sách cho các dự án điện mặt trời, hệ thống điện mặt trời trên mái nhà và điện gió nên được xây dựng trên cơ sở lâu dài và bền vững, có tính đến ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 trên toàn cầu. Theo đó, Chính phủ nên xem xét:

1. Gia hạn FiT thêm ít nhất 6 tháng hoặc tốt nhất là 12 tháng so với thời hạn hiện tại là 31/12/2020 cho cả các nhà máy điện mặt trời và hệ thống điện mặt trời trên mái nhà.
2. Gia hạn FiT cho điện gió trên đất liền thêm sáu tháng, tiếp theo là áp dụng FiT mới khả thi cho các dự án điện gió trên đất liền nối lưới vào cuối năm 2023; và gia hạn hai năm đối với FiT gió ngoài khơi hiện tại đến cuối năm 2023.
3. Phát triển FiT cho pin lưu trữ kết nối lưới, đặc biệt là kết hợp pin và năng lượng mặt trời nối lưới, để cải thiện độ ổn định của lưới điện và điều tiết điện mặt trời trong giờ cao điểm.

Xây dựng một môi trường pháp lý và cho phép thu hút đầu tư dự án không hòa lưới quy mô nhỏ hơn vào sản xuất năng lượng sạch và hiệu quả năng lượng

Điện mặt trời áp mái: VBF khuyến nghị nên nâng ngưỡng miễn Giấy phép hoạt động phát điện từ 1MW lên 3MW. VBF tiếp tục khuyến nghị rằng Bộ Công Thương nên cân nhắc nâng mức miễn giấy phép lên 3MW để tận dụng tối đa lợi ích từ việc đầu tư vào điện mặt trời áp mái. Bên cạnh đó, Việt Nam vẫn cần tiếp tục duy trì cơ chế giá khuyến khích để tạo động lực cho các thành phần kinh tế khác nhau tham gia đầu tư phát triển ĐMT. Tuy nhiên, BCT cần ban hành những quy định rõ ràng hơn, đặc biệt là định nghĩa về công trình xây dựng và cơ sở để xác định là loại hình

ĐMTMN để tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng thống nhất khi xác định giá mua bán điện. Đặc biệt là với những dự án dưới đây đã triển khai và không trái với Quyết định 13 thì nên tạo điều kiện để các dự án này được ghi nhận là ĐMTMN:

1. Công suất đến 01 MW lắp đặt trên mặt đất hoặc trên mái nhà, thực hiện theo mô hình trang trại nông nghiệp kết hợp điện mặt trời;
2. Công suất đến 01 MW, đầu nối vào cấp điện áp dưới 35 kV, có các tấm pin mặt trời lắp trên hệ thống khung giá đỡ, lắp đặt một phần trên mái nhà, một phần trên đất;
3. Lắp trên mái nhà xưởng trong Khu công nghiệp vừa mua điện của EVN để sử dụng vừa bán điện lên lưới của EVN qua máy biến áp 22/110 kV

Sau-công-tơ-điện: VBF khuyến nghị rằng lượng phát điện sạch sau công tơ điện mà không truyền tải lên lưới điện của EVN sẽ:

1. Được miễn yêu cầu phải có Giấy phép hoạt động với công suất tối đa 50MW
2. Không bắt buộc phải xin phê duyệt trong Quy hoạch tổng thể phát triển năng lượng quốc gia
3. Yêu cầu thông báo chính thức cho EVN khi đưa nhà máy điện vào vận hành.
4. Làm rõ quy trình cấp phép & phê duyệt các dự án ĐMT 1-50MW phát điện tại chỗ/ sau công tơ

Hiệu quả năng lượng: Để đạt được mục tiêu phát triển năng lượng bền vững, VBF khuyến nghị:

1. Cải thiện việc thực thi Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả bằng việc sớm hoàn thiện sửa đổi, bổ sung Nghị định 21/2011/NĐ-CP ngày 29/3/2011 của Chính phủ.
2. Xây dựng năng lực cho các bên thực thi pháp luật bằng việc phân bổ các nguồn lực tài chính và nhân lực cần thiết cho cơ quan thực thi pháp luật
3. Nâng cao truyền thông nhằm thay đổi hành vi. Chính phủ nên làm việc với khu vực tư nhân để phát triển các phương tiện hiệu quả hơn trong việc truyền đạt giá trị của việc sử dụng năng lượng hiệu quả.
4. Có kế hoạch ngân sách kết hợp huy động từ các tổ chức tài trợ để có nguồn vốn thực hiện VNEEP3 và sớm chỉ đạo thành lập quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả nhằm tạo thị trường vốn cho các hoạt động tiết kiệm năng lượng cũng như sớm phân bổ nguồn kinh phí cho hoạt động của Chương trình ở trung ương và địa phương.

Đầu tư phát triển hạ tầng lưới điện và Nguồn điện linh hoạt để cải thiện tính ổn định và nâng cao công suất

Khi các nguồn năng lượng tái tạo và khí tự nhiên đóng góp cho lưới điện tăng sẽ gây ra một số thách thức liên quan đến việc hoà lưới các nhà máy điện phân tán đang cấp điện gián đoạn. Do lượng điện gió và điện mặt trời tăng mạnh, đặc biệt tại khu vực phía nam, Việt Nam cần nhanh chóng thực hiện đầu tư để tăng cường và mở rộng mạng lưới truyền tải và phân phối. Hơn nữa, Việt Nam có nhiều cơ hội tiềm năng để thúc đẩy sự tham gia và tận dụng kinh nghiệm chuyên môn của khu vực tư nhân và của các nhà tài trợ quốc tế trong lĩnh vực hoà lưới điện năng sản xuất từ năng lượng tái tạo, pin lưu trữ và tính linh hoạt của hệ thống và điện khí linh hoạt (động cơ đốt trong ICE).

Qui định chính sách cụ thể về các tấm pin mặt trời phế thải hướng đến tái sử dụng nguyên liệu và giảm thải ra môi trường

Các tấm Pin sau khi hết hạn sử dụng phải được thu gom và xử lý để tái sử dụng nguyên liệu và giảm thải ra môi trường. Để thực hiện việc này, chúng tôi khuyến nghị BCT cần có những qui định, chính sách cụ thể về các tấm pin mặt trời phế thải như:

1. Gắn trách nhiệm thu gom, xử lý với nhà sản xuất thay vì chỉ qui định trách nhiệm này cho nhà đầu tư (bên bán điện) theo Thông tư 18/2020/TT-BCT;
2. Xem xét cho phép bên bán điện áp chi phí xử lý phế thải vào chi phí đầu vào;
3. Bổ sung thêm yêu cầu về công nghệ xử lý phát thải từ dự án trong hồ sơ thiết kế cơ sở.

Các hành động quy định được đề xuất này sẽ hỗ trợ cả khu vực tư nhân Việt Nam và nước ngoài huy động năng lực chuyên môn, công nghệ và tài chính để hỗ trợ Đảng và Nhà nước xây dựng một hệ thống năng lượng giá cả phải chăng, đáng tin cậy, bền vững và an toàn. Cụ thể là:

- Tăng cường an ninh năng lượng từ việc bao gồm khí đốt tự nhiên, hiệu quả năng lượng và tái tạo năng lượng trong hệ thống năng lượng. Dự phòng và đa dạng hóa là chìa khóa cho an ninh và khả năng phục hồi hệ thống năng lượng.
- Giảm chi phí hệ thống điện so với kế hoạch năng lượng tập trung vào than bằng cách hạn chế tính dễ bị tổn thương đối với thị trường than biến động, tránh các khoản nợ tài chính của tài sản bị mắc kẹt và giảm chi phí liên quan đến sức khỏe cộng đồng và tác động môi trường.
- Thu hút được nhiều đầu tư tư nhân hơn vào các dự án năng lượng tái tạo, nhờ đó giảm bớt áp lực về công suất điện cho EVN và chia sẻ trách nhiệm này với nhiều đối tượng sử dụng điện cũng như đơn vị sản xuất điện trong mô hình sản xuất phân tán.
- “Xã hội hoá” thị trường điện để bảo vệ những hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có khả năng chi trả thấp nhất, đảm bảo EVN hoạt động bền vững về tài chính và phản ánh bước dịch chuyển hướng tới định giá theo thị trường trong khuôn khổ TSD VIII.
- Giảm mức phát thải khí nhà kính, ô nhiễm không khí và các chi phí khác so với kế hoạch năng lượng dựa vào than đá, phù hợp với các cam kết NDC của Việt Nam.
- Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ và các sáng kiến công nghiệp tư nhân khác làm giảm cường độ năng lượng, cho phép sử dụng năng lượng mặt trời trên mái nhà dân cư và tăng hiệu quả sử dụng năng lượng thông qua giáo dục cộng đồng và các quy trình pháp lý.

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC NGUỒN NHÂN LỰC

TÓM TẮT BÁO CÁO: TỔNG QUAN VỀ TIỀN ĐỘ CỦA NHÓM CÔNG TÁC NGUỒN NHÂN LỰC

ĐÁNH GIÁ CÁC QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NƯỚC NGOÀI TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM

*Chuẩn bị bởi
NCT Nguồn Nhân lực*

- Chúng tôi hoan nghênh những điều chỉnh gần đây trong dự thảo nghị định quy định việc tuyển dụng lao động Việt Nam làm việc cho doanh nghiệp nước ngoài
- Chúng tôi mong muốn phối hợp với chính phủ để đảm bảo sự cân bằng tối ưu giữa khả năng tiếp cận thông tin và hiệu quả quản lý hành chính/ tính nhất quán của quy định luật pháp.
- Tất cả chúng ta đều mong muốn mang lại những cơ hội việc làm và dịch chuyển lao động tốt nhất cho người lao động Việt Nam trong thời kỳ kinh tế gặp nhiều khó khăn như hiện nay.
- Báo cáo này trình bày một số đề xuất liên quan đến những vấn đề nhân sự trong mối liên hệ với hoạt động công đoàn, gửi tài liệu trực tuyến và giải đáp thắc mắc trên nền tảng web.
- EuroCham đã cung cấp các khuyến nghị chi tiết về thuế đối với người lao động và vấn đề giấy phép lao động cũng được trình bày trong báo cáo này.

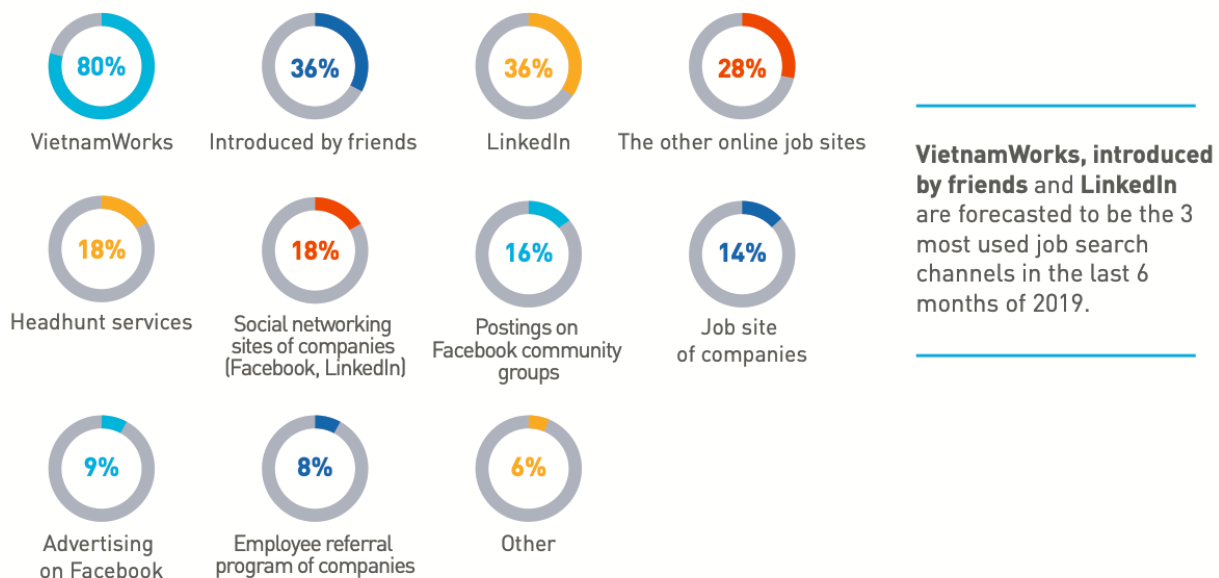
Trước hết, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn đến Bộ Lao động Thương binh và Xã hội đã hỗ trợ và phối hợp cùng Nhóm Công tác Nguồn Nhân lực và cộng đồng doanh nghiệp.

Việt Nam đã có được những ưu thế rất lớn từ các biện pháp kiểm soát đại dịch Covid xuất sắc của Chính phủ. Việt Nam đang ngày càng trở thành điểm đến hấp dẫn hơn đối với các nhà đầu tư nước ngoài chất lượng cao nhờ tính ổn định, bên cạnh đó là lực lượng lao động hiện đại và năng động. Bộ Luật Lao động mới với nhiều điểm tiến bộ dự kiến sẽ góp phần làm tăng thêm sức hấp dẫn đó của Việt Nam.

1. Tuyển dụng người lao động Việt Nam của các công ty có vốn đầu tư nước ngoài

Trong bối cảnh thuận lợi này, các quy định và đề xuất trước đây về việc hạn chế và gia tăng gánh nặng hành chính cho các công ty nước ngoài tuyển dụng lao động Việt Nam sẽ không còn phù hợp. Do những thách thức hiện tại với nền kinh tế toàn cầu và tình hình đại dịch vẫn đang tiếp diễn, chúng tôi chủ trương khuyến khích dịch chuyển lao động để tạo cơ hội nhiều nhất có thể cho các ứng viên Việt Nam. Trong thời điểm chuyển đổi quan trọng này, các công ty cần có khả năng ứng phó nhanh với các thay đổi của thị trường và gấp rút tuyển dụng thêm nhân viên nếu cần thiết. Đối với các công ty nước ngoài tại Việt Nam, làm được điều này sẽ giúp gia tăng khả năng cạnh tranh toàn cầu của đất nước và thu hút thêm các nhà đầu tư nước ngoài.

Khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam hiện đã thực hiện rất hiệu quả các hoạt động tuyển dụng. Ứng viên Việt Nam hiện đại và thành thạo công nghệ cao chủ yếu sử dụng các kênh tuyển dụng trực tuyến do các công ty tư nhân điều hành, như minh họa trong biểu đồ dưới đây;



Chúng tôi đề xuất cho phép tất cả các công ty có vốn đầu tư nước ngoài bao gồm cả văn phòng đại diện có thể tự do tuyển dụng trực tiếp, phù hợp với quy định của Bộ Luật Lao động Việt Nam (Điều 11.1), Luật Doanh nghiệp Việt Nam (Điều 5.1) và các điều ước thương mại quốc tế (bao gồm cả CPTPP và EVFTA) mà Việt Nam tham gia ký kết.

Chúng tôi đánh giá cao tầm nhìn của Chính phủ về các chủ trương, chính sách liên quan đến hoạt động tuyển dụng trong tương lai của khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Chúng tôi hoan nghênh các cơ chế báo cáo về hoạt động này, miễn là không chồng chéo với các yêu cầu thông tin hiện tại hoặc làm phát sinh thêm các thủ tục hành chính tốn kém thời gian không cần thiết cho

doanh nghiệp. Chúng tôi rất vui được phối hợp cùng các cơ quan Chính phủ trong việc thiết kế một hệ thống như vậy.

Chúng tôi cũng đánh giá cao vai trò tích cực và hiệu quả của các cơ quan phụ trách về lao động và việc làm của Chính phủ trong việc thúc đẩy sự đa dạng của lực lượng lao động, không phân biệt đối xử và tạo cơ hội cho các ứng viên có hoàn cảnh khó khăn, ví dụ như người dân tộc thiểu số hoặc khuyết tật. Chúng tôi luôn sẵn sàng phối hợp cùng các cơ quan Chính phủ trong việc xúc tiến một hệ thống như vậy. Hệ thống này sẽ phát huy hiệu quả tốt nhất khi được đưa ra như một lựa chọn và nguồn lực bổ sung cho khu vực tư nhân sử dụng, thay vì là nghĩa vụ bắt buộc vì những lý do nêu trên.

2. Đề xuất và ý kiến từ các hiệp hội doanh nghiệp

- Kinh phí công đoàn 2%: Trong bối cảnh pháp luật cho phép sự tồn tại của nhiều tổ chức đại diện người lao động trong một công ty, kinh phí công đoàn sẽ được tính như thế nào? Có nên tiếp tục thu phí công đoàn nữa không?
- Lao động là người nước ngoài: Vấn đề miễn yêu cầu giấy phép lao động cho thành viên góp vốn trong Công ty TNHH hoặc thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần với số vốn góp tối thiểu là 5 tỷ đồng.
- Tồn tại nhiều báo cáo lao động nhưng không có hệ thống trực tuyến để nộp báo cáo, do đó làm tăng chi phí hành chính cho người sử dụng lao động. Chúng tôi đề xuất áp dụng các phương án gửi báo cáo trực tuyến trong tương lai.
- Kế hoạch ban hành các văn bản luật, nghị định, thông tư liên quan đến luật lao động mới: Vui lòng xác định rõ kế hoạch ban hành các văn bản luật điều chỉnh, bổ sung hoặc văn bản mới.
- Phản hồi kịp thời các câu hỏi trên trang web của Bộ LĐTB&XH.

3. Kiến nghị của Tiểu ban Nguồn Nhân lực và Đào tạo thuộc EuroCham

3.1 Bổ sung thư bổ nhiệm là một tài liệu chứng minh chi phí tiền lương, tiền công được trừ

Mô tả vấn đề

Căn cứ Khoản 1, Điều 2, Nghị định 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016 của Chính phủ (“Nghị định 11”) quy định về đối tượng áp dụng của Nghị định 11 như sau:

“1. Lao động là công dân nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam (sau đây viết tắt là người lao động nước ngoài) theo các hình thức sau đây:

- a) Thực hiện hợp đồng lao động;*
- b) Di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp;*
- [...]”*

Như vậy, pháp luật đã công nhận người lao động (“NLĐ”) nước ngoài làm việc theo hợp đồng lao động (“HĐLĐ”) và NLĐ nước ngoài làm việc theo dạng di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp là hai nhóm đối tượng khác nhau.

Trên thực tế, thư bổ nhiệm (hoặc các tài liệu tương đương khác) đã và đang được một số cơ quan thuế địa phương chấp nhận là một trong các tài liệu chứng minh chi phí tiền lương, tiền công được trừ, thể hiện qua một số công văn như: Công văn 6990/CT-TTHT ngày 08/07/2019 và Công văn 1565/CT-TTHT ngày 28/02/2018 của Cục Thuế TP Hồ Chí Minh.

Khuyến nghị

Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, xem xét và có hướng dẫn bổ sung thư bổ nhiệm đối với trường hợp người lao động nước ngoài làm việc xác định thời hạn dưới 01 năm là một tài liệu chứng minh chi phí tiền lương, tiền công được trừ để nhất quán với pháp luật lao động và phù hợp với thông lệ quốc tế.

3.2 Miễn đóng kinh phí công đoàn (“KPCĐ”) đối với NLD nước ngoài

Mô tả vấn đề

Theo Điều 5, Nghị định 191/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định về mức đóng và căn cứ đóng KPCĐ như sau: *“Mức đóng bằng 2% quỹ tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động. Quỹ tiền lương này là tổng mức tiền lương của những người lao động thuộc đối tượng phải đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.”*

Do NLD nước ngoài bắt đầu thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội (“BHXH”) bắt buộc từ ngày 01/12/2018 theo hướng dẫn tại Nghị định 143/2018/NĐ-CP ngày 15/10/2018 của Chính phủ (“Nghị định 143”), các liên đoàn lao động địa phương đang yêu cầu doanh nghiệp phải đóng thêm KPCĐ 2% cho đối tượng NLD nước ngoài tham gia BHXH bắt buộc.

Tuy nhiên, Khoản 1, Điều 5, Luật Công đoàn 2012 quy định về quyền thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn như sau: *“Người lao động là người Việt Nam làm việc trong cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có quyền thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn”*. Như vậy, NLD nước ngoài không thuộc đối tượng gia nhập công đoàn. Do đó, việc yêu cầu doanh nghiệp phải đóng KPCĐ cho cả đối tượng người nước ngoài – đối tượng không được tham gia công đoàn là không có căn cứ.

Khuyến nghị

Chúng tôi kính đề nghị Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam xem xét và cân nhắc đưa ra hướng dẫn cụ thể về việc NLD nước ngoài không thuộc đối tượng phải đóng KPCĐ để đảm bảo nhất quán quy định về công đoàn và BHXH, đồng thời tránh việc tạo ra gánh nặng về chi phí cho doanh nghiệp.

3.3 Mở rộng các trường hợp “di chuyển nội bộ”

Mô tả vấn đề

Khoản 1, Điều 3, Nghị định 11 quy định: *“1. Người lao động nước ngoài di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia và lao động kỹ thuật của một doanh nghiệp nước ngoài đã thành lập hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam, di chuyển tạm thời trong nội bộ doanh nghiệp sang hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam và đã được doanh nghiệp nước ngoài tuyển dụng trước đó ít nhất 12 tháng”*.

Theo Điều 2, Thông tư 35/2016/TT-BCT của Bộ Công thương ban hành ngày 28/12/2016, hiện diện thương mại bao gồm các hình thức:

- a) Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài;
- b) Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;
- c) Văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh.”

Quy định về NLD di chuyển nội bộ doanh nghiệp đang được các Sở Lao động – Thương binh & Xã hội (“LĐTB&XH”) tại các tỉnh, thành phố diễn giải theo hướng chỉ những lao động nước ngoài

được cử từ công ty mẹ sang làm việc tại công ty con tại Việt Nam do công ty mẹ đó trực tiếp sở hữu 100% vốn mới được coi là di chuyển nội bộ, còn việc điều chuyển lao động từ các công ty khác trong tập đoàn (kể cả từ công ty mẹ cấp cao nhất) đến công ty tại Việt Nam hoặc điều chuyển lao động từ công ty mẹ tại nước ngoài đến văn phòng đại diện, chi nhánh của công ty con tại Việt Nam không được coi là di chuyển nội bộ.

Theo quan điểm của chúng tôi, việc diễn giải khái niệm “di chuyển nội bộ” như trên là cách diễn giải theo nghĩa hẹp và không phản ánh đúng thực tế điều động nhân sự toàn cầu của các tập đoàn đa quốc gia.

- Theo thông lệ quốc tế, nhân sự thường được điều động toàn cầu trong mạng lưới các công ty trong toàn tập đoàn để tận dụng kinh nghiệm, kỹ năng của nguồn nhân lực của tập đoàn và đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ở từng quốc gia. Do vậy, đối với doanh nghiệp, khái niệm “nội bộ” không chỉ được hiểu theo phạm vi hẹp giữa công ty mẹ trực tiếp và công ty con, mà được hiểu rộng ra ở phạm vi toàn tập đoàn.
- Do không thoả mãn điều kiện để được coi là “di chuyển nội bộ”, công ty con tại Việt Nam buộc phải ký HĐLĐ với người lao động nước ngoài được điều chuyển nội bộ từ các công ty trong tập đoàn mà không phải công ty mẹ trực tiếp, gây méo mó quan hệ lao động và phát sinh thêm các chi phí bảo hiểm bắt buộc và KPCĐ, tốn kém cho NLĐ và NSDLĐ, đặc biệt khi NLĐ nước ngoài vẫn tham gia bảo hiểm bắt buộc tại nước ngoài và trên thực tế, NLĐ nước ngoài ít khi sử dụng được các khoản trợ cấp từ cơ quan BHXH, chủ yếu do các rào cản ngôn ngữ và thủ tục hành chính.

Khuyến nghị

- Kính đề nghị Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội xem xét và cân nhắc công nhận việc điều chuyển nhân sự trong tập đoàn trên phạm vi toàn cầu là di chuyển nội bộ
- Kính đề nghị Bộ Công thương xem xét và cân nhắc mở rộng các hình thức được coi là hiện diện thương mại tại Việt Nam

3.4 Dự thảo Nghị định quy định về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, thay thế Nghị định số 11/2016/NĐ-CP¹

- **Số vốn góp tối thiểu để được miễn giấy phép lao động**

Mô tả vấn đề

Căn cứ Điều 7.1.(a) và (b) của dự thảo Nghị định, quy định là chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn có vốn góp từ 5 tỷ Đồng trở lên không phải xin giấy phép lao động.

Điều 7.1.(a) và (b)

”1. Người lao động nước ngoài quy định tại các Khoản 1, 2 Điều 154 của Bộ luật Lao động, bao gồm:

a) Là chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn có giá trị góp vốn từ 05 tỷ đồng trở lên.

b) Là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị của công ty cổ phần có giá trị góp vốn từ 5 tỷ đồng trở lên”

¹ Nghị định 11/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03 tháng 02 năm 2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của bộ luật lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam

Khuyến nghị

Căn cứ theo Khoản 1, 2 Điều 154 của Bộ Luật Lao động, chúng tôi trân trọng đưa ra đề xuất quy định số vốn góp tối thiểu là 300 triệu Việt Nam Đồng. Theo thực tiễn, đây là số vốn đầu tư được yêu cầu bởi cơ quan chức năng đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Vì vậy, chúng tôi khuyến nghị điều chỉnh số vốn góp tối thiểu để được miễn giấy phép lao động phù hợp với số vốn đầu tư tối thiểu được các cơ quan chức năng áp dụng trên thực tiễn, và để giữ ngưỡng đầu tư được quy định thấp để khuyến khích đầu tư nước ngoài và giúp Việt Nam nhanh chóng hồi phục nền kinh tế hậu đại dịch COVID-19.

Thêm vào đó, các cam kết của Việt Nam trong Chương về Dịch vụ của WTO trích dẫn ngôn ngữ Hiệp định Thương mại về Dịch vụ (GATS - General Agreement on Trade in Services) trong đó cấm các hạn chế định lượng đối với các nhà cung cấp dịch vụ (bao gồm bất cứ ngưỡng vốn tối thiểu nào) ngoại trừ trong một số lĩnh vực nhất định (ví dụ: các tổ chức tín dụng vì lợi ích ổn định tài chính quốc gia). Tại các lĩnh vực dịch vụ, không có hạn chế định lượng nào có thể được áp dụng trên cơ sở phân biệt đối xử (chẳng hạn như áp dụng đối với các doanh nghiệp FDI chứ không phải các doanh nghiệp trong nước).

- **Thời hạn của giấy phép lao động**

Mô tả vấn đề

Điều 20 về thời hạn của giấy phép lao động được gia hạn, Dự thảo Nghị định quy định về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, thay thế Nghị định số 11/2016/NĐ-CP quy định:

“Thời hạn của giấy phép lao động được gia hạn theo thời hạn của một trong các trường hợp quy định tại Điều 11 Nghị định này nhưng chỉ được gia hạn một lần với thời hạn tối đa là 02 năm.”

Từ quy định này, có thể hiểu rằng người lao động nước ngoài sẽ không thể tiếp tục làm việc tại Việt Nam sau 4 năm (2 năm trong giấy phép lao động mới và sau đó 2 năm được gia hạn giấy phép lao động).

Khuyến nghị

Chúng tôi đề nghị trong dự thảo Nghị định rằng, để tiếp tục làm việc tại Việt Nam sau thời hạn 4 năm, người lao động nước ngoài có thể nộp đơn xin cấp giấy phép lao động mới và người nộp đơn không phải rời khỏi Việt Nam trong quá trình này. Vì vậy, chúng tôi đề xuất bổ sung Khoản 2 cho Điều này như sau:

“Trong trường hợp hết thời hạn của giấy phép lao động được gia hạn theo khoản 1 Điều này, người lao động nước ngoài và người sử dụng lao động mong muốn người sử dụng lao động nước ngoài tiếp tục làm việc với người sử dụng lao động (ở cùng một vị trí công việc và chức danh công việc hoặc ở một vị trí và chức danh khác được nêu trong giấy phép làm việc đã được cấp), người lao động nước ngoài và người sử dụng lao động phải nộp đơn xin giấy phép làm việc mới. Hồ sơ xin cấp giấy phép lao động mới bao gồm các giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5, 6 và 7 của Điều 18 và giấy phép lao động hoặc bản sao có chứng thực của giấy phép lao động được cấp hoặc theo quy định tại thời điểm nộp đơn.”

Ngoài ra, chúng tôi đề nghị quy định rõ hơn về việc liệu đơn đăng ký mới có thể được nộp trước ngày hết hạn của giấy phép làm việc ban đầu hay không.

THỬ THÁCH VÀ CƠ HỘI TRONG ĐIỀU KIỆN BÌNH THƯỜNG MỚI KHỞI ĐỘNG LẠI DOANH NGHIỆP; THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ LƯU ĐỘNG

Chuẩn bị bởi

Nhóm Công tác Giáo dục và Đào tạo

Giới thiệu

Một bài báo trình bày quan điểm của chúng tôi vào tháng một năm nay đã thảo luận về chủ đề “Bước nhảy vọt sang Giáo dục và Lực lượng Lao động 4.0”. Tuy nhiên, vào thời điểm đó, chúng tôi không thể hình dung được điều gì sẽ diễn ra và tầm quan trọng của việc có một hệ thống giáo dục đủ mạnh và thích ứng hiện nay trở nên cấp thiết và quan trọng hơn rất nhiều. Tại thời điểm đó, chúng tôi đã đề cập rằng công nghệ thay đổi các quy tắc, tuy nhiên, trong tình hình hiện nay, việc sử dụng công nghệ ở tất cả các cấp học là cấp bách và quan trọng.

Trong bài viết này, chúng tôi sẽ xem xét lại tình hình hiện tại, xác định xem điều kiện “bình thường mới” sẽ như thế nào, tầm quan trọng của TVET, và thảo luận về những việc cần phải làm. Toàn bộ hệ thống giáo dục cần phải xem xét lại các chiến lược của mình để có thể đạt được một nền giáo dục hiệu quả trong điều kiện môi trường hiện nay. Điều này rất quan trọng để đáp ứng nhu cầu của ngành công nghiệp hiện nay và trong tương lai.

Hơn bao giờ hết, các cơ quan Chính phủ (cả trong và ngoài nước), các tổ chức giáo dục và ngành công nghiệp cần hợp tác để tận dụng các cơ hội hiện tại và giảm thiểu hoặc loại bỏ các rủi ro.

Tình hình hiện tại

Rõ ràng tác động của COVID 19 đang có tác động đến tất cả các cấp học ở Việt Nam. Tác động bao gồm nhưng không giới hạn đến những đối tượng sau:

- Sinh viên Việt Nam:
 - ✓ Trở về từ nước ngoài để hoàn thành việc học.
 - ✓ Những người đã hủy bỏ hoặc hoãn việc học tập ở nước ngoài.
 - ✓ Đang học ở nước ngoài nhưng hiện đang sử dụng các nền tảng trực tuyến.
 - ✓ Những người muốn đi du học nhưng không chắc chắn tình hình hiện tại có khả thi hay không.
- Những du học sinh không thể đến Việt Nam.
- Cán bộ giảng dạy ở nước ngoài gặp khó khăn hoặc không thể đến Việt Nam. Điều này áp dụng cho cả nhân viên ngắn hạn và dài hạn.

Một số tổ chức hiện đang sử dụng các nền tảng học tập trực tuyến để bổ sung cho các phương pháp giảng dạy truyền thống của họ. Đây là giai đoạn đầu của quá trình phát triển và triển khai đã phải đạt được với nhiều thành công ở nhiều mức độ. Tuy nhiên, cần phải triển khai nhiều hoạt động hơn nữa ở giai đoạn này. Các giảng viên không có kỹ năng trong việc triển khai các lớp học trực tuyến, sinh viên không quen thuộc với công nghệ và cơ sở hạ tầng CNTT, trong một số trường hợp, không có khả năng đảm bảo được lưu lượng truy cập của việc học trực tuyến tạo ra. Sự kết hợp giữa việc triển khai phương pháp học truyền thống tại lớp và học trực tuyến, tức là học kết hợp, có thể là chiến lược tốt nhất trong nhiều trường hợp.

Rất có thể, mọi trường đại học ở Việt Nam đều có một sứ mệnh là phải đạt được sự công nhận quốc tế như là một trường đại học chất lượng. Trong vòng 10 đến 20 năm tới, các trường đại học trên khắp thế giới sẽ cần phải áp dụng giáo dục trực tuyến hoặc đối mặt với sự đào thải. Các trường

đại học và cơ quan quản lý của Việt Nam có thể làm việc với các chuyên gia từ các trường đại học nước ngoài để xây dựng kế hoạch chiến lược đưa Việt Nam trở thành quốc gia đi đầu trong giáo dục trực tuyến.

Trong ngắn hạn, công nghệ có thể giúp khắc phục một số khó khăn trong môi trường hiện tại và về lâu dài, nó sẽ giúp giữ vững nền giáo dục Việt Nam hiện tại và tăng tính cạnh tranh. Các sinh viên muốn ra nước ngoài du học hiện đang tìm hiểu về việc học tập tại Việt Nam và đây là cơ hội tốt cho các cơ sở giáo dục trong nước nếu họ biết tận dụng cơ hội này. Ngày của các cơ sở giáo dục "gạch và vữa" sẽ được thay thế bằng "gạch và nháp chuột" hoặc thậm chí chỉ là "nháp chuột". Và việc này thực tế đang được diễn ra.

“Bình Thường Mới”

“Bình thường mới” là gì? Nó mang lại những thách thức và cơ hội gì? Làm thế nào để các thể chế “gạch” truyền thống tự chuyển đổi để duy trì tính cạnh tranh trong môi trường mới? Làm thế nào để Việt Nam tiếp tục chiến thắng trong thời đại 4.0? Đây là những câu hỏi rất khó, tuy nhiên, đã có nhiều phản ánh và nghiên cứu được thực hiện về các chủ đề này. Công nghệ đã và sẽ ngày càng đóng một vai trò quan trọng trong việc xác định môi trường giáo dục trong tương lai sẽ như thế nào. Cuộc khủng hoảng hiện tại chỉ thúc đẩy nhu cầu chuyển sang một mô hình kinh doanh mới ở hầu hết các cấp học. Làm thế nào để các thể chế “gạch” truyền thống tự chuyển đổi để duy trì tính cạnh tranh trong môi trường mới?

Hầu hết trẻ em đi học ngày nay sẽ tham gia những công việc mà chúng ta chưa biết đến. Thế hệ này khác biệt rõ rệt so với các thế hệ trước về mức độ tiếp xúc, tính sẵn có của thông tin và nội dung cũng như khả năng thích ứng với các công nghệ mới. Các cơ sở giáo dục có trách nhiệm tạo điều kiện cho các cá nhân sẵn sàng cho tương lai và giảm tỷ lệ lạc hậu của họ.

Tư duy phi truyền thống cần được khuyến khích trong giáo dục bằng cách sử dụng các công cụ và nguồn lực dựa trên công nghệ để thúc đẩy giáo dục theo những cách thức phi truyền thống. Học sinh sẽ ít tham gia thường xuyên hơn các lớp học truyền thống và sẽ tăng cường học trực tuyến bằng các nền tảng kỹ thuật số. Tương lai của giáo dục có nghĩa là nó sẽ đáp ứng nhu cầu của Công nghiệp 4.0, triển khai tiềm năng của công nghệ kỹ thuật số và nó sẽ tạo ra một kế hoạch chi tiết cho tương lai của việc học - từ học tập tại trường học đến học tập tại nơi làm việc.

Giáo dục phải bắt kịp với thế giới mà nó đang đào tạo học sinh và có cách tiếp cận thực tế hơn trong học tập, mang lại kết quả học tập tốt cho học sinh. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng sự gia tăng cá nhân hóa trong giáo dục dẫn đến kết quả học tập của học sinh tốt hơn và việc số hóa giáo dục làm cho việc học tập được cá nhân hóa này trở nên khả thi. Lợi ích của việc số hóa giáo dục một cách hiệu quả là rất nhiều và ảnh hưởng đến một loạt các bên liên quan:

- Học sinh sẽ tiếp cận và quan hệ tốt hơn với những người tham gia khác trong hệ thống. Kết quả học tập của học sinh sẽ cải thiện tương ứng với mức độ thực hiện giáo dục kỹ thuật số.
- Việc sử dụng công nghệ cũng sẽ giúp giáo viên và giảng viên dễ dàng cung cấp trải nghiệm học tập được cá nhân hóa cho sinh viên. Điều này sẽ mang lại kết quả học tập của học sinh tốt hơn, đồng nghĩa với việc kết quả giảng dạy tốt hơn vì những gì giáo viên đang làm thực sự đạt được kết quả thiết thực.
- Đối với các nhân viên quản lý và không phải giảng viên cũng sẽ có những lợi ích vì nó cho phép những nhân viên này giảm bớt công việc văn phòng và thay vào đó, tập trung vào việc nâng cao chất lượng hỗ trợ sinh viên và giảng viên.
- Lợi ích đối với ngành là hệ thống giáo dục sẽ cung cấp cho ngành những sinh viên tốt nghiệp với chất lượng cao hơn, những người sẵn sàng làm việc hơn. Điều này sẽ cải thiện

hiệu suất của lực lượng lao động, cũng như hiệu suất của ngành công nghiệp và nền kinh tế nói chung.

TVET

Đào tạo kỹ năng nghề và thúc đẩy việc làm là mục tiêu phát triển trọng tâm của Chính phủ Việt Nam. Chính phủ cũng muốn điều chỉnh việc đào tạo nghề phù hợp hơn với nhu cầu của ngành công nghiệp và công nghệ tiên tiến, đồng thời tập trung nhiều hơn vào các kỹ năng cần thiết để thực hiện hiệu quả Công nghiệp 4.0. Chính phủ Việt Nam nhận thấy sự cần thiết phải tăng cường sự tham gia của khu vực tư nhân vào TVET. Điều này sẽ giúp nâng cao nguồn lực bổ sung cho việc thực hiện TVET, và nâng cao chất lượng và mức độ phù hợp của các chương trình đào tạo TVET.

Một chiến lược khả thi để tham gia vào ngành, như được xác định bởi các tổ chức bao gồm, nhưng không giới hạn ở ADB, GDVT, GIZ, ILO và JICA, là thông qua việc khởi động các biện pháp hợp tác tích cực của các cơ sở TVET. Chiến lược Phát triển Nguồn nhân lực Úc-Việt 2014-2020 bao gồm các sáng kiến nhằm nâng cao khả năng đáp ứng của ngành TVET Việt Nam đối với các nhu cầu của ngành thông qua tăng cường sự tham gia của khu vực TVET-tư nhân.

Mặc dù có nhiều sáng kiến tuyệt vời đang giúp cải thiện TVET ở Việt Nam, chúng tôi vẫn tin rằng sau đây là những lĩnh vực chính cần được giải quyết:

- Đáp ứng nhu cầu của ngành thông qua phát triển chương trình giảng dạy năng động;
- Cải thiện quy trình tuyển dụng thông qua cung cấp chương trình và tiếp thị tốt hơn;
- Nâng cao năng lực của giáo viên, cán bộ quản lý và lãnh đạo theo các thông lệ thể chế TVET hiện đại và quốc tế; và
- Triển khai hiệu quả khung trình độ quốc gia.

Điều quan trọng là chúng tôi phải tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực này và tìm ra các giải pháp để giúp cải thiện hệ thống TVET. Do đó, chúng tôi mong muốn vấn đề này sẽ tiếp tục đạt được tiến bộ và nhân cơ hội này xin cảm ơn sự hợp tác của Bộ LĐTBXH.

Việt Nam cần phải làm gì để vượt qua thách thức và tận dụng cơ hội?

Có rất nhiều sáng kiến và dự án đã được thực hiện ở Việt Nam và một vài trong số này được liệt kê trong danh sách tham khảo dưới đây. Trong bối cảnh cuộc khủng hoảng hiện nay, những điều này trở nên cấp thiết hơn nhiều. Vui lòng tham khảo Phụ lục 1 để biết thông tin đầu vào từ Ủy ban Đào tạo & Nhân lực EuroCham. Sau đây là một số khuyến nghị cần được xem xét nhằm nâng cao vai trò của các cơ sở giáo dục trong việc hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam đạt được sự phát triển nhanh và bền vững.

- Các cơ sở giáo dục đại học nên tập trung vào người học, được hỗ trợ bởi công nghệ, hướng dẫn trực tiếp và nội dung liên quan đến ngành để đáp ứng nhu cầu học tập cá nhân của người học. Các cơ sở giáo dục đại học có một quyết định quan trọng để đưa ra: Nắm lấy cơ hội mới và thành công hay lựa chọn sai và bị triệt tiêu?
- Tập trung vào việc xây dựng trải nghiệm sinh viên thông qua cấu trúc chương trình linh hoạt cho phép học tập lâu dài và cung cấp cho người học nhiều lựa chọn đầu vào và đầu ra. Người học có thể được cung cấp lịch trình và cơ hội học tập thông qua việc hợp tác. Bằng cách kết hợp lý thuyết và thực hành, sự hòa nhập của học viên vào các quy trình làm việc ngay từ đầu có thể được đảm bảo (AHK).

- Nâng cao kỹ năng của đội ngũ giảng viên ở tất cả các cấp của hệ thống giáo dục nhà nước bằng cách cung cấp cho họ cơ hội tiếp cận với sự phát triển nghề nghiệp liên tục theo tiêu chuẩn quốc tế và đào tạo giáo viên theo các phương pháp giáo dục hiện đại.
- Để khuyến khích hơn nữa đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực này, cần khuyến khích các cơ sở giáo dục công lập địa phương hợp tác với các cơ sở giáo dục tư nhân quốc tế trong việc đào tạo giáo viên làm việc ở các trường công lập.
- Giải quyết các thách thức về khả năng tuyển dụng bằng cách cung cấp các kỹ năng khả năng tuyển dụng cần thiết và tích hợp với ngành công nghiệp để tạo điều kiện tiếp xúc nhiều hơn cho sinh viên ngay qua kinh nghiệm tại trường đại học của họ. Các cơ sở giáo dục đại học nên hợp tác nhiều hơn nữa với khu vực tư nhân để tìm ra những kỹ năng đào tạo bổ sung đang được thực hiện bởi các công ty, sau đó đưa nó vào các khóa học của họ để sinh viên được chuẩn bị trước khi tham gia vào lực lượng lao động.
- Các cơ quan quản lý cần đánh giá cao phương pháp giáo dục trực tuyến như một phương tiện học tập khả thi. Họ sẽ phải cung cấp một hệ sinh thái hướng tới tương lai cho Giáo dục 4.0 và làm việc với các tổ chức giáo dục đại học để phát triển một khuôn khổ quy định giải quyết các vấn đề về kiểm soát chất lượng, cấp phép và bảo mật thông tin. Tự học trực tuyến nên được khuyến khích mọi cơ hội bằng cách giải thích giá trị thực của phương pháp này đối với nghề nghiệp của mọi người.

Kết luận

Kết luận, nền kinh tế Việt Nam cần phải chuẩn bị cho những thách thức và cơ hội sẽ nảy sinh trong điều kiện “bình thường mới”. Điều này có nghĩa là tất cả các bên liên quan chính, trong ngành giáo dục, cần phải khẩn trương hơn nữa để tạo ra môi trường tận dụng công nghệ sẵn có để đảm bảo giáo dục các cấp ở Việt Nam có hiệu quả và cạnh tranh.

Việt Nam luôn coi trọng đầu tư vào lĩnh vực giáo dục được coi là nhân tố then chốt đảm bảo tính bền vững trong phát triển kinh tế - xã hội. Sự phát triển này cần một hệ thống giáo dục cung cấp cho sinh viên tốt nghiệp “sẵn sàng làm việc” với các kỹ năng cần thiết để thúc đẩy nền kinh tế mới.

Nhóm Công tác Giáo dục và Đào tạo, thông qua VBF và phối hợp với Bộ GD & ĐT, Bộ LĐTBXH và Phòng Thương mại, sẽ tiếp tục cam kết hỗ trợ Việt Nam tận dụng các cơ hội và khắc phục các khó khăn để giúp Việt Nam phát huy được tiềm năng kinh tế.

Phụ lục 1: Phản hồi từ Ủy ban đào tạo và nhân lực của EuroCham

STT	Nhận xét	Đề xuất
1.	Với tác động hiện tại mà đại dịch Covid-19 đã gây ra đối với việc giáo dục trẻ em trên toàn thế giới, giáo dục đã phải nhanh chóng chuyển từ môi trường lớp học truyền thống sang không gian kỹ thuật số và học trực tuyến. Đây là một thực tiễn mới đòi hỏi chuyên môn, đào tạo và kỹ năng công nghệ có tác động đến việc giáo dục học sinh để đảm bảo các em nhận được một nền giáo dục chất lượng.	Chúng tôi đặc biệt khuyến khích các cơ quan ban ngành của Việt Nam - đặc biệt là Bộ Giáo dục và Đào tạo - hợp tác với các tổ chức giáo dục quốc tế tại Việt Nam để đào tạo giáo viên trong các lĩnh vực giáo dục trực tuyến dựa trên các thông lệ quốc tế tốt nhất. Đây là cơ hội để nâng cao năng lực của giáo viên và đáp ứng nhu cầu của học sinh.
2.	Chất lượng không khí là một vấn đề nghiêm trọng, là yếu tố cản trở việc đưa Việt Nam trở thành trung tâm giáo dục của khu vực. Chất lượng không khí ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân và	Nhóm công tác của chúng tôi đặc biệt khuyến nghị các cơ quan chức năng Việt Nam ưu tiên cải thiện chất lượng không khí vì điều này sẽ có tác động tích cực đến sức khỏe của mọi người dân, đồng thời giảm tác động tiêu cực

STT	Nhận xét	Đề xuất
	cũng là yếu tố cản trở việc thu hút các chuyên gia nước ngoài có gia đình đến làm việc tại Việt Nam. Nó cũng làm giảm sức hấp dẫn của Việt Nam như một trung tâm giáo dục của khu vực.	đề xuất thu hút các chuyên gia nước ngoài, gia đình họ cũng như các du học sinh trong tương lai.

Tham khảo

- AHK; Dual Vocational Training: <https://vietnam.ahk.de/en/training-job/dual-vocational-training/>
- Australian Government – Department of Foreign Affairs and Trade; Australia-Vietnam Human Resource Development Strategy 2014-2020: <https://dfat.gov.au/about-us/publications/Pages/australia-vietnam-human-resource-development-strategy-2014-2020.aspx>
- Australian Government – Department of Foreign Affairs and Trade; Assisting the development and employment of a highly-skilled workforce in Vietnam: <https://dfat.gov.au/geo/vietnam/development-assistance/Pages/assisting-the-development-and-employment-of-a-highly-skilled-workforce.aspx>
- Bosch Vietnam; Development Partnership with Bosch reaches the next phase: <https://www.bosch.com.vn/en/news-and-stories/development-partnership-with-bosch-reaches-the-next-phase/>
- British Council; Internationalising higher education: <https://www.britishcouncil.vn/en/programmes/education/internationalisation>
- Build IT; Creating a world-class model for innovative technology and engineering higher education: <https://builditvietnam.org/>
- DAAD: <https://www.daad-vietnam.vn/en/>
- EMVITET PROJECT DEVELOPING EDUCATION 4.0 IN VIETNAM: Higher Engineering Education Alliance Program (**HEEAP**): <https://heeap.org/>
- Japan International Cooperation Agency (JICA): https://www.jica.go.jp/project/english/area/asia/027_1.html
- Ken Research
- Korea International Cooperation Agency (KOICA): http://www.koica.go.kr/vnm_en/7668/subview.do
- Leapfrogging to Education 4.0: Student at the Core: <https://m.dailyhunt.in/news/india/english/business+world-epaper-bizworld/leapfrogging+to+education+4+0+student+at+the+core-newsid-75865591>
- Winfrid W.M.; Making Digital Transformation Inclusive
- PISA: <https://www.oecd.org/pisa/>
- Reform of TVET in Viet Nam: <https://www.tvet-vietnam.org/en/topic/74.news.html>
- World Bank - The Economic Case for Education in Vietnam: <http://documents.worldbank.org/curated/en/115641545141262780/The-Economic-Case-for-Education-in-Vietnam>

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI

Chuẩn bị bởi
NCT Đầu tư & Thương mại VBF

1. Tình hình bình thường mới và môi trường đầu tư mới

Đại dịch COVID-19 đã làm gián đoạn hoạt động của nền kinh tế Việt Nam và thế giới. Các lĩnh vực du lịch và lưu trú quốc tế đều bị ảnh hưởng rất lớn, và nói chung hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài ("**FDI**"), mua bán và sáp nhập (M&A) và xuất khẩu cũng phải đối mặt với những thách thức từ những bất định của thị trường và những khó khăn về di chuyển.

Tuy nhiên, cũng có những điểm sáng và thái độ lạc quan thận trọng nhờ sự quản lý năng động của Chính phủ Việt Nam trong việc giữ an toàn cho cả nước, cũng như quyết tâm thích nghi của các doanh nghiệp và người dân - ví dụ: (i) các nhà máy chuyển sang sản xuất thiết bị bảo hộ cá nhân ("**PPE**") thay vì hàng may mặc, (ii) xuất khẩu sản phẩm điện tử và đồ nội thất (hỗ trợ xu hướng làm việc tại nhà), (iii) giáo dục tại nhà và trực tuyến, (iv) thương mại điện tử và các dịch vụ trực tuyến khác, (v) tăng trưởng về năng lượng tái tạo, và (vi) thu hút đầu tư trong chuỗi cung ứng và cơ sở hạ tầng kho vận (logistics) phục vụ việc dịch chuyển sản xuất từ Trung Quốc sang Việt Nam và hỗ trợ thương mại điện tử trong nước. Tình hình cũng được khích lệ khi Việt Nam ký kết và thực hiện các hiệp định thương mại quốc tế (trong đó EVFTA là hiệp định mới nhất).

Những nỗ lực này được phản ánh trong sự tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam trong ba quý đầu tiên của năm 2020, và mặc dù không bằng thời gian trước đại dịch nhưng vẫn thuộc nhóm đứng đầu trong khu vực (và thế giới) trong khi hầu hết các quốc gia đang phải đối mặt với sự thu hẹp quy mô kinh tế.

Việt Nam cũng đã ban hành các luật quan trọng mới có hiệu lực vào năm 2021 - cụ thể là Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ("**PPP**"). Chế độ đăng ký sáp nhập tương đối mới cũng đã có hiệu lực vào giữa năm 2020.

Tất cả những luật mới này cũng như các quy định và thủ tục thi hành sẽ tạo ra một khung quản lý đầu tư mới. Điều này sẽ tác động đến cách thức tiến hành đầu tư và kinh doanh trong bối cảnh bình thường mới ở hiện tại và tương lai gần, và hy vọng cũng sẽ được định hình bởi việc nói lời dần dần và có cân nhắc đối với các biện pháp an toàn và hạn chế đi lại, và hiểu rõ hơn về cách thức hiệu quả nhất để xử lý, điều trị COVID-19.

Chúng tôi đưa ra các phản hồi và kiến nghị dưới đây (dựa trên luật hiện hành và luật mới) về những sửa đổi và cải tiến có thể được thực hiện để hỗ trợ khả năng hồi phục nhanh và thúc đẩy sự phát triển của môi trường kinh doanh và nền kinh tế Việt Nam thông qua đầu tư và thương mại.

2. Đầu tư / Cấp phép

2.1 Thủ tục cấp phép tốn thời gian

Về quy trình cấp phép để thành lập công ty có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, vẫn còn một số thách thức về hành chính. Cụ thể:

- Các cơ quan khác nhau chịu trách nhiệm về các khía cạnh khác nhau của quy trình cấp phép tại Việt Nam, và các cơ quan này không có phương pháp liên lạc hợp lý và hiệu quả về mặt thời gian với nhau. Ví dụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư ("**Sở KHĐT**") và các cơ quan có liên quan

khác, như Bộ Công Thương ("**Bộ CT**"), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("**NHNNVN**") và các cơ quan khác, vẫn liên lạc với nhau bằng đường thư bưu chính trong quá trình cấp phép. Giữa Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh (và các tỉnh thành khác), việc chuyển thư có thể mất tới 1 - 2 tuần. Quá trình này trì hoãn đáng kể quá trình nộp đơn và phê duyệt. Các cơ quan có thể sử dụng email (bảo mật), thủ tục trực tuyến và/hoặc dịch vụ chuyển phát nhanh để đẩy nhanh quá trình này.

- Cách duy nhất để người nộp đơn kiểm tra tình hình mới nhất của quá trình đăng ký Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ("**GCNĐKĐT**") là đến Sở KHĐT hàng ngày. Việc này tốn thời gian và rắc rối. Có hệ thống theo dõi trạng thái hồ sơ trực tuyến, nhưng hệ thống này cần được triển khai đúng cách.
- Các cơ quan cấp phép (ví dụ như các Sở KHĐT địa phương) không chấp nhận các hồ sơ đăng ký có chữ ký điện tử. Việc xin chữ ký tươi và đối chiếu tài liệu gốc cho các đơn xin cấp phép thực sự phiền phức và nhiều khê cho các doanh nghiệp (đặc biệt trong thời gian đại dịch và lệnh hạn chế đi lại ở nhiều quốc gia khác). Các cơ quan có thể sử dụng thủ tục trực tuyến và có hệ thống để chấp nhận chữ ký điện tử để đẩy nhanh quá trình này.

Một lần nữa, các vấn đề nêu trên có thể được giải quyết bằng hệ thống nộp hồ sơ trực tuyến hiệu quả. Hơn nữa, việc áp dụng và chấp nhận chữ ký điện tử (cụ thể là chữ ký số) sẽ làm giảm gánh nặng hành chính cho các công ty.

2.2 Luật Doanh Nghiệp Mới

Chúng tôi xin đưa ra những nhận xét dưới đây về Luật Doanh nghiệp mới ("**Luật Doanh Nghiệp Mới**"), có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

- Theo Luật Doanh Nghiệp Mới, hồ sơ đăng ký Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ("**GCNĐKDN**") có thể được gửi bằng một trong ba cách sau:
 - thực hiện trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh;
 - qua dịch vụ bưu chính; hoặc
 - đăng ký trực tuyến qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp ("**Cổng TTQGVĐKDN**").

Luật Doanh Nghiệp Mới quy định rằng việc đăng ký trực tuyến được thực hiện thông qua Cổng TTQGVĐKDN sẽ có cùng hiệu lực như đăng ký trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh. Tuy nhiên, không rõ liệu trên thực tế các cơ quan có còn yêu cầu nộp hồ sơ bằng cả hai hình thức trực tuyến và trực tiếp hay không. Chúng tôi đề nghị Chính phủ hướng dẫn cụ thể về đăng ký trực tuyến thông qua Cổng TTQGVĐKDN (và không phải nộp bổ sung hồ sơ giấy) trong Nghị định hướng dẫn Luật Doanh Nghiệp Mới.

- Luật Doanh Nghiệp Mới giữ lại yêu cầu rằng vốn điều lệ (bằng tiền mặt) phải được góp trong vòng 90 ngày kể từ ngày thành lập doanh nghiệp. Tuy nhiên, đối với hình thức góp vốn bằng hiện vật/tài sản khác, khung thời gian 90 ngày có thể không bao gồm thời gian cần thiết để vận chuyển, nhập khẩu và các thủ tục hành chính khác cho việc chuyển nhượng quyền sở hữu tài sản.

Ngoài ra, nhà đầu tư sẽ có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với phần vốn góp đã cam kết góp trong công ty trong khoảng thời gian từ ngày thành lập doanh nghiệp đến ngày cuối cùng của thời hạn góp vốn theo luật định. Nếu nhà đầu tư cam kết góp vốn bằng tiền mặt không góp được phần vốn đã cam kết, họ (i) sẽ chỉ có các quyền tương ứng với phần vốn đã góp (tức là

trong trường hợp nhà đầu tư không góp đủ phần vốn cam kết), hoặc (ii) sẽ mặc nhiên không còn là thành viên của công ty (tức là trong trường hợp nhà đầu tư không góp được phần vốn cam kết).

Tuy nhiên, trong trường hợp góp vốn bằng hiện vật, nếu pháp luật không quy định bất kỳ cơ sở nào để xác định thời hạn góp vốn bằng hiện vật, nhà đầu tư góp vốn bằng hiện vật có thể cố dựa vào ngoại lệ này (rằng thời gian 90 ngày không bao gồm thời gian cần thiết cho quy trình chuyển nhượng tài sản) để khẳng định rằng họ luôn có quyền và nghĩa vụ tương ứng với phần vốn cam kết của họ trong công ty ngay cả khi nhà đầu tư chưa thực hiện góp vốn bằng hiện vật.

Do đó, chúng tôi kiến nghị Chính phủ hướng dẫn thêm về thời hạn góp vốn bằng hiện vật. Chẳng hạn, Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Doanh Nghiệp Mới có thể quy định rằng việc góp vốn bằng hiện vật phải được thực hiện trong một khoảng thời gian hợp lý, theo thỏa thuận của các nhà đầu tư và được thông báo cho cơ quan cấp phép có thẩm quyền trong hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp. Nếu nhà đầu tư góp vốn bằng hiện vật dự đoán rằng thời hạn đã thông báo có thể bị chậm trễ trong thực tế, thì họ cần thảo luận với các nhà đầu tư còn lại để thỏa thuận về việc gia hạn thời gian và thông báo việc gia hạn này cho cơ quan cấp phép có thẩm quyền ít nhất một số ngày nhất định trước khi kết thúc thời hạn.

- Luật Doanh Nghiệp Mới quy định rằng các cổ đông hiện hữu của một công ty cổ phần ("CTCP") sẽ có quyền ưu tiên mua trước đối với các cổ phần mới được phát hành theo hình thức chào bán riêng lẻ, trừ trường hợp sáp nhập hoặc hợp nhất.

Điều này có thể hiểu là sẽ cần phải có sự đồng ý từ bỏ quyền ưu tiên mua trước của tất cả các cổ đông hiện hữu để phát hành cổ phần mới bằng cách chào bán riêng lẻ cho một cổ đông mới mà không cần trước hết phải chào bán cho cổ đông hiện hữu. Trong trường hợp đó, có vẻ như các đồng ý từ bỏ nêu trên có thể phải được bao gồm trong hồ sơ đăng ký tăng vốn điều lệ do chào bán riêng lẻ, điều này sẽ trở thành gánh nặng cho các CTCP muốn bổ sung vốn và nhà đầu tư mới thông qua việc chào bán riêng lẻ.

Ngoài ra, sẽ không có sự khác biệt nào giữa quy trình phát hành cổ phần cho các cổ đông hiện hữu và quy trình chào bán riêng lẻ nếu quyền ưu tiên mua trước được cấp cho các cổ đông hiện hữu trong cả hai trường hợp.

Chúng tôi kiến nghị cần làm rõ rằng CTCP có thể thực hiện chào bán riêng lẻ khi đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông ("ĐHĐCĐ") phê duyệt thay vì phải xin chấp thuận của từng và mỗi cổ đông.

2.3 Luật Đầu Tư Mới

Chúng tôi xin đưa ra những nhận xét dưới đây về Luật Đầu tư mới ("**Luật Đầu Tư Mới**"), có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

- Thay đổi chính trong Luật Đầu Tư Mới là việc giới thiệu phương pháp "danh sách cấm", theo đó các nhà đầu tư nước ngoài sẽ có quyền hưởng các điều kiện tiếp cận thị trường áp dụng cho nhà đầu tư trong nước đối với bất kỳ ngành nghề nào không có trong danh sách các ngành nghề mà nhà đầu tư nước ngoài bị hạn chế tiếp cận ("**Danh Sách Ngành Nghề Bị Hạn Chế**").

Theo Luật Đầu Tư Mới, Chính phủ sẽ ban hành Danh Sách Ngành Nghề Bị Hạn Chế, danh sách này phải nêu rõ: (i) các ngành nghề chưa được phép tiếp cận thị trường; và (ii) các ngành nghề mà việc tiếp cận thị trường có điều kiện ("**Danh Sách Ngành Nghề Có Điều Kiện**").

Chính phủ đã ban hành dự thảo nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu Tư Mới ("**Dự Thảo Nghị Định**"), dự kiến sẽ có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và thay thế Nghị định 118/2015/NĐ-CP.

Dự Thảo Nghị Định quy định rằng các nhà đầu tư nước ngoài sẽ có quyền được hưởng các điều kiện tiếp cận thị trường áp dụng cho nhà đầu tư trong nước đối với bất kỳ ngành nghề nào không có trong Danh Sách Ngành Nghề Bị Hạn Chế. Dự Thảo Nghị Định cũng quy định rằng các ngành nghề kinh doanh mà Việt Nam chưa cam kết theo nguyên tắc đối xử quốc gia theo các hiệp ước đầu tư quốc tế và pháp luật Việt Nam không có quy định về những hạn chế áp dụng cho các nhà đầu tư nước ngoài, thì các nhà đầu tư nước ngoài có thể áp dụng điều kiện tiếp cận thị trường như được quy định cho các nhà đầu tư trong nước.

Tuy nhiên, theo Dự Thảo Nghị Định, cũng cần lưu ý rằng Danh Sách Ngành Nghề Có Điều Kiện khá dài (39 mục), vì danh sách này tổng hợp các ngành nghề kinh doanh mà Việt Nam đã có cam kết và các điều kiện trong các điều ước quốc tế của Việt Nam về đầu tư nước ngoài, và bao gồm "*những ngành nghề kinh doanh mới chưa tồn tại trên lãnh thổ Việt Nam tại thời điểm Luật Đầu tư có hiệu lực*".

Chúng tôi khuyến nghị rằng Danh Sách Ngành Nghề Có Điều Kiện này, khi được các cơ quan cấp phép viện dẫn và thực hiện vào năm 2021, không trở thành danh sách "mang tính nhạy cảm cao và cần được xem xét kỹ lưỡng" trên thực tế (theo đó quá trình cấp phép sẽ kéo dài một cách không hợp lý do sự xem xét kỹ lưỡng không cần thiết), hoặc bị xem là danh sách "cho phép" trên thực tế (theo đó các nhà đầu tư nước ngoài chỉ có thể đầu tư vào những lĩnh vực này vì đó là những lĩnh vực mà Việt Nam đã đưa ra cam kết theo hiệp định, và cũng sẽ được xem xét thật kỹ lưỡng).

Quy định "vơ đũa cả nắm" ở cuối danh sách này cũng đáng quan ngại vì phạm vi rất rộng và khó lường hết hệ lụy. Đơn cử như và cụ thể là, nền kinh tế kỹ thuật số về cơ bản được thúc đẩy bởi các mô hình kinh doanh mới tận dụng và thích ứng với các công nghệ và ứng dụng mới, chẳng hạn như trong các dịch vụ trung gian thanh toán ("**IPS**"). Nếu có những hoạt động kinh doanh mới xuất hiện vào năm 2021, việc này tạo ra những điều không chắc chắn cho các nhà đầu tư nước ngoài và cơ quan cấp phép vì không có hiệp ước và cam kết quy định về các điều kiện gia nhập thị trường cho hoạt động kinh doanh đó. Do vậy, chúng tôi kiến nghị loại bỏ mục này - *những ngành nghề kinh doanh mới chưa tồn tại trên lãnh thổ Việt Nam tại thời điểm Luật Đầu tư có hiệu lực* - khỏi Danh Sách Ngành Nghề Có Điều Kiện.

- Luật Đầu Tư Mới đã sửa đổi bản chất của các công ty có vốn đầu tư nước ngoài sẽ được coi là nhà đầu tư trong nước khi các công ty có vốn đầu tư nước ngoài đầu tư vào các công ty khác. Cụ thể, ngưỡng được phép cho các nhà đầu tư nước ngoài (trong các công ty có vốn đầu tư nước ngoài đủ điều kiện được xem là nhà đầu tư trong nước trong hoạt động đầu tư về sau) đã giảm nhẹ xuống còn không quá 50% (so với Luật Đầu tư hiện hành, trong đó ngưỡng này thấp hơn 51% quyền sở hữu nước ngoài).

Chúng tôi mong muốn kiến nghị cần làm rõ rằng những công ty có vốn đầu tư nước ngoài nêu trên (có chẳng hạn như 50,9% quyền sở hữu nước ngoài ở thời điểm hiện tại) và đã đầu tư với tư cách là nhà đầu tư trong nước từ trước năm 2021, sẽ không cần phải giảm tỷ lệ sở hữu nước ngoài xuống còn 50% vào năm 2021 để đáp ứng các yêu cầu nhằm được xem là nhà đầu tư trong nước theo Luật Đầu Tư Mới để giữ lại các khoản đầu tư trước năm 2021 của mình.

2.4 Đăng ký sáp nhập

Nghị định số 35/2020/NĐ-CP, có hiệu lực vào ngày 15 tháng 5 năm 2020, quy định chi tiết một số điều của Luật Cạnh tranh ("**Nghị Định 35**"), cụ thể liên quan đến chế độ đăng ký sáp nhập.

Cơ quan có trách nhiệm thi hành Luật Cạnh tranh (tức là Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia hoặc "**UBCTQG**") vẫn chưa được thành lập. Do đó, Bộ CT và Cục Cạnh tranh và Bảo vệ Người tiêu dùng Việt Nam ("**VCCPA**") đã và đang chủ trì việc thi hành Luật Cạnh tranh.

Cụ thể, theo chế độ đăng ký sáp nhập mới, các hình thức tập trung kinh tế (tức là sáp nhập, hợp nhất, mua lại, và liên doanh) đều phải thông báo và phê duyệt trước nếu một số ngưỡng thông báo nhất định được kích hoạt. Những thay đổi theo luật mới giờ đây khiến cho càng nhiều giao dịch M&A phải chịu sự điều chỉnh của quy định này. Vì vậy, điều quan trọng đối với nhà đầu tư và các doanh nghiệp là có thể tự xác định được những hoạt động M&A nào phải chịu sự điều chỉnh và những hoạt động nào nằm ngoài phạm vi dự kiến của chế độ đăng ký sáp nhập.

Hiện nay, có nhiều điều không rõ ràng trong việc diễn giải và áp dụng các quy định, mà sẽ cần hướng dẫn/làm rõ thêm. Những điều không rõ ràng nêu trên bao gồm:

- Các giao dịch tái cấu trúc nội bộ/giao dịch giữa các công ty trong tập đoàn có thuộc phạm vi khái niệm "tập trung" hay không;
- Việc kiểm soát phủ định đối với một công ty mục tiêu bằng quyền phủ quyết có thuộc phạm vi khái niệm "kiểm soát" hay không;
- Ngưỡng thị phần có được áp dụng trong trường hợp không có sự trùng lặp trong các hoạt động của các bên hay không, và nếu có, ngưỡng này nên được tính như thế nào;
- Số liệu về tài sản sở tại, doanh thu hoặc thị phần của bên bán có được cân nhắc khi xác định xem ngưỡng thông báo có được kích hoạt hay không, đặc biệt là trong trường hợp sau khi giao dịch, bên bán sẽ không còn có quyền sở hữu trong công ty mục tiêu nữa.

Ngoài ra, tập trung kinh tế theo chế độ sáp nhập mới vẫn nhấn mạnh vào đánh giá thị phần. Tương tự như Luật Cạnh tranh trước đây, các điều khoản của luật hiện hành về xác định thị trường liên quan tiếp tục là rào cản đối với nhiều nhà đầu tư. Vì lý do đó, các nhà đầu tư có thể hưởng lợi từ hướng dẫn cụ thể về cách tiến hành xác định thị trường có liên quan và nơi thu thập thông tin và số liệu liên quan.

Liên quan đến các điều khoản khác trong Luật Cạnh tranh (tức là quy định về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh và lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường/độc quyền), vẫn không có hướng dẫn về cách diễn giải/áp dụng các hành vi cụ thể theo các điều khoản này trong thực tế. Trong khi Nghị định 116/2005/NĐ-CP theo Luật Cạnh tranh trước đây có quy định rõ ràng, thì Nghị Định 35 hiện tại vẫn còn thiếu sót về phương diện này.

2.5 Hoàn tất các giao dịch M&A

Để các giao dịch M&A được hoàn tất và chứng minh được việc thay đổi quyền sở hữu trong công ty, cần phải xin được GCNĐKDN sửa đổi (trong trường hợp là công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc "**Công Ty TNHH**"). Còn phụ thuộc vào việc vận dụng pháp luật, thông thường, bên mua sẽ chỉ thực hiện thanh toán giá mua sau khi cơ quan cấp phép ban hành GCNĐKDN sửa đổi cho thấy tên của nhà đầu tư mới /bên mua. Tuy nhiên, theo kinh nghiệm của các thành viên trong một số trường hợp nhất định, cơ quan cấp phép tỉnh Bình Dương vẫn yêu cầu cung cấp bằng chứng về việc thanh toán giá mua trước khi chấp nhận hồ sơ đề nghị thay đổi nội dung GCNĐKDN - nghĩa là bên mua có nguy cơ phải trả giá mua trước khi quyền sở hữu được chuyển nhượng (như được chứng minh bằng GCNĐKDN đã sửa đổi thể hiện tên của nhà đầu tư mới).

3. Lao động

3.1 Khả năng di chuyển/Nhập cảnh của người nước ngoài

Mặc dù chúng tôi đánh giá cao những nỗ lực của Chính phủ khi đặt sự an toàn của người dân tại Việt Nam lên hàng đầu trong tình hình đại dịch, chúng tôi hy vọng rằng Chính phủ sẽ xem xét và thực hiện các biện pháp tiếp theo để dần dần tạo điều kiện an toàn cho người nước ngoài nhập cảnh - đặc biệt, trong trường hợp những người cần nhập cảnh có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ cho sự tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam.

Những người này có thể bao gồm cả các cán bộ quản lý cấp cao của các công ty tại Việt Nam, các chuyên gia kỹ thuật cần phải có mặt để thăm công trường hoặc khi thực hiện các dự án mới, hoặc các nhóm kinh doanh tiến hành thẩm định doanh nghiệp và đàm phán hợp đồng.

Cụ thể, chúng tôi xin đưa ra một số kiến nghị về chính sách di chuyển dành cho hành khách nước ngoài đến Việt Nam như sau:

- Xem xét và mở rộng danh sách các quốc gia có nguy cơ thấp (và cho phép cách ly trong thời gian ngắn hơn hoặc không cần cách ly);
- Tiếp tục yêu cầu xét nghiệm và yêu cầu có kết quả âm tính trước khi khởi hành;
- Xem xét các lựa chọn cách ly tại nhà riêng/nơi cư trú (vì có những người nước ngoài ở đây làm việc dài hạn) với sự giám sát thường xuyên;
- Cho phép người nước ngoài nhập cảnh vì mục đích kinh doanh nói chung (không chỉ những người làm việc cho các công ty tại Việt Nam và đáp ứng các yêu cầu về giấy phép lao động, mà còn cho những người làm việc với các công ty tại Việt Nam trong các trường hợp kinh doanh nói chung);
- Liên tục giám sát việc di chuyển và hoạt động của những người nước ngoài có thời gian cách ly ngắn hơn hoặc không bị cách ly, và chỉ ở Việt Nam trong thời gian ngắn; và
- Đơn giản hóa thủ tục nhập cảnh cho người lao động nước ngoài đã có giấy phép lao động hợp lệ hoặc giấy xác nhận được miễn giấy phép lao động.

3.2 Lực lượng lao động

Về vấn đề quản lý lực lượng lao động, và những thách thức về dòng tiền mà các thành viên của chúng tôi phải đối mặt, chúng tôi xin đưa ra các kiến nghị dưới đây để Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ("**BỘ LĐ-TBXH**") và Chính phủ cân nhắc.

- Giới hạn về số giờ làm thêm của người lao động gây khó khăn cho các thành viên của chúng tôi khi yêu cầu những người lao động khác làm việc thay cho những người không thể có mặt tại địa điểm làm việc. Giới hạn về số giờ làm thêm cũng cản trở năng lực sản xuất nói chung.

Chúng tôi khuyến nghị nâng mức giới hạn về số giờ làm thêm (ví dụ: lên đến 400 – 500 giờ trong một năm), miễn là người lao động làm thêm giờ trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện.

- Bằng việc thông qua Bộ luật Lao động mới 2019, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021, tổ chức đại diện người lao động không còn phải là tổ chức công đoàn trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam mà có thể là tổ chức do người lao động tự nguyện thành lập. Do đó, cần xem xét lại việc bắt buộc đóng phí công đoàn hàng tháng theo mức phí cố định.

Chúng tôi khuyến nghị rằng sau ngày Bộ luật Lao động mới có hiệu lực, phí công đoàn nên là khoản đóng góp không bắt buộc đối với doanh nghiệp và mỗi tổ chức đại diện người lao động có thể tự xác định mức đóng góp cho tổ chức mình.

4. Đại lý bảo hiểm - Chi phí có khả năng được khấu trừ

Như đã từng đề cập, Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm (“Cục QLGSBH”) đã áp dụng quan điểm rằng không nên công nhận một số hoạt động đại lý lâu nay trong mô hình đại lý đa tầng là các hoạt động đại lý trong phạm vi được pháp luật công nhận. Cách giải thích luật làm thu hẹp phạm vi hoạt động cho phép của doanh nghiệp bảo hiểm và khả năng khấu trừ các chi phí liên quan như trên không phù hợp với thông lệ thị trường được các doanh nghiệp bảo hiểm chủ chốt tại Việt Nam và thị trường quốc tế đề ra, và cũng không phù hợp với sự chấp nhận lâu nay của các cơ quan thuế Việt Nam và chính Cục QLGSBH. Các cơ quan quản lý nên nhìn nhận cởi mở hơn để công nhận mô hình này và áp dụng pháp luật một cách nhất quán để chấp nhận mọi chi phí liên quan là chi phí hợp lý và hợp lệ cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

5. Bất động sản

Ngoài những quan ngại đã nêu trong bản trình bày ý kiến trước đây của chúng tôi, mà vẫn đang chờ giải quyết, chúng tôi cũng xin nêu ra những vấn đề sau đây để thảo luận:

- Theo điểm (i) khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 60/2018/QH14 ngày 15 tháng 6 năm 2018 (“**Nghị Quyết 60**”), “*đất của doanh nghiệp sau cổ phần hóa sẽ được thu hồi và đấu giá công khai nếu được chuyển mục đích sử dụng đất khác với phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt*”.

Từ nội dung tiếng Việt của Nghị Quyết 60, thời điểm được nêu trong Điều này không rõ ràng, tức là giữa việc phê duyệt chuyển đổi mục đích sử dụng đất và phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt, không rõ thời điểm nào diễn ra trước. Chúng tôi nhận thấy rằng Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về sắp xếp lại, xử lý tài sản công (“**Nghị Định 167**”) hướng dẫn việc phê duyệt chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt tức là quyết định chuyển mục đích sử dụng đất phải căn cứ vào phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt (Điều 12.2).

Tuy nhiên, không có quy định nào điều chỉnh trường hợp đất đã được chuyển mục đích sử dụng trước khi phê duyệt phương án cổ phần hóa, hoặc trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng đất sau khi phê duyệt phương án cổ phần hóa mà có thể phát sinh theo Nghị Quyết 60.

Chúng tôi kiến nghị được hướng dẫn thêm để giải quyết sự không rõ ràng này.

- Lĩnh vực logistics đang nhận được nhiều sự quan tâm, đặc biệt là việc đầu tư vào các kho bãi và các trung tâm hoàn tất đơn hàng (FC) để hỗ trợ sự phát triển của thương mại điện tử. Tuy nhiên, các thành viên của chúng tôi đã và đang gặp phải tình trạng không chắc chắn và thách thức trong việc tìm kiếm đất và mặt bằng - ví dụ, khi khu đất và địa điểm/tài sản được quy hoạch lại cho những mục đích khác nhau và/hoặc khi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của những khu đất đó không được cập nhật, điều này gây khó khăn cho nhà đầu tư/bên mua tiềm năng trong việc xác định xem liệu địa điểm/mặt bằng đó có phù hợp hay không và liệu dự án có được cấp phép cho mục đích sử dụng của nhà đầu tư trong lĩnh vực kho bãi/logistics hay không. Các quy trình đấu giá được tiến hành trong trường hợp phá sản cũng tạo ra những điều không chắc chắn do các thủ tục (và các quy trình phê duyệt và cấp phép tiếp theo) đều không được rõ ràng, đặc biệt là đối với các nhà đầu tư nước ngoài muốn tham gia đấu thầu.

6. Thực phẩm và Đồ uống

- Thông tư số 24/2019/TT-BYT ban hành danh mục phụ gia thực phẩm được phép sử dụng trong thực phẩm, tuy nhiên danh sách này không được cập nhật tự động theo Tiêu chuẩn Codex (Tiêu

chuẩn chung về phụ gia thực phẩm Codex). Hơn nữa, Thông tư này yêu cầu các hương liệu dùng trong thực phẩm phải được đánh giá bởi Ủy ban chuyên gia về phụ gia thực phẩm của Tổ chức Nông Lương quốc tế (FAO)/Tổ chức Y tế thế giới (WHO) (JECFA) trong khi nhiều quốc gia khác đã cho phép các tổ chức khác như Hiệp hội các nhà sản xuất hương liệu và chiết xuất của Hoa Kỳ (FEMA) và Tổ chức quốc tế ngành công nghiệp hương liệu (IOFI) được đánh giá hương liệu dùng trong thực phẩm. Theo đó, vì quy định này mà các công ty thực phẩm đã đối mặt với rất nhiều khó khăn trong việc khai báo, nhập khẩu và sử dụng hương liệu thực phẩm để sản xuất thực phẩm. Quy định này nên được sửa đổi để mở rộng cho phép các tổ chức khác được đánh giá hương liệu dùng trong thực phẩm.

- Thông tư số 18/2019/TT-BYT yêu cầu Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt yêu cầu GMP đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe. Tuy nhiên, trên thực tế, nhiều quốc gia trên thế giới (như Đức, Tây Ban Nha, Ý, Úc và các nước thuộc Liên minh châu Âu (EU) khác) không cấp Giấy chứng nhận GMP hoặc giấy xác nhận theo yêu cầu của Việt Nam. Họ chỉ cấp các chứng nhận tuân thủ GMP cho thực phẩm hoặc dược phẩm hoặc các chứng nhận như Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), ISO 22000. Điều này đã ảnh hưởng đến việc nhập khẩu sản phẩm của các thành viên của chúng tôi. Vì vậy, chúng tôi mong có được sự hướng dẫn của Bộ Y tế đối với các trường hợp mà các cơ quan chức năng của các quốc gia khác không cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn GMP đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe và giấy chứng nhận theo yêu cầu của Việt Nam mà chỉ cấp giấy chứng nhận GMP chung cho thực phẩm dùng được cho dược phẩm hoặc các chứng nhận như HACCP, hoặc ISO 22000. Chúng tôi kính đề nghị Bộ Y tế chấp nhận giấy chứng nhận tuân thủ GMP cho dược phẩm để sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe như nhiều quốc gia khác.

7. Chăm sóc sức khỏe

Hệ thống chăm sóc sức khỏe của Việt Nam chưa theo kịp tốc độ tăng trưởng kinh tế của đất nước. Một số quy định còn phức tạp trong một số lĩnh vực nhất định, thiếu các quy định trong các lĩnh vực khác, và còn những hạn chế đối với đầu tư nước ngoài.

Chúng tôi tin rằng các quy định có thể phát triển theo hướng nhằm bảo vệ sức khỏe con người và cũng thúc đẩy đầu tư và phát triển lĩnh vực chăm sóc sức khỏe.

Cụ thể như sau:

- Thông tư số 32/2018/TT-BYT ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc ("**Thông tư 32**") và Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về đầu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập ("**Thông tư 15**") có thuật ngữ "cơ quan quản lý tham chiếu" được định nghĩa bao gồm một số quốc gia nhất định, gồm một số nước thuộc Liên minh châu Âu (EU) nhưng không bao gồm tất cả các nước EU. Đây là danh sách đầy đủ và chỉ các quốc gia được liệt kê là cơ quan quản lý tham chiếu mới có thể được hưởng một số miễn trừ nhất định đối với một hoặc nhiều giai đoạn thử nghiệm lâm sàng vắc xin và một số loại thuốc trước khi cho phép lưu hành. Các quốc gia EU khác không được liệt kê là cơ quan quản lý tham chiếu sẽ không được hưởng những lợi ích này. Điều này có vẻ không phù hợp với Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) và chúng tôi hy vọng rằng Bộ Y tế sẽ xem xét sửa đổi danh sách cơ quan quản lý tham chiếu để bao gồm tất cả các quốc gia EU.
- Hiện nay, các bác sĩ nước ngoài được yêu cầu phải có một phiên dịch viên có trình độ trong lĩnh vực y học đồng thời có một một bằng cử nhân chuyên ngành ngoại ngữ. Bên cạnh đó, một phiên dịch viên chỉ có thể làm việc cho duy nhất một bác sĩ. Pháp luật nên được sửa đổi để cho

phép phiên dịch viên chỉ cần có một bằng cử nhân chuyên ngành ngoại ngữ. Liên quan đến các thuật ngữ y tế bằng tiếng Anh, các cơ sở y tế nước ngoài có thể đào tạo các phiên dịch viên của họ. Ngoài ra, không nên có yêu cầu bắt buộc rằng mỗi bác sĩ nước ngoài phải có phiên dịch viên của riêng mình - các cơ sở y tế chỉ cần có phiên dịch viên này có mặt khi bác sĩ nước ngoài điều trị cho những bệnh nhân không thể giao tiếp bằng loại ngoại ngữ giống như bác sĩ nước ngoài đó.

- Sự trì hoãn trong việc chấp thuận gia hạn visa trong khi rất nhiều giấy phép lưu hành sản phẩm ("**GPLHSP**") đã và sẽ tiếp tục hết hạn kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2020 sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến việc cung ứng thuốc trong tình hình đại dịch. Hiện nay, một lượng lớn thuốc đang trong quá trình xem xét để gia hạn GPLHSP. Để tránh ảnh hưởng đến việc tiếp tục điều trị của bệnh nhân, và để giảm tải áp lực cho ngành chăm sóc sức khỏe trong giai đoạn cấp bách này, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc lập kế hoạch sản xuất của các công ty, chúng tôi khuyến nghị nên duy trì hiệu lực của các GPLHSP hết hạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2020 cho đến khi các sản phẩm này được gia hạn thêm năm năm nữa. Trước tình hình đại dịch và những khó khăn ngày càng gia tăng mà các doanh nghiệp nói chung và các công ty thuốc phát minh nói riêng phải đối mặt, chúng tôi kính đề nghị Bộ Y tế lưu tâm và chỉ đạo khẩn cấp về đề xuất nêu trên để tránh ảnh hưởng trực tiếp và tức thời đến việc cung ứng thuốc.
- Trong tình hình đại dịch, nhu cầu về các sản phẩm vệ sinh và khử trùng đang gia tăng đáng kể. Cụ thể, để các doanh nghiệp mở cửa hoạt động trở lại và để giữ cho nơi làm việc, trường học và các trung tâm giải trí được an toàn, các sản phẩm vệ sinh và khử trùng giữ vai trò rất quan trọng và thiết yếu. Tuy nhiên, do các quy định tại Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ("**Nghị định 91**") yêu cầu phải có giấy đăng ký và giấy chứng nhận chuyên ngành để bán các sản phẩm này nên nguồn cung không đáp ứng được nhu cầu hiện tại của xã hội, dẫn tới việc các thành viên của chúng tôi không thể có được đủ số lượng và chất lượng của các sản phẩm khử trùng, khử khuẩn và các sản phẩm khử nhiễm này. Theo quy định trong Nghị định 91, quá trình này có thể mất từ 3 đến 4 tháng nếu tất cả các hồ sơ giấy tờ đều ổn thỏa và trong nhiều trường hợp thì quá trình này có thể lâu hơn đáng kể. Chúng tôi hi vọng rằng Bộ Y tế và Cục Quản lý Môi trường Y tế Việt Nam ("**VIHEMA**") sẽ đẩy nhanh quá trình cấp phép. Thêm vào đó, chúng tôi hi vọng rằng Bộ Y tế và Cục Quản lý Môi trường Y tế Việt Nam có thể miễn các yêu cầu kiểm nghiệm tại Việt Nam cho bất kỳ đơn vị đăng ký nào có thể cung cấp được Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) từ cơ quan có thẩm quyền hoặc hình thức chấp thuận khác từ một thành viên khác của WTO.

8. Kinh tế kỹ thuật số

Một nền kinh tế kỹ thuật số mạnh mẽ sẽ là nhân tố quan trọng đối với sự tăng trưởng liên tục ở Việt Nam và điều này đặc biệt được nhấn mạnh trong tình hình đại dịch COVID-19 khi các công cụ kỹ thuật số cho phép mọi người làm việc tại nhà. Chúng tôi tin rằng Chính phủ sẽ tiếp tục thúc đẩy và áp dụng các giải pháp kỹ thuật số để hướng tới các thành phố thông minh và Cách mạng công nghiệp 4.0, đồng thời thông qua các luật và chính sách thúc đẩy những điều này.

Chúng tôi xin nhấn mạnh một số ví dụ dưới đây:

- Thanh toán không dùng tiền mặt rất quan trọng đối với bất kỳ nền kinh tế hiện đại nào. Trước đây, NHNN đã đề xuất các biện pháp hạn chế nhất định xung quanh đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực thanh toán kỹ thuật số, điều này sẽ cản trở sự tăng trưởng trong lĩnh vực này. Chúng tôi hiểu rằng việc giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài trong lĩnh vực dịch vụ trung gian thanh toán đã được NHNN loại bỏ khỏi dự thảo mới nhất của nghị định thay thế Nghị định số 101/2012/NĐ-CP. Chúng tôi đồng tình với điều này và tin rằng cần khuyến khích đầu tư. Chúng tôi hy vọng điều này được thể hiện trong phiên bản cuối cùng của nghị định.

- Chúng tôi nhận thấy rằng NHNN đã đưa ra dự thảo nghị định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính (Fintech) (“**Dự Thảo Nghị Định Về Fintech**”). Chúng tôi hy vọng rằng NHNN sẽ tiếp tục nghiên cứu Dự Thảo Nghị Định Về Fintech này với cách tiếp cận cân bằng, cụ thể là giảm thiểu các thủ tục cấp phép và đánh giá được áp dụng cho các công ty fintech sẽ tham gia vào cơ chế thử nghiệm fintech, tiếp tục mở rộng lĩnh vực fintech cho các nhà đầu tư nước ngoài, đồng thời nâng cao tính an toàn và bảo mật cho người dùng.
- Truyền tải dữ liệu xuyên biên giới là yếu tố quan trọng đối với các giao dịch, nghiên cứu và các mục đích quan trọng khác. Các quy định pháp luật về dữ liệu và an ninh mạng phải có cách tiếp cận thực dụng có thể cân bằng giữa việc bảo vệ dữ liệu cá nhân và tăng trưởng kinh tế bền vững. Đại dịch COVID-19 càng cho thấy tầm quan trọng của luồng dữ liệu tự do đối với các hoạt động kinh doanh khi cộng đồng bị cách ly và mọi người làm việc tại nhà. Chúng tôi hy vọng rằng trong quá trình soạn thảo Nghị định hướng dẫn thi hành Luật An ninh mạng, Bộ Công an sẽ xem xét lại yêu cầu về lưu dữ liệu tại Việt Nam và chỉ áp dụng quy định này cho những trường hợp rất hạn chế. Tương tự như vậy, dự thảo Nghị định về Bảo vệ Dữ liệu cần có cách tiếp cận cân bằng vừa bảo vệ dữ liệu cá nhân nhưng vẫn cho phép sử dụng khi có được sự đồng ý và trong hoàn cảnh thích hợp.
- Như chúng tôi đã trình bày trong các phần khác ở trên, việc tiến hành thủ tục hành chính bằng phương thức điện tử có thể giúp hợp lý hóa các quy trình, qua đó tiết kiệm thời gian và nguồn lực. Mặc dù chữ ký điện tử đã được pháp luật Việt Nam công nhận từ năm 2005, nhưng do thiếu các quy định toàn diện và tính nhất quán trong thực tế, nên không rõ các văn bản pháp luật và thực tiễn hiện hành cho phép các giải pháp chữ ký điện tử hiện hữu đến mức độ nào. Mặc dù Thông tư số 16/2019/TT-BTTTT đã giải thích rõ hơn về các tiêu chuẩn bắt buộc đối với chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số nhưng chúng tôi hy vọng rằng sẽ được làm rõ hơn về những giải pháp nào đối với "chữ ký điện tử không đủ tiêu chuẩn" đã đáp ứng được các tiêu chuẩn bắt buộc của Chính phủ. Việc làm rõ này sẽ mang lại cho các doanh nghiệp sự an tâm cần thiết để bắt đầu triển khai các giải pháp chữ ký điện tử cho các giao dịch tại Việt Nam.

THU HÚT CÁC DÒNG VỐN ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN ĐIỆN QUY MÔ LỚN SÁU VẤN ĐỀ NẾU ĐƯỢC GIẢI QUYẾT SẼ MANG LẠI HÀNG TỈ ĐÔ-LA CHO CÁC DỰ ÁN PPP VÀ CÁC DỰ ÁN ĐIỆN ĐỘC LẬP

*Chuẩn bị bởi
Nhóm Công tác Cơ sở Hạ tầng VBF*

Thời gian gần đây Việt Nam đã và đang chú trọng vào năng lượng tái tạo. Nhóm Công tác Cơ sở Hạ tầng VBF đánh giá cao sự chú trọng này và thành công của chính sách đó.

Tuy nhiên, năng lượng tái tạo chỉ là một phần nhu cầu của Việt Nam. Việt Nam cần nhiều điện hơn nữa để đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế đang phát triển nhanh chóng của đất nước. Nếu điện năng không được sản xuất từ than đá, sẽ phải được sản xuất từ khí hoặc nhiên liệu hạt nhân. Những dự án này có thể đòi hỏi chi phí từ 5 – 50 tỷ đô la. Nhóm Công tác Cơ sở Hạ tầng VBF đề xuất rằng để Việt Nam thu hút những dòng vốn này, các dự án lớn này cần phải được xem xét tách biệt với các dự án cơ sở hạ tầng nhỏ hơn khác.

Trước khi phân tích cụ thể các đề xuất của mình, chúng tôi muốn nhấn mạnh một số nội dung chính sau:

- các chính sách để thu hút các nhà đầu tư vào một dự án điện khí hóa lỏng (LNG) với vốn đầu tư khoảng 5 tỉ đô la cần khác với các chính sách đang áp dụng cho một dự án năng lượng mặt trời trị giá 50 triệu \$.
- Các nhà đầu tư vào các dự án cơ sở hạ tầng trị giá 5 tỉ \$ tại Việt Nam cần huy động một số vốn vay lớn từ các bên cho vay theo mô hình cho vay dự án và không truy đòi (non-recourse financing). Các ngân hàng sẽ không cho vay theo hình thức này trừ khi các ngân hàng tin rằng họ sẽ thu hồi được khoản vay.
- Nếu một dự án điện lớn không được đầu tư xây dựng theo mô hình BOT theo Luật Đầu Tư theo Phương Thức Đối Tác Công Tư (**Luật PPP**) vì các quy định của luật này không áp dụng hoặc vì các quy định không đủ linh hoạt đối với nhu cầu của các nhà đầu tư/bên cho vay, giải pháp thay thế duy nhất cho các bên tư nhân là một dự án điện độc lập (**IPP**) theo Luật Đầu Tư. Gần như mặc định, các dự án điện khí hóa lỏng đang bị buộc phải chuyển sang phương thức này.

Nhóm Công tác Cơ sở Hạ tầng VBF đã xem xét một số trở ngại đối với việc đảm bảo những dòng vốn này cho dù theo hình thức BOT theo Luật PPP hoặc theo mô hình IPP, và nhưng việc Việt Nam có thể làm trong giai đoạn hậu Covid cạnh tranh hơn này để đảm bảo việc có thể huy động được các dòng vốn này.

Vấn đề	Trở ngại	PPP – làm thế nào để đảm bảo được các dòng vốn lớn hơn	IPP – làm thế nào để đảm bảo được các dòng vốn lớn hơn
1. Bảo toàn được vốn đầu tư tại các dự án lớn đang trong quá trình phát triển bằng việc cho phép áp dụng các quy định tồn tại trước đây. Hiện nay, nhiều dự án điện BOT đang được đàm phán giữa Bộ	Theo Luật PPP, các dự án	Nhóm Công Tác đề xuất	Không áp dụng vì cho đến thời điểm hiện tại các dự án điện lớn đều đang được đàm phán theo hình thức BOT.

Vấn đề	Trở ngại	PPP – làm thế nào để đảm bảo được các dòng vốn lớn hơn	IPP – làm thế nào để đảm bảo được các dòng vốn lớn hơn
Công Thương và các nhà đầu tư và các bên cho vay quốc tế. Mặc dù các bên chưa kết thúc đàm phán và các hợp đồng dự án chưa được hoàn tất, các nhà đầu tư trong những dự án đó đã tích cực dành thời gian và chi phí để làm việc với Chính Phủ nhằm chuẩn bị cho việc phát triển các dự án đó từ nhiều năm qua. Tất cả các công việc tốn thời gian và chi phí đó đều dựa trên các giả định về kinh tế và pháp lý quan trọng được rút ra từ các tiền lệ đã được công nhận trong một thời gian dài của các dự án điện BOT tại Việt Nam. Trong một số dự án, các nhà đầu tư thậm chí đã bắt đầu thực hiện công tác đền bù giải phóng mặt bằng để có địa điểm sẵn sàng ngay sau khi các tài liệu dự án được hoàn tất. Thậm chí có một số dự án điện BOT mà hồ sơ dự án đã được hoàn tất và ký tất, nhưng chưa được chính thức thực hiện vì cần thêm thời gian để hoàn thiện và phê duyệt nội bộ về một số vấn đề đang chờ xử lý.	PPP đang được đàm phán/thương lượng sẽ phải tuân thủ các quy định của Luật PPP về các điều khoản của hợp đồng BOT và các khía cạnh khác của việc phát triển dự án, vay vốn và vận hành dự án. Việc áp dụng các quy định mới của Luật PPP sẽ thay đổi các giả định quan trọng của các nhà đầu tư và các bên cho vay là cơ sở quan trọng để họ đầu tư vào các dự án và gây chậm trễ trong quá trình phát triển dự án vốn đã tốn nhiều thời gian và làm tăng chi phí đáng kể.	rằng Luật PPP chỉ nên được áp dụng đối với các dự án đang triển khai trong trường hợp các nhà đầu tư và Bộ Công thương ký kết Hợp Đồng Nguyên Tắc (Principles Agreement) của dự án sau ngày hiệu lực của Luật PPP, với điều kiện là kể từ khi ký kết Hợp Đồng Nguyên Tắc, các nhà đầu tư đã tích cực hợp tác với Bộ Công Thương và Chính Phủ để phát triển các dự án và đàm phán các hợp đồng dự án. Các dự án đáp ứng các yêu cầu như vậy phải được phép tiếp tục áp dụng pháp luật và thông lệ được áp dụng trước ngày hiệu lực của Luật PPP. Một ngoại lệ như vậy sẽ làm giảm nguy cơ làm ảnh hưởng đến các nguồn vốn của các dự án có thời gian đàm phán lâu như vậy.	
2. Các Thỏa Thuận Cam Kết và Bảo Lãnh Chính Phủ vẫn cần thiết cho các dự án lớn. Các dự án quy mô lớn có xu hướng dễ phải gánh chịu rủi ro tại nước sở tại hơn các dự án nhỏ. Các dự án nhỏ hơn có thể có nhiều khả năng thích ứng hơn	Hiện tại, cả Luật Đầu Tư năm 2014 và Nghị Định 63 về PPP đều quy định rằng Thủ Tướng Chính Phủ có thể quyết định bảo đảm nghĩa vụ của các cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền hoặc các doanh	Cơ chế chia sẻ thiếu hụt doanh thu được quy định tại Điều 82 của Luật PPP có thể giúp dự án dự tính được về doanh thu, nhưng quy định này chỉ liên quan đến các khoản thiếu hụt	Các IPP mà hiện đang phát triển các dự án điện khí hóa lỏng (LNG) thậm chí không hy vọng cơ chế được quy định tại Điều 82 của Luật PPP. Tuy nhiên các trao đổi

Vấn đề	Trở ngại	PPP – làm thế nào để đảm bảo được các dòng vốn lớn hơn	IPP – làm thế nào để đảm bảo được các dòng vốn lớn hơn
với những thay đổi thông qua các giải pháp thương mại thay thế (ví dụ, tìm được các bên mua thay thế hoặc các nguồn cung cấp nhiên liệu, các bên cho vay linh hoạt hơn, vv...). Các dự án quy mô lớn cần phải được Chính Phủ hỗ trợ khi cần thiết để dự án có thể được ngân hàng chấp nhận cho vay vốn (bankable).	ngành Nhà Nước đối với các dự án trên cơ sở từng trường hợp cụ thể. Tuy nhiên, Luật Đầu Tư năm 2020 và Luật PPP (đều có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2020) không còn quy định các điều khoản như vậy. Việc thiếu một cơ sở cho các Bảo Lãnh và Cam Kết của Chính Phủ (GGU) trong Luật Đầu Tư năm 2020 và Luật PPP có vẻ như thể hiện một thay đổi trong chính sách của Chính Phủ đối với việc cấp GGU cho các dự án. Không có sự phân biệt giữa một dự án lớn và một dự án nhỏ.	không phải do việc bên mua không thanh toán. Chính phủ nên giải thích rõ nếu quy định này nhằm bảo đảm 75% nghĩa vụ thanh toán của một bên mua.	không chính thức của chúng tôi với một số chuyên viên trong các bộ ngành cho thấy việc thiếu một viện dẫn cụ thể đến GGU trong luật không có nghĩa là sẽ không còn GGU trong tương lai nữa. Thay vào đó, việc cấp GGU sẽ phụ thuộc vào dự án cụ thể và việc Chính Phủ đánh giá tầm quan trọng của dự án đối với việc phát triển kinh tế của Việt Nam như thế nào. Nếu đây là quan điểm chính thức, Chính Phủ nên giải thích rõ quan điểm này để các nhà đầu tư không thấy nản lòng trước khi bắt đầu. Một bảo lãnh như vậy có thể vẫn được cấp dựa trên thẩm quyền theo luật của Thủ Tướng Chính Phủ. Theo Luật Tổ Chức Chính Phủ năm 2015, Thủ Tướng Chính Phủ có quyền (i) chỉ đạo và chỉ thị các chiến lược xây dựng, đề xuất, kế hoạch, chính sách và các dự án khác thuộc thẩm quyền ra quyết định của Chính Phủ và Thủ Tướng Chính Phủ; và (ii) chỉ thị, điều chỉnh và phối hợp hoạt động của các thành viên nội các; ra quyết định giải quyết các khác biệt giữa các Bộ Trưởng và người đứng đầu các cơ quan ngang Bộ. Tuy nhiên, nếu Bộ Tư pháp từ chối đưa ra ý kiến pháp lý (legal opinion) về các thẩm quyền đó hoặc tính hợp lệ của GGU, các bên cho vay có thể quan

Vấn đề	Trở ngại	PPP – làm thế nào để đảm bảo được các dòng vốn lớn hơn	IPP – làm thế nào để đảm bảo được các dòng vốn lớn hơn
			ngại về cơ sở pháp lý của GGU. Chính Phủ hoặc Bộ Tư pháp nên giải thích rõ việc Bộ Tư pháp có sẵn sàng ra ý kiến pháp lý xác nhận về GGU hay không. Chúng tôi cũng đề xuất là Chính Phủ nên xem xét áp dụng các tiền lệ trong các dự án đầu khí và lọc dầu, đã nhận được bảo lãnh và hỗ trợ của Chính Phủ mặc dù không theo hình thức BOT hay PPP. Việc giải quyết như vậy là chìa khóa cho sự thành công của các dự án đó để đạt được việc hoàn tất tài chính.
3. Các bên cho vay không truy đòi cần có bảo đảm về khả năng chuyển đổi ngoại tệ Tất cả các bên cho vay của các dự án lớn đều cho vay bằng ngoại tệ và muốn được hoàn trả bằng ngoại tệ. Điều này khác với các dự án năng lượng tái tạo nhỏ, trong trường hợp có sẵn nguồn vốn bằng tiền Đồng Việt Nam. Các đơn vị tiền tệ của thế giới luôn biến động. Tiền Đồng Việt Nam khá ổn định, và các bên cấp vốn công nhận việc quản lý hiệu quả của Ngân Hàng Nhà Nước và Bộ Tài Chính trong việc đạt được thành công đó. Tuy nhiên, khi họ xem xét cho một dự án vay tiền trong 15 năm, họ lo ngại về việc liệu thành công đó có tiếp tục mãi không.	Hiện tại, GGU đã được cấp cho các dự án bù đắp 30% tổng doanh thu thuần bằng tiền Đồng của Dự Án với một mức hỗ trợ nhất định đối với 70% còn lại. Theo Luật PPP mới, một bảo lãnh của chính phủ về khả năng có sẵn ngoại tệ có thể được cấp trên cơ sở từng trường hợp (nghĩa là, phụ thuộc vào quyết định cụ thể của Thủ Tướng Chính Phủ) và sẽ được giới hạn ở mức 30% tổng doanh thu thuần bằng tiền Đồng của dự án.	1. Cơ chế chia sẻ thiếu hụt doanh thu được nêu tại Điều 82 của Luật PPP có thể giúp bảo vệ nhà đầu tư trước các thay đổi tỉ giá hối đoái nếu doanh thu có thể được thể hiện bằng ngoại tệ. Đây có thể không phải là ý định của Chính Phủ, nhưng nếu đúng, Chính Phủ nên nêu rõ khả năng có thể xảy ra trong các nghị định hướng dẫn thực hiện. 2. Nhiều khía cạnh của một bảo lãnh về khả năng có sẵn ngoại tệ cần phải được quy định cụ thể để thu hút vốn (chẳng hạn như tỉ giá hối đoái vào thời điểm chuyển đổi và thời hạn chuyển đổi và khả năng có sẵn ngoại tệ).	Theo Luật Đầu Tư mới, không còn cơ sở để cấp bảo lãnh về khả năng có sẵn ngoại tệ nữa. Điều này sẽ gây khó khăn trong việc đưa các dự án điện khí hóa lỏng vào thị trường để vay vốn. Nếu Chính Phủ có quan điểm là Chính Phủ có thể sử dụng thẩm quyền theo luật để cấp bảo lãnh như vậy dựa trên cơ sở từng trường hợp đặc biệt, các bên cho vay có thể phải xin ý kiến pháp lý của Bộ Tư pháp về việc này. Nếu Chính phủ không cấp bảo lãnh nào như vậy, các lựa chọn thay thế có thể được nghiên cứu, bao gồm:

Vấn đề	Trở ngại	PPP – làm thế nào để đảm bảo được các dòng vốn lớn hơn	IPP – làm thế nào để đảm bảo được các dòng vốn lớn hơn
		3. Tương tự, nếu vẫn có khả năng là Chính Phủ sẽ đồng ý hỗ trợ cấp 70% nhu cầu ngoại tệ còn lại, điều này nên được quy định rõ.	- liệu khoản lỗ chênh lệch tỉ giá hối đoái có thể được tích hợp vào biểu thuế để bảo vệ khỏi bị lỗ do chuyển đổi ngoại tệ không; và - liệu có một sản phẩm nào đó có thể được phát triển bởi một ngân hàng đa phương được Chính Phủ hỗ trợ không.
4. Luật điều chỉnh là pháp luật nước ngoài được nhiều ngân hàng nước ngoài biết đến và giúp họ dễ dàng cho các dự án Việt Nam vay vốn. Việc áp dụng luật điều chỉnh là luật nước ngoài đối với một hợp đồng PPP đôi khi là cần thiết và vì lợi ích tốt nhất của Việt Nam. Điều này là do các hợp đồng liên quan đến hàng tỉ Đô-la có thể phức tạp và Việt Nam không có tất cả các khái niệm pháp lý mà các ngân hàng đều biết. Ngoài ra, pháp luật nước Anh (chẳng hạn) có một loạt các tiền lệ pháp lý để các ngân hàng biết ý nghĩa của hợp đồng với độ chính xác cao hơn nhiều nếu hợp đồng được điều chỉnh bởi pháp luật nước Anh chứ không phải là pháp luật Việt Nam. Do vậy các nhà đầu tư có thể tự tin một cách hợp lý là tòa án sẽ giải quyết các tranh chấp thông thường như thế nào. Điều này cho phép các ngân hàng tài trợ/cấp vốn hoặc quy định mức chi phí thấp hơn, và đổi lại sẽ tiết	Không ai phản đối rằng pháp luật Việt Nam áp dụng đối với hoạt động đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại Việt Nam. Các nhà máy điện và dự án đường bộ tại Việt Nam phải tuân thủ pháp luật Việt Nam. Hiện tại, các hợp đồng mà theo đó công trình cơ sở hạ tầng được xây dựng và cấp vốn có thể chịu sự điều chỉnh của pháp luật nước ngoài. Điều dễ hiểu là Việt Nam sẽ quan ngại về việc áp dụng pháp luật nước ngoài đối với một hợp đồng liên quan đến công trình cơ sở hạ tầng quan trọng tại Việt Nam. Theo Luật PPP mới, một hợp đồng dự án PPP, các phụ lục của hợp đồng và các tài liệu liên quan khác được ký giữa cơ quan Nhà Nước Việt Nam và nhà đầu tư /doanh nghiệp dự án PPP sẽ chịu sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam. Quy định này cho phép một ngoại lệ là đối với các vấn đề pháp luật Việt Nam không có quy định, các bên có thể thỏa thuận cụ thể trong	Các nghị định hướng dẫn thực hiện Luật PPP phải – nếu có thể – cố gắng giải thích ngoại lệ nói trên để cho phép các bên thỏa thuận với nhau về việc liệu pháp luật Việt Nam có đủ để điều chỉnh tất cả các vấn đề liên quan không, và trong trường hợp các bên thống nhất rằng không có, cho phép các bên áp dụng luật Việt Nam hay luật nước ngoài. Nếu nội dung này không giải quyết được ở cấp Nghị định, và Việt Nam thực sự có nhu cầu về vốn, Việt Nam có thể xem xét sửa đổi Luật để quy định rõ ràng các bên có thể thương lượng trong từng trường hợp cụ thể về việc áp dụng luật Việt Nam hay luật nước ngoài	Một Hợp Đồng Mua Điện (PPA) trong một IPP sẽ phải chịu sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam vì theo quy định tại Bộ Luật Dân Sự của Việt Nam, một hợp đồng giữa hai pháp nhân Việt Nam về một giao dịch hoàn toàn được thực hiện ở Việt Nam phải chịu sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam. Quy định này sẽ cản trở những dự án này nhận được các khoản vay vốn không truy đòi. Có một số lượng đáng kể các khái niệm về luật hợp đồng của Anh không được định nghĩa rõ ràng hoặc thậm chí không được công nhận theo luật Việt Nam, nhưng lại quan trọng đối với các bên cho vay quốc tế. Các ví dụ sẽ bao gồm cả các khoản bồi thường được ấn định trước (liquidated damages), bồi hoàn, (indemnity), kiểm tra tính hợp lý (reasonableness test),

Vấn đề	Trở ngại	PPP – làm thế nào để đảm bảo được các dòng vốn lớn hơn	IPP – làm thế nào để đảm bảo được các dòng vốn lớn hơn
kiệm tiền cho Chính Phủ.	hợp đồng dự án PPP trên cơ sở là các quy định đó không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Đây không phải là một giải pháp thực tế. Thực tiễn đã chỉ ra rằng một quy định như vậy có thể sẽ gây tranh cãi cả trong đàm phán hợp đồng và việc thực hiện dự án trong tương lai vì các bên phải thỏa thuận lĩnh vực nào của hợp đồng PPP đã được quy định và lĩnh vực nào chưa được quy định theo pháp luật Việt Nam.		từ bỏ, từ bỏ quyền (waiver of rights), liên kết các tranh chấp (joinder of disputes), và nhiều nội dung khác. Tất cả những nội dung này sẽ cần phải được giải quyết bằng cách này hay cách khác để đáp ứng yêu cầu của các bên cho vay.
5. Một hợp đồng mua bán điện mẫu với các điều khoản được các bên cho vay chấp nhận sẽ giúp các nhà đầu tư cam kết các khoản đầu tư lớn hơn.	Có vẻ như hiện đang có xu hướng là các dự án điện quy mô lớn trong tương lai bao gồm cả các dự án điện khí hóa lòng sẽ được thực hiện dưới mô hình IPP bên cạnh cơ chế BOT. Hiện tại, tất cả các IPP có công suất trên 30MW phải tham gia thị trường bán buôn điện và phải áp dụng Hợp đồng mua bán điện mẫu được quy định tại Thông Tư 56/2014/TT-Bộ Công Thương của Bộ Công Thương (Thông Tư 56). Bộ Công Thương gần đây ban hành một bản dự thảo Thông Tư thay thế Thông Tư 56 có đính kèm một Hợp đồng mua bán điện mẫu mới (dự thảo ban hành tháng 9 năm 2020) về cơ bản tương tự như mẫu theo Thông Tư 56. Có nhiều vấn đề trong Hợp đồng mua bán điện mẫu theo Thông Tư 56 sẽ khiến cho các bên cho vay ngần ngại trong việc cho vay đối với các IPP quy mô lớn. Không có quy định nào trong Hợp đồng mua bán điện mẫu về việc phân chia rủi ro về rủi ro do việc bên mua điện	Tất cả các dự án điện than và khí có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam cho đến nay đều được thực hiện theo cơ chế BOT/PPP. Trong các năm qua, các dự án này đã xây dựng được mẫu Hợp đồng mua bán điện với các điều khoản được các bên cho vay chấp nhận.	Nhóm công tác Cơ sở hạ tầng đề xuất rằng các dự án điện khí hóa lòng quy mô lớn được miễn tham gia thị trường bán buôn điện, và có quyền được hưởng biểu giá điện cố định. Nhóm công tác cũng đề xuất rằng Chính Phủ xây dựng/phát triển một mẫu PPA mới với các điều khoản về phân chia rủi ro rõ ràng có thể chấp nhận được đối với các bên cho vay trong các giao dịch tài trợ/cấp vốn dự án quốc tế, bao gồm cả các điều khoản nhằm giải quyết các trở ngại được nêu trong các cột bên trái. Mẫu Hợp đồng mua bán điện mới cũng phải quy định các thỏa thuận về trách nhiệm chuyển chi phí nhiên liệu và trách nhiệm bao tiêu (take-or-pay) phát sinh từ hợp đồng cung cấp nhiên liệu vào giá điện trong hợp đồng. Mẫu PPA cũng phải bao gồm cơ chế đối với các quyền tiếp

Vấn đề	Trở ngại	PPP – làm thế nào để đảm bảo được các dòng vốn lớn hơn	IPP – làm thế nào để đảm bảo được các dòng vốn lớn hơn
	ngừng mua điện, phí công suất ngằm định và thanh toán khi chấm dứt hợp đồng. Không có sự khác biệt nào giữa hậu quả của sự kiện bất khả kháng tự nhiên và sự kiện bất khả kháng của chính phủ, mà, theo Hợp đồng mua bán điện mẫu, đều miễn cho bên bị ảnh hưởng không phải thực hiện các nghĩa vụ liên quan và cho phép một trong hai bên chấm dứt hợp đồng mà không phải thực hiện bất kỳ khoản bồi thường nào nếu các sự kiện đó kéo dài trong khoảng thời gian nhất định. Không có quy định về đảm bảo trong trường hợp thay đổi bất lợi về luật và thay đổi bất lợi về thuế. Về giải quyết tranh chấp, trừ khi EVN đồng ý khác đi, các tranh chấp phải được giải quyết qua Bộ Công Thương mà sau đó quyết định của Bộ Công Thương chỉ có thể được phản đối trước các tòa án có thẩm quyền của Việt Nam.		nhận của các bên cho vay (step-in-rights). Bản PPA với các rủi ro dự án được phân chia phù hợp cho bên có quyền kiểm soát các rủi ro đó sẽ giúp giảm nhu cầu cần có một bảo lãnh Chính Phủ về các nghĩa vụ thanh toán của EVN và cho phép các nhà đầu tư đưa ra biểu giá điện cạnh tranh hơn.
6. Bảo đảm của ngân hàng – vấn đề đất đai. Quyền sử dụng đất là tài sản quan trọng mà một dự án điện quy mô lớn cần sử dụng để bảo đảm cho việc tài trợ vốn của các bên cho vay quốc tế.	Theo quy định của pháp luật, việc thế chấp các quyền sử dụng đất chỉ được phép thực hiện cho các tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam. Kể từ năm 2015, biện pháp bảo đảm đối với quyền sử dụng đất phải thực hiện theo quy định của Luật Đất đai. Theo đó, một công ty dự án phải trả tiền thuê đất đầy đủ mới được thế chấp quyền sử dụng đất – quy định này trái với thực tế là đất đai được miễn tiền thuê	Trên thực tế, mô hình các đại diện nhận bảo đảm trong nước đã được sử dụng trong từng trường hợp đặc biệt trong các dự án BOT. Tuy nhiên, cơ sở pháp lý của hình thức này không chắc chắn, và Ngân Hàng Nhà Nước cũng không có phê duyệt cụ thể nào để xác nhận tính pháp lý của cơ chế đại diện nhận bảo đảm trong nước. Nếu Việt Nam muốn khuyến khích vốn đầu tư vào các dự án hạ tầng, sẽ không phải là sự hy sinh lớn nếu cho phép một bên cho vay	Tương tự như trong trường hợp các dự án PPP. Ngoài ra, Nhóm Công tác sẽ đề xuất rằng Chính Phủ nên thông qua các thủ tục và biểu giá tiền thuê hoặc phí sử dụng rõ ràng đối với việc cấp quyền sử dụng diện tích mặt biển, các thủ tục và biểu giá này có ý nghĩa quan trọng đối với nhiều dự án điện khí.

Vấn đề	Trở ngại	PPP – làm thế nào để đảm bảo được các dòng vốn lớn hơn	IPP – làm thế nào để đảm bảo được các dòng vốn lớn hơn
	đất trong giai đoạn ban đầu.	nước ngoài nhận biện pháp bảo đảm đối với đất đai và nhà xưởng thông qua một đại diện nhận bảo đảm trong nước.	

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC NGÂN HÀNG
TÓM TẮT CÁC VẤN ĐỀ KỸ THUẬT GIỮA BWG & CÁC BỘ NGÀNH

Ghi chú:

- A) CÁC VẤN ĐỀ CHUYỂN TIẾP TỪ 2019 THUỘC THẨM QUYỀN NHNN VÀ TIẾP TỤC XỬ LÝ TRONG 2020**
A.1.A. CÁC VẤN ĐỀ NHNN ĐÃ XỬ LÝ TRONG NĂM 2020 (VẤN ĐỀ CŨ)
A.1.B. CÁC VẤN ĐỀ NHNN ĐÃ XỬ LÝ TRONG NĂM 2020 (VẤN ĐỀ MỚI)
A.2. CÁC VẤN ĐỀ MANG TÍNH HỢP TÁC GIỮA HAI BÊN, CÁC VẤN ĐỀ NHNN ĐÃ GHI NHẬN, SẼ NGHIÊN CỨU TIẾP THU KHI SỬA ĐỔI CÁC THÔNG TƯ, NGHỊ ĐỊNH CỦA NHNN
- B) CÁC VẤN ĐỀ CÓ LIÊN QUAN THẨM QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BỘ, NGÀNH KHÁC**
B.1 – CÁC VẤN ĐỀ CŨ
B.2 – CÁC VẤN ĐỀ MỚI
- C) CÁC VẤN ĐỀ ĐÃ XỬ LÝ TRONG 2020 VÀ TIẾP TỤC PHỐI HỢP THEO DÕI 2021 (06 VẤN ĐỀ)**
C.1 – CÁC VẤN ĐỀ CŨ
C.2 – CÁC VẤN ĐỀ MỚI

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG CHI TIẾT	TIẾN TRÌNH
A) CÁC VẤN ĐỀ CHUYỂN TIẾP TỪ 2019 THUỘC THẨM QUYỀN NHNN VÀ TIẾP TỤC XỬ LÝ TRONG 2020			
A.1.A. CÁC VẤN ĐỀ CŨ NHNN ĐÃ XỬ LÝ TRONG NĂM 2020			
1.	Thông tư 18/2018/TT-NHNN quy định về an toàn hệ thống thông tin	BWG kiến nghị trao đổi với NHNN về một số vấn đề liên quan như sau: a. Định nghĩa về hệ thống quan trọng b. Sao lưu (Back up) dữ liệu c. Người dùng quản trị d. Tần số pentest hàng năm	BWG đã đóng góp ý kiến (2 lần) vào bản Dự thảo sửa đổi Thông tư 18. BWG & NHNN tiếp tục phối hợp làm việc trong và sau khi ban hành Thông tư sửa đổi (TT 09/2020/TT-NHNN – ban hành ngày 21/10/2020).

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG CHI TIẾT	TIẾN TRÌNH
2.	Các giao dịch phái sinh hoán đổi lãi suất giữa hai đồng tiền (CCS) nên được ghi nhận vào sổ kinh doanh thay vì sổ ngân hàng	Theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN quy định về tỷ lệ an toàn vốn, chỉ các giao dịch phái sinh có kỳ hạn dưới 1 năm mới được ghi nhận vào sổ kinh doanh. Trong khi đó các giao dịch phái sinh hoán đổi lãi suất giữa hai đồng tiền thường có kỳ hạn trên 1 năm. Kính đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét bỏ quy định này để các giao dịch phái sinh có kỳ hạn hơn một năm được phép ghi nhận vào sổ kinh doanh.	BWG và NHNN (CQTTGSNH, Vụ HTQT) đã tổ chức cuộc họp vào ngày 2/8/2019. CQTTGSNH ghi nhận vấn đề và cung cấp hướng dẫn đối với cách ghi nhận giao dịch.
3.	Hoàn trả trợ cấp lãi suất	Trong mấy năm qua, các ngân hàng luôn chờ đợi được hoàn trả khoản 20% trợ cấp lãi suất được hưởng theo chương trình hỗ trợ lãi suất đã kết thúc năm 2009, trong đó các ngân hàng thành viên Nhóm công tác đã tích cực làm việc với các Vụ liên quan của Ngân hàng nhà nước, cung cấp đầy đủ số liệu liên quan đến việc hoàn trả hỗ trợ lãi suất. Kiểm toán Nhà nước cũng đã tiến hành rà soát, đánh giá tình hình tuân thủ trong chương trình này và đã có số liệu kết luận. Sau một số buổi làm việc trước đây với NHNN cuối năm 2012, chúng tôi đã trình bày rằng các số liệu đã được kiểm tra và chốt chính thức đối với một số ngân hàng thành viên của Nhóm Công tác Ngân hàng. Chúng tôi hiểu rằng đây là một vấn đề phức tạp có liên quan đến bảng cân đối tài khoản ngân sách nhà nước và tình hình tài chính quốc gia. Tuy nhiên, việc các khoản trợ cấp lãi suất tích dồn chưa được hoàn trả đang ngày càng làm phát sinh nhiều vấn đề cho các ngân hàng liên quan đến hệ thống kế toán quốc tế và kiểm toán nội bộ và báo cáo tài chính nên Nhóm công tác kính đề nghị NHNN có kết luận về vấn đề và chỉ đạo tiến hành hoàn trả các khoản trợ cấp này trong thời gian sớm nhất có thể.	Thông qua buổi làm việc kỹ thuật ngày 16/12/2019, BWG đã được NHNN cập nhật tiến trình về hoàn trả trợ cấp lãi suất. NHNN đang thu thập và bổ sung hoàn thiện hồ sơ từ một số tổ chức tín dụng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt về kế hoạch xử lý tổng thể gói hoàn trả, cụ thể về khoản chênh giữa số tiền VND và USD. Sau khi nhận được Chỉ đạo từ Chính phủ, NHNN sẽ tiến hành hoàn trả.

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG CHI TIẾT	TIẾN TRÌNH
A.1.B. CÁC VẤN ĐỀ MỚI NHNN ĐÃ XỬ LÝ TRONG NĂM 2020			
4.	Điều 27a, Thông tư 41/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư 19/2016/TT-NHNN (Thông tư 41) về tuân thủ lộ trình chuyển đổi thẻ chip nội địa	Theo BWG được biết, tiêu chuẩn cơ sở hiện tại cho thẻ chip nội địa phải tuân thủ theo tiêu chuẩn quốc tế EMV v4.2. Hiện tại, nếu tất cả các máy ATM đều tuân thủ tiêu chuẩn EMV v4.2 hoặc hơn (ví dụ như EMV v4.3), theo như quy định tại Điều 27a của Thông tư Thông tư 41/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư 41. Tuy nhiên, các ngân hàng có thể không có hợp đồng với NAPAS để các thẻ chip nội địa có thể rút tiền mặt tại các máy ATM này. Kính đề nghị Quý NHNN hướng dẫn thêm về cách hiểu của BWG đối với Thông tư 41 như trên có chính xác không hoặc có ý kiến chỉ đạo thêm để BWG có thể tuân thủ quy định của pháp luật.	BWG đã nhận được & nghiên cứu phản hồi của NHNN vào ngày 5/6/2020 để tiếp tục phối hợp triển khai phù hợp.
5.	Điều 27b tại Thông tư 19/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động thẻ ngân hàng (đã được sửa đổi, bổ sung) về giao dịch trên POS của thẻ tín dụng	Liên quan tới hoạt động thẻ ngân hàng, NHNN đã ban hành Thông tư 41/2018/TT-NHNN (điều 1.3 và 1.5), NHNN dự kiến sẽ có 30% số thẻ có BIN do NHNN cấp đang lưu hành của Tổ chức Phát hành Thẻ (“TCPHT”) tuân thủ Tiêu chuẩn cơ sở về thẻ chip nội địa vào cuối năm 2019, con số này sẽ tăng lên 60% vào cuối năm 2020 và 100% cuối năm 2021. Một số Ngân hàng nước ngoài đang gặp khó khăn trong việc cải tiến, thay đổi công nghệ nhằm chuyển đổi các thẻ nội địa đang lưu hành có BIN do NHNN cấp (thẻ BIN nội địa) và hệ thống ATM theo một tiêu chuẩn kỹ thuật cơ sở chung về thẻ chip nội địa như yêu cầu tại Thông tư 41. Nhằm đảm bảo tính đồng bộ của dữ liệu, tiêu chuẩn kỹ thuật, tránh việc lãng phí nguồn lực, thời gian, chi phí và giảm thiểu tối đa các rủi ro có thể phát sinh, một số thành viên BWG đang phát hành thẻ BIN nội địa, đã gửi thư đến NHNN báo cáo về việc không kịp hoàn thành giai đoạn đầu tiên của lộ trình vào	BWG đã nhận được & nghiên cứu phản hồi của NHNN vào ngày 5/6/2020 để tiếp tục phối hợp triển khai phù hợp.

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG CHI TIẾT	TIẾN TRÌNH
		31/12/2019 và đang trong nỗ lực để kịp chuyển đổi 60% lượng thẻ đang lưu hành tuân thủ Tiêu chuẩn cơ sở thẻ chip nội địa theo lộ trình chung vào 31/12/2020. Kính đề nghị NHNN hướng dẫn thêm.	
6.	Yêu cầu kiểm soát mục đích cho vay (TT 39/2016/TT-NHNN & TT21/2017/TT-NHNN)	<u>Trích từ công văn 200805BWGVBF ngày 5/8/2020:</u> 1. Thông tư 39/2016 / TT- NHNN: Điều 22.2 yêu cầu các Quy định nội bộ về cho vay của tổ chức tín dụng phải được thực hiện một cách nhất quán trong toàn bộ mạng lưới của tổ chức tín dụng và giải quyết các nội dung tối thiểu sau: (i) Quy trình kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng; phân cấp, ủy quyền và trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận trong việc kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng; (ii) Việc áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay, thẩm định tài sản bảo đảm tiền vay, việc quản lý, giám sát, theo dõi tài sản bảo đảm tiền vay phù hợp với biện pháp bảo đảm tiền vay, đặc điểm của tài sản bảo đảm tiền vay và khách hàng;) Điều 32 quy định tổ chức tín dụng sẽ giữ tài liệu cho vay bao gồm cả báo cáo về thu nhập do khách hàng tạo ra trong thời hạn cho vay theo hướng dẫn của tổ chức tín dụng. Những khó khăn/ thách thức của chúng tôi đối với một số vấn đề sau: - việc theo dõi sau giải ngân định kỳ đối với từng khách hàng cá nhân. - Đối với khối ngân hàng bán lẻ ở nhiều ngân hàng toàn cầu, hiệu suất cho vay được theo dõi trên quy mô danh mục đầu tư và biến động danh mục đầu tư được xem xét thường xuyên tại	BWG đã nhận được & nghiên cứu phản hồi của NHNN vào ngày 8/9/2020 để tiếp tục phối hợp triển khai phù hợp.

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG CHI TIẾT	TIẾN TRÌNH
		các cuộc họp hàng tuần / hai tuần một lần. Dấu hiệu nhận biết sớm đối với các tài khoản quá hạn được cảnh báo và theo dõi hàng ngày bởi hệ thống theo dõi thu hồi nợ cho các nhóm nợ khác nhau và có cách xử lý khác nhau trên mỗi nhóm. - Để tuân thủ quy định, các tổ chức tín dụng tại Việt Nam chủ động thiết kế và áp dụng các phương pháp khác nhau để kiểm tra mục đích vay và quản lý danh mục cho vay của họ. tùy thuộc vào hạn mức khoản vay hoặc phân khúc khách hàng. - Đối với khoản vay cá nhân với hạn mức nhỏ cho mục đích tiêu dùng, khách hàng có thể gặp khó khăn trong việc cung cấp chứng từ tài liệu về mục đích vay và do đó các tổ chức tín dụng áp dụng các biện pháp khác nhau tùy theo mức độ rủi ro của khoản vay để tuân thủ yêu cầu này. Kiến nghị: Đối với khoản vay cá nhân cho mục đích tiêu dùng, vì lí do khách hàng gặp khó khăn khi cung cấp các chứng từ tài liệu về mục đích vay, chúng tôi mong muốn có thể lấy khai báo và xác nhận của khách hàng cho mục đích vay khi đăng ký khoản vay thay thế những chứng từ tài liệu mục đích vay, đồng thời thực hiện những biện pháp xác minh mục đích vay sau khi giải ngân bao gồm xác nhận lại qua điện thoại, đánh giá lại tài sản thế chấp, thăm trực tiếp hoặc xác nhận lại qua email tùy thuộc vào khẩu vị rủi ro của ngân hàng.	

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG CHI TIẾT	TIẾN TRÌNH
		- Chúng tôi kính mong Ngân hàng Nhà nước linh hoạt đối với những kiểm soát mà các ngân hàng áp dụng và cung cấp thêm các hướng dẫn chi tiết về việc này. 2. Thông tư 21/2017 / TT-NHNN về các chế độ giải ngân Điều 4 quy định tổ chức tín dụng giải ngân vốn cho vay vào tài khoản thanh toán của người thụ hưởng tại các nhà cung cấp dịch vụ thanh toán, trừ trường hợp khách hàng, với tư cách là người thụ hưởng, duy trì tài khoản thanh toán tại nhà cung cấp dịch vụ thanh toán và đã ứng trước vốn tự có của mình để thanh toán các chi phí thuộc chính phương án, dự án kinh doanh hoặc phương án, dự án phục vụ đời sống được tổ chức tín dụng cho vay quyết định cho vay theo quy định của pháp luật. Những khó khăn/ thách thức: - Đối với khoản vay tiêu dùng cá nhân hoặc cho mục đích xây sửa nhà, khách hàng có thể phải thanh toán cho nhiều nhà cung cấp dịch vụ với số tiền nhỏ dẫn đến có nhiều khoản giải ngân từng phần cho nhiều người thụ hưởng trong các thời điểm khác nhau. Điều này gây bất tiện cho khách hàng khi phải giám sát việc giao hàng và thanh toán hàng hóa hoặc dịch vụ giữa ngân hàng và nhà cung cấp. - Xác minh tài khoản thụ hưởng mà khách hàng khai báo trên mẫu đơn cũng là một thách thức đối với các ngân hàng. Chúng tôi hiểu rằng nhiều ngân hàng hiện nay đang áp dụng việc cung cấp cho khách hàng cả hai lựa chọn giải ngân cho khách hàng và cho người thụ hưởng. Tuy nhiên, hầu hết các khách hàng chọn cách giải ngân vào tài khoản của chính họ và thực hiện việc thanh toán bằng thẻ tín dụng hoặc tiền mặt cho thuận tiện. Các	

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG CHI TIẾT	TIẾN TRÌNH
		ngân hàng xác nhận và/hoặc lấy các chứng từ tài liệu từ khách hàng để xác minh cho mục đích vay. Kiến nghị đến Ngân hàng Nhà nước: Chúng tôi kính mong Ngân hàng Nhà nước cho phép ngân hàng giải ngân vào tài khoản của khách hàng đối với các khoản vay tiêu dùng cá nhân hoặc với mục đích xây sửa nhà và kiểm soát bằng cách kiểm tra chứng từ cho mục đích vay vốn hoặc các biện pháp kiểm soát khác được áp dụng bởi các ngân hàng.	
7.	Công văn số 6410/NHNN-TT ngày 16/08/2019 về yêu cầu tăng cường kiểm soát, giám sát hoạt động phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.	Đối với Tổ chức Phát hành thẻ (“TCPHT”), ngân hàng không có mối quan hệ trực tiếp hoặc quyền kiểm soát với Đơn vị chấp nhận thẻ (“ĐVCNT”). Vì vậy ngân hàng không thể báo cáo lên NHNN trong trường hợp phát hiện các sai phạm của ĐVCNT. Đồng thời, ngân hàng cũng không thể thông báo cho Tổ chức Thanh toán Thẻ (“TCTTT”) do không có thông tin của TCTTT. Theo BWG, trách nhiệm báo cáo này nên thuộc về TCTTT. Về phía TCPHT, bằng những biện pháp nghiệp vụ, TCPHT sẽ rà soát các giao dịch trên thẻ tín dụng. Trong trường hợp nghi ngờ rằng giao dịch là không hợp pháp, ngân hàng sẽ ngăn chặn giao dịch thẻ của khách và/hoặc đóng tài khoản của khách hàng và thông báo với NHNN cũng như Tổ chức chuyển mạch thẻ.	BWG đã nhận được & nghiên cứu phản hồi của NHNN vào ngày 5/6/2020 để tiếp tục phối hợp triển khai phù hợp.
8.	Vấn đề nhập khẩu thiết bị OTP Token	Các văn bản pháp luật liên quan bao gồm: Quyết định 630 / NH-NN, Nghị định 58/2016 / NĐ-CP, Luật An ninh 86/2015 / QH3, Điều 34 Luật An toàn thông tin 86/2015 / QH3. Kính đề nghị Cơ quan Hải quan cho phép Ngân hàng tiếp tục nhập Mã thông báo OTP nâng cao nhằm bảo vệ an ninh cho hệ thống ngân hàng trực tuyến theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.	BWG đã nhận được phản hồi của NHNN (ngày 08/07/2020) & Tổng cục Hải quan (“TCHQ”), trong đó cả NHNN và Tổng cục Hải quan đều đề xuất tuân thủ các quy định hiện hành. TCHQ đề xuất BWG làm việc thêm với Ban Cơ yếu Chính phủ và NHNN đề xuất BWG làm việc thêm với TCHQ.

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG CHI TIẾT	TIẾN TRÌNH
			BWG tiếp tục nghiên cứu phản hồi của NHNN và TCHQ.
9.	TT 22/2019/TT-NHNN	Vào ngày 4/2/2020, BWG đã gửi một số ý kiến đóng góp và xin hướng dẫn của NHNN trong việc tuân thủ thực hiện một số điểm TT 22/2019/TT-NHNN như sau: (i) cách tính lợi nhuận chưa phân phối để tính vốn tự có riêng lẻ của ngành ngân hàng và của chi nhánh ngân hàng nước ngoài; (ii) thành phần trong tổng mức dư nợ cấp tín dụng; (iii) lập báo cáo đối với hạn mức cho vay chưa giải ngân; (iv) đề nghị chấp thuận một số trường hợp cấp tín dụng trong định nghĩa: “Tổng mức dư nợ cấp tín dụng, trong đó có cả hạn mức cho vay chưa giải ngân”; và (v) sự khác biệt về định nghĩa đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái giữa báo cáo tại Thông tư 10/2014/TT-NHNN ngày 20/03/2014 và Thông tư 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019.	BWG đã nhận được phản hồi của NHNN cùng với những hướng dẫn thực hiện - công văn số 2415/NHNN-TTGSNH ngày 06/04/2020. BWG tiếp tục nghiên cứu phản hồi của NHNN để triển khai phù hợp.
10.	CV 2049BWGVBF và 20420BWGVBF về một số vướng mắc trước dịch covid-19 và chỉ thị 02/CT-NHNN về giải pháp cấp bách của ngành ngân hàng nhằm tăng cường phòng, chống và khắc phục khó khăn do	1. Về thanh khoản VND Lo ngại về vấn đề như: thanh khoản VND sẽ có diễn biến xấu đi nếu thị trường tiếp tục bị thắt chặt, sự gia tăng rút tiền mặt USD cùng với hiện tượng hạn chế chuyển bay vào Việt Nam để cung ứng tiền khiến việc mua kịp thời USD trên thị trường cũng đang là một trở ngại. 2. Về hoạt động ngân hàng trong bối cảnh dịch Covid-19 Hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) về những dịch vụ “thiết yếu” trong ngân hàng và liệu rằng các ngân hàng có thể lựa chọn đóng một vài chi nhánh để điều tiết nguồn lực tập trung đến các chi nhánh đang hoạt động khác.	BWG đã nhận được phản hồi của NHNN trả lời cho các vướng mắc của BWG ngày 23/6/2020. BWG tiếp tục nghiên cứu phản hồi của NHNN để triển khai phù hợp.

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG CHI TIẾT	TIẾN TRÌNH
	tác động của dịch bệnh covid-19	3. Về việc chia cổ tức theo chỉ đạo tại Chỉ thị số 02/CT-NHNN Hướng dẫn của NHNN xác nhận Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 31/3/2020 ở điểm 5, mục IV yêu cầu các tổ chức tín dụng (TCTD) hạn chế chia cổ tức là không áp dụng với các ngân hàng nước ngoài và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam. 4. Về giao dịch trên nền tảng số NHNN cân nhắc xúc tiến việc hướng dẫn liên quan đến giao dịch trên nền tảng số, như: nhận biết khách hàng điện tử (e-KYC), chữ ký điện tử (e-signature)...	
11.	Dự thảo thay thế TT 22/2018/TT-NHNN	BWG đã đóng góp ý kiến như sau: Điều 1. Khoản 2 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau: “2. Văn bản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự: a) Đối với tổ chức tín dụng là văn bản của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên đề nghị Ngân hàng Nhà nước. ” BWG kính đề xuất: • Tiếp tục cho phép Tổng Giám đốc TCTD, người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của Tổng Giám đốc được ký văn bản gửi NHNN. • Bổ sung quy định cho phép HĐQT/HĐTV TCTD hoặc người đại diện theo ủy quyền của HĐQT/HĐTV được ký văn bản gửi NHNN.	NHNN đã ban hành Thông tư 13/2020/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 22/2018/TT-NHNN ngày 13/11/2020.

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG CHI TIẾT	TIẾN TRÌNH
		Đồng thời, đề nghị bổ sung thêm người do Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên chỉ định được quyền ký văn bản đề nghị này.	
A.2. CÁC VẤN ĐỀ MANG TÍNH HỢP TÁC GIỮA HAI BÊN, CÁC VẤN ĐỀ NHNN ĐÃ GHI NHẬN, SẼ NGHIÊN CỨU TIẾP THU KHI SỬA ĐỔI CÁC THÔNG TƯ, NGHỊ ĐỊNH CỦA NHNN			
12.	Phát triển khung pháp lý cho sản phẩm quản lý dòng tiền	BWG kiến nghị phát triển khung pháp lý và cho phép hình thức Kết chuyển hữu hình bằng tiền đồng, trong cùng nội bộ và cho các giao dịch trong nước.	<u>Tiếp tục trao đổi/ hợp kỹ thuật với NHNN.</u> Tiếp theo các trao đổi giữa BWG và NHNN tại cuộc họp kỹ thuật ngày 5/11/2019 và cuộc họp cấp cao ngày 9/1/2020, NHNN đã lắng nghe về đặc tính sản phẩm và đề xuất của BWG. NHNN cũng ghi nhận rằng khung pháp lý hiện tại không cấm, tuy nhiên theo xu thế phát triển, các Ngân hàng đề xuất và rất cần sự hỗ trợ từ phía NHNN và Chính phủ để xây dựng, phát triển quy định pháp lý liên quan nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nói riêng cũng như nền kinh tế nói chung. Trong năm 2020, BWG và NHNN đã tiếp tục trao đổi những vấn đề NHNN quan tâm ở góc độ kỹ thuật và quản lý nhà nước. BWG đang nghiên cứu để chia sẻ và cung cấp tài liệu các tài liệu liên quan về thông lệ quốc tế, tập trung vào kinh nghiệm của một số nước có quy định

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG CHI TIẾT	TIẾN TRÌNH
			tương tự như Việt Nam (ví dụ: Trung Quốc: kinh nghiệm và quy định cụ thể của Trung Quốc trong bước đầu mở cửa cho việc phát triển sản phẩm đó.) Dựa trên việc nghiên cứu các tài liệu, BWG & NHNN sẽ cân nhắc việc tổ chức cuộc họp dự kiến trong Q4/2020.
13.	Thực hiện giao dịch FX SWAP và/hoặc thanh toán giá trị định giá lại giao dịch (Mark to Market) giữa ngân hàng và khách hàng khi chấm dứt trước hạn hoặc gia hạn giao dịch FX FWD theo yêu cầu của khách hàng	Kính đề nghị cho phép thực hiện giao dịch FX SWAP và/hoặc thanh toán giá trị định giá lại giao dịch (Mark to Market) giữa ngân hàng và khách hàng khi chấm dứt trước hạn hoặc gia hạn giao dịch FX FWD.	Sau các trao đổi kỹ thuật và cấp cao trong năm 2019, vấn đề này đã được NHNN ghi nhận và tiếp tục nghiên cứu khi sửa đổi.
14.	Giao dịch gốc được phép tham gia giao dịch phái sinh lãi suất	- Xét từ góc độ nhu cầu hợp lệ của khách hàng và quy mô lớn về giao dịch, BWG đề xuất NHNN sửa đổi yêu cầu về chứng từ hợp lệ để việc triển khai, thực hiện sản phẩm phái sinh được thuận lợi và giúp khách hàng chủ động tham gia phòng ngừa rủi ro tỷ giá và lãi suất theo đúng tinh thần của Thông tư 01/2015/TT-NHNN (“Thông tư 01”). - Theo quy định của TT 01, điều 7: pháp nhân sử dụng sản phẩm phái sinh lãi suất là phòng ngừa, hạn chế rủi ro lãi suất đối với giao dịch gốc của pháp nhân đó. Có thể thay vì chỉ dùng hợp	Sau các trao đổi kỹ thuật và cấp cao trong năm 2019, vấn đề này đã được NHNN ghi nhận và tiếp tục nghiên cứu khi sửa đổi.

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG CHI TIẾT	TIẾN TRÌNH
		đồng phái sinh ban đầu để lấy cơ sở làm CCS thứ 2, thì khách hàng dùng cả hợp đồng vay gốc của họ cộng với IS họ đã làm để hedging lãi suất, để làm cơ sở để hedging cho tỉ giá cả gốc cả lãi. Kính đề nghị NHNN cho ý kiến về cách tiếp cận này có hợp lý không.	
15.	Thông tư 24/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 42/2011/TT-NHNN quy định về việc cấp tín dụng hợp vốn của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng	Theo Thông tư 42/24, các vai trò đầu mối trong giao dịch cấp tín dụng hợp vốn (thành viên đầu mối cấp tín dụng, thành viên đầu mối thanh toán, thành viên đầu mối nhận tài sản bảo đảm vv..) phải là một thành viên cấp tín dụng hợp vốn. Theo theo thông lệ quốc tế, các vai trò đầu mối trong giao dịch cấp tín dụng hợp vốn có thể cung cấp bởi một thành viên/tổ chức tín dụng độc lập không nhất thiết phải là một thành viên cấp tín dụng hợp vốn. BWG kiến nghị sửa đổi quy định hiện hành về cấp tín dụng hợp vốn để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc thực hiện giao dịch hợp vốn tại Việt Nam, đáp ứng nhu cầu vốn của các dự án lớn mà từng ngân hàng riêng lẻ không đủ khả năng cung cấp.	Tại cuộc họp ngày 17/12/2019, NHNN đã lắng nghe đề xuất của BWG và ghi nhận nhu cầu thực tiễn của thị trường và sự khác biệt giữa quy định hiện tại so với thông lệ quốc tế cho giao dịch cấp tín dụng hợp vốn. NHNN chủ trương ủng hộ các thay đổi phù hợp với thông lệ quốc tế và tạo điều kiện mở rộng hoạt động trên thị trường. NHNN đã tiến hành lấy ý kiến nội bộ và khảo sát ý kiến của các ngân hàng, trên cơ sở đó cân nhắc việc sửa đổi các quy định pháp lý liên quan. BWG & NHNN tiếp tục phối hợp, nghiên cứu khi có kế hoạch sửa đổi, bổ sung Thông tư 24 theo quy định của pháp luật.
16.	Thông tư 52/2018/TT-NHNN quy định về xếp hạng tổ chức tín dụng, chi	Theo quy định tại Thông tư 52/2018/TT-NHNN quy định xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài: “Điều 23. Quản lý kết quả xếp hạng	Tại buổi làm việc ngày 16/12/2019, NHNN giải thích thêm về các tiêu chí xếp hạng đã công bố trong Thông tư 52 và dựa trên các tiêu chí đó, các Ngân hàng có thể tự đánh giá và xếp hạng.

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG CHI TIẾT	TIẾN TRÌNH
	nhánh ngân hàng nước ngoài	1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cung cấp kết quả xếp hạng cho bên thứ ba (bao gồm cả ngân hàng mẹ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài) dưới bất kỳ hình thức nào.” Chúng tôi đã tham vấn và nghiên cứu các thông lệ trong khu vực (ví dụ: Cơ quan tiền tệ Singapore – “MAS”) cho phép chia sẻ xếp hạng thường niên với ngân hàng mẹ (Head office), nhưng không được chia sẻ với các chi nhánh ở các nước khác. Hay tại Malaysia, NHNNg được phép chia sẻ xếp hạng rủi ro với ngân hàng mẹ và văn phòng khu vực (regional office); Không có yêu cầu hạn chế việc chia sẻ này ở Philippine và Indonesia. Bên cạnh đó, căn cứ theo Khoản 9, Điều 4, Luật Các Tổ chức Tín dụng: <i>“Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài là một đơn vị phụ thuộc của ngân hàng nước ngoài không có tư cách pháp nhân, được ngân hàng nước ngoài bảo đảm chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ, cam kết của chi nhánh tại Việt Nam.”</i> Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc nên chịu sự kiểm soát và quản lý chặt chẽ của ngân hàng mẹ, cũng như thực hiện theo các định hướng và kế hoạch kinh doanh của ngân hàng mẹ. Vì thế, ngân hàng mẹ cần biết kết quả xếp hạng của chi nhánh để kịp thời điều chỉnh cách thức quản lý nhằm nâng cao chất lượng vốn, tài sản, quản trị điều hành, thanh khoản và hoạt động kinh doanh theo đúng yêu cầu và kỳ vọng của NHNN Việt Nam, cũng như nâng cao kết quả xếp hạng của chi nhánh. Vậy nên chúng tôi tin rằng việc cho phép các ngân hàng chúng tôi chia sẻ với công ty mẹ về những đánh giá rủi ro từ NHNN là cần thiết.	Các Ngân hàng có thể chia sẻ với bên thứ ba một cách chính thức các thông tin liên quan tới tiêu chí và cách xếp hạng, trừ kết quả xếp hạng. NHNN đã ghi nhận những khó khăn trong thực tiễn và đề xuất của BWG đối với việc chia sẻ kết quả xếp hạng cho bên thứ ba (bao gồm cả ngân hàng mẹ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài) và sẽ tiếp tục nghiên cứu thêm về cam kết quốc tế và các giải pháp khả thi trong thời gian tới. BWG & NHNN tiếp tục phối hợp, nghiên cứu khi có kế hoạch sửa đổi, bổ sung Thông tư 52 theo quy định của pháp luật.

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG CHI TIẾT	TIẾN TRÌNH
		Hơn thế nữa, thông tin về xếp hạng này có thể được chia sẻ giữa Ngân hàng Nhà nước và cơ quan quản lý tại nước sở tại của ngân hàng mẹ như một phần của thỏa thuận giữa hai cơ quan giám sát. Ngân hàng mẹ có thể bị coi là thiếu sự giám sát đối với công ty con nếu họ không biết về xếp hạng của công ty con trong khi cơ quan quản lý của họ nắm được thông tin này. Với quan ngại của NHNN về việc bảo mật thông tin, các ngân hàng mẹ có thể ký Thỏa thuận bảo mật thông tin (Non-disclosure agreement) rằng họ sẽ không tiết lộ cho các bên khác về xếp hạng này (nếu cần). Kiến nghị: Kính mong NHNN cho phép các TCTD, chi nhánh NHNNg chia sẻ kết quả xếp hạng cho cấp quản lý, bộ phận có thẩm quyền của ngân hàng mẹ để đảm bảo sự giám sát và quản lý sâu sát và chặt chẽ của ngân hàng mẹ đối với chi nhánh. Chi nhánh và Ngân hàng mẹ sẽ phải đảm bảo việc bảo vệ bí mật kết quả xếp hạng, không được cung cấp cho bên thứ ba khác khi không có sự chấp thuận của NHNN Việt Nam.	
B) CÁC VẤN ĐỀ CÓ LIÊN QUAN THẨM QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BỘ, NGÀNH KHÁC			
B.1 – CÁC VẤN ĐỀ CŨ			
17.	Bù trừ trong giao dịch phái sinh	BWG kiến nghị cho phép Bù trừ trong giao dịch phái sinh (trong điều kiện kinh doanh bình thường).	BWG & NHNN tiếp tục nghiên cứu để triển khai tổ chức hội thảo về Bù trừ, dự kiến trong 2021.
18.	Về yêu cầu - phải có chữ ký kế toán	Về vấn đề này, đã có một số buổi làm việc giữa BWG và Vụ Thanh toán - NHNN và Bộ Tài chính. Nguồn gốc của vấn đề	BWG đã nêu vấn đề tại diễn đàn giữa kỳ VBF 2019. NHNN phối hợp với Bộ

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG CHI TIẾT	TIẾN TRÌNH
	trưởng trong điều hành sử dụng tài khoản ngân hàng	này phát sinh từ Luật Giao dịch điện tử, Nghị định số 35/2007/NĐ-CP ngày 06/03/2007 về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng, Luật kế toán và Quyết định 1789 của NHNN năm 2005. Trước đây, các NH không gặp nhiều khó khăn khi triển khai quyết định vì giao dịch được thực hiện trên giấy. Nhưng hiện nay hệ thống giao dịch trực tuyến đã rất phát triển, từ đó phát sinh 2 nhóm chữ kí: của người đại diện theo pháp luật & kế toán trưởng và người được ủy quyền thì các yêu cầu tại Quyết định này không thực tế cho hoạt động thanh toán của các NH. Đơn cử như trên hệ thống CITAD của NHNN, bây giờ chỉ cần 1 người có thể vào để phê duyệt giao dịch và đẩy lệnh thanh toán, không cần thể hiện sự phê duyệt của cả 2 nhóm. Một số NH đã xây dựng cơ chế việc cấp ID cũng như password để khách hàng có thể cử người có thẩm quyền đăng nhập để thực hiện các giao dịch. Nhưng do vướng mắc của Luật kế toán và Quyết định 1789 dẫn đến việc các NH chịu rủi ro về mặt tuân thủ, do khi các khách hàng sử dụng qua hệ thống thanh toán của NH thì họ và cả NH cũng không thể chứng minh được 2 nhóm chữ kí như trong quy định. Theo các trao đổi giữa BWG và Bộ Tài chính, Bộ Tài chính cũng đồng thuận rằng các quy định này được xây dựng trên quan điểm giao dịch giấy tờ và không còn phù hợp với giao dịch điện tử như hiện nay. Kiến nghị: Với kinh nghiệm trong việc xây dựng hệ thống ngân hàng điện tử ở ngân hàng mẹ tại các nước phát triển, BWG đề xuất làm việc thêm với các cơ quan chức năng của NHNN và mong muốn được hỗ trợ NHNN trong quá trình NHNN soạn thảo, sửa chữa các luật liên quan, xây dựng hệ thống pháp lý để	Tài Chính trong việc sửa đổi Luật kế toán. BWG đang tiếp tục làm việc với Bộ Tài chính và cập nhật tiến trình cho NHNN.

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG CHI TIẾT	TIẾN TRÌNH
		triển khai giao dịch điện tử tại Việt Nam - như sửa đổi Quyết định 1789 để phù hợp với tình hình phát triển của NH điện tử.	
19.	Chữ ký điện tử	Tiếp theo các trao đổi kỹ thuật vào ngày 13/11/2019 và cuộc họp cấp cao ngày 9/1/2020, BWG muốn xin hướng dẫn thêm từ Cục CNTT về tiêu chí của chữ ký điện tử/ chữ ký số. Theo thông lệ quốc tế ở các nước hiện hành, quy trình áp dụng chữ ký điện tử luôn tuân theo quy trình cơ bản/ Hướng dẫn cụ thể của cơ quan chức năng (Standard electronic signature - SEF). Ví dụ: Anh/Mỹ có hướng dẫn riêng về chữ ký điện tử (e-signature guidance/Federal commercial acts – như <i>số một số tài liệu tham khảo sau:</i> UETA - uniform electronic transactions Act¹ ESIGN - federal electronic signature in global and national E-commerce Act²EU³	Tiếp theo các trao đổi kỹ thuật năm 2019, BWG & NHNN đã tổ chức 1 buổi làm việc vào ngày 30/9/2020 về chữ ký điện tử (e-signature- với Cục CNTT, Vụ Pháp chế, Vụ Thanh toán) để thảo luận chi tiết hơn về các vướng mắc và thông tư/quy định liên quan. BWG tiếp tục trao đổi vấn đề này tại Diễn đàn VBF, theo đó, đề xuất Chính phủ chỉ đạo Bộ Thông tin & Truyền thông phối hợp với NHNN và giao quyền cho NHNN đưa ra các hướng dẫn cụ thể cho ngành Ngân hàng trong vấn đề này dựa trên cấp độ rủi ro của các loại hình giao dịch ngân hàng.
B.2 – CÁC VẤN ĐỀ MỚI			
20.	Truy thu hồi tố thuế GTGT đối với Thư tín dụng	Áp dụng truy thu hồi tố thuế GTGT đối với Thư tín dụng (“L/C”)	BWG đã gửi công văn số 200429BWGVBF ngày 29/4/2020 tới Thủ tướng Chính phủ về vấn đề này.

¹ <https://www.uniformlaws.org/committees/community-home/librarydocuments?communitykey=2c04b76c-2b7d-4399-977e-d5876ba7e034&tab=librarydocuments&LibraryFolderKey=&DefaultView=>

² <https://www.govinfo.gov/content/pkg/PLAW-106publ229/pdf/PLAW-106publ229.pdf>

³ <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/PDF/?uri=CELEX:32014R0910&from=E>
https://www.etsi.org/deliver/etsi_en/319400_319499/31941102/02.00.06_20/en_31941102v020006a.pdf

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG CHI TIẾT	TIẾN TRÌNH
			Văn phòng Thủ tướng Chính phủ đã phản hồi công văn số 4945/VPCP-KTTH ngày 19/6/2020 và giao NHNN nhiệm vụ làm việc với Bộ Tài chính; NHNN đã gửi CV số 5496/NHNN-TD ngày 30/07/2020 cho Bộ Tài chính BWG đề xuất tiếp tục làm việc với Bộ Tài chính. Do đây là vấn đề chung của ngành Ngân hàng, BWG sẽ hợp tác với VNBA và đồng tham gia cuộc họp với Bộ Tài chính để thảo luận chi tiết và tìm giải pháp tháo gỡ cho ngành ngân hàng.
21.	Luật Quản lý thuế	1. Khoản 3 Điều 27 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của ngân hàng thương mại: <i>“3. Khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế phải nộp theo quy định pháp luật về thuế của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử có phát sinh thu nhập từ Việt Nam.”</i> Luật Quản lý thuế có quy định Chính phủ sẽ hướng dẫn điều này. BWG cần kiến nghị Chính phủ hướng dẫn là việc khấu trừ, nộp thay được ngân hàng thương mại thực hiện theo yêu cầu của cơ quan thuế hoặc theo ủy quyền của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử có phát sinh thu nhập từ Việt Nam đối với từng trường hợp và số tiền thuế phải nộp cụ thể vì ngân hàng không thể đóng vai trò quyết định ai phải trả thuế cũng như số tiền thuế phải trả. Tranh chấp và rủi ro cho ngân hàng có thể phát sinh nếu ngân hàng thực hiện vai trò này.	BWG đã gửi công văn 200820BWGVBF ngày 20/8/2020 tới Bộ Tài chính. Tại cuộc họp về các vấn đề thuế giữa VBF và Bộ Tài chính/Tổng Cục thuế ngày 25/11/2020, Bộ Tài chính/Tổng Cục thuế đã đưa ra một số hướng dẫn. BWG mong muốn được tiếp tục làm việc với Bộ Tài chính/Tổng Cục thuế trong vấn đề này.

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG CHI TIẾT	TIẾN TRÌNH
		2. Khoản 4 Điều 35 quy định: <i>“4. Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác phải ghi mã số thuế trong hồ sơ mở tài khoản và các chứng từ giao dịch qua tài khoản của người nộp thuế.”</i> BWG cần kiến nghị Chính phủ có hướng dẫn là yêu cầu này chỉ áp dụng cho các tài khoản và giao dịch thanh toán thuế, không áp dụng cho toàn bộ các tài khoản và các giao dịch ngân hàng khác. Việc áp dụng các yêu cầu này với tất cả các tài khoản và giao dịch ngân hàng sẽ cản thu thập thông tin thuế của tất cả các khách hàng, sửa quy trình và các hệ thống để ghi nhận và chiết xuất thông tin cho các chứng từ rất phức tạp và cần nhiều thời gian.	
22.	Thuế GTGT (VAT) áp dụng cho các dịch vụ cung cấp cho các doanh nghiệp chế xuất.	Thuế GTGT 0% áp dụng đối với dịch vụ ngân hàng cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất vì thỏa mãn các điều kiện theo quy định thuế hiện hành (quy định tại Điều 9.1, Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013) và không được liệt kê trong danh sách trường hợp không được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%. Tuy nhiên, thành viên BWG được yêu cầu nộp thuế GTGT 10% cho phí dịch vụ ngân hàng cung cấp cho các doanh nghiệp chế xuất (bao gồm phí chuyển tiền, phí thanh toán nhờ thu, phí xử lý L/C) cho giai đoạn vừa qua từ năm 2013 đến năm 2018 vì đoàn kiểm tra Thuế cho rằng dịch vụ này được thực hiện tại Việt Nam (ngoài khu chế xuất, phi thuế quan) nên dịch vụ này được khai báo với thuế suất 0% là không đúng theo quy định tại khoản 1, Điều 6, Chương 2 của Nghị định Chính phủ số 123/2008 /	BWG đã gửi công văn 200616BWGVBF ngày 16/6/2020 tới Bộ Tài chính và mong nhận được phản hồi chính thức của Bộ Tài chính.

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG CHI TIẾT	TIẾN TRÌNH
		ND-CP ngày 8 tháng 12 năm 2008 (có hiệu lực từ năm 2009 đến 2013) và khoản 1, Điều 6, Chương 2 của Nghị định số 209/2013 / ND-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ (có hiệu lực từ 2014 đến 2018). BWG kính đề nghị Cơ Quan Thuế xác nhận mức thuế suất thuế GTGT 0% đối với dịch vụ ngân hàng cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất được áp dụng theo đúng quy định thuế GTGT hiện hành của Việt Nam. BWG kính đề nghị Bộ Tài Chính/ Tổng Cục Thuế xem xét, xác nhận cách hiểu về chi phí tính thuế cho các dịch vụ cung cấp từ các Trung tâm đến các bên liên kết theo công văn 200616BWGVBF	
23.	Hóa đơn điện tử	BWG gửi công văn số 200918BWGVBF tới Bộ Tài chính xin hướng dẫn cho một số vấn đề sau đây: • Thời điểm bắt buộc triển khai hóa đơn điện tử • Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử trực tiếp đến cơ quan thuế • Thời điểm lập hóa đơn điện tử • Hướng dẫn cụ thể về phát hành hóa đơn cho các sản phẩm đặc thù của ngân hàng	BWG mong nhận được phản hồi của Bộ Tài chính để tiếp tục phối hợp làm việc.
24.	Nghị định 26/2020/ND-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước	BWG đã gửi một số ý kiến đóng góp và xin hướng dẫn của NHNN trong việc thực thi ND 26/2020/ND-CP và Quyết định số 45/2007/QĐ-NHNN. (tháng 9/2020)	BWG đã nhận được phản hồi của NHNN vào ngày 30/9/2020. NHNN và Bộ Công an đang làm việc về vấn đề này. BWG tiếp tục phối hợp dựa trên kết quả làm việc liên bộ.
C) CÁC VẤN ĐỀ ĐÃ XỬ LÝ TRONG 2020 VÀ TIẾP TỤC PHỐI HỢP THEO DÕI 2021			

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG CHI TIẾT	TIẾN TRÌNH
C.1 – CÁC VẤN ĐỀ CŨ			
25.	eKYC	1. Nhóm công tác ngân hàng kính đề nghị một số phương pháp mới để thực hiện 2 bước này dựa trên ứng dụng các công nghệ hiện đại, bảo mật và an toàn như thực hiện xác thực danh tính qua việc gọi video, sử dụng dịch vụ của bên thứ ba để xác minh danh tính khách hàng, cơ hội cho khách hàng đăng tải ảnh chứng minh thư/hộ chiếu, các tài liệu hỗ trợ liên quan đến KYC lên ứng dụng trên điện thoại trong việc xác thực danh tính. Chúng tôi tin rằng khách hàng và ngân hàng đều được bảo vệ, bởi tính xác thực của giao dịch được đảm bảo, đồng thời những quy trình cơ bản của việc mở tài khoản vẫn được đảm bảo đầy đủ. 2. Chữ ký trong mẫu đơn mở tài khoản: Theo truyền thống, để xác nhận giao dịch giữa ngân hàng và khách hàng, khách hàng được yêu cầu ký chữ ký tươi. Tuy nhiên, với sự phát triển của công nghệ, có nhiều cách khác nhau để xác nhận giao dịch giữa 2 bên mà chúng tôi đưa ra để thay thế: - Khách hàng có thể ký trực tiếp trên ứng dụng (trên điện thoại) của ngân hàng - Khách hàng chụp ảnh chữ ký của mình và đăng tải/gửi tới ngân hàng thông qua đường link bảo mật - Khách hàng điền đơn online có sẵn ô tích trong việc đồng ý cho ngân hàng và đồng ý với việc được hỗ trợ qua mã xác thực OTP	NHNN mới ban hành TT 16/2020/TT-NHNN hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán. Thông tư mới cho phép áp dụng xác thực khách hàng điện tử (e-KYC) trong mở tài khoản thanh toán. BWG & NHNN tiếp tục phối hợp trong quy trình triển khai các văn bản liên quan.

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG CHI TIẾT	TIẾN TRÌNH
		- Khách hàng có thể tải mẫu đơn online, ký, và scan gửi lại ngân hàng - Khách hàng có thể cung cấp chữ ký của mình qua DocuSign (các văn bản được mã hóa và lịch sử hoạt động/kiểm toán truy nguyên được duy trì). Với việc ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm giảm thiểu rủi ro, Nhóm công tác ngân hàng, mong nhận được ý kiến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để trao đổi thêm về tính khả thi của đề xuất này	
26.	Nghị định 87/2019/ND-CP và Thông tư 20/2019/TT-NHNN về phòng chống rửa tiền	BWG kiến nghị trao đổi với NHNN về các vấn đề liên quan tới Phòng chống rửa tiền.	BWG đã tham gia đóng góp ý kiến 2 lần và làm việc với Cục phòng chống rửa tiền – NHNN.
C.2 – CÁC VẤN ĐỀ MỚI			
27.	Công văn 830/TTGSNH11 ngày 27 tháng 05 năm 2019 v/v liên quan đến các websites có dấu hiệu đánh bạc, cá độ, bởi Cơ quan Thanh tra giám sát.	<u>Trích dẫn từ Công văn: 200824BWGVBF ngày 24 tháng 8 năm 2020:</u> Các công văn nêu trên đã cung cấp một số danh sách với khoảng 330 trang websites được cảnh báo là cung cấp dịch vụ đánh bạc/cá độ trực tuyến có dấu hiệu vi phạm pháp luật và trò chơi điện tử chưa được cấp phép. Các website này có thể đang hoạt động và/hoặc ngừng hoạt động và/hoặc chỉ hoạt động tại một số thời điểm nào đó. Các ngân hàng được yêu cầu: 1. Tăng cường rà soát, giám sát, ngăn chặn các giao dịch bất hợp pháp;	BWG đã nhận được & nghiên cứu phản hồi của NHNN vào ngày 28/9/2020 để tiếp tục phối hợp triển khai phù hợp.

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG CHI TIẾT	TIẾN TRÌNH
	Công văn số 1080/NHNN-TT ngày 21 tháng 02 năm 2020 v/v Tăng cường các biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán, bởi Vụ thanh toán. Công văn số 233/NHNN-QLNH ngày 26 tháng 03 năm 2020 v/v tăng cường rà soát giao dịch liên quan đến chuyển tiền trái phép ra nước ngoài, bởi Vụ Ngoại hối. Công văn số 551/TTGSNH5 ngày 14 tháng 05 năm 2020 v/v liên quan đến các website có dấu	2. Thường xuyên theo dõi, cập nhật các danh sách websites, ứng dụng có dấu hiệu vi phạm nêu tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 24/2014/TT-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2014 tại các websites của Bộ Thông tin và truyền thông là https://www.mic.gov.vn/; và 3. Báo cáo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền (như Cục Phòng chống rửa tiền; Cơ quan công an Quận /Huyện hoặc Tỉnh, Thành phố trên địa bàn). I. Khó khăn trong việc thực hiện yêu cầu theo các công văn: 1. Thiếu thông tin của người thụ hưởng, đơn vị chấp nhận thẻ (ĐVCNT) 2. Không thể kiểm soát giao dịch dựa vào nội dung thanh toán 3. Không có hướng dẫn cụ thể tại trang điện tử của Bộ thông tin và truyền thông 4. Kiến nghị: - Đối với các ngân hàng không cung cấp dịch vụ chấp nhận thanh toán thẻ trên mạng hoặc cung cấp máy chấp nhận thẻ (máy POS), Ngân hàng chỉ thực hiện kiểm tra một lần để đảm bảo không mở tài khoản cho các cá nhân, tổ chức mà có đầy đủ các thông tin định danh được liệt kê trong các công văn nêu trên. Đối với các website không có thông tin định danh đầy đủ của các cá nhân hoặc tổ chức thụ hưởng hoặc điều hành, chúng tôi sẽ không thể kiểm tra do thiếu thông tin. - Đối với các ngân hàng có cung cấp các dịch vụ chấp nhận thanh toán thẻ trên mạng hoặc cung cấp máy chấp nhận thẻ (máy POS), chúng tôi sẽ yêu cầu khách hàng cam kết không cung cấp dịch vụ cho các đối tượng vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, vì một số	

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG CHI TIẾT	TIẾN TRÌNH
	hiệu vi phạm pháp luật, bởi Cơ quan Thanh tra giám sát Công văn số 585/NHNN-TT ngày 10 tháng 08 năm 2020 v/v thanh toán cho các trò chơi điện tử trên mạng chưa được cấp phép phát hành tại Việt Nam, bởi Vụ Thanh toán.	công văn được ghi nhận cấp độ Mật nên chúng tôi không thể cung cấp chi tiết thông tin chi tiết. II. Cần hướng dẫn thêm về việc ngăn chặn giao dịch bất hợp pháp khác BWG cũng mong muốn được NHNN tư vấn và hỗ trợ trong việc phát hiện và ngăn chặn không chỉ hành vi đánh bạc, cá cược mà còn cả các giao dịch bất hợp pháp khác trong lĩnh vực thanh toán thẻ (kinh doanh tiền điện tử, đầu kéo hư cấu, cờ bạc và kinh doanh ngoại hối, v.v.) Chúng tôi muốn nhấn mạnh vai trò quan trọng của NHNN cũng như hệ thống Mạng Thanh toán trong cuộc chiến chống tội phạm này.	
28.	Dự thảo sửa đổi TT 01/2020/TT-NHNN	BWG khuyến nghị như sau: (1) Liên quan đến nội dung sửa đổi tại Điều 4, 5 và 6, các ngân hàng thành viên của chúng tôi đang (hoặc sẽ bắt đầu) mở rộng chương trình hỗ trợ cho các khách hàng với các khoản vay được giải ngân trong giai đoạn từ ngày 23 tháng 1 năm 2020 đến trước ngày 25 tháng 4 năm 2020 và đã quá hạn trong thời gian này theo như quy định tại nội dung sẽ được sửa đổi. Đồng thời các ngân hàng sẽ áp dụng nguyên tắc giữ nguyên nhóm nợ khi cơ cấu lại theo Thông tư 01. Khi khoản nợ đã cơ cấu theo Thông tư 01 bị quá hạn hoặc được tiếp tục cơ cấu ngoài phạm vi của Thông tư 01, các ngân hàng sẽ thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 02/2013/TT-NHNN. Tuy nhiên các lần cơ cấu theo Thông tư 01 sẽ không được tính gộp để phân loại nợ theo Thông tư 02 (xem như chưa có cơ cấu trước khi bắt đầu phân loại theo Thông tư 02).	NHNN và Bộ Tài chính đang phối hợp làm việc liên quan tới Dự thảo sửa đổi TT 01. BWG đã nhận được, nghiên cứu phản hồi của NHNN vào ngày 28/9/2020 để tiếp tục phối hợp trong và sau quá trình ban hành Thông tư sửa đổi.

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG CHI TIẾT	TIẾN TRÌNH
		(2) Các ngân hàng thành viên cũng đề nghị mở rộng phạm vi thực hiện của Thông tư, cho phép cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với nợ thẻ tín dụng. Chúng tôi cũng đề nghị CIC gửi chia sẻ danh sách các khách hàng được hỗ trợ theo Thông tư 01 bởi các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (tương tự như việc CIC gửi thông báo nhóm nợ cao nhất đến các ngân hàng) để các ngân hàng có đầy đủ thông tin khi thẩm định & đánh giá các khoản tín dụng mới.	
29.	Dự thảo thông tư thay thế thông tư 15/2015/TT-NHNN	BWG đã đóng góp một số ý kiến và kiến nghị liên quan tới Bản dự thảo nêu trên.	BWG đã nhận được & nghiên cứu phản hồi của NHNN vào ngày 28/9/2020 để tiếp tục phối hợp triển khai phù hợp.
30.	Dự thảo Thông tư sửa đổi Thông tư số 23/2014/TT-NHNN	BWG đã gửi một số ý kiến đóng góp và xin hướng dẫn của NHNN đối với Dự thảo Thông tư sửa đổi Thông tư số 23/2014/TT-NHNN ngày 1/6/2020.	BWG đã nhận được phản hồi của NHNN vào ngày 8/7/2020. BWG & NHNN tiếp tục phối hợp trao đổi trong quá trình ban hành Thông tư.

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC THỊ TRƯỜNG VỐN

Chuẩn bị bởi
NCT Thị trường Vốn
Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam

1. **Ngành nghề không quy định hạn chế sở hữu nước ngoài:** Đối với ngành nghề mà điều ước quốc tế/ pháp luật không hạn chế sở hữu nước ngoài, đề xuất áp dụng tỷ lệ sở hữu nước ngoài 100%, so với tỉ lệ hiện tại là 49%.
2. **Quyền quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài của công ty:** Đề xuất các công ty được phép quyết định/giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa trong Điều lệ.
3. **Điều kiện một tổ chức kinh tế bị coi là nhà đầu tư nước ngoài:** Một tổ chức kinh tế chỉ bị đối xử như nhà đầu tư nước ngoài khi (i) có trên 50% vốn nước ngoài trong ít nhất 180 ngày trong 01 năm và (ii) có 35% vốn điều lệ thuộc sở hữu của 01 nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan.
4. **Ngoại trừ đối với công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ:** Công ty chứng khoán khi cung cấp dịch vụ chứng khoán và công ty quản lý quỹ khi quản lý danh mục đầu tư không bị xem là “nhà đầu tư nước ngoài”, bất kể công ty chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ đó có tỷ lệ sở hữu nước ngoài lớn hơn hoặc nhỏ hơn 50%.
5. **Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết (“NVDR”):** Đề xuất ban hành quy định để triển khai NVDR.
6. **Đẩy mạnh cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước:** Cần đẩy mạnh cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước trong những lĩnh vực, ngành nghề không cần Nhà nước kiểm soát đặc biệt, để tăng số lượng cổ phần lưu hành trên thị trường.
7. **Tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài trong ngân hàng:** Cho phép nâng tỷ lệ sở hữu nước ngoài lên mức mới (ví dụ: 40-49%), so với mức hiện tại là 30%.
8. **Mô hình thanh toán giao dịch chứng khoán mới thông qua Đối tác Bù trừ Trung tâm (Central Clearing Counterparty – CCP):**
 - a. **Ký quỹ:** Bỏ yêu cầu ký quỹ đối với thành viên bù trừ; việc ký quỹ của nhà đầu tư cần loại bỏ hoặc theo thoả thuận riêng giữa thành viên bù trừ và nhà đầu tư (mỗi thành viên bù trừ có thể áp dụng mức ký quỹ riêng cho từng nhà đầu tư).
 - b. **Mô hình:**
 - (i) Ngân hàng lưu ký (“NHLK”) làm thành viên bù trừ: Ngân hàng Nhà nước sửa đổi quy định cho phép ngân hàng lưu ký thực hiện chức năng bù trừ & thanh toán giao dịch chứng khoán, cho nhà đầu tư nước ngoài vay tiền và trích lập dự phòng rủi ro.
 - (ii) Ngân hàng lưu ký không làm thành viên bù trừ: Tiền ký quỹ, tiền và chứng khoán của nhà đầu tư phải được giao dịch theo cách thức:
(A) tài khoản của nhà đầu tư mở tại NHLK ⇔ tài khoản tổng của CCP (nhà đầu tư chuyển và nhận tiền - chứng khoán trực tiếp với CCP, không qua TVBT); hoặc

(B) tài khoản của nhà đầu tư mở tại NHLK ⇄ tài khoản của nhà đầu tư mở tại TVBT ⇄ tài khoản tổng của CCP (nhà đầu tư chuyển và nhận tiền/ chứng khoán qua TVBT nhưng phải thực hiện trong ngày giao dịch).

c. **Thời hạn triển khai/ chuyển tiếp:** Chỉ triển khai CCP khi nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức cung cấp dịch vụ của họ và các thành viên thị trường đã sẵn sàng, ít nhất 06 tháng kể từ khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”)/ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (“TTLKCK”) ban hành quy định chính thức về CCP.

9. **ETF:** Miễn trừ công bố thông tin của ETFs cần được mở rộng cho (i) hoạt động tái cơ cấu danh mục theo định kỳ thay đổi của chỉ số tham chiếu (rebalancing) của quỹ ETF và (ii) người liên quan của người nội bộ của quỹ ETF.

10. **Người có liên quan:** Kiến nghị làm rõ khái niệm “kiểm soát”.

11. Trái phiếu:

- Đơn giản hoá thủ tục phát hành trái phiếu riêng lẻ của công ty đại chúng và công ty chưa đại chúng.
- Rút ngắn thời gian cấp phép và niêm yết trái phiếu phát hành ra công chúng.
- Xây dựng hệ thống giao dịch trái phiếu phát hành riêng lẻ dành riêng cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
- Huỷ bỏ hạn chế tỷ trọng đầu tư 10% vào trái phiếu đối với quỹ mở.
- Huỷ bỏ phân biệt việc đầu tư vào trái phiếu phát hành ra công chúng được niêm yết và trái phiếu phát hành riêng lẻ được niêm yết đối với quỹ mở.

12. **Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp:** Đề xuất mở rộng khái niệm “nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp”, để tạo điều kiện cho các công ty holding/ tổ chức mục đích đặc thù (Special Purpose Vehicles – SPVs), các nhà đầu tư chứng khoán theo quy định pháp luật nước ngoài được xem là “nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp” theo pháp luật Việt Nam.

13. **Tài khoản tổng (omnibus account):** Đề nghị cho phép nhà đầu tư nước ngoài được mở tài khoản tổng và các tài khoản phụ dưới tài khoản tổng cho các danh mục đầu tư riêng biệt.

14. **Đại lý ký danh (omnibus agent) cho quỹ mở:** Đề nghị cho phép đại lý ký danh thực hiện giao dịch tiền netting và tự thực hiện việc chuyển trả cho nhà đầu tư thay vì phải thực hiện từng giao dịch thanh toán cho nhà đầu tư qua tài khoản tại ngân hàng giám sát của quỹ.

15. **Tổ chức lưu ký uỷ thác:** Đề nghị làm rõ cơ chế hoạt động của “tổ chức lưu ký uỷ thác” – tổ chức trung gian thực hiện lưu ký chứng khoán cho các nhà đầu tư theo hợp đồng uỷ thác, gồm trung tâm lưu ký chứng khoán nước ngoài, ngân hàng lưu ký toàn cầu, công ty quản lý quỹ, tổ chức khác được UBCKNN chấp thuận:

- Cấp 02 mã số giao dịch chứng khoán gồm 01 cho tổ chức lưu ký uỷ thác và 01 cho nhà đầu tư nước ngoài là khách hàng của tổ chức lưu ký uỷ thác.
- Các nhà đầu tư nước ngoài có thể chuyển đổi tài khoản tiền và chứng khoán đang mở tại NHLK sang hệ thống tài khoản của tổ chức lưu ký uỷ thác (khi có nhu cầu).
- Chỉ cho phép mở tài khoản giao dịch chứng khoán đứng tên tổ chức lưu ký uỷ thác.
- Quy định rõ nghĩa vụ công bố thông tin, tỷ lệ sở hữu nước ngoài, quyền biểu quyết, v.v. khi nhà đầu tư nước ngoài chọn lưu ký chứng khoán tại tổ chức lưu ký uỷ thác.

- 16. Giao dịch trong ngày và giao dịch chứng khoán chờ về:** Đề xuất quy định rõ giao dịch trong ngày và giao dịch chứng khoán chờ về, đặc biệt cho phép nhà đầu tư nước ngoài thực hiện các giao dịch này.
- 17. Sử dụng thông tin nội bộ trong quá trình thẩm định công ty:** Đề xuất quy định ngoại trừ cho việc nhà đầu tư giao dịch sau khi có được thông tin nội bộ từ quá trình thẩm định công ty, ví dụ như nhà đầu tư đã ký thoả thuận bảo mật thông tin, nhà đầu tư đã bị hạn chế giao dịch trong một khoảng thời gian, thông tin cung cấp cho nhà đầu tư đã được công bố rộng rãi.
- 18. Đơn vị tư vấn phát hành chứng khoán:** Đề xuất quy định công ty chứng khoán và công ty luật là đơn vị được phép tư vấn phát hành chứng khoán.
- 19. Điều kiện niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán:** Đề xuất xem xét lại quy định tại Luật Chứng khoán yêu cầu công ty đại chúng phải giao dịch trên UPCOM tối thiểu 02 năm trước khi được đăng ký niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán.
- 20. Niêm yết doanh nghiệp FDI:** Đề xuất hướng dẫn cụ thể về việc niêm yết các doanh nghiệp FDI.

BÁO CÁO CÁC VẤN ĐỀ VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

Chuẩn bị bởi
Nhóm Công tác Thuế & Hải quan

I - VẤN ĐỀ VỀ ĐẦU TƯ**1. Bất cập trong việc thực hiện quy chế doanh nghiệp chế xuất (“DNCX”) theo Nghị định 82/2018/NĐ-CP**

Vấn đề:

Điều 30 Nghị định 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 (“Nghị định 82”) quy định:

“1. Khu chế xuất, DNCX được áp dụng quy định đối với khu vực hải quan riêng, khu phi thuế quan trừ các quy định riêng áp dụng đối với khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu. DNCX được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc trong văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Cơ quan đăng ký đầu tư có trách nhiệm lấy ý kiến cơ quan hải quan có thẩm quyền về khả năng đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan trước khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc xác nhận bằng văn bản cho nhà đầu tư.

2. Trong khu công nghiệp có thể có các phân khu công nghiệp dành cho các doanh nghiệp chế xuất. Khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất hoặc phân khu công nghiệp dành cho doanh nghiệp chế xuất được ngăn cách với lãnh thổ bên ngoài bằng hệ thống tường rào, có cổng và cửa ra, vào, bảo đảm điều kiện cho sự kiểm tra, giám sát, kiểm soát của cơ quan hải quan và các cơ quan chức năng có liên quan theo quy định áp dụng đối với khu phi thuế quan, quy định tại pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.”

Thực hiện quy định trên của Nghị định 82, khi xem xét cấp phép cho DNCX, cơ quan đầu tư thực hiện xin ý kiến của cơ quan hải quan. Tuy nhiên, cơ quan hải quan cho rằng **chưa có quy định nào hướng dẫn cụ thể về việc đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan của cơ quan hải quan và các cơ quan đối với DNCX vì vậy không có căn cứ để xác nhận điều kiện này**. Thêm vào đó, nếu xét về điều kiện doanh nghiệp chế xuất phải đảm bảo **ngăn cách với lãnh thổ bên ngoài bằng hệ thống tường rào, có cổng và cửa ra, vào, bảo đảm điều kiện cho sự kiểm tra, giám sát, kiểm soát của cơ quan hải quan và các cơ quan chức năng, tại thời điểm xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (“CNĐKĐT”)**, thì **chắc chắn không doanh nghiệp nào có thể đáp ứng** vì chỉ sau khi có Giấy CNĐKĐT doanh nghiệp mới có thể tiến hành hoạt động xây dựng nhà xưởng/cải tạo nhà xưởng thuê để đáp ứng các điều kiện nêu trên.

Trước thực tế trên, dù cơ quan đầu tư cấp giấy phép cho doanh nghiệp hoạt động theo cơ chế DNCX nhưng thường nêu doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện quy định để được áp dụng cơ chế DNCX. Vì vậy, khi các doanh nghiệp này nhập khẩu máy móc thiết bị trong giai đoạn đầu tư để xây dựng nhà máy, cơ quan hải quan thực tế không cho phép doanh nghiệp áp dụng cơ chế DNCX, theo đó doanh nghiệp vẫn phải nộp thuế ở khâu nhập khẩu. Điều này làm tăng gánh nặng tài chính cho doanh nghiệp, ảnh hưởng đến dòng tiền của nhà đầu tư.

Bên cạnh đó, trong khi cơ quan hải quan thu thuế GTGT ở khâu nhập khẩu như trên, khi doanh nghiệp kê khai và xin hoàn thuế GTGT giai đoạn đầu tư với cục thuế địa phương, các cơ quan thuế

địa phương lại cho rằng theo giấy phép doanh nghiệp là doanh nghiệp chế xuất nên không thuộc đối tượng nộp thuế GTGT, nên không có cơ sở để hoàn thuế GTGT cho doanh nghiệp.

Việc xử lý không nhất quán của cơ quan hải quan và cơ quan thuế như trên gây nhiều bức xúc, khó khăn cho doanh nghiệp, làm ảnh hưởng đến môi trường đầu tư của Việt Nam, tăng gánh nặng về thủ tục hành chính cũng như làm đội lên chi phí và gây tổn hại đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Kiến nghị

Chúng tôi xin đề nghị Bộ Tài chính cân nhắc sửa đổi Nghị định 82 và các văn bản pháp quy liên quan. Theo đó:

- Xử lý trong tương lai: Đối với các doanh nghiệp chế xuất xin cấp phép đầu tư mới: Cơ quan quản lý đầu tư phối hợp với Cơ quan Hải quan để cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho phép doanh nghiệp áp dụng quy chế DNCX dựa trên phương án đầu tư sản xuất xuất khẩu và cam kết của doanh nghiệp. DNCX sẽ có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu quy định tại văn bản pháp quy về hải quan và thuế xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng cho khu phi thuế quan và DNCX. Cơ quan nhà nước sẽ áp dụng cơ chế “hậu kiểm” để kiểm tra việc thực hiện/đáp ứng các điều kiện của DNCX và sẽ áp dụng cơ chế phạt với các vi phạm của doanh nghiệp.

- Xử lý tồn đọng đối với các doanh nghiệp đã được cấp phép đầu tư:

- (i) Đối với các DNCX đã áp dụng cơ chế DNCX từ khi thành lập và cơ quan hải quan đã thực hiện kiểm tra điều kiện đáp ứng là DNCX: Không thực hiện truy thu thuế ở khâu nhập khẩu trong giai đoạn từ lúc doanh nghiệp được cấp phép đầu tư cho đến khi cơ quan hải quan xuống kiểm tra doanh nghiệp.
- (ii) Đối với các doanh nghiệp không được áp dụng cơ chế DNCX từ khi thành lập cho đến khi cơ quan hải quan xác nhận đáp ứng điều kiện là DNCX:
 - Số thuế nhập khẩu đã nộp ở khâu nhập khẩu: được xử lý hoàn thuế theo quy định pháp luật về hải quan.
 - Số thuế GTGT đã nộp ở khâu nhập khẩu và số thuế GTGT mà DNCX phát sinh khi mua hàng hàng hóa, dịch vụ từ các công ty trong nước: cho phép các doanh nghiệp được kê khai thuế GTGT đầu vào phát sinh trong giai đoạn đầu tư trên Tờ khai thuế GTGT dành cho dự án đầu tư Mẫu số 02/GTGT và được hoàn thuế GTGT cho giai đoạn đầu tư theo quy định hiện hành.

2. Bảo hộ đầu tư trong trường hợp quy định của pháp luật thay đổi

Vấn đề

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được cấp phép đầu tư từ 1999. Giấy phép đầu tư của doanh nghiệp cũng ghi rõ các hoạt động doanh nghiệp được phép thực hiện.

Năm 2017, quy định chuyên ngành liên quan đến các hoạt động kinh doanh được cấp phép trên Giấy phép đầu tư của Doanh nghiệp có sự thay đổi. Chính phủ ban hành Nghị định, trong đó có quy định không cho phép doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thực hiện các hoạt động kinh doanh mà Doanh nghiệp đang thực hiện theo Giấy phép đầu tư. Quy định mới ảnh hưởng lớn đến các hoạt động kinh doanh cốt lõi của Doanh nghiệp, khiến các khoản đã đầu tư vào tài sản, nhà xưởng trước

đó của doanh nghiệp không có khả năng thu hồi. Thậm chí, những tài sản có giá trị lớn nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh đã được cấp phép, được thực hiện đầu tư ngay trước khi quy định mới ban hành cũng không thể được sử dụng đúng theo mục đích đầu tư ban đầu do sự thay đổi của quy định pháp luật. Do vậy, Doanh nghiệp chịu tổn thất tài chính lớn, đặc biệt trong hoàn cảnh đại dịch Covid-19, khó khăn chồng thêm khó khăn, trong khi tài sản đầu tư bị lãng phí vì không được sử dụng đúng mục tiêu ban đầu.

Chính sách về đầu tư kinh doanh tại Khoản 3 Điều 4 Luật đầu tư 2005 quy định:

“3. Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu tài sản, vốn đầu tư, thu nhập và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của nhà đầu tư; thừa nhận sự tồn tại và phát triển lâu dài của các hoạt động đầu tư.”

Tại điều 5 Luật đầu tư 2014 cũng như Điều 5 Luật đầu tư 2020:

“3. Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu về tài sản, vốn đầu tư, thu nhập và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của nhà đầu tư.”

Khoản 1, Điều 74 Luật đầu tư năm 2014 quy định:

“1. Nhà đầu tư đã được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được thực hiện dự án đầu tư theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư đã được cấp.”

Khoản 1, Điều 77 Luật đầu tư năm 2020 quy định:

“1. Nhà đầu tư đã được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được thực hiện dự án đầu tư theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã được cấp.”

Như vậy, xuyên suốt từ trước đến nay, chính phủ Việt Nam cam kết bảo hộ đầu tư cho các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Chính phủ Việt Nam cũng cam kết sẽ đối xử với các nhà đầu tư nước ngoài một cách “Công bằng và thỏa đáng”.

Đối với các nhà đầu tư nước ngoài thực hiện đầu tư tại Việt Nam, giấy phép đầu tư đóng vai trò rất quan trọng, bởi đây là bản cam kết về những gì Việt Nam cho phép các nhà đầu tư thực hiện, nếu đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định. Việc thay đổi quy định chuyên ngành dẫn đến Doanh nghiệp phải chấm dứt hoàn toàn các hoạt động kinh doanh đã được cấp phép là đi ngược với tinh thần bảo hộ đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam

Kiến nghị

Kính đề nghị Ngài Thủ tướng xem xét lại quy định pháp luật chuyên ngành, tạo điều kiện cho phép các nhà đầu tư nước ngoài được tiếp tục thực hiện các hoạt động kinh doanh đã được cấp phép trên Giấy phép đầu tư từ trước đó đến hết thời hạn Giấy phép đầu tư, đảm bảo đúng tinh thần bảo hộ đầu tư, tránh lãng phí nguồn lực đầu tư cũng như xây dựng lòng tin của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

II - VẤN ĐỀ VỀ HẢI QUAN

3. Phạt hành chính đối với vi phạm tại nhiều tờ khai nhưng bị phát hiện tại cùng một thời điểm

Vấn đề

Về vấn đề mức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Hải quan, căn cứ theo hướng dẫn hiện hành của Nghị định 128/2020/NĐ-CP: “Đối với **mỗi hành vi VPHC trong lĩnh vực hải quan, tổ chức, cá nhân bị áp dụng một trong các hình thức xử phạt chính là cảnh cáo hoặc phạt tiền.**” và các Công văn hướng dẫn số 3824/TCHQ-PC ngày 11 tháng 6 năm 2019 và 15214/BTC-TCHQ ngày 23 tháng 10 năm 2014 thì công tác xử phạt sẽ tính mỗi một tờ khai là một hành vi vi phạm (ngoại trừ trường hợp cụ thể là “không nộp đúng hạn chứng từ hồ sơ hải quan được chậm nộp”).

Theo đó, căn cứ Công văn 4899/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL, ngày 20 tháng 12 năm 2018 thì Bộ Tư Pháp đang có đề xuất với Văn phòng Chính Phủ chỉ áp dụng tình tiết tăng nặng đối với hành vi vi phạm nhiều lần theo quan điểm hiện mâu thuẫn giữa Điều 3 và Điều 10 của Luật xử phạt vi phạm hành chính:

“- Điểm d khoản 1 Điều 3 của Luật quy định việc xử phạt đối với từng hành vi vi phạm hành chính;

- Điểm b khoản 1 Điều 10 của Luật quy định vi phạm hành chính nhiều lần chỉ là tình tiết tăng nặng. Điều này có nghĩa là, nếu đối tượng thực hiện hành vi vi phạm hành chính nhiều lần thì chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính đối với 01 hành vi và áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm hành chính nhiều lần.”

Kiến nghị

Do đó, chúng tôi kiến nghị Quốc hội trong Luật xử phạt hành chính đang được sửa đổi tới đây sẽ nêu rõ việc xử phạt vi phạm hành chính nhiều lần của cùng một hành vi chỉ xử phạt theo tình tiết tăng nặng như đề xuất của Bộ Tư Pháp do đa số vi phạm thuộc nhiều tờ khai (ví dụ: khai sai mã HS của một mặt hàng) là hành vi vi phạm vô ý lặp lại.

Mức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan cần phù hợp với thực tế hoạt động của doanh nghiệp, cụ thể việc xử phạt vi phạm hành chính nhiều lần của cùng một hành vi chỉ xử phạt theo hình thức tăng nặng như đề xuất của Bộ Tư Pháp.

4. Đề xuất thúc đẩy sự phát triển của ngành sản xuất, lắp ráp cơ khí/máy móc, thiết bị tại Việt Nam

Vấn đề

Trong những năm gần đây, việc phát triển các ngành công nghiệp, điện tử, cơ khí luôn được ưu tiên và khuyến khích trong chính sách phát triển kinh tế của Nhà nước Việt Nam. Tuy nhiên, có một thực tế là hiện nay, thuế suất thuế nhập khẩu của nhiều linh kiện, thiết bị rời lại cao hơn thuế suất của thiết bị máy móc hoàn chỉnh, và do đó không có tính chất hỗ trợ phát triển sản xuất, lắp ráp trong nước. Ví dụ:

Clark Material Handling Việt Nam là công ty sản xuất và kinh doanh xe nâng và logistics, được thành lập vào tháng 8 năm 2018 và vận hành 3 nhà máy tại tỉnh Hải Dương với công suất sản xuất 6.000 chiếc/năm. Xe nâng thành phẩm nhập khẩu có thuế suất 0%, trong khi các bộ phận của xe nâng (ắc quy điện, ghế ngồi cho xe có động cơ, cụm trục, v.v.) không thuộc nhóm mã HS 8431.20 có thuế suất từ 5-25%.

Kiến nghị

Tại Quyết định số 598/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại ngành công nghiệp giai đoạn 2018 - 2020, xét đến năm 2025, Bộ Tài chính đã được giao nhiệm vụ “nghiên cứu báo cáo Chính phủ xem xét, điều chỉnh hệ thống thuế nhập khẩu vật tư, thiết bị cho chế tạo máy móc cơ khí nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước”. Theo đó, để thúc đẩy sự phát triển của ngành sản xuất, lắp ráp cơ khí tại Việt Nam, kiến nghị Quốc hội cũng như Bộ tài chính rà soát lại biểu thuế suất thuế nhập khẩu với phụ tùng, linh kiện cơ khí và cần có chính sách khuyến khích cũng như ưu đãi đối với ngành nghề này.

Theo chúng tôi được biết, Tổng cục hải quan đã xử lý cho trường hợp tương tự bằng cách cho phép doanh nghiệp nộp toàn bộ danh sách linh kiện nhập khẩu phục vụ sản xuất, lắp ráp để rà soát và xử lý hoàn thuế sau khi hoàn tất (tương tự như với chương trình ưu đãi với linh kiện ô tô theo Nghị định 125/2017/NĐ-CP). Nếu chưa thể sửa đổi biểu thuế, rất mong Chính phủ và Tổng cục hải quan có thể quy định hóa, mở rộng ưu đãi như với hoạt động nhập khẩu linh kiện, phụ tùng để lắp ráp/sản xuất ô tô cho các ngành công nghiệp sản xuất/lắp ráp máy móc thiết bị khác.

5. Kế khai lại mã HS và xử lý thuế đối với lượng hàng hóa áp dụng mã HS chưa chính xác

Vấn đề

Hiện nay, rất nhiều Doanh nghiệp (“DN”) đã chú trọng hơn đến vấn đề xác định mã HS cho hàng hóa nhập khẩu của mình nhằm có thể áp dụng thuế suất, tránh bị truy thu sau thông quan và tận dụng các ưu đãi thuế thuộc các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên.

Do đó, các DN đã thực hiện tự rà soát toàn bộ hệ thống mã HS đang áp dụng và từ đó phát hiện ra một lượng mã HS đang kê khai sai với bản chất hàng hóa. Việc tự xác định lại các mã HS của DN có thể dẫn đến tình huống vừa thiếu số thuế phải nộp với một số mặt hàng, mặt khác lại thừa số thuế đã nộp với một số mặt hàng khác. Kết quả cuối cùng có thể là vẫn thiếu số tiền thuế phải nộp vào Ngân sách.

Công ty muốn kê khai lại các tờ khai hải quan có mã HS xác định sai để nộp phần thuế còn thiếu. Theo quy định tại Điều 20, Thông tư 38/2018/TT-BTC thì sẽ phải điều chỉnh, kê khai bổ sung cho từng tờ khai hải quan. Tuy nhiên do công việc chỉnh sửa nhiều tờ khai tốn nhiều thời gian và nguồn lực của công ty, Công ty mong muốn có cơ chế kê khai một lần cho các tờ khai cần điều chỉnh, đồng thời có thể bù trừ số thuế phải nộp và số thuế còn thiếu thuộc các tờ khai này.

Kiến nghị

Theo chúng tôi được biết, việc thực hiện kê khai một lần như trên chưa được hỗ trợ trên hệ thống hải quan điện tử, cũng như việc tự động bù trừ cũng chưa được quy định trong Luật quản lý thuế, trừ trường hợp có quyết định ấn định thuế từ cơ quan hải quan. Theo đó, chúng tôi kiến nghị Quốc hội sửa đổi Luật, cũng như Tổng cục Hải quan đưa các thao tác kê khai một lần và cân trừ nghĩa vụ thuế khi tái thiết lại hệ thống hải quan điện tử cho các trường hợp doanh nghiệp tự nguyện kê khai bổ sung cho các lỗi mang tính lặp lại trên nhiều tờ khai, để đảm bảo tuân thủ pháp luật cũng như giảm thiểu các quy trình phức tạp cho doanh nghiệp.

III – VẤN ĐỀ VỀ VIỆC XEM XÉT BẢN CHẤT CỦA GIAO DỊCH KHI ÁP DỤNG CHÍNH SÁCH THUẾ

6. Khấu trừ chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) đối với khoản hoàn trả chi phí tiền lương của nhân viên phái cử từ công ty mẹ

Vấn đề

Đối với các tập đoàn đa quốc gia, để huy động hiệu quả nguồn lực chuyên gia và nhân sự quản lý, hình thức di chuyển nội bộ nhân viên trong Tập đoàn là rất phổ biến. Các công ty có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thường có nhân viên nước ngoài do Công ty mẹ phái cử sang để làm việc. Theo đó, chi phí tiền lương, phúc lợi, các nghĩa vụ đóng góp bắt buộc của cá nhân thông thường sẽ do Công ty mẹ chi trả hộ và nhận lại khoản hoàn trả theo thực tế phát sinh từ Công ty con, không kèm khoản phụ trội nào. Trên cơ sở đó, Công ty con ghi nhận chi phí tiền lương và các chi phí liên quan đối với nhân sự phái cử trong quá trình họ được điều động làm việc tại Việt Nam. Các tài liệu đối với khoản chi phí hoàn trả này bao gồm:

- Thỏa thuận phái cử chuyên gia từ Công ty mẹ sang làm việc tại Công ty con. Trong đó quy định rõ thỏa thuận giữa hai bên về việc:
 - Công ty mẹ sẽ cử chuyên gia sang Việt Nam làm việc tại Công ty con.
 - Công ty con sẽ chịu toàn bộ chi phí liên quan đến tiền tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp bắt buộc của cá nhân, cũng như các chế độ đãi ngộ khác theo chính sách.
 - Công ty mẹ sẽ chi trả hộ Công ty con các khoản tiền lương, thưởng hoặc phụ cấp và các khoản đóng góp bắt buộc khác..., và Công ty con có trách nhiệm hoàn trả lại Công ty mẹ các khoản chi thực tế phát sinh dựa trên Yêu cầu hoàn trả và các chứng từ liên quan từ Công ty mẹ.
- Thư Bổ nhiệm, theo đó Công ty mẹ phái cử chuyên gia nước ngoài sang Việt Nam làm việc, trong đó nêu rõ các chi tiết về chuyên gia phái cử, thời gian làm việc và các chế độ đãi ngộ theo chính sách liên quan.
- Yêu cầu hoàn trả và chứng từ liên quan của Công ty mẹ.

Khi xin Giấy phép lao động cho các chuyên gia nêu trên thì Thư Bổ nhiệm cũng là tài liệu mà cơ quan quản lý nhà nước cấp Giấy phép lao động cho chuyên gia. Ngoài ra, hình thức trả hộ và hoàn trả chi phí nêu trên cũng phù hợp với các quy định hướng dẫn về chế độ kế toán tại Việt Nam. Chúng tôi được biết Tổng cục thuế cũng có những hướng dẫn chấp thuận cho bên được chi trả hộ được phép khấu trừ chi phí thuế TNDN đối với các hạng mục chi phí thực tế phát sinh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của bên được chi trả hộ.

Vì chính sách không rõ ràng, nhiều cơ quan thuế địa phương lại yêu cầu xuất trình Hợp đồng lao động cho mục đích khấu trừ chi phí. Tuy nhiên, một chuyên gia không thể có Hợp đồng lao động tại cùng một thời điểm với cả Công ty mẹ và Công ty con tại Việt Nam.

Kiến nghị

Bộ Tài chính cần có hướng dẫn cụ thể để các cơ quan thuế đại phương nhìn vào bản chất của giao dịch và ghi nhận Thư Bổ nhiệm cùng với Thỏa thuận phái cử chuyên gia là tài liệu cần thiết để doanh nghiệp khấu trừ chi phí đối với khoản hoàn trả này.

7. Hành vi vi phạm pháp luật khác ngoài luật thuế (nếu có) của người nộp thuế không thể là tiêu chí đánh giá chi phí được trừ cho mục đích thuế TNDN

Vấn đề

Một số cơ quan thuế có xu hướng khi xử lý các tình huống về thuế thường dựa trên kết luận doanh nghiệp vi phạm pháp luật chuyên ngành, theo đó loại trừ chi phí tính thuế TNDN mà không xem xét đến việc chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ, liên quan trực tiếp tạo ra doanh thu tính thuế TNDN.

Theo chúng tôi, việc loại khỏi chi phí được trừ cho mục đích tính thuế TNDN do vi phạm pháp luật chuyên ngành như trên là không hợp lý và không phù hợp với đạo lý và tinh thần của pháp luật thuế TNDN vì:

- Quy định pháp luật về thuế TNDN chỉ quy định: doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng các điều kiện tại Điều 6, Thông tư 78/2014/TT-BTC của Bộ tài chính (Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật; Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với khoản chi có hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên. Thông tư không có ràng buộc điều kiện phải thỏa mãn quy định của pháp luật chuyên ngành.
- Nếu vi phạm quy định pháp luật chuyên ngành, doanh nghiệp đã phải chịu phạt theo chế tài quy định đối với lĩnh vực chuyên ngành đó và khoản tiền phạt không được ghi nhận cho mục đích tính thuế. Hơn nữa, trong nhiều trường hợp việc vi phạm là do những nguyên nhân khách quan hoặc do thủ tục hành chính khó thực hiện.
- Việc ràng buộc quy định ngoài thuế để đánh giá việc tuân thủ thuế của doanh nghiệp là chông chéo, làm tăng gánh nặng cho doanh nghiệp. Bản thân các luật chuyên ngành khác đã có chế tài xử phạt và mức xử phạt đã cân nhắc đến tác động răn đe và ngăn chặn hành vi vi phạm tái diễn. Việc cơ quan thuế cũng đồng thời loại chi phí của doanh nghiệp sẽ làm tăng chi phí không tuân thủ, thậm chí nhiều trường hợp khiến doanh nghiệp mất khả năng kinh doanh.
- Hướng dẫn này mở rộng quyền cho cán bộ thuế khi xem xét đánh giá tính hợp lý của các khoản chi phí, dẫn đến việc cơ quan thuế ngoài việc đánh giá tuân thủ quy định thuế còn đánh giá tính tuân thủ với các quy định ngoài thuế. Việc này có thể dẫn đến các hệ quả sau:
 - Chính sách thiếu minh bạch, khó dự đoán: doanh nghiệp không lường trước được các chi phí của mình sẽ bị loại trong trường hợp nào ngay cả khi các khoản chi đã đáp ứng các điều kiện được trừ tại các quy định thuế TNDN.
 - Thực hiện thiếu công bằng: việc yêu cầu đáp ứng các yêu cầu của pháp luật có liên quan là quá rộng, chung chung. Bản thân cán bộ thuế không thể nắm vững toàn bộ các luật chuyên ngành khác, do đó sẽ có tình huống khoản chi bị loại tại doanh nghiệp này mà không bị loại tại doanh nghiệp khác do việc xử lý phụ thuộc nhiều hơn vào đánh giá chủ quan của cán bộ thuế.

Tại công văn số 5476/BTC-CST ngày 07 tháng 5 năm 2020, trả lời cho Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam về vấn đề này, Bộ tài chính đã hướng dẫn theo hướng doanh nghiệp có các khoản chi về làm thêm giờ cho người lao động, cho trả tiền lương, tiền công, bảo hiểm cho người lao động nước ngoài hoặc chi khuyến mại nếu đáp ứng điều kiện quy định của pháp luật về thuế **và pháp luật liên quan** thì sẽ được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. Chúng tôi thấy rằng trả lời này của Bộ Tài chính là chưa thỏa đáng, ảnh hưởng đến quyền lợi của doanh nghiệp.

Kiến nghị

Đề nghị Bộ Tài chính cân nhắc lại vấn đề trên, chỉ đạo việc thực hiện thu thuế căn cứ trên các quy định hiện hành về thuế. Nếu xử lý thuế cần tham chiếu đến các quy định chuyên ngành khác thì việc tham chiếu đó phải được luật hóa rõ ràng tại các quy định thuế. Có như vậy mới đảm bảo môi

trường chính sách thuế minh bạch, nhất quán và tạo cơ sở để người thu thuế và nộp thuế thực hiện nghiêm túc và bình đẳng các quy định của pháp luật.

8. Các bất cập trong Thông tư 48 về Dự phòng

Vấn đề 1

Điều 4 Thông tư 48 quy định về Dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Đối tượng lập dự phòng bao gồm nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa, hàng mua đang đi đường, hàng gửi đi bán, hàng hóa kho bảo thuế, thành phẩm (sau đây gọi tắt là hàng tồn kho) mà giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được và đảm bảo điều kiện.

Các sản phẩm sản xuất dở dang trong kỳ vẫn có thể bị giảm giá trị tương tự như các loại hàng tồn kho khác, vì vậy vẫn cần phải được lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Theo Thông tư 228 cũ thì các sản phẩm sản xuất dở dang vẫn thuộc đối tượng trích lập dự phòng.

Kiến nghị

Đề nghị Bộ Tài chính cân nhắc bổ sung, sửa đổi Thông tư 48 theo hướng sản phẩm sản xuất dở dang trong kỳ cũng là đối tượng được lập dự phòng.

Vấn đề 2

Điều 1 Thông tư 48/2019 quy định:

Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng: Thông tư 48 áp dụng cho việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng “làm cơ sở xác định khoản chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định”; trong khi “việc trích lập các khoản dự phòng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính của các tổ chức kinh tế thực hiện theo pháp luật về kế toán”.

Trong thực tế, việc áp dụng quy định của Thông tư 48 và quy định của pháp luật kế toán về trích lập dự phòng có thể sẽ dẫn đến một số khác biệt. Ví dụ: có một số trường hợp pháp luật về kế toán không yêu cầu trích lập nhưng thuộc đối tượng trích lập theo Thông tư 48, hoặc số dự phòng tính theo pháp luật kế toán thấp hơn số dự phòng tính theo quy định của Thông tư 48, hoặc số dự phòng tính theo pháp luật kế toán lớn hơn số dự phòng tính theo quy định của Thông tư 48.

Kiến nghị

Để cho đúng với tinh thần hướng dẫn của Thông tư 48, đề nghị Bộ Tài chính có quy định rõ ràng về việc khi về mặt kế toán, doanh nghiệp không trích lập dự phòng hoặc trích lập dự phòng ít hơn thì doanh nghiệp vẫn được áp dụng Thông tư 48 để xác định chi phí cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Vấn đề 3

Theo Khoản 2, Điều 3 Thông tư 48, thời điểm trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng là thời điểm lập báo cáo tài chính năm (cuối kỳ).

Thực tế có nhiều hàng hóa có tính chất quay vòng nhanh cần phải được xử lý hủy bỏ, thanh lý vào thời điểm giữa kỳ. Khi đó, doanh nghiệp sẽ không thể trích lập dự phòng theo quy định của Thông tư 48.

Ngoài ra, trên cơ sở tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, có thể phát sinh trường hợp doanh nghiệp phải hủy hàng mà trước đó chưa lập dự phòng. Việc hủy hàng là yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh mà không doanh nghiệp nào mong muốn và đã phát sinh trên thực tế. Do đó, không nên ràng buộc điều kiện trước đó doanh nghiệp phải lập dự phòng thì mới được đưa vào chi phí tính thuế cho mục đích thuế TNDN. Về mặt đạo lý, việc Thông tư cho trích lập dự phòng là nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp sản xuất có nguồn dự phòng khi buộc phải thanh hủy hàng hóa. Chính vì vậy, việc cho phép chi phí hàng hủy phát sinh trên thực tế dù không có dự phòng trước đó được ghi nhận vào chi phí cho mục đích tính thuế là phù hợp với tinh thần của đạo lý nêu trên.

Kiến nghị

Đề nghị Bộ Tài chính cân nhắc hướng dẫn cụ thể việc xử lý thuế đối với các trường hợp cụ thể này. Các chi phí liên quan đến hàng hủy phát sinh nêu trên như chi phí thanh hủy, giá vốn hàng hủy nên được ghi nhận thẳng vào chi phí trong kỳ cho mục đích tính thuế TNDN mà không bị ràng buộc bởi điều kiện phải đã được trích lập dự phòng trước đó (giả thiết thỏa mãn hai điều kiện b), c) nêu tại khoản 1 Điều 6, Thông tư 78).

9. Chi phí khấu hao của máy móc dừng sản xuất trong giai đoạn tạm ngừng hoạt động do Covid

Vấn đề

Chi phí khấu hao của máy móc dừng sản xuất trong giai đoạn tạm ngừng hoạt động do Covid có được xem là chi phí hợp lý không?

Nghị quyết 84/NQ-CP chỉ quy định: “Cho phép các khoản đóng góp, ủng hộ trong các hoạt động chống dịch Covid-19 là khoản chi phí hợp lý được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp”.

Một số cơ quan thuế địa phương (ví dụ Hải Phòng) đã có công văn trả lời là chi phí trên không được trừ cho mục đích tính thuế TNDN.

Kiến nghị

Chi phí này nên được xem xét là chi phí được trừ, do phát sinh vì nguyên nhân khách quan. Đề nghị Bộ tài chính hướng dẫn rõ về vấn đề này.

10. Áp dụng thuế GTGT với hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất kèm cơ sở hạ tầng

Vấn đề

Theo khoản 4, Điều 5 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013, các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT gồm: “4. Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng dự án đầu tư để sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng cho doanh nghiệp, hợp tác xã”.

Theo Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013, đối tượng không chịu thuế GTGT bao gồm chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Trên thực tế, ở tại một số doanh nghiệp, nhà đầu tư có nhu cầu thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất cùng cơ sở hạ tầng trên đất cho nhà đầu tư khác và thực hiện theo quy trình chuyển nhượng đất kèm cơ sở hạ tầng. Do đó, bên chuyển nhượng thực hiện xuất hóa đơn theo hướng sau:

- Với giá trị quyền sử dụng đất: không tính thuế GTGT do hoạt động này thuộc đối tượng không chịu GTGT; và
- Với giá trị cơ sở hạ tầng trên đất: áp dụng mức thuế GTGT phù hợp theo quy định (thông thường là 10%). Bên chuyển nhượng do vậy nộp thuế GTGT đầu ra tương ứng với doanh thu bán cơ sở hạ tầng.

Bên nhận chuyển nhượng khi xin hoàn thuế GTGT đầu vào đã trả cho cơ sở hạ tầng đã bị Cục thuế Hà Nội từ chối do cơ quan thuế cho rằng hoạt động chuyển nhượng trên là hoạt động chuyển nhượng dự án nên thuộc đối tượng không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT, trong khi hồ sơ thủ tục của doanh nghiệp hoàn toàn không theo quy định về chuyển nhượng dự án.

Chúng tôi cho rằng cách hiểu và vận dụng quy định như trên của cơ quan thuế là mang tính áp đặt và gây khó khăn cho doanh nghiệp. đặc biệt khi nhà nước đã thu thuế GTGT đầu ra tại doanh nghiệp chuyển nhượng cơ sở hạ tầng trước đó khá lâu.

Kiến nghị

Do bên chuyển nhượng đã kê khai thuế GTGT đầu ra và do bản chất giao dịch như trên, đề nghị Bộ Tài chính/cơ quan thuế có hướng dẫn để có xử lý thỏa đáng, hợp lý cho doanh nghiệp và các trường hợp tương tự.

11. Thuế GTGT áp dụng với dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất

Vấn đề

Theo Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013, thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu. Dịch vụ xuất khẩu bao gồm dịch vụ cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở trong khu phi thuế quan và tiêu dùng trong khu phi thuế quan.

Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC hướng dẫn Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 cũng có quy định các trường hợp cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp trong khu thuế quan *không áp dụng mức thuế suất 0%*.

Tuy nhiên, trong thực tế thực hiện ở nhiều địa phương, một số cơ quan thuế diễn giải quy định trên theo hướng chỉ cho phép áp dụng 0% với các dịch vụ được cung cấp ở trong khu phi thuế quan. Các dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất nhưng địa điểm cung cấp dịch vụ nằm ngoài khu phi thuế quan vẫn phải áp dụng thuế GTGT 10% do bị coi là tiêu dùng ngoài khu phi thuế quan mặc dù dịch vụ đó phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp chế xuất và không thuộc phạm vi các dịch vụ không áp dụng mức thuế suất 0% nêu trên.

Theo quan điểm của chúng tôi, các dịch vụ được cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất để phục vụ hoạt động sản xuất sản phẩm để bán của doanh nghiệp nên được hiểu là được tiêu dùng bởi doanh nghiệp chế xuất. Vì vậy, dù được cung cấp ở ngoài khu phi thuế quan, các dịch vụ này cũng cần phải được áp dụng mức thuế suất 0%.

Việc áp dụng thuế suất 10% cho các dịch vụ trên khiến quy định trên không còn nhiều ý nghĩa, tạo gánh nặng chi phí cho các doanh nghiệp chế xuất, gây khó khăn cho doanh nghiệp.

Kiến nghị

Chúng tôi đề nghị Bộ tài chính cân nhắc hướng dẫn rõ vấn đề trên, đảm bảo tính áp dụng thống nhất và công bằng cho doanh nghiệp. Cụ thể, các dịch vụ được cung cấp cho doanh nghiệp trong khu phi thuế quan (gồm doanh nghiệp chế xuất) để phục vụ hoạt động sản xuất sản phẩm để bán

của doanh nghiệp, mà không thuộc các dịch vụ quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC nêu trên, được áp dụng mức thuế suất 0%.

12. Tỷ giá để xuất hóa đơn và tỷ giá hạch toán

Vấn đề

Thông tư 39/2014/TT-BTC về hóa đơn quy định tỷ giá xuất hóa đơn là: tỉ giá ghi trên hóa đơn là “tỷ giá ngoại tệ với đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân của thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập hóa đơn. Trường hợp ngoại tệ thu về là loại không có tỷ giá với đồng Việt Nam thì ghi tỷ giá chéo với một loại ngoại tệ được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tỷ giá”.

Thông tư 26/2015/TT--BTC quy định về tỷ giá hạch toán kế toán: “Trường hợp phát sinh doanh thu, chi phí, giá tính thuế bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn về chế độ kế toán doanh nghiệp như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế để hạch toán doanh thu là tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi người nộp thuế mở tài khoản...”

Như vậy, có sự khác biệt về tỷ giá để xuất hóa đơn và tỷ giá để ghi nhận trên sổ kế toán doanh nghiệp. Trong khi hóa đơn cũng là một chứng từ kế toán và thuế phục vụ việc ghi sổ kế toán.

Kiến nghị

Đề nghị Bộ Tài Chính cân nhắc sửa đổi Thông tư 39/2014/TT-BTC, theo đó tỷ giá xuất hóa đơn đồng nhất với tỷ giá ghi nhận doanh thu (tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại).

13. Tỷ giá tính thuế nhà thầu

Vấn đề

Hiện có các công văn của Tổng cục thuế hướng dẫn về tỉ giá tính thuế nhà thầu như sau:

- Công văn 2049/TCT-CS của TCT ngày 28/5/2018 hướng dẫn chung, nhưng được hiểu là áp dụng tỷ giá mua vào của Ngân hàng TM nơi bên Việt Nam mở TK, do đây là doanh thu của nhà thầu.
- Công văn 2586/TCT-CS ngày 28/6/2018 của TCT hướng dẫn áp dụng tỷ giá bán ra của NHTM của bên Việt Nam chi trả hộ.
- Công văn 3720/TCT-CS ngày 1/10/2018 TCT trả lời VBF – trả lời giống Công văn 2049.
- Thực tế nhiều Cục thuế đang yêu cầu Doanh nghiệp áp dụng tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại để tính thuế của nhà thầu.

Các công văn trên của Tổng cục thuế trả lời không nhất quán về vấn đề tỷ giá áp dụng. Theo quan điểm của chúng tôi thì đây là doanh thu của nhà thầu và nhà thầu nước ngoài là đối tượng nộp thuế nên để áp dụng nhất quán về quy định tỷ giá quy đổi đối với doanh thu tính thuế bằng ngoại tệ thì nên là tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi bên Việt Nam mở tài khoản (do nhà thầu nước ngoài thực hiện Phương pháp ấn định không có tài khoản thương mại mở tại Việt Nam).

Kiến nghị

Đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn rõ để thống nhất thực hiện trên toàn quốc.

14. Miễn thuế thu nhập đối với khoản vay thực hiện theo điều ước quốc tế hoặc những cam kết với chính phủ Việt Nam

Vấn đề

Có sự khác biệt trong quy định về thủ tục áp dụng ưu đãi thuế theo Luật quản lý thuế trong các giai đoạn khác nhau, cụ thể:

- Thông tư 60/2007/TT-BTC của Bộ tài chính (hiệu lực từ ngày 19/8/2007 đến ngày 14/4/2011): không có bất kỳ quy định hướng dẫn về hồ sơ thủ tục xin áp dụng ưu đãi thuế theo Điều ước quốc tế.
- Thông tư 156/2013/TT-BTC của Bộ tài chính (hiệu lực từ ngày 20/12/2013 đến nay): có quy định về thủ tục, hồ sơ để được hưởng ưu đãi miễn thuế. Tuy nhiên, thông tư 156 không có điều khoản áp dụng hồi tố đối với những giao dịch phát sinh trước thời điểm hiệu lực của thông tư 156.

Do đó, trong thực tế phát sinh trường hợp: doanh nghiệp Việt Nam ký thỏa thuận vay vốn với những tổ chức tài chính quốc tế (ví dụ FMO, IFC, PROPARCO...) trong giai đoạn trước khi thông tư 156 được ban hành, mà những tổ chức tài chính quốc tế này đã ký thỏa thuận với Chính phủ Việt Nam (gọi chung là Điều ước quốc tế) trong đó có điều khoản tổ chức tài chính quốc tế được miễn thuế thu nhập (thuế nhà thầu) tại Việt Nam, theo đó, doanh nghiệp Việt Nam khi ký hợp đồng vay vốn đã không quy định trách nhiệm về thuế đối với khoản lãi tiền vay. Do không có quy định về thủ tục áp dụng miễn giảm tại giai đoạn đó, nên doanh nghiệp Việt Nam đã gửi công văn tới cơ quan thuế để xin hướng dẫn, nhưng cơ quan thuế không thể đưa ra hướng dẫn về thủ tục.

Vấn đề 1: Hiện nay Cơ quan thuế đang cho rằng Doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục theo quy định tại Thông tư 156 cho giai đoạn kể từ khi Thông tư 156 có hiệu lực. Điều này là không hợp lý và không đúng về Pháp lý, bởi vì thông tư 156 không có điều khoản áp dụng hồi tố cho các hợp đồng đã phát sinh trước khi thông tư 156 được ban hành, hơn nữa về thủ tục quy định tại Thông tư 156 là “Trong phạm vi 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng với Bên Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi cho cơ quan thuế nơi đăng ký thuế hồ sơ thông báo miễn, giảm thuế ...”, như vậy thời điểm phải nộp thủ tục áp dụng điều ước quốc tế đã qua rất lâu trước khi Thông tư 156 được ban hành.

Vấn đề 2: Chúng tôi được biết Bộ tài chính đang xem xét lại một số thỏa thuận mà Chính Phủ Việt Nam đã ký kết với tổ chức tài chính quốc tế có được xem là Điều ước quốc tế hay không, để từ đó đánh giá vấn đề tổ chức tài chính quốc tế có được miễn thuế thu nhập khi cho doanh nghiệp Việt Nam vay vốn hay không trong khi đã có văn bản ký giữa đại diện Chính Phủ Việt Nam và tổ chức tài chính trong đó quy định rõ tổ chức tài chính đó được miễn thuế đối với các khoản cho công ty Việt Nam vay.

Kiến nghị

Vấn đề 1: Đề xuất không áp dụng thủ tục miễn thuế quy định tại thông tư 156 đối với các hợp đồng đã ký trước thời điểm thông tư 156 có hiệu lực, trên cơ sở hợp đồng ký tại thời điểm nào thì áp dụng quy định tại thời điểm đó và thông tư 156 không có điều khoản áp dụng hồi tố. Hơn nữa thủ tục quy định phải thực hiện trong vòng 03 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, như vậy cũng không thể áp dụng đúng quy định tại Thông tư 156.

Vấn đề 2: Dù thỏa thuận giữa tổ chức tài chính quốc tế ký kết với Chính phủ Việt Nam có thỏa mãn là Điều ước quốc tế hay không, thì việc Chính phủ Việt Nam đã cam kết miễn thuế thu nhập cho các tổ chức này theo thỏa thuận thì vẫn cần tuân thủ các cam kết này cho các hợp đồng đã

ký trước đây. Việc không tuân thủ cam kết với tổ chức quốc tế có thể ảnh hưởng rất lớn tới môi trường đầu tư của Việt Nam, ví dụ làm giảm sút uy tín và xếp hạng môi trường đầu tư trong nước trong đánh giá quốc tế, tạo tâm lý hoang mang cho các doanh nghiệp FDI đang hoạt động đang gặp phải vấn đề tương tự, giảm niềm tin cho các nhà đầu tư nước ngoài tiềm năng trong tương lai có ý định chọn Việt Nam làm điểm đến đầu tư khi biết được rằng những cam kết mặc dù đã ký kết với chính phủ cũng có thể “không chắc chắn” và còn phải phụ thuộc vào đánh giá chủ quan của cơ quan thực thi.

15. Tính nhất quán khi áp dụng văn bản pháp quy trong công tác thu thuế của các cơ quan thuế

Vấn đề

Từ thực tiễn thanh tra thuế tại nhiều địa phương, chúng tôi nhận thấy nhiều cơ quan thuế đang vận dụng chính sách thuế theo hướng bất lợi cho người nộp thuế. Đối với thời kỳ đã thanh tra kiểm tra, cơ quan thuế có thể thu thêm thuế, nhưng lại không cho phép người nộp thuế kê khai điều chỉnh bổ sung giảm thuế trong trường hợp cơ quan thuế thay đổi quan điểm xử lý thuế liên quan đến thời kỳ đã thanh tra, kiểm tra trong quá khứ. Chúng tôi xin nêu một ví dụ điển hình như sau:

- Một công ty đã đi vào hoạt động tại Việt Nam từ năm 1993 và được hưởng thuế suất thuế TNDN ưu đãi 15% cho toàn bộ thời gian của dự án. Trong năm 2007-2008, công ty có xây dựng một nhà kho với mục đích là bảo quản, lưu trữ hàng hóa cho an toàn hơn. Việc xây dựng nhà kho được lấy từ quỹ khấu hao của công ty. Tổng vốn đầu tư của công ty không tăng, ngành nghề kinh doanh không thay đổi và công ty cũng không đầu tư thêm bất cứ dây chuyền sản xuất mới nào nên công ty cho rằng đây không phải là hoạt động đầu tư mở rộng mà đơn thuần chỉ là hoạt động đầu tư thường xuyên. Do vậy, công ty kê khai thuế TNDN cho toàn bộ thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh với thuế suất 15%.
- Từ năm 2007-2018 Công ty đã được thanh kiểm tra thuế đến hết năm tài chính 2015. Trong các lần thanh kiểm tra thuế đó, cục thuế địa phương đều đồng ý với cách áp dụng của Doanh nghiệp. Tuy nhiên, đến năm 2019 khi cục thuế tiến hành kiểm tra thuế cho giai đoạn 2016-2017 thì lại cho rằng đây là hoạt động đầu tư mở rộng và tiến hành truy thu thuế TNDN của doanh nghiệp cho giai đoạn thanh tra (theo mức thuế suất phổ thông 20%) nhưng lại không cho phép doanh nghiệp được điều chỉnh tờ khai quyết toán thuế TNDN cho giai đoạn 2008-2015 để áp dụng ưu đãi miễn giảm thuế TNDN đối với dự án đầu tư mở rộng trước năm 2009 theo quy định có hiệu lực tại thời điểm hoàn thành xây dựng nhà kho (Miễn 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2008-2010) và giảm 50% trong 5 năm tiếp theo (2011-2015)), với lý do là giai đoạn 2008-2015 đã hoàn tất thanh kiểm tra thuế.
- Chúng tôi cho rằng đây là một bất cập, thể hiện sự áp dụng bất hợp lý, không nhất quán đối với cùng một vấn đề và mang tính áp đặt cho doanh nghiệp bởi lẽ thực tế, việc điều chỉnh này không phải do Công ty tự phát hiện thấy hồ sơ khai thuế đã nộp và được kiểm tra, thanh tra còn sai sót mà đây là vấn đề được đặt ra bởi cục thuế khi thanh tra các năm sau.

Đề xuất

Chúng tôi đề nghị Bộ Tài chính xem xét vấn đề trên và có hướng dẫn thỏa đáng cho doanh nghiệp. Ngoài ra, vấn đề tương tự như trên cũng có thể xảy ra trong các trường hợp áp dụng các quy định pháp luật khác nhưng nguyên tắc áp dụng nhất quán pháp luật luôn cần được đảm bảo. Vì vậy, để tránh lặp lại các xử lý thuế tương tự, Bộ Tài chính nên cân nhắc có hướng dẫn về mặt nguyên tắc xử lý chung với các trường hợp tương tự như trên.

16. Vấn đề hiệu lực của Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (“APA”)

Vấn đề

Chúng tôi xin được nêu ra ý kiến về quy định tại Khoản 7, Điều 41 Nghị định 126/2020/NĐ-CP hướng dẫn luật quản lý thuế số 38/2019/QH14, cụ thể như sau:

“7. Thời điểm bắt đầu có hiệu lực của APA được thực hiện theo quy định tại Khoản 16 Điều 3 Luật Quản lý thuế. Đối với các APA song phương hoặc đa phương có liên quan đến quản lý thuế của cơ quan quản lý thuế nước ngoài, Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định.”

Tại Khoản 16 Điều 13 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14:

“16. Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế là thỏa thuận bằng văn bản giữa cơ quan thuế với người nộp thuế hoặc giữa cơ quan thuế với người nộp thuế và cơ quan thuế nước ngoài, vùng lãnh thổ mà Việt Nam đã ký hiệp định tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với thuế thu nhập cho một thời hạn nhất định, trong đó xác định cụ thể các căn cứ tính thuế, phương pháp xác định giá tính thuế hoặc giá tính thuế theo giá thị trường. Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế được xác lập trước khi người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế.”

Chúng tôi cho rằng quy định về hiệu lực của APA tại Luật quản lý thuế 38 và Nghị định 126 là chưa rõ ràng và có thể gây khó khăn trong việc áp dụng APA đối với doanh nghiệp.

Chúng tôi thấy rằng hầu hết các quốc gia đều quy định thời điểm có hiệu lực của APA là từ năm nộp hồ sơ xin áp dụng APA. Nhiều nước thống nhất với khuyến nghị và phương án hành động do OECD đề xuất như công nhận thời hạn hiệu lực của APA theo thời hạn người nộp thuế đề xuất trong hồ sơ, cho phép thời hạn APA được mở rộng sang các năm tài chính đã qua (hồi tố - “rollback”).

Ngoài ra, theo điểm 2.7, Chương trình Hành động số 14 về Chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận (BEPS) mà Việt Nam đã cam kết khi tham gia Diễn đàn hợp tác triển khai BEPS, các quốc gia triển khai APA song phương nên cho phép áp dụng hồi tố APA trong các trường hợp thích hợp.

Chúng tôi có thể lấy Indonesia là một trường hợp điển hình của khu vực Đông Nam Á. Indonesia đã từng có quy định tương tự như khoản 7, Điều 41 nêu trên về thời hạn hiệu lực của APA rằng APA có hiệu lực từ năm hồ sơ APA được ký kết và không cho phép sử dụng kết quả đàm phán cho giai đoạn trước thời điểm ký kết. Tuy nhiên, trong cuộc đánh giá tình hình thi hành chương trình giải quyết tranh chấp về thuế của OECD, Indonesia đã phải sửa đổi điều khoản này và chấp thuận cho phép thời hạn APA áp dụng theo đề xuất của người nộp thuế và mở rộng giai đoạn áp dụng cho các năm tài chính trước đó (theo hướng dẫn của Chương trình Hành động số 14 nêu trên) theo kiến nghị của OECD.

Kiến nghị

Từ kinh nghiệm nêu trên, chúng tôi đề xuất ý kiến quy định rõ hơn về thời điểm hiệu lực của APA theo hai phương án:

- Phương án 1: Được tính từ năm nộp hồ sơ xin áp dụng APA của người nộp thuế và mở rộng giai đoạn áp dụng đối với ít nhất năm (05) năm tài chính trước đó.
- Phương án 2: Được tính từ năm nộp hồ sơ xin áp dụng APA của người nộp thuế.

Chúng tôi cho rằng việc ban hành thêm các hướng dẫn chi tiết về hiệu lực của APA theo các phương án nêu trên sẽ tạo ra cơ môi trường đầu tư thực sự cạnh tranh với các nước trong khu vực và tránh gây ra các tranh chấp quốc tế và phù hợp với khuyến nghị của OECD trong chương trình hành động số 14 của BEPS. Việc này cũng là nhằm hỗ trợ, tiết kiệm thời gian/công sức của rất nhiều nhà đầu tư đến từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ... đang trong giai đoạn tham vấn hồ sơ APA với Tổng Cục thuế hay đang trong giai đoạn cuối là Cơ quan thuế Việt Nam và Cơ quan thuế nước ngoài thương thảo về hồ sơ APA song phương của người nộp thuế từ năm 2013 đến nay. Chúng tôi đánh giá rằng việc tháo gỡ vấn đề này là thể hiện tinh thần minh bạch, xây dựng quy định pháp luật Việt Nam phù hợp với thông lệ quốc tế và thúc đẩy thu hút vốn đầu tư nước ngoài một cách mạnh mẽ hơn trong bối cảnh Việt Nam đã khống chế tốt đại dịch Covid-19.

17. Thời gian giải quyết đề nghị áp dụng Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA)

Vấn đề

Bộ tài chính đã ban hành Thông tư 201/2013/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2013, hướng dẫn việc áp dụng Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA) trong quản lý thuế từ rất sớm. Đến nay đã gần 7 năm Thông tư 201 được ban hành tuy nhiên vẫn chưa có bất kỳ Hồ sơ APA nào của doanh nghiệp được phê duyệt bởi Bộ Tài Chính.

Trong thực tế, có nhiều doanh nghiệp đã hoàn thành các giai đoạn đàm phán, thảo luận với Tổng cục thuế trong thời gian dài và đã hoàn thành giai đoạn 4 - Trao đổi, đàm phán các nội dung APA. Tổng cục thuế cũng đã chuyển Hồ sơ APA của doanh nghiệp lên Bộ tài chính để xin ý kiến và chấp thuận nhưng không nhận được phê duyệt của Bộ tài chính.

Kiến nghị

Từ thực tế áp dụng APA ở Việt Nam, việc thời gian nộp và đàm phán Hồ sơ APA quá lâu không được phê duyệt từ các cơ quan chức năng (Bộ tài chính/Tổng cục thuế) gây ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh cũng như phát sinh gánh nặng chi phí đối với doanh nghiệp.

Theo đó, kính đề nghị Bộ tài chính có biện pháp đẩy nhanh việc xử lý Hồ sơ APA tạo điều kiện để các doanh nghiệp ổn định kế hoạch kinh doanh cũng như tuân thủ các quy định về thuế của Việt Nam.

18. Vấn đề lựa chọn công ty tương đồng trong tính toán khoảng giá trị giao dịch độc lập chuẩn trong việc xác định giá chuyển nhượng cho giao dịch liên kết

Vấn đề

Chính phủ đã ban hành Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 (“Nghị định 132”) có hiệu lực từ 20/12/2020 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, với đối tượng áp dụng là tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp có phát sinh giao dịch với các bên có quan hệ liên kết.

Trong hướng dẫn áp dụng Phương pháp so sánh tỷ suất lợi nhuận của người nộp thuế với tỷ suất lợi nhuận của các đối tượng so sánh độc lập, Điểm a, Khoản 2, Điều 14, Nghị định 132 quy định rằng:

“a) Phương pháp so sánh tỷ suất lợi nhuận được áp dụng trên nguyên tắc không có khác biệt về chức năng hoạt động, tài sản, rủi ro; điều kiện kinh tế và phương pháp hạch toán kế toán khi so sánh giữa người nộp thuế và đối tượng so sánh độc lập có ảnh hưởng trong yếu tố đến tỷ suất lợi

nhuận. Trường hợp có các khác biệt ảnh hưởng trọng yếu đến tỷ suất lợi nhuận, khi đó phải loại trừ các khác biệt trọng yếu này.”

Trong thực tiễn áp dụng Nghị định 132 trong công tác thanh tra, kiểm tra thuế và giá chuyển nhượng, người nộp thuế thường được yêu cầu chứng minh rằng đã loại trừ hết các khác biệt trọng yếu giữa các công ty độc lập tương đồng và người nộp thuế. Cá biệt, trong rất nhiều trường hợp thanh tra thuế, cán bộ thuế đưa ra tiêu chí về “tỷ lệ chi phí phản ánh chức năng hoạt động” / “quy mô doanh thu” theo ý kiến chủ quan để tùy ý điều chỉnh nhằm loại bỏ nỗ lực tìm kiếm các công ty tương đồng của người nộp thuế mặc dù hồ sơ quốc gia đã trình bày rất chi tiết và cụ thể quy trình tìm kiếm công ty tương đồng.

Cần xác định thực tế rằng cơ sở dữ liệu sử dụng trong kê khai, xác định giá giao dịch liên kết của người nộp thuế có rất nhiều công ty tiềm năng tương đồng nhưng việc tìm kiếm các công ty hoàn toàn giống hệt với người nộp thuế (với “tỷ lệ chi phí phản ánh chức năng hoạt động” / “quy mô doanh thu” nêu trên) là không thể thực hiện được trong thực tế. Do đó, trong thực tiễn áp dụng Nghị định 132, việc tìm kiếm và lựa chọn các công ty độc lập tương đồng thường được mở rộng sang các phân ngành kinh tế có liên quan và sang các quốc gia trong khu vực (như khu vực ASEAN hoặc khu vực Châu Á – Thái Bình Dương) và lựa chọn các công ty có chức năng tổng thể tương đồng. Theo đó, quy định loại trừ hầu hết các khác biệt trọng yếu quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 14, Nghị định 132 là không thể loại trừ được và dẫn tới khó khăn cho người nộp thuế trong việc tìm kiếm công ty tương đồng và cũng tạo cơ hội cho cán bộ thuế có thể áp đặt ý kiến chủ quan tác động vào kết quả thanh tra chuyển giá.

Kiến nghị

Đề nghị Bộ Tài chính xem xét đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc lựa chọn công ty tương đồng và loại trừ các khác biệt trọng yếu nhằm giúp người nộp thuế có thể dễ dàng tuân thủ các quy định về xác định giá giao dịch liên kết.

19. Thời điểm tính thuế TNDN với thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn

Vấn đề

Điều 12.7 của Thông tư số 156/2013/TT-BTC, được sửa đổi bởi Thông tư số 151/2014/TT-BTC ("**Thông tư 156**") yêu cầu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng vốn phải được nộp trong vòng 10 ngày kể từ:

- i. ngày **cơ quan có thẩm quyền chuẩn y việc chuyển nhượng vốn** hoặc,
- ii. **ngày chuyển nhượng vốn** được thỏa thuận giữa bên mua và bên bán tại hợp đồng chuyển nhượng vốn, đối với trường hợp không phải chuẩn y việc chuyển nhượng vốn.

Điều khoản này của Thông tư 156 tương đồng với điều khoản tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ("**Thông tư 78**"), theo đó thời điểm xác định thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu vốn. Điều này có nghĩa là thuế TNDN phát sinh sau khi chuyển giao quyền sở hữu.

Như vậy, theo trường hợp (i) khi việc chuyển nhượng vốn phải được chuẩn y thì thời hạn kê khai và nộp thuế TNDN chậm nhất là ngày thứ 10 kể từ ngày được chuẩn y. Trường hợp này là trường hợp chuyển nhượng vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn ("**TNHH**"). Cụ thể, theo Luật Doanh nghiệp, quyền sở hữu vốn của một công ty TNHH được chính thức ghi nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ("**GCNĐKDN**") của công ty TNHH do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("**SKHĐT**") cấp. Do đó, sự thay đổi thành viên của một công ty TNHH yêu cầu phải sửa đổi GCNĐKDN của công ty. Theo đó, 10 ngày kể từ ngày được cấp có thẩm quyền chuẩn y việc chuyển nhượng vốn nên được hiểu là 10 ngày kể từ ngày GCNĐKDN điều chỉnh xác nhận quyền sở hữu của bên mua.

Theo trường hợp (ii) khi việc chuyển nhượng vốn không cần chuẩn y thì thời hạn kê khai và nộp thuế TNDN chậm nhất là ngày thứ 10 kể từ ngày chuyển nhượng theo hợp đồng chuyển nhượng vốn. Đây là trường hợp chuyển nhượng vốn của một công ty cổ phần ("CTCP") mà quyền sở hữu cổ phần không được ghi nhận trong GCNĐKDN của CTCP đó mà ở trong sổ đăng ký cổ đông. Do đó, việc thay đổi cổ đông của một CTCP sẽ không dẫn đến việc sửa đổi GCNĐKDN của công ty. Theo đó, thuế TNDN phải nộp trong vòng 10 ngày kể từ ngày chuyển nhượng được bên bán và bên mua đồng ý (thường là khi công ty mục tiêu cập nhật sổ đăng ký cổ đông và đáp ứng các điều kiện nhất định). Trong hầu hết các trường hợp, đặc biệt là các giao dịch Mua bán và Sáp nhập ("M&A") quan trọng hoặc có giá trị lớn, ngày chuyển nhượng không phải và không thể là ngày ký kết hợp đồng chuyển nhượng vốn do hai bên phải thực hiện một số nghĩa vụ theo hợp đồng để hoàn thành việc chuyển nhượng (ví dụ: thông báo trước cho bên thứ ba, chấm dứt một số hợp đồng nhất định, hoàn trả một số khoản vay, đề cử thành viên hội đồng quản trị mới, v.v.).

Tuy nhiên, trên thực tế, một số cơ quan thuế địa phương (bao gồm cơ quan thuế Thành phố Hồ Chí Minh) cho rằng thời hạn nộp thuế TNDN được tính từ ngày ký hợp đồng chuyển nhượng vốn theo trường hợp (ii) trong khi ngày chuyển nhượng quy định tại các hợp đồng chuyển nhượng vốn không phải là ngày ký kết hợp đồng.

Cách hiểu và cách tiếp cận trên của cơ quan thuế không phù hợp với quy định của cả thuế TNDN và quy định về doanh nghiệp: người nộp thuế phải nộp thuế khi chưa có thu nhập chịu thuế (thu nhập chịu thuế chỉ được coi là phát sinh khi chuyển giao quyền sở hữu, việc chuyển giao quyền sở hữu được thực hiện thông qua việc sửa đổi GCNĐKDN hoặc cập nhật sổ đăng ký cổ đông, hoặc đáp ứng các điều kiện nhất định mà bên bán và bên mua đã thỏa thuận). Cách hiểu này cũng không phù hợp với thực tiễn M&A (ngày chuyển nhượng không phải là ngày ký kết hợp đồng mà thường là vài tháng sau ngày ký). Do đó, các bên tham gia giao dịch M&A gặp rất nhiều khó khăn trong việc đáp ứng yêu cầu này của cơ quan thuế.

Cụ thể, trong trường hợp xấu nhất là giao dịch không thể thực hiện được sau ngày ký kết (ví dụ một bên bỏ đi, một trong các bên vi phạm thỏa thuận chuyển nhượng, v.v.), tức là không chuyển giao quyền sở hữu vốn, cả người nộp thuế và cơ quan thuế đều gặp khó khăn nếu đã nộp thuế vào ngày ký hợp đồng (không có hướng dẫn về cách yêu cầu hoàn thuế trong trường hợp này).

Kiến nghị

Cơ quan thuế cần thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, không tính thời hạn nộp thuế kể từ ngày ký mà tính từ ngày chuyển nhượng. Để tránh việc cơ quan thuế địa phương giải thích tùy nghi, Bộ Tài Chính có thể xem xét ban hành văn bản hướng dẫn cơ quan thuế địa phương cụ thể về vấn đề này.

20. Lệ phí trước bạ

Vấn đề

Để tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất và kinh doanh, thúc đẩy giải ngân, đầu tư công và đảm bảo an sinh xã hội trong bối cảnh đại dịch COVID-19, Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt "giảm 50% lệ phí trước bạ khi đăng ký ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước tới hết năm 2020 nhằm kích thích tiêu dùng trong nước". Hiện tại, người mua xe ô tô dưới 9 chỗ tại Việt Nam phải chịu lệ phí trước bạ 10%, và 12% cho xe đăng ký lần đầu tại Hà Nội. Với quyết định giảm lệ phí trước bạ của Thủ tướng Chính phủ, người mua ô tô sản xuất và lắp ráp trong nước sẽ chỉ phải trả một khoản phí 5-6%. Những người mua ô tô nhập khẩu từ nước ngoài vẫn phải nộp lệ phí trước bạ 10-12% tùy theo từng địa phương. Như vậy, trong số các công ty liên doanh ô tô trong nước, chỉ có hai thương hiệu châu Âu - Mercedes và Peugeot - trong số 19 thương hiệu xe nhập khẩu tại Việt Nam nhận được hỗ trợ đối với các mẫu xe lắp ráp trong nước của họ.

Kích thích tiêu thụ trên thị trường ô tô là việc làm cần thiết trong bối cảnh khách hàng đang phải cố gắng để duy trì hoạt động và cần nhiều thời gian để khôi phục chuỗi cung ứng từ tình trạng gián đoạn. Việc ưu tiên sản phẩm sản xuất trong nước như một biện pháp tạm thời để vượt qua khủng hoảng trong nước là không phù hợp trong thời điểm đại dịch COVID-19 rõ ràng là một cuộc khủng hoảng đối với tất cả các doanh nghiệp với quy mô toàn cầu.

Kiến nghị

Chúng tôi đề nghị xóa bỏ sự phân biệt khi áp dụng giảm thuế, thay vì chỉ áp dụng giảm 50% lệ phí trước bạ cho xe lắp ráp trong nước thì áp dụng cho tất cả doanh nghiệp nhập khẩu, lắp ráp và phân phối ô tô mới. Ngoài ra, chúng tôi khuyến nghị giảm 50% thuế GTGT và lệ phí trước bạ.

21. Kế khai phần thu nhập phát sinh tại Việt Nam đối với người nước ngoài sang Việt Nam công tác ngắn ngày

Vấn đề

Theo quy định hiện hành, có thể hiểu rằng, người nước ngoài sang Việt Nam công tác dù chỉ 01 ngày cũng có nghĩa vụ kê khai thuế TNCN tại Việt Nam trên phần thu nhập phát sinh tại Việt Nam nhưng nhận được từ nước ngoài. Quy định khắt khe này khiến trên thực tế cá nhân khó có thể hoàn toàn tuân thủ, đặc biệt trong trường hợp cá nhân chỉ sang Việt Nam làm việc vài ngày.

Trên thế giới, nhiều quốc gia đã quy định một số trường hợp mà cá nhân nước ngoài được miễn trừ nghĩa vụ kê khai thuế TNCN, nếu có mặt hoặc có thu nhập phát sinh tại nước đó dưới ngưỡng quy định, ví dụ:

- Hoa Kỳ: có mặt tại Mỹ không quá 90 ngày/năm tính thuế hoặc có thu nhập phát sinh tại Mỹ không quá 3.000 Đô la Mỹ/năm
- Ấn Độ: có mặt tại Ấn Độ không quá 90 ngày/năm
- Malaysia, Singapore: có mặt tại các nước này không quá 60 ngày/năm

Ngoài ra, luật lao động cũng có quy định về việc miễn giấy phép lao động cho người nước ngoài sang Việt Nam làm việc dưới 30 ngày/lần hoặc không quá 90 ngày/năm.

Kiến nghị

Chúng tôi kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét và cân nhắc đưa ra quy định về việc cá nhân nước ngoài sang công tác ngắn ngày tại Việt Nam không phải kê khai thuế TNCN tại Việt Nam trên phần thu nhập phát sinh tại Việt Nam nhưng nhận tại nước ngoài nếu thỏa mãn một số điều kiện về số ngày có mặt tại Việt Nam để phù hợp với thông lệ quốc tế, thống nhất giữa quy định thuế và lao động, cũng như tạo điều kiện để việc tuân thủ quy định thuế trở nên khả thi với người nộp thuế.

22. Thay đổi cách giải thích quy định pháp luật về phạm vi hoạt động được phép của doanh nghiệp bảo hiểm và việc khấu trừ các chi phí liên quan

Vấn đề

Theo thông lệ phổ biến và lâu đời của ngành kinh doanh bảo hiểm, nhằm thúc đẩy mô hình đại lý theo cấp bậc, một đại lý cá nhân ngoài việc bán các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cho khách hàng còn thực hiện các hoạt động giới thiệu tuyển dụng và phát triển đội ngũ nhất định. Cụ thể, các đại lý cấp cao sẽ tìm kiếm các ứng viên đại lý tiềm năng và thực hiện giới thiệu tuyển dụng, đào tạo, chia sẻ kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm và sự nhạy bén trong ngành, đồng thời hỗ trợ các đại lý mới chuyên nghiệp hóa dịch vụ khách hàng, trang bị và nâng cao kỹ năng bán hàng, giải quyết các yêu cầu bồi thường cho khách hàng và hỗ trợ tương tác với công ty bảo hiểm.

Gần đây, Cục Quản Lý, Giám Sát Bảo Hiểm áp đặt quan điểm mới đối với các hoạt động đại lý trong mô hình kinh doanh lâu năm của công ty bảo hiểm, theo đó không công nhận là các hoạt động một đại lý thực hiện trong mô hình đại lý cấp bậc là hoạt động đại lý theo quy định pháp luật.

Điều 85 Luật Kinh Doanh Bảo Hiểm số 24/2000/QH10 được Quốc Hội ban hành ngày 9 tháng 12 năm 2000 liệt kê các hoạt động đại lý bảo hiểm sau đây:

- i. Giới thiệu, chào bán bảo hiểm;
- ii. Thu xếp việc giao kết hợp đồng bảo hiểm;
- iii. Thu phí bảo hiểm;
- iv. Thu xếp giải quyết bồi thường, trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm;
- v. Thực hiện các hoạt động khác có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng bảo hiểm.

Điều 69 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP, sửa đổi bởi Nghị định số 80/2019/NĐ-CP ("**Nghị định 73**"), liệt kê các khoản chi liên quan đến hoạt động đại lý của doanh nghiệp bảo hiểm bao gồm:

- a. Chi hoa hồng bảo hiểm
- b. Chi quản lý đại lý bảo hiểm bao gồm chi đào tạo ban đầu và thi cấp chứng chỉ đại lý, chi đào tạo nâng cao kiến thức cho đại lý, chi tuyển dụng đại lý, chi khen thưởng đại lý và chi hỗ trợ đại lý; và
- c. Các khoản chi phí khác theo quy định pháp luật.

Tất cả chi phí cho hoạt động giới thiệu tuyển dụng nằm trong phạm vi *các hoạt động khác có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng bảo hiểm* được quy định tại Điều 85 của Luật Kinh Doanh Bảo Hiểm và các chi phí phát sinh cho các hoạt động này được điều chỉnh bởi Điều 69 Nghị định 73.

Kiến nghị

Sự thay đổi đột ngột và không báo trước này là không phù hợp với thông lệ thị trường đã được thiết lập bởi các doanh nghiệp bảo hiểm chủ chốt tại Việt Nam và thông lệ quốc tế và do đó sẽ gây ra tác động nghiêm trọng đến các công ty bảo hiểm nhân thọ. Mô hình đại lý theo cấp bậc được công nhận rộng rãi là mô hình kinh doanh hiệu quả nhất về chi phí cũng như chất lượng theo thông lệ quốc tế trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm. Việc không cho phép khấu trừ các chi phí liên quan đến mô hình này buộc các công ty kinh doanh bảo hiểm phải áp dụng các phương án tốn kém hơn và kém hiệu quả hơn để thực hiện các hoạt động thiết yếu như tuyển dụng, đào tạo và dịch vụ khách hàng.

Do đó, các nhà xây dựng luật nên có cái nhìn rộng hơn để công nhận mô hình kinh doanh này và áp dụng pháp luật một cách nhất quán, theo đó chấp nhận tất cả các chi phí liên quan là chi phí hợp lý và hợp pháp cho mục đích tính thuế TNDN.

23. Chi phí hỗ trợ đại lý bảo hiểm trả cho ngân hàng không được xem là chi phí được trừ

Vấn đề

Theo mô hình "hợp tác giữa công ty bảo hiểm và ngân hàng", công ty bảo hiểm tận dụng được mạng lưới và cơ sở dữ liệu khách hàng sẵn có của ngân hàng để cung cấp sản phẩm bảo hiểm đến khách hàng. Trên cơ sở đó, khi ngân hàng và công ty bảo hiểm hợp tác kinh doanh, công ty bảo hiểm chi trả phí hỗ trợ trước cho ngân hàng là để đổi lại công ty bảo hiểm được tiếp cận cơ sở vật chất sẵn có, dữ liệu khách hàng sẵn có của ngân hàng và sử dụng cơ sở vật chất, mạng lưới địa lý, uy tín thương hiệu và các nguồn lực trong việc phân phối sản phẩm bảo hiểm.

Cục QLBH gần đây không cho phép khấu trừ các chi phí liên quan đến các hợp đồng phân phối sản phẩm bảo hiểm thông qua ngân hàng, điều này đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mô hình kinh doanh phổ biến trong ngành bảo hiểm.

Điều 7.2 Thông tư liên tịch số 86/2014/TTLT-BTC-NHNNVN của Bộ Tài Chính và Ngân hàng Nhà nước quy định như sau:

"Ngoài hoa hồng bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ được chi trả chi phí quản lý đại lý và các chi phí khác theo quy định pháp luật và được thỏa thuận tại hợp đồng đại lý bảo hiểm."

Phí hỗ trợ mà doanh nghiệp bảo hiểm chi trả cho ngân hàng nên được cho phép theo quy định tại Thông tư liên tịch 86 này.

Kiến nghị

Phí trả trước cho các ngân hàng là một thông lệ rất phổ biến trong các thỏa thuận hợp tác phân phối sản phẩm bảo hiểm qua ngân hàng của ngành bảo hiểm, không chỉ ở Việt Nam mà còn ở các thị trường khác ở Châu Á. Các công ty bảo hiểm đạt được các lợi thế trước mắt và về lâu dài từ sự hợp tác kinh doanh bảo hiểm giữa ngân hàng và công ty bảo hiểm, là một trong những nhân tố quan trọng quyết định tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của công ty bảo hiểm. Vì vậy, chi phí tương ứng nên được tính vào chi phí được trừ cho mục đích thuế TNDN.

IV. CÁC VẤN ĐỀ CỦA NHÓM CÔNG TÁC NGÂN HÀNG

24. Áp dụng thu thuế VAT trên dịch vụ L/C

Vấn đề

Từ trước đến nay, tất cả các ngân hàng thương mại tại Việt Nam đều áp dụng thống nhất đối với các khoản thu về phát hành và xử lý chứng từ L/C là thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Căn cứ pháp lý của việc áp dụng thuế GTGT như sau:

- Theo tất cả các thông tư hướng dẫn thuế GTGT qua từng thời kỳ từ năm 2009 đến nay do Bộ Tài Chính ban hành¹ đều nêu rõ “*bảo lãnh thanh toán*” là một hình thức dịch vụ cấp tín dụng thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.
- Theo Công văn số 11754/BTC-CST ngày 06/9/2010 của Bộ Tài Chính gửi Cục thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn về thuế GTGT đối với các khoản thu dịch vụ cấp tín dụng có bao gồm chi tiết:

Thư tín dụng (L/C): Thư tín dụng (L/C) là một phương thức bảo lãnh thanh toán quốc tế, thực chất là một cam kết thanh toán của ngân hàng phát hành (ngân hàng phục vụ người mua), bảo đảm là người mua sẽ thanh toán tiền mua hàng hoá cho người bán khi các Điều kiện quy định trong thư tín dụng được thực hiện đúng và đầy đủ. Nếu người mua không thanh toán đúng hạn, ngân hàng phát hành thực hiện cho vay bắt buộc đối với người mua để thanh toán cho người bán. Vì vậy, các Khoản thu về phát hành, xác nhận, thông báo thư tín dụng là Khoản thu bảo lãnh thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Tuy nhiên, trong các đợt thanh tra/ kiểm tra thuế do Tổng Cục Thuế và Kiểm toán Nhà nước tiến hành từ năm 2018 trở lại đây tại các ngân hàng (một trong số đó là HSBC Việt Nam), các cơ quan chức năng đã có quan điểm khác nhau và sau một thời gian nghiên cứu xem xét họ đã áp thuế suất GTGT 10% đối với toàn bộ các sản phẩm L/C của ngân hàng và truy thu thuế, xử lý phạt vi phạm hành chính và tính tiền chậm nộp tiền thuế liên quan.

Dựa trên kết luận thanh tra tại các ngân hàng, chúng tôi hiểu căn cứ pháp lý mà các cơ quan chức năng đã diễn giải và kết luận về áp dụng thuế GTGT 10% đối với dịch vụ L/C kể từ ngày 01/01/2011 theo Khoản 15, Khoản 18, Điều 4, và Điều 98, Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 do Quốc hội ban hành (**có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2011**) (“Luật các tổ chức tín dụng 2010”).

Công Văn 1606/TCT-DNL ngày 22 tháng 4 năm 2020 gửi các Cục Thuế trên cả nước cho rằng L/C chỉ đơn thuần là một phương tiện thanh toán qua tài khoản hệ thống ngân hàng không có tính

¹ Bao gồm: Thông tư 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 (áp dụng từ ngày 18/1/2009 đến ngày 29/2/2012, Thông tư 06/2012/TT-BTC ngày 11/01/2012 (áp dụng từ ngày 01/3/2012 đến 31/12/2013), Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 (sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 151/2014/TT-BTC và Thông tư 26/2015/TT-BTC - áp dụng từ ngày 01/01/2014 cho đến nay)

chất bảo lãnh tín dụng hay cung cấp tín dụng nên phải chịu thuế GTGT và yêu cầu rà soát việc thu thuế GTGT tại các ngân hàng ở các địa phương đối với hoạt động cung cấp dịch vụ thư tín dụng.

Nhóm Công tác Ngân hàng cho rằng việc diễn giải của các cơ quan chức năng cho rằng tất cả các hình thức L/C (bao gồm hình thức khách hàng ký quỹ hoặc không ký quỹ) đều chỉ là hình thức “*cung ứng dịch vụ thanh toán*” để áp dụng thuộc đối tượng chịu thuế GTGT; thay vì nhìn nhận chi tiết vào bản chất của từng giao dịch để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng của từng sản phẩm và coi đây là hình thức “*bảo lãnh ngân hàng*” – một hình thức cấp tín dụng và là đối tượng không chịu thuế GTGT. Diễn giải này của Cơ quan chức năng không hoàn toàn phù hợp và chưa phản ánh một cách đầy đủ và đúng nhất về bản chất của dịch vụ L/C theo thông lệ hoạt động ngân hàng cũng như tinh thần của Luật các Tổ chức Tín dụng 2010. Liên quan đến vấn đề này, Nhóm Công tác Ngân hàng có các luận điểm như sau:

- ***L/C không phải là dịch vụ thanh toán ngân hàng thuần túy mà còn bao gồm hoạt động cung cấp tín dụng thông qua việc cam kết phát hành dưới hình thức thư tín dụng chứng từ.***
- ***Theo Thông tư 22/2017/TT-NHNN, cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng (L/C) được hạch toán kế toán vào tài khoản kế toán tương đương với các tài khoản kế toán ghi nhận đối với các cam kết khác, bao gồm cam kết bảo lãnh.***
- ***Việc thay đổi cách diễn giải áp dụng thuế GTGT hồi tố sau gần 10 năm sẽ gây thiệt hại cho toàn ngành ngân hàng và doanh nghiệp xuất nhập khẩu là không hợp lý và không phù hợp trong tình hình hiện tại***

Kiến nghị

- Không áp dụng thuế GTGT đối với các loại hình thư tín dụng có tính chất cung cấp tín dụng hay bảo lãnh ngân hàng đúng với tinh thần của Luật các tổ chức tín dụng 2010, Luật Thuế GTGT và các văn bản pháp quy hướng dẫn thi hành những Luật này.
- Nếu thay đổi cách áp dụng thuế GTGT đối với thư tín dụng có tính chất cung cấp tín dụng hay bảo lãnh ngân hàng thì cũng chỉ nên áp dụng từ giờ trở đi và không truy thu, phạt hành chính, tính lãi chậm nộp thuế. Tuy nhiên để làm điều này chúng tôi cho rằng Luật các tổ chức tín dụng, các văn bản hướng dẫn và Luật thuế GTGT cần phải được sửa đổi lại.

25. Luật quản lý thuế

Vấn đề: Việc khấu trừ và nộp thuế của cá nhân ở nước ngoài có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử có phát sinh thu nhập từ Việt Nam

Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14, Khoản 3 Điều 27 - Nhiệm vụ, quyền hạn của ngân hàng thương mại (“NHTM”) quy định:

“3. Khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế phải nộp theo quy định pháp luật về thuế của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử có phát sinh thu nhập từ Việt Nam”.

Nghị định 126/2020/NĐ-CP quy định một số điều của Luật Quản lý thuế quy định cụ thể hơn về nhiệm vụ, quyền hạn của Ngân hàng Thương mại (“NHTM”), Tổ chức Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán tại Khoản 3, Điều 30.

Với quy định hiện tại thì ngân hàng gặp nhiều khó khăn, vướng mắc nếu phải thực hiện xác định và khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế phải nộp của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử có phát sinh thu nhập từ Việt Nam, cụ thể:

- Một phần của hoạt động thương mại có thể được các bên thực hiện bằng phương tiện điện tử (ví dụ: các bên có thể đặt hàng hoặc giao dịch qua Internet, email, thanh toán bằng thẻ, bằng

ứng dụng thanh toán, ...); việc giao hàng/cung ứng dịch vụ có thể thực hiện tại Việt Nam hoặc tại nước ngoài., Do đó, ngân hàng không thể xác định được các giao dịch nêu trên có thuộc **trường hợp phải chịu thuế hay không**. Hơn nữa, cũng không thể xác định hàng hóa/dịch vụ được **cung cấp và tiêu dùng tại Việt Nam hay ngoài Việt Nam**, không thể xác định giao dịch nào phục vụ kinh doanh, giao dịch nào phục vụ nhu cầu tiêu dùng (Đối với các giao dịch phục vụ mục đích kinh doanh đã có các chủ thể chịu trách nhiệm kê khai thuế rồi, nếu ngân hàng thực hiện lần nữa sẽ là thu hai lần thuế), giao dịch không thể thực hiện được nếu ngân hàng khấu trừ thuế vì khi đó, số tiền thanh toán thực tế sẽ nhỏ hơn số tiền được yêu cầu thanh toán → không thể tiến hành thanh toán.

- Việc áp dụng quy định này sẽ phát sinh thêm chi phí quản lý cho phía Ngân hàng thương mại (“NHTM”) do số lượng giao dịch rất lớn :

Qua tham khảo một số quy định hướng dẫn về xử lý thuế đối với các giao dịch thương mại điện tử của Ủy Ban Châu Âu, chúng tôi được biết rằng các quốc gia Châu Âu không yêu cầu Ngân hàng thương mại khấu trừ thuế đối với các giao dịch này. Thay vào đó, tùy vào bản chất giao dịch/thỏa thuận trong hợp đồng, các chủ sở hữu của các nội dung điện tử (content owner) hay các tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian (intermediary) là đối tượng có trách nhiệm đăng ký, kê khai, nộp thuế trực tiếp cho cơ quan thuế.

Kiến nghị

Kiến nghị Chính phủ, Bộ Tài Chính, Tổng Cục Thuế, và Ngân hàng Nhà nước xem xét và hướng dẫn chi tiết để các NHTM có thể thực hiện quy định tại Khoản 3 Điều 30 Nghị định 126 trên cơ sở tránh bị chông chéo trong việc kê khai và nộp thuế của những đối tượng có nghĩa vụ (bên Việt Nam mua hàng, ngân hàng thanh toán, tổ chức/cá nhân nước ngoài), tránh thu thuế 2 lần cho 1 giao dịch, phù hợp với thực tiễn, thông lệ quốc tế, đồng thời tránh việc các ngân hàng thương mại phải thực hiện các hoạt động tính, khấu trừ thuế và chịu các trách nhiệm ngoài phạm vi hoạt động của ngân hàng, tránh các tranh chấp, rủi ro phát sinh cho các ngân hàng thương mại. Theo đó, chúng tôi kiến nghị các quý cơ quan có quy định hướng dẫn là trách nhiệm nộp thuế do các bên trong giao dịch mua, bán hàng hóa thực hiện, việc khấu trừ, nộp thay nếu có chỉ được ngân hàng thương mại thực hiện theo yêu cầu của cơ quan thuế hoặc theo ủy quyền/yêu cầu của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử có phát sinh thu nhập từ Việt Nam đối với từng trường hợp và số tiền thuế phải nộp cụ thể.

Bộ Tài Chính, Ngân hàng Nhà nước xem xét và có hướng dẫn cụ thể đối với các nội dung và công việc liên quan khác, bao gồm việc hoàn thuế đối với trường hợp giao dịch bị giả mạo.

26. Hóa đơn điện tử

Vấn đề 1: Chuyển Dữ Liệu Hóa Đơn Điện Tử Trực Tiếp Đến Cơ Quan Thuế

Nghị định 123/2020 có quy định về việc chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đã lập đến Cơ quan Thuế thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng Cục thuế. Việc chuyển đổi dữ liệu có thể chuyển trực tiếp hoặc gửi qua Tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử (sau đây gọi tắt là T-VAN), cụ thể như sau:

“b) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế thực hiện chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế theo định dạng dữ liệu theo quy định tại Điều 12 Nghị định này và hướng dẫn của Tổng cục Thuế bằng hình thức gửi trực tiếp (đối với trường hợp đáp ứng yêu cầu về chuẩn kết nối dữ liệu) hoặc gửi thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử.

b.1) Hình thức gửi trực tiếp

- Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế sử dụng hóa đơn số lượng lớn, có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu về định dạng chuẩn dữ liệu và quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định này, có nhu cầu chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo hình thức gửi trực tiếp đến cơ quan thuế gửi văn bản kèm theo tài liệu chứng minh điều kiện đáp ứng đến Tổng cục Thuế.

- Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế có tổ chức mô hình Công ty mẹ - con, có xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu hóa đơn tập trung tại Công ty mẹ và có nhu cầu Công ty mẹ chuyển toàn bộ dữ liệu hóa đơn điện tử bao gồm cả dữ liệu của các công ty con đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế thì gửi kèm theo danh sách công ty con đến Tổng cục Thuế để thực hiện kết nối kỹ thuật.

b.2) Hình thức gửi thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử

Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế không thuộc trường hợp nêu tại điểm a khoản này thực hiện ký hợp đồng với tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử để tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử làm dịch vụ chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế. Căn cứ hợp đồng được ký kết, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế có trách nhiệm chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử cho tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử để tổ chức này gửi tiếp đến cơ quan thuế.”

Với đặc thù của ngành ngân hàng, các NHTM nói chung và đặc biệt là khối ngân hàng nước ngoài nói riêng rất coi trọng và có những yêu cầu rất chặt chẽ và nghiêm ngặt từ phía Ngân hàng mẹ và cả Tập đoàn về vấn đề bảo mật thông tin. Để có thể chuyển thông tin hoặc dữ liệu ra bên ngoài hệ thống của ngân hàng cho một bên thứ ba không phải là các cơ quan quản lý nhà nước (cơ quan Thuế), Ngân hàng sẽ phải tiến hành rất nhiều các quy trình và thủ tục nội bộ phức tạp để kiểm tra xem bên thứ ba này có đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu khắt khe chủ yếu về hệ thống cơ sở hạ tầng và bảo mật thông tin như: kiểm soát đăng nhập truy cập dữ liệu; rò rỉ thông tin khách hàng và các thông tin bảo mật khác; quản lý, lưu trữ, sắp xếp thông tin dữ liệu; bảo quản và sao lưu dữ liệu trong các trường hợp hệ thống hạ tầng bị hỏng, có sự thay đổi hoặc các trường hợp bất khả kháng khác;..... Quá trình xét duyệt này bao gồm nhiều quy trình, sẽ mất rất nhiều thời gian và cũng không đảm bảo các tổ chức T-VAN của Việt Nam sẽ được thông qua và xét duyệt theo các tiêu chuẩn của Ngân hàng mẹ và Tập đoàn.

Kiến nghị

Kiến nghị quy định cụ thể cho phép ngân hàng được phép chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử trực tiếp đến cơ quan thuế để đảm bảo tính bảo mật thông tin của ngân hàng.

Vấn đề 2- Thời Điểm Lập Hóa Đơn Điện Tử

Theo Khoản 2, Điều 9, Nghị định 123/2020: “Thời điểm lập hóa đơn đối với cung cấp dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. Trường hợp người cung cấp dịch vụ có thu tiền trước hoặc trong khi cung cấp dịch vụ thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm thu tiền (không bao gồm trường hợp thu tiền đặt cọc hoặc tạm ứng để đảm bảo thực hiện hợp đồng cung cấp các dịch vụ: kế toán, kiểm toán, tư vấn tài chính, thuế; thẩm định giá; khảo sát, thiết kế kỹ thuật; tư vấn giám sát; lập dự án đầu tư xây dựng)”.

Theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP, hóa đơn dịch vụ ngân hàng có thể lập vào ngày cuối cùng của tháng phát sinh hoạt động cung cấp dịch vụ. Nghị định 119/2018 và Nghị định 123/2020 chưa có quy định cụ thể về thời điểm lập hóa đơn điện tử cho một số ngành nghề đặc thù như cung cấp dịch vụ ngân hàng.

Do đặc thù ngành ngân hàng có số lượng giao dịch và số lượng khách hàng là tổ chức (bao gồm tổ chức trong nước và quốc tế) và cá nhân rất lớn, việc xuất hóa đơn dịch vụ ngân hàng cho từng giao dịch sẽ gây mất thời gian để theo dõi, ghi sổ, truyền gửi cũng như kê khai thuế trong khi dữ

liệu về dịch vụ ngân hàng rất minh bạch, luôn có sẵn và có thể dễ dàng kết xuất và tổng hợp theo tháng cho từng khách hàng.

Kiến nghị

- Ngân hàng được phép xuất hóa đơn điện tử chậm nhất theo định kỳ hàng tháng.
- Trường hợp khách hàng không có nhu cầu nhận hóa đơn điện tử (bao gồm hóa đơn của doanh nghiệp và cá nhân), Ngân hàng đảm bảo xuất hóa đơn lưu nội bộ phản ánh đúng doanh thu ghi nhận kế toán. Khi có yêu cầu xác minh của cơ quan thuế, Ngân hàng chịu trách nhiệm xuất trình đầy đủ dữ liệu hệ thống và chứng từ chứng minh cho các doanh thu xuất hóa đơn.

Vấn đề 3: Hướng Dẫn Cụ Thể Về Phát Hành Hóa Đơn Cho Các Sản Phẩm Đặc Thù Của Ngân Hàng

Các quy định về hóa đơn bán hàng và cung cấp dịch vụ hiện hành chưa có quy định chi tiết cho một số các sản phẩm đặc thù của ngành ngân hàng trong khi các sản phẩm này tương đối khó tham chiếu tới các quy định hiện hành về hóa đơn, do đó các ngân hàng còn lúng túng và chưa thống nhất trong việc phát hành hóa đơn cho một số sản phẩm.

- **Hoạt động kinh doanh ngoại tệ** của NHTM bao gồm hoạt động mua ngoại tệ và hoạt động bán ngoại tệ. Thông thường các NHTM sẽ chỉ phát hành hóa đơn cho hoạt động bán ngoại tệ, số tiền trên hóa đơn là số tiền VND thu về từ bán ngoại tệ. Ngoài ra có ngân hàng thể hiện cả số tham chiếu giao dịch, số tiền bằng ngoại tệ, loại ngoại tệ bán và tỷ giá trên phần nội dung hàng hóa dịch vụ.
- **Hoạt động tài chính phái sinh** phổ biến của các NHTM bao gồm:
 - Giao dịch hoán đổi lãi suất một đồng tiền (Interest Rate Swap): Ngân hàng giao kết hợp đồng phái sinh lãi suất với khách hàng, trong đó các bên thỏa thuận định kỳ thanh toán cho nhau khoản tiền lãi bằng cùng một đồng tiền (đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ) tính theo lãi suất được nhận và phải trả đã thỏa thuận (lãi suất cố định hoặc thả nổi) trên cùng giá trị khoản vốn danh nghĩa.
 - Giao dịch hoán đổi lãi suất giữa hai đồng tiền (Cross Currency Swap): Ngân hàng giao kết hợp đồng phái sinh lãi suất với khách hàng, trong đó các bên thỏa thuận định kỳ thanh toán cho nhau khoản tiền lãi bằng hai đồng tiền khác nhau tính trên giá trị khoản vốn danh nghĩa; việc trao đổi hoặc không trao đổi giá trị khoản vốn danh nghĩa do hai bên thỏa thuận, trường hợp có trao đổi giá trị khoản vốn danh nghĩa ban đầu hoặc từng phần trong kỳ hoặc cuối cùng thì áp dụng theo tỷ giá cố định được thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tỷ giá tại thời điểm hai bên ký kết hợp đồng phái sinh lãi suất.
 - Giao dịch quyền chọn lãi suất giới hạn trần/sàn/kết hợp trần-sàn (Interest Rate Option – Cap/Floor/Collar): Ngân hàng giao kết hợp đồng phái sinh lãi suất với khách hàng, trong đó ngân hàng bán cho khách hàng quyền (không phải nghĩa vụ bắt buộc) được mua mức lãi suất giới hạn trần/sàn/kết hợp trần-sàn trên giá trị khoản vốn danh nghĩa tại thời điểm trước ngày đến hạn hoặc vào ngày đến hạn của hợp đồng phái sinh lãi suất nhằm phòng ngừa, hạn chế rủi ro lãi suất biến động tăng/giảm/cả hai. Trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng, khi lãi suất tham chiếu biến động tăng và cao hơn mức lãi suất giới hạn trần (hoặc giảm và thấp hơn mức lãi suất giới hạn sàn), nếu có yêu cầu của khách hàng, ngân hàng phải thực hiện thanh toán cho khách hàng khoản tiền lãi được tính trên cơ sở chênh lệch giữa lãi suất tham chiếu với mức lãi suất giới hạn trần/ sàn và giá trị khoản vốn danh

nghĩa; trường hợp lãi suất tham chiếu thấp hơn mức lãi suất giới hạn trần/ cao hơn mức lãi suất giới hạn sàn/ biến động nhưng vẫn nằm trong khoảng giới hạn giữa mức lãi suất giới hạn trần và mức lãi suất giới hạn sàn, thì không phát sinh việc thanh toán giữa ngân hàng với khách hàng về chênh lệch giữa lãi tham chiếu và lãi suất giới hạn trần/ sàn. Khách hàng phải trả phí cho ngân hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng phái sinh lãi suất để mua quyền chọn lãi suất; khoản phí này có thể thanh toán một lần vào ngày giao dịch hoặc nhiều lần theo thỏa thuận tại hợp đồng phái sinh lãi suất.

- Giao dịch hoán đổi giá hàng hóa (Commodity Swap): Ngân hàng và khách hàng thỏa thuận đồng thời mua và bán cùng một loại hàng hóa cơ sở, khối lượng danh nghĩa hàng hóa cơ sở và thời điểm xác định trong thời hạn hợp đồng hoán đổi giá cả hàng hóa còn hiệu lực; theo đó, một bên sẽ mua theo mức giá cố định, đồng thời bán theo giá tham chiếu và bên còn lại sẽ bán theo mức giá cố định, đồng thời mua theo giá tham chiếu vào thời điểm xác định trong thời hạn hợp đồng hoán đổi giá cả hàng hóa còn hiệu lực; việc thanh toán giữa ngân hàng và khách hàng được thực hiện trên cơ sở phần chênh lệch mức giá cố định với giá tham chiếu và khối lượng danh nghĩa hàng hóa cơ sở.

Hiện nay, do không có quy định hướng dẫn cụ thể về hóa đơn đối với các giao dịch này, việc phát hành hóa đơn cho giao dịch phái sinh của các ngân hàng chưa được thống nhất. Ví dụ cho hợp đồng hoán đổi lãi suất một đồng tiền IRS, tại ngày thanh toán định kỳ, căn cứ vào hợp đồng của từng giao dịch, ngân hàng sẽ tính toán và xác định số tiền được nhận và phải trả tính theo lãi suất được nhận và phải trả đã thỏa thuận trên cùng giá trị khoản vốn danh nghĩa. Số tiền thanh toán lãi/lỗ ròng (Net settlement amount) thực tế mà ngân hàng được nhận (hoặc phải trả) là số bù trừ giữa số tiền được nhận và phải trả bên trên. Thực tế có ngân hàng chỉ phát hành hóa đơn khi số tiền thanh toán lãi/lỗ ròng xác định tại ngày thanh toán định kỳ là số tiền ngân hàng được nhận về (số tiền nhận về > số tiền phải trả) trong khi có ngân hàng phát hành hóa đơn cho số tiền nhận về theo tính toán mặc dù số tiền thanh toán lãi/lỗ ròng thực tế xác định tại ngày thanh toán định kỳ có thể là số tiền ngân hàng phải trả.

Kiến nghị

Các sản phẩm của ngân hàng như hoạt động kinh doanh ngoại tệ, hoạt động phái sinh có nghiệp vụ khá phức tạp và đặc thù tuy nhiên đều có các chứng từ giao dịch được quy định chặt chẽ bởi Ngân hàng Nhà nước đảm bảo các yếu tố xác định giao dịch và có số tham chiếu duy nhất từ hệ thống. Ngoài ra các sản phẩm này đều thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định hiện hành về thuế GTGT. Do đó, chúng tôi rất mong Bộ Tài chính cho phép các NHTM không cần phát hành hóa đơn điện tử cho các sản phẩm này, thay vào đó sẽ sử dụng hệ thống chứng từ giao dịch được quy định bởi Ngân hàng Nhà nước cùng với các chứng từ giao dịch cụ thể của từng ngân hàng như “Hợp đồng/Xác nhận giao dịch”, “Thông báo ấn định lãi suất”, v.v.

Trong trường hợp các quy định về hóa đơn điện tử bao gồm cả những giao dịch đặc thù nêu trên, chúng tôi kính đề xuất Bộ Tài Chính ban hành bổ sung hướng dẫn cụ thể về việc phát hành hóa đơn điện tử cho các sản phẩm đặc thù của ngân hàng để áp dụng thống nhất chung cho các NHTM.

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC DU LỊCH

THÁCH THỨC VÀ CƠ HỘI TRONG BỐI CẢNH BÌNH THƯỜNG MỚI

Đại dịch Covid-19 gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến lĩnh vực Du lịch và Khách sạn tại Việt Nam. Tuy nhiên, tất cả các bên liên quan đều đánh giá cao những nỗ lực của Chính phủ nhằm đảm bảo an toàn cho người dân và hạn chế sự lây lan của dịch bệnh trong cộng đồng, qua đó giúp Việt Nam hạn chế số ca tử vong và kiểm soát được dịch bệnh.

Theo Tổng Cục Thống kê (“GSO”), doanh thu ngành du lịch lữ hành của Việt Nam trong 7 tháng đầu năm ước đạt 11,1 nghìn tỷ đồng (479 triệu USD), giảm 55,4% so với cùng kỳ năm trước. Theo báo cáo của Tổng Cục Du lịch, lượng khách du lịch nội địa đã giảm gần 50% xuống còn 23 triệu lượt trong 6 tháng đầu năm. Số liệu từ Tổng Cục Thống kê cho thấy, “Việt Nam đón khoảng 3,8 triệu lượt khách quốc tế trong 7 tháng đầu năm, giảm 61,6% so với cùng kỳ năm trước”. Trong bối cảnh Việt Nam chưa mở cửa biên giới, số lượng du khách nước ngoài khó có thể vượt quá 4 triệu lượt, nghĩa là giảm gần 80% trong năm nay.

Nhiều doanh nghiệp du lịch đã buộc phải đóng cửa và nhiều khách sạn đã tự rao bán. Rất nhiều nhân viên đã bị sa thải hoặc nghỉ việc tạm thời. Nhiều công ty du lịch trên thị trường chứng khoán cũng ghi nhận doanh thu quý II sụt giảm 70-80% so với cùng kỳ năm ngoái, dẫn đến lợi nhuận giảm mạnh hoặc trong tình trạng thua lỗ lớn như Sheraton Đà Nẵng, Vietravel và Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen (“DSN”).

DSN đã công bố khoản lỗ 4,3 tỷ đồng trong quý II. Cùng quý năm ngoái, DSN ghi nhận mức lãi 42 tỷ đồng.¹ Vietravel báo cáo doanh thu đạt 206 tỷ đồng và lỗ 38 tỷ đồng trong quý 2. Lũy kế nửa đầu năm, doanh thu của doanh nghiệp du lịch này chỉ đạt 995 tỷ đồng, giảm 72% so với cùng kỳ năm 2019 và lỗ trên 76 tỷ đồng. Đây là một trong số những doanh nghiệp du lịch lữ hành lớn nhất cả nước với doanh thu chủ yếu đến từ các tour du lịch quốc tế. Năm nay, công ty dự báo doanh thu sẽ giảm gần 60% so với năm 2019. Công ty dự kiến ghi nhận lợi nhuận trước thuế âm 22 tỷ đồng, sau nhiều năm liên tiếp đạt lợi nhuận dương”.²

Các giải pháp khuyến nghị trước mắt để hỗ trợ ngành du lịch, lực lượng lao động trong ngành và giảm thiểu tác động kinh tế xã hội bao gồm:

- Chính phủ cần thiết lập quỹ hỗ trợ thông qua hệ thống ngân hàng, có thể bao gồm nguồn kinh phí từ các nhà tài trợ quốc tế, theo đó các công ty lữ hành có thể vay vốn mà không cần thực hiện biện pháp đảm bảo với số tiền bằng với khoản đóng góp Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và tiền nộp thuế của doanh nghiệp đó trong năm 2019;
- Để thực hiện cách ly tập trung bắt buộc với đối tượng là người Việt Nam, chúng tôi khuyến nghị sử dụng hệ thống khách sạn 2 sao nếu Chính phủ chi trả các chi phí cách ly, đồng thời cho phép người bị cách ly tập trung được lựa chọn các cơ sở lưu trú cao cấp hơn nếu họ tự chi trả chi phí. Tất cả người nước ngoài, khi phải thực hiện cách ly, nên được lựa chọn cách ly tại các khách sạn 3,4, hoặc 5 sao. Điều này sẽ đảm bảo đủ điều kiện và địa điểm cách ly cho cả người Việt Nam và người nước ngoài khi nhập cảnh Việt Nam.

¹ Báo VnExpress điện tử

² Báo VnExpress điện tử

- Cân nhắc cho phép các tour theo nhóm từ nước ngoài được nhập cảnh vào Việt Nam trên các chuyến bay thuê bao (tuân thủ mọi yêu cầu cách ly, bao gồm chi trả chi phí các xét nghiệm liên quan) và lưu trú tại các khách sạn “cách ly” theo chỉ định, với điều kiện họ được phép sử dụng các dịch vụ tại khách sạn đó nhưng không được rời khỏi khách sạn.

Một vấn đề quan trọng khác (không liên quan trực tiếp đến lĩnh vực du lịch lữ hành) là số lượng người nước ngoài thường trú tại Việt Nam, và/hoặc số lượng các thành viên gia đình Việt Nam hiện đang bị mắc kẹt ở nước ngoài. Nhiều doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong hoạt động khi các nhân viên chủ chốt không thể làm việc trực tiếp tại doanh nghiệp; nhiều gia đình, đặc biệt là những gia đình có trẻ nhỏ, cũng gặp nhiều khó khăn khi nhiều người không thể trở về cùng gia đình của mình. Để trở lại Việt Nam, họ phải chờ 3 đến 4 tháng để được cho phép nhập cảnh và sắp xếp chuyến bay và chúng tôi xin kính đề nghị Chính phủ hỗ trợ giải quyết vấn đề này.

Khi các quốc gia bắt đầu thảo luận về kịch bản mở cửa lại biên giới, tất cả các đối thủ cạnh tranh trong khu vực của Việt Nam sẽ cố gắng thu hút những du khách có nhiều nhu cầu đi lại và chúng ta phải xây dựng Việt Nam là một điểm đến cạnh tranh trong phạm vi có thể. Trong bối cảnh như hiện nay, có một điểm thú vị là nhiều du khách, đặc biệt là du khách châu Âu, đã bắt đầu đặt các chuyến du lịch đường dài cho năm 2021.

Từ lâu, chúng tôi luôn khuyến khích chính sách tạo thuận lợi thị thực và cho rằng đây chính là cơ hội thực sự để áp dụng chính sách thị thực thân thiện hơn với du khách, kể cả khi chính sách này chỉ thử nghiệm trong thời gian 2 năm. Chúng tôi cho rằng danh sách các quốc gia được miễn thị thực sau Covid-19 cần được mở rộng, để du lịch có thể phát huy vai trò là thành ngành mũi nhọn của nền kinh tế Việt Nam và thúc đẩy ngành du lịch Việt Nam phục hồi sau đại dịch. Chính sách thị thực nhập cảnh là một trong những công cụ của Chính phủ có tác động lớn nhất đến dòng khách du lịch quốc tế. Báo cáo của Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO) và Hội đồng Du lịch và Lữ hành thế giới (WTTC) nhấn mạnh rằng lượng khách du lịch quốc tế đã tăng từ 5% lên 25% chính là nhờ áp dụng chính sách hỗ trợ thị thực. Theo báo cáo “Tác động của chính sách tạo thuận lợi thị thực đối với tạo việc làm ở các nền kinh tế G20”, Hội đồng Du lịch & Lữ hành Thế giới cho rằng, trong bối cảnh đại dịch covid-19 và ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch đối với ngành du lịch, các chính sách thị thực có lẽ là công cụ hiệu quả nhất mà chính phủ có thể áp dụng để kích cầu du lịch tham quan Việt Nam và chúng tôi khuyến khích chính phủ khai thác công cụ này.”

Các khuyến nghị của chúng tôi bao gồm:

- Mở rộng danh sách các quốc gia được miễn thị thực sang tất cả các quốc gia EU, Australia, New Zealand, Mỹ, Canada và các quốc gia châu Á có lượng du khách lớn đến Việt Nam nhưng chưa được miễn thị thực;
- Nâng thời hạn miễn thị thực từ 15 lên 30 ngày. Giải pháp này sẽ nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành du lịch Việt Nam đối với phân khúc du lịch đường dài, bằng cách cho phép du khách lưu trú trong thời gian dài hơn để khám phá văn hóa và vẻ đẹp thiên nhiên của Việt Nam, đồng thời giúp tăng mức chi tiêu bình quân của du khách đến Việt Nam; hiện thời gian lưu trú được miễn thị thực được cắt ngắn chỉ còn 14 ngày;
- Miễn thị thực lưu trú ngắn hạn đối với khách du lịch vì mục đích công việc và các nhóm, đoàn khách đã đăng ký trước khi nhập cảnh vào Việt Nam để tham hội nghị, hội thảo, sự kiện và du lịch khen thưởng

- (MICE). Du lịch MICE là một phân khúc năng động trong lĩnh vực du lịch kết hợp hội họp toàn cầu, đồng thời là một nhân tố đóng góp quan trọng cho các phân khúc khách sạn và lữ hành liên quan. Các quy định tạo thuận lợi thị thực cho thời gian lưu trú ngắn ngày và các cơ chế riêng về nhập cảnh đối với khách du lịch MICE sẽ khiến Việt Nam trở thành một điểm đến cạnh tranh hơn và hấp dẫn hơn đối với các hiệp hội và sự kiện hội họp quy mô quốc tế.
- Cấp thị thực lưu trú dài hạn 3 tháng cho một số thị trường du lịch outbound (đưa người Việt Nam đi du lịch nước ngoài), chẳng hạn như Châu Âu, tập trung vào đối tượng là người cao tuổi có thu nhập cao, vốn thường lưu trú "trong suốt mùa đông".

Tầm quan trọng của ngành lữ hành và du lịch đối với nền kinh tế của Việt Nam là không thể phủ nhận: Lĩnh vực này tạo ra giá trị kinh tế khoảng 9,2% GDP năm 2019. Bên cạnh đó, vì mục tiêu đầy tham vọng của Chính phủ là phát triển du lịch thành một ngành mũi nhọn của nền kinh tế, cần ghi nhận sự đóng góp của ngành đối với phúc lợi kinh tế xã hội của Nhà nước và hỗ trợ ngành phát triển thông qua một kế hoạch chiến lược hiệu quả để marketing du lịch quốc tế, đặc biệt trong quá trình phục hồi sau đại dịch covid-19. Do đó, chúng tôi khuyến nghị:

- Lập Kế hoạch marketing và quảng bá tổng thể cho 24-36 tháng để chủ động hỗ trợ Việt Nam phục hồi sau đại dịch COVID-19, kèm phân bổ ngân sách. Giải pháp này cần được ưu tiên hàng đầu vì các quốc gia sẽ sớm mở lại biên giới và chúng tôi khuyến nghị cam kết tối thiểu 10 triệu đô la Mỹ -- có thể bổ sung thông qua quan hệ đối tác với khu vực tư nhân. Trong phụ lục A, chúng tôi giới thiệu tóm tắt một kế hoạch mới được áp dụng tại Thái Lan (xem phụ lục A).
- Thành lập Hội đồng Du lịch Việt Nam -- cơ quan đại diện chính thức cho Việt Nam tại các thị trường du lịch outbound và tích cực phối hợp với các công ty quản lý tour, hãng hàng không và truyền thông tại các thị trường đó, đồng thời cũng là đầu mối hỗ trợ cho các công ty du lịch coi Việt Nam là điểm đến hấp dẫn. Các ví dụ điển hình trong ASEAN bao gồm Hội đồng Du lịch Singapore (www.stb.gov.sg) hoặc Hội đồng Du lịch Thái Lan (www.thourismthailand.org);
- Phân bổ hợp lý hơn cho quỹ xúc tiến du lịch quốc gia từ ngân sách nhà nước để hỗ trợ xúc tiến du lịch;
- Tạo điều kiện phát triển quan hệ đối tác công-tư để quản lý và vận hành hiệu quả quỹ xúc tiến du lịch, nhằm mục đích đưa Việt Nam trở thành điểm đến hàng đầu trong ASEAN;
- Tập trung nỗ lực quảng bá vào các thị trường mục tiêu với số lượng khách cao và ổn định, có xu hướng lưu trú trong một thời gian dài, ghé thăm thường xuyên và chi tiêu nhiều hơn khi đi du lịch tại Việt Nam;
- Thiết lập và tăng cường các cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin giữa doanh nghiệp, hiệp hội và khu vực công liên quan đến du lịch, thường xuyên hợp tác với các nhóm, hiệp hội ngành và điều phối cơ cấu tổ chức; và
- Thiết lập cơ chế phối hợp trên toàn khu vực để tập trung và tối đa hóa hành động của các tỉnh để đạt hiệu quả hợp tác đồng bộ hơn.

Các thành viên của nhóm công tác sẵn sàng phối hợp với các đối tác liên quan để tiếp tục nghiên cứu các khuyến nghị này và hỗ trợ xây dựng các chiến lược, kế hoạch phù hợp.

PHU LUC A

BANGKOK (NNT) - Chính phủ Hoàng gia Thái Lan hôm nay đã cơ bản thông qua ba chiến dịch du lịch kéo dài 4 tháng trị giá 22,4 tỷ baht, nhằm phục hồi ngành du lịch từ tháng 7 đến tháng 10.

Chính phủ sẽ cung cấp các gói du lịch và chính sách hỗ trợ trong ba chiến dịch riêng biệt, bắt đầu với các gói du lịch cho Tình nguyện viên Y tế thôn bản và nhân viên tại các bệnh viện nâng cao sức khỏe cấp huyện để tôn vinh những nỗ lực không biết mệt mỏi của họ trong cuộc chiến với COVID-19.

Để hỗ trợ tài chính cho giải pháp này, chính phủ sẽ bố trí ngân sách du lịch 2,4 tỷ baht cho 1,2 triệu tình nguyện viên y tế và nhân viên các bệnh viện nâng cao sức khỏe, để họ có thể tham gia các chuyến du lịch 2 ngày 1 đêm hoặc lâu hơn thông qua một công ty lữ hành. Ngân sách sẽ cung cấp một khoản trợ cấp lên đến 2.000 baht cho chi phí gói tour của họ.

Trợ cấp tối đa 3.000 baht khi lưu trú khách sạn

Với người dân, chính phủ sẽ hỗ trợ 40% hoặc tối đa 3.000 baht cho thời gian lưu trú tại một khách sạn tối đa là 5 đêm.

Khi đủ điều kiện hỗ trợ, mỗi người sẽ được trợ cấp lên đến 600 baht mỗi đêm trên ứng dụng ví điện tử của chính phủ, và số tiền này có thể được sử dụng để thanh toán chi phí ăn uống hoặc dịch vụ trong chuyến đi của họ.

Chính phủ sẽ phân bổ 10,8 triệu baht ngân sách cho chiến dịch này. Để được trợ cấp, khách sạn là địa điểm lưu trú phải nằm ở một tỉnh khác với tỉnh cư trú của khách du lịch.

Hỗ trợ đi lại cho 2 triệu người

Chính phủ cũng sẽ hỗ trợ đi lại cho 2 triệu người ở mức 40% hoặc không quá 1.000 baht/người, với tổng chi phí khoảng 2 tỷ baht. Hỗ trợ này chỉ áp dụng với vé máy bay giá rẻ, dịch vụ cho thuê ô tô và dịch vụ xe khách không theo tuyến cố định.

Ngoài ra, những người được hỗ trợ từ chiến dịch trợ cấp chi phí lưu trú khách sạn cũng sẽ nhận được một vé máy bay khứ hồi với giá ưu đãi 2,5000 baht/người.

Chính phủ đã giao Ngân hàng Krungthai xây dựng một nền tảng chính để thu thập thông tin từ các khách sạn, công ty du lịch, nhà cung cấp dịch vụ vận tải, nhà hàng và các điểm du lịch, trong khi Tổng cục Du lịch Thái Lan và Bộ Du lịch và Thể thao nước này sẽ công bố thông tin chi tiết về những hỗ trợ nói trên.

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC NÔNG NGHIỆP

KHÔI PHỤC KINH DOANH; THU HÚT DÒNG ĐẦU TƯ LƯU ĐỘNG

Tôi đã tổng hợp từ rất nhiều ý kiến đóng góp của IFC Việt Nam trong báo cáo này.

Kinh doanh nông nghiệp là một trong những ưu tiên của Việt Nam, và các vấn đề về chất lượng sản phẩm, truy xuất nguồn gốc, an ninh sinh học và vệ sinh an toàn sản phẩm được đặt lên hàng đầu trong quá trình phát triển chuỗi cung ứng, bao gồm cả chuỗi lạnh. Để Việt Nam trở thành một quốc gia đi đầu trong lĩnh vực nông nghiệp, cần khắc phục, đưa ra quy định cụ thể về những vấn đề này và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế.

Lúa vẫn là cây lương thực chiếm tỷ trọng lớn nhất của Việt Nam, với 22% sản lượng nông nghiệp, và thị trường phân bón và hạt giống chủ yếu hướng đến sản xuất lúa gạo.

Tuy nhiên, Việt Nam vẫn được công nhận là quốc gia sản xuất hàng đầu về cà phê, hạt điều, tiêu đen, sắn, cao su và chè, cũng như nuôi trồng thủy sản.

Việt Nam được đánh giá là có năng suất lúa gạo, hạt điều và cà phê ở mức cao, nhưng chỉ đạt năng suất trung bình đối với các cây trồng chính khác.

Thịt lợn chiếm 71% giá trị sản xuất, sau đó là thịt gia cầm với 20%. Thức ăn chăn nuôi là chi phí chính trong chăn nuôi sản xuất thịt lợn và gia cầm; do phần lớn nguyên liệu đầu vào để sản xuất thức ăn công nghiệp đều phải nhập khẩu, giá hàng hóa quốc tế quyết định phần lớn chi phí sản xuất.

Lĩnh vực kinh doanh nông sản bao gồm chủ yếu các hộ gia đình hoặc doanh nghiệp sản xuất quy mô nhỏ. Gần 90% đất nông nghiệp thuộc quản lý của hộ gia đình hoặc trang trại, trong đó 94% trang trại hộ gia đình có diện tích từ 2 ha trở xuống (69% số trang trại có diện tích dưới 0,5 ha), và diện tích đất nông nghiệp còn khá phân mảnh. Với các công ty trong lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam, chủ yếu doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực chế biến chứ không phải sản xuất các mặt hàng chính, hơn 96% có quy mô nhỏ hoặc rất nhỏ (Bộ KH&ĐT, 2018).

Hầu hết lợn được giết mổ tại các cơ sở trong khu dân cư hoặc được thương lái thu gom và giết mổ tại các lò mổ quy mô nhỏ, với số lượng giết mổ từ 1-3 con mỗi ngày, trong khi gà thịt được giết mổ tại các cơ sở trong khu dân cư gần các chợ chuyên bán thực phẩm tươi sống. Tuy nhiên, một số gà thịt và lợn được giết mổ với quy mô lớn hơn, và Việt Nam hiện có nhiều công ty chế biến quy mô công nghiệp cho các sản phẩm gạo, cà phê, hạt điều, gỗ, chè, đường, rau và trái cây.

Hoạt động **bán lẻ thực phẩm của Việt Nam** vẫn chủ yếu được thực hiện tại các chợ thực phẩm tươi sống truyền thống và các đơn vị kinh doanh nhỏ lẻ, trong đó các đơn vị bán lẻ truyền thống năm 2016 chiếm 94% doanh thu và các đơn vị bán lẻ hiện đại chỉ chiếm 6%. Tuy nhiên, các doanh nghiệp bán lẻ hiện đại đang phát triển nhanh nhờ kinh tế tăng trưởng mạnh mẽ, tầng lớp trung lưu tăng lên, tốc độ đô thị hóa nhanh chóng và người tiêu dùng còn ngại về vệ sinh và an toàn thực phẩm ở các chợ truyền thống.

Hoạt động của ngành nông nghiệp

Ngành nông nghiệp Việt Nam đã chuyển đổi từ một quốc gia sản xuất gạo chủ yếu để phục vụ nhu cầu trong nước sang một trong những nhà sản xuất và xuất khẩu nhiều loại nông sản hàng đầu thế giới. Sản lượng sản xuất nông nghiệp tăng 189% và sản lượng chăn nuôi tăng 282% trong ba thập kỷ vừa qua.

Tốc độ cơ giới hóa đã tăng lên trong 20 năm qua, đặc biệt trong giai đoạn 2010-2019, Việt Nam đã có bước chuyển dịch mạnh mẽ từ sử dụng máy kéo nhỏ sang máy kéo cỡ lớn và từ máy gặt sang máy gặt đập liên hợp. Tuy nhiên, xu hướng này đặc biệt tập trung trong lĩnh vực sản xuất lúa gạo so với các lĩnh vực khác, đặc biệt là cây trồng trên đất nương rẫy. Diện tích đất được tưới tiêu cũng tăng lên, trong đó hơn 70% diện tích canh tác của Việt Nam (được sử dụng trong một hay nhiều vụ trong một năm) hiện được thuộc phạm vi của các công trình thủy lợi.

Kim ngạch xuất khẩu trong lĩnh vực nông nghiệp tăng mạnh trong những năm gần đây. Xuất khẩu nông sản đạt trung bình 31,5 tỷ USD/năm trong giai đoạn 2013 - 2017, tăng 51,2% so với mức xuất khẩu bình quân trong giai đoạn 5 năm trước đó. Trong khi xuất khẩu nông sản của Việt Nam thường gắn với các sản phẩm ở phân khúc thấp hơn, cơ cấu hàng xuất khẩu đang chuyển đổi sang các sản phẩm chế biến chất lượng và giá trị gia tăng cao.

Trong lĩnh vực xuất khẩu, gạo phẩm cấp cao chiếm 80% tổng lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam. Xuất khẩu rau quả tăng trung bình 33% một năm trong giai đoạn 2012 đến 2018. Tuy nhiên, mức tăng giá/tăng năng suất hàng hóa hiện đã chững lại và năng suất nhân tố tổng hợp cũng đã giảm.

Thách thức hiện nay chính là việc chuyển đổi từ một quốc gia sản xuất chuyên tập trung vào các sản phẩm năng suất cao/chất lượng thấp hơn sang một hệ thống sản xuất nông sản hiện đại, giá trị cao.

Hầu hết tất cả diện tích đất canh tác tại những địa điểm tiếp cận được đều đã được đưa vào hệ thống canh tác, do đó, chỉ có tăng năng suất mới nâng cao giá trị sản xuất và chỉ chuyển đổi sang các sản phẩm có giá trị cao hơn mới cải thiện được doanh thu.

Những trở ngại chính đối với sự phát triển của khu vực tư nhân

Sản xuất và chế biến quy mô nhỏ đã trở thành đặc trưng của lĩnh vực này và hạn chế tiềm năng tăng năng suất cũng như quá trình chuyển dịch sang các thị trường có giá trị cao hơn. Việc gắn kết hoạt động sản xuất, chế biến quy mô nhỏ để hình thành các trang trại và công ty chế biến có quy mô và mức độ hiệu quả lớn hơn sẽ nâng cao hiệu quả, thúc đẩy tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế và các tiêu chuẩn trong nước về an toàn thực phẩm, hỗ trợ các biện pháp bảo vệ an toàn sinh học khắt khe hơn, tăng cường giám sát theo chuỗi giá trị và của từng cơ quan quản lý để thực hiện được những mục tiêu chung này.

Thiếu khả năng tiếp cận tài chính được coi là rào cản chính đối với hoạt động kinh doanh với phần lớn doanh nghiệp kinh doanh nông nghiệp, so với các lĩnh vực khác ở Việt Nam.

Hầu hết các khoản cho vay cho lĩnh vực kinh doanh nông nghiệp đều yêu cầu tài sản thế chấp (93% khoản vay), chủ yếu là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hạn chế về các sản phẩm, dịch vụ tài chính và phi tài chính như cho thuê hạ tầng, cho vay với hàng hóa lưu kho, cho vay dựa trên các khoản phải thu và hợp đồng, bảo lãnh, quản lý tài sản thế chấp và bảo hiểm.

Các dịch vụ dựa trên mạng lưới dữ liệu mới đang dần xuất hiện, trong đó thông tin số hóa được sử dụng để hỗ trợ phân tích tín dụng; tuy nhiên, các dịch vụ này chưa phát triển đến quy mô cần thiết để tạo ra tác động đáng kể hoạt động cho vay trong lĩnh vực này.

Những hạn chế trong lĩnh vực logistics và vận tải hạn chế phát triển thương mại trong nông nghiệp. Chi phí logistics trên tỷ lệ GDP của Việt Nam cao gấp đôi các nước so sánh. Tốc độ phát triển logistics ở mức thấp có tác động lớn đến nông sản. Ví dụ, việc vận chuyển rau từ các hộ sản xuất quy mô nhỏ, cộng với việc đóng gói sản phẩm bằng vật liệu địa phương, thường không đảm bảo được độ tươi và chất lượng của sản phẩm.

Logistics **chuỗi lạnh** là một vấn đề chính trong phát triển và hiện đại hóa lĩnh vực kinh doanh nông nghiệp, nhằm đáp ứng các yêu cầu về chất lượng cho cả thị trường trong nước và quốc tế.

An toàn sinh học ảnh hưởng đến sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp, đặc biệt là chăn nuôi. Dịch tả lợn châu Phi (ASF) kể từ năm 2019 vẫn đang làm giảm mạnh sản lượng thịt lợn. Các trang trại quy mô nhỏ dễ bị ảnh hưởng nhất bởi ASF bởi hệ thống trang trại chưa phát triển, hoạt động tiêm phòng không hoặc được thực hiện hạn chế, không có đủ nhân viên thú y và chưa hiểu rõ cách thức kiểm soát dịch bệnh hoặc quản lý an toàn sinh học.

Chính phủ không có đủ năng lực giám sát hàng nghìn cơ sở giết mổ quy mô nhỏ. Tương tự, an toàn sinh học trong chăn nuôi gia cầm còn ở mức thấp đối với các cơ sở sản xuất, giết mổ tự phát quy mô nhỏ để cung ứng sản phẩm thịt cho các chợ thực phẩm tươi sống. Cúm gia cầm độc lực cao đã ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động chăn nuôi năm 2010, và các dịch bệnh nguy hiểm khác vẫn đang tồn tại.

An toàn thực phẩm là một lĩnh vực quan trọng khác cần lưu ý khi tiếp cận thị trường, cả trong nước và quốc tế. Theo nhiều báo cáo, dư lượng hóa chất và thuốc trừ sâu trong nhiều lô hàng xuất khẩu trái cây đang làm giảm uy tín của Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Thuốc kháng sinh và chất kích thích tăng trưởng được sử dụng quá mức quy định trong cả chuỗi giá trị thịt lợn và gia cầm; hoạt động giám sát các trang trại và cơ sở giết mổ (đặc biệt là các cơ sở quy mô nhỏ) còn hạn chế; đồng thời việc thiếu thực hiện truy xuất nguồn gốc hoặc hồ sơ lưu trữ gây khó khăn trong theo dõi, xác minh chất lượng sản phẩm thịt lợn và thịt gà. Nhiều nhà xuất khẩu cho rằng, vấn đề chính khiến họ khó tiếp cận các thị trường mới, có giá trị cao hơn là họ không thể kiểm soát hoặc theo dõi các hoạt động trong chuỗi cung ứng.

Việc đáp ứng các yêu cầu về Vệ sinh dịch tễ và Kiểm dịch động thực vật (SPS) sẽ là điều kiện cần thiết để các nhà xuất khẩu khai thác tối đa lợi ích sau khi Việt Nam gia nhập các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương (tình trạng đình trệ trong xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc do các quy định về an toàn thực phẩm khắt khe hơn là minh chứng rõ ràng cho những rủi ro này).

Cần đảm bảo sự **an toàn nguồn cung cấp thực phẩm trong nước** để duy trì khả năng tồn tại, phát triển của ngành; nếu không, những yêu cầu đối với thực phẩm an toàn hơn và các sản phẩm chế biến/có thời hạn sử dụng lâu hơn sẽ làm giảm thị phần thịt tươi, đặc biệt khi khả năng tiếp cận thị trường nhập khẩu tăng lên.

Chính sách và hành động của Chính phủ

Để tăng năng suất nông nghiệp, đòi hỏi phải thực hiện hiệu quả các chính sách sử dụng và dồn điền đổi thửa. Các chi phí giao dịch và quy định về sử dụng đất đang là rào cản đối với những chương trình của chính phủ về dồn điền đổi thửa và cho thuê đất.

Nghị định mới nhằm cải thiện quy trình dồn điền đổi thửa và thu hồi đất cho sản xuất nông nghiệp, dự kiến bao gồm những điều chỉnh về quy hoạch/phân vùng sử dụng đất.

Thiết lập một cơ chế đối thoại công/tư để giám sát việc thực hiện sẽ khắc phục các vấn đề phát sinh.

Những điều chỉnh trong chính sách tài chính có thể cải thiện khả năng tiếp cận tín dụng trong lĩnh vực này. Việc điều chỉnh giới hạn lãi suất đối với các khoản vay ngắn hạn là cần thiết để đảm bảo rằng các ngân hàng sẵn sàng cho vay trong lĩnh vực này. Để cải thiện hiệu quả, các sản phẩm quản

lý rủi ro công cần được thiết kế lại. Văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cần được điều chỉnh theo hướng cho phép “chia sẻ rủi ro”, nhằm thúc đẩy hoạt động cho vay không cần tài sản thế chấp. Chính phủ có thể khuyến khích các sáng kiến nhằm thúc đẩy, hỗ trợ chia sẻ và tích hợp dữ liệu giữa các nhà cung cấp công nghệ nông nghiệp thông qua các chương trình lồng ghép, song song với các cải cách hệ thống báo cáo tín dụng.

Hỗ trợ nâng cao năng lực của các ngân hàng công và tư nhân về quản lý rủi ro và nâng cao kiến thức về thị trường hàng hóa nông nghiệp, nhằm đảm bảo định giá phù hợp các sản phẩm tài chính cho lĩnh vực nông nghiệp.

Các cơ quan quản lý tài chính và phi tài chính cần phối hợp xây dựng một kế hoạch hành động phát triển thị trường tài chính và chuỗi cung ứng (ví dụ: dịch vụ quản lý tài sản thế chấp, hệ thống nhập kho, nền tảng hỗ trợ tài chính điện tử).

Cần đánh giá lại vai trò của các doanh nghiệp nhà nước (DNNN). Để xây dựng một hệ thống nông sản thực phẩm hiện đại, có giá trị cao hơn, cần giảm cơ cấu tham gia của các DNNN trong nhiều phân ngành để thúc đẩy đầu tư của doanh nghiệp tư nhân trong lĩnh vực này. Ngoài ra, việc các DNNN quản lý hầu hết các hệ thống thủy lợi không đảm bảo tính minh bạch trong khi chưa có cơ chế định giá thủy lợi phù hợp, dẫn đến giảm năng suất dịch vụ này.

Chính phủ đóng vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu và chia sẻ công nghệ. Chính phủ có thể hỗ trợ phân tích khả năng đưa vào trồng các loại cây giàu protein ở Việt Nam, nhằm giảm sự phụ thuộc của ngành chăn nuôi vào thức ăn nhập khẩu, vốn là chi phí sản xuất lớn nhất trong hoạt động chăn nuôi lợn và gia cầm.

Trên quy mô lớn hơn, việc nghiên cứu và phổ biến các kỹ thuật để nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp còn hạn chế, nhiều kết quả nghiên cứu chưa được áp dụng trên thực tế.

Cải thiện chính sách và môi trường pháp lý về an toàn sinh học và an toàn thực phẩm theo chuỗi giá trị là yêu cầu cần thiết. Việc áp dụng các phương pháp giám sát dựa trên rủi ro sẽ tăng cường năng lực thực thi đồng thời tiết kiệm nguồn lực vốn đã hạn chế của chính phủ. Để nâng cao an toàn, cần điều chỉnh hoạt động giết mổ gia súc thông qua xây dựng các hướng dẫn chính sách và quy định mới, bao gồm ban hành các biện pháp kiểm soát an toàn sinh học và khung thời gian để thực hiện các hướng dẫn đó. Quy trình chứng nhận VietGap sẽ cần được đánh giá lại, vì mức độ áp dụng của người dân còn hạn chế, nhiều hộ sản xuất cho rằng chi phí duy trì chứng nhận và các yêu cầu liên quan quá cao cũng như tiêu chuẩn này không được công nhận rộng rãi, thậm chí chưa được tin tưởng, trên thị trường.

Cải thiện khung quản trị và năng lực của các tổ chức đảm bảo chất lượng quốc gia về kinh doanh nông nghiệp, đảm bảo sản phẩm phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế. Ngoài ra, cần xác định các mô hình nông hộ nhỏ bền vững, có thể là các nhà cung cấp cho các quy mô đơn vị kinh doanh lớn hơn, để nâng cao thu nhập hộ gia đình đồng thời kết hợp các hoạt động an toàn sinh học và thân thiện với môi trường.

Là lĩnh vực kinh tế có thiệt hại thương mại cao nhất tại một trong những nền kinh tế mở nhất trên thế giới, nông nghiệp Việt Nam đã sớm bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 từ thời điểm dịch bùng phát ở châu Á.

Vấn đề này xuất phát từ tình trạng thiếu hụt nguồn cung lao động và đầu vào, quy định hạn chế đi lại và năng lực logistics còn ở mức thấp trong thị trường trong nước và quốc tế. Trong 3 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu nông sản của Việt Nam giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2019, nổi bật là xuất

khẩu sang Trung Quốc (giảm 13,8%), Hàn Quốc (12%), Nhật Bản (11%) và Liên minh châu Âu (7,7%)¹

Sau khi kiểm soát thành công sự lây lan của đại dịch trong cộng đồng vào quý II năm 2020, Việt Nam đã nhanh chóng khôi phục sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh xuất khẩu và thực hiện được một phần mục tiêu kim ngạch.

Tuy nhiên, số liệu xuất khẩu nông sản của Việt Nam trong hai quý đầu năm 2020 phản ánh những thay đổi mang tính cấu trúc do tác động của đại dịch mà có thể kèm theo những tác động chính sách, cụ thể:

- **Thứ nhất, Covid-19 đã tạo cơ hội để Việt Nam tăng cường xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp thiết yếu, ví dụ như gạo.** Xu hướng này xuất phát từ định hướng ưu tiên đảm bảo an ninh lương thực của các chính phủ trong bối cảnh khủng hoảng. Trong khi nhu cầu đối với các nhóm sản phẩm ngách (chẳng hạn như trái cây nhiệt đới tươi) đã giảm xuống, nhu cầu đối với các mặt hàng thiết yếu (như gạo và thịt) đã tăng lên đáng kể. Xuất khẩu gạo của Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2020 đạt sản lượng hơn 4 triệu tấn, tương đương 1,95 tỷ USD và chỉ tăng 0,6% về sản lượng, nhưng tăng 13,1% về kim ngạch so với 7 tháng đầu năm 2019².
- **Thứ hai, Covid-19 đã làm giảm nhu cầu sản phẩm tươi sống chất lượng cao nhưng lại tăng nhu cầu nhập khẩu các sản phẩm chế biến.** Covid-19 được cho là có nguồn gốc động vật và nhiều quốc gia hiện đã tăng cường các yêu cầu về vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động thực vật (SPS) đối với các lô hàng nhập khẩu là nông sản tươi sống để ngăn ngừa sự lây lan của mầm bệnh trong quá trình thương mại nông sản giữa các quốc gia. Ví dụ, kim ngạch xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc trong 7 tháng đầu năm 2020, chiếm 70% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả tươi của Việt Nam, đã giảm mạnh xuống còn 1,04 tỷ USD - giảm 29,3% so với cùng kỳ năm 2019. Ngoài ra, nhiều quốc gia đã tăng cường nhập khẩu rau quả đã qua chế biến do chất lượng đáp ứng các tiêu chuẩn phù hợp, giảm rủi ro lây lan các mầm bệnh có thể ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng cũng như nỗ lực hạn chế gián đoạn logistics và quá trình thông quan trong thời gian đại dịch. Theo đó, dù hoạt động xuất khẩu các sản phẩm tươi sống sang Trung Quốc đã giảm trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 7 năm 2020, xuất khẩu sang các thị trường thường tiêu thụ sản phẩm rau quả chế biến của Việt Nam đã tăng lên, như Hàn Quốc tăng 25,2%; Mỹ tăng 9,8%; Nhật Bản (13,1%) so với cùng kỳ năm 2019³.
- **Trong bối cảnh nhu cầu các sản phẩm rau quả chế biến vẫn tiếp tục tăng trên phạm vi toàn cầu và với năng lực chế biến rau quả trong nước còn hạn chế, Việt Nam đang dần trở thành nhà cung cấp nguyên liệu cho các trung tâm chế biến rau quả trong khu vực, chẳng hạn như Thái Lan.** Là nhà xuất khẩu và chế biến rau quả hàng đầu ở Đông Nam Á, Thái Lan trong bảy tháng đầu năm 2020 đã tăng nhanh lượng nhập khẩu rau quả nguyên liệu từ Việt Nam lên 234% (79,4 triệu USD) để chế biến và tái xuất sang các thị trường cao cấp⁴.

Những thay đổi này cho thấy Việt Nam cần tăng cường sản xuất các mặt hàng thiết yếu trong nước, đồng thời nâng cao chất lượng, an toàn và năng lực chế biến cho các sản phẩm tương ứng phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế.

¹Báo cáo quý 1 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

²Báo cáo quý 2 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

³Báo cáo quý 2 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

⁴Báo cáo quý 2 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC KHOÁNG SẢN

HỢP TÁC VÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TRONG NGÀNH KHAI KHOÁNG VIỆT NAM ĐỂ GIẢI PHÓNG BỀN VỮNG NGUỒN TÀI SẢN KHOÁNG SẢN GIÀU CÓ CHƯA KHAI THÁC CỦA QUỐC GIA TRONG GIAI ĐOẠN PHỤC HỒI SAU ĐẠI DỊCH

Việt Nam có nguồn tài nguyên khoáng sản đặc biệt phong phú, nhưng đến nay mới chỉ có một phần tài nguyên khoáng sản được phát hiện, do quốc gia chưa bao giờ được thăm dò một cách có hệ thống bằng công nghệ và phương thức hiện đại, như khảo sát địa vật lý trên không và các chương trình địa hóa vùng để lập bản đồ về cấu trúc tốt hơn và xác định vị trí khoáng sản sâu hơn và phong phú hơn.

Hiện trạng của ngành khai khoáng Việt Nam là vẫn chịu sự chi phối của doanh nghiệp nhà nước, vốn chủ yếu tập trung vào các loại khoáng sản khối lượng lớn lộ thiên hoặc gần bề mặt và dễ phát hiện như than, quặng sắt, bôxít, sa khoáng titan và đá vôi. Ngoài ra còn có nhiều hoạt động quy mô nhỏ hơn, thường là khai thác thủ công hoặc bất hợp pháp các loại kim loại như vàng, bạc, thiếc và đất hiếm, đều sử dụng phương pháp khai khoáng lạc hậu, không hiệu quả và gây ô nhiễm mà nhà nước và các bên liên quan tại địa phương không thu được lợi ích hữu hình.

Ngay cả doanh nghiệp khai khoáng nhà nước của Việt Nam cũng thừa nhận họ hoạt động với “công nghệ lạc hậu và mức độ cơ giới hóa thấp, cơ sở hạ tầng yếu kém, lực lượng lao động đông nhưng năng suất thấp, sử dụng quá nhiều năng lượng, rủi ro an toàn ở mức cao và ô nhiễm môi trường ở mức không thể chấp nhận được”.

Trong chuyến thăm Việt Nam của Thủ tướng Úc Morrison vào tháng 8 năm 2019, ông và Thủ tướng Phúc đã cam kết về việc hai quốc gia sẽ thiết lập quan hệ song phương bền chặt và xây dựng Kế hoạch Hành động cho Quan hệ Đối tác Chiến lược giai đoạn 2020-2023. Trong bối cảnh này, khai khoáng là ứng cử viên rõ ràng cho quan hệ đối tác này.

Việt Nam nhận thức rõ vị thế và danh tiếng của Úc là một trong những quốc gia hàng đầu thế giới về đổi mới khai khoáng và chế biến khoáng sản, với kỹ thuật xuất sắc, an toàn và bền vững môi trường. Trong vài năm qua, nhiều đoàn đại biểu của Chính phủ Việt Nam đã tới thăm các mỏ ở Úc, chủ yếu do Austrade tổ chức. Ngoài ra, mỏ Núi Pháo ở miền Bắc Việt Nam, hiện là mỏ đa kim - vonfram lộ thiên lớn nhất thế giới, thuộc sở hữu của Việt Nam nhưng sử dụng chuyên môn và quản lý của nước ngoài (chủ yếu là của Úc). Đây là ví dụ tuyệt vời về sự đa dạng của tài nguyên khoáng sản phong phú của Việt Nam và thành công có thể đạt được khi sử dụng các phương pháp khai khoáng quốc tế hiện đại và thông lệ tốt nhất trên thế giới. Hai dự án lớn tiềm năng khác hiện đang được các chuyên gia Úc thăm dò và quản lý là mỏ niken Tạ Khoa ở Bản Phúc, tỉnh Sơn La và tiềm năng quặng đồng vàng kiểu porphyry ở Pu Sam Cap, tỉnh Lai Châu. Những dự án này đang giúp đào tạo cho nhân sự Việt Nam về phương pháp khai khoáng hiện đại.

Những khu vực tìm thấy mỏ khoáng sản có xu hướng nằm ở các vùng sâu vùng xa, miền núi và do đó thường là những vùng kinh tế xã hội nghèo nhất của một quốc gia, và điều này chắc chắn cũng đúng với Việt Nam. Khai khoáng trên khắp thế giới từ lâu đã được công nhận là một trong những động lực hiệu quả nhất để cải thiện hạ tầng ở những khu vực xa xôi, kém phát triển như vậy. Lợi ích rõ ràng khác của khai khoáng có trách nhiệm là hoạt động này có thể góp phần xóa đói giảm nghèo ở các vùng sâu vùng xa nơi diễn ra hoạt động bằng cách tạo cơ hội việc làm và đơn hàng đối với hàng hóa và dịch vụ địa phương.

Khai khoáng bền vững hiện đại ở Việt Nam rõ ràng sẽ đáp ứng hai mục tiêu chính của Ngân hàng Thế giới trong Khung Đối tác Quốc gia tại Việt Nam là (a) cung cấp hạ tầng và (b) thúc đẩy các dân tộc thiểu số tham gia nhiều hoạt động kinh tế hơn.

Thách thức mà Chính phủ Việt Nam phải giải quyết là đưa ngành khai khoáng Việt Nam trở nên hiệu quả hơn, có năng suất cao hơn, an toàn và bền vững hơn với môi trường. Chỉ có thể đạt được điều này bằng cách khuyến khích áp dụng công nghệ hiện đại, đổi mới công nghệ và thông lệ quốc tế tốt nhất tại Việt Nam thông qua đầu tư trực tiếp nước ngoài và liên doanh giữa các công ty trong và ngoài nước.

Không may là điều đó vẫn chưa diễn ra trên quy mô đáng kể, vì luật khai khoáng còn chưa nhất quán, khó khăn liên quan đến việc xin cấp giấy phép thăm dò và khai thác liên quan ở Việt Nam và mức thuế tài nguyên, thuế xuất khẩu và các loại phí khác cao hơn nhiều so với các quốc gia là những vấn đề cản trở nghiêm trọng đầu tư trực tiếp nước ngoài, kể cả đầu tư của các công ty lớn trên thế giới.

Do đó, kiến thức khai khoáng đặc biệt của Úc và các nước phát triển khác có thể đóng vai trò quan trọng trong việc giúp Việt Nam hưởng lợi từ nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú một cách hiệu quả, có trách nhiệm với môi trường, bền vững và an toàn, từ đó thu hút FDI và tạo ra khác biệt quan trọng trong tăng trưởng kinh tế của Việt Nam và giảm nợ công quốc gia, đặc biệt trong giai đoạn phục hồi sau đại dịch.

III. PHỤ LỤC

BIÊN BẢN CUỘC HỌP KỸ THUẬT GIỮA TỔNG CỤC HẢI QUAN VÀ NHÓM CÔNG TÁC THUẾ & HẢI QUAN

Thời gian: 14:00 – 17:00, Thứ Tư, ngày 30/09/2020

Địa điểm: Trụ sở Tổng Cục Hải quan

STT	Vấn đề	Vướng mắc	Kiến nghị	Nội dung trả lời
1.	Chính sách thuế đối với hàng hóa bán cho DNCX	Khi doanh nghiệp nội địa (không phải là DNCX) bán hàng cho DNCX thì tùy thuộc vào mục đích sử dụng hàng hóa của DNCX: - Trường hợp DNCX nhập khẩu hàng hóa cho mục đích sản xuất hàng xuất khẩu: DNCX, doanh nghiệp nội địa làm thủ tục hải quan xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ (theo Điều 75, Thông tư 38/2015/TT-BTC được bổ sung bởi Điều 1.51, Thông tư 39/2018/TT-BTC). - Trường hợp DNCX nhập khẩu hàng hóa cho mục đích thương mại theo quyền xuất nhập khẩu của DNCX: Không phải thực hiện thủ tục hải quan, doanh nghiệp nội địa xuất hóa đơn GTGT 10% cho DNCX (theo Điều 77, Thông tư 38/2015/TT-BTC được bổ sung bởi Điều 1.53, Thông tư 39/2018/TT-BTC) Do đó, khi hàng hóa của DN nội địa có nguồn gốc nhập khẩu, hoặc được sản xuất từ nguyên, vật liệu có nguồn gốc nhập khẩu thì khi bán cho DNCX ở trường hợp (2), sau đó DNCX xuất khẩu chính hàng hóa này thì doanh nghiệp nội địa sẽ không được miễn/hoàn thuế nhập khẩu đầu vào tương	Đề xuất áp dụng chính sách về thủ tục hải quan nhất quán cho hàng hóa của doanh nghiệp nội địa bán hàng cho DNCX để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nội địa, cụ thể như sau: - Khi doanh nghiệp nội địa bán hàng cho DNCX thì hai bên thực hiện thủ tục xuất nhập khẩu tại chỗ, không phân biệt mục đích kinh doanh tiếp theo của DNCX, khi đó doanh nghiệp nội địa có thể được miễn/hoàn thuế nhập khẩu. - Khi DNCX thực hiện thủ tục nhập khẩu tại chỗ, tùy theo mục đích nhập khẩu của DNCX thì DNCX mở tờ khai với loại hình tương ứng để thực hiện nộp thuế theo quy định. Hướng xử lý như trên không dẫn đến thiếu thuế cho ngân sách nhà nước, đồng thời cũng giúp cho doanh nghiệp nội địa được miễn/hoàn thuế nhập khẩu khi xuất khẩu hàng hóa vào khu phi thuế quan.	Tổng Cục Hải quan đã chuyển kiến nghị của doanh nghiệp để Vụ Chính sách thuế - Bộ Tài chính nghiên cứu trả lời (Công văn số 7287/TCHQ-CCHĐH ngày 16/10/2020).

STT	Vấn đề	Vướng mắc	Kiến nghị	Nội dung trả lời
		ứng (do không có tờ khai hải quan xuất khẩu). Đồng thời, việc phải xác định mục đích nhập khẩu của DNCX để thực hiện thủ tục hải quan và xuất hóa đơn theo quy định cũng tạo ra gánh nặng cho doanh nghiệp nội địa.		
2.	Trị giá hải quan đối với hàng cho mượn	Theo khoản 9, Điều 16 Luật thuế xuất nhập khẩu, thì máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân tạm nhập, tái xuất mượn để thực hiện các dự án đầu tư, thi công xây dựng, lắp đặt công trình, phục vụ sản xuất thì không được miễn thuế nhập khẩu. Trị giá hải quan của hàng đi mượn được quy định tại khoản 9, Điều 17, Thông tư 39/2015/TT-BTC (sửa đổi tại khoản 9, Điều 1, Thông tư 60/2019/TT-BTC) như sau: <i>“Đối với hàng hóa nhập khẩu là hàng đi mượn, trị giá hải quan là toàn bộ các chi phí mà người đi mượn phải trả để đưa hàng hóa đến cửa khẩu nhập đầu tiên, phù hợp với các chứng từ, tài liệu có liên quan đến hàng hóa đi mượn.”</i> Tuy nhiên, hướng dẫn của Tổng cục hải quan với trị giá hàng đi mượn nhập khẩu lại chưa thống nhất, cụ thể tại 2 công văn sau: - Công văn 8107/TCHQ-TXNK ngày 30/12/2019: Trị giá hải quan khi tạm nhập là trị giá hàng NK tính đến cửa khẩu đầu tiên. Khi tái xuất, số tiền thuế NK được hoàn lại xác định trên cơ sở giá trị sử dụng còn lại	Đề xuất sửa đổi Thông tư 60/2019/TT-BTC để việc xác định trị giá hải quan cho mục đích tính thuế nhập nhập của hàng thuê, mượn được nhất quán, tránh tình trạng mỗi địa phương thực hiện theo các cách khác nhau.	Tổng Cục Hải quan (Cục Thuế XNK) sẽ nghiên cứu sửa đổi Thông tư số 39/2015/TT0BTC và Thông tư 60/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính khi có chương trình sửa đổi, bổ sung Thông tư.

STT	Vấn đề	Vướng mắc	Kiến nghị	Nội dung trả lời
		của hàng hóa tính theo thời gian sử dụng và lưu lại tại Việt Nam. - Công văn 3143/TCHQ-TXNK ngày 14/05/2020: Tại khâu nhập khẩu, trị giá tính thuế là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải trả để đưa hàng hóa đến cửa NK đầu tiên, phù hợp với các chứng từ, tài liệu có liên quan đến hàng hóa tạm nhập mà không tính trên toàn bộ trị giá hàng hóa. Trường hợp này không có quy định hoàn tiền thuế NK đã nộp. Trên thực tế, nếu trị giá hàng đi mượn chỉ là các chi phí doanh nghiệp phải trả để đưa hàng hóa đến cửa NK thì với trường hợp cho mượn giữa hai doanh nghiệp ở Việt Nam (ví dụ giữa DNCX và doanh nghiệp nội địa cùng khu công nghiệp) thì chi phí này là không đáng kể. Hơn nữa, với trường hợp nhập khẩu từ nước ngoài thì doanh nghiệp Việt Nam nhập khẩu thường cũng không phải chi trả các chi phí này mà phải yêu cầu bên nước ngoài cung cấp hóa đơn, bóc tách chi phí, v.v... mới xác định được các chi phí phải trả liên quan đến hàng hóa đi mượn.		
3.	Chuyển đổi mục đích sử dụng	Quy định hiện hành hiện chỉ có quy định về việc chuyển đổi mục đích sử dụng hàng hóa miễn thuế sang hàng hóa có nộp thuế, hoặc hàng hóa thuộc hợp đồng gia công sang sản xuất xuất khẩu. Tuy nhiên, chưa có quy định	Đề xuất bổ sung thêm các trường hợp chuyển đổi mục đích sử dụng trong quy định phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh.	Trong thực tế phát sinh 04 tình huống cần xử lý về chính sách thuế, cụ thể như sau: <u>Trường hợp 1: chuyển mục đích sử</u>

STT	Vấn đề	Vướng mắc	Kiến nghị	Nội dung trả lời
		về việc chuyển đổi ngược lại, hoặc giữa các loại hình miễn thuế khác, gây vướng mắc cho doanh nghiệp, ví dụ: - Hàng hóa của Doanh nghiệp chế xuất chuyển đổi từ loại hình E11 (nhập nguyên liệu, vật tư từ nước ngoài để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu của DNCX) sang A12 (nhập khẩu hàng hóa để tiêu dùng, hàng kinh doanh thương mại đơn thuần; nhập kinh doanh nguyên liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất (trừ GC, SXXK, DNCX và doanh nghiệp trong khu phi thuế quan). Hàng hóa của DNCX nhập theo cả hai mã loại hình này đều không chịu thuế NK. - Chuyển đổi từ loại hình A41 (nhập hàng hóa theo quyền kinh doanh nhập khẩu để bán trực tiếp tại Việt Nam và DN phải nộp đủ thuế) sang loại hình sản xuất xuất khẩu (DN được miễn thuế nhập khẩu). Trường hợp này DN nội địa có thể được hoàn thuế sau khi thực xuất sản phẩm, trong khi DNCX sử dụng vào sản xuất xuất khẩu thì không được xin hoàn thuế do không có cơ chế.		<u>dùng từ đối tượng nộp thuế sang đối tượng không chịu thuế</u> Căn cứ quy định tại khoản 6 Điều 3 Luật Thuế XNK số 107/2016/QH13 quy định về người nộp thuế thì một trong những người nộp thuế là “Người có hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế nhưng sau đó có sự thay đổi và chuyển sang đối tượng chịu thuế theo quy định của pháp luật”. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Thuế XNK số 107/2016/QH13 quy định về thời điểm tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thì: “2. Thời điểm tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu là thời điểm đăng ký tờ khai hải quan. Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hoặc áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối trong hạn ngạch thuế quan nhưng được thay đổi về đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối trong hạn ngạch

STT	Vấn đề	Vướng mắc	Kiến nghị	Nội dung trả lời
				thuế quan theo quy định của pháp luật thì thời điểm tính thuế là thời điểm đăng ký tờ khai hải quan mới. Thời điểm đăng ký tờ khai hải quan thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan”. Căn cứ quy định khoản 5 Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 quy định về khai bổ sung thì “ Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường hoặc miễn thuế hoặc áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối theo hạn ngạch thuế quan và đã được giải phóng hàng hoặc thông quan nhưng sau đó có thay đổi về đối tượng không chịu thuế hoặc mục đích được miễn thuế; áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối theo hạn ngạch thuế quan; hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu và hàng hóa tạm nhập - tái xuất đã giải

STT	Vấn đề	Vướng mắc	Kiến nghị	Nội dung trả lời
				phóng hàng hoặc thông quan nhưng sau đó thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa thì phải khai tờ khai hải quan mới. Chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan mới trừ trường hợp đã thực hiện đầy đủ chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại thời điểm đăng ký tờ khai ban đầu”. Căn cứ các quy định nêu trên, pháp luật về thuế xuất nhập khẩu, pháp luật về hải quan chỉ quy định việc khai thay đổi mục đích sử dụng để làm cơ sở xử lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế hoặc miễn thuế sau đó có thay đổi về đối tượng không chịu thuế (chuyển sang đối tượng chịu thuế) hoặc mục đích được miễn thuế thì mới phải khai tờ khai hải quan mới; pháp luật về thuế xuất nhập khẩu, pháp luật về hải quan <u>không có quy định</u> hàng hóa từ đối tượng đã nộp thuế sang đối tượng không chịu thuế phải khai tờ khai hải quan mới. Việc bổ sung quy định

STT	Vấn đề	Vướng mắc	Kiến nghị	Nội dung trả lời
				nêu trên như ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Tổng cục chỉ được thực hiện khi sửa Luật Thuế XNK số 107/2016/QH13 và Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015, Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018. Hiện nay, Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 đang được sửa đổi, bổ sung, tuy nhiên, theo lộ trình ban hành văn bản thì dự kiến Thông tư sửa Thông tư số 38/2015/TT-BTC, số 39/2018/TT-BTC sẽ ban hành trước Nghị định số 08/2015/NĐ-CP. Do đó, trước mắt Tổng cục Hải quan chưa thể trình Bộ Tài chính xem xét bổ sung quy định về việc thay đổi mục đích sử dụng của hàng hóa thuộc đối tượng nộp thuế sang đối tượng không chịu thuế vì nội dung này không thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính. <u>Trường hợp 2: chuyển mục đích sử dụng từ đối tượng nộp thuế sang đối tượng miễn thuế</u> Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 19

STT	Vấn đề	Vướng mắc	Kiến nghị	Nội dung trả lời
				Luật Thuế XNK số 107/2016/QH13 thì “Người nộp thuế đã nộp thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất, kinh doanh nhưng đã đưa vào sản xuất hàng hóa xuất khẩu và đã xuất khẩu sản phẩm”. Căn cứ Điều 36 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 thì “Người nộp thuế đã nộp thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất, kinh doanh nhưng đã đưa vào sản xuất hàng hóa xuất khẩu và đã xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài, hoặc xuất khẩu vào khu phi thuế quan, được hoàn thuế nhập khẩu đã nộp”. Căn cứ các quy định nêu trên, thì điểm d khoản 1 Điều 19 Luật Thuế XNK số 107/2016/QH13, Điều 36 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP đã có quy định về hàng hóa thuộc đối tượng nộp thuế xuất khẩu, nhập khẩu nhưng sau đó đưa vào hàng hóa vào sản xuất, xuất khẩu và đã thực xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài hoặc khu phi thuế quan thì được hoàn thuế tương ứng với lượng nguyên liệu, vật tư đã nhập khẩu.

STT	Vấn đề	Vướng mắc	Kiến nghị	Nội dung trả lời
				Do đó, không cần thiết phải bổ sung quy định về quy định chuyển mục đích sử dụng từ đối tượng nộp thuế sang đối tượng miễn thuế tại Thông tư sửa đổi Thông tư 38/39 vì điểm d khoản 1 Điều 19 Luật Thuế XNK số 107/2016/QH13, Điều 36 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP đã xử lý được vấn đề này. <u>Trường hợp 3: chuyển mục đích sử dụng từ đối tượng không chịu thuế sang đối tượng không chịu thuế</u> Căn cứ quy định tại điểm c khoản 4 Điều 2 Thuế XNK số 107/2016/QH13 thì “<i>Hàng hóa xuất khẩu từ khu phi thuế quan ra nước ngoài; hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan; <u>hàng hóa chuyển từ khu phi thuế quan này sang khu phi thuế quan khác</u></i>” thuộc đối tượng không chịu thuế. Theo đó, điểm c khoản 4 Điều 2 Thuế XNK số 107/2016/QH13 đã có quy định về hàng hóa chuyển từ khu phi thuế quan này sang khu phi thuế quan khác thì thuộc đối

STT	Vấn đề	Vướng mắc	Kiến nghị	Nội dung trả lời
				tượng không chịu thuế nên không cần thiết phải bổ sung tại dự thảo Thông tư số 38/2015/TT-BTC, số 39/2018/TT-BTC về quy định chuyển mục đích sử dụng từ đối tượng không chịu thuế sang đối tượng không chịu thuế. Do đó, không cần phải bổ sung nội dung này tại Thông tư sửa đổi Thông tư 38/39. <u>Trường hợp 4: chuyển mục đích sử dụng từ đối tượng miễn thuế sang đối tượng miễn thuế</u> Căn cứ quy định tại Điều 21 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC thì “<i>Đối với trường hợp thay đổi mục đích sử dụng bằng hình thức chuyển nhượng cho đối tượng thuộc diện không chịu thuế, miễn thuế: Người nhận chuyển nhượng phải kê khai theo quy định tại điểm a khoản này, nhưng không phải nộp thuế</i>”. Theo đó, Thông tư số 39/2018/TT-BTC đã có quy về việc hàng hóa nhập khẩu của dự án ưu đãi đầu tư

STT	Vấn đề	Vướng mắc	Kiến nghị	Nội dung trả lời
				thuộc đối tượng miễn thuế chuyển nhượng cho đối tượng không chịu thuế, miễn thuế thì phải kê khai thay đổi mục đích sử dụng nhưng không phải nộp thuế. Do đó, không cần phải bổ sung nội dung này tại Thông tư sửa đổi Thông tư 38/39.
4.	Kê khai lại mã HS và xử lý thuế đối với lượng hàng hóa áp dụng mã HS chưa chính xác.	Hiện nay, rất nhiều Doanh nghiệp (“DN”) đã chú trọng hơn đến vấn đề xác định mã HS nhằm có thể (i) áp dụng thuế suất và tránh bị truy thu sau thông quan và (ii) tận dụng các ưu đãi thuế thuộc các hiệp định thương mại FTA. Do đó, các DN đã thực hiện tự rà soát toàn bộ hệ thống HS code đang áp dụng và từ đó phát hiện ra một lượng mã HS đang kê khai sai với bản chất hàng hóa. Việc tự xác định lại các mã HS của DN có thể dẫn đến tình huống vừa thiếu số thuế phải nộp vừa thừa số thuế đã nộp. Kết quả cuối cùng có thể là vẫn thiếu số tiền thuế phải nộp vào Ngân sách. Công ty muốn kê khai lại các tờ khai hải quan có mã HS xác định sai để nộp phần thuế còn thiếu. Tuy nhiên do công việc chỉnh sửa nhiều tờ khai tốn nhiều thời gian và nguồn lực của công ty, Công ty mong	Chúng tôi kiến nghị Tổng cục Hải quan có văn bản hướng dẫn hoặc quy định hóa về vướng mắc được nêu ở đây để giúp các doanh nghiệp tự động soát xét lại mã HS có thể kê khai lại một (01) lần đối với các mã HS đã xác định sai, cần trừ nghĩa vụ thuế của DN để đảm bảo tuân thủ pháp luật cũng như giảm thiểu các quy trình phức tạp cho doanh nghiệp.	- Trường hợp doanh nghiệp tự rà soát mã HS đang áp dụng và phát hiện một số mã HS đang kê khai sai với bản chất hàng hóa, từ đó tự xác định lại các mã HS dẫn đến một số tờ khai thiếu số thuế phải nộp, một số tờ khai thừa số thuế đã nộp. Trên cơ sở văn bản đề nghị bù trừ tiền thuế của doanh nghiệp, cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra, đối chiếu trên Hệ thống kế toán và lập chứng từ điều chỉnh khoản thu ngân sách nhà nước hoặc lệnh hoàn trả kiêm bù trừ NSNN gửi Kho bạc Nhà nước để thực hiện hoàn trả kiêm bù trừ với khoản phải nộp, cập nhật vào hệ thống kế toán thuế tập trung. Việc cập nhật trên hệ thống kế toán thuế tập trung, cơ quan hải quan có thể cập

STT	Vấn đề	Vướng mắc	Kiến nghị	Nội dung trả lời
		muốn có cơ chế kê khai một lần cho các tờ khai cần điều chỉnh		nhập bằng file excel. - Theo quy định pháp lý và thiết kế hệ thống hiện hành, tại một thời điểm khai báo, hệ thống của cơ quan hải quan chỉ tiếp nhận một tờ khai mới hoặc một tờ khai sửa đổi, bổ sung mà doanh nghiệp gửi đến. Điều này sẽ đảm bảo thực hiện đúng nguyên tắc doanh nghiệp tự khai báo, tự chịu trách nhiệm trong việc kê khai thông tin hàng hóa XNK khi làm thủ tục hải quan. - Do vậy, Tổng cục hải quan (Cục CNTT&Thống kê hải quan) đề xuất doanh nghiệp chủ động thực hiện chỉnh sửa phần mềm khai hải quan từ phía doanh nghiệp theo hướng: + Doanh nghiệp sử dụng chức năng đổi mã HS trên phần mềm khai hải quan phía doanh nghiệp. Phần mềm này sẽ tự động tìm và thực hiện sửa đổi cho tất cả các tờ khai liên quan. + Trên cơ sở danh sách tờ khai sửa đổi/ bổ sung được phê duyệt của doanh nghiệp, phần mềm khai hải quan phía doanh nghiệp tự động gửi tuần tự từng tờ khai sửa đổi/ bổ sung tới hệ thống Hải quan

STT	Vấn đề	Vướng mắc	Kiến nghị	Nội dung trả lời
				+ Hệ thống hải quan sẽ tự động tiếp nhận và thực hiện xử lý đối với từng tờ khai theo đúng quy định hiện nay.
5.	Phạt hành chính đối với vi phạm tại nhiều tờ khai nhưng bị phát hiện tại cùng một thời điểm	Về vấn đề mức xử phạt vi phạm hành chính Hải quan, căn cứ theo hướng dẫn hiện hành của Nghị định 127/2013/NĐ-CP sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 45/2016/NĐ-CP và các Công văn hướng dẫn số 3824/TCHQ-PC ngày 11 tháng 6 năm 2019 và 15214/BTC-TCHQ ngày 23 tháng 10 năm 2014 thì công tác xử phạt sẽ tính mỗi một tờ khai là một hành vi vi phạm (ngoại trừ trường hợp cụ thể là “không nộp đúng hạn chứng từ hồ sơ hải quan được chậm nộp”). Theo đó, căn cứ Công văn 4899/BTPQLXLVPHC&TDTHPL, ngày 20 tháng 12 năm 2018 thì Bộ Tư Pháp đang có đề xuất với Văn phòng Chính Phủ chỉ áp dụng tình tiết tăng nặng đối với hành vi vi phạm nhiều lần theo quan điểm hiện mâu thuẫn giữa Điều 3 và Điều 10 của Luật xử phạt vi phạm hành chính: <i>“- Điểm d khoản 1 Điều 3 của Luật quy định việc xử phạt đối với từng hành vi vi phạm hành chính;</i> <i>- Điểm b khoản 1 Điều 10 của Luật quy định vi phạm hành chính nhiều lần chỉ là tình tiết tăng nặng. Điều này có nghĩa là, nếu đối tượng thực hiện hành vi vi phạm hành</i>	Do đó, chúng tôi kiến nghị trong luật xử phạt hành chính đang được sửa đổi sẽ nêu rõ việc xử phạt vi phạm hành chính nhiều lần của cùng một hành vi chỉ xử phạt theo tình tiết tăng nặng như đề xuất của Bộ Tư Pháp.	Tổng cục Hải quan đã báo cáo Bộ Tài chính về vấn đề vướng mắc này và Bộ Tài chính đã có văn bản kiến nghị Bộ Tư pháp sửa đổi quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 và điểm b, khoản 1 Điều 10 Luật xử lý vi phạm hành chính. Vướng mắc nêu trên đã được Bộ Tư pháp trình Quốc hội xem xét sửa đổi tại dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật xử lý vi phạm hành chính (dự kiến sẽ được Quốc hội xem xét và thông qua kỳ họp tháng 11/2020).

STT	Vấn đề	Vướng mắc	Kiến nghị	Nội dung trả lời
		<i>chính nhiều lần thì chỉ bị xử phạt vì phạm hành chính đối với 01 hành vi và áp dụng tình tiết tăng nặng vì phạm hành chính nhiều lần.”</i>		
6.	Vấn đề về hải quan với DN ưu tiên	Theo quy định tại khoản 36 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC và khoản 42, Điều 1 của Thông tư dự thảo, bất kỳ thay đổi nào về cơ sở sản xuất đều phải được thông báo lại, nhưng dựa theo quy mô của doanh nghiệp ưu tiên, việc này gây khó khăn nếu phải báo cáo liên tục những thay đổi về máy móc trang thiết bị, nhân sự, v.v.	Xét thấy AEO được chứng nhận như là một công ty tự quản lý, nên yêu cầu họ thông báo lại những thay đổi về cơ sở sản xuất hàng năm hoặc loại bỏ nghĩa vụ phải thông báo lại những thay đổi về cơ sở sản xuất. Đề xuất loại bỏ việc thông báo lại những thay đổi trong cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu của các doanh nghiệp ưu tiên:	Nội dung này quy định tại Luật hải quan và Nghị định hướng dẫn Luật Thuế XNK. Việc kiến nghị này đề xuất ghi nhận và xem xét khi sửa các quy định nêu trên.
7.	Về việc miễn thuế đối với phế liệu trong sản xuất của công ty gia công	Căn cứ điểm c, khoản 5, Điều 44, Nghị định 69/2018/NĐ-CP, miễn thuế nhập khẩu đối với phế liệu trong định mức thực tế. Căn cứ Khoản 4 Điều 10 Nghị định 134/2016/NĐ-CP về Gia công: Miễn thuế nhập khẩu đối với phế liệu phế thải trong quá trình sản xuất không vượt quá 3% tổng lượng từng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu theo hợp đồng gia công.	Sự mâu thuẫn giữa hai quy định đã gây khó khăn trong việc xử lý phế liệu tại các doanh nghiệp gia công, cần sửa đổi Khoản 4 Điều 10 Nghị định 134/2016/NĐ-CP để cho phép miễn thuế đối với phế liệu trong sản xuất nằm trong định mức thực tế, có tính đến sự công bằng đối với loại hình sản xuất xuất khẩu.	Chính sách thuế đối với phế liệu, phế phẩm, và nguyên liệu vật tư dư thừa của loại hình gia công: <i>(i) Từ ngày 01/9/2016 đến trước ngày 05/6/2018:</i> Theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP thì phế liệu, phế phẩm và nguyên liệu, vật tư dư thừa đã nhập khẩu để gia công không quá 3% tổng lượng từng nguyên liệu, vật tư thực nhập theo hợp đồng gia công được miễn thuế nhập khẩu khi tiêu thụ nộp

STT	Vấn đề	Vướng mắc	Kiến nghị	Nội dung trả lời
				địa nhưng phải kê khai nộp thuế GTGT, thuế TTĐB, thuế BVMT (nếu có) cho cơ quan hải quan. Theo quy định nêu trên thì phế liệu, phế phẩm và nguyên liệu, vật tư dư thừa đã nhập khẩu để gia công không quá 3% tổng lượng từng nguyên liệu, vật tư thực nhập theo hợp đồng gia công chuyển tiêu thụ nội địa thì được miễn thuế nhập khẩu nhưng phải kê khai nộp thuế GTGT, thuế TTĐB, thuế BVMT (nếu có) cho cơ quan hải quan. (ii) Từ ngày 05/6/2018 đến nay (ngày có hiệu lực của Thông tư 39/2018/TT-BTC): Để xử lý vướng mắc nêu trên, Bộ Tài chính đã hướng dẫn thực hiện, theo đó: Việc xử lý thuế đối với phế liệu, phế phẩm được xác định trên cơ sở định mức thực tế sản xuất của doanh nghiệp theo quy định tại khoản 35 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC (Doanh nghiệp không bị giới hạn tỷ lệ 3%):

STT	Vấn đề	Vướng mắc	Kiến nghị	Nội dung trả lời
				Thủ tục kê khai: Doanh nghiệp thực hiện kê khai, nộp thuế theo từng lần (trước khi xuất hóa đơn bán tiêu thụ nội địa) hoặc khai theo tháng và gửi đến cơ quan hải quan thông qua Hệ thống theo chỉ tiêu thông tin quy định tại mẫu số 04 Phụ lục IIa ban hành kèm Thông tư số 39/2018/TT-BTC. Trường hợp thực hiện trên hồ sơ giấy, doanh nghiệp khai theo mẫu số 06/BKKTT/TXNK Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 39/2018/TT-BTC. Cơ quan hải quan cấp số cho bảng kê như đối với trường hợp tờ khai giấy và mở sổ theo dõi riêng đối với bảng kê. Thời hạn nộp thuế đối với phế liệu, phế phẩm là thời điểm kê khai với cơ quan hải quan. Phế liệu, phế phẩm của hợp đồng gia công khi tiêu hủy đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm e khoản 1 Điều 10 Nghị định 134/2016/NĐ-CP thì được miễn thuế nhập khẩu <i>(Tổng cục Hải quan đã có công văn số 7565/TCHQ-TXNK ngày</i>

STT	Vấn đề	Vướng mắc	Kiến nghị	Nội dung trả lời
				25/12/2018 số thứ tự 19 hướng dẫn nội dung này)
8.	Yêu cầu gia hạn thời gian xử lý phế liệu, phế thải và vật tư dư thừa sau khi chấm dứt hợp đồng gia công	Căn cứ khoản 42, Điều 1, Thông tư 39/2018/TT-BTC, doanh nghiệp chế biến phải hoàn thành thủ tục xử lý nguyên liệu, vật tư thừa, phế liệu, phế phẩm, máy móc thiết bị thuê, mượn, sản phẩm gia công trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hoàn thành hoặc ngày hết hạn của hợp đồng gia công. Tuy nhiên, thời gian hoàn thành thủ tục xử lý phế liệu phế thải, vật tư dư thừa quá ngắn khiến công ty gia công gặp nhiều gánh nặng khi phải giữ đúng thời hạn.	Vì vậy, cần phải gia hạn ít nhất 90 ngày kể từ ngày hoàn thành hoặc ngày hết hạn của hợp đồng gia công	Kiến nghị của doanh nghiệp, Tổng cục Hải quan sẽ nghiên cứu sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018) theo hướng: xem xét vẫn giữ nguyên thời hạn 30 ngày như quy định hiện hành nhưng có trường hợp ngoại lệ đối với các trường hợp doanh nghiệp không thể xử lý được trong thời hạn 30 ngày, doanh nghiệp phải nêu rõ lý do và cung cấp hồ sơ đầy đủ; giao thẩm quyền cho Chi cục Hải quan quyết định.
9.	Về việc chính sách không nhất quán về việc hoàn thuế đối với hàng hóa phải tái	Căn cứ điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 19 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13; Điều 34, Nghị định 134/2016/NĐ-CP và Công văn số 4557/TCHQ-TXNK ngày 07/07/2020 của TCHQ, hàng hóa tái xuất được hoàn thuế nhập khẩu nếu hàng hóa đó chưa qua sử dụng hoặc chưa qua sản xuất và được xuất khẩu theo mã loại hình B13.	Do đó, TCHQ cần làm rõ thông qua việc giải thích rõ các quy định hoặc hướng dẫn chi tiết việc hàng hóa có thể tái xuất sử dụng mã B13 không chỉ vì lý do nêu tại 04/2007/TT-BTM mà còn vì mục đích kinh doanh nếu không được sử dụng. Điều này làm rõ rằng hàng hóa tái xuất khẩu với mục đích kinh doanh cũng có thể được hoàn thuế hải quan.	Về vấn đề này, Tổng cục Hải quan đã có công văn số 6529/TCHQ-TXNK ngày 08/10/2020 hướng dẫn như sau: Hàng hóa nhập khẩu sau đó tái xuất nguyên trạng sử dụng mã loại hình B13 (xuất khẩu hàng đã nhập khẩu) được hoàn thuế nhập khẩu và không phải nộp thuế xuất khẩu,

STT	Vấn đề	Vướng mắc	Kiến nghị	Nội dung trả lời
	xuất:	Tuy nhiên, một số cơ quan hải quan cho rằng hàng tái xuất chỉ được khai báo mã số B13 trong trường hợp nêu dưới đây theo quy định tại 04/2007/TT-BTM mặc dù hướng dẫn này đã được bãi bỏ. ① Hàng hóa bị dư thừa hoặc tồn kho; ② Không đáp ứng yêu cầu chất lượng; ③ Không còn phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp		hồ sơ, thủ tục hoàn thuế thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định 134/2016/NĐ-CP. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu sau đó tái xuất nguyên trạng nhưng không sử dụng mã loại hình B13 cũng được hoàn thuế nhập khẩu nếu trên tờ khai tái xuất cơ quan Hải quan đủ cơ sở xác định hàng hóa xuất khẩu là hàng hóa đã nhập khẩu trước đó, đáp ứng điều kiện chưa qua sử dụng, gia công, chế biến theo quy định tại điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 19 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13. Doanh nghiệp kê khai rõ hàng hóa tái xuất thuộc tờ khai nhập khẩu nào trước đây trên tờ khai xuất khẩu. Hướng dẫn tại công văn này thay thế hướng dẫn về mã loại hình tại công văn số 4557/TCHQ-TXNK ngày 7/7/2020 và công văn 6203/TXNK-CST ngày 22/6/2020.
10.	Bỏ nghĩa vụ nộp báo cáo quyết toán vật	Căn cứ Điều 60 Thông tư 38/2015/TT-BTC sửa đổi tại 39/2018/TT-BTC, DNCX phải nộp báo cáo tình hình sử dụng máy móc, thiết bị làm tài sản cố định và vật tư tiêu hao, hàng hóa tiêu hao phục vụ cho hoạt	Do đó, đối với hàng hóa và vật tư tiêu hao, cần phải hỗ trợ các hoạt động sản xuất bằng cách loại bỏ gánh nặng lập báo cáo quyết toán hoặc cho phép quản lý nó một cách đơn giản nhất.	Báo cáo quyết toán tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu đã được quy định tại Điều 60 Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015

STT	Vấn đề	Vướng mắc	Kiến nghị	Nội dung trả lời
	tư tiêu hao	động của DNCX gửi Chi cục Hải quan hàng năm chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp vật tư tiêu hao dùng trực tiếp trong quá trình gia công, sản xuất nhưng không tạo ra trực tiếp sản phẩm, chủng loại của chúng không chỉ quá đa dạng mà còn khó khăn trong việc quản lý số lượng		của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 39 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2020). Theo đó, tại Điều 60 Thông tư đã hướng dẫn cụ thể về nguyên tắc lập báo cáo quyết toán tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu. Về việc khai hải quan đối với vật tư tiêu hao, công cụ, dụng cụ: Tổng cục Hải quan đã có văn bản số 3304/TCHQ-GSQL ngày 27/5/2019 hướng dẫn Cục Hải quan các tỉnh, thành phố thực hiện. Phản ánh của doanh nghiệp chưa rõ doanh nghiệp gặp khó khăn nào trong quá trình thực hiện? Do đó, đề nghị doanh nghiệp trình bày cụ thể vướng mắc, cung cấp đầy đủ hồ sơ, liên hệ Chi cục Hải quan dự kiến làm thủ tục hải quan hoặc Tổng cục Hải quan (qua Cục GSQL) để được hướng dẫn cụ thể hoặc xem xét, sửa đổi văn bản pháp luật có liên quan.
11.	Yêu cầu bãi bỏ kiểm tra chất	Theo công văn số 2410/GSQL-GQ1 và số 859/BKHCN-TĐC về việc thực hiện Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Hàng phi mậu dịch cũng bị kiểm tra nhà nước về chất lượng do	Hàng mẫu được sử dụng khi hàng hóa tắt yếu cần phải kiểm tra và giám định trước khi thực hiện giao dịch thương mại, do đó, việc miễn trừ các yêu cầu đối với hàng	Tại điểm c khoản 3 Điều 1 Nghị định 74/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 7 Nghị định 132/2008/NĐ-CP quy định hàng

STT	Vấn đề	Vướng mắc	Kiến nghị	Nội dung trả lời
	lượng hàng mẫu	không có quy định của pháp luật về “p) Hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh khác (phi mẫu dịch) theo quy định của pháp luật” tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Khoản 7, Điều 7 Nghị định số 132/2008/ NĐ-CP)	mẫu có thể giảm bớt gánh nặng cho các công ty và thúc đẩy giao dịch thương mại. Cơ quan Hải quan Hàn Quốc cũng cho phép miễn giấy phép xuất nhập khẩu đối với hàng hóa dưới đây. ✓ Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu như các giao dịch phụ với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chính ngạch để tạo thuận lợi cho giao dịch thương mại (như hàng hóa được cho là thích hợp làm hàng mẫu hoặc quảng cáo cho hàng hóa mang theo) ✓ Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ngẫu nhiên nhằm mục đích chính là kinh doanh ✓ Hàng hoá được coi là tất yếu để đạt được mục đích kinh doanh bằng cách xuất khẩu, nhập khẩu phi mẫu dịch.	mẫu nhập khẩu để quảng cáo không có giá trị sử dụng; hàng mẫu để nghiên cứu khoa học, nghiên cứu phục vụ sản xuất; mẫu hàng để thử nghiệm phục vụ giám định, chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, thử nghiệm liên phòng thuộc trường hợp miễn kiểm tra chất lượng.
12.	Vấn đề về khai báo hải quan với 1 tờ khai có nhiều vận đơn:	Căn cứ khoản 7 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC thì có thể khai nhiều hơn một vận đơn trên một tờ khai. Tuy nhiên, không thể khai báo trên tờ khai nhiều hơn một vận đơn do hải quan giám sát không thể thực hiện hoạt động giám sát cho tờ khai khai nhiều vận đơn trên 1 tờ khai qua hệ thống VNACSS.	Do đó, VNACSS cần phải nâng cấp để có thể ký giám sát cho trường hợp một tờ khai có nhiều hơn một vận đơn theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 Thông tư 39/2018 / TT-BTC.	<u>Cục GSQL:</u> Điểm i khoản 1 Điều 18 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018) quy định “Một vận đơn phải được khai trên một tờ khai hải quan nhập khẩu. Trường hợp một vận đơn khai cho nhiều tờ

STT	Vấn đề	Vướng mắc	Kiến nghị	Nội dung trả lời
				<i>khai hải quan, nhiều vận đơn khai trên một tờ khai hải quan hoặc hàng hóa nhập khẩu không có vận đơn thì người khai hải quan thực hiện theo hướng dẫn tại mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này”</i> Theo thiết kế hệ thống VNACCS/VCIS và hướng dẫn tại mục 1.26 mẫu số 01 Phụ lục I Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 thì chỉ tiêu số vận đơn trên tờ khai hải quan được khai báo đến 05 số vận đơn nhưng hàng hóa thuộc các vận đơn này phải của cùng một người nhận hàng, cùng tên phương tiện vận tải, vận chuyển trên cùng một chuyến và có cùng ngày hàng đến. Như vậy, hiện pháp luật và hệ thống cho phép người khai hải quan khai đến 05 số vận đơn trên 01 tờ khai hải quan. Hệ thống VNACCS/VCIS được thiết kế chấp nhận khai báo nhiều hơn 1 vận đơn trên tờ khai nhập khẩu. Điều này phù hợp theo hướng dẫn tại thông tư 38/2015/TT-BTC và Thông tư 39/2018/Tt-BTC sửa đổi bổ sung

STT	Vấn đề	Vướng mắc	Kiến nghị	Nội dung trả lời
				một số điều của Thông tư 38/2015/TT-BTC; Tổng cục hải quan (Cục CNTT& Thống kê hải quan) đã tiến hành rà soát, kiểm tra hệ thống VNACCS/VCIS thì không nhận thấy có trường hợp tờ khai nhập khẩu nào không được thông quan với lý do khai báo nhiều hơn 01 vận đơn trên một tờ khai nhập khẩu. Do nội dung vướng mắc theo phản ánh của đại diện VBF không nêu cụ thể về thông tin tờ khai không được thông quan trên hệ thống VNACCS/VCIS nên chưa thể xác định được nguyên nhân chính xác đề nghị đơn vị cung cấp thông tin số tờ khai cụ thể để có căn cứ kiểm tra.
13.	Đề xuất thúc đẩy sự phát triển của ngành sản xuất xe nâng tại Việt Nam	Clark Material Handling Việt Nam là công ty sản xuất và kinh doanh xe nâng và logistics tại tỉnh Hải Dương, Việt Nam. Với lịch sử 117 năm, Clark lần đầu tiên phát triển xe tải công nghiệp vào năm 1903 và trở thành nhà sản xuất xe nâng toàn cầu với công nghệ vượt trội.	Để thúc đẩy sự phát triển của ngành sản xuất xe nâng tại Việt Nam, cần có chính sách khuyến khích cũng như ưu đãi đối với phụ tùng của nó.	Thông tin của doanh nghiệp đưa ra chưa đầy đủ về cấu tạo, thành phần, các bộ phận để sản xuất, lắp ráp thành xe nâng, chưa có thông tin đầy đủ về đặc điểm, chức năng của từng bộ phận của xe nâng. Một số bộ phận của xe nâng được Doanh nghiệp nêu (ví dụ: ốc quy,

STT	Vấn đề	Vướng mắc	Kiến nghị	Nội dung trả lời
		Clark Material Handling Việt Nam được thành lập vào tháng 8 năm 2018 và vận hành 3 nhà máy tại tỉnh Hải Dương với công suất sản xuất 6.000 chiếc/năm. Để thúc đẩy khả năng cạnh tranh của ngành sản xuất thiết bị công nghiệp như xe nâng, xe tải công nghiệp tại Việt Nam, chúng tôi xin đưa ra một số đề xuất như sau: Xe nâng thành phẩm nhập khẩu có thuế suất 0%, trong khi các bộ phận của xe nâng (ắc quy điện, ghế ngồi cho xe có động cơ, cụm trục, v.v.) không thuộc nhóm mã HS 8431.20 có thuế suất từ 5-25%. Đây có thể là sự phân biệt đối xử ngược đối với các nhà sản xuất xe nâng tại Việt Nam, do đó cần phải hạ thuế suất đối với các bộ phận sản xuất xe nâng hoặc áp dụng thuế suất 0%.		ghế ngồi) có thể sử dụng để sản xuất các loại xe, máy móc khác nên việc xem xét điều chỉnh thuế suất các bộ phận xe nâng đòi hỏi cần xem xét tổng thể với các diện mặt hàng khác. Cục Thuế XNK tiếp nhận phản ánh và ý kiến của Doanh nghiệp và đã có tờ trình Lãnh đạo Tổng cục đề xuất có công văn chuyển kiến nghị nêu trên đến Vụ Chính sách thuế - Bộ Tài chính để tổng hợp, xem xét, xử lý theo đúng chức năng, thẩm quyền quy định.

HỘI THẢO GIỮA CÁC CƠ QUAN CHÍNH PHỦ LIÊN QUAN VÀ NCT ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI, NCT NGUỒN NHÂN LỰC, NCT DU LỊCH VBF

8:30 – 11:00, Thứ Sáu, ngày 2/10/2020
Sofitel Metropole Hanoi, 15 Ngõ Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

PHỤ LỤC: BẢNG SO SÁNH VỀ YÊU CẦU VỀ NHẬP CẢNH VÀ AN TOÀN

Quốc gia	1. Danh sách cá nhân/trường hợp được phép nhập cảnh	2. Yêu cầu về an toàn khi nhập cảnh (Xét nghiệm âm tính, bảo hiểm, v.v...)	3. Yêu cầu cách ly và cách thức giám sát và quản lý cách ly
Úc	Những cá nhân sau được phép đến Úc và không cần giấy phép đi lại của Lực lượng Biên phòng Úc: - công dân Úc - thường trú nhân Úc - thành viên gia đình trực tiếp của một công dân hoặc thường trú nhân Úc (cần chứng minh quan hệ trừ khi đã có thị thực vợ/chồng) - công dân New Zealand thường cư trú tại Úc và các thành viên gia đình trực tiếp của công dân đó - nhà ngoại giao được cử đến Úc (có thị thực tiêu loại 995) - du khách quá cảnh Úc từ 72 giờ trở xuống - phi hành đoàn - thủy thủ đoàn bao gồm cả hoa tiêu hàng hải - người được tuyển dụng theo Chương trình Lao động Thời vụ hoặc Chương trình Lao động Thái Bình Dương được Chính phủ phê duyệt - người có thị thực Đầu tư và Đổi mới Kinh doanh (tiểu loại 188)	Tất cả du khách quốc tế đến Úc (bao gồm cả công dân và thường trú nhân Úc) sẽ được sàng lọc y tế liên quan đến COVID-19 trong 48 giờ đầu tiên và sau đó từ ngày 10 đến ngày 12 kể trong thời gian cách ly. Nếu từ chối xét nghiệm, người nhập có thể phải cách ly trong thời gian dài hơn. Việc sắp xếp xét nghiệm chính xác tùy thuộc vào từng tiểu bang và vùng lãnh thổ. Một số người có thị thực, như người có thị thực lao động được người sử dụng lao động bảo đảm phải có bảo hiểm y tế bắt buộc như một phần trong điều kiện để được cấp thị thực làm việc.	Tất cả du khách quốc tế đến Úc (bao gồm cả công dân và thường trú nhân Úc) phải cách ly bắt buộc 14 ngày tại một khách sạn do chính quyền tiểu bang/vùng lãnh thổ chỉ định tại thành phố du khách tới và có thể phải cách ly thêm nếu du khách cần tới một tiểu bang hoặc vùng lãnh thổ khác. Chính quyền tiểu bang và vùng lãnh thổ, với hỗ trợ của Chính phủ Liên bang Úc, quản lý các sắp xếp cách ly bao gồm: - chuyên chở du khách từ điểm đến của họ đến cơ sở cách ly; và - sắp xếp cách ly tại cơ sở lưu trú

	Tất cả những người có/nộp đơn xin cấp thị thực tạm thời khác phải đáp ứng một trong các tiêu chí miễn trừ về đi lại sau đây để nộp đơn và được miễn trừ về đi lại của Lực lượng Biên phòng Úc: • người không phải là công dân đi theo lời mời của Chính phủ Úc hoặc cơ quan chính quyền tiểu bang hoặc vùng lãnh thổ với mục đích hỗ trợ ứng phó với COVID-19 • cung cấp các dịch vụ y tế chuyên khoa hoặc quan trọng, bao gồm cứu thương trên không, sơ tán y tế, và cung cấp vật tư y tế quan trọng • người không phải là công dân được người sử dụng lao động bảo đảm để làm việc tại Úc với một nghề trong Danh sách Nghề nghiệp có Tay nghề Ưu tiên Di cư (PMSOL) • người không phải là công dân mà việc nhập cảnh là vì lợi ích quốc gia theo cách khác, được sự hỗ trợ của Chính phủ Úc hoặc cơ quan chính quyền của tiểu bang hoặc vùng lãnh thổ • quân nhân, bao gồm những người tham gia Thỏa thuận Tình trạng Lực lượng, các Lực lượng Vũ trang Khối thịnh vượng chung, Lực lượng Châu Á Thái Bình Dương, và Thỏa thuận Tình trạng Lực lượng Vũ trang • học sinh hoàn thành năm lớp 11 và 12, có hỗ trợ của cơ quan y tế và giáo dục liên quan thuộc chính quyền Tiểu bang hoặc Vùng Lãnh thổ • đi lại vì lý do trắc ẩn và thuyết phục. • người không phải là công dân có kỹ năng quan trọng hoặc làm việc trong <u>lĩnh vực quan trọng</u> ở Úc, và các kỹ năng/lĩnh vực quan trọng bao gồm:		
--	--	--	--

	- đi theo lời mời của Chính phủ Úc hoặc cơ quan chính quyền của tiểu bang hoặc vùng lãnh thổ với mục đích hỗ trợ ứng phó với COVID-19 - cung cấp các dịch vụ y tế chuyên khoa hoặc quan trọng, bao gồm cứu thương trên không, sơ tán y tế, và cung cấp vật tư y tế quan trọng - có kỹ năng quan trọng cần thiết để duy trì việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ thiết yếu (như công nghệ y tế, hạ tầng quan trọng, viễn thông, kỹ thuật và khai mỏ, kho vận chuỗi cung ứng, chăm sóc người cao tuổi, nông nghiệp, công nghiệp sơ cấp, sản xuất thực phẩm và hàng hải) - cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực quan trọng đối với việc phục hồi kinh tế Úc (như công nghệ tài chính, sản xuất quy mô lớn, sản xuất phim, truyền thông và truyền hình và công nghệ mới nổi), trường hợp không có người lao động Úc - cung cấp kỹ năng quan trọng trong các lĩnh vực tôn giáo hoặc thần học - được người sử dụng lao động bảo đảm để làm việc tại Úc với một nghề trong Danh sách Nghề nghiệp có Tay nghề Ưu tiên Di cư (PMSOL)		
Trung Quốc	Về cơ bản, những cá nhân sau được phép tự do vào Trung Quốc đại lục. • Người mang hộ chiếu Trung Quốc • Cư dân Hồng Kông, Ma Cao và Đài Loan có Giấy phép Đi lại Trung Quốc Đại lục hợp lệ • Người mang thẻ thường trú Trung Quốc	Cần có giấy chứng nhận xét axit nucleic âm tính và khai báo tình trạng sức khỏe để lên máy bay. • Hành khách Trung Quốc và nước ngoài trên các chuyến bay đến Trung Quốc phải có xét nghiệm axit nucleic COVID-19 trong vòng 5 ngày trước khi lên máy bay.	Hiện tại, mọi hành khách đến Trung Quốc đại lục đều phải xét nghiệm COVID và cách ly tập trung 14 ngày khi đến, trừ những người đi từ Ma Cao. Cá nhân đi từ Ma Cao sẽ phải ở Macao ít nhất 14 ngày và phải cung cấp mã y tế hoặc kết quả xét nghiệm COVID âm tính được thực hiện trong vòng 7 ngày

	Người nước ngoài không phải là người thường trú tại Trung Quốc sẽ phải xin thị thực đặc biệt để vào Trung Quốc. Đơn xin thị thực đặc biệt hiện chỉ được cấp trong các trường hợp sau: - Nhu cầu công việc khẩn cấp - Cần phải có chấp thuận trước của Bộ Ngoại giao Trung Quốc. - Nhu cầu nhân đạo khẩn cấp – Cần chấp thuận trước của Đại sứ quán/Lãnh sự quán/Văn phòng Thị thực Trung Quốc nơi nộp đơn xin thị thực. Ở một số quốc gia châu Âu và châu Á, người nước ngoài có giấy phép cư trú hợp lệ của Trung Quốc (làm việc, đoàn tụ, việc riêng) có thể được phép trực tiếp nộp đơn xin thị thực. Việc này phụ thuộc vào hoạt động của Đại sứ quán/Lãnh sự quán/Văn phòng Thị thực cụ thể của Trung Quốc tại quốc gia đó.	- Xét nghiệm sẽ được thực hiện tại các cơ sở được các Đại sứ quán/Lãnh sự quán Trung Quốc ở nước ngoài chỉ định hoặc công nhận. - Hành khách Trung Quốc phải chụp ảnh và tải lên kết quả xét nghiệm axit nucleic COVID-19 âm tính bằng cách sử dụng phiên bản quốc tế của ứng dụng mã QR về y tế trên WeChat. - Hành khách nước ngoài cần đề nghị Đại sứ quán và Lãnh sự quán Trung Quốc cấp Khai báo Y tế và kết quả xét nghiệm COVID-19 âm tính. - Các hãng hàng không liên quan chịu trách nhiệm kiểm tra mã QR y tế của hành khách và Khai báo Y tế trước khi lên máy bay. Các Đại sứ quán và Lãnh sự quán Trung Quốc đã thực hiện các biện pháp tại địa phương như xét nghiệm axit nucleic và áp dụng Khai báo Y tế. Cá nhân phải kiểm tra với công ty hàng không cũng như Đại sứ quán/Lãnh sự quán Trung Quốc phụ trách về các yêu cầu cụ thể của địa phương.	trước khi đi để được miễn cách ly 14 ngày. Những người có kết quả xét nghiệm dương tính khi đến nơi sẽ được đưa đến bệnh viện theo chỉ định để tiếp tục theo dõi y tế. Những người có kết quả xét nghiệm âm tính sẽ được đưa đến khách sạn theo chỉ định để hoàn tất cách ly 14 ngày, và sẽ được ra khỏi khu vực sau khi hoàn thành cách ly. Một vài xét nghiệm nữa sẽ được thực hiện trong thời gian cách ly. Cách ly tại nhà chỉ áp dụng trong một số ít trường hợp trong các tình huống sau, và thực sự phải được chính quyền địa phương phê duyệt. - Người cao tuổi, từ 65 tuổi trở lên - Phụ nữ có thai - Trẻ vị thành niên, dưới 14 tuổi - Người gặp khó khăn khi di chuyển - Người phải chăm sóc người già hoặc trẻ em - Những người có bệnh lý nền (như tiểu đường, cao huyết áp, v.v...)
Hong Kong	- Cư dân Hồng Kông - Nếu một người có thị thực đến Hồng Kông (thị thực mới chờ kích hoạt), người đó sẽ được coi là cư dân và không phải tuân thủ lệnh cấm đi lại đối với người không cư trú.	Hệ thống Khai báo Y tế - Mọi hành khách nhập cảnh vào quốc gia phải thực hiện Khai báo Y tế. - Để bảo đảm thân thiện với môi trường, hành khách được khuyến khích sử	Mọi hành khách nhập cảnh vào Hồng Kông từ những nơi khác đều phải cách ly bắt buộc 14 ngày tại địa điểm được chỉ định (trung tâm cách ly, nhà riêng, hoặc cơ sở lưu

		dụng mẫu trực tuyến. (https://www.chp.gov.hk/hdf/). - Sau khi thực hiện khai báo trực tuyến, hệ thống sẽ tạo mã QR. Vui lòng lưu kết quả và xuất trình cho nhân viên kiểm soát tại cửa khẩu khi nhập cảnh vào Hồng Kông. Mã QR có giá trị trong 48 giờ. - Ngoài ra, hành khách nhập cảnh vẫn có thể tiếp tục khai báo y tế bằng bản giấy. Xét nghiệm nâng cao cho hành khách nhập cảnh - Bắt đầu từ 4 giờ sáng ngày 18/8/2020, những hành khách nhập cảnh vào Hồng Kông qua Sân bay Quốc tế Hồng Kông phải tới Trung tâm Lấy Mẫu Tam thời (TSCC) được thiết lập trong khu vực hạn chế của Sân bay để lấy mẫu nước bọt ở vùng họng sâu ngay khi nhập cảnh. Hành khách phải ở lại TSCC để chờ kết quả xét nghiệm sẽ được trả cùng ngày trước khi làm thủ tục nhập cảnh. Đối với hành khách không có kết quả xét nghiệm ngay trong ngày (thường là hành khách đến vào buổi chiều hoặc buổi tối), hành khách có thể làm thủ tục nhập cảnh ngay sau khi lấy mẫu nước bọt ở vùng họng sâu tại TSCC. Sau đó, hành khách được đưa đến Trung tâm Chờ Kết quả Xét nghiệm (HCTR) của Bộ	trú khác). Hành khách không được có bất kỳ triệu chứng nào và phải được kiểm tra nhiệt độ khi nhập cảnh. Những người có triệu chứng sẽ được chuyển đến Bộ Y tế để tiếp tục xử lý. Những người không phải là cư dân Hồng Kông đến từ các quốc gia và khu vực ở nước ngoài bằng máy bay sẽ bị từ chối nhập cảnh vào Hồng Kông. Trong hai tháng qua, chính quyền Hồng Kông đã mở rộng phạm vi các địa điểm cụ thể, áp dụng các điều kiện căn cứ trên tình hình y tế cộng đồng đối với những hành khách đã đến những địa điểm có nguy cơ cao nhất định trong vòng 14 ngày trước khi đến Hồng Kông. Đối với hành khách đến từ Bangladesh, Ethiopia, Ấn Độ, Indonesia, Nepal, Pakistan, Philippines, Nam Phi, Kazakhstan và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ hoặc đã đến 10 quốc gia này trong 14 ngày trước khi đến Hồng Kông, hành khách phải có Xét nghiệm COVID-19 (được thực hiện trong vòng 72 giờ trước thời gian dự kiến khởi hành) và gửi kết quả xét nghiệm cho các hãng hàng không trước khi làm thủ tục check-in. Chi tiết được đánh dấu vàng
--	--	--	--

		Y tế tại một khách sạn để chờ kết quả xét nghiệm. Tuy nhiên, Bộ Y tế sẽ bố trí linh hoạt tùy theo năng lực xử lý và lượng khách đến của các chuyến bay chiều. Nếu cần thiết, những hành khách nhập cảnh đến vào buổi chiều cũng có thể được sắp xếp để chờ kết quả xét nghiệm tại TSCC. Nhìn chung, hành khách liên quan sẽ chỉ ở lại HCTR một đêm và sẽ được sắp xếp rời đi vào ngày hôm sau khi có kết quả xét nghiệm. Nếu kết quả xét nghiệm âm tính, hành khách sẽ được phép rời khách sạn để về nhà hoặc đến một địa điểm được chỉ định ngay lập tức để tiếp tục hoàn thành đợt cách ly bắt buộc 14 ngày. Những trường hợp được xác nhận dương tính và những người tiếp xúc gần sẽ được sắp xếp nhập viện và đưa trực tiếp đến các trung tâm cách ly được chỉ định. • Nếu số lượng hành khách nhập cảnh trong ngày dự kiến vượt quá năng lực xử lý của hai trung tâm nói trên, Bộ Y tế sẽ áp dụng biện pháp phân loại dựa trên đánh giá rủi ro. Hành khách đến từ các khu vực có rủi ro thấp hơn sẽ tới địa điểm được chỉ định để cách ly bắt buộc trong 14 ngày sau khi lấy mẫu nước bọt tại vùng họng sâu tại TSCC. Nếu kết quả xét nghiệm dương tính, Bộ Y tế sẽ bố trí cho bệnh nhân nhập viện điều trị càng sớm càng tốt và bố	trong thông cáo báo chí đính kèm của chính quyền Hồng Kông ngày 21/8/2020.
--	--	---	---

		trí đưa những người tiếp xúc gần đến trung tâm cách ly.									
Singapore	Những người sau được phép nhập cảnh vào Singapore: a. Công dân Singapore; b. Thường trú nhân Singapore; c. Người có Thẻ Cư trú Dài hạn và/hoặc người nước ngoài được cấp Phê duyệt Nguyên tắc (“IPA”)¹ của các cơ quan chính phủ có liên quan ở Singapore, bao gồm Bộ Nhân lực (“MOM”), Cơ quan Quản lý Xuất Nhập cảnh (“ICA”) - Lưu ý: Hành khách phải được các cơ quan liên quan cho phép nhập cảnh (nơi cấp thẻ cư trú và/hoặc IPA) trước khi đến Singapore; d. Người có Thẻ SafeTravel (Đi lại An toàn) và Air Travel (Thẻ Thông hành bằng Hàng không) - Lưu ý: Vui lòng tham khảo nội dung dưới đây để biết thêm thông tin. • Thẻ SafeTravel: Hành khách đến với mục đích kinh doanh và chính thức từ các quốc gia/khu vực sau sẽ được phép vào Singapore bằng Thẻ SafeTravel. Đơn xin cấp Thẻ SafeTravel phải được một công ty hoặc cơ quan chính phủ ở Singapore bảo đảm. ➢ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, nhưng chỉ giới hạn ở sáu tỉnh và thành phố trực thuộc Trung Quốc (Trùng Khánh, Quảng Đông, Giang Tô, Thượng Hải, Thiên Tân và Chiết Giang);	Mọi hành khách đến Singapore phải thực hiện khai báo y tế, lịch sử đi lại, và nơi ở bằng phương thức điện tử thông qua dịch vụ điện tử <u>SG Arrival Card</u>, trong vòng ba ngày trước ngày đến Singapore. Đối với những người có Thẻ SafeTravel và Air Travel, hành khách có thể được yêu cầu thực hiện xét nghiệm bằng phản ứng chuỗi polymerase COVID-19 (“PCR”) trong vòng 48 hoặc 72 giờ kể từ khi khởi hành tới Singapore và cần xuất trình giấy chứng nhận đã xét nghiệm âm tính với COVID-19, và là một yêu cầu trước khi lên máy bay - tùy thuộc quốc gia khởi hành. Khi đến Singapore, nhóm hành khách này phải thực hiện một xét nghiệm PCR COVID-19 khác. Công dân Singapore, thường trú nhân Singapore và người có Thẻ Cư trú Dài hạn và/hoặc IPA trở về Singapore từ tất cả các quốc gia khác (tức là các quốc gia không có bố trí làn xanh/làn nhanh/thỏa thuận đi lại với Singapore) không phải tuân thủ các yêu cầu liên quan về an toàn trên đây trước khi nhập cảnh.	Những hành khách trở lại Singapore thường được yêu cầu Cách ly Tại nhà 7 hoặc 14 ngày (“SHN”) tại nhà, khách sạn do hành khách chọn hoặc Cơ sở Chỉ định của SHN (“SDF”). Yêu cầu này có thể khác nhau, tùy thuộc tình trạng nhập cư và quốc gia nơi hành khách khởi hành. Dưới đây là tổng quan ngắn gọn về các biện pháp của Singapore đối với hành khách nhập cảnh liên quan đến yêu cầu SHN - Lưu ý: Tình hình COVID-19 biến động liên tục trên toàn thế giới, vì vậy những chi tiết này có thể thay đổi tương ứng: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Lịch sử đi lại trong 14 ngày gần nhất ở các quốc gia/địa điểm</th><th>Công dân Singapore, thường trú nhân Singapore</th><th>Người có Thẻ Cư trú Dài hạn, người có IPA</th><th>Khách du lịch ngắn hạn</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>• Brun ei</td><td>Không bắt</td><td>Không bắt</td><td>Không bắt buộc</td></tr> </tbody> </table>	Lịch sử đi lại trong 14 ngày gần nhất ở các quốc gia/địa điểm	Công dân Singapore, thường trú nhân Singapore	Người có Thẻ Cư trú Dài hạn, người có IPA	Khách du lịch ngắn hạn	• Brun ei	Không bắt	Không bắt	Không bắt buộc
Lịch sử đi lại trong 14 ngày gần nhất ở các quốc gia/địa điểm	Công dân Singapore, thường trú nhân Singapore	Người có Thẻ Cư trú Dài hạn, người có IPA	Khách du lịch ngắn hạn								
• Brun ei	Không bắt	Không bắt	Không bắt buộc								

	➤ Malaysia ➤ Brunei • Thẻ Air Travel: Hành khách đến từ các quốc gia sau đây có thể đến Singapore ngắn hạn nếu đủ điều kiện được cấp Thẻ Air Travel. ➤ Brunei ➤ New Zealand ¹ Những trường hợp này bao gồm những người có thẻ và/hoặc IPA do MOM cấp (ví dụ: Thẻ Làm việc, Thẻ Khởi nghiệp (EntrePass), Thẻ Việc làm Cá nhân, S Pass, Giấy phép Lao động, Thẻ Người phụ thuộc, v.v...) và bởi ICA (ví dụ: Thẻ Thăm thân Dài hạn, Thẻ Sinh viên, v.v...). Người nước ngoài <u>không</u> thuộc bất kỳ nhóm nào nói trên hoặc không có thư chấp thuận nhập cảnh hợp lệ không được phép nhập cảnh vào Singapore.		• New Zealand	buộc thực hiện SHN	buộc thực hiện SHN	thực hiện SHN (đối với những người có Thẻ SafeTravel hoặc Air Travel còn hiệu lực)
			• Úc (trừ bang Victoria) • Macao • Trung hoa đại lục • Malaysia • Đài Loan	SHN 7 ngày tại nơi ở hoặc khách sạn tự chọn;	SHN 7 ngày tại nơi ở hoặc khách sạn tự chọn;	SHN 7 ngày tại nơi ở hoặc khách sạn tự chọn (với những người có thư chấp thuận nhập cảnh hợp lệ)

			Việt Nam			
			Tất cả các quốc gia/địa điểm khác	SHN 14 ngày tại SDF	SHN 14 ngày tại SDF	SHN 14 ngày tại SDF (với những người có thư chấp thuận nhập cảnh hợp lệ)
Những nhóm du khách sau đây sẽ được miễn yêu cầu SHN: - Hành khách nhập cảnh Singapore bằng Thẻ SafeTravel hợp lệ; - Công dân Singapore và thường trú nhân Singapore có Thẻ MyTravelPass do Malaysia cấp, và được chấp thuận miễn SHN cho kỳ nghỉ ngắn hạn ở Singapore; - Du khách nước ngoài nhập cảnh Singapore bằng Thẻ Air Travel hợp lệ; và						

			Công dân Singapore, thường trú nhân Singapore và người có Thẻ Cư trú Dài hạn (có Thư Chấp thuận Nhập cảnh) đã có ít nhất 14 ngày ở Brunei Darussalam và New Zealand trước khi nhập cảnh. <u>Quản lý và Giám sát SHN</u> Để hỗ trợ các nỗ lực của ICA trong việc thực thi yêu cầu SHN, những hành khách nhập cảnh Singapore từ ngày 10/8/2020, từ 23:59' trở đi và không thực hiện SHN tại SDF sẽ được cấp thiết bị giám sát điện tử. Hành khách phải đeo thiết bị này trong toàn bộ thời gian SHN. Hành khách từ 12 tuổi trở xuống (trong năm dương lịch đó) được miễn đeo thiết bị. Ngoài ra, nhân viên giám sát có thể liên hệ với hành khách đang cách ly qua tin nhắn, cuộc gọi video, và/hoặc kiểm tra để đảm bảo hành khách tuân thủ các yêu cầu SHN.
Nhật Bản	Nhật Bản hiện đang áp dụng các biện pháp từ chối nhập cảnh đối với công dân nước ngoài đã đến 159 quốc gia và vùng lãnh thổ chỉ định theo các hạn chế nhập cư theo Đạo luật Kiểm soát Nhập cư và Công nhận Người tị nạn (“Khu vực Bị Từ chối Nhập cảnh”) trong vòng 14 ngày trước khi ngày xin nhập cảnh, trừ trường hợp có “hoàn cảnh đặc biệt” theo	Các yêu cầu an toàn cần tuân thủ trước và sau khi nhập cảnh vào Nhật Bản như sau. Mọi hành khách từ tất cả các quốc gia và khu vực cần thực hiện các bước sau đây trước và sau khi nhập cảnh vào Nhật Bản.	Như đề cập trên đây, nếu hành khách đã ở trong “Khu vực Bị Từ chối Nhập cảnh” theo Đạo luật Kiểm soát Nhập cư và Công nhận Người tị nạn trong vòng 14 ngày trước khi nhập cảnh vào Nhật Bản, hành khách cần được xét nghiệm COVID-19.

	quy định tại Đạo luật Kiểm soát Nhập cư và Công nhận Người tị nạn. Để biết thêm thông tin về các quốc gia và vùng lãnh thổ được chỉ định trên đây và chi tiết về các biện pháp trên đây, vui lòng truy cập (http://www.moj.go.jp/content/001316999.pdf). Các biện pháp hạn chế nhập cảnh liên quan đến COVID-19 tại Nhật Bản thường xuyên được cập nhật, vì vậy vui lòng kiểm tra trang web của Bộ Ngoại giao (https://www.mofa.go.jp/ca/fna/page4e_001053.html) để có thông tin mới nhất.	✓ Đảm bảo có nơi lưu trú để chờ 14 ngày kể từ ngày sau khi hành khách đến nơi theo chỉ định của trường trạm cách ly (ví dụ: nhà của hành khách). ✓ Đảm bảo có phương tiện di chuyển từ sân bay v.v... đến nơi lưu trú mà không sử dụng phương tiện công cộng. ✓ Đăng ký với văn phòng cách ly nơi hành khách sẽ chờ sau khi nhập cảnh vào Nhật Bản và phương thức vận chuyển từ sân bay, v.v... • Ngoài những yêu cầu trên đây, nếu hành khách đã ở trong “Khu vực bị Từ chối Nhập cảnh” được đề cập ở trên theo Đạo luật Kiểm soát Nhập cư và Công nhận Người tị nạn trong vòng 14 ngày trước khi nhập cảnh vào Nhật Bản, hành khách cần thực hiện các bước sau. ✓ Được xét nghiệm COVID-19 ✓ Theo quy định chung, hành khách phải chờ tại khu vực thuộc sân bay hoặc cơ sở do văn phòng cách ly chỉ định cho đến khi có kết quả xét nghiệm (trừ sân bay Fukuoka ở thời điểm hiện tại).	Trung tâm y tế có thẩm quyền đối với địa chỉ mà hành khách ghi trên bảng câu hỏi được nộp cho tới thời điểm hành khách đến Nhật Bản sẽ liên lạc với hành khách qua điện thoại hoặc e-mail để xác nhận tình trạng sức khỏe của hành khách trong 14 ngày sau khi đến Nhật Bản. Ngay cả khi kết quả xét nghiệm COVID-19 là an toàn, hành khách sẽ được yêu cầu chờ trong khu vực an toàn riêng trong 14 ngày kể từ ngày hành khách đến Nhật Bản và phải được các trung tâm y tế xác nhận sức khỏe.
--	---	---	---

		* Mặc dù sẽ phụ thuộc từng trường hợp, có thể biết kết quả vào ngày hôm sau khi đến. Trong trường hợp này, thủ tục nhập cảnh sẽ được tiến hành sau khi có kết quả.	
Đài Loan	<u>Thông tin cơ sở</u> Cách tiếp cận của Đài Loan để chấp thuận nhập cảnh và kiểm soát an toàn có mức độ khác nhau tùy thuộc quốc tịch của hành khách nhập cảnh và địa điểm khởi hành. Nói chung, công dân được phép nhập cảnh và người nước ngoài chỉ được phép nhập cảnh nếu có giấy chứng nhận cư trú hoặc nếu việc nhập cảnh được chính phủ chấp thuận. Về kiểm soát an toàn, hành khách sẽ được cách ly và/hoặc phải gửi kết quả xét nghiệm âm tính. Do mối quan hệ đặc biệt giữa Đài Loan và Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Đài Loan có chế độ đối xử đặc biệt đối với Công dân Trung Quốc. Vì chế độ này không áp dụng cho Việt Nam, chúng tôi sẽ không đề cập đến nội dung này trong phần bình luận dưới đây để trả lời các câu hỏi cụ thể của quý vị. Danh sách những người/trường hợp được phép nhập cảnh: <u>Công dân</u>: Công dân được phép trở lại Đài Loan. <u>Người nước ngoài</u>: A. Có Chứng nhận Cư trú: Được phép nhập cảnh. B. Không có Chứng nhận Cư trú: I. Đối với các mục đích khác ngoài du lịch hoặc thăm hỏi: Có thể xin giấy phép đặc biệt của Bộ Ngoại giao.	<u>Công dân</u>: Cách ly 14 ngày. <u>Người nước ngoài</u>: A. Có Chứng nhận Cư trú: Cách ly 14 ngày. B. Không có Chứng nhận Cư trú: I. Đối với các mục đích khác ngoài du lịch hoặc thăm hỏi: Kết quả xét nghiệm âm tính trong vòng ba ngày kể từ ngày lên máy bay và cách ly 14 ngày. Nếu mục đích của chuyến đi là hoạt động kinh doanh ngắn hạn (dưới ba tháng) và địa điểm khởi hành là quốc gia/địa điểm có rủi ro thấp/trung bình theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền, hành khách có thể xin rút ngắn thời gian cách ly xuống 5 đến 7 ngày. II. Nhân viên y tế quốc tế được Bộ Y tế và Phúc lợi phê duyệt: Kết quả xét nghiệm âm tính trong vòng ba ngày kể từ khi lên máy bay và cách ly 14 ngày. III. Sinh viên và phụ huynh được Bộ Giáo dục phê duyệt: Cách ly 14 ngày.	Việc cách ly được giám sát và quản lý bởi quan chức chính phủ bằng cách: A. Kiểm tra qua điện thoại: Hai lần một ngày. B. Kiểm tra tại chỗ: Tối thiểu một lần trong 14 ngày. C. Nếu hành khách không tuân thủ cách ly hoặc không ở tại nơi cư trú, hành khách có thể bị phạt tiền hoặc giam giữ.

	II. Nhân viên y tế quốc tế được Bộ Y tế và Phúc lợi phê duyệt: Được phép nhập cảnh. III. Sinh viên và phụ huynh được Bộ Giáo dục chấp thuận: Được phép nhập cảnh. IV. Đối với mục đích du lịch hoặc thăm hỏi: Không được phép nhập cảnh.		
Hàn Quốc	Người nước ngoài có nhu cầu nhập cảnh Hàn Quốc vì lý do cần thiết (không bao gồm du lịch) có thể xin thị thực. Phòng vấn sẽ được thực hiện. [Tham khảo: https://overseas.mofa.go.kr/sg-en/brd/m_2444/view.do?seq=761454&srchFr=&srchTo=&srchWord=&srchTp=&multi itm seq=0&itm seq 1=0&itm seq 2=0&company cd=&company n m=&page=1]	Phải có thư của bác sĩ được cấp không quá 48 giờ trước khi nộp đơn xin thị thực. [Tham khảo: http://overseas.mofa.go.kr/sg-en/brd/m_2444/view.do?seq=761454&srchFr=&srchTo=&srchWord=&srchTp=&multi itm seq=0&itm seq 1=0&itm seq 2=0&company cd=&company n m=&page=1] Mọi hành khách trên chuyến bay đến Hàn Quốc sẽ được kiểm tra nhiệt độ tại sân bay khởi hành. Những người bị sốt, có nhiệt độ trên 37,5°C sẽ bị từ chối lên máy bay. Mọi hành khách quốc tế/nội địa đều phải đeo khẩu trang. Mọi hành khách nhập cảnh Hàn Quốc phải được cách ly đặc biệt. - phải có sẵn một số điện thoại - phải có thiết bị di động để cài đặt ứng dụng tự chẩn đoán	Mọi hành khách nhập cảnh (bao gồm cả công dân Hàn Quốc về nước) phải tự cách ly trong 14 ngày khi đến Hàn Quốc bắt đầu từ ngày 1/4/2020. 1. Công dân Hàn Quốc và công dân nước ngoài cư trú tại Hàn Quốc sẽ tự cách ly tại nơi cư trú trong 14 ngày. 2. Công dân nước ngoài đến Hàn Quốc ngắn hạn và công dân Hàn Quốc và/hoặc cư dân nước ngoài có nơi cư trú được coi là không phù hợp để cách ly, sẽ phải cách ly tại một cơ sở được chính phủ chỉ định và hành khách phải trả chi phí. Hành khách phải ký Thỏa thuận Cách ly tại Cơ sở Lưu trú và nộp cho các hãng hàng không. Vợ/chồng và con cháu trực hệ của công dân Hàn Quốc hoặc người cư trú dài hạn tại Hàn Quốc có thể tự cách ly tại nơi cư trú của công dân Hàn Quốc/ người cư trú dài hạn thay vì cơ sở của chính phủ bằng cách cung cấp hồ sơ chứng minh quan hệ gia đình chính thức. Con cháu trực hệ là người có quan

		- hạn chế sử dụng phương tiện giao thông công cộng và chuyển bay nội địa. (<i>Ngoại lệ</i>: cư dân Jeju, người có giấy chứng nhận miễn cách ly, người có thị thực E9) - phải xét nghiệm COVID-19 trong vòng 3 ngày sau khi đến Cá nhân sẽ tự chi trả cho việc nhập viện đối với các bệnh truyền nhiễm cho những bệnh nhân nước ngoài được xác nhận đã đến từ nước ngoài. [Tham khảo: https://www.koreanair.com/global/en/20_02_TSA_detail.html]	hệ trục hệ như ông bà, cha mẹ, con cái. Không bao gồm anh chị em. <i>Ngoại lệ</i>: Áp dụng Giấy chứng nhận Miễn cách ly: - Nhập cảnh liên quan đến lý kinh doanh (hợp đồng, đầu tư, cổ vấn kỹ thuật)/học thuật/nhân đạo quan trọng và khẩn cấp. Nếu các mục đích trên được đáp ứng, hành khách có thể xin “Giấy chứng nhận Miễn cách ly” bằng cách gửi những thông tin sau: + Mục đích kinh doanh/học thuật/công cộng quan trọng và khẩn cấp: • Văn bản giải thích lý do quan trọng và khẩn cấp để nhập cảnh vào Hàn Quốc do công ty Hàn Quốc cấp • Thư mời từ công ty Hàn Quốc • Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty Hàn Quốc được cấp trong vòng 3 tháng trở lại • Công văn của Chính phủ Hàn Quốc (cấp Bộ) • Hộ chiếu (bản chính và bản sao) • Thỏa thuận Miễn Cách ly • Hành trình bay đã xác nhận [Tham khảo: https://overseas.mofa.go.kr/sgen/brd/m_2444/view.do?seq=761451]
--	--	--	--

HỘI THẢO GIỮA CÁC CƠ QUAN CHÍNH PHỦ LIÊN QUAN VÀ NCT ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI, NCT NGUỒN NHÂN LỰC, NCT DU LỊCH VBF

8:30 – 11:00, Thứ Sáu, ngày 2/10/2020
Sofitel Metropole Hanoi, 15 Ngõ Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

TÓM TẮT NỘI DUNG HỘI THẢO

1. Các quy định về nhập cảnh và an toàn trong bối cảnh Covid-19: Chia sẻ một số thực tiễn tốt trong khu vực và đề xuất cho Việt Nam.

Chia sẻ từ các thành viên VBF

- Việt Nam đã kiểm soát rất tốt dịch Covid 19, điều mà các nước trên thế giới, bao gồm cả các nước phát triển cũng chưa làm được và hiện vẫn đang cố gắng kiểm soát dịch.
- Cục diện kinh tế trong nước và thế giới đang xoay chuyển và thay đổi từng ngày. Các doanh nghiệp nội địa và nước ngoài đang cố gắng tái hòa nhập nền kinh tế trong trạng thái bình thường mới.
- Việt Nam hiện được coi là quốc gia an toàn hơn cho việc đi lại và đang dần nới lỏng các hạn chế - đây là một ưu thế lớn cần được tận dụng để phát triển ưu thế cạnh tranh quốc gia.
- Để duy trì ưu thế nêu trên, VBF đề xuất một số khuyến nghị liên quan tới các quy định về nhập cảnh và an toàn trong bối cảnh Covid-19 như sau:
 - Liên tục mở rộng danh sách các quốc gia “rủi ro thấp” và xem xét các lựa chọn cách ly tại nhà riêng/nơi cư trú.
 - Cho phép người nước ngoài nhập cảnh vì mục đích kinh doanh chung.
 - Đơn giản hóa thủ tục nhập cảnh cho người lao động nước ngoài đã có giấy phép lao động hợp lệ hoặc giấy xác nhận được miễn giấy phép lao động.
- Rất nhiều các quốc gia khác áp dụng cách tiếp cận tương tự nêu trên, bên cạnh các quy trình đảm bảo an toàn cho việc nhập cảnh, chẳng hạn như:
 - Kiểm tra trước khi rời nước sở tại
 - Gửi trực tuyến các biểu mẫu (lý do hiệu quả và môi trường)
 - Tùy chọn cách ly tại nhà
 - Kiểm tra và giám sát liên tục*(Chi tiết vui lòng xem tài liệu hội thảo đính kèm)*
- Chi phí xét nghiệm và các chi phí khác là rất lớn. Chính phủ Việt Nam có thể xem xét thu các chi phí này đối với người nước ngoài nhập cảnh.
- Cục Hàng không dân dụng hoặc cơ quan Chính phủ có thẩm quyền lập đầu mối/ website tập hợp tất cả các hãng hàng không có chuyến bay tới Việt Nam, trong đó nêu rõ yêu cầu của các hãng hàng không, để tạo thuận lợi hơn cho khách hàng đặt chuyến bay. Hiện nay, hãng hàng không thường chỉ mở booking 2-3 ngày trước chuyến bay và rất nhiều chuyến bay bị hủy vì không có đủ hành khách, trong khi khách hàng muốn giữ chỗ nhanh nhất có thể và dùng mọi nguồn lực để xin đầy đủ các giấy tờ - mà hiện nay dàn trải tại nhiều cơ quan có thẩm quyền - theo yêu cầu của chuyến bay.
- Đối với các chuyên gia/ lao động có tay nghề cao người Việt Nam mà mong muốn quay trở về nước thì lựa chọn duy nhất của họ là các chuyến bay giải cứu. Các chuyến bay thương mại còn khá hạn chế và yêu cầu quy trình thủ tục giống nhau đối với cả người nước ngoài và người Việt Nam. Chúng tôi khuyến nghị áp dụng quy trình thủ tục đơn giản hơn cho người Việt Nam.

Chia sẻ quan điểm từ Bộ Kế hoạch & Đầu tư và Bộ Ngoại giao

- Các quốc gia có kế hoạch và chính sách ứng phó khác nhau phụ thuộc vào quy mô dân số, mật độ dân số, trình độ phát triển kinh tế xã hội, trình độ dân trí, thể lực của người dân, nền tảng văn hoá của quốc gia, hệ thống y tế dự phòng của quốc gia, nhu cầu năng lực phát triển kinh tế xã hội, ý thức của từng cá thể trong xã hội.
- Chính phủ Việt Nam đang cân nhắc và có giải pháp để giữ cho Việt Nam được an toàn và tạo điều kiện cho mọi chủ thể trong môi trường được hoạt động dễ dàng, thuận lợi.
- Trên thực tế, Chính phủ đã bắt đầu thực hiện một số biện pháp như: mở rộng thêm danh sách các quốc gia ra thuộc diện rủi ro thấp để thí điểm mở lại đường bay thương mại; đơn giản hoá thủ tục xuất nhập cảnh cho người có giấy phép lao động hoặc người chưa có giấy phép lao động nhưng thuộc diện chuyên gia, lao động kỹ thuật... nhập cảnh vào Việt Nam để thực hiện một số công việc đặc thù/ bất thường.
- Dưới góc độ chính sách an sinh xã hội, Chính phủ mong muốn hỗ trợ và phổ cập toàn dân đối với việc cách ly trong thời gian đầu phòng chống dịch. Sau này, sẽ xem xét tính phí hợp lý đối với các cá nhân có khả năng chi trả.
- Về sáng kiến thành lập một đầu mối tập hợp các chuyến bay, chúng tôi xin ghi nhận.
- Chính phủ Việt Nam đã thành lập Ban chỉ đạo Quốc gia về phòng chống dịch COVID, thường xuyên lắng nghe các ý kiến từ doanh nghiệp để đưa ra các giải pháp hiệu quả nhất.

2. Các quy định mới tại Dự thảo Nghị định về tuyển dụng, quản lý lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam

Chia sẻ từ ông Colin Blackwell, Trưởng NCT Nguồn Nhân lực VBF

- Chúng tôi đánh giá cao Dự thảo quy định mới về tuyển dụng và quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho các tổ chức, cá nhân người nước ngoài tại Việt Nam.
- Chúng tôi khuyến khích cho phép tất cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, bao gồm các văn phòng đại diện, được tự do tuyển dụng trực tiếp.
- Lực lượng lao động tại Việt Nam hiện đã rất khác, đặc biệt trong thời điểm xảy ra đại dịch. Lực lượng lao động cũng có những yêu cầu khác nhau. Các doanh nghiệp hiện đại luôn tìm kiếm những ứng viên có kỹ năng tư duy và năng lực kỹ thuật.
- Yêu cầu về lực lượng lao động và lập kế hoạch phát triển lực lượng lao động cần thực hiện phối hợp với ngành giáo dục để nâng cao năng lực cạnh tranh của lực lượng lao động.
- Để đảm bảo hiệu quả về thủ tục hành chính, việc thu thập dữ liệu trực tuyến sẽ phù hợp hơn với khối tư nhân và giúp Chính phủ có bộ dữ liệu chất lượng hơn.

Phản hồi của Đại diện Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội

- Bộ Lao động đang xây dựng khoảng 15 nghị định hướng dẫn Luật lao động. Hiện Bộ đang trình Thủ tướng Chính phủ nghị định về thủ tục đăng ký doanh nghiệp, bỏ khai trình lao động, tích hợp thông tin của khai trình lao động trong phiếu đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thuế, bảo hiểm xã hội – gộp bốn thủ tục hành chính vào một nghị định.
- Nghị định về quản lý lao động tập trung, xây dựng quan hệ lao động cũng đang lấy ý kiến thành viên Chính phủ theo hướng các doanh nghiệp chỉ cần thực hiện báo cáo về quản lý lao động tích hợp với báo cáo bảo hiểm xã hội. Thay vì thực hiện 2 bước tại 2 cơ quan khác nhau thì nay chỉ cần thực hiện một bước tại cổng thông tin điện tử Dịch vụ công Quốc gia.
- Về quản lý lao động làm việc cho cá nhân, tổ chức nước ngoài, chúng tôi nhận được nhiều phản hồi từ các bên và cũng đã bỏ quy định về báo cáo và tuyển dụng thông qua bên trung gian là trung tâm dịch vụ việc làm. Chỉ còn phạm vi nhóm nhỏ là tổ chức quốc tế và đại sứ quán phải thực hiện nghĩa vụ này, tuy nhiên chỉ là thực hiện song song với việc tự đăng tuyển.

- Ngoài ra Bộ cũng đang xây dựng nghị định liên quan đến lao động yếu thế như lao động người khuyết tật, v.v.

Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền, Phó Chủ tịch Tiểu ban Nhân sự và Đào tạo, EuroCham

- Luật Lao động có khoảng 15 nghị định hướng dẫn, trung bình 1 nghị định có 20 báo cáo. Đây là một gánh nặng với doanh nghiệp. Một số thông tin trong các báo cáo đang chồng chéo nhau, mong Bộ lao động xem xét & hợp nhất tất cả báo cáo đó để giảm thiểu thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.
- Thời hạn báo cáo: Rải rác các thời hạn khác nhau, báo cáo hàng tháng/quý/nửa năm. Có những báo cáo không có thời hạn nhất định như 15/5 hay 15/11. Việc doanh nghiệp nhớ thời hạn nộp các báo cáo cũng là một vấn đề.
- Các qui định chồng chéo về quản lý người lao động nước ngoài, bao gồm việc xin giấy phép lao động cho người nước ngoài theo hình thức “dịch chuyển nội bộ”, nghĩa vụ đóng bảo hiểm song trùng, nghĩa vụ thuế, v.v. Kính mong Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tham khảo ý kiến của các Bộ ban ngành khác liên quan để có thể bao quát hết các tình huống của doanh nghiệp và vướng mắc của chúng tôi.

Chia sẻ quan điểm từ đại diện Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội

- Luật lao động 2012 có nhiều Nghị định hướng dẫn hơn bộ luật lần này, một số quy định trước đây nằm rải rác đã được gom lại, chỉ còn 15 nghị định. Trong các nghị định này, chỉ quy định các nội dung kỹ thuật, về báo cáo, chỉ còn lại báo cáo về quản lý lao động. Khi họp thẩm định với Bộ Tư pháp, chúng tôi cũng đã có yêu cầu rà soát kỹ để tránh trường hợp song trùng. Về lao động nước ngoài, doanh nghiệp không cần báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước nữa vì khi nộp hồ sơ để cấp giấy phép lao động đã có thông tin để cơ quan quản lý nhà nước tổng hợp làm báo cáo.
- Vừa rồi, chúng tôi xây dựng một số nghị định về liên thông. Trong đó đã tích hợp những nội dung báo cáo của các đơn vị có liên quan trong cùng một mẫu biểu. Nội dung về mẫu biểu đã được tích hợp giữa bảo hiểm xã hội Việt Nam & cơ quan quản lý người lao động. Nhiệm vụ còn lại giữa bảo hiểm xã hội & cổng thông tin điện tử cần kết hợp chia sẻ dữ liệu cho Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội quản lý, nên sẽ giảm rất nhiều nội dung cần báo cáo cũng như trường dữ liệu không cần thiết.
- Liên quan về “hiện diện thương mại”: Từ khi Nghị định 143 được ban hành, nội dung “dịch chuyển nội bộ” được các Hiệp hội kiến nghị khá nhiều. Tuy nhiên, với nội dung này, Chính phủ Việt Nam không tự đưa ra định nghĩa riêng. Chúng tôi lấy khái niệm trong thỏa thuận WTO. Khi họp bên Thẩm định Bộ Tư pháp, họ cũng khẳng định định nghĩa của WTO đã đủ & chúng ta sẽ thực hiện trên nền tảng này.
- Nội dung đóng Bảo hiểm xã hội liên quan đến Vụ bảo hiểm xã hội. Có một số quốc gia hiện Việt Nam đang tiến hành đàm phán thỏa thuận song phương để tránh đóng song trùng bảo hiểm xã hội như Nhật Bản & Hàn Quốc.

Chia sẻ của Ông Đỗ Văn Sử - Phó Cục trưởng Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch & Đầu tư

- Đối với lao động yếu thế, Việt Nam đã có qui định quản lý với lao động khuyết tật. Việt Nam cũng đã có qui định về ưu đãi & hỗ trợ với doanh nghiệp có 30-50% lao động khuyết tật, dân tộc thiểu số...được Nhà nước hỗ trợ rất nhiều.
- Chúng tôi xin ghi nhận ý kiến từ đại diện VBF để chú ý hơn về khía cạnh nhân văn, nhân đạo với người yếu thế trong xã hội.
- Bản thân Luật Lao động 2019 đã tích hợp rất nhiều nội dung. Ngoài ra, chúng tôi xin thông báo rằng đã có Nghị định 47/2020/NĐ-CP ban hành tháng 4/2020 về Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước. Để triển khai lộ trình này Bộ công nghệ Thông tin & truyền

thông & các cơ quan chuyên ngành sẽ phối hợp để xây dựng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia chung. Các thông tin đã kê khai rồi thì không cần kê lần sau nữa.

- Liên quan qui định Quản lý chồng chéo với người lao động nước ngoài tại Việt Nam, nhu cầu quản lý lao động “dịch chuyển nội bộ” là nhu cầu rất chính đáng. Chúng tôi sẽ rà soát với Bộ Công thương để xem khả năng mở rộng phạm vi của định nghĩa này với những đối tượng nào.
- Về ý kiến của đại diện tiểu ban nhân sự Eurocham liên quan tới miễn trừ giấy phép lao động, hướng cơ chế quản lý của “dịch chuyển nội bộ”, chúng tôi sẽ hướng dẫn kỹ hơn với các Sở khi thẩm định hồ sơ về cấp giấy phép.
- Liên quan Nghị định 143, mức đóng Bảo hiểm căn cứ vào Luật Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Bảo hiểm sắp tới sẽ nghiên cứu để bổ sung vào nghị định này. Chúng tôi sẽ trao đổi kỹ hơn khi có thông tin.

3. Chính sách cần thiết để tái khởi động ngành du lịch

Chia sẻ của Ông Ken Atkinson, Trưởng Nhóm Công tác Du lịch, Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam

- Mở rộng danh sách các quốc gia được miễn thị thực sang tất cả các quốc gia EU, Úc, New Zealand, Mỹ, Canada và các quốc gia châu Á có lượng du khách lớn đến Việt Nam nhưng chưa được miễn thị thực;
- Nâng thời gian miễn thị thực từ 15 lên 30 ngày. Giải pháp này sẽ nâng cao khả năng lực cạnh tranh của ngành du lịch Việt Nam đối với phân khúc du lịch đường dài, bằng cách cho phép du khách lưu trú trong thời gian đủ lâu để khám phá văn hóa và vẻ đẹp thiên nhiên của Việt Nam, đồng thời giúp tăng mức chi tiêu bình quân của du khách đến Việt Nam; hiện thời gian lưu trú được miễn thị thực được giảm xuống chỉ còn 14 ngày;
- Cấp thị thực lưu trú dài hạn 3 tháng cho một số thị trường du lịch ‘outbound’ (đưa người Việt Nam đi du lịch nước ngoài), chẳng hạn như Châu Âu, tập trung vào đối tượng là người cao tuổi có thu nhập cao, vốn thường lưu trú ‘trong suốt mùa đông’;
- Chúng tôi khuyến nghị sử dụng hệ thống khách sạn 2 sao nếu Chính phủ chỉ trả các chi phí cách ly, đồng thời cho phép người bị cách ly tập trung được lựa chọn các cơ sở lưu trú cao cấp hơn nếu họ tự chi trả chi phí. Tất cả người nước ngoài, khi phải thực hiện cách ly, nên được lựa chọn cách ly tại các khách sạn 3, 4 hoặc 5 sao. Điều này sẽ đảm bảo đủ điều kiện và địa điểm cách ly cho cả người Việt Nam và người nước ngoài khi nhập cảnh Việt Nam.
- Phân bổ hợp lý hơn cho quỹ xúc tiến du lịch quốc gia từ nguồn ngân sách Nhà nước để hỗ trợ xúc tiến du lịch;
- Cung cấp miễn thị thực lưu trú ngắn hạn trong thời gian diễn ra sự kiện cho khách doanh nhân và các nhóm đã đăng ký trước và các đại biểu vào Việt Nam để đặc biệt tham dự các cuộc họp, ưu đãi, hội nghị và sự kiện (MICE). Du lịch MICE năng suất cao là một phân khúc năng động trong lĩnh vực du lịch kết hợp hội họp toàn cầu, đồng thời là một nhân tố đóng góp quan trọng cho các phân khúc khách sạn và lữ hành liên quan. Các quy định tạo thuận lợi thị thực cho thời gian lưu trú ngắn ngày và các cơ chế riêng về nhập cảnh đối với khách du lịch MICE sẽ khiến Việt Nam trở thành một điểm đến cạnh tranh hơn và hấp dẫn hơn đối với các hiệp hội và sự kiện hội họp quy mô quốc tế;
- Tạo điều kiện phát triển quan hệ đối tác công-tư để quản lý và vận hành hiệu quả quỹ xúc tiến du lịch, nhằm mục đích đưa Việt Nam trở thành điểm đến hàng đầu trong ASEAN;

Chia sẻ quan điểm từ đại diện Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Mục tiêu trước mắt của ngành Du lịch: Khôi phục lại thị trường nội địa, khi Nhà nước cho phép thì mới tiếp nhận thị trường nước ngoài. Từ Covid đợt 1, Bộ đã đưa ra các giải pháp với Chính phủ, hỗ trợ ngành Du lịch để trong thời kỳ khó khăn, một số giải pháp đã được Chính phủ tiếp thu như giá điện, nước, giảm thuế, các gói ngành du lịch cũng được tham gia trong gói

hỗ trợ 62.000 tỷ đồng nhằm hỗ trợ để vay vốn. Việc giảm thuế không có giá trị khi các doanh nghiệp gần như không có doanh thu.

- Bộ đã kết hợp với các địa phương xây dựng các gói kích cầu & quảng bá rộng rãi.
- Phát triển quỹ hỗ trợ du lịch, do Thủ tướng quy định, vốn điều lệ 30 tỉ.
- Loại hình MICE: đây là loại hình được đặt trọng tâm phát triển. Chúng tôi có chính sách để tạo điều kiện cho vấn đề này, đang xem xét xây dựng, ban hành các tiêu chuẩn để hỗ trợ cho các cơ sở lưu trú. Sự kết nối giữa các cơ sở lưu trú cao cấp để thành một hệ thống, mang tính liên thông, cần thêm thời gian để giải quyết.
- Đề xuất cách ly tại khách sạn: Tất cả các tỉnh đều có danh sách các khách sạn tham gia chương trình-áp dụng cho đối tượng khách tự chi trả, khách chuyên gia. Với khách thuộc chuyến bay giải cứu thì vẫn đưa về khách sạn để dễ quản lý hơn. Bộ Công an sẽ có ý kiến về vấn đề này. Có những cá nhân ý thức chưa cao, cần cơ sở quản lý tập trung và những biện pháp quản lý nghiêm để tránh trốn cách ly.

Chia sẻ quan điểm từ đại diện Bộ Ngoại giao

- Việc cách ly còn cần những người phục vụ, theo sát để hoàn thành tốt việc đó. Khi cách ly xong thì chính những người phục vụ đó cũng cần cách ly. Việc xác định điểm cách ly cùng lúc 100 người khác với điểm chỉ cách ly được 20-50 người. Việc này cần sự phối hợp của các Bộ, ban ngành.
- Riêng đề xuất miễn thị thực với các nước EU, Mỹ thì chúng tôi vẫn gặp khó khăn về chính sách. Có 2 loại miễn thị thực: miễn thị thực đơn phương & miễn thị thực theo hiệp định. Việt Nam đã miễn đơn phương cho 3 nước & theo hiệp định cho nhiều nước. Xu hướng miễn thị thực theo hướng “có đi có lại”. Ngoài ra, việc nâng lên 30 ngày chỉ có thể thực hiện khi kí hiệp định song phương.

TÓM TẮT NỘI DUNG CUỘC HỌP GIỮA BỘ TÀI CHÍNH VÀ VBF NGÀY 25/11/2020

STT	Vấn đề	Vướng mắc	Kiến nghị	Nội dung trả lời
1	Vấn đề 1; Vướng mắc trong việc thực hiện quy chế doanh nghiệp chế xuất (“DNCX”) theo Nghị định 82	Vấn đề 1: Sửa đổi Nghị định 82/2018/NĐ-CP Điều 30 Nghị định 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 (“Nghị định 82”) quy định: “ 1. Khu chế xuất, DNCX được áp dụng quy định đối với khu vực hải quan riêng, khu phi thuế quan trừ các quy định riêng áp dụng đối với khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu. DNCX được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc trong văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Cơ quan đăng ký đầu tư có trách nhiệm lấy ý kiến cơ quan hải quan có thẩm quyền về khả năng đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan trước khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc xác nhận bằng văn bản cho nhà đầu tư. 2. Trong khu công nghiệp có thể có các phân khu công nghiệp dành cho các doanh nghiệp chế xuất. Khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất hoặc phân khu công nghiệp dành cho doanh nghiệp chế xuất được ngăn cách với lãnh thổ bên ngoài bằng hệ thống tường rào, có cổng và cửa ra, vào, bảo đảm điều kiện cho sự kiểm tra, giám sát, kiểm soát của cơ quan hải quan và các cơ quan chức năng có liên quan theo quy định áp dụng đối với khu phi thuế quan, quy định tại pháp luật về	Đề nghị Bộ Tài chính cân nhắc sửa đổi Nghị định 82 theo hướng không đưa ra điều kiện xin ý kiến cơ quan hải quan tại khâu cấp phép cho DNCX. Cơ quan quản lý đầu tư có thể cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho phép doanh nghiệp áp dụng quy chế DNCX dựa trên phương án đầu tư sản xuất xuất khẩu và cam kết của doanh nghiệp. DNCX sẽ có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu quy định tại văn bản pháp quy về hải quan và thuế xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng cho khu phi thuế quan và DNCX. Cơ quan nhà nước sẽ áp dụng cơ chế “hậu kiểm” để kiểm tra việc thực hiện/đáp ứng các điều kiện của DNCX và sẽ áp dụng cơ chế phạt với các vi phạm của	- Bộ Tài chính đã nhiều lần kiến nghị với Bộ kế hoạch đầu tư về việc hủy bỏ nội dung xin ý kiến cơ quan hải quan. Gần đây BTC đã dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 134 quy định chi tiết các luật về thuế xuất nhập khẩu, trong đó có đề cập đến 2 phương án để tháo gỡ vấn đề này. Chúng tôi cũng đã đưa cả nội dung này vào dự thảo sửa đổi Thông tư 219 về thuế GTGT. Về vướng mắc về thuế, theo quy định, người nộp thuế GTGT áp dụng pp khấu trừ thuế thuộc đối tượng hoàn thuế GTGT. Vấn đề là cần xác định doanh nghiệp có thuộc đối tượng nộp thuế GTGT hay không. Nếu thuộc đối tượng nộp thuế thì sẽ được hoàn thuế GTGT. Việc áp dụng mẫu kê khai nào sẽ được thực hiện theo tương ứng. Quy định hiện hành doanh nghiệp chế xuất không phải là đối tượng nộp thuế GTGT, nên không phải là đối tượng hoàn thuế. Do đó, với trường hợp này, doanh nghiệp cần làm rõ với các cơ quan liên quan để giải quyết gốc của vấn đề, làm rõ trong các quy định về pháp luật đầu tư, Nghị Định 82, Luật thuế xuất khẩu, bao gồm cả việc cấp giấy chứng nhận đầu tư là doanh nghiệp chế xuất → mục đích cần xác định đúng đối tượng nộp thuế GTGT trong từng thời kỳ. Bộ tài chính sẽ báo cáo chính phủ để giải quyết vấn đề này.

	<i>thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.</i>” Thực hiện quy định trên của Nghị định 82, khi xem xét cấp phép cho DNCX, cơ quan đầu tư thực hiện xin ý kiến của cơ quan hải quan. Tuy nhiên, cơ quan hải quan cho rằng <i>chưa có quy định nào hướng dẫn cụ thể về việc đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan của cơ quan hải quan và các cơ quan đối với DNCX vì vậy không có căn cứ để xác nhận điều kiện này.</i> Thêm vào đó, nếu xét về điều kiện doanh nghiệp chế xuất phải đảm bảo <i>ngăn cách với lãnh thổ bên ngoài bằng hệ thống tường rào, có cổng và cửa ra, vào, bảo đảm điều kiện cho sự kiểm tra, giám sát, kiểm soát của cơ quan hải quan và các cơ quan chức năng, tại thời điểm xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (“CNĐKĐT”), thì chắc chắn không doanh nghiệp nào có thể đáp ứng</i> vì chỉ sau khi có Giấy CNĐKĐT doanh nghiệp mới có thể tiến hành hoạt động xây dựng nhà xưởng/cải tạo nhà xưởng thuê để đáp ứng các điều kiện nêu trên. Trước thực tế trên, dù cơ quan đầu tư cấp giấy phép cho doanh nghiệp hoạt động theo cơ chế DNCX nhưng thường nêu doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện quy định để được áp dụng cơ chế DNCX. Vì vậy, khi các doanh nghiệp này nhập khẩu máy móc thiết bị trong giai đoạn đầu tư để xây dựng nhà máy, cơ quan hải quan thực tế không cho phép doanh nghiệp áp dụng cơ chế DNCX, theo đó doanh nghiệp vẫn phải nộp thuế ở khâu nhập khẩu. Điều này	doanh nghiệp. Tại công văn số 5476/BTC-CST ngày 07 tháng 5 năm 2020, trả lời cho Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam về đề nghị hoàn thuế GTGT phát sinh trước khi được cơ quan hải quan xác nhận đáp ứng các điều kiện để được hưởng cơ chế DNCX, Bộ Tài chính đã trả lời theo hướng DNCX không được hoàn thuế do không thuộc đối tượng nộp thuế GTGT mà Bộ Tài chính lại không xem xét theo tinh thần của Nghị định 82 (doanh nghiệp chỉ được hưởng cơ chế DNCX khi có xác nhận của cơ quan hải quan). Do các vướng mắc nêu trên, chúng tôi thấy trả lời này là không phù hợp. Vì vậy, trong thời gian chưa sửa đổi Nghị định 82, để thống nhất cách xử lý giữa các cơ quan nhà nước, với các doanh nghiệp chế xuất đã phải nộp thuế GTGT khi mua, nhập khẩu hàng hóa, dịch	
--	--	---	--

		làm tăng gánh nặng tài chính cho doanh nghiệp, ảnh hưởng đến dòng tiền của nhà đầu tư. Vấn đề 2: Hoàn thuế GTGT cho giai đoạn đầu tư (khi doanh nghiệp chưa thỏa mãn điều kiện doanh nghiệp chế xuất) Trong khi cơ quan hải quan thu thuế GTGT ở khâu nhập khẩu như trên, khi doanh nghiệp kê khai và xin hoàn thuế GTGT giai đoạn đầu tư với cục thuế địa phương, các cơ quan thuế địa phương lại cho rằng theo giấy phép doanh nghiệp là doanh nghiệp chế xuất nên không thuộc đối tượng nộp thuế GTGT, nên không có cơ sở để hoàn thuế GTGT cho doanh nghiệp. Việc xử lý không nhất quán của cơ quan hải quan và cơ quan thuế như trên gây nhiều bức xúc, khó khăn cho doanh nghiệp, làm ảnh hưởng đến môi trường đầu tư của Việt Nam.	vụ trước khi được hải quan xác nhận đáp ứng các điều kiện để được hưởng cơ chế DNCX, đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn cho phép các doanh nghiệp được kê khai thuế GTGT đầu vào phát sinh trong giai đoạn đầu tư trên Tờ khai thuế GTGT dành cho dự án đầu tư Mẫu số 02/GTGT và được hoàn thuế GTGT cho giai đoạn đầu tư theo quy định hiện hành. Điều này là hết sức cần thiết để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của doanh nghiệp và nhà đầu tư.	
2	Vấn đề 2: Hành vi vi phạm pháp luật khác ngoài luật thuế (nếu có) của người nộp thuế không thể là tiêu chí đánh giá chi phí	Một số cơ quan thuế có xu hướng khi xử lý các tình huống về thuế thường dựa trên kết luận doanh nghiệp vi phạm pháp luật chuyên ngành, theo đó loại trừ chi phí tính thuế TNDN mà không xem xét đến việc chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ, liên quan trực tiếp tạo ra doanh thu tính thuế TNDN. Theo chúng tôi, việc loại khỏi chi phí được trừ cho mục đích tính thuế TNDN do vi phạm pháp luật chuyên ngành như trên là không hợp lý và không phù hợp với đạo lý và tinh thần của pháp luật thuế TNDN vì: - Quy định pháp luật về thuế TNDN chỉ quy	Đề nghị Bộ Tài chính cần nhắc lại vấn đề trên, chỉ đạo việc thực hiện thu thuế căn cứ trên các quy định hiện hành về thuế. Nếu xử lý thuế cần tham chiếu đến các quy định chuyên ngành khác thì việc tham chiếu đó phải được luật hóa rõ ràng tại các quy định thuế. Có như vậy mới đảm bảo môi trường chính sách thuế minh bạch, nhất	CV5476 ngày 7/5/2020 Bộ tài chính đã có đề cập đến vấn đề này. CV5333 ngày 9/12/2019 – TCT đã trả lời cho trường hợp cụ thể của Hải phòng

	được trừ cho mục đích thuế TNDN	định: doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng các điều kiện tại Điều 6, Thông tư 78/2014/TT-BTC của Bộ tài chính (Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật; Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với khoản chi có hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên. Thông tư không có ràng buộc điều kiện phải thỏa mãn quy định của pháp luật chuyên ngành. - Nếu vi phạm quy định pháp luật chuyên ngành, doanh nghiệp đã phải chịu phạt theo chế tài quy định đối với lĩnh vực chuyên ngành đó và khoản tiền phạt không được ghi nhận cho mục đích tính thuế. Hơn nữa, trong nhiều trường hợp việc vi phạm là do những nguyên nhân khách quan hoặc do thủ tục hành chính khó thực hiện. - Việc ràng buộc quy định ngoài thuế để đánh giá việc tuân thủ thuế của doanh nghiệp là chông chéo, làm tăng gánh nặng cho doanh nghiệp. Bản thân các luật chuyên ngành khác đã có chế tài xử phạt và mức xử phạt đã cân nhắc đến tác động răn đe và ngăn chặn hành vi vi phạm tái diễn. Việc cơ quan thuế cũng đồng thời loại chi phí của doanh nghiệp sẽ làm tăng chi phí không tuân thủ, thậm chí nhiều trường hợp khiến doanh nghiệp mất khả năng kinh doanh. - Hướng dẫn này mở rộng quyền cho cán bộ thuế khi xem xét đánh giá tính hợp lý của các khoản chi phí, dẫn đến việc cơ quan	quản và tạo cơ sở để người thu thuế và nộp thuế thực hiện nghiêm túc và bình đẳng các quy định của pháp luật.	
--	---	--	--	--

		thuế ngoài việc đánh giá tuân thủ quy định thuế còn đánh giá tính tuân thủ với các quy định ngoài thuế. Việc này có thể dẫn đến các hệ quả sau: • Chính sách thiếu minh bạch, khó dự đoán: doanh nghiệp không lường trước được các chi phí của mình sẽ bị loại trong trường hợp nào ngay cả khi các khoản chi đã đáp ứng các điều kiện được trừ tại các quy định thuế TNDN. • Thực hiện thiếu công bằng: việc yêu cầu đáp ứng các yêu cầu của pháp luật có liên quan là quá rộng, chung chung. Bản thân cán bộ thuế không thể nắm vững toàn bộ các luật chuyên ngành khác, do đó sẽ có tình huống khoản chi bị loại tại doanh nghiệp này mà không bị loại tại doanh nghiệp khác do việc xử lý phụ thuộc nhiều hơn vào đánh giá chủ quan của cán bộ thuế. Tại công văn số 5476/BTC-CST ngày 07 tháng 5 năm 2020, trả lời cho Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam về vấn đề này, Bộ tài chính đã hướng dẫn theo hướng doanh nghiệp có các khoản chi về làm thêm giờ cho người lao động, cho trả tiền lương, tiền công, bảo hiểm cho người lao động nước ngoài hoặc chi khuyến mại nếu đáp ứng điều kiện quy định của pháp luật về thuế <u>và pháp luật liên quan</u> thì sẽ được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. Chúng tôi thấy rằng trả lời này của Bộ Tài chính là chưa thỏa đáng, ảnh hưởng đến quyền lợi của doanh nghiệp.		
--	--	--	--	--

3	Vấn đề 3: Thời điểm xác định doanh thu	Thời điểm ghi nhận doanh thu từ hoạt động xuất khẩu cho mục đích tính thuế được quy định trong các văn bản hướng dẫn các luật khác nhau. Cụ thể: Theo Khoản 2, Điều 5, Thông tư 78/2014/TT-BTC, thời điểm xác định doanh thu để tính thu nhập chịu thuế xác định như sau: “<i>Đối với hoạt động bán hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hóa cho người mua</i>”; quy định này phù hợp với nguyên tắc ghi nhận doanh thu quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Khoản 4, Điều 16, Thông tư 219/2013/TT-BTC hướng dẫn về Thuế Giá Trị gia tăng quy định “<i>...Ngày xác định doanh thu xuất khẩu để tính thuế là ngày xác nhận hoàn tất thủ tục hải quan trên tờ khai hải quan</i>”. Như vậy, thời điểm ghi nhận doanh thu xuất khẩu theo quy định về Thuế GTGT và Thuế TNDN/kế toán có thể không trùng nhau do thời điểm xác nhận hoàn tất thủ tục hải quan có thể không trùng với thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa theo thỏa thuận của các bên liên quan/incoterm áp dụng. Mặc dù vậy, trên thực tế, với trường hợp các bên chưa chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa tại thời điểm hoàn tất thủ tục hải quan trên tờ khai hải quan (theo incoterm và theo thỏa thuận giữa các bên), nhiều cán bộ thuế địa phương vẫn căn cứ theo quy định hướng dẫn của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và cho rằng tại thời điểm hoàn tất thủ tục hải quan,	Để thống nhất thực hiện, đề nghị Bộ tài chính cân nhắc lại vấn đề trên và có hướng dẫn rõ ràng cho các cục thuế địa phương về thời điểm xác định doanh thu tính thuế TNDN là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hóa như đã quy định tại Thông tư hướng dẫn thuế TNDN.	Không áp dụng quy định về thời điểm xác định doanh thu tính thuế GTGT cho mục đích tính thuế TNDN.
---	---	---	--	---

		doanh nghiệp đã phải ghi nhận doanh thu cho cả mục đích tính thuế TNDN. Trên cơ sở đó, cơ quan thuế yêu cầu doanh nghiệp điều chỉnh tăng doanh thu tính thuế TNDN tương ứng. Điều này, theo quan điểm của chúng tôi, là chưa phù hợp với quy định và tinh thần của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng như là chế độ kế toán hiện hành. Đồng thời, cũng làm tăng thủ tục hành chính cho doanh nghiệp khi lập tờ khai thuế TNDN do có khác biệt với hạch toán kế toán. Ngoài ra, sẽ gây rất nhiều khó khăn, bức xúc, mất nhiều thời gian và làm khó cho quá trình quản lý của doanh nghiệp, đi ngược với chính sách cải cách thủ tục hành chính của Chính phủ, đồng thời hướng dẫn này thiếu cơ sở pháp lý, trái với quy định về thuế TNDN. Tại công văn số 5476/BTC-CST ngày 07 tháng 5 năm 2020, trả lời cho Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam về vấn đề này, Bộ tài chính đã hướng dẫn từ ngày 01/09/2014 trường hợp doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa thì thời điểm ghi nhận doanh thu tính thuế đối với hoạt động xuất khẩu là ngày xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan trên tờ khai hải quan, trong đó áp dụng cho cả mục đích tính thuế TNDN. Chúng tôi thấy rằng trả lời trên là chưa hợp lý và thỏa đáng.		
4	Vấn đề 4: Chúng tôi đổi với chi phí tiền lương	Theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp, khi quy định về Chi tiền lương, tiền công, tiền thưởng cho người lao động không được khấu trừ cho mục đích tính thuế,	Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, xem xét và có hướng dẫn bổ sung thư bổ nhiệm là một tài liệu chứng minh để tính vào	Kiến nghị này chưa có căn cứ dựa trên các văn bản sau: - CV5476 ngày 7/5/2020 của Bộ tài chính đã nêu vấn đề này. - Nghị định 218/2013 của Chính phủ Tuy nhiên, Bộ tài chính cũng ghi nhận vướng mắc này để cân

	trong trường hợp cá nhân nước ngoài được bổ nhiệm sang Việt Nam theo hình thức di chuyển nội bộ	Thông tư đề cập đến “ <i>Các khoản tiền lương, tiền thưởng, chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động không được ghi cụ thể điều kiện được hưởng và mức được hưởng tại một trong các hồ sơ sau: Hợp đồng lao động; Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn; Quy chế thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc quy định theo quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty.</i> ” Theo thực tiễn quốc tế tại các tập đoàn đa quốc gia, các chuyên gia được phái cử từ công ty mẹ sang làm việc cho hiện diện thương mại tại Việt Nam đều dưới hình thức thư bổ nhiệm. Ngoài ra, pháp luật lao động cũng đã ghi nhận hình thức “<i>Di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp</i>” theo đó quy định “<i>người lao động nước ngoài di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia và lao động kỹ thuật của một doanh nghiệp nước ngoài đã thành lập hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam, di chuyển tạm thời trong nội bộ doanh nghiệp sang hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam và đã được doanh nghiệp nước ngoài tuyển dụng trước đó ít nhất 12 tháng.</i>” Hiện diện thương mại được định nghĩa bao gồm: Công ty có vốn đầu tư NN tại Việt Nam; chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam, ... Khi xin Giấy phép lao động thì đối với trường hợp di chuyển nội bộ, tài liệu yêu cầu là Thư bổ nhiệm làm việc tại Việt Nam của Công ty	chi phí tiền lương, tiền công của doanh nghiệp.	nhắc sửa đổi. Quy định hiện hành chưa có quy định về thư bổ nhiệm, sẽ cân nhắc sửa đổi Thông tư 96 về điểm này.
--	---	---	--	--

		mẹ, thay vì hợp đồng lao động như những trường hợp tuyển dụng trong nước, cũng không quy định doanh nghiệp và cá nhân phải giao kết hợp đồng lao động trong trường hợp di chuyển nội bộ này. Như vậy, ngoài hợp đồng lao động, việc quy định bổ sung thư bổ nhiệm là một tài liệu chứng minh để tính vào chi phí tiền lương, tiền công của doanh nghiệp vào chi phí cho mục đích tính thuế TNDN là hợp lý và nên được cân nhắc để phù hợp với thông lệ quốc tế và pháp luật lao động.		
5	Vấn đề 5: Các bất cập trong Thông tư 48 về Dự phòng	Vấn đề 1 Điều 4 Thông tư 48 quy định về Dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau: <i>Đối tượng lập dự phòng bao gồm nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa, hàng mua đang đi đường, hàng gửi đi bán, hàng hóa kho bảo thuế, thành phẩm (sau đây gọi tắt là hàng tồn kho) mà giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được và đảm bảo điều kiện.</i> Các sản phẩm sản xuất dở dang trong kỳ vẫn có thể bị giảm giá trị tương tự như các loại hàng tồn kho khác, vì vậy vẫn cần phải được lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Theo Thông tư 228 cũ thì các sản phẩm sản xuất dở dang vẫn thuộc đối tượng trích lập dự phòng. Vấn đề 2 Điều 1 Thông tư 48/2019 quy định: <i>Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng: Thông tư 48 áp dụng cho việc trích lập và</i>	Đề nghị Bộ Tài chính cân nhắc bổ sung, sửa đổi Thông tư 48 theo hướng sản phẩm sản xuất dở dang trong kỳ cũng là đối tượng được lập dự phòng. Để cho đúng với tinh thần hướng dẫn của Thông tư 48, đề nghị Bộ Tài chính có quy định rõ ràng về việc khi về mặt kế toán,	Trước đây Thông tư 228 có cho phép trích lập dự phòng sản phẩm sản xuất dở dang trong kỳ, tuy nhiên sau quá trình triển khai thực hiện Thông tư 228 đã có nhiều vấn đề bất cập. Chúng tôi đã lấy ý kiến về dự thảo Thông tư sửa đổi, đã báo cáo Bộ Tài chính để ban hành Thông tư 48 thay thế Thông tư 228 theo hướng hàng hóa, thành phẩm dở dang, nếu đã nằm trong kỳ kế toán thì là hàng hóa đã xuất dùng để đưa vào khâu sản xuất kinh doanh rồi nên sẽ không thuộc đối tượng trích lập dự phòng. Một số trường hợp đặc biệt hàng hóa sản phẩm dở dang không nằm trong kỳ kế toán (năm dương lịch) hoặc nằm trong 1 kỳ kế toán khác mà doanh nghiệp đang áp dụng thì có thể phải cân nhắc thêm để sửa đổi Thông tư 48, như sản phẩm dở dang xây dựng nhà để bán, đầu tư bất động sản. Nếu theo pháp luật kế toán trích lập ít hơn thì doanh nghiệp vẫn được áp dụng theo Thông tư 48 cho mục đích xác định chi phí cho mục đích thuế TNDN. Nếu có sự khác biệt giữa Thông tư 48 (2019) và Thông tư 200 (2014) doanh nghiệp cần căn cứ vào Chuẩn mực kế toán số 17 để thực hiện cho phần chênh lệch của kỳ tính thuế.

	xử lý các khoản dự phòng “<i>làm cơ sở xác định khoản chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định</i>”; trong khi “<i>việc trích lập các khoản dự phòng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính của các tổ chức kinh tế thực hiện theo pháp luật về kế toán</i>”. Trong thực tế, việc áp dụng quy định của Thông tư 48 và quy định của pháp luật kế toán về trích lập dự phòng có thể sẽ dẫn đến một số khác biệt. Ví dụ: có một số trường hợp pháp luật về kế toán không yêu cầu trích lập nhưng thuộc đối tượng trích lập theo Thông tư 48, hoặc số dự phòng tính theo pháp luật kế toán thấp hơn số dự phòng tính theo quy định của Thông tư 48, hoặc số dự phòng tính theo pháp luật kế toán lớn hơn số dự phòng tính theo quy định của Thông tư 48. Vấn đề 3 Theo Khoản 2, Điều 3 Thông tư 48, thời điểm trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng là thời điểm lập báo cáo tài chính năm (cuối kỳ). Thực tế có nhiều hàng hóa có tính chất quay vòng nhanh cần phải được xử lý hủy bỏ, thanh lý vào thời điểm giữa kỳ. Khi đó, doanh nghiệp sẽ không thể trích lập dự phòng theo quy định của Thông tư 48. Ngoài ra, trên cơ sở tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, có thể phát sinh trường hợp doanh nghiệp phải hủy hàng mà trước đó chưa lập dự phòng. Việc hủy hàng là yêu cầu của	doanh nghiệp không trích lập dự phòng hoặc trích lập dự phòng ít hơn thì doanh nghiệp vẫn được áp dụng Thông tư 48 để xác định chi phí cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Đề nghị Bộ Tài chính cân nhắc hướng dẫn cụ thể việc xử lý thuế đối với các trường hợp cụ thể này. Các chi phí liên quan đến hàng hủy phát sinh nêu trên như chi phí thanh hủy, giá vốn hàng hủy nên được ghi nhận thẳng vào chi phí trong kỳ cho mục đích tính thuế TNDN mà không bị ràng buộc bởi điều kiện phải đã được trích lập dự	Nếu thực hiện việc trích lập dự phòng sẽ thực hiện theo Thông tư 48 vào cuối kỳ kế toán. Trong trường hợp xác định cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính thì thực hiện theo quy định pháp luật về lập báo cáo tài chính. Hai việc có sự khác biệt. Khi kết thúc kỳ báo cáo tài chính năm (1/1 - 31/12), cuối năm sẽ hoà nhập và trích lập cho phần mới. Việc trích lập dự phòng theo Thông tư 48 là cơ sở phát sinh các khoản chi phí được trừ cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Về vấn đề xử lý với thanh hủy hàng giữa năm, phía bên cơ quan thuế có thể có thêm ý kiến. Chúng tôi cũng sẽ phối hợp với bên Tổng cục thuế đề nghiên cứu thêm vấn đề này.
--	--	---	--

		hoạt động sản xuất kinh doanh mà không doanh nghiệp nào mong muốn và đã phát sinh trên thực tế. Do đó, không nên ràng buộc điều kiện trước đó doanh nghiệp phải lập dự phòng thì mới được đưa vào chi phí tính thuế cho mục đích thuế TNDN. Về mặt đạo lý, việc Thông tư cho trích lập dự phòng là nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp sản xuất có nguồn dự phòng khi buộc phải thanh hủy hàng hóa. Chính vì vậy, việc cho phép chi phí hàng hủy phát sinh trên thực tế dù không có dự phòng trước đó được ghi nhận vào chi phí cho mục đích tính thuế là phù hợp với tinh thần của đạo lý nêu trên.	phòng trước đó (giả thiết thỏa mãn hai điều kiện b), c) nêu tại khoản 1 Điều 6, Thông tư 78).	
6	Vấn đề 8: Hoàn thuế đối với dự án đầu tư	Căn cứ điểm c2) Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC và công văn số 5580/TCT-KK ngày 2 tháng 12 năm 2016 của Tổng cục thuế, doanh nghiệp thực hiện các dự án đầu tư xây dựng có hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT nhưng chưa có đầy đủ hồ sơ, thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng và đất đai là chưa đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của các pháp luật có liên quan và chưa đủ điều kiện hoàn thuế đối với dự án đầu tư. Trên thực tế, khi cơ quan thuế kiểm tra tại doanh nghiệp, mặc dù tại thời điểm đề nghị hoàn thuế doanh nghiệp đã có giấy phép xây dựng theo quy định của luật xây dựng, cơ quan thuế vẫn không đồng ý hoàn thuế GTGT đầu vào liên quan đến hóa đơn của nhà thầu xây dựng lập trước khi có Giấy phép xây dựng.	Để tránh việc hiểu quy định theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp trong công tác hành thu, đề nghị Bộ tài chính sửa đổi quy định rõ hơn: <i>tại thời điểm đề nghị hoàn thuế, doanh nghiệp chưa có có đầy đủ hồ sơ thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng và đất đai thì chưa đủ điều kiện hoàn thuế đối với dự án đầu tư.</i>	Chúng tôi nhất trí với đề nghị của Quý vị: - tại thời điểm đề nghị hoàn thuế, nếu đã có giấy phép xây dựng thì doanh nghiệp đủ điều kiện để được hoàn thuế - tại thời điểm đề nghị hoàn thuế, nếu chưa có giấy phép xây dựng thì doanh nghiệp chưa đủ điều kiện để được hoàn thuế

		Doanh nghiệp cần đảm bảo đủ các thủ tục pháp lý về đầu tư, xây dựng, đất đai, nhưng nếu thủ tục bị chậm thì không nên vì thế mà không cho doanh nghiệp được hoàn thuế. Mỗi cơ quan nhà nước thực hiện quản lý theo chuyên ngành của mình; nếu doanh nghiệp thực hiện không đúng thì sẽ bị phạt vi phạm hành chính bởi cơ quan quản lý chuyên ngành. Hơn nữa, quy định hiện tại về thuế GTGT không có điều khoản không được hoàn thuế GTGT nếu tại thời điểm đề nghị hoàn thuế doanh nghiệp đã thực hiện xong các thủ tục pháp lý, nhưng bị chậm.		
7	Vấn đề 9: Áp dụng thuế GTGT với hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất kèm cơ sở hạ tầng	Theo khoản 4, Điều 5 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013, các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT gồm: “4. Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng dự án đầu tư để sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng cho doanh nghiệp, hợp tác xã”. Theo Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013, đối tượng không chịu thuế GTGT bao gồm chuyển quyền sử dụng đất. Trên thực tế, ở tại một số doanh nghiệp, nhà đầu tư có nhu cầu thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất cùng cơ sở hạ tầng trên đất cho nhà đầu tư khác và thực hiện theo quy	Do bên chuyển nhượng đã kê khai thuế GTGT đầu ra và do bản chất giao dịch như trên, đề nghị Bộ Tài chính/cơ quan thuế có hướng dẫn để có xử lý thỏa đáng, hợp lý cho doanh nghiệp và các trường hợp tương tự.	<i>Trường hợp công ty Haseco với dự án khu căn hộ dịch vụ CT1, Long Biên, Hà nội.</i> Quyền sử dụng đất thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng dự án đầu tư để sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng cho doanh nghiệp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT. Chuyển nhượng dự án đầu tư thì cần theo quy định của pháp luật đầu tư. Trường hợp của Quý vị theo trình bày là chuyển nhượng cơ sở hạ tầng. Đề nghị làm việc chi tiết với Cục thuế Hà nội. Nếu không thuộc trường hợp trên, cụ thể xác định không phải là chuyển nhượng dự án đầu tư theo pháp luật đầu tư mà là hoạt động kinh doanh bất động sản thì vẫn phải tính thuế GTGT. Bên nhận chuyển nhượng sẽ được kê khai khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào.

		trình chuyển nhượng đất kèm cơ sở hạ tầng. Do đó, bên chuyển nhượng thực hiện xuất hóa đơn theo hướng sau: - Với giá trị quyền sử dụng đất: không tính thuế GTGT do hoạt động này thuộc đối tượng không chịu GTGT; và - Với giá trị cơ sở hạ tầng trên đất: áp dụng mức thuế GTGT phù hợp theo quy định (thông thường là 10%). Bên chuyển nhượng do vậy nộp thuế GTGT đầu ra tương ứng với doanh thu bán cơ sở hạ tầng. Bên nhận chuyển nhượng khi xin hoàn thuế GTGT đầu vào đã trả cho cơ sở hạ tầng đã bị Cục thuế Hà Nội từ chối do cơ quan thuế cho rằng hoạt động chuyển nhượng trên là hoạt động chuyển nhượng dự án nên thuộc đối tượng không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT, trong khi hồ sơ thủ tục của doanh nghiệp hoàn toàn không theo quy định về chuyển nhượng dự án. Chúng tôi cho rằng cách hiểu và vận dụng quy định như trên của cơ quan thuế là mang tính áp đặt và gây khó khăn cho doanh nghiệp. đặc biệt khi nhà nước đã thu thuế GTGT đầu ra tại doanh nghiệp chuyển nhượng cơ sở hạ tầng trước đó khá lâu.		
8	Vấn đề 10: Thuế GTGT áp dụng với dịch vụ cung cấp	Theo Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013, thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu. Dịch vụ xuất khẩu bao gồm dịch vụ cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; cung ứng trực tiếp cho	Chúng tôi đề nghị Bộ tài chính cân nhắc hướng dẫn rõ vấn đề trên, đảm bảo tính áp dụng thống nhất và công bằng cho doanh nghiệp. Cụ thể,	Dù luật và văn bản hướng dẫn đã quy định về đối tượng áp dụng 0%, đã có quy định nguyên tắc về tiêu dùng ngoài Việt Nam hay trong khu thuế quan, nhưng đúng là vẫn có điểm chưa rõ/mờ về vấn đề dịch vụ. Chúng tôi cũng ghi nhận đây là vấn đề vướng mắc về mặt cơ chế, và sẽ cân nhắc để hoàn thiện thêm. Đây cũng là vấn đề

	cho doanh nghiệp chế xuất	tổ chức, cá nhân ở trong khu phi thuế quan và tiêu dùng trong khu phi thuế quan. Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC hướng dẫn Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 cũng có quy định các trường hợp cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp trong khu thuế quan <i>không áp dụng mức thuế suất 0%</i>. Tuy nhiên, trong thực tế thực hiện ở nhiều địa phương, một số cơ quan thuế diễn giải quy định trên theo hướng chỉ cho phép áp dụng 0% với các dịch vụ được cung cấp ở trong khu phi thuế quan. Các dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất nhưng địa điểm cung cấp dịch vụ nằm ngoài khu phi thuế quan vẫn phải áp dụng thuế GTGT 10% do bị coi là tiêu dùng ngoài khu phi thuế quan mặc dù dịch vụ đó phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp chế xuất và không thuộc phạm vi các dịch vụ không áp dụng mức thuế suất 0% nêu trên. Theo quan điểm của chúng tôi, các dịch vụ được cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất để phục vụ hoạt động sản xuất sản phẩm để bán của doanh nghiệp nên được hiểu là được tiêu dùng bởi doanh nghiệp chế xuất. Vì vậy, dù được cung cấp ở ngoài khu phi thuế quan, các dịch vụ này cũng cần phải được áp dụng mức thuế suất 0%. Việc áp dụng thuế suất 10% cho các dịch vụ trên khiến quy định trên không còn nhiều ý nghĩa, tạo gánh nặng chi phí cho các doanh	các dịch vụ được cung cấp cho doanh nghiệp trong khu phi thuế quan (gồm doanh nghiệp chế xuất) để phục vụ hoạt động sản xuất sản phẩm để bán của doanh nghiệp, mà không thuộc các dịch vụ quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC nêu trên, được áp dụng mức thuế suất 0%.	khó, sẽ cố gắng đưa vào quy định các trường hợp cụ thể, nếu có thể được. Còn các trường hợp khó có thể phải giải quyết riêng.
--	---	--	---	--

		ngành chế xuất, gây khó khăn cho doanh nghiệp.		
9	Vấn đề 11: Tỷ giá để xuất hóa đơn và tỷ giá hạch toán	Thông tư 39/2014/TT-BTC về hóa đơn quy định tỷ giá xuất hóa đơn là: tỉ giá ghi trên hóa đơn là “tỷ giá ngoại tệ với đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân của thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập hóa đơn. Trường hợp ngoại tệ thu về là loại không có tỷ giá với đồng Việt Nam thì ghi tỷ giá chéo với một loại ngoại tệ được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tỷ giá”. Thông tư 26/2015/TT--BTC quy định về tỷ giá hạch toán kế toán: “Trường hợp phát sinh doanh thu, chi phí, giá tính thuế bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số <u>200/2014/TT-BTC</u> ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn về chế độ kế toán doanh nghiệp như sau: - Tỷ giá giao dịch thực tế để hạch toán doanh thu là tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi người nộp thuế mở tài khoản...” Như vậy, có sự khác biệt về tỷ giá để xuất hóa đơn và tỷ giá để ghi nhận trên sổ kế toán doanh nghiệp. Trong khi hóa đơn cũng là một chứng từ kế toán và thuế phục vụ việc ghi sổ kế toán.	Đề nghị Bộ Tài Chính cân nhắc sửa đổi Thông tư 39/2014/TT-BTC, theo đó tỷ giá xuất hóa đơn đồng nhất với tỷ giá ghi nhận doanh thu (tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại).	Tham khảo Khoản 3 điều 156, tỷ giá xuất hóa đơn theo tỷ giá ghi nhận doanh thu.
10	Vấn đề 12: Xử lý thuế đối với khoản bồi hoàn chi	Nhân viên công ty mẹ được phái cử sang công ty con tại Việt Nam giữ chức vụ quản lý theo “Thư bổ nhiệm”. Chi phí tiền lương, phúc lợi, các nghĩa vụ đóng góp bắt buộc của cá nhân sẽ do công ty mẹ chi trả hộ và tính 100% theo	Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, xem xét và có hướng dẫn về việc không thu thuế nhà thầu đối với khoản bồi hoàn	Tổng cục thuế đã có quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư 103 (2014) về việc xử lý thuế. Tổng cục đã phối hợp với các đơn vị của Bộ , nếu hoàn trả không phát sinh thu nhập thì không phải chịu thuế nhà thầu NNCông văn 17862/BTC-TCT ngày 09/12/2014

	phí tiền lương của nhân viên phải cử từ công ty mẹ theo hình thức di chuyển nội bộ	thực tế phát sinh (at cost) cho công ty con không kèm khoản phụ trội (mark-up) nào. Công ty con ghi nhận chi phí tiền lương. Thực tế, nhiều cơ quan thuế đang dựa vào các từ ngữ thường có trong Thư bổ nhiệm như là: nhân viên phải cử vẫn là nhân viên của công ty mẹ/ được duy trì những phúc lợi theo hợp đồng lao động với công ty mẹ trong giai đoạn biệt phái, để cho rằng cá nhân không phải là người làm công của công ty con tại Việt Nam trong thời gian được phái cử sang làm việc tại công ty ở Việt Nam và kết luận đây là hoạt động cung cấp dịch vụ, nên chịu thuế nhà thầu. Chúng tôi thấy rằng, cách xử lý như trên là không hợp lý vì các lý do sau: - Đối với trường hợp nhân sự di chuyển trong nội bộ tập đoàn, việc một phần thu nhập của người lao động do công ty con tại Việt Nam có thể trực tiếp chi trả vào tài khoản người lao động mở tại Việt Nam (để phục vụ mục đích sinh hoạt, chi tiêu trong thời gian làm việc tại Việt Nam) và phần thu nhập còn lại do công ty mẹ tại nước ngoài trực tiếp chi trả vào tài khoản người lao động mở tại nước ngoài (để phục vụ mục đích tích lũy thu nhập dài hạn, hoặc thuận tiện cho gia đình của họ chi tiêu ở nước ngoài giúp người lao động yên tâm), sau đó công ty con tại Việt Nam sẽ hoàn trả lại phần chi phí lương mà công ty mẹ tại nước ngoài đã chi trả hộ là thông lệ được áp dụng rộng rãi ở Việt Nam và trên toàn cầu. - Về số tiền bên Việt Nam hoàn trả công ty mẹ:	chi phí tiền lương của nhân viên phải cử từ công ty mẹ theo hình thức di chuyển nội bộ để tránh việc các cơ quan thuế địa phương áp dụng các quan điểm truy thu không nhất quán.	
--	--	--	---	--

		Số tiền hoàn trả được chứng minh là đúng bằng chi phí tiền lương, khoản phúc lợi và đóng góp bắt buộc của người lao động mà công ty mẹ đã thay bên Việt Nam chi trả hộ, mà không kèm bất kỳ khoản phụ trội/ thu nhập nào khác. Công ty mẹ không kiếm lời/ kiếm thu nhập từ hoạt động phái cử nhân sự. Công ty mẹ chỉ bổ nhiệm cá nhân sang làm việc tại công ty con trong giai đoạn nhất định. Với bên Việt Nam, bản chất của khoản chi phí này thuần túy là chi phí tiền lương của người lao động nước ngoài (được công ty mẹ chi trả hộ nên hoàn trả lại) do đó, khoản hoàn trả không phải là phí dịch vụ. - Cũng tại Nghị định 11/2016/ND-CP ngày 03/02/2016 của Chính phủ, việc phái cử nhân viên từ công ty mẹ sang Việt Nam làm việc và giữ chức vụ quản lý tại công ty con được phân loại là hoạt động “di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp” (khoản 1b, Điều 2), khác với hình thức “<i>Thực hiện các loại hợp đồng hoặc thỏa thuận về kinh tế, thương mại, tài chính, ...</i>” (khoản 1c, Điều 2). Việc truy thu thuế nhà thầu đối với khoản hoàn trả có nghĩa là cục thuế đang đánh đồng hình thức di chuyển nội bộ với hình thức thực hiện hợp đồng dịch vụ. Điều này là thiếu khách quan, không phù hợp với pháp luật lao động và cả thực tiễn hiện nay. - Việc trong Thư bổ nhiệm có đề cập đến việc các nhân viên phái cử này vẫn thuộc sự quản lý của công ty mẹ là lẽ dĩ nhiên và phù hợp với thông lệ quốc tế vì tại thời điểm bổ nhiệm, cá		
--	--	---	--	--

	nhân được phái cử vẫn phải là người lao động của bên bổ nhiệm, thì bên bổ nhiệm mới có quyền điều động/ bổ nhiệm cá nhân tới làm việc, giữ chức vụ quản lý tại Công ty con. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với định nghĩa “di chuyển nội bộ” bởi vì một trong các điều kiện để được coi là “di chuyển nội bộ” phải là: cá nhân được bổ nhiệm đã làm việc tại bên điều động trước thời điểm bổ nhiệm tối thiểu 12 tháng, nghĩa là tại thời điểm bổ nhiệm, cá nhân được điều động sang Việt Nam phải là nhân viên của bên điều động. Ngoài ra, cũng với vai trò là bên điều động, công ty mẹ/ bên điều động có quyền xem xét lại vấn đề điều động nếu nhân sự được lựa chọn chưa phù hợp với công ty con ở nước sở tại. - Việc trong Thư bổ nhiệm nêu đề cập: “<i>nhân viên biệt phái vẫn là nhân viên của công ty mẹ, được hưởng các chính sách như hiện hành với Công ty mẹ</i>” thì chỉ là nhằm mục đích cam kết rằng cá nhân sẽ được quay về làm việc tại Công ty mẹ khi hết thời gian biệt phái, giúp đảm bảo về mặt lợi ích trong giai đoạn biệt phái, và cá nhân yên tâm làm việc tại nước ngoài trong giai đoạn biệt phái. Đây là điều rất phổ biến, không làm thay đổi bản chất rằng, khoản chi phí mà bên Việt Nam chi trả là chi phí tiền lương đối với bên Việt Nam. - Trên thực tế, cá nhân được phái cử sẽ làm việc tại công ty con ở Việt Nam trong giai đoạn phái cử, phải tuân thủ các quy định của công ty con, chịu sự phân công làm việc của		
--	--	--	--

		công ty con và tiền chi phí nhân công được công ty con ở Việt Nam chịu trách nhiệm chi trả thông qua công ty mẹ. Xét toàn diện, về mặt bản chất, đây là khoản Công ty mẹ chi hộ chi phí tiền lương tiền công của bên Việt Nam, không phải phí dịch vụ của công ty mẹ, do đó, việc áp đặt thuế nhà thầu là không đúng với bản chất giao dịch. Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng trước đây tại Công văn số 17862/BTC-TCT ngày 09/12/2014, Bộ Tài chính đã từng có hướng dẫn nguyên tắc không thu thuế nhà thầu đối với khoản hoàn chi phí tiền lương nếu (i) khoản thanh toán của công ty con tại Việt Nam cho công ty mẹ tại nước ngoài chỉ đơn thuần là việc bồi hoàn lại toàn bộ tiền lương và các chi phí thực phát sinh mà công ty nước ngoài đã trả hộ công ty Việt Nam cho các chuyên gia biệt phái sang làm việc tại Việt Nam và (ii) các chuyên gia biệt phái đã kê khai và nộp đầy đủ thuế thu nhập cá nhân (“TNCN”) cho thu nhập toàn cầu tại Việt Nam.		
11	Vấn đề 20: Thay đổi cách giải thích quy định pháp luật về phạm vi hoạt động được phép của doanh nghiệp bảo	Theo thông lệ phổ biến và lâu đời của ngành kinh doanh bảo hiểm, nhằm thúc đẩy mô hình đại lý theo cấp bậc, một đại lý cá nhân ngoài việc bán các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cho khách hàng còn thực hiện các hoạt động giới thiệu tuyển dụng và phát triển đội ngũ nhất định. Cụ thể, các đại lý cấp cao sẽ tìm kiếm các ứng viên đại lý tiềm năng và thực hiện giới thiệu tuyển dụng, đào tạo, chia sẻ kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm và sự nhạy bén trong ngành, đồng thời hỗ trợ các đại lý mới	Sự thay đổi đột ngột và không báo trước này là không phù hợp với thông lệ thị trường đã được thiết lập bởi các doanh nghiệp bảo hiểm chủ chốt tại Việt Nam và thông lệ quốc tế và do đó sẽ gây ra tác động nghiêm trọng đến các công ty bảo hiểm nhân thọ. Mô hình đại lý	Câu hỏi không gắn với vụ việc cụ thể, chỉ là bình luận về cách hiểu, nên khó đưa ra câu trả lời chính xác. Xin trả lời về nguyên tắc: Hoạt động kinh doanh bảo hiểm là hoạt động kinh doanh có điều kiện, do đó các khoản chi phí của doanh nghiệp phải tuân thủ cả hai quy định: • Luật thuế thu nhập doanh nghiệp: khoản chi được tính vào chi phí tính thuế phải là khoản chi liên quan đến sản xuất kinh doanh và không thuộc khoản chi bị cấm. • Quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm, Nghị định 13, Thông Tư 50, riêng hoạt động ngân hàng Thông

	hiểm và việc khấu trừ các chi phí liên quan	chuyên nghiệp hóa dịch vụ khách hàng, trang bị và nâng cao kỹ năng bán hàng, giải quyết các yêu cầu bồi thường cho khách hàng và hỗ trợ tương tác với công ty bảo hiểm. Gần đây, Cục Quản Lý, Giám Sát Bảo Hiểm áp đặt quan điểm mới đối với các hoạt động đại lý trong mô hình kinh doanh lâu năm của công ty bảo hiểm, theo đó không công nhận là các hoạt động một đại lý thực hiện trong mô hình đại lý cấp bậc là hoạt động đại lý theo quy định pháp luật. Điều 85 Luật Kinh Doanh Bảo Hiểm số 24/2000/QH10 được Quốc Hội ban hành ngày 9 tháng 12 năm 2000 liệt kê các hoạt động đại lý bảo hiểm sau đây: I. Giới thiệu, chào bán bảo hiểm; II. Thu xếp việc giao kết hợp đồng bảo hiểm; III. Thu phí bảo hiểm; IV. Thu xếp giải quyết bồi thường, trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm; V. Thực hiện các hoạt động khác có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng bảo hiểm. Điều 69 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP, sửa đổi bởi Nghị định số 80/2019/NĐ-CP ("Nghị định 73"), liệt kê các khoản chi liên quan đến hoạt động đại lý của doanh nghiệp bảo hiểm bao gồm: • Chi hoa hồng bảo hiểm • Chi quản lý đại lý bảo hiểm bao gồm chi đào tạo ban đầu và thi cấp chứng chỉ đại lý, chi đào tạo nâng cao kiến thức cho đại lý, chi tuyển dụng đại lý, chi khen thưởng đại	theo cấp bậc được công nhận rộng rãi là mô hình kinh doanh hiệu quả nhất về chi phí cũng như chất lượng theo thông lệ quốc tế trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm. Việc không cho phép khấu trừ các chi phí liên quan đến mô hình này buộc các công ty kinh doanh bảo hiểm phải áp dụng các phương án tốn kém hơn và kém hiệu quả hơn để thực hiện các hoạt động thiết yếu như tuyển dụng, đào tạo và dịch vụ khách hàng. Do đó, các nhà xây dựng luật nên có cái nhìn rộng hơn để công nhận mô hình kinh doanh này và áp dụng pháp luật một cách nhất quán, theo đó chấp nhận tất cả các chi phí liên quan là chi phí hợp lý và hợp pháp cho mục đích tính thuế TNDN.	tư 86 Có 2 loại: Khoản chi chủ động của chủ đầu tư, chủ sở hữu thuộc về vốn doanh nghiệp; và Quỹ hợp đồng, gồm doanh thu chi phí của các hợp đồng của người tham gia bảo hiểm. Các khoản chi phải theo nguyên tắc vì có ảnh hưởng đến quyền lợi của người tham gia bảo hiểm. Mô hình kinh doanh đại lý theo cấp bậc phổ biến ở Việt nam và trên thế giới. Chi phí hoa hồng để quản lý và giám sát các đại lý cấp dưới, phát sinh trong hoạt động kinh doanh Các quy định về bảo hiểm gần đây đã rất cởi mở, đều được tham khảo ý kiến các doanh nghiệp. Ngành bảo hiểm gần đây có nhiều khó khăn, chúng tôi đã tăng cường kiểm tra, giám sát. Các kết luận thanh kiểm tra đều có sự đồng tình của doanh nghiệp. Chúng tôi sẵn sàng lắng nghe các trao đổi, ý kiến của doanh nghiệp.
--	---	---	---	---

		lý và chi hỗ trợ đại lý; và Các khoản chi phí khác theo quy định pháp luật. Tất cả chi phí cho hoạt động giới thiệu tuyển dụng nằm trong phạm vi <i>các hoạt động khác có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng bảo hiểm</i> được quy định tại Điều 85 của Luật Kinh Doanh Bảo Hiểm và các chi phí phát sinh cho các hoạt động này được điều chỉnh bởi Điều 69 Nghị định 73.		
12	Vấn đề 21: Chi phí hỗ trợ đại lý bảo hiểm trả cho ngân hàng không được xem là chi phí được trừ	Theo mô hình "hợp tác giữa công ty bảo hiểm và ngân hàng", công ty bảo hiểm tận dụng được mạng lưới và cơ sở dữ liệu khách hàng sẵn có của ngân hàng để cung cấp sản phẩm bảo hiểm đến khách hàng. Trên cơ sở đó, khi ngân hàng và công ty bảo hiểm hợp tác kinh doanh, công ty bảo hiểm chi trả phí hỗ trợ trước cho ngân hàng là để đổi lại công ty bảo hiểm được tiếp cận cơ sở vật chất sẵn có, dữ liệu khách hàng sẵn có của ngân hàng và sử dụng cơ sở vật chất, mạng lưới địa lý, uy tín thương hiệu và các nguồn lực trong việc phân phối sản phẩm bảo hiểm. Cục QLBH gần đây không cho phép khấu trừ các chi phí liên quan đến các hợp đồng phân phối sản phẩm bảo hiểm thông qua ngân hàng, điều này đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mô hình kinh doanh phổ biến trong ngành bảo hiểm. Điều 7.2 Thông tư liên tịch số 86/2014/TTLT-BTC-NHNNVN của Bộ Tài Chính và Ngân hàng Nhà nước quy định như sau:	Phí trả trước cho các ngân hàng là một thông lệ rất phổ biến trong các thỏa thuận hợp tác phân phối sản phẩm bảo hiểm qua ngân hàng của ngành bảo hiểm, không chỉ ở Việt Nam mà còn ở các thị trường khác ở Châu Á. Các công ty bảo hiểm đạt được các lợi thế trước mắt và về lâu dài từ sự hợp tác kinh doanh bảo hiểm giữa ngân hàng và công ty bảo hiểm, là một trong những nhân tố quan trọng quyết định tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của công ty bảo hiểm.	Nhất trí với ý kiến chi phí tương ứng nên được tính vào chi phí được trừ cho mục đích thuế TNDN.

		"Ngoài hoa hồng bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ được chi trả chi phí quản lý đại lý và các chi phí khác theo quy định pháp luật và được thỏa thuận tại hợp đồng đại lý bảo hiểm." Phí hỗ trợ mà doanh nghiệp bảo hiểm chi trả cho ngân hàng nên được cho phép theo quy định tại Thông tư liên tịch 86 này.		
13	Vấn đề 22: Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") áp dụng cho trang thiết bị y tế nhập khẩu	Theo Nghị định 36/2016/NĐ-CP (Nghị định 36) và Nghị định 169/2018/NĐ-CP (Nghị định 169), việc phân loại trang thiết bị y tế được thực hiện bởi cơ sở đã công bố đủ điều kiện phân loại trang thiết bị y tế, còn Bộ Y tế không thực hiện phân loại trang thiết bị y tế. Mặc dù có quy định trong Nghị định 36 và Nghị định 169, các cơ quan thuế và hải quan vẫn yêu cầu doanh nghiệp cung cấp xác nhận của Bộ Y tế cho trang thiết bị y tế nhập khẩu. Cụ thể, doanh nghiệp phải cung cấp xác nhận của Bộ Y tế để được áp dụng thuế suất thuế GTGT 5% cho thiết bị chuyên dùng, vật tư hóa chất xét nghiệm, diệt khuẩn dùng trong y tế không được đề cập tại Thông tư 26/2015/TT-BTC và Thông tư 83/2014/TT-BTC. Do đó, nhiều mặt hàng trang thiết bị y tế nhập khẩu mà theo Nghị định 36 và Nghị định 169 được phân loại là trang thiết bị y tế hiện nay không được hưởng thuế suất thuế GTGT 5%, ví dụ như: - Sản phẩm trang thiết bị y tế loại A đã có phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng trang thiết bị y tế loại A do Sở Y tế cấp	Chúng tôi kiến nghị Bộ Tài chính cần ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện việc áp dụng thuế suất thuế GTGT cho TTBYT, theo Nghị định 36/2016/NĐ-CP và Nghị định 169/2018/NĐ-CP; đưa ra lộ trình cụ thể cho việc sửa đổi các văn bản hướng dẫn như Thông tư 26/2015/TT-BTC và Thông tư 83/2014/TT-BTC trong thời gian sớm nhất. Chúng tôi cũng mong Bộ Tài chính công bố dự thảo các Thông tư sửa đổi để doanh nghiệp đóng góp ý kiến trước khi ban hành theo đúng quy trình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam.	Đề nghị của doanh nghiệp nêu tại diễn đàn: - Không nên liệt kê từng loại trang thiết bị y tế - Áp dụng 5% với các trường hợp sau: • đối với các thiết bị y tế đã có giấy phép nhập khẩu và giấy chứng nhận đăng ký lưu hành do Bộ Y Tế cấp. • Có thể căn cứ vào kết quả phân loại trang thiết bị y tế do các tổ chức độc lập được Bộ Y Tế công nhận thực hiện phân loại theo quy định của pháp luật. • Đối với trang thiết bị y tế không thuộc 2 trường hợp nêu trên sẽ thuộc nhóm trang thiết bị y tế loại A (không cần danh sách, xác nhận của Bộ Y Tế) Bộ tài chính: Bộ Tài Chính đang trong quá trình soạn thảo văn bản hướng dẫn. Doanh nghiệp có thể tham gia góp ý cho dự thảo Thông tư này.

		theo quy định tại Nghị định 36 và Nghị định 169; - Sản phẩm trang thiết bị y tế loại B, C hoặc D đã có kết quả phân loại TTBYT nhưng không nằm trong Danh mục trang thiết bị y tế phải cấp giấy phép nhập khẩu theo Thông tư 30/2015/TT-BYT; - Các sản phẩm là vật liệu, vật tư tiêu hao, phần mềm (software), phụ kiện và khí y tế được xác định là TTBYT và đã có bản phân loại trang thiết bị y tế là A, B, C hoặc D. Chúng tôi được biết Bộ Tài chính đang soạn dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 83/2014/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn. Tuy nhiên, chúng tôi muốn lưu ý rằng Thông tư 26/2015/TT-BTC cũng là một trở ngại lớn cần được quan tâm. Vấn đề này kéo dài trong thời gian dài đã ảnh hưởng rất lớn đến các doanh nghiệp nhập khẩu trang thiết bị y tế.		
14	Vấn đề của nhóm công tác ngân hàng - Hóa đơn điện tử Doanh Nghiệp Áp Dụng Phát Hành Hóa Đơn Điện Tử Trong Thời Gian Kể Từ Ngày Nghị	Quy định tại Nghị định 123/2020/NĐ-CP về Hóa đơn chứng từ chỉ hướng dẫn chuyển tiếp đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đã thông báo phát hành hóa đơn đặt in, hóa đơn tự in, hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế hoặc đã đăng ký áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, đã mua hóa đơn của cơ quan thuế trước ngày Nghị định này được ban hành thì được tiếp tục sử dụng hóa đơn đang sử dụng kể từ ngày Nghị định này được ban hành đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2022. Tuy nhiên, Nghị định 123 không hướng dẫn chi tiết đối với trường hợp doanh nghiệp áp	Quy định cụ thể trường hợp doanh nghiệp áp dụng phát hành hóa đơn điện tử trong thời gian kể từ ngày Nghị định 123/2020 ban hành đến ngày có hiệu lực (30/6/2022) thì áp dụng quy định tại Nghị Định nào: Nghị định 51/2010 và Nghị định 04/2014 hoặc Nghị định 119/2018?	Ban hành, áp dụng, hiệu lực Nghị Định 123: Theo quy định tại Thông tư 88 ngày 30 tháng 10 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về Hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử vẫn đang tiếp tục áp dụng theo các quy định tại Nghị Định 51/2010, Nghị Định 04/2014 và Thông Tư 32 của Bộ Tài Chính và Quyết Định 1209 năm 2015 của Bộ Tài Chính áp dụng thí điểm. Các văn bản đang thực hiện vẫn tiếp tục thực hiện. Nếu doanh nghiệp có điều kiện áp dụng trước hóa đơn điện tử theo Nghị Định 123 thì có thể được phép áp dụng nhưng phải viết Công văn và được sự chấp thuận của Cơ quan thuế địa phương. Tiến trình áp dụng Nghị Định 123 khác với quá trình hiện

	Định 123/2020 Ban Hành Đến Ngày 30/6/2022 Thì Áp Dụng Quy Định Tại Nghị Định Nào	dụng phát hành mới hóa đơn điện tử trong thời gian kể từ ngày Nghị định 123 ban hành (19/10/2020) đến ngày Nghị định 123 có hiệu lực (30/6/2022) thì áp dụng quy định tại Nghị Định nào: Nghị định 51/2010 và Nghị định 04/2014 hoặc Nghị định 119/2018?	Nếu doanh nghiệp đáp ứng được quy định tại Nghị Định 123/2020, doanh nghiệp có áp dụng quy định tại Nghị định 123/2020 được không?	hành. Hóa đơn điện tử là hệ thống giữa doanh nghiệp và cơ quan thuế: cơ sở vật chất, hạ tầng giữa cơ quan thuế và doanh nghiệp. Tại Nghị Định 123 đã nói rõ và Thông Tư 88 cũng nói rõ hiệu lực thi hành. Về thủ tục hành chính và hóa đơn, Nghị Định 122 có mẫu đăng ký thành lập doanh nghiệp mới, theo đó doanh nghiệp có thể đăng ký áp dụng hóa đơn điện tử theo quy định nào . Nếu doanh nghiệp mới thành lập thì áp dụng theo quy định hiện hành. Nếu chọn hóa đơn điện tử thì áp dụng 51, 04 và 123. Tại thời điểm hiện tại đã có đủ cơ sở xác định hiệu lực bằng văn bản. Trường hợp cụ thể thì kiến nghị lên cơ quan thuế để giải quyết cụ thể vướng mắc tại cơ quan thuế.
15	Vấn đề 6: Chi phí trong giao dịch liên kết	Khoản 2a Điều 8 Nghị định 20 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết quy định: “<i>Trừ các khoản chi quy định tại điểm b khoản này, người nộp thuế được trừ các khoản chi phí dịch vụ vào chi phí tính thuế trong kỳ nếu đáp ứng đủ các điều kiện như sau: Dịch vụ được cung cấp có giá trị thương mại, Tài chính, kinh tế và phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của người nộp thuế; dịch vụ từ các bên liên kết chỉ được xác định đã cung cấp trong điều kiện hoàn cảnh tương tự các bên độc lập chi trả cho các dịch vụ này;</i>”. Trên thực tế, một số cơ quan thuế địa phương đã diễn giải và áp dụng quy định trên theo hướng chỉ cho phép công ty con ở Việt nam được khấu trừ chi phí dịch vụ trả cho Công ty mẹ nếu Công ty mẹ cũng cung cấp dịch vụ tương tự cho một bên độc lập khác. Việc quy định và áp dụng như vậy là không hợp lý và không công bằng cho doanh nghiệp vì trên	Đề nghị Bộ Tài chính cân nhắc vấn đề trên và sửa đổi cho phù hợp nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của doanh nghiệp.	Trên thực tế, một số cơ quan thuế địa phương đã diễn giải và áp dụng quy định trên theo hướng chỉ cho phép công ty con ở Việt nam được khấu trừ chi phí dịch vụ trả cho Công ty mẹ nếu Công ty mẹ cũng cung cấp dịch vụ tương tự cho một bên độc lập khác. TCT Phản hồi: Có thể do cách hiểu chưa chính xác. Bản chất ở đây là giao dịch cần được xác định theo nguyên tắc giao dịch độc lập, chứ ko có yêu cầu phải cung cấp cho cả bên liên kết và bên độc lập, vấn đề là phải theo nguyên tắc bản chất quyết định hình thức - thực sự cung cấp cho bên liên kết mới được xác định là chi phí. Đồng thời, phải đc xác định theo nguyên tắc giao dịch độc lập. tất cả nằm trong nguyên tắc phân tích so sánh, nguyên tắc xác định giá. Bản thân Nghị định 132 đã chỉnh sửa câu chữ, cắt chữ “chi”, để tránh hiểu nhầm. VBF: thêm một vấn đề nhỏ nữa cũng ở trong phần chuyển giá. Ví dụ: 1 DN, họ mua nguyên vật liệu của cty mẹ, bán sản phẩm cho cty mẹ nhưng bán đến 5 sản phẩm, cuối cùng overall profit vẫn có lãi rất tốt-6%. Nhưng nếu tách riêng từng sản phẩm thì có SP lỗ, có SP lãi. Mỗi người hiểu 1 cách khác

		thực tế không phải lúc nào nhà cung cấp cũng cung cấp cùng một dịch vụ cho nhiều đối tác khác nhau. Việc cung cấp dịch vụ là dựa trên nhu cầu thực tế của các bên. Hơn nữa, trước pháp luật, công ty mẹ và công ty con là các pháp nhân độc lập nên nếu công ty mẹ làm cho công ty con các công việc nhằm phục vụ hoạt động sản xuất của công ty con thì công ty mẹ tính tiền phí dịch vụ cho công ty con là hợp lý. Miễn là giao dịch giữa hai bên thỏa mãn các yêu cầu đối với giao dịch liên kết cũng như phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty con và có đầy đủ các hóa đơn, chứng từ theo quy định của luật thuế TNDN thì khoản chi phí cho giao dịch đó cần phải được khấu trừ cho công ty con.		n nhau. Có những cục thuế địa phương ngta nghĩ: bán cả combo 5 SP cho cty mẹ, nên cuối năm tổng doanh thu trừ chi phí vẫn lãi tốt. Có Cục thuế bảo không, tách ra từng SP, SP lãi 12% thì chấp nhận, SP lỗ thì cần điều chỉnh lãi về mức lãi chung trên – xin Tổng cục thuế cho biết quan điểm? Tổng cục thuế: phần này liên quan chi tiết cụ thể khi thực hiện thanh tra kiểm tra, theo ngắtt phân tích so sánh đều là ngắtt dựa trên <u>từng SP & từng giao dịch</u>- ngắtt trong NĐ 20 cũng như NĐ132, tất cả ngắtt từ xưa đều qui định như thế. Trong trường hợp không tách được giao dịch thì lúc ấy mới phải gộp giao dịch. Với giao dịch mà DN đã có thể tách ra đc, thì DN có nghĩa vụ chứng minh giao dịch này đặc thù, ví dụ: giao dịch lỗ thì sản phẩm đấy phải chứng minh được nó có đặc thù gì. Ví dụ từ phần mua nguyên vật liệu, giá bán ra, có những đặc thù gì khác biệt. Khi anh chị lựa chọn những giao dịch so sánh, anh chị phải chứng minh được điều đấy thì mới xử lí được. Bây giờ gộp vào, tổng thể có thể lãi, với từng SP, phải thực hiện theo ngắtt so sánh theo Nghị định đã qui định. Trong trường hợp chứng minh được SP có những nguyên liệu mua đã theo ngắtt giao dịch độc lập & bán ra SP cũng đã theo ngắtt giao dịch độc lập mà vẫn dẫn đến lỗ thì nêu doanh nghiệp chứng minh được thì phải chấp nhận. Còn nếu DN không chứng minh được thì phải thực hiện điều chỉnh theo qui định.
16	Vấn đề 12: Xử lý thuế đối với khoản bồi hoàn chi phí tiền lương của nhân viên phải cử từ công ty mẹ theo hình	Nhân viên công ty mẹ được phái cử sang công ty con tại Việt Nam giữ chức vụ quản lý theo “Thư bổ nhiệm”. Chi phí tiền lương, phúc lợi, các nghĩa vụ đóng góp bắt buộc của cá nhân sẽ do công ty mẹ chi trả hộ và tính 100% theo thực tế phát sinh (at cost) cho công ty con không kèm khoản phụ trội (mark-up) nào. Công ty con ghi nhận chi phí tiền lương. Thực tế, nhiều cơ quan thuế đang dựa vào các từ ngữ thường có trong Thư bổ nhiệm như là:	Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, xem xét và có hướng dẫn về việc không thu thuế nhà thầu đối với khoản bồi hoàn chi phí tiền lương của nhân viên phải cử từ công ty mẹ theo hình thức di chuyển nội bộ để tránh việc các cơ quan thuế địa phương áp dụng các quan	Nội dung này là vướng mắc ở cục Thuế HN. Tổng Cục Thuế & các đơn vị thuộc Bộ đã có ý kiến: các khoản thu hộ chi hộ này, nếu là khoản hoàn trả không phát sinh thu nhập, thể hiện rõ qua kiểm tra sổ sách kế toán thì sẽ không thu thuế. Sẽ có công văn trả lời.

	thức di chuyển nội bộ	nhân viên phái cử vẫn là nhân viên của công ty mẹ/ được duy trì những phúc lợi theo hợp đồng lao động với công ty mẹ trong giai đoạn biệt phái, để cho rằng cá nhân không phải là người làm công của công ty con tại Việt Nam trong thời gian được phái cử sang làm việc tại công ty ở Việt Nam và kết luận đây là hoạt động cung cấp dịch vụ, nên chịu thuế nhà thầu. Chúng tôi thấy rằng, cách xử lý như trên là không hợp lý vì các lý do sau: - Đối với trường hợp nhân sự di chuyển trong nội bộ tập đoàn, việc một phần thu nhập của người lao động do công ty con tại Việt Nam có thể trực tiếp chi trả vào tài khoản người lao động mở tại Việt Nam (để phục vụ mục đích sinh hoạt, chi tiêu trong thời gian làm việc tại Việt Nam) và phần thu nhập còn lại do công ty mẹ tại nước ngoài trực tiếp chi trả vào tài khoản người lao động mở tại nước ngoài (để phục vụ mục đích tích lũy thu nhập dài hạn, hoặc thuận tiện cho gia đình của họ chi tiêu ở nước ngoài giúp người lao động yên tâm), sau đó công ty con tại Việt Nam sẽ hoàn trả lại phần chi phí lương mà công ty mẹ tại nước ngoài đã chi trả hộ là thông lệ được áp dụng rộng rãi ở Việt Nam và trên toàn cầu. - Về số tiền bên Việt Nam hoàn trả công ty mẹ: Số tiền hoàn trả được chứng minh là đúng bằng chi phí tiền lương, khoản phúc lợi và đóng góp bắt buộc của người lao động mà công ty mẹ đã thay bên Việt Nam chi trả hộ, mà không kèm bất kỳ khoản phụ trội/ thu nhập nào khác. Công ty mẹ không	điểm truy thu không nhất quán.	
--	------------------------------	--	--------------------------------	--

		kiếm lời/ kiếm thu nhập từ hoạt việc phái cử nhân sự. Công ty mẹ chỉ bổ nhiệm cá nhân sang làm việc tại công ty con trong giai đoạn nhất định. Với bên Việt Nam, bản chất của khoản chi phí này thuần túy là chi phí tiền lương của người lao động nước ngoài (được công ty mẹ chi trả hộ nên hoàn trả lại) do đó, khoản hoàn trả không phải là phí dịch vụ. - Cũng tại Nghị định 11/2016/ND-CP ngày 03/02/2016 của Chính phủ, việc phái cử nhân viên từ công ty mẹ sang Việt Nam làm việc và giữ chức vụ quản lý tại công ty con được phân loại là hoạt động “di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp” (khoản 1b, Điều 2), khác với hình thức “<i>Thực hiện các loại hợp đồng hoặc thỏa thuận về kinh tế, thương mại, Tài chính, ...</i>” (khoản 1c, Điều 2). Việc truy thu thuế nhà thầu đối với khoản hoàn trả có nghĩa là cục thuế đang đánh đồng hình thức di chuyển nội bộ với hình thức thực hiện hợp đồng dịch vụ. Điều này là thiếu khách quan, không phù hợp với pháp luật lao động và cả thực tiễn hiện nay. - Việc trong Thư bổ nhiệm có đề cập đến việc các nhân viên phái cử này vẫn thuộc sự quản lý của công ty mẹ là lẽ dĩ nhiên và phù hợp với thông lệ quốc tế vì tại thời điểm bổ nhiệm, cá nhân được phái cử vẫn phải là người lao động của bên bổ nhiệm, thì bên bổ nhiệm mới có quyền điều động/ bổ nhiệm cá nhân tới làm việc, giữ chức vụ quản lý tại Công ty con. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với định nghĩa “di chuyển nội bộ” bởi vì một trong các điều		
--	--	---	--	--

		kiện để được coi là “di chuyển nội bộ” phải là: cá nhân được bổ nhiệm đã làm việc tại bên điều động trước thời điểm bổ nhiệm tối thiểu 12 tháng, nghĩa là tại thời điểm bổ nhiệm, cá nhân được điều động sang Việt Nam phải là nhân viên của bên điều động. Ngoài ra, cũng với vai trò là bên điều động, công ty mẹ/ bên điều động có quyền xem xét lại vấn đề điều động nếu nhân sự được lựa chọn chưa phù hợp với công ty con ở nước sở tại. - Việc trong Thư bổ nhiệm nêu đề cập: <i>“nhân viên biệt phái vẫn là nhân viên của công ty mẹ, được hưởng các chính sách như hiện hành với Công ty mẹ”</i> thì chỉ là nhằm mục đích cam kết rằng cá nhân sẽ được quay về làm việc tại Công ty mẹ khi hết thời gian biệt phái, giúp đảm bảo về mặt lợi ích trong giai đoạn biệt phái, và cá nhân yên tâm làm việc tại nước ngoài trong giai đoạn biệt phái. Đây là điều rất phổ biến, không làm thay đổi bản chất rằng, khoản chi phí mà bên Việt Nam chi trả là chi phí tiền lương đối với bên Việt Nam. - Trên thực tế, cá nhân được phái cử sẽ làm việc tại công ty con ở Việt Nam trong giai đoạn phái cử, phải tuân thủ các quy định của công ty con, chịu sự phân công làm việc của công ty con và tiền chi phí nhân công được công ty con ở Việt Nam chịu trách nhiệm chi trả thông qua công ty mẹ. Xét toàn diện, về mặt bản chất, đây là khoản Công ty mẹ chi hộ chi phí tiền lương tiền công của bên Việt Nam, không phải phí dịch vụ của		
--	--	--	--	--

		công ty mẹ, do đó, việc áp đặt thuế nhà thầu là không đúng với bản chất giao dịch. Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng trước đây tại Công văn số 17862/BTC-TCT ngày 09/12/2014, Bộ Tài chính đã từng có hướng dẫn nguyên tắc không thu thuế nhà thầu đối với khoản hoàn chi phí tiền lương nếu (i) khoản thanh toán của công ty con tại Việt Nam cho công ty mẹ tại nước ngoài chỉ đơn thuần là việc bồi hoàn lại toàn bộ tiền lương và các chi phí thực phát sinh mà công ty nước ngoài đã trả hộ công ty Việt Nam cho các chuyên gia biệt phái sang làm việc tại Việt Nam và (ii) các chuyên gia biệt phái đã kê khai và nộp đầy đủ thuế thu nhập cá nhân (“TNCN”) cho thu nhập toàn cầu tại Việt Nam.		
17	Vấn đề 13: Tỷ giá tính thuế nhà thầu	Hiện có các công văn của Tổng cục thuế hướng dẫn về tỉ giá tính thuế nhà thầu như sau: - Công văn 2049/TCT-CS của TCT ngày 28/5/2018 hướng dẫn chung, nhưng được hiểu là áp dụng tỷ giá mua vào của Ngân hàng TM nơi bên Việt Nam mở TK, do đây là doanh thu của nhà thầu. - Công văn 2586/TCT-CS ngày 28/6/2018 của TCT hướng dẫn áp dụng tỷ giá bán ra của NHTM của bên Việt Nam chi trả hộ. - Công văn 3720/TCT-CS ngày 1/10/2018 TCT trả lời VBF – trả lời giống Công văn 2049. - Thực tế nhiều Cục thuế đang yêu cầu Doanh nghiệp áp dụng tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại để tính thuế của nhà thầu. Các công văn trên của Tổng cục thuế trả lời	Đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn rõ để thống nhất thực hiện trên toàn quốc.	Theo như qui định Thông tư 26/2015/TT—BTC đã hướng dẫn trong trường hợp phát sinh doanh thu, chi phí bằng ngoại tệ thì phải qui đổi ra đồng VND theo tỉ giá thực tế. Thông tư này có chia ra 2 trường hợp: tỷ giá giao dịch thực tế để hạch toán doanh thu là tỉ giá mua vào của ngân hàng thương mại, tỷ giá giao dịch thực tế để hạch toán chi phí là tỉ giá bán ra của ngân hàng thương mại. Các trường hợp khác thực hiện theo qui định của chế độ kế toán. Vậy nếu nhà thầu có mở tài khoản tại ngân hàng thương mại ở Việt Nam tại thì Thông tư 26/2015/TT—BTC đã qui định rõ. . . Với từng trường hợp cụ thể nào mà không được qui định tại Thông tư (ví dụ không mở tài khoản tại ngân hàng thương mại tại Việt Nam) thì nên có kiến nghị trực tiếp tới Tổng cục thuế để có hướng giải quyết hoặc đề Tổng cục thuế báo cáo lên cơ quan có thẩm quyền. Vì dụ như ODA nhà thầu không mở tài khoản tại VN, cơ chế thanh toán đặc thù nên cơ quan thuế cũng đã có hướng dẫn riêng

		không nhất quán về vấn đề tỷ giá áp dụng. Theo quan điểm của chúng tôi thì đây là doanh thu của nhà thầu và nhà thầu nước ngoài là đối tượng nộp thuế nên để áp dụng nhất quán về quy định tỷ giá quy đổi đối với doanh thu tính thuế bằng ngoại tệ thì nên là tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi bên Việt Nam mở tài khoản (do nhà thầu nước ngoài thực hiện Phương pháp ấn định không có tài khoản thương mại mở tại Việt Nam).		
18	Vấn đề 14: Miễn thuế thu nhập đối với khoản vay thực hiện theo điều ước quốc tế hoặc những cam kết với chính phủ Việt Nam	Có sự khác biệt trong quy định về thủ tục áp dụng ưu đãi thuế theo Luật quản lý thuế trong các giai đoạn khác nhau, cụ thể: - Thông tư 60/2007/TT-BTC của Bộ Tài chính (hiệu lực từ ngày 19/8/2007 đến ngày 14/4/2011): không có bất kỳ quy định hướng dẫn về hồ sơ thủ tục xin áp dụng ưu đãi thuế theo Điều ước quốc tế. - Thông tư 156/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính (hiệu lực từ ngày 20/12/2013 đến nay): có quy định về thủ tục, hồ sơ để được hưởng ưu đãi miễn thuế. Tuy nhiên, thông tư 156 không có điều khoản áp dụng hồi tố đối với những giao dịch phát sinh trước thời điểm hiệu lực của thông tư 156. Do đó, trong thực tế phát sinh trường hợp: doanh nghiệp Việt Nam ký thỏa thuận vay vốn với những tổ chức Tài chính quốc tế (ví dụ FMO, IFC, PROPARCO...) trong giai đoạn trước khi thông tư 156 được ban hành, mà những tổ chức Tài chính quốc tế này đã ký thỏa thuận với Chính phủ Việt Nam (gọi chung là Điều ước quốc tế) trong đó có điều khoản tổ chức Tài chính quốc tế được miễn thuế thu nhập (thuế nhà thầu) tại Việt Nam, theo đó,	Vấn đề 1: Đề xuất không áp dụng thủ tục miễn thuế quy định tại thông tư 156 đối với các hợp đồng đã ký trước thời điểm thông tư 156 có hiệu lực, trên cơ sở giao dịch phát sinh thời điểm nào thì áp dụng quy định tại thời điểm đó và thông tư 156 không có điều khoản áp dụng hồi tố. Vấn đề 2: Dù thỏa thuận giữa tổ chức Tài chính quốc tế ký kết với Chính phủ Việt Nam có thỏa mãn là Điều ước quốc tế hay không, thì việc Chính phủ Việt Nam đã cam kết miễn thuế thu nhập cho các tổ chức này theo thỏa thuận thì vẫn cần tuân thủ các cam kết này cho các hợp đồng đã ký trước đây. Việc không tuân thủ	Áp dụng điều ước quốc tế: Với IFC, chúng tôi đã gửi NHNN & thống nhất với NHNN để xác định trường hợp này nếu là điều ước quốc tế thì sẽ thực hiện thủ tục của điều ước quốc tế. Trường hợp này sẽ được giải quyết nhanh chóng trong thời gian tới. Về trường hợp thỏa thuận với 2 cty Tài chính Hà Lan, không phải tổ chức Tài chính quốc tế. Sau khi xem xét hồ sơ, chúng tôi thấy đây là giao dịch giữa chính phủ VN & 1 cty kinh doanh thương mại thông thường để thực hiện các hoạt động cho vay thông thường, không phải là 1 tổ chức quốc tế được pháp luật quốc tế công nhận như IFC. Chúng tôi đã đề nghị DN xem xét lại để áp dụng theo qui định miễn giảm thuế theo điều ước quốc tế. Với trường hợp của FMO, PROPARCO chúng tôi đã gửi lại cho doanh nghiệp để DN đề nghị với bên ký kết xác định cùng NHNN xem trường hợp này có phải là điều ước quốc tế hay không. 2 nội dung nêu ra quay trở lại 2 vấn đề mình đã xử lý: Về thủ tục, nếu những thỏa thuận đã nêu là điều ước quốc tế, sẽ thực hiện theo qui định thủ tục của điều ước quốc tế theo Thông tư 156. Với những hợp đồng vay ký trong giai đoạn trước Thông tư 156 thì chúng tôi sẽ có hướng dẫn thực hiện theo Thông tư 156 kể từ khi Thông tư này có hiệu lực (nếu là điều ước quốc

		doanh nghiệp Việt Nam khi ký hợp đồng vay vốn đã không quy định trách nhiệm về thuế đối với khoản lãi tiền vay. Do không có quy định về thủ tục áp dụng miễn giảm tại giai đoạn đó, nên doanh nghiệp Việt Nam đã gửi công văn tới cơ quan thuế để xin hướng dẫn, nhưng cơ quan thuế không thể đưa ra hướng dẫn về thủ tục. Vấn đề 1: Khi cơ quan thuế địa phương thanh tra doanh nghiệp vào thời điểm thông tư 156 đã được ban hành đã đề nghị truy thu thuế nhà thầu cho giai đoạn từ khi thông tư 156 có hiệu lực bởi vì cho rằng doanh nghiệp đã không tuân thủ vấn đề hồ sơ thủ tục theo quy định tại thông tư 156. Điều này là không hợp lý bởi vì thông tư 156 không có điều khoản áp dụng hồi tố cho các hợp đồng đã phát sinh trước khi thông tư 156 được ban hành, hơn nữa về thủ tục quy định tại Thông tư 156 là “trong vòng 3 ngày kể từ khi ký hợp đồng thì bên VN phải gửi thủ tục...”, như vậy thời điểm phải nộp thủ tục áp dụng điều ước quốc tế đã qua trước khi Thông tư 156 được ban hành. Vấn đề 2: Chúng tôi được biết Bộ Tài chính đang xem xét lại một số thỏa thuận mà Chính Phủ Việt Nam đã ký kết với tổ chức Tài chính quốc tế có được xem là Điều ước quốc tế hay không, để từ đó đánh giá vấn đề của tổ chức Tài chính quốc tế có được miễn thuế thu nhập khi cho doanh nghiệp Việt Nam vay vốn hay không.	cam kết với tổ chức quốc tế có thể ảnh hưởng rất lớn tới môi trường đầu tư của Việt Nam.	tế), còn trong giai đoạn trước thì thực hiện theo quy định giai đoạn trước và không áp dụng hồi tố. Trường hợp không phải điều ước quốc tế: Thông tư 156 không hướng dẫn theo điều ước quốc tế. Qui định của VN thì chỉ được miễn giảm thuế theo điều ước quốc tế, quy định của điều ước khác với của bộ luật thì thực hiện theo điều ước. Doanh nghiệp có đề cập đến cam kết của Chính phủ, chúng tôi đã đề nghị DN xác định, nếu những cơ quan liên quan xác nhận trường hợp này không phải điều ước quốc tế, thì Bộ Tài chính sẽ phối hợp để trình chính phủ, xử lý dứt điểm cho các DN.
19	Vấn đề 15: Tính nhất	Từ thực tiễn thanh tra thuế tại nhiều địa phương, chúng tôi nhận thấy nhiều cơ quan	Chúng tôi đề nghị Bộ Tài chính xem xét vấn đề trên	Bộ tài chính ghi nhận nguyên tắc xử lý như vậy là không ổn. Không thể cứ hướng nào có lợi cho thuế thì thu. Đây là

	quán khi áp dụng văn bản pháp quy trong công tác thu thuế của các cơ quan thuế	thuế đang vận dụng chính sách thuế theo hướng bất lợi cho người nộp thuế. Đối với thời kỳ đã thanh tra kiểm tra, cơ quan thuế có thể thu thêm thuế, nhưng lại không cho phép người nộp thuế kê khai điều chỉnh bổ sung giảm thuế trong trường hợp cơ quan thuế thay đổi quan điểm xử lý thuế liên quan đến thời kỳ đã thanh tra, kiểm tra trong quá khứ. Chúng tôi xin nêu một ví dụ điển hình như sau: - Một công ty đã đi vào hoạt động tại Việt Nam từ năm 1993 và được hưởng thuế suất thuế TNDN ưu đãi 15% cho toàn bộ thời gian của dự án. Trong năm 2007-2008, công ty có xây dựng một nhà kho với mục đích là bảo quản, lưu trữ hàng hóa cho an toàn hơn. Việc xây dựng nhà kho được lấy từ quỹ khấu hao của công ty. Tổng vốn đầu tư của công ty không tăng, ngành nghề kinh doanh không thay đổi và công ty cũng không đầu tư thêm bất cứ dây chuyền sản xuất mới nào nên công ty cho rằng đây không phải là hoạt động đầu tư mở rộng mà đơn thuần chỉ là hoạt động đầu tư thường xuyên. Do vậy, công ty kê khai thuế TNDN cho toàn bộ thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh với thuế suất 15%. - Từ năm 2007-2018 Công ty đã được thanh kiểm tra thuế đến hết năm tài chính 2015. Trong các lần thanh kiểm tra thuế đó, cục thuế địa phương đều đồng ý với cách áp dụng của Doanh nghiệp. Tuy nhiên, đến năm 2019 khi cục thuế tiến hành kiểm tra thuế cho giai đoạn 2016-2017 thì lại cho	và có hướng dẫn thỏa đáng cho doanh nghiệp. Ngoài ra, vấn đề tương tự như trên cũng có thể xảy ra trong các trường hợp áp dụng các quy định pháp luật khác nhưng nguyên tắc áp dụng nhất quán pháp luật luôn cần được đảm bảo. Vì vậy, để tránh lặp lại các xử lý thuế tương tự, Bộ Tài chính nên cân nhắc có hướng dẫn về mặt nguyên tắc xử lý chung với các trường hợp tương tự như trên.	trường hợp của Đồng Nai, đề nghị doanh nghiệp gửi thư kiến nghị lên cơ quan có thẩm quyền để giải quyết cụ thể theo đúng quy trình. Liên quan đến cơ chế, nếu liên quan đến thanh tra, kiểm tra thì phải theo Luật thanh tra, khiếu nại, tố cáo.
--	---	---	--	---

		rằng đây là hoạt động đầu tư mở rộng và tiến hành truy thu thuế TNDN của doanh nghiệp cho giai đoạn thanh tra (theo mức thuế suất phổ thông 20%) nhưng lại không cho phép doanh nghiệp được điều chỉnh tờ khai quyết toán thuế TNDN cho giai đoạn 2008-2015 để áp dụng ưu đãi miễn giảm thuế TNDN đối với dự án đầu tư mở rộng trước năm 2009 theo quy định có hiệu lực tại thời điểm hoàn thành xây dựng nhà kho (Miễn 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2008-2010) và giảm 50% trong 5 năm tiếp theo (2011-2015)), với lý do là giai đoạn 2008-2015 đã hoàn tất thanh kiểm tra thuế. - Chúng tôi cho rằng đây là một bất cập, thể hiện sự áp dụng bất hợp lý, không nhất quán đối với cùng một vấn đề và mang tính áp đặt cho doanh nghiệp bởi lẽ thực tế, việc điều chỉnh này không phải do Công ty tự phát hiện thấy hồ sơ khai thuế đã nộp và được kiểm tra, thanh tra còn sai sót mà đây là vấn đề được đặt ra bởi cục thuế khi thanh tra các năm sau.		
20	Vấn đề 16: Vấn đề hiệu lực của Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế	Tại dự thảo Nghị định hướng dẫn luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 đang có đề xuất tạo ra vướng mắc và rào cản để đạt mục tiêu thu hút đầu tư. Chúng tôi xin được nêu ra ý kiến về quy định tại Khoản 7, Điều 41 dự thảo Nghị định hướng dẫn luật quản lý thuế số 38/2019/QH14, cụ thể như sau: <i>“7. Thời điểm bắt đầu có hiệu lực của APA được tính từ kỳ tính thuế thu nhập doanh</i>	Từ kinh nghiệm nêu trên, chúng tôi đề xuất ý kiến thời điểm hiệu lực của APA theo hai phương án: - Phương án 1: Được tính từ năm nộp hồ sơ xin áp dụng APA của người nộp thuế và mở rộng giai đoạn áp dụng đối với ít nhất năm	Về kiến nghị cho áp dụng hồi tố: Bộ Tài chính nghiên cứu, tiếp thu kiến nghị trên cơ sở các thông lệ quốc tế & các qui định của Luật quản lý thuế số 38. Theo đó MOF đã báo cáo Chính phủ & được CP phê duyệt ban hành Nghị định 126. Khoản 7 điều 41 của Nghị định ban hành & qui định như sau: thời điểm bắt đầu có hiệu lực của APA theo khoản 16 điều 3 Luật quản lý thuế. Như vậy cần tuân thủ theo luật & luật cũng nêu rồi. Đối với các hiệp định APA song phương & đa phương liên quan đến quản lý thuế thì Bộ Tài chính sẽ báo cáo

	(“APA”)	<i>nghiệp liền sau kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp mà APA được ký kết...”.</i> Chúng tôi cho rằng quy định này không phù hợp với thông lệ quốc tế và quy định hiện hành về APA của các quốc gia khác. Hầu hết các quốc gia đều quy định thời điểm có hiệu lực của APA là từ năm nộp hồ sơ xin áp dụng APA. Nhiều nước thống nhất với khuyến nghị và phương án hành động do OECD đề xuất như công nhận thời hạn hiệu lực của APA theo thời hạn người nộp thuế đề xuất trong hồ sơ, cho phép thời hạn APA được mở rộng sang các năm Tài chính đã qua (hồi tố - “rollback”). Tuy nhiên, theo Khoản 7, Điều 41 dự thảo Nghị định thì giai đoạn lập hồ sơ và đàm phán APA đều không được tính là thời điểm có hiệu lực của APA. Cụ thể, sẽ có sự khác biệt về giai đoạn có hiệu lực của APA giữa Việt Nam với các quốc gia đối tác trong thỏa thuận APA (Ví dụ: Nhật Bản, Hàn Quốc) khiến cho việc đàm phán trở nên khó khăn và kết quả có thể làm cho việc đàm phán APA trở nên không khả thi. Ngoài ra, theo điểm 2.7, Chương trình Hành động số 14 về Chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận (BEPS) mà Việt Nam đã cam kết khi tham gia Diễn đàn hợp tác triển khai BEPS, các quốc gia triển khai APA song phương nên cho phép áp dụng hồi tố APA trong các trường hợp thích hợp. Chúng tôi có thể lấy Indonesia là một trường hợp điển hình của khu vực Đông Nam Á. Indonesia đã từng có quy định tương tự như	(05) năm Tài chính trước đó. - Phương án 2: Được tính từ năm nộp hồ sơ xin áp dụng APA của người nộp thuế Chúng tôi cho rằng việc sửa đổi điều khoản này tại Dự thảo theo các phương án nêu trên sẽ tạo ra cơ môi trường đầu tư thực sự cạnh tranh với các nước trong khu vực và tránh gây ra các tranh chấp quốc tế và phù hợp với khuyến nghị của OECD trong chương trình hành động số 14 của BEPS. Việc này cũng là nhằm hỗ trợ, tiết kiệm thời gian/công sức của rất nhiều nhà đầu tư đến từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ... đang trong giai đoạn tham vấn hồ sơ APA với Tổng Cục thuế hay đang trong giai đoạn cuối là Cơ quan thuế Việt Nam và Cơ quan thuế nước ngoài thương thảo về hồ sơ APA song phương của người nộp thuế từ năm 2013 đến nay. Chúng tôi đánh giá rằng việc tháo gỡ vấn đề	CP xem xét quyết định. Như vậy nghị định được ban hành có cái khác so với dự thảo. Chúng tôi đã ghi nhận, tiếp thu nội dung kiến nghị và điều chỉnh khác so với dự thảo. Trong trường hợp đó Bộ Tài chính sẽ báo cáo với cơ quan có thẩm quyền/CP có cho hồi tố hay không.
--	-----------------------	---	--	---

		khoản 7, Điều 41 nêu trên về thời hạn hiệu lực của APA rằng APA có hiệu lực từ năm hồ sơ APA được ký kết và không cho phép sử dụng kết quả đàm phán cho giai đoạn trước thời điểm ký kết. Tuy nhiên, trong cuộc đánh giá tình hình thi hành chương trình giải quyết tranh chấp về thuế của OECD, Indonesia đã phải sửa đổi điều khoản này và chấp thuận cho phép thời hạn APA áp dụng theo đề xuất của người nộp thuế và mở rộng giai đoạn áp dụng cho các năm Tài chính trước đó (theo hướng dẫn của Chương trình Hành động số 14 nêu trên) theo kiến nghị của OECD.	này là thể hiện tinh thần minh bạch, xây dựng quy định pháp luật Việt Nam phù hợp với thông lệ quốc tế và thúc đẩy thu hút vốn đầu tư nước ngoài một cách mạnh mẽ hơn trong bối cảnh Việt Nam đã không chế tốt đại dịch Covid-19.	
21	Vấn đề 17: Thời gian giải quyết đề nghị áp dụng Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA)	Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 201/2013/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2013, hướng dẫn việc áp dụng Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA) trong quản lý thuế từ rất sớm. Đến nay đã gần 7 năm Thông tư 201 được ban hành tuy nhiên vẫn chưa có bất kỳ Hồ sơ APA nào của doanh nghiệp được phê duyệt bởi Bộ Tài chính. Trong thực tế, có nhiều doanh nghiệp đã hoàn thành các giai đoạn đàm phán, thảo luận với Tổng cục thuế trong thời gian dài và đã hoàn thành giai đoạn 4 - Trao đổi, đàm phán các nội dung APA. Tổng cục thuế cũng đã chuyển Hồ sơ APA của doanh nghiệp lên Bộ Tài chính để xin ý kiến và chấp thuận nhưng không nhận được phê duyệt của Bộ Tài chính.	Từ thực tế áp dụng APA ở Việt Nam, việc thời gian nộp và đàm phán Hồ sơ APA quá lâu không được phê duyệt từ các cơ quan chức năng (Bộ Tài chính/Tổng cục thuế) gây ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh cũng như phát sinh gánh nặng chi phí đối với doanh nghiệp. Theo đó, kính đề nghị Bộ Tài chính có biện pháp đẩy nhanh việc xử lý Hồ sơ APA tạo điều kiện để các doanh nghiệp ổn định kế hoạch kinh doanh cũng như tuân thủ các quy định về thuế của Việt Nam.	Ý kiến BTC: Đúng là rất chậm. Vấn đề này tồn tại phát sinh do việc triển khai APA theo cơ chế cũ, luật 21, ND 83 cũng như Thông tư 201. Bộ Tài chính cũng thấy những tồn tại phát sinh, đang nghiên cứu xây dựng ban hành Thông tư mới thay thế TT 201 để áp dụng APA trên tinh thần phù hợp với các khuyến nghị/thông lệ cũng như kinh nghiệm quốc tế, phù hợp Luật quản lý thuế & Nghị định 126. Theo đó, ghi nhận vướng mắc của DN. Sẽ hoàn thiện cơ chế APA trong nội dung luật quản lý thuế tại VN trong thời gian tới. Ý kiến doanh nghiệp: Chúng tôi mong chính phủ sẽ đẩy mạnh việc áp dụng APA. Nói tới chuyện giá thì có 1 số khó khăn. • 1 số cơ quan thuế địa phương áp dụng cơ sở dữ liệu riêng/bí mật. Doanh nghiệp không biết cơ quan thuế đang sử dụng cơ sở dữ liệu gì. Cần phải công khai cơ sở dữ liệu áp dụng bởi cơ quan thuế. . • Cuối năm các cty có thể có điều chỉnh giảm & điều chỉnh tăng lợi nhuận vì nhiều lý do . Chúng tôi mong muốn BTC cân nhắc sửa đổi quy định cho phép doanh nghiệp được thực hiện cả 2 hình thức điều chỉnh này Có nhiều cty đã & sẽ chuyển dịch chuỗi cung ứng

				sang VN. Sẽ có nhiều dòng giao dịch như nhập khẩu & xuất khẩu. Vấn đề về chuyển giá & xác định giao dịch liên kết- là vấn đề quan trọng. Chúng ta muốn thúc đẩy chuỗi cung ứng của VN & các vị trí của VN trong chuỗi cung ứng này thì chúng ta phải khắc phục & giải quyết vấn đề tồn tại của lĩnh vực chuyển giá Ý kiến BTC về vấn đề điều chỉnh giảm: Nếu phía doanh nghiệp muốn kiến nghị cũng phải sửa Luật quản lý thuế chứ không thể sửa Nghị định 132 hay Nghị định 20. Hơn nữa, đặc thù của VN trong giai đoạn đầu như này cũng bảo vệ quyền đánh thuế cũng như các DN VN còn đang thực hiện các chức năng đơn giản, rủi ro thấp. Phần lớn doanh nghiệp sẽ không gánh lỗ. Trong giai đoạn tiếp sau theo nếu VN phát triển ở dạng mức chuỗi giao dịch, những chức năng phát triển hơn thì cũng có thể sẽ nghiên cứu để xem xét việc điều chỉnh giảm nhưng phần này còn liên quan tới sửa Luật quản lý thuế.
22	Vấn đề 18: Vấn đề lựa chọn công ty tương đồng trong tính toán biên độ giá thị trường chuẩn trong việc xác định giá chuyển nhượng cho giao dịch liên kết	Nghị định 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 (“Nghị định 20”) và Thông tư 41/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 có hiệu lực từ 1/5/2017 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, với đối tượng áp dụng là tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương pháp kê khai và có phát sinh giao dịch với các bên có quan hệ liên kết. Trong hướng dẫn áp dụng phương pháp so sánh tỷ suất lợi nhuận, Điểm b, Khoản 2, Điều 7, Nghị định 20 quy định rằng: <i>“Nguyên tắc áp dụng: Phương pháp so sánh tỷ suất lợi nhuận được áp dụng trên nguyên tắc không có khác biệt về chức năng hoạt động, tài sản, rủi ro; điều kiện kinh tế và phương pháp hạch toán kế toán khi so sánh giữa người nộp thuế và đối tượng so sánh độc lập có ảnh hưởng trong yếu tố đến tỷ suất lợi nhuận. Trường</i>	Đề nghị Bộ Tài chính xem xét đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc lựa chọn công ty tương đồng và loại trừ các khác biệt trọng yếu nhằm giúp người nộp thuế có thể dễ dàng tuân thủ các quy định về xác định giá giao dịch liên kết.	Liên quan nghị định 20 & qui định 132 thay thế nghị định 132, thông tư 41, liên quan đến việc điều chỉnh giá. Cuối năm khi xác định lại kê khai xác định giá, đề cập kinh nghiệm 1 số nước liên quan cho thấy liên quan tỉ suất lợi nhuận. Có nói trong năm khi kí kết hợp đồng, có thể căn cứ giá hạch toán & giá định mức mà kí kết hợp đồng giữa 2 bên. Mức giá khi kí kết để sản xuất SP: kí đầu năm nhưng trong năm khi thực hiện thực tế thì phần thực tế biến động khác với dự toán. Việc đẩy giữa 2 bên hoàn toàn có thể kí kết điều chỉnh được, kí phụ lục hợp đồng để điều chỉnh mức giá trong năm chứ không nhất thiết cuối năm mới thực hiện điều chỉnh. Nếu đề nghị điều chỉnh toàn bộ vào cuối năm với tỉ suất lợi nhuận như thế thì cũng cần xem lại. Bây giờ không phải trong nghị định 20 nữa mà trong luật quản lý thuế 38 – khoản 5 điều 42 qui định rõ: nguyên tắc kê khai xác định giá giao dịch liên kết. giá giao dịch liên kết được điều chỉnh theo giao dịch độc lập để kê khai xác định số tiền thuế phải nộp theo ngắtc: không làm giảm nghĩa vụ thuế TNDN. Nếu muốn điều chỉnh nội dung này, mục 32 cũng hướng dẫn qui định rõ cho luật quản lý thuế. Tất

	<i>hợp có các khác biệt ảnh hưởng trọng yếu đến tỷ suất lợi nhuận, khi đó phải loại trừ các khác biệt trọng yếu này...”</i> Trong thực tiễn áp dụng Nghị định 20 và Thông tư 41 trong công tác thanh tra, kiểm tra thuế và giá chuyển nhượng, người nộp thuế thường được yêu cầu chứng minh rằng đã loại trừ hết các khác biệt trọng yếu giữa các công ty độc lập tương đồng và người nộp thuế. Cá biệt, trong rất nhiều trường hợp thanh tra thuế, cán bộ thuế đưa ra tiêu chí về “tỷ lệ chi phí phản ánh chức năng hoạt động” / “quy mô doanh thu” theo ý kiến chủ quan để tùy ý điều chỉnh nhằm loại bỏ nỗ lực tìm kiếm các công ty tương đồng của người nộp thuế mặc dù hồ sơ quốc gia đã trình bày rất chi tiết và cụ thể quy trình tìm kiếm công ty tương đồng. Cần xác định thực tế rằng cơ sở dữ liệu sử dụng trong kê khai, xác định giá giao dịch liên kết của người nộp thuế có rất nhiều công ty tiềm năng tương đồng nhưng việc tìm kiếm các công ty hoàn toàn giống hệt với người nộp thuế (với “tỷ lệ chi phí phản ánh chức năng hoạt động” / “quy mô doanh thu” nêu trên) là không thể thực hiện được trong thực tế. Do đó, trong thực tiễn áp dụng Nghị định 20, việc tìm kiếm và lựa chọn các công ty độc lập tương đồng thường được mở rộng sang các phân ngành kinh tế có liên quan và sang các quốc gia trong khu vực (như khu vực ASEAN hoặc khu vực Châu Á – Thái Bình Dương) và lựa chọn các công ty có chức năng tổng thể tương đồng. Theo đó, quy định loại trừ hầu hết các khác biệt trọng yếu quy định tại Điểm b, Khoản 2,	cả mọi nguyên tắc đầy đủ thực hiện theo luật.
--	--	--

		Điều 7, Nghị định 20 là không thể loại trừ được và dẫn tới khó khăn cho người nộp thuế trong việc tìm kiếm công ty tương đồng và cũng tạo cơ hội cho cán bộ thuế có thể áp đặt ý kiến chủ quan tác động vào kết quả thanh tra chuyển giá.		
23	Vấn đề 19: Thời điểm tính thuế TNDN với thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn	Điều 12.7 của Thông tư số 156/2013/TT-BTC, được sửa đổi bởi Thông tư số 151/2014/TT-BTC ("Thông tư 156") yêu cầu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng vốn phải được nộp trong vòng 10 ngày kể từ: i. ngày <u>cơ quan có thẩm quyền chuẩn y việc chuyển nhượng vốn</u> hoặc, ii. <u>ngày chuyển nhượng vốn</u> được thỏa thuận giữa bên mua và bên bán tại hợp đồng chuyển nhượng vốn, đối với trường hợp không phải chuẩn y việc chuyển nhượng vốn. Điều khoản này của Thông tư 156 tương đồng với điều khoản tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ("Thông tư 78"), theo đó thời điểm xác định thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu vốn. Điều này có nghĩa là thuế TNDN phát sinh sau khi chuyển giao quyền sở hữu. Như vậy, theo trường hợp (i) khi việc chuyển nhượng vốn phải được chuẩn y thì thời hạn kê khai và nộp thuế TNDN chậm nhất là ngày thứ 10 kể từ ngày được chuẩn y. Trường hợp này là trường hợp chuyển nhượng vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn ("TNHH"). Cụ thể, theo Luật Doanh nghiệp, quyền sở hữu vốn của một công ty TNHH được chính thức ghi nhận tại	Cơ quan thuế cần thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, không tính thời hạn nộp thuế kể từ ngày ký mà tính từ ngày chuyển nhượng. Để tránh việc cơ quan thuế địa phương giải thích tùy nghi, Bộ Tài chính có thể xem xét ban hành văn bản hướng dẫn cơ quan thuế địa phương cụ thể về vấn đề này.	Điều 12.7 của Thông tư số 156/2013/TT-BTC, được sửa đổi bởi Thông tư số 151/2014/TT-BTC ("Thông tư 156") đã quy định rõ. Quy định không quy định áp dụng ngày ký, mà là ngày chuyển nhượng vốn theo các bên thỏa thuận tại hợp đồng. Nếu trường hợp nào giải quyết chưa đúng thì cần kiến nghị ngay tới cơ quan quản lý trực tiếp để xử lý. Vướng mắc có thể vẫn xảy ra với trường hợp chuyển nhượng trong công ty cổ phần. Có thể phải cân nhắc để sửa đổi cơ chế chung cho phù hợp. Nếu cần xử lý nhanh có thể phải xử lý cụ thể theo từng trường hợp.

	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) của công ty TNHH do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) cấp. Do đó, sự thay đổi thành viên của một công ty TNHH yêu cầu phải sửa đổi GCNĐKDN của công ty. Theo đó, 10 ngày kể từ ngày được cấp có thẩm quyền chuẩn y việc chuyển nhượng vốn nên được hiểu là 10 ngày kể từ ngày GCNĐKDN điều chỉnh xác nhận quyền sở hữu của bên mua. Theo trường hợp (ii) khi việc chuyển nhượng vốn không cần chuẩn y thì thời hạn kê khai và nộp thuế TNDN chậm nhất là ngày thứ 10 kể từ ngày chuyển nhượng theo hợp đồng chuyển nhượng vốn. Đây là trường hợp chuyển nhượng vốn của một công ty cổ phần (“CTCP”) mà quyền sở hữu cổ phần không được ghi nhận trong GCNĐKDN của CTCP đó mà ở trong sổ đăng ký cổ đông. Do đó, việc thay đổi cổ đông của một CTCP sẽ không dẫn đến việc sửa đổi GCNĐKDN của công ty. Theo đó, thuế TNDN phải nộp trong vòng 10 ngày kể từ ngày chuyển nhượng được bên bán và bên mua đồng ý (thường là khi công ty mục tiêu cập nhật sổ đăng ký cổ đông và đáp ứng các điều kiện nhất định). Trong hầu hết các trường hợp, đặc biệt là các giao dịch Mua bán và Sáp nhập (“M&A”) quan trọng hoặc có giá trị lớn, ngày chuyển nhượng không phải và không thể là ngày ký kết hợp đồng chuyển nhượng vốn do hai bên phải thực hiện một số nghĩa vụ theo hợp đồng để hoàn thành việc chuyển nhượng (ví dụ: thông báo trước cho bên thứ ba, chấm dứt một số hợp đồng nhất định, hoàn trả một số khoản vay, đề cử thành		
--	--	--	--

	viên hội đồng quản trị mới, v.v.). Tuy nhiên, trên thực tế, một số cơ quan thuế địa phương (bao gồm cơ quan thuế Thành phố Hồ Chí Minh) cho rằng thời hạn nộp thuế TNDN được tính từ ngày ký hợp đồng chuyển nhượng vốn theo trường hợp (ii) trong khi ngày chuyển nhượng quy định tại các hợp đồng chuyển nhượng vốn không phải là ngày ký kết hợp đồng. Cách hiểu và cách tiếp cận trên của cơ quan thuế không phù hợp với quy định của cả thuế TNDN và quy định về doanh nghiệp: người nộp thuế phải nộp thuế khi chưa có thu nhập chịu thuế (thu nhập chịu thuế chỉ được coi là phát sinh khi chuyển giao quyền sở hữu, việc chuyển giao quyền sở hữu được thực hiện thông qua việc sửa đổi GCNĐKDN hoặc cập nhật sổ đăng ký cổ đông, hoặc đáp ứng các điều kiện nhất định mà bên bán và bên mua đã thỏa thuận). Cách hiểu này cũng không phù hợp với thực tiễn M&A (ngày chuyển nhượng không phải là ngày ký kết hợp đồng mà thường là vài tháng sau ngày ký). Do đó, các bên tham gia giao dịch M&A gặp rất nhiều khó khăn trong việc đáp ứng yêu cầu này của cơ quan thuế. Cụ thể, trong trường hợp xấu nhất là giao dịch không thể thực hiện được sau ngày ký kết (ví dụ một bên bỏ đi, một trong các bên vi phạm thỏa thuận chuyển nhượng, v.v.), tức là không chuyển giao quyền sở hữu vốn, cả người nộp thuế và cơ quan thuế đều gặp khó khăn nếu đã nộp thuế vào ngày ký hợp đồng (không có		
--	---	--	--

		hướng dẫn về cách yêu cầu hoàn thuế trong trường hợp này).		
24	Vấn đề 23: Lệ phí trước bạ	Để tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất và kinh doanh, thúc đẩy giải ngân, đầu tư công và đảm bảo an sinh xã hội trong bối cảnh đại dịch COVID-19, Chính phủ Việt nam đã phê duyệt “<i>giảm 50% lệ phí trước bạ khi đăng ký ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước tới hết năm 2020 nhằm kích thích tiêu dùng trong nước</i>”. Hiện tại, người mua xe ô tô dưới 9 chỗ tại Việt Nam phải chịu lệ phí trước bạ 10%, và 12% cho xe đăng ký lần đầu tại Hà Nội. Với quyết định giảm lệ phí trước bạ của Thủ tướng Chính phủ, người mua ô tô sản xuất và lắp ráp trong nước sẽ chỉ phải trả một khoản phí 5-6%. Những người mua ô tô nhập khẩu từ nước ngoài vẫn phải nộp lệ phí trước bạ 10-12% tùy theo từng địa phương. Như vậy, trong số các công ty liên doanh ô tô trong nước, chỉ có hai thương hiệu châu Âu - Mercedes và Peugeot - trong số 19 thương hiệu xe nhập khẩu tại Việt Nam nhận được hỗ trợ đối với các mẫu xe lắp ráp trong nước của họ. Kích thích tiêu thụ trên thị trường ô tô là việc làm cần thiết trong bối cảnh khách hàng đang phải cố gắng để duy trì hoạt động và cần nhiều thời gian để khôi phục chuỗi cung ứng từ tình trạng gián đoạn. Việc ưu tiên sản phẩm sản xuất trong nước như một biện pháp tạm thời để vượt qua khủng hoảng trong nước là không phù hợp trong thời điểm đại dịch COVID-19 rõ ràng là một cuộc khủng hoảng đối với tất cả các doanh nghiệp với quy mô toàn cầu.	Chúng tôi đề nghị xóa bỏ sự phân biệt khi áp dụng giảm thuế, thay vì chỉ áp dụng giảm 50% lệ phí trước bạ cho xe lắp ráp trong nước thì áp dụng cho tất cả doanh nghiệp nhập khẩu, lắp ráp và phân phối ô tô mới. Ngoài ra, chúng tôi khuyến nghị giảm 50% thuế GTGT và lệ phí trước bạ.	Chính phủ ra nghị định giảm 50% lệ phí trước bạ trong thời gian rất ngắn chỉ hết 2020.
25	Vấn đề 24:	Theo quy định, trường hợp cá nhân có mặt tại	Chúng tôi kính đề nghị	Tôi cũng giải thích: tại sao luật thuế VN qui định 12 tháng liên

	Kỳ tính thuế 12 tháng liên tục kể từ ngày đến Việt Nam	Việt Nam dưới 183 ngày trong năm dương lịch, nhưng có mặt tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên trong 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên đến Việt Nam thì kỳ tính thuế đầu tiên được xác định là 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam. Từ năm thứ hai, kỳ tính thuế căn cứ theo năm dương lịch. Quy định này đã bộc lộ những bất cập trên thực tế như sau: - Việc xác định “ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam” còn nhiều vướng mắc, ví dụ: nếu cá nhân đã đến Việt Nam du lịch trước khi đến Việt Nam làm việc thì ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam được tính là ngày nào? nếu cá nhân sang công tác tại Việt Nam theo nhiều đợt, trong nhiều năm thì sẽ có duy nhất 01 ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam hay có nhiều ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam tương ứng với từng đợt công tác? - Khi xác định số thuế còn phải nộp của năm tính thuế thứ hai, theo quy định, số thuế được trừ của giai đoạn trùng giữa hai năm tính thuế là số thuế phân bổ trung bình của năm tính thuế thứ nhất, thay vì số thuế thực tế đã nộp cho giai đoạn trùng. Do vậy, trong trường hợp cá nhân có biến động thu nhập giữa các tháng lớn, có thể phát sinh số thuế nộp thừa hoặc nộp thiếu của năm tính thuế thứ hai, kể cả khi thuế TNCN hàng tháng đã được tính toán và nộp đủ. - Trong trường hợp cá nhân có mặt tại Việt Nam trên 182 ngày trong giai đoạn 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên đến Việt Nam nhưng dưới 183 ngày trong năm	Bộ Tài chính nghiên cứu, xem xét bỏ việc xác định kỳ tính thuế 12 tháng liên tục để đơn giản hoá thủ tục hành chính thuế, tránh việc phát sinh các cách hiểu thiếu nhất quán về quy định thuế cũng như để phù hợp với thông lệ quốc tế.	tục kể từ ngày đầu tiên đến VN? khi xây dựng luật, chúng tôi cũng lựa chọn giữa tính thuế TNCN theo năm dương lịch ngay từ năm đầu tiên, hay tính 12 tháng liên tục kể từ năm đầu tiên. Xuất phát từ việc người nước ngoài làm việc tại VN có những người họ chỉ đến 1 thời gian rất ngắn, thời gian ngắn đó có thể vắt giữa 2 năm. Để cắt giảm thủ tục hành chính & đơn giản cho công việc xác định thuế nên có qui định: thời gian gần đây chúng tôi tính 12 tháng liên tục. Nếu không tính 12 tháng liên tục trong thời gian đầu tiên này thì họ bị vắt năm như vậy sẽ tách ra làm 2 năm dương lịch để quyết toán. Theo thông lệ quốc tế, kể cả 1 năm dương lịch thời gian làm ở VN phát sinh 1 tháng (nhưng có đi thăm thân, du lịch mà ở VN trên 183 ngày) thì dẫn đến câu chuyện cá nhân cư trú. Chính vì vậy, với cá nhân làm việc tại VN ngắn ngày hơn thì chúng tôi áp dụng nguyên tắc 12 tháng liên tục, sẽ cắt giảm thủ tục hành chính rất nhiều, đơn giản việc nộp thuế cho người nước ngoài. Với cá nhân ở VN hơn 12 tháng liên tục thì có câu chuyện bị trùng khi quyết toán thuế của năm sau. Chỗ này có những điểm khó trong việc xác định số thuế trùng. Để lựa chọn giữa 2 phương án thì chúng tôi vẫn chọn 12 tháng liên tục ở năm đầu tiên. - Vướng mắc “ngày đầu tiên ở VN” tính thế nào? Các văn bản về thuế thu nhập cá nhân hiện tại không qui định rõ, dẫn đến nhiều vướng mắc. “ngày đầu tiên” ở đây không phải ngày đầu tiên trong đời của cá nhân đó mà là “ngày đầu tiên” trong 1 giai đoạn làm việc, 1 hợp đồng làm việc. 1 cá nhân có thể đến VN làm nhiều lần, theo nhiều hợp đồng khác nhau, theo nhiều chương trình làm việc khác nhau. “ngày đầu tiên” ở đây là ngày đầu tiên trong chương trình làm việc đó. - Liên quan đến vắt năm, thì năm thứ 2 quyết toán thuế thế nào? Chúng tôi cũng có những nguyên tắc khi 1 cá nhân đến VN ngày đầu tiên trong hợp đồng làm việc,
--	--	---	--	---

		dương lịch thứ 2, việc kê khai thuế của năm dương lịch thứ 2 chưa được hướng dẫn rõ ràng: cá nhân có được coi là cá nhân không cư trú của cả năm thứ 2 và chỉ cần kê quyết toán từ tháng đến Việt Nam đến 31/12 của năm thứ nhất hay không? nếu cá nhân phải kê khai quyết toán cho kỳ vắt năm thì số thuế cho giai đoạn trùng sẽ được tính trừ vào năm thứ 2 như thế nào? - Phần mềm hỗ trợ kê khai (HTKK) đang chỉ hỗ trợ xác định năm tính thuế theo chặn tháng, do đó, thời hạn kê khai thuế do phần mềm quản lý thuế xác định có thể không chính xác, dẫn đến mất thời gian cho cơ quan thuế và người nộp thuế trong việc đối chiếu và tính toán lãi phạt chậm nộp tiền thuế (nếu có). - Trên thế giới và trong khu vực, có nhiều quốc gia chỉ áp dụng năm tính thuế theo năm dương lịch, ví dụ: Lào, Myanmar, Malaysia, Singapore, Philippines, Thái Lan, Hàn Quốc. Do đó, cá nhân là công dân của các nước này sẽ gặp khó khăn trong việc xin cấp xác nhận cá nhân cư trú thuế và khấu trừ thuế đã nộp tại nước ngoài do năm tính thuế không tương đồng.		thì ngày đầu tiên đó căn cứ theo hợp đồng làm việc. Nếu hợp đồng có thời hạn làm việc trên 183 ngày thì xác định luôn cá nhân đó là cá nhân cư trú. Đến năm thứ 2, kể cả trường hợp chỉ có 3 tháng thôi, việc nộp thuế vẫn phải tính liên tục theo cá nhân cư trú. Nếu ở năm thứ 2, cá nhân về nước ngay sau khi kết thúc hợp đồng & không quay lại VN nữa thì vẫn có nguyên tắc xác định lại thân phận cư trú của cá nhân đó. Nếu hiện diện tại VN dưới 183 ngày thì sẽ xác định lại thân phận cư trú & xác định theo không cư trú. Nhưng việc xác định lại thân phận cư trú này sẽ phải xác định tại thời điểm cuối năm dương lịch đó, chứ ngay năm đó, tại thời điểm cá nhân về nước thì không thể xác định được cư trú hay không cư trú. Tại vì theo hợp đồng ban đầu đã kéo dài trên 183 ngày nên vẫn tiếp tục nộp thuế theo cá nhân cư trú. - Trên ứng dụng khai thuế đang tính theo tháng, khó khăn trong việc tính phạt nộp chậm của cơ quan thuế. Trong việc tính phạt nộp chậm của cơ quan thuế, thời hạn người ta tính theo tháng, nếu phát sinh thuế thu nhập cá nhân từ ngày đầu, 30 hay 15 tháng đó thì thời hạn khai thuế vẫn là thời hạn tháng đó. Khi tính phạt thì tính theo thời hạn khai thuế của tháng chứ không tính theo thời hạn phát sinh thu nhập. Nguyên tắc chặn tháng khi khai thuế không thay đổi được. - Trên thế giới và trong khu vực, có nhiều quốc gia chỉ áp dụng năm tính thuế theo năm dương lịch, ví dụ: Lào, Myanmar, Malaysia, Singapore, Philippines, Thái Lan, Hàn Quốc. Do đó, cá nhân là công dân của các nước này sẽ gặp khó khăn trong việc xin cấp xác nhận cá nhân cư trú thuế và khấu trừ thuế đã nộp tại nước ngoài do năm tính thuế không tương đồng.
--	--	---	--	---

				⇒ Chúng tôi qui định vậy với mục đích cắt giảm thủ tục hành chính, nếu sau này các bạn cung cấp thêm cho chúng tôi kinh nghiệm các nước, qui định như vậy với 1 lí do nào đó & để có lợi hơn cho người nộp thuế thì chúng tôi sẵn sàng tiếp thu trong dự luật tới nếu có thể. ⇒ Tất cả các quốc gia này đều kí hiệp định chống đánh thuế 2 lần với VN thì chúng ta ưu tiên thực hiện theo hiệp định chứ không theo bộ luật. Câu chuyện khấu trừ thuế đã nộp thì đã có qui định rõ ràng khi có hiệp định.
26	Vấn đề 25: Kê khai phần thu nhập phát sinh tại Việt Nam đối với người nước ngoài sang Việt Nam công tác ngắn ngày	Theo quy định hiện hành, có thể hiểu rằng, người nước ngoài sang Việt Nam công tác dù chỉ 01 ngày cũng có nghĩa vụ kê khai thuế TNCN tại Việt Nam trên phần thu nhập phát sinh tại Việt Nam nhưng nhận được từ nước ngoài. Quy định khắt khe này khiến trên thực tế cá nhân khó có thể hoàn toàn tuân thủ, đặc biệt trong trường hợp cá nhân chỉ sang Việt Nam làm việc vài ngày. Trên thế giới, nhiều quốc gia đã quy định một số trường hợp mà cá nhân nước ngoài được miễn trừ nghĩa vụ kê khai thuế TNCN, nếu có mặt hoặc có thu nhập phát sinh tại nước đó dưới ngưỡng quy định, ví dụ: - Hoa Kỳ: có mặt tại Mỹ không quá 90 ngày/năm tính thuế hoặc có thu nhập phát sinh tại Mỹ không quá 3.000 Đô la Mỹ/năm - Ấn Độ: có mặt tại Ấn Độ không quá 90 ngày/năm - Malaysia, Singapore: có mặt tại các nước này không quá 60 ngày/năm Ngoài ra, luật lao động cũng có quy định về việc miễn giấy phép lao động cho người nước	Chúng tôi kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét và cân nhắc đưa ra quy định về việc cá nhân nước ngoài sang công tác ngắn ngày tại Việt Nam không phải kê khai thuế TNCN tại Việt Nam trên phần thu nhập phát sinh tại Việt Nam nhưng nhận tại nước ngoài nếu thỏa mãn một số điều kiện về số ngày có mặt tại Việt Nam để phù hợp với thông lệ quốc tế, thống nhất giữa quy định thuế và lao động, cũng như tạo điều kiện để việc tuân thủ quy định thuế trở nên khả thi với người nộp thuế.	Thuế TNCN VN chúng tôi xây dựng hoàn toàn phù hợp theo thông lệ quốc tế. Đặc biệt các hiệp định chống đánh thuế 2 lần. Chúng tôi kí gần 80 hiệp định chống đánh thuế 2 lần. Bộ luật cũng đảm bảo các qui định về thuế chung: đánh thuế TNCN tại VN theo cư trú hay không cư trú, chứ không theo số ngày tại VN hay không, không theo hiện diện. Rất nhiều trường hợp không hiện diện tại VN 1 ngày nào vẫn được gọi là cá nhân cư trú. Nếu qui định theo thời hạn ở tại VN thì khó, đặc biệt với kinh tế hiện nay, thời đại 4.0 thì dù không ở VN ngày nào họ vẫn làm việc bình thường. Chúng tôi cũng khó để xây dựng 1 ngưỡng hiện diện bao nhiêu ngày thì phải chịu thuế. Chúng tôi xin ghi nhận, chúng ta sẽ xem mức thuế là bao nhiêu, nếu chỉ căn cứ theo số ngày có mặt tại VN mà bỏ qua thu nhập ngta được hưởng rất lớn tại VN là không hợp lí. Không đúng với hiệp định & thông lệ quốc tế. Như vậy thiệt cho VN quá. Chúng tôi xin ghi nhận, ở ngắn ngày & mức chi trả thấp, hoặc không chi trả đồng nào, có thể có ngưỡng về thu nhập do VN chi trả.

		ngoài sang Việt Nam làm việc dưới 30 ngày/lần hoặc không quá 90 ngày/năm.		
CÁC VẤN ĐỀ CỦA NHÓM CÔNG TÁC NGÂN HÀNG				
27	Vấn đề 1: Áp dụng thu thuế VAT trên dịch vụ L/C	Từ trước đến nay, tất cả các ngân hàng thương mại tại Việt Nam đều áp dụng thống nhất đối với các khoản thu về phát hành và xử lý chứng từ L/C là thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Căn cứ pháp lý của việc áp dụng thuế GTGT như sau: - Theo tất cả các thông tư hướng dẫn thuế GTGT qua từng thời kỳ từ năm 2009 đến nay do Bộ Tài chính ban hành¹ đều nêu rõ “<i>bảo lãnh thanh toán</i>” là một hình thức dịch vụ cấp tín dụng thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. - Theo Công văn số 11754/BTC-CST ngày 06/9/2010 của Bộ Tài chính gửi Cục thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn về thuế GTGT đối với các khoản thu dịch vụ cấp tín dụng có bao gồm chi tiết: <i>Thư tín dụng (L/C): Thư tín dụng (L/C) là một phương thức bảo lãnh thanh toán quốc tế, thực chất là một cam kết thanh toán của ngân hàng phát hành (ngân hàng phục vụ người mua), bảo đảm là người mua sẽ thanh toán tiền mua hàng hoá cho người bán khi các Điều kiện quy định trong thư tín dụng được thực hiện đúng và đầy đủ. Nếu người mua không thanh toán đúng hạn,</i>	-Không áp dụng thuế GTGT đối với các loại hình thư tín dụng có tính chất cung cấp tín dụng hay bảo lãnh ngân hàng đúng với tinh thần của Luật các tổ chức tín dụng 2010, Luật Thuế GTGT và các văn bản pháp quy hướng dẫn thi hành những Luật này. -Nếu thay đổi cách áp dụng thuế GTGT đối với thư tín dụng có tính chất cung cấp tín dụng hay bảo lãnh ngân hàng thì cũng chỉ nên áp dụng từ giờ trở đi và không truy thu, phạt hành chính, tính lãi chậm nộp thuế. Tuy nhiên để làm điều này chúng tôi cho rằng Luật các tổ chức tín dụng, các văn bản hướng dẫn và Luật thuế GTGT cần phải được sửa đổi lại.	Bộ Tài chính đã có văn bản báo cáo tới Văn Phòng Thủ Tướng Chính Phủ, trong đó có ý kiến đề nghị Ngân Hàng Nhà Nước nghiên cứu và trình cấp có thẩm quyền về quy định rõ dịch vụ L/C nào là dịch vụ cấp tín dụng, dịch vụ L/C nào là dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

¹ Bao gồm: Thông tư 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 (áp dụng từ ngày 18/1/2009 đến ngày 29/2/2012, Thông tư 06/2012/TT-BTC ngày 11/01/2012 (áp dụng từ ngày 01/3/2012 đến 31/12/2013), Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 (sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 151/2014/TT-BTC và Thông tư 26/2015/TT-BTC - áp dụng từ ngày 01/01/2014 cho đến nay)

		ngân hàng phát hành thực hiện cho vay bắt buộc đối với người mua để thanh toán cho người bán. Vì vậy, các Khoản thu về phát hành, xác nhận, thông báo thư tín dụng là <u>Khoản thu bảo lãnh</u> thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Tuy nhiên, trong các đợt thanh tra/ kiểm tra thuế do Tổng Cục Thuế và Kiểm toán Nhà nước tiến hành từ năm 2018 trở lại đây tại các ngân hàng (một trong số đó là HSBC Việt Nam), các cơ quan chức năng đã có quan điểm khác nhau và sau một thời gian nghiên cứu xem xét họ đã áp thuế suất GTGT 10% đối với toàn bộ các sản phẩm L/C của ngân hàng và truy thu thuế, xử lý phạt vi phạm hành chính và tính tiền chậm nộp tiền thuế liên quan. Dựa trên kết luận thanh tra tại các ngân hàng, chúng tôi hiểu căn cứ pháp lý mà các cơ quan chức năng đã diễn giải và kết luận về áp dụng thuế GTGT 10% đối với dịch vụ L/C kể từ ngày 01/01/2011 theo Khoản 15, Khoản 18, Điều 4, và Điều 98, Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 do Quốc hội ban hành (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2011) (“Luật các tổ chức tín dụng 2010”). Công Văn 1606/TCT-DNL ngày 22 tháng 4 năm 2020 gửi các Cục Thuế trên cả nước cho rằng L/C chỉ đơn thuần là một phương tiện thanh toán qua tài khoản hệ thống ngân hàng không có tính chất bảo lãnh tín dụng hay cung cấp tín dụng nên phải chịu thuế GTGT và yêu		
--	--	--	--	--

		cầu rà soát việc thu thuế GTGT tại các ngân hàng ở các địa phương đối với hoạt động cung cấp dịch vụ thư tín dụng. Nhóm Công tác Ngân hàng cho rằng việc diễn giải của các cơ quan chức năng cho rằng tất cả các hình thức L/C (bao gồm hình thức khách hàng ký quỹ hoặc không ký quỹ) đều chỉ là hình thức “<i>cung ứng dịch vụ thanh toán</i>” để áp dụng thuộc đối tượng chịu thuế GTGT; thay vì nhìn nhận chi tiết vào bản chất của từng giao dịch để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng của từng sản phẩm và coi đây là hình thức “<i>bảo lãnh ngân hàng</i>” – một hình thức cấp tín dụng và là đối tượng không chịu thuế GTGT. Diễn giải này của Cơ quan chức năng không hoàn toàn phù hợp và chưa phản ánh một cách đầy đủ và đúng nhất về bản chất của dịch vụ L/C theo thông lệ hoạt động ngân hàng cũng như tinh thần của Luật các Tổ chức Tín dụng 2010. Liên quan đến vấn đề này, Nhóm Công tác Ngân hàng có các luận điểm như sau: - <i>L/C không phải là dịch vụ thanh toán ngân hàng thuần túy mà còn bao gồm hoạt động cung cấp tín dụng thông qua việc cam kết phát hành dưới hình thức thư tín dụng chứng từ.</i> - <i>Theo Thông tư 22/2017/TT-NHNN, cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng (L/C) được hạch toán kế toán vào tài khoản kế toán tương đương với các tài khoản kế toán ghi nhận đối với các cam kết khác, bao gồm cam kết bảo lãnh.</i> - <i>Việc thay đổi cách diễn giải áp dụng thuế GTGT hồi tố sau gần 10 năm sẽ</i>		
--	--	--	--	--

		<i>gây thiệt hại cho toàn ngành ngân hàng và doanh nghiệp xuất nhập khẩu là không hợp lý và không phù hợp trong tình hình hiện tại</i>		
28	Luật quản lý thuế - Việc khấu trừ và nộp thuế của cá nhân ở nước ngoài có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử có phát sinh thu nhập từ Việt Nam	Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14, Khoản 3 Điều 27 - Nhiệm vụ, quyền hạn của ngân hàng thương mại (“NHTM”) quy định: <i>“3. Khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế phải nộp theo quy định pháp luật về thuế của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử có phát sinh thu nhập từ Việt Nam”.</i> Nghị định 126/2020/NĐ-CP quy định một số điều của Luật Quản lý thuế quy định cụ thể hơn về nhiệm vụ, quyền hạn của Ngân hàng Thương mại (“NHTM”), Tổ chức Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán tại Khoản 3, Điều 30. Với quy định hiện tại thì ngân hàng gặp nhiều khó khăn, vướng mắc nếu phải thực hiện xác định và khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế phải nộp của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử có phát sinh thu nhập từ Việt Nam, cụ thể: - Một phần của hoạt động thương mại có thể được các bên thực hiện bằng phương tiện điện tử (ví dụ: các bên có thể đặt hàng hoặc giao dịch qua Internet, email, thanh toán bằng thẻ, bằng ứng dụng thanh toán, ...); việc giao hàng/cung ứng dịch vụ có thể thực hiện tại Việt Nam hoặc tại nước ngoài., Do đó, ngân hàng không thể xác định được các giao dịch nêu trên có thuộc	Kiến nghị Chính phủ, Bộ Tài chính, Tổng Cục Thuế, và Ngân hàng Nhà nước xem xét và hướng dẫn chi tiết để các NHTM có thể thực hiện quy định tại Khoản 3 Điều 30 Nghị định 126 trên cơ sở tránh bị chông chéo trong việc kê khai và nộp thuế của những đối tượng có nghĩa vụ (bên Việt Nam mua hàng, ngân hàng thanh toán, tổ chức/cá nhân nước ngoài), tránh thu thuế 2 lần cho 1 giao dịch, phù hợp với thực tiễn, thông lệ quốc tế, đồng thời tránh việc các ngân hàng thương mại phải thực hiện các hoạt động tính, khấu trừ thuế và chịu các trách nhiệm ngoài phạm vi hoạt động của ngân hàng, tránh các tranh chấp, rủi ro phát sinh cho các ngân hàng thương mại. Theo đó, chúng tôi kiến nghị các quý cơ quan có quy định hướng dẫn là trách nhiệm	Điều 27 ở Luật 38 đã trả lời rất cụ thể: nghĩa vụ thuế phải nộp của người nước ngoài có phát sinh thu nhập ở Việt Nam phải nộp thuế. Việc khấu trừ nộp thay cho cá nhân nước ngoài, Chính Phủ quy định tại điều 30 – Nghị Định 126, nhà kinh doanh cung cấp nước ngoài không có cơ sở ở Việt Nam có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử theo khoản 3 điều 27. Nghị Định đã quy định chi tiết, ngân hàng thương mại trung gian thanh toán nộp thay. Tổng cục Thuế phối hợp cơ quan liên quan để công bố thông tin của cơ quan nước ngoài. Trường hợp cá nhân nước ngoài thanh toán hình thức khác không thể nộp thay, ngân hàng thương mại trung gian thanh toán, không trực tiếp thanh toán mà thông báo tới cơ quan thuế. Khoản 4 điều 7, Nghị Định 70/2014 đã quy định về chuyển tiền một chiều của người Việt Nam ra nước ngoài. Quy định tại Nghị Định 70/2014 Tổng Cục Thuế có trách nhiệm xem xét cho người cư trú và người không cư trú. Quy định ngoại tệ chuyển ra nước ngoài. Luật 38 và Nghị Định 126 và Nghị Định 70 cũng đã quy định rõ. Việc các đơn vị phối hợp với cơ quan thuế sẽ khó hơn do quy định này trước chưa có, nhưng việc nộp thay sẽ giúp cơ quan thuế đảm bảo thu thuế đầy đủ. Chính Phủ rất quan tâm vấn đề này trong giao dịch thương mại điện tử. Hiện Luật 38 đã quy định. Hiện nay đã triển khai. Bước đầu cũng rất mong ngân hàng và các cơ quan quản lý cố gắng triển khai để thực hiện: - Khấu trừ trực tiếp - Không khấu trừ trực tiếp thì gửi thông tin cho cơ quan quản lý. Tôi rất chia sẻ khó khăn khi khối lượng công việc tăng nhưng

		trường hợp phải chịu thuế hay không. Hơn nữa, cũng không thể xác định hàng hóa/dịch vụ được cung cấp và tiêu dùng tại Việt Nam hay ngoài Việt Nam, không thể xác định giao dịch nào phục vụ kinh doanh, giao dịch nào phục vụ nhu cầu tiêu dùng (Đối với các giao dịch phục vụ mục đích kinh doanh đã có các chủ thể chịu trách nhiệm kê khai thuế rồi, nếu ngân hàng thực hiện lần nữa sẽ là thu hai lần thuế), giao dịch không thể thực hiện được nếu ngân hàng khấu trừ thuế vì khi đó, số tiền thanh toán thực tế sẽ nhỏ hơn số tiền được yêu cầu thanh toán → không thể tiến hành thanh toán. - Việc áp dụng quy định này sẽ phát sinh thêm chi phí quản lý cho phía Ngân hàng thương mại (“NHTM”) do số lượng giao dịch rất lớn : Qua tham khảo một số quy định hướng dẫn về xử lý thuế đối với các giao dịch thương mại điện tử của Ủy Ban Châu Âu, chúng tôi được biết rằng các quốc gia Châu Âu không yêu cầu Ngân hàng thương mại khấu trừ thuế đối với các giao dịch này. Thay vào đó, tùy vào bản chất giao dịch/thỏa thuận trong hợp đồng, các chủ sở hữu của các nội dung điện tử (content owner) hay các tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian (intermediary) là đối tượng có trách nhiệm đăng ký, kê khai, nộp thuế trực tiếp cho cơ quan thuế.	nộp thuế do các bên trong giao dịch mua, bán hàng hóa thực hiện, việc khấu trừ, nộp thay nếu có chỉ được ngân hàng thương mại thực hiện theo yêu cầu của cơ quan thuế hoặc theo ủy quyền/yêu cầu của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử có phát sinh thu nhập từ Việt Nam đối với từng trường hợp và số tiền thuế phải nộp cụ thể. Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước xem xét và có hướng dẫn cụ thể đối với các nội dung và công việc liên quan khác, bao gồm việc hoàn thuế đối với trường hợp giao dịch bị giả mạo.	mong ngân hàng chia sẻ khó khăn và cố gắng thực hiện. Đây là vấn đề mới và có khó khăn trước mắt. Bộ Tài Chính cũng sẽ có Thông tư hướng dẫn Luật 38, Nghị Định 126, trong đó có chuyên đề liên quan tới các ngân hàng và sẽ tổ chức các buổi thảo luận liên quan đến vấn đề này để hoàn thiện và sát với tình hình thực tiễn. Các đơn vị có thể tham gia góp ý kiến trực tiếp hoặc bằng văn bản.
29	Vấn đề 2: Việc ghi	Theo Khoản 3, Điều 35 của Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14, Sử dụng mã số thuế quy	Kiểm nghị Chính phủ, Bộ Tài chính, Tổng Cục	Tổng cục Thuế nhận được ý kiến của VBF và báo chí nêu vướng mắc liên quan đến Nghị Định 126 về trách nhiệm ngân

	mã số thuế trong hồ sơ mở tài khoản và các chứng từ giao dịch qua tài khoản.	định: <i>“4. Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác phải ghi mã số thuế trong hồ sơ mở tài khoản và các chứng từ giao dịch qua tài khoản của người nộp thuế.”</i> Đối với nội dung này của Luật quản lý thuế, các Ngân hàng mong muốn được hướng dẫn thêm và nêu chi tiết các loại chứng từ giao dịch qua tài khoản của người nộp thuế vì chứng từ của hệ thống ngân hàng rất đa dạng và đặc thù. Nếu quy định này áp dụng cho toàn bộ chứng từ giao dịch qua tài khoản tại Ngân hàng thì các Ngân hàng sẽ gặp rất nhiều khó khăn để tuân thủ điều khoản này, cụ thể: - Một số chứng từ của các ngân hàng theo quy ước và thông lệ Quốc tế - Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài sẽ theo hệ thống Core-banking của các Ngân hàng mẹ và áp dụng cho toàn bộ chi nhánh trên thế giới - Nhiều chứng từ ngân hàng chỉ dùng cho mục đích quản lý nội bộ hoặc cung cấp thêm thông tin, không cần thiết phải thêm Mã số thuế - Nhiều khách hàng không có thông tin Mã số thuế.	Thuế, và Ngân hàng Nhà nước xem xét và hướng dẫn cụ thể là yêu cầu này chỉ áp dụng cho các hồ sơ mở tài khoản và chứng từ giao dịch liên quan đến thanh toán thuế, không áp dụng cho toàn bộ các loại giao dịch và các chứng từ giao dịch ngân hàng nói chung. Nếu Chính phủ, Bộ Tài chính, Tổng Cục Thuế, và Ngân hàng Nhà nước có ý kiến khác về vấn đề này, chúng tôi mong rằng Tổng Cục thuế và Ngân hàng Nhà nước sẽ có các hướng dẫn cụ thể và chi tiết về các chứng từ giao dịch cần thiết phải có mã số thuế để hệ thống Ngân hàng nắm rõ quy định và áp dụng đồng nhất trên toàn hệ thống Ngân hàng.	hàng thương mại trong cung cấp thông tin tài khoản và giao dịch thanh toán thực hiện tại ngân hàng thương mại. Khẳng định quy định người nộp thuế ghi mã số thuế trong giao dịch kinh tế và giao dịch thanh toán đã có từ Luật số 78 năm 2007 và Luật 38 không phải mới. Trong quá trình thực hiện cách thực hiện có thể khác nhau. Tại Luật 38, các Nghị Định về đăng ký doanh nghiệp liên thông với cơ quan thuế cũng như thông tin về đăng ký thuế, chúng tôi đang giao trách nhiệm thông báo số tài khoản ngân hàng của người nộp thuế của doanh nghiệp ở các ngân hàng thương mại và hiệu lực các tài khoản này, khai báo thay đổi thông tin tài khoản ngân hàng đang thuộc trách nhiệm của người nộp thuế và họ sẽ làm thủ tục thay đổi ngân hàng mới với cơ quan thuế, trước là khai báo trực tiếp với cơ quan thuế, sau là qua một cửa liên thông đăng ký kinh doanh. Hiện tại cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế đang có đầy đủ thông tin về số tài khoản ngân hàng, tên, tuổi, mã số thuế của người nộp thuế do người nộp thuế tự khai báo. Để cải cách thủ tục hành chính, chúng tôi đã lấy ý kiến và chuyển trách nhiệm này để các ngân hàng thương mại làm thay người nộp thuế khi khách hàng mở tài khoản. Theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Luật Quản Lý Thuế, khách hàng/ doanh nghiệp phải cung cấp mã số thuế/ mã số doanh nghiệp cho ngân hàng thương mại. Quy định của Luật Quản Lý Thuế 2007 quy định tất cả chứng từ thanh toán yêu cầu người nộp thuế cung cấp thông tin mã số thuế. Việc thực hiện này doanh nghiệp thanh toán qua ngân hàng đã có thông tin nhưng core banking/ cơ sở dữ liệu của ngân hàng lại chưa lưu dữ liệu này. Các ngân hàng triết xuất cơ sở dữ liệu cho cơ quan thuế, có ngân hàng lưu và có ngân hàng ko lưu thông tin, không nằm trực tiếp trong core banking mà nằm trong hệ thống lưu dữ liệu ngoài của các ngân hàng thương mại, hệ thống thu ngân sách... của ngân hàng thương mại. 55 ngân hàng kết
--	---	---	---	--

			nổi trao đổi thông tin ngân sách với Tổng cục Thuế, có ngân hàng đã có mã số thuế, không chỉ hỗ trợ người nộp thuế nộp thuế điện tử mà chính tài khoản người nộp thuế mở tại các ngân hàng đã có mã số thuế Chúng tôi đang khảo sát hiện trạng cơ sở dữ liệu của ngân hàng thương mại trong đó có 55 ngân hàng có phối hợp với cơ quan thuế để đánh giá khả năng ngân hàng có thể chuyển đổi, đưa thêm thông tin mã số thuế. Trước đây mã số thuế lưu bằng giấy tại ngân hàng, hiện nay ngân hàng có thể điện tử hóa đưa vào cơ sở dữ liệu từ đó cung cấp thông tin số tài khoản cho cơ quan thuế cũng như cung cấp thông tin giao dịch thanh toán theo yêu cầu của thủ trưởng cơ quan thuế đối với yêu cầu người nộp thuế có dấu hiệu vi phạm pháp luật thuế. Tôi cũng có trao đổi và giải thích với báo dân trí sớm hôm nay: việc cung cấp thông tin của người nộp thuế không phải quy định mà các ngân hàng tự động cung cấp mà thủ trưởng cơ quan thuế sẽ có yêu cầu bằng văn bản và chỉ yêu cầu khi người nộp thuế thuộc diện thanh tra kiểm tra thuế, tức là có dấu hiệu rủi ro cao và dấu hiệu vi phạm pháp luật. Còn việc cung cấp thông tin đăng ký tài khoản thì đây đang là quy định trước đây là do doanh nghiệp cung cấp và nay chuyển sang cho ngân hàng làm thay cho doanh nghiệp, hỗ trợ khách hàng của mình để cung cấp cho cơ quan thuế dựa trên cơ sở dữ liệu đang có. Việc bảo mật thông tin này hoàn toàn thuộc trách nhiệm của cơ quan thuế theo quy định của Luật Quản Lý Thuế 78 cũng như quy định của Luật 38 bây giờ không có gì mới, chỉ chuyển vai trò người nộp thuế. Để đánh giá thay đổi này chúng tôi dự kiến sẽ xây dựng quy chế với ngân hàng thương mại về cơ chế cung cấp thông tin bằng điện tử và sẽ họp lấy ý kiến ngân hàng thương mại về thời gian ngân hàng thương mại có thể đáp ứng, tức là có lộ
--	--	--	--

			trình hoàn thiện cơ sở dữ liệu của mình, có kế hoạch cụ thể. Chính vì vậy, Nghị Định 126 quy định rằng trường hợp ngân hàng lần đầu kết xuất thì kết xuất đầy đủ, và kết xuất lần sau thì kết xuất thay đổi. Trong khi các ngân hàng chưa kết xuất, chúng tôi làm theo Nghị Định đăng ký doanh nghiệp tức là người nộp thuế sẽ phải đăng kí số tài khoản qua đăng kí kinh doanh. Và trong Nghị Định đăng kí kinh doanh sửa đổi thay thế 78 và 108 thì chúng tôi bỏ quy định doanh nghiệp phải khai báo thông tin tài khoản ngân hàng khi đăng ký kinh doanh liên thông sang cơ quan thuế thay vì chúng tôi đã lấy thông tin tài khoản của ngân hàng. Việc này tiết kiệm chi phí rất cho xã hội nhiều thay vì làm giấy và đăng ký đơn lẻ. Ngân hàng thương mại dùng cơ sở dữ liệu & hạ tầng cơ sở thông tin chuyển 1 lần giao dịch là được dữ liệu để chuyển 1 lần cho cơ quan thuế, hướng đến lợi ích lớn cho xã hội. Chúng tôi xin khẳng định là những giao dịch không liên quan đến thanh toán và xác định doanh thu chi phí cũng như nghĩa vụ thuế của người nộp thuế, thì cơ quan thuế không yêu cầu cung cấp. và những giao dịch đó là những giao dịch trong nội bộ của ngân hàng vì chúng tôi không có yêu cầu. Sắp tới khi ban hành quy chế với NHNN quy định cụ thể từng giao dịch phân loại các giao dịch thì chúng tôi cũng sẽ nghiên cứu kỹ để xác định rõ giao dịch nào là giao dịch phải ghi mã số thuế. Hiện nay giao dịch thanh toán mua bán mà người nộp thuế phải thanh toán qua ngân hàng là giao dịch giá trị 20 triệu đồng trở lên để được xác định là chi phí tính thuế thì đây là giao dịch chúng tôi quy định liên quan đến doanh thu chi phí và liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế giao dịch phải ghi mã số thuế trong từng giao dịch thanh toán. Đối với cá nhân, chúng tôi cũng sẽ trao đổi kỹ với các ngân hàng. Tới đây có 1 cuộc họp để đánh giá tính khả thi, sẽ có lộ trình với từng trường hợp và thời điểm nào có thể đáp ứng được. Ví dụ với
--	--	--	--

				cá nhân rất rộng và Tổng cục Thuế cung cấp cơ sở dữ liệu làm tất cả những người nộp thuế đang có mã số thuế ở trạng thái trường hợp đã đóng ngân hàng tiếp tục ra soát các khách hàng của mình và có thông tin mã số thuế để đối chiếu nhưng thời điểm cập nhập sẽ cụ thể, ví dụ trường hợp cá nhân để lâu không giao dịch rất khó yêu cầu nhưng khi có giao dịch sẽ đề nghị bổ sung mã số thuế. Và khi chúng tôi cung cấp thông tin cho ngân hàng sẽ có thông tin tham chiếu là chứng minh thư nhân dân và hộ chiếu để tham chiếu tra soát tài khoản cá nhân tại Ngân hàng khi người nộp thuế, cá nhân đến giao dịch sẽ hướng dẫn họ bổ sung thông tin mã số thuế, hướng dẫn người nộp thuế thực hiện theo core banking của ngân hàng. Sẽ có quy chế phối hợp, cơ quan thuế sẽ có thông tin cung cấp hỗ trợ các ngân hàng và các cá nhân bổ sung thông tin tài khoản. Sẽ có cuộc họp riêng, đánh giá kĩ từng hồ sơ để có lộ trình phù hợp.
--	--	--	--	--

ENERGY DAY

Thời gian: 8:00 – 11:15, Thứ Năm, ngày 3/12/2020

Địa điểm: Sofitel Legend Metropole, Hà Nội

TÓM TẮT NỘI DUNG THẢO LUẬN

THÀNH PHẦN THAM DỰ

Đại diện Chính phủ:

1. Ông Đỗ Nhất Hoàng, Cục trưởng Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ KH & ĐT
2. Ông Ngô Chi Linh, Phó Phòng Chính sách, Cục Quản lý đấu thầu, Bộ KH & ĐT
3. Ông Đỗ Đức Quân, Phó Cục trưởng Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Bộ Công Thương
4. Ông Nguyễn Ninh Hải, Trưởng phòng Năng lượng tái tạo, Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Bộ Công Thương
5. Ông Trần Tuệ Quang, Phó Cục trưởng Cục Điều tiết Điện lực, Bộ Công Thương
6. Ông Bùi Hữu Quang, Vụ Tiết kiệm Năng lượng và Phát triển bền vững, Bộ Công Thương
7. Ông Trần Mạnh Hùng, Trưởng Phòng Kinh tế Năng lượng, Viện Năng lượng
8. Bà Tô Thị Phương Anh, Chuyên viên Vụ Kinh tế Tổng hợp, Bộ Công Thương
9. Ông Nguyễn Ngọc Trung, Phó Vụ trưởng, Vụ Công nghiệp, Ban Kinh tế Trung Ương

Đại diện VBF:

1. Ông Hong Sun, Đại diện Hiệp hội Doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam
2. Ông Tetsu Funayama, Đại diện Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam
3. Ông Denzel Eades, Đại diện Hiệp hội Doanh nghiệp Anh Quốc tại Việt Nam
4. Ông Tomaso Andreatta, Đại diện Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam
5. Bà Virginia Foote, Đại diện Hiệp hội Doanh nghiệp Hoa Kỳ tại Việt Nam
6. Ông John Rockhold, Trưởng Nhóm Công tác Điện & Năng lượng VBF
7. Ông Trần Tuấn Phong, Đồng Trưởng Nhóm Công tác Cơ sở hạ tầng VBF

Và hơn 45 thành viên khác là đại diện các doanh nghiệp từ các Hiệp hội trực thuộc VBF.

NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. Về kiến nghị Tái khởi động chương trình xây dựng các nhà máy điện hạt nhân:

Phản hồi của Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Bộ Công thương:

Hiện nay, Quốc hội đã tạm dừng phát triển điện hạt nhân của Việt Nam. Nghị quyết 55 của Bộ Chính trị đã yêu cầu nghiên cứu và giao Viện Năng lượng cùng các cơ quan liên quan để thực hiện với mục tiêu phát triển ngành năng lượng bền vững, có chi phí thấp nhất theo điều kiện Việt Nam hiện nay. Trong các mô phỏng để tính toán điện hạt nhân trong PDP8 thì kết quả cho đến năm 2030 chưa có đủ điều kiện cần thiết về nhân lực, kỹ thuật, pháp lý, ... để phát triển điện hạt nhân. Việc phát triển năng lượng hạt nhân sẽ tùy thuộc vào sự phát triển của ngành năng lượng và kinh tế nói chung của Việt Nam.

2. Về kiến nghị Ưu tiên sử dụng năng lượng tái tạo trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn mới (Quy hoạch điện VIII) và Gia hạn cơ chế giá FIT ưu đãi hiện tại và thiết lập cơ chế giá FIT mới cho điện gió

Phản hồi của Bộ Công Thương (BCT):

- **Về gia hạn giá FIT2 của điện gió:** Hiện nay BCT đang trao đổi, lấy ý kiến các bộ ngành, cộng đồng doanh nghiệp. Tuy nhiên các ý kiến phản hồi rất trái chiều, do đó, BCT sẽ xem xét chia nhóm đối tượng, hoàn thiện nội bộ dự thảo để gia hạn và tính lại giá FIT điện gió cho phù hợp với điều kiện phát triển thị trường thế giới cũng như điều kiện phát triển điện gió của Việt Nam. Dự thảo này sẽ hoàn chỉnh nội bộ trước khi trình Chính phủ xem xét quyết định.
 - **Về điện mặt trời trên mái nhà (ĐMTMN):** hiện nay đã có sự phát triển vượt bậc hơn 72.000 hệ thống ĐMTMN với tổng công suất 2300MW.
 - **Tăng quy mô công suất ĐMTMN, điện mặt trời sau công tơ điện:** Hiện nay, BCT đang nghiên cứu tổng thể tác động đối với việc cấp điện của EVN. Khi xây dựng nhà máy, khu công nghiệp tại Việt Nam thì EVN đã đầu tư hệ thống cấp điện để cung cấp. Trường hợp chuyển sang sử dụng ĐMT thì cần có cơ chế bồi hoàn, chia sẻ chi phí đã bỏ ra, cung cấp điện nên đảm bảo khi sử dụng điện mặt trời, điện gió. Tuy nhiên, chúng tôi ghi nhận các ý kiến của các hiệp hội và nghiên cứu để hoàn thiện trong thời gian tới.
 - **Giá FIT ĐMTMN:** sau 2020 không còn nữa, tuy nhiên, Bộ Công Thương cùng với các đơn vị tư vấn quốc tế và trong nước tiếp tục nghiên cứu, rà soát giá sản xuất thiết bị, thị trường Việt Nam hiện nay để đánh giá lại giá điện mặt trời cố định cho phù hợp hơn trong thời gian tới nếu vẫn được áp dụng.
 - **ĐMT quy mô lớn:** BCT đang xây dựng cơ chế đấu thầu từ tên gọi đến chương trình thí điểm xác định giá bán ĐMT sau 2020 (đã được bổ sung quy hoạch) khi không còn áp dụng giá FIT và đang xin ý kiến bộ, ngành để hoàn thiện trước khi trình Chính phủ. Dự kiến áp dụng 1 lần cho ĐMT sau khi phối hợp với các tổ chức, ngân hàng như Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) để hoàn thiện sau đó sẽ áp dụng cho điện gió.
 - **Điện gió ngoài khơi:** Hiện nay còn nhiều bất cập khi định nghĩa về độ sâu điện gió ngoài khơi 80m. Tại Việt Nam, độ sâu các khu vực khác nhau, đồng bằng sông Cửu Long thì xa bờ 10-20km thì độ sâu mới khoảng 10m, trong khi miền trung xa bờ 1-2 km thì đạt độ sâu này. Do đó, BCT cần nghiên cứu thêm để xác định các chính sách cho đúng đối tượng. Nghị quyết 55 đã định hướng sẽ xem xét phát triển điện gió ngoài khơi, có cơ chế giá FIT phù hợp.
 - **Cải thiện PPA:** Hiện nay các PPA đã thực hiện hơn 6000MW điện mặt trời, gần 3000MW điện gió tạo cơ chế hiện hành đang hấp dẫn nhà đầu tư. Hiện nay PPA đang áp dụng với giá bán điện cố định, các kiến nghị liên quan đến chia sẻ rủi ro nhà đầu tư/nhà nước, chúng tôi sẽ xem xét trong sơ chế đấu thầu sau này sẽ phản ánh được các vấn đề các hiệp hội đề xuất. Tạm thời sẽ không xem xét trong PPA giai đoạn giá FIT.
- 3. Kiến nghị Nâng cao khả năng vay vốn và cơ chế phân bổ rủi ro phù hợp trong các mẫu Hợp đồng mua bán điện (PPA) năng lượng tái tạo và Yêu cầu cấp phép đối các dự án điện mặt trời mái nhà:**

Phản hồi của Cục Điều tiết Điện lực:

- Các điều khoản trong Mẫu PPA về trường hợp bất khả kháng, chấm dứt hợp đồng, thay đổi về luật: đã được quy định tại Điều 10, 12
- ĐMTMN: về kiến nghị nâng ngưỡng miễn giấy phép hoạt động điện lực từ 1MW lên 3MW: Thông tư 18, khoản 4, điều 5; Quyết định 13; văn bản số 7088 của Bộ Công thương đã có qui

định và tạo điều kiện cho nhà đầu tư cho các trường hợp mua lại nhiều hệ thống ĐMTMN có công suất <1MW.

4. Về các chiến dịch truyền thông giáo dục ý thức sử dụng điện hiệu quả

Phản hồi của Vụ Tiết kiệm Năng lượng, Bộ Công Thương:

- Hiện nay Việt Nam có Luật Sử dụng Năng lượng tiết kiệm hiệu quả và triển khai nhiều chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả và đã đạt nhiều thành tựu, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng.
- Chương trình quốc gia sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả (SD NLTKHQ) được phê duyệt vào ngày 13/03/2019 với mục tiêu đến 2025 đạt 5-7%, 2030 đạt 8-10%. 9 nhóm giải pháp được đề ra như sau:
 - Hoàn thiện cơ chế chính sách,
 - Hỗ trợ doanh nghiệp kỹ thuật tài chính trong lĩnh vực SD NLTKHQ
 - Thành lập trung tâm dữ liệu quốc gia
 - Tăng cường năng lực
 - Tăng cường kiểm tra luật
 - Truyền thông
 - Hợp tác quốc tế
 - Phát triển khoa học công nghệ SD NLTKHQ
 - Thành lập quỹ TKNLHQ để hoạt động bền vững
- Nhóm truyền thông được xác định là rất quan trọng và có các chương trình truyền thông tuyên truyền các giải pháp SD NLTKHQ trên báo giấy, báo điện tử, truyền hình, cuộc thi giải thưởng phù hợp với các cấp, ngành, đoàn thể, hội phụ nữ, trường học, ... Tổ chức các cuộc thi nhằm nâng cao ý thức SD NLTKHQ.

5. Chia sẻ về PDP8 và Nhiệt điện than trong cơ cấu nguồn điện

Phản hồi của Viện Năng lượng:

- Hiện đã trình BCT để làm thủ tục xin ý kiến các bộ ngành để hoàn thiện.
- Mức độ tăng trưởng nhu cầu điện trong những năm vừa qua là 10,5%, dự báo 2021-2030 là 8-9% với nhu cầu sản lượng điện 490 tỷ Kwh.
- Cơ cấu nguồn điện đến 2030: tỷ trọng điện NLTT là 30% (hiện tại chưa đến 10%), năng lượng sạch (LNG) cũng được quan tâm trong PDP8. Về các dự án điện than đã được phê duyệt trong PDP7 điều chỉnh, đã và đang triển khai và sẽ được tiếp tục, và chúng tôi không có định hướng đưa vào phát triển các dự án nhiệt điện than mới sau năm 2030. Dự kiến đến năm 2045, NLTT chiếm tỷ trọng trên 40%. Việc định hướng phát triển NLTT đã thể hiện cam kết của chính phủ Việt Nam đối với quốc tế.
- Nhu cầu vốn: bình quân mỗi năm trên 13 tỷ USD cho nguồn điện và lưới điện (nguồn điện 73%) trong giai đoạn 2021-2030. Để đáp ứng nhu cầu vốn này, đòi hỏi có cơ chế, chính sách cởi mở để thu hút nguồn vốn.

6. Đối với các kiến nghị liên qua đến Luật Đầu Tư theo Phương Thức Đối Tác Công Tư (Luật PPP)

Phản hồi của Cục Quản lý Đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Ngày 1/1/2021, Luật PPP sẽ có hiệu lực. Hiện đã trình Chính phủ Nghị định hướng dẫn luật PPP để phê duyệt và dự kiến sẽ ban hành và có hiệu lực cùng thời điểm với luật PPP.
- **Về qui mô dự án điện theo PPP** thì qui mô các dự án điện lớn được đầu tư theo hình thức PPP trong lĩnh vực năng lượng từ 1500 tỷ trở lên, đối với các dự án điện trong lĩnh vực NLTT từ 500 tỷ trở lên.
- **Về vấn đề chuyển tiếp**, trong quá trình hoàn thiện dự thảo Nghị định trình Chính phủ thì Bộ KHĐT phối hợp với BCT để tổ chức các buổi làm việc về điều khoản chuyển tiếp trong các dự án BOT điện, tuy nhiên theo ý kiến của Bộ Tư pháp, không nên quy định các đối đãi đặc thù cho dự án BOT điện, do đó, trong dự thảo trình Chính phủ thì điều khoản chuyển tiếp chỉ còn là điều khoản chuyển tiếp chung cho tất cả các dự án, trong đó đã bổ sung rất nhiều mốc thời gian để đảm bảo tháo gỡ vướng mắc tối đa cho các dự án nói chung. Tại Khoản 8, Điều 90 của Dự thảo Nghị định, đối với các dự án BOT đã được ký hoặc thoả thuận đầu tư đã được ký trước thời điểm luật PPP có hiệu lực thì sẽ không phải đàm phán lại và tiếp tục hoàn thiện hợp đồng, khi hết hợp đồng thì sẽ được thực hiện theo luật PPP.
- **Về việc bảo lãnh, cam kết của Chính phủ (GGU)**, hiện nay thiếu cơ sở cho GGU trong Luật Đầu tư 2020 và Luật PPP. Trong Nghị định 63 trước đây đã có nêu cam kết thực hiện các nghĩa vụ của nhà nước nhưng thực chất hiểu GGU thì bao gồm nhiều cam kết. Theo Luật PPP thì GGU còn lại 2 hình thức là cơ chế chia sẻ rủi ro về doanh thu và bảo đảm cân đối ngoại tệ. Về bảo đảm cân đối ngoại tệ, NHNN muốn duy trì đảm bảo ở mức 30% doanh thu bằng VND sau khi trừ số chi tiêu VND theo Quyết định 1604. Theo dự thảo Nghị định trình Chính phủ thì đối với những dự án PPP quan trọng theo thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư của Quốc hội/ Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở chính sách quản lý ngoại hối, khả năng cân đối ngoại hối theo từng thời kỳ thì Chính phủ vẫn quyết định cơ chế bảo đảm cân đối ngoại tệ ở mức 30%. Nếu áp dụng tràn lan sẽ làm ảnh hưởng đến trả nợ công nói chung.
- **Về chia sẻ rủi ro doanh thu**, chỉ áp dụng trong trường hợp nếu như Chính phủ Việt Nam có những thay đổi chính sách pháp luật mà có ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện dự án (như các dự án Đường giao thông). Việc được áp dụng phải được thể hiện trong giai đoạn phê duyệt chủ trương đầu tư thì mới được áp dụng. Đối với các dự án điện hiện nay đang triển khai có bước chuyển tiếp thì không được áp dụng cơ chế này.
- **Về luật áp dụng**, theo Bộ Tư pháp thì trong hợp đồng chỉ áp dụng pháp luật Việt Nam. Hiện nay luật PPP quy định luật áp dụng trong trường hợp pháp luật Việt Nam không có quy định thì các bên sẽ thoả thuận cách hiểu cụ thể chứ không áp dụng thêm luật nào khác.
- **Về vấn đề miễn tiền Sử dụng đất (SDD)** thì sẽ không được thế chấp quyền SDD, vấn đề này thuộc phạm vi luật đất đai nên không thuộc Luật PPP hay Nghị định hướng dẫn Luật PPP.
- **Về vấn đề thế chấp quyền sử dụng mặt biển**, trong quá trình hoàn thiện luật PPP thì chưa có đơn vị nào đề cập với soạn thảo nên chưa thể đưa nội dung này vào trong luật PPP. Về nội dung này, chúng tôi đã có trao đổi với hội doanh nghiệp Nhật Bản và sẽ trao đổi thêm với Bộ Tài nguyên & Môi trường để có trả lời rõ ràng hơn về nội dung này nhưng có thể sẽ không đưa vào các nghị định trong lần này nhưng có thể sau này sửa luật sẽ có quy định rõ ràng hơn.

KẾT LUẬN CUỘC HỌP

- VBF sẽ tiếp tục phối hợp, tham mưu với Chính phủ Việt Nam về kế hoạch nguồn điện và sau đó là các ngành công nghiệp điện, bán dẫn, ... VBF cảm ơn Chính phủ đã tạo cơ hội cho thành viên VBF được gặp mặt và trao đổi với những chuyên gia trực tiếp nhất trong từng lĩnh vực. VBF hy vọng trong thời gian tới, hai bên sẽ tiếp tục phối hợp thực hiện các chương trình/ đề xuất đã được thống nhất.
- Bộ KHĐT cảm ơn các đơn vị đã có những ý kiến đóng góp tâm huyết, thực tế giúp Chính phủ hoàn thiện chính sách để thuận lợi cho nhà đầu tư. Các ý kiến hôm nay, Bộ sẽ ghi nhận. Đối với các vấn đề nêu ra nhưng chưa giải đáp thỏa mãn hoặc chưa có phản hồi do ngoài phạm vi quản lý của các đơn vị tham gia sẽ được chuyển đến bộ, ngành liên quan để tiếp tục giải đáp hoặc tổ chức các sự kiện tương tự trong thời gian tới.

DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THƯỜNG NIÊN 2020

CUỘC GẶP GIỮA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ NGUYỄN XUÂN PHÚC VÀ LIÊN MINH DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM NGÀY 10 THÁNG 12 NĂM 2020

TÓM TẮT

KHAI MẠC

PHÁT BIỂU CHỈ ĐẠO CỦA NGÀI NGUYỄN XUÂN PHÚC, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Chính phủ lắng nghe và thấu hiểu khó khăn của các bạn trong một năm đại thách thức như năm 2020. Mặc dù năm nay chúng ta vẫn được coi là tốt so với các nước với mức tăng trưởng cao. Báo cáo "Chỉ số kết nối toàn cầu 2020" nêu ra Việt Nam đã đạt thành tích ấn tượng - đứng thứ 5 trên bảng xếp hạng dòng chảy thương mại (tăng 5 bậc), trong khi phần lớn các quốc gia trong top 10 ghi nhận sụt giảm hoặc giữ nguyên vị trí. Chỉ số HDI của Việt Nam sắp công bố cũng được đánh giá cao, chỉ số cạnh tranh cũng được đánh giá là tốt. Tuy nhiên, năm 2021 vẫn là một năm khó khăn và nhiều thách thức. Những chuỗi cung ứng, đối tác quan trọng của Việt Nam cũng gặp những trở ngại nhưng chúng ta có một không gian phát triển tốt, ở một đất nước ổn định, luôn luôn quan tâm đến hỗ trợ cho các thành phần kinh tế trong đó có các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài.

Chính phủ rất muốn lắng nghe xem các vấn đề của các bạn là gì và xem chúng tôi có thể giải quyết được gì bởi trong suốt 23 năm qua Diễn đàn VBF cùng cộng đồng doanh nghiệp đã luôn đồng hành cùng Chính phủ, các cấp, các ngành đưa ra nhiều khuyến nghị hữu ích nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam ngày càng đông thêm về số lượng, mạnh hơn về tiềm lực, góp phần đưa nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng cao và hội nhập quốc tế sâu rộng. Chúng tôi biết muốn cho đất nước phát triển thì hệ thống doanh nghiệp phải phát triển mạnh mẽ và thành phần kinh tế, đặc biệt đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp Việt Nam, doanh nghiệp tư nhân Việt Nam, các hợp tác xã và hộ tư nhân. Chúng ta góp gió thành bão để có một nền kinh tế Việt Nam tốt hơn trong thời gian tới cũng là mong mỏi của tôi.

Ông Hong Sun, Đồng Chủ tịch, Liên minh Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam

Việc phê chuẩn Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) vào tháng 6 vừa qua là một lợi thế giúp Việt Nam thúc đẩy sản xuất, thương mại và đầu tư trong thời gian tới. Và chúng tôi hoàn toàn có niềm tin Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Vương Quốc Anh sẽ sớm được ký kết.

Trong năm vừa qua với sự hỗ trợ từ các Bộ ban ngành, Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam cùng 11 nhóm công tác đã tổ chức các cuộc họp kỹ thuật góp phần tháo gỡ các vướng mắc về mặt quy định, chính sách một cách kịp thời cho các công ty thành viên, giúp thúc đẩy quá trình khôi phục sản xuất, kinh doanh.

Để quá trình khôi phục nền kinh tế diễn ra nhanh và mạnh hơn, chúng tôi cho rằng Việt Nam nên chú trọng vào 2 nhóm vấn đề bao gồm:

- Tiếp tục triển khai mạnh mẽ Nghị quyết số 52-NQ/TW về chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.
- Quán triệt tinh thần thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW về định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia. Đây là một hướng đi rất đúng đắn phù hợp với mục tiêu phát

triển kinh tế - xã hội, đáp ứng nhu cầu thực tiễn cũng như thể hiện tầm nhìn cởi mở dài hạn của Chính phủ Việt Nam.

Ông Kyle F. Kelhofer, Giám đốc Quốc gia, Việt Nam, Lào và Campuchia, IFC

Không nghi ngờ gì, thành công của Việt Nam trong phòng chống COVID-19 càng củng cố vị thế của quốc gia trong vai trò điểm đến được lựa chọn cho sản xuất, nông nghiệp công nghệ cao, kho vận thông minh, CNTT-TT và dịch vụ.

Trong cuộc đua kinh tế toàn cầu, nhờ các biện pháp COVID, Việt Nam đã có khởi đầu thuận lợi. Đây cũng là cơ hội thực hiện những nâng cấp và thay đổi về chính sách cần thiết để vận hành nền kinh tế nhanh hơn - hiệu quả hơn, năng suất hơn, ít tắc nghẽn kinh doanh hơn - và để vận hành nền kinh tế lâu dài hơn - bền vững hơn và giảm bớt các ưu đãi sử dụng quá nhiều nguồn lực.

Cùng với việc tạo môi trường cho khu vực tư nhân phát triển, cần cải cách hơn nữa để nắm bắt các cơ hội mở rộng đầu tư và tái phân bổ, cũng như ngày càng cải thiện giá trị gia tăng và hiệu ứng lan tỏa trong nước, đồng thời khuyến khích nhà đầu tư hiện tại mở rộng kinh doanh tại Việt Nam. Điều này đòi hỏi một bước thay đổi để nhận ra rằng Dễ dàng trong kinh doanh là chìa khóa để thu hút nhà đầu tư phù hợp – chứ không phải Chi phí kinh doanh.

Chúng tôi khuyến khích chính phủ nhạy bén, cũng như các doanh nghiệp linh hoạt, áp dụng triển vọng chiến lược và chủ nghĩa thực dụng khi tìm kiếm những cách thức sáng tạo để giúp nền kinh tế có khả năng thích ứng.

BÀI PHÁT BIỂU CỦA 7 HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI

Tiến sĩ Vũ Tiến Lộc, Chủ tịch, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Để tiếp tục hỗ trợ cho cộng đồng doanh nghiệp, chúng tôi xin kiến nghị với Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ một số giải pháp sau đây:

- Tiếp tục tổ chức thực hiện thật tốt các giải pháp, các gói hỗ trợ đã được ban hành. Đề nghị mở rộng phạm vi và thời hạn của các gói hỗ trợ, thời gian miễn - giảm - dẫn - hoãn kéo dài hơn để hỗ trợ doanh nghiệp.
- Bên cạnh các gói hỗ trợ chung cho các đối tượng theo diện rộng, cũng cần có các gói hỗ trợ trọng tâm, trọng điểm cho một số lĩnh vực quan trọng. Vừa rồi Chính phủ đã có những giải pháp ví dụ như biện pháp hỗ trợ vốn cho VNA hoặc các biện pháp về giảm thuế cho phụ tùng nhập khẩu cho sản xuất ô tô trong nước vv. Chúng tôi đề nghị sắp tới những biện pháp như vậy có thể mở rộng cho một số lĩnh vực khác, những lĩnh vực rất quan trọng của nền kinh tế Việt Nam, đang gặp khó khăn tạm thời nhưng có khả năng bứt phá mạnh sau đại dịch.
- Để tăng cường sự kết nối giữa FDI và doanh nghiệp trong nước, chúng tôi đề nghị Chính phủ trình với Quốc hội thông qua Luật về Công nghiệp hỗ trợ để nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nước tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu.
- Đề nghị triển khai sớm, hoàn chỉnh sớm Nghị định hướng dẫn thi hành Luật về đối tác công tư để thúc đẩy mạnh mẽ đầu tư vào cơ sở hạ tầng bằng nguồn vốn nhà nước kết hợp với tư nhân.
- Đề nghị tổng kết sớm và chuẩn bị xây dựng Nghị quyết 35 mới cũng như nghị quyết 02 về phát triển doanh nghiệp và cải thiện môi trường kinh doanh cho nhiệm kỳ tới ngay từ bây giờ.
- Đề nghị trong các văn kiện sắp tới trình Đại hội Đảng cần nhấn mạnh yêu cầu về phát triển bền vững và thúc đẩy các chương trình phát triển bền vững trong nền kinh tế Việt Nam.

Ông Yun Ok Hyon, Chủ tịch, Hiệp hội Doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam

Trước tiên, tôi đánh giá cao hỗ trợ của Chính phủ Việt Nam đối với doanh nghiệp Hàn Quốc, đặc biệt đối với việc được nhập cảnh theo chế độ đặc biệt vào Việt Nam. Gần đây, hai nước đã đạt được thỏa thuận về việc doanh nhân tới làm việc tại Việt Nam dưới 14 ngày sẽ được miễn cách ly bắt buộc với điều kiện phải tuân thủ nghiêm ngặt và đầy đủ quy định về phòng dịch do cơ quan chức năng Việt Nam đưa ra trong thời gian lưu trú. Tôi tin tưởng mạnh mẽ rằng hành động thân thiện với doanh nghiệp này sẽ rất hữu ích để thúc đẩy cả nền kinh tế Hàn Quốc và Việt Nam trong điều kiện COVID-19.

Thứ hai, tôi xin nêu một số vấn đề về giấy phép của các nhà đầu tư Hàn Quốc tại Việt Nam. Trong giai đoạn COVID-19, Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều chính sách thuận lợi khác nhau để hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua tình hình kinh tế của đại dịch. Tuy nhiên, việc cấp phép cho một số dự án quy mô lớn của Hàn Quốc tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh còn chậm trễ do chưa có hướng dẫn pháp lý rõ ràng và điều này đã gây nhiều khó khăn trong hoạt động đầu tư. Kính mong Thủ tướng Chính phủ hiểu rõ tình hình này và chỉ đạo Bộ KH-ĐT có hướng dẫn cho tất cả các cơ quan có thẩm quyền tại địa phương, đảm bảo tất cả các cơ quan này đều có hiểu biết nhất quán.

Ông Kazunori Sudo, Chủ tịch, Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam

Tôi có cơ hội đến thăm một tỉnh cùng với Đại sứ Nhật Bản Yamada. Trong thời gian đó, tôi đã được giải thích về sáng kiến của họ trong việc đặt ra tôn chỉ “10 lời hứa”, bắt đầu với nội dung “đảm bảo cung cấp điện 24/24 giờ”, rồi “cấp giấy phép đầu tư trong vòng 3 ngày làm việc”, “đơn giản hóa thủ tục hành chính”, “bồi dưỡng lao động chất lượng cao”, “hỗ trợ tạo điều kiện thay đổi giấy phép đầu tư và các thủ tục mở rộng kinh doanh đầu tư”, “áp dụng thực hiện thủ tục khai thuế quan điện tử”, “ngăn ngừa đình công và tranh chấp”, “thiết lập đường dây nóng tại UBND tỉnh” và “giải quyết kịp thời các kiến nghị từ nhà đầu tư.” Đây hầu hết là những thách thức mà các công ty Nhật Bản gặp phải khi chúng tôi tiếp tục hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.

Tôi đã nghĩ về nền tảng của những lời hứa này và rõ ràng đó là kết quả của việc chính quyền tỉnh đã chân thành lắng nghe những thách thức của các công ty Nhật Bản trong tỉnh. Đồng thời, tôi cũng cho rằng nếu các sáng kiến tương tự lan rộng khắp Việt Nam, các nhà đầu tư sẽ dễ dàng đầu tư nhiều hơn vào Việt Nam.

Giữa Việt Nam và Nhật Bản có khác biệt về hệ thống hành chính và thông lệ kinh doanh và khó có thể chấp nhận sự khác biệt. Tuy nhiên, việc san bằng những khác biệt này thông qua nỗ lực của cả hai bên dường như là một chủ đề quan trọng để các công ty Nhật Bản tiếp tục hoạt động kinh doanh tại Việt Nam và để Việt Nam thu hút nhiều vốn FDI hơn trong tương lai. Chúng tôi mong muốn có sự hỗ trợ của Chính phủ Việt Nam để đạt được mục tiêu này một cách tổng thể.

Ông Warrick Cleine, Thành viên Ban Lãnh đạo, Hiệp hội Doanh nghiệp Anh Quốc tại Việt Nam

Các công ty Anh quốc tại Việt Nam đóng góp rất tích cực vào lĩnh vực dịch vụ tài chính, từ hoạt động thị trường vốn, đến khoa học đời sống, dược phẩm và chăm sóc sức khỏe. Tất cả lĩnh vực này đều có ý nghĩa quan trọng đối với Việt Nam.

Hiệp hội Doanh nghiệp Anh Quốc đã đưa ra một số khuyến nghị chi tiết với Thủ tướng Chính phủ liên quan đến ngân hàng, thị trường vốn và dịch vụ tài chính được thiết kế nhằm tạo điều kiện huy động vốn dễ dàng hơn thông qua trái phiếu và thị trường cổ phiếu, đồng thời tạo điều kiện cho các dịch vụ ngân hàng và đẩy nhanh việc áp dụng chữ ký số & thương mại điện tử, v.v.

Liên quan đến lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, dược phẩm và khoa học đời sống, xét nghiệm Covid và phát triển vắc xin cho Covid-19 hiện đang là những ưu tiên toàn cầu.

Điều quan trọng là Chính phủ Việt Nam tiếp tục giải quyết các vấn đề biên giới và khả năng đi lại trong nước và quốc tế của người dân vì lý do kinh doanh, từ đó tạo thuận lợi thương mại và hỗ trợ phục hồi kinh tế tại Việt Nam cũng như trên thế giới. Một số lĩnh vực cụ thể mà chúng tôi khuyến nghị Chính phủ nên tập trung là áp dụng đánh giá dựa trên rủi ro với các đối tác du lịch và các quốc gia như Singapore, Hàn Quốc, Thái Lan, nơi Covid-19 đã được kiểm soát để xem xét & tạo điều kiện nhập cảnh dễ dàng hơn.

Ông Tomaso Andreatta, Phó Chủ tịch, Hiệp hội Doanh nghiệp Châu Âu tại Việt Nam

Triển khai thực hiện EVFTA sẽ vẫn là ưu tiên hàng đầu của EuroCham. Tận dụng tối đa hiệp định này sẽ là chìa khóa thành công cho Việt Nam và các doanh nghiệp Việt Nam trong tương lai. Quan ngại của chúng tôi về giấy phép lao động là sau 4 năm chúng tôi có thể sẽ không được phép ở lại Việt Nam, xin vui lòng xác nhận trường hợp này và rằng các chuyên gia vẫn sẽ tiếp tục được ở lại Việt Nam. Nhóm công tác Giáo dục và Đào tạo cũng đề xuất cho phép các tiến sĩ, giáo sư được sang Việt Nam để thực hiện các khóa học ngắn hạn tại các trường đại học ở Việt Nam mà không cần giấy phép lao động. Như TS. Vũ Tiến Lộc đã đề cập, luật PPP cũng là một nội dung rất quan trọng.

Tiêu chuẩn về ô nhiễm phương tiện nên được nâng cao để sớm tiệm cận các tiêu chuẩn hiện hành của châu Âu.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các công ty dược phẩm, việc sửa đổi các quy định về Đăng ký lưu hành thuốc cũng nên được coi là một nội dung quan trọng cần giải quyết để đảm bảo chất lượng và an toàn của thuốc điều trị cho bệnh nhân, giúp thực hiện suôn sẻ các quy trình đăng ký thuốc quy định trong Luật Dược và các quy định hướng dẫn Luật Dược, vốn được đánh giá cao vì những đổi mới hợp lý.

Đối với ngành du lịch: Để hỗ trợ ngành vượt qua khó khăn, trụ vững trên thị trường cũng như giúp đỡ người lao động trong ngành này và giảm thiểu tác động kinh tế xã hội: Chính phủ cần xây dựng quỹ thông qua hệ thống ngân hàng để cho các công ty du lịch & lữ hành vay vốn mà không cần tài sản đảm bảo. Cần mở rộng danh sách các quốc gia được miễn thị thực và kéo dài thời gian miễn thị thực từ 15 đến 30 ngày, đồng thời miễn thị thực lưu trú ngắn hạn cho người đi công tác.

Bà Virginia Foote, Chủ tịch, Hiệp hội Doanh nghiệp Hoa Kỳ tại Việt Nam

Điều đầu tiên, cần tích cực chuyển đổi sang nền kinh tế số nói chung, thương mại điện tử, ngân hàng điện tử, điện toán đám mây hiện đại và chính phủ điện tử nói riêng, để đáp ứng nhu cầu giảm giao dịch trực tiếp và sử dụng tiền mặt của Việt Nam. Chúng tôi, các công ty nước ngoài phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp và hy vọng rằng các yêu cầu, quy định về công nghệ, đặc biệt là trong lĩnh vực an ninh mạng, có thể hỗ trợ nhiều hơn chứ không phải là cản trở quá trình đó trong khi vẫn đáp ứng đến các tiêu chuẩn toàn cầu đang không ngừng phát triển.

Lĩnh vực thứ hai mà chúng tôi đề xuất là kế hoạch hướng tới môi trường và tương lai năng lượng sạch hơn cho Việt Nam. Chúng tôi vẫn lo ngại về việc nhiệt điện than vẫn sẽ đóng vai trò quan trọng trong tương lai theo như dự thảo PDP8 hiện tại và hy vọng định hướng này có thể được xem xét lại. Than đã trở thành nguồn nhiên liệu nguy hại cho môi trường và không còn là một công nghệ giá rẻ như trước đây. Chúng tôi mong muốn được hợp tác với Việt Nam về năng lượng tái tạo, truyền tải, LNG và khí ngoài khơi, tất cả đều có thể được đẩy nhanh tiến độ để giúp Việt Nam giảm dần phụ thuộc vào nhiệt điện than.

Đặc biệt, chúng tôi đề nghị Chính phủ xem xét việc giảm gánh nặng thuế suất cao đối với doanh thu từ việc phát triển trữ lượng khí ngoài khơi - chiếm đến 50-60% tài nguyên khí của Việt Nam. Việc áp dụng cùng một mức thuế đối với LNG và dầu khí ngoài khơi cũng như cung cấp các ưu đãi thuế đối với điện mặt trời, điện gió và điện sinh khối có thể tạo nên sự khác biệt.

Thứ ba, chúng tôi được biết Việt Nam đã ưu tiên cải cách hành chính trên hai lĩnh vực cụ thể. Thứ nhất là rà soát các quy định, chế độ đang làm tổn hại đến khả năng nhập khẩu của các công ty. Thứ hai là hệ thống thuế tập trung nhiều vào kiểm toán và đánh giá lại. Rất khó cho các công ty của chúng tôi để có thể vận hành hiệu quả trong một môi trường khó dự đoán. Mong rằng chúng ta sẽ có được những tiến triển thực sự liên quan đến Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA) nhằm tạo ra sự ổn định và khả năng dự đoán cần thiết để hội nhập vào chuỗi cung ứng toàn cầu, một trong những ưu tiên của Việt Nam.

Ông Seck Yee Chung, Phó Chủ tịch, Hiệp hội Doanh nghiệp Singapore tại Việt Nam

Chúng tôi hoan nghênh các sáng kiến chính phủ điện tử và khuyến khích Chính phủ áp dụng nhiều thủ tục trực tuyến hơn trong quy trình cấp phép. Chúng tôi hy vọng các cơ quan sẽ sớm áp dụng và chấp nhận chữ ký điện tử.

Việt Nam là một điểm đến M&A mới. Điều này rất tốt cho triển vọng tăng trưởng của thị trường. Tuy nhiên, quy định vẫn còn khá chung chung và việc hiểu cũng như áp dụng quy định này còn nhiều điểm chưa rõ ràng, cần được hướng dẫn/làm rõ thêm.

Hoạt động đầu tư vào logistics và kho bãi ngày càng tăng. Trong khi đó, quy định và hướng dẫn lại thiếu rõ ràng. Chúng tôi mong được phối hợp với các cơ quan chức năng nhiều hơn về vấn đề này.

BẾ MẠC

Bà Carolyn Turk, Giám đốc quốc gia, Ngân hàng Thế giới

Chúng ta đã lắng nghe rất nhiều cách có thể hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua thời kỳ khó khăn này và phục hồi sau cuộc khủng hoảng Covid. Để đảm bảo quan điểm phục hồi bền vững trong dài hạn, tôi xin được nhắc lại ý kiến của các Hiệp hội doanh nghiệp. Về phía Chính phủ, một số khoản đầu tư công có thể được thực hiện để điều kiện thuận lợi cho lộ trình tăng trưởng xanh trong tương lai.

Là một trong những quốc gia xuất sắc nhất thế giới về ngăn chặn và kiểm soát Covid, Việt Nam cũng sẽ đi đầu về phục hồi sau đại dịch & tiên phong trong lộ trình phục hồi xanh. Lĩnh vực năng lượng tái tạo, xử lý nước, quản lý chất thải rắn, kiểm soát nhựa cũng có thể được đầu tư dưới nhiều hình thức. Về phía Ngân hàng Thế giới, chúng tôi tin rằng quá trình phục hồi xanh không chỉ là điều nên làm vì một môi trường sạch hơn, mà còn giúp Việt Nam tăng cường khả năng cạnh tranh trong trung và dài hạn. Chúng tôi rất vui được tiếp tục phối hợp với Chính phủ Việt Nam về lộ trình tăng trưởng bền vững và xác định chiến lược tăng trưởng xanh, có thể bao gồm cơ chế tài chính cho các khía cạnh của năng lượng tái tạo và phát huy tiêu chuẩn môi trường.

PHÁT BIỂU CHỈ ĐẠO CỦA NGÀI NGUYỄN XUÂN PHÚC, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Tôi đã lắng nghe và ghi nhận tất cả những vấn đề quý vị trình bày hôm nay. Tôi hiểu rằng diễn đàn VBF là kênh đối thoại chính sách rất quan trọng, hiệu quả của cộng đồng Doanh nghiệp với Chính phủ, giúp hướng tới thực hiện thành công những mục tiêu phát triển kinh tế, phát triển bền vững

trong thế giới rộng mở. Bộ KH&ĐT đã được Thủ tướng giao tổng hợp tất cả các vấn đề, làm việc trực tiếp với các Bộ ngành để trả lời. Các vấn đề cấp thiết như cấp phép trực tuyến, chữ kí điện tử, một số vấn đề thuế, thị trường vốn, v.v, nhiều vấn đề chậm chạp phải được xử lí.

Có một vấn đề rất lớn là Việt Nam tăng trưởng dương trong bối cảnh dịch bệnh như vậy nhưng còn nhiều tồn tại, nhất là môi trường đầu tư & chỉ số cạnh tranh mà Chính phủ cần xử lý. Thứ hai là xử lí vấn đề hạ tầng của Việt Nam, những vấn đề về hạ tầng về kinh tế xã hội, năng lượng, giảm chi phí logistics là những vấn đề chúng ta cần tiếp tục quan tâm. Tiếp theo là hình thành pháp luật thị trường của Việt Nam rõ ràng & thuận lợi hơn. Thứ tư là vấn đề ứng dụng công nghệ, Chính phủ điện tử, kinh tế số trong vấn đề tạo thuận lợi đầu tư phát triển Doanh nghiệp.

Về vấn đề chống Covid ở Việt Nam, tình hình được kiểm soát rất tốt để thực hiện hai mục tiêu: bảo vệ sức khỏe cho nhân dân & đẩy mạnh sản xuất kinh tế. Những vấn đề như đường bay giữa 2 nước Việt Nam - Nhật Bản hay Hàn Quốc, v.v, chúng tôi sẽ mở lại trong thời gian tới khi dịch bệnh đã kiểm soát tốt & có biện pháp phù hợp. Ở các nước Hàn Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ hay Anh Quốc, v.v, dịch bệnh chưa suy giảm nên chúng tôi chưa mở cửa rộng rãi được. Cải cách mạnh mẽ hơn nữa hệ thống chính sách tạo thuận lợi hơn nữa cho sự phát triển. Chúng tôi yêu cầu các nhà đầu tư: cần chống hiện tượng chuyển giá, trốn thuế, xói mòn trong việc đánh thuế. Chính phủ sẽ lắng nghe, tháo gỡ những bất hợp lí, tạo điều kiện phát triển cho Doanh nghiệp là nhiệm vụ chính của Chính phủ. Cùng với đó, chúng tôi cũng rà soát & chấn chỉnh lại cái gì chưa tốt, những sự chậm trễ gây khó khăn ở Bộ ngành, địa phương. Thể chế công khai minh bạch là vấn đề rất quan trọng. Công Dịch vụ công quốc gia ngày càng mở rộng, kết nối thuận lợi nhất, nhanh nhất cho mọi nhà đầu tư.

Chúng tôi sẽ nghiên cứu thêm ý kiến về thuế xuất theo kiến nghị của AmCham mà bà Virginia Foote có đề cập. Những vấn đề mà IFC, WB & các vị đưa ra hôm nay, Thứ trưởng Bộ kế hoạch & Đầu tư ông Trương Duy Đông sẽ thay mặt Chính phủ trả lời các hiệp hội Doanh nghiệp & nhà đầu tư vào Diễn đàn VBF thường niên 2020 tới.

Làm gì để thu hút những dòng vốn đầu tư dịch chuyển vào Việt Nam? Vấn đề nhiều khi cũng phải chỉ từ phía Chính phủ & các địa phương mà chính các nhà đầu tư cũng có những vấn đề cần chấn chỉnh. Vì vậy, chúng tôi hướng tới việc hợp tác hai bên cùng có lợi, hai bên cùng phát triển. Trong đó triển khai hiệu quả, thực chất các chương trình ở các địa phương, các ngành hỗ trợ Doanh nghiệp, kể cả Doanh nghiệp vừa & nhỏ. Các hiện tượng tiêu cực của các ngành - đặc biệt vấn đề môi trường, đất đai, hải quan, thuế, chúng tôi mong quý vị cứ thẳng thắn, viết thư cho Thủ tướng, để Thủ tướng cho kiểm tra, xử lí nghiêm khắc, tạo ra môi trường đầu tư tốt hơn. Tại Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam thường niên sắp tới, vấn đề nào có thể giải quyết trực tiếp thì các Bộ sẽ có phản hồi, vấn đề nào thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ KH&ĐT sẽ báo cáo Văn phòng Chính phủ để giải quyết & tháo gỡ khó khăn cho Doanh nghiệp. Chúng tôi đã thành lập tổ Công tác thúc đẩy hợp tác đầu tư do ông Phạm Bình Minh đứng đầu tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ với các cơ chế chính sách, tiêu chí chuẩn mực mang tính quốc tế và giải pháp thu hút nhà đầu tư nước ngoài.

DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THƯỜNG NIÊN 2019

Hà Nội ngày 10 tháng 1 năm 2020

VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM ĐÓNG GÓP CỦA CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP FDI TRONG PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG

TÓM TẮT

KHAI MẠC

Ông Nguyễn Chí Dũng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Năm 2019 là tiền đề quan trọng để Việt Nam vững tin bước vào năm 2020, năm có nhiều ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với nền kinh tế Việt Nam, bởi đây là năm cuối cùng thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2016 - 2020, đồng thời cũng là một năm để chuẩn bị và tạo đà cho kế hoạch 5 năm tới cũng như là chiến lược 10 năm tới.

Sau hơn 30 năm thu hút và sử dụng nguồn vốn FDI, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu với Chính phủ để trình Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 50 về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến 2030. Trong thời gian tới, Việt Nam sẽ chủ động thu hút hợp tác đầu tư nước ngoài có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả công nghệ bảo vệ môi trường là những tiêu chí đánh giá chủ yếu. Ưu tiên cho các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ tương lai, dự án xanh, quản trị hiện đại, hàm lượng giá trị gia tăng cao, có tác động lan toả và có khả năng kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu.

Thời gian tới, Chính phủ sẽ ban hành chương trình hành động và thể chế hoá các định hướng, chính sách quan trọng mà Bộ Chính trị đã đặt ra để đón được dòng vốn đầu tư có chất lượng hơn, tác động tích cực hơn tới nền kinh tế. Cùng với những nỗ lực của Chính phủ thì chúng tôi muốn nhấn mạnh vai trò, trách nhiệm đóng góp của doanh nghiệp FDI trong tiến trình phát triển của Việt Nam, nhất là trách nhiệm tạo mối liên kết, hợp tác với doanh nghiệp trong nước tương trợ lẫn nhau cùng phát triển.

Ông Kyle F. Kelhofer, Giám đốc Quốc gia, Việt Nam, Lào và Campuchia, IFC

Rõ ràng FDI đã phát triển mạnh mẽ trong ba thập kỷ qua, đóng vai trò động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế, với sự xuất hiện của các công ty đa quốc gia đầu tư cùng với kinh nghiệm chuyên môn đã mang lại lợi ích to lớn cho quốc gia về tăng trưởng, xuất khẩu, việc làm và thịnh vượng chung cho người dân Việt Nam. Việt Nam đang hướng tới mục tiêu trở thành quốc gia có thu nhập trung bình cao vào năm 2035 cùng với đổi mới sáng tạo và các nguồn tăng trưởng mới. Trọng tâm của kỷ nguyên đổi mới mới này là năng lực thích ứng và phát triển mạnh mẽ của Việt Nam trong môi trường toàn cầu 4.0 cả về phát triển kinh tế và quan trọng hơn là đổi mới sáng tạo trong phát triển bền vững.

Việt Nam đã thuộc trong danh sách 20 quốc gia ô nhiễm hàng đầu thế giới về ô nhiễm không khí, một trong những quốc gia sử dụng nhiều năng lượng nhất ở Đông Á, khiến nhu cầu đổi mới để thực hiện một nền kinh tế xanh hơn và bền vững hơn ngày càng trở nên quan trọng. Kinh nghiệm

của chính IFC trên toàn cầu cho thấy kinh doanh bền vững và thịnh vượng chung cũng mang lại lợi nhuận trong kinh doanh dài hạn. Là đối tác để hướng tới thịnh vượng, IFC vẫn cam kết hỗ trợ Chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp nói chung mở cánh cửa đưa Việt Nam tiến lên giai đoạn phát triển bền vững và thịnh vượng kinh tế tiếp theo cho người dân.

Bà Virginia Foote, Đồng Chủ tịch, Liên minh Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam

Chúng tôi sẽ tập trung vào ba lĩnh vực quan trọng để quý vị cân nhắc về vai trò của những lĩnh vực đó đối với bền vững và tăng trưởng:

Thứ nhất, FDI có thể phối hợp với Chính phủ và khu vực tư nhân để giúp xây dựng các hệ thống hiệu quả hơn, nhờ đó chính phủ và doanh nghiệp tốn ít thời gian và ít chi phí hơn cho các thủ tục hành chính. Loại hình doanh nghiệp và FDI phù hợp được thu hút vào những môi trường tuân thủ các thông lệ quốc tế tốt nhất như chuẩn mực cho sự liêm chính của doanh nghiệp và cạnh tranh cởi mở, tiến bộ của nền kinh tế kỹ thuật số, an ninh mạng, các thành phố sôi động, chuẩn mực kế toán toàn cầu, giảm tham nhũng và thủ tục hành chính nặng nề, chính sách thuế và việc thực hiện chính sách thuế công bằng và có thể dự báo, và cơ chế giảm sử dụng tiền mặt, thương mại điện tử và chính phủ điện tử có thể là ưu tiên.

Thứ hai, giải quyết vấn đề chất lượng không khí ngày càng kém và suy thoái môi trường do quản lý chất thải kém mà mọi người trong chúng ta đều góp phần gây ra, không chỉ có vai trò quan trọng đối với bền vững mà còn có thể được coi là cơ hội to lớn cho tăng trưởng của “nền kinh tế tuần hoàn”. Chúng tôi hy vọng có thể ưu tiên việc tối đa hóa việc sử dụng năng lượng tái tạo, nhằm tạo ra việc làm và giảm thiểu ô nhiễm. Ngoài ra, quản lý và tái chế chất thải phù hợp cũng có thể là một lĩnh vực tăng trưởng to lớn.

Thứ ba, tầm nhìn về tăng trưởng kinh tế bền vững trong tương lai cần ưu tiên xây dựng một hệ thống mạnh mẽ nhằm chào đón, khuyến khích và nuôi dưỡng FDI, với trọng tâm là đổi mới sáng tạo và tăng cường liên kết với khu vực tư nhân. Chúng tôi hoan nghênh ý tưởng của Bộ trưởng Dũng về Trung tâm Đổi mới Sáng tạo, khuyến khích đầu tư tư nhân trong và ngoài nước cho đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và phát triển ở cả các cơ sở học thuật và trong doanh nghiệp - yêu cầu phải tuân thủ nghiêm quyền sở hữu trí tuệ - và điều này có thể giúp mở đường cho chương tiếp theo trong thành công của Việt Nam. Đổi mới sáng tạo sẽ phát huy thế mạnh và lợi thế độc đáo của Việt Nam, đồng thời là cơ hội tuyệt vời mà chúng tôi có thể hỗ trợ thu hút và chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ.

BÀI PHÁT BIỂU CỦA 7 HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI

Tiến sĩ Vũ Tiến Lộc, Chủ tịch, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Chúng tôi thấy dư địa quan trọng nhất của cải cách phát triển trong năm 2020 và những năm tiếp theo vẫn là cải cách thể chế, gỡ bỏ những rào cản và kết nối những nỗ lực phát triển. Kết nối bao gồm kết nối với doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nước, siêu kết nối qua cách mạng 4.0, kết nối nền kinh tế trong nước với kinh tế ngoài nước thông qua các FTA.

Về kết nối FDI, có hai vấn đề là trách nhiệm của FDI đối với quê hương thứ 2 của mình và năng lực của SME trong nước. Đề nghị các FDI coi việc liên kết với các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nước như trách nhiệm của mình, tăng cường kết nối để mở đường cho các doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu. Về phía chính phủ Việt Nam, chúng tôi mong muốn thúc đẩy các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ và mong muốn Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ Luật về công nghiệp hỗ trợ để đưa ra những biện pháp mạnh mẽ hơn thúc đẩy công nghiệp hỗ trợ của Việt Nam.

Trọng tâm cải cách trong những năm tới bao gồm:

- Xoá bỏ chông chéo trong các quy định pháp luật về kinh doanh
- Tiếp tục cắt giảm thủ tục hành chính, kiểm tra chuyên ngành.
- Thúc đẩy mạnh mẽ Chính phủ điện tử
- Chuyển giao dịch vụ công cho xã hội và thị trường
- Tăng phân cấp, phân quyền cho các địa phương.

Cuối cùng, chúng tôi mong muốn Bộ Trưởng và Chính phủ quan tâm hơn nữa tới Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư sửa đổi và Luật PPP bởi chúng tôi cho rằng ba Luật này sẽ trở thành nền tảng cho giai đoạn cải cách đầu tư vào doanh nghiệp trong thời gian tới.

Bà Amanda Rasmussen, Chủ tịch, Phòng Thương mại Hoa Kỳ

Việc xây dựng một hệ sinh thái pháp lý thuận lợi với các chính sách công bằng, phù hợp, minh bạch, có thể dự báo, và đề cao đổi mới sáng tạo sẽ giúp Việt Nam tiếp tục thu hút, giữ chân và tăng trưởng thương mại và đầu tư chất lượng cao. AmCham nỗ lực theo đuổi chính sách thuế công bằng, và có thể dự báo, và phù hợp với các tiêu chuẩn toàn cầu bao gồm hướng dẫn về định giá chuyển nhượng của OECD và khả năng đạt được quy tắc xác định trước.

Các rào cản kỹ thuật đối với thương mại đã gây ra tình trạng không chắc chắn và có tác động tiêu cực đối với xuất khẩu nông sản của Hoa Kỳ. Chúng tôi tiếp tục thúc giục Việt Nam dỡ bỏ những rào cản kỹ thuật này đối với thương mại thông qua các tiêu chuẩn dựa trên căn cứ khoa học phù hợp với chuẩn mực quốc tế.

Một lĩnh vực gây lo ngại khác là sự suy giảm khả năng phát triển bất động sản của thành viên của chúng tôi tại Việt Nam. Chậm trễ trong phê duyệt đã cản trở nhà đầu tư phát triển các dự án chất lượng cao mang lại đổi mới và tạo cơ hội tăng trưởng kinh tế cho nhiều vùng của Việt Nam.

Việc thiếu các tiêu chuẩn, quy chuẩn và chứng nhận số, cùng với rủi ro an ninh mạng, có thể kìm hãm các khoản đầu tư trong tương lai. Yêu cầu theo luật hiện hành về địa phương hóa dữ liệu và đặt văn phòng đại diện tại địa phương gây ra gánh nặng không cần thiết cho các nhà cung cấp dịch vụ mà không mang lại lợi ích tương ứng. AmCham cho rằng cần có hướng dẫn triển khai để tránh gây khó hiểu và giảm tình trạng không chắc chắn. Tăng trưởng trong các lĩnh vực dịch vụ tài chính và fintech sẽ phụ thuộc vào việc thực hiện một khuôn khổ pháp lý, quy định và chính sách cho phép các lĩnh vực này tiếp tục đóng góp cho hòa nhập và thịnh vượng tài chính của Việt Nam.

An ninh năng lượng là có vai trò thiết yếu trong hỗ trợ và đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa bền vững. Kế hoạch năng lượng sản xuất tại Việt Nam phiên bản 2.0 nêu bật những cơ hội này, bao gồm cả cơ hội cho năng lượng tái tạo và LNG.

Hiện đại hóa giáo dục và bảo đảm có một lực lượng lao động có tay nghề bao gồm các nhà quản lý, kỹ sư sản xuất, và công nhân kỹ thuật có vai trò quan trọng đối với tăng trưởng. Chúng tôi khuyến nghị Chính phủ tiếp tục hành động nhằm hiện đại hóa và nâng cấp hệ thống giáo dục quốc gia, đặc biệt là ở cấp dạy nghề và đại học.

Ông Kim Han Yong, Chủ tịch, Hiệp hội Doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam

Để đạt được mục tiêu kim ngạch thương mại song phương 100 tỷ đô la sớm nhất có thể, rất cần có sự hỗ trợ chính trị của Chính phủ Việt Nam, đặc biệt trong việc giải quyết những khó khăn mà các nhà đầu tư đang gặp phải, dù là khó khăn hiện tại hay tiềm tàng.

Về vấn đề này, vui lòng cho phép tôi có một số kiến nghị về chính sách:

- Nên cân nhắc áp dụng hệ thống thanh tra đầu tư nước ngoài cũng được các nhà đầu tư tại Hàn Quốc đánh giá cao. Chính phủ Hàn Quốc sẵn sàng chia sẻ với Việt Nam bí quyết và kinh nghiệm hoạt động trong khuôn khổ hợp tác chính sách giữa quốc gia.
- Cần có khả năng dự báo và nhất quán đối với chính sách kinh tế. Tôi tin rằng việc cho phép công ty nước ngoài tham gia vào các dự án SOC sẽ phục vụ tốt hơn cho lợi ích của Việt Nam trong dài hạn.
- Cần có biện pháp bảo vệ tích cực và đầy đủ đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cần có các biện pháp phòng vệ thương mại như thuế chống bán phá giá và các biện pháp tự vệ.
- Chính sách thuế quan đối doanh nghiệp FDI: Chính phủ Việt Nam hiện hoàn thuế VAT đối với hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu ra nước ngoài hoặc các khu phi thuế quan mà không cần có thêm thủ tục nào, và nguyên tắc tương tự nên được áp dụng đối với thuế nhập khẩu.

Ông Nobufumi Miura, Chủ tịch, Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam

Bảo vệ môi trường: Chính phủ Việt Nam nên có những quy định rõ ràng và chuẩn hóa như “ưu tiên y tế hơn công nghiệp”. Hơn nữa, các công ty Nhật Bản đã sẵn sàng sử dụng kinh nghiệm trong quá khứ để cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và bí quyết cải thiện môi trường cho Việt Nam.

Luật Quan hệ Đối tác Công-Tư (PPP): cần thiết lập chia sẻ rủi ro giữa Chính phủ Việt Nam và khu vực tư nhân để đảm bảo không có rủi ro bất hợp lý. Chính phủ nên thông qua “Luật điều chỉnh”, “Bảo lãnh Chính phủ”, “Góp vốn nhà nước” và “Khoản thanh toán khi chấm dứt hoạt động”.

Xây dựng Chuỗi Giá trị Toàn cầu: Một nội dung rất quan trọng là thúc đẩy và phát triển các doanh nghiệp Việt Nam trong Chuỗi Giá trị Toàn cầu. Chính phủ nên cân nhắc các biện pháp như ưu đãi cho công ty nước ngoài khi đạt được tỷ lệ mua sắm cao trong nước và điều chỉnh các quy trình thực hiện để trở nên đơn giản hơn, ví dụ như quy trình hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ quy định tại Nghị định 39/2018/NĐ-CP.

Phát triển Nguồn Nhân lực: Do Việt Nam đang đối mặt với tình trạng thiếu kỹ sư do sự gia nhập của các công ty nước ngoài và số lượng ngày càng tăng các công ty trong ngành sản xuất, Việt Nam hiện cần có kỹ sư được đào tạo. Nên chuẩn bị môi trường làm việc phù hợp để các nhân viên giàu kinh nghiệm của các doanh nghiệp có thể truyền đạt kiến thức cho các kỹ sư khác.

Ổn định Luật pháp và Ưu đãi Đầu tư: Chúng tôi muốn đề xuất Chính phủ Việt Nam xây dựng một hệ thống hỏi tin trước để các công ty liên hệ với Chính phủ, trong đó có cơ quan thuế, để hỏi trước về các quy định liên quan đến chính sách ưu đãi, cấp giấy phép doanh nghiệp chế xuất (EPE) ngay từ khi bắt đầu thành lập công ty và áp dụng phương thức để xác nhận việc tuân thủ Nghị định 82 bằng cách hậu kiểm để gia tăng đầu tư trực tiếp nước ngoài và cải thiện môi trường đầu tư.

Ông Tim Evans, Thành viên Ban Lãnh đạo, Hiệp hội Doanh nghiệp Anh Quốc tại Việt Nam

Y tế và Dược phẩm

- *Học tập y khoa trực tuyến:* Chúng tôi muốn có quy định pháp luật để việc học tập trực tuyến có thể được công nhận cho mục đích Đào tạo Y khoa Liên tục (CME) hoặc Phát triển Nghề nghiệp Liên tục (CPD).
- *Doanh nghiệp đầu tư nước ngoài (FIE):* Chúng tôi khuyến nghị Việt Nam nên quy định một giai đoạn chuyển đổi khả thi cùng với hướng dẫn kỹ thuật rõ ràng để chuyển đổi thành doanh nghiệp FIE, và cho hoạt động khả thi của các cơ sở này trong tương lai, hợp pháp hóa quyền của FIE trong việc tự xây dựng và bảo vệ thương hiệu của mình hoặc bằng cách hỗ trợ phí cho các nhà phân phối thực hiện hoạt động marketing.
- *Giấy chứng nhận Sản phẩm Dược phẩm (CPP):* Việt Nam nên quy định các yêu cầu về nội dung CPP trong Hồ sơ Đăng ký Thuốc tại Việt Nam một cách hài hòa với Chương trình CPP của WHO bằng cách sửa đổi các điều khoản liên quan tại Thông tư 32 để loại bỏ các thông tin bổ sung ngoài mẫu CPP của WHO. Trước mắt, trong thời gian chờ sửa đổi Thông tư 32, chúng tôi đề nghị Bộ Y tế, Cục Quản lý Dược chấp nhận Hồ sơ Đăng ký Thuốc trong đó sử dụng CPP theo mẫu hiện hành của WHO, kèm theo thư Giải trình của người đăng ký.

Giáo dục

- *Công nhận bằng cấp:* Chúng tôi khuyến nghị Bộ GD&ĐT cân nhắc công nhận trên cả nước những bằng cấp được quốc tế công nhận và chứng chỉ ngoại ngữ trong các lĩnh vực như tuyển sinh, đào tạo và tốt nghiệp, v.v... Việc công nhận phải dựa trên một bộ tiêu chí rõ ràng và minh bạch.
- *Thành lập và vận hành trường học quốc tế:* Chúng tôi khuyến nghị các cơ quan có thẩm quyền thiết lập một quy trình rõ ràng, có các mốc thời gian rõ ràng, và quy định về khiếu nại rõ ràng nếu cơ quan có thẩm quyền không thực hiện nghĩa vụ.

Dịch vụ tài chính và chuyên nghiệp

- *Minh bạch thông tin và chuẩn mực kế toán:* BBGV khuyến nghị Việt Nam áp dụng IFRS một cách nhất quán và đang phối hợp chặt chẽ với BTC để xây dựng lộ trình IFRS trong tương lai.
- *Fintech:* BBGV khuyến nghị Chính phủ giải quyết các vấn đề về khung pháp lý fintech và tình trạng thiếu rõ ràng liên quan đến địa phương hóa dữ liệu và yêu cầu về đặt văn phòng tại địa phương theo Luật An ninh mạng.

- *Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật: BBGV khuyến nghị bỏ yêu cầu về giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp khi nhập khẩu sản phẩm thực vật vào Việt Nam và khi hàng hóa đã có giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của Vương quốc Anh hoặc một nước EU để đảm bảo sân chơi bình đẳng.*

Ông Ywert Visser, Phó Chủ tịch, Hiệp hội Doanh nghiệp Châu Âu tại Việt Nam

Đảm bảo nông nghiệp và canh tác bền vững: Điều này có thể được thực hiện thông qua việc áp dụng rộng rãi hơn các sản phẩm khoa học gốc thực vật, hệ thống quản lý dựa trên khoa học và minh bạch, phù hợp với thông lệ quốc tế tốt nhất và sử dụng hiệu quả, có trách nhiệm các ứng dụng đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp. Các thành viên của chúng tôi vẫn lo ngại về một số quy định ghi nhãn sản phẩm dinh dưỡng vì những quy định này có thể gây tác động tiêu cực đối với sản xuất trong nước và cả xuất khẩu.

Các vấn đề liên quan đến mỹ phẩm: Những vấn đề này bao gồm việc bỏ yêu cầu chấp thuận trước đối với quảng cáo mỹ phẩm, yêu cầu về giấy chứng nhận lưu hành tự do, Thuế VAT đối với hàng tặng cho các tổ chức phi chính phủ và quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm có thương hiệu nhập khẩu.

Đảm bảo hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện EVFTA và thực hiện suôn sẻ các điều khoản của hiệp định. EuroCham khuyến nghị Chính phủ duy trì khả năng dự báo và sự ổn định của hệ thống thuế TTDB hiện hành.

Ngành vận tải: EuroCham kiến nghị về việc các công ty có vốn đầu tư nước ngoài trong ngành ô tô nên được phép chuyển khẩu mà không bị hạn chế. Các vấn đề về ùn tắc giao thông, ô nhiễm và tai nạn giao thông ở các thành phố lớn cũng cần được giải quyết.

Ông Phillip Dowler, Chủ tịch, Hiệp hội Doanh nghiệp Úc tại Việt Nam

AusCham khuyến khích Việt Nam đảm bảo tất cả các thủ tục hành chính liên quan đến CPTPP trong tương lai được thực hiện đúng tiến độ, đối xử với các công ty sử dụng Giấy chứng nhận xuất xứ CPTPP và nên áp dụng hội tó các mức thuế suất của CPTPP một cách nhất quán và phù hợp với các cam kết thương mại của Việt Nam.

Các cơ sở giáo dục của Úc có thể giúp nâng cao tiêu chuẩn giáo dục ở Việt Nam trong các lĩnh vực như nghiên cứu, chất lượng, giáo dục nghề và kỹ thuật, và phát triển kỹ năng. Vì vậy, môi trường cần được tối ưu hóa để khuyến khích các cơ sở giáo dục chất lượng trên toàn cầu đầu tư vào Việt Nam và/hoặc cộng tác với các cơ sở giáo dục Việt Nam.

Cuối cùng, các thành viên của AusCham đang gặp khó khăn trong việc thực hiện quyết toán thuế khi muốn đóng cửa doanh nghiệp tại Việt Nam. Để có được sự tin tưởng đối với hệ thống thuế, điều quan trọng là doanh nghiệp có thể dựa vào các hồ sơ và giao dịch thuế trước đó chứ không phải là mở lại toàn bộ lịch sử thuế của doanh nghiệp.

Phản hồi của ông Nguyễn Nam Hải - Vụ trưởng Vụ Giám định công nghệ, Bộ Khoa học & công nghệ

- *Về vấn đề ghi nhãn hàng hóa:* Vấn đề các doanh nghiệp quan tâm là quy định mới về ghi nhãn “không chứa” hoặc “không bổ sung” trong Điều 8 của Thông tư 05/2019/TT-BKHCN, VBF và Bộ KHCN có cùng một cách tiếp cận và chung quan điểm. Cả VBF và Bộ KHCN đều đang lấy tiêu chuẩn CODEX làm tiêu chuẩn quốc tế tham chiếu trong các vấn đề liên quan đến việc ghi nhãn thực phẩm. Tuy nhiên việc diễn giải quy định cụ thể về tiêu chuẩn CODEX còn có cách hiểu chưa thống nhất giữa cơ quan soạn thảo Thông tư 05 và các doanh nghiệp thành viên của VBF.

Chúng tôi xin ghi nhận vấn đề này và sẽ có trao đổi cụ thể thêm với phía VBF để chúng ta có một cách hiểu thống nhất về tiêu chuẩn quốc tế đã công bố và trên cơ sở đó sẽ có nghiên cứu để xem xét sửa đổi Thông tư 05.

- *Về đăng ký chuyển giao công nghệ:* Tính từ thời điểm Luật chuyển giao công nghệ có hiệu lực từ năm 2017, có khoảng 200 hợp đồng chuyển giao công nghệ được đăng ký tại trung ương và địa phương. 95% trong số đó được thực hiện đăng ký trong thời hạn quy định của Luật (trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày cung cấp đủ hồ sơ).

Về tính bảo mật của quá trình đăng ký chuyển giao công nghệ, điều 34 Luật chuyển giao công nghệ có quy định về trách nhiệm của công chức trong quá trình xử lý thông tin về hợp đồng đăng ký chuyển giao công nghệ trong việc bảo mật thông tin của doanh nghiệp.

Về khái niệm, định nghĩa về công nghệ: chúng tôi xin ghi nhận kiến nghị này của phía doanh nghiệp và sẽ tiến hành xem xét trong thời gian tới.

- *Quy định liên quan đến quản lý việc nhập khẩu máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng vào Việt Nam:* Thay vì cách tiếp cận trước đây ở Thông tư 23 quy định nhập khẩu dây chuyền công nghệ dựa trên căn cứ theo tuổi, tại Quyết định 18 chúng tôi xem xét thực chất tình trạng chất lượng còn lại của máy móc và diễn giải dưới ngôn ngữ khoa học là công suất, hiệu suất của máy móc.

Từ thời điểm Quyết định 18 có hiệu lực đến nay, có khoảng 40 dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng được nhập khẩu Việt Nam và trong đó trên 90 % được giám định bởi tổ chức giám định tại nước ngoài. Việc này cho thấy cách tiếp cận của Quyết định 18 phù hợp theo thông lệ quốc tế để tạo điều kiện doanh nghiệp.

Ngoài ra, việc nhập khẩu một dây chuyền công nghệ đã sử dụng hoàn toàn không phải thông qua bất kỳ một cơ quan quản lý chuyên ngành nào mà quá trình nhập khẩu này sẽ được thực hiện giữa hai bên là doanh nghiệp nhập khẩu trực tiếp với cơ quan hải quan với điều kiện xuất trình đầy đủ những giấy tờ, hồ sơ theo quy định của Quyết định 18.

- *Tăng cường bảo vệ sở hữu trí tuệ cho các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp Việt Nam nói riêng:* Bộ KHCN đã trình Quốc hội đề án xây dựng Luật sở hữu trí tuệ sửa đổi và dự

kiến trình Quốc hội trong năm 2020. Chúng tôi mong muốn tiếp tục nhận được sự phối hợp và đóng góp từ phía VBF và các doanh nghiệp.

PHIÊN 1

Ông Frederick Burke - Trưởng Nhóm Công tác Đầu tư và Thương mại

Đã có tiến bộ nhất định liên quan đến ba vấn đề quan trọng do Nhóm Công tác Đầu tư & Thương mại VBF nêu ra, nhưng mỗi nội dung đều còn những vấn đề cơ bản vẫn chưa được giải quyết. Các vấn đề này bao gồm yêu cầu đăng ký “hợp đồng công nghệ”, vấn đề phát sinh liên quan đến yêu cầu phê duyệt đối với thiết bị đã qua sử dụng nhập khẩu và phản hồi của Bộ Xây dựng đối với câu hỏi của chúng tôi về hạn chế sở hữu nhà ở của cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

Kiến nghị đối với dự thảo Luật sửa đổi Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp:

- Các doanh nghiệp đang yêu cầu bảo vệ đầu tư nhiều hơn trước những thay đổi về quy định luật pháp và áp dụng hồi tố các luật mới hoặc thực hiện các luật cũ
- Có quy định về thời gian chuyển tiếp nhưng phải bao gồm nội dung Giấy chứng nhận Đăng ký Đầu tư được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2021
- Phương pháp tiếp cận chọn bỏ: Bộ KHĐT đề nghị hạn chế chặt chẽ “Danh mục chọn bỏ”, có lưu ý đến các dịch vụ mà Việt Nam bảo lưu trong các hiệp định quốc tế khác nhau.
- Làm rõ vấn đề còn đang vướng mắc về thời điểm hiệu lực của việc chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp: Dự thảo Luật Doanh nghiệp sửa đổi bổ sung điều khoản quy định các bên chuyển nhượng cổ phần có thể quyết định thời điểm thanh toán, và thời điểm hiệu lực của việc chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp là khi ERC sửa đổi được cấp cho bên mua
- Loại bỏ mâu thuẫn liên quan đến phương thức thanh toán giao dịch chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp bằng cách bỏ Điều 36.3 Luật Doanh nghiệp
- Dự thảo Luật Doanh nghiệp sửa đổi cần quy định rõ ràng hơn để công ty TNHH có hai thành viên trở lên hiểu rằng họ có thể quy định tỷ lệ biểu quyết thấp hơn 65% và 75% trong điều lệ.

Fintech và thương mại kỹ thuật số:

- Phương tiện truyền thông kỹ thuật số: quy định hiện hành áp dụng đối với đài truyền hình phát sóng địa phương có thể không phù hợp với hầu hết các dịch vụ theo yêu cầu của nước ngoài, do đó tạo ra rào cản đối với thương mại
- Dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 101/2012/NĐ-CP về thanh toán không dùng tiền mặt: Trong số những lo ngại chính, tỷ lệ tối đa phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài tham gia cung cấp dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt ở mức 49% theo đề xuất sẽ không khuyến khích các nhà đầu tư thực hiện đầu tư
- Luật An ninh mạng gây ra nhiều câu hỏi và lo ngại về việc liệu có trở ngại đối với các luồng dữ liệu xuyên biên giới.

Sử dụng Đổi mới Sáng tạo để Bảo vệ Môi trường Việt Nam: Chính phủ nên ưu tiên những đổi mới có triển vọng cao mà năng lượng mặt trời mái nhà và năng lượng tái tạo mang lại.

Bộ luật Lao động mới sửa đổi:

- Giới hạn thời gian làm ngoài giờ: chúng tôi đề xuất các nghị định hướng dẫn thi hành quy định rõ ràng hơn về các tình huống đặc biệt và xác nhận rằng doanh nghiệp chỉ cần thông báo, không cần phải được cơ quan quản lý lao động chấp thuận để cho người lao động làm thêm 300 giờ mỗi năm.
- Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài: các nghị định hướng dẫn thi hành nên quy định quy trình xin cấp giấy phép lao động mới phù hợp hơn đối với người lao động nước ngoài đã từng làm việc tại Việt Nam và đã được cấp giấy phép lao động.

Luật Đất đai: Các thành viên của chúng tôi nhận thấy rằng việc cầm thế chấp quyền sử dụng đất cho bên cho vay nước ngoài đã cắt đứt một nguồn vốn lớn và cản trở đổi mới. Đây sẽ là chủ đề phù hợp cần xem xét khi sửa đổi Luật Đất đai năm 2020.

Phản hồi từ Ông Quách Ngọc Tuấn – Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Theo dự kiến dự án sửa đổi Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp sẽ được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ IX tháng 6 năm 2020.

Xin được phản hồi đối với các nội dung kiến nghị cụ thể như sau:

Dự thảo Luật Đầu tư sửa đổi

- *Việc xác định điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp còn bản khoản về việc lấy ý kiến liên quan đến các ngành nghề, dịch vụ không thuộc biểu cam kết của Việt Nam với WTO:* Dự thảo Luật Đầu tư sửa đổi đã bổ sung các quy định về danh mục ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài theo cách tiếp cận chọn bỏ. Căn cứ vào các điều kiện kinh tế xã hội trong từng thời kỳ và luật, pháp lệnh, điều ước quốc tế về đầu tư, Chính phủ sẽ công bố danh mục ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện của nhà đầu tư nước ngoài. Ngoài danh mục này, nhà đầu tư nước ngoài được áp dụng điều kiện tiếp cận thị trường như quy định đối với nhà đầu tư trong nước. Danh mục này sẽ loại bỏ cơ chế lấy ý kiến của Bộ quản lý ngành khi xem xét các điều kiện của nhà đầu tư nước ngoài và bảo đảm không mở rộng các điều kiện so với các cam kết và các quy định hiện hành.
- *Bổ sung quy định về việc không hồi tố đối với các điều kiện đầu tư:* cơ quan soạn thảo xin ghi nhận đề xuất này của VBF và mong muốn được tiếp tục trao đổi để đưa ra được phương án phù hợp.

Dự thảo Luật Doanh nghiệp sửa đổi

- *Quy định rõ hơn việc cho phép các công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên có thể quy định tỷ lệ biểu quyết thấp hơn 65% và 75%:* Theo quy định tại khoản 3 điều 60 của Luật hiện hành, trừ trường hợp điều lệ công ty không có quy định khác và quy định một tỷ lệ thấp hơn thì hoàn toàn phù hợp với quy định của luật. Theo đó không cần thiết phải sửa đổi Luật doanh nghiệp hiện hành về vấn đề này.

Ông Kenneth Atkinson - Trưởng Nhóm Công tác Du lịch

Một số khuyến nghị mà nhóm công tác Du lịch muốn nêu bật:

- Thông qua dịch vụ du lịch sinh thái, xây dựng thành phố thông minh, tái trồng rừng và đẩy mạnh công viên quốc gia, chúng ta phải đa dạng hóa danh mục đầu tư của Việt Nam và giảm bớt tình trạng quá tải ở các vùng đã quá đông đúc.
- Cần có chính sách bắt buộc và đầu tư của cả chính quyền trung ương và địa phương để xây dựng công trình mới, hoặc thông qua hình thức PPP, để hỗ trợ duy trì tài sản hiện có và phát triển trong tương lai, phù hợp với các biện pháp có trách nhiệm về môi trường và các chương trình quản lý chất thải đã hoàn thiện.
- Các nhà quy hoạch đô thị và cơ quan quản lý du lịch cần hiểu tầm quan trọng của di sản trong vai trò tài nguyên quốc gia và kinh tế quan trọng, đồng thời nhận ra giá trị kinh tế và tình trạng dễ hư hỏng của di sản, từ đó xây dựng các chính sách phù hợp để bảo vệ.
- Phát triển lực lượng lao động du lịch trong tương lai và tập huấn cho người lao động “cũ”, đặc biệt với việc thúc đẩy lợi ích và lợi thế khi làm việc trong ngành Du lịch có thể giúp giải quyết tình trạng thiếu chuyên gia trong ngành.

Ông Mark Gillin - Trưởng nhóm Công tác thuế và Hải quan

Loại bỏ chứng từ lưu trữ bản giấy: Mặc dù cơ quan thuế và hải quan hiện chấp nhận chứng từ scan hoặc điện tử, nhưng theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp vẫn phải lưu trữ chứng từ giấy trong 10 năm, dẫn đến chi phí lưu trữ và photo không cần thiết.

Nên chấp nhận Chữ ký điện tử đối với mọi tài liệu, không chỉ trong các quy trình trực tuyến.

Cổng Thông tin Thương mại Việt Nam (VTIP) hiện cung cấp cho thương nhân một nguồn thông tin một cửa về hướng dẫn tuân thủ liên quan đến các mặt hàng cụ thể. Tuy nhiên, thông tin chỉ phù hợp nếu có hiệu lực. Do đó, các Bộ phải chịu áp lực lớn hơn trong việc cập nhật cổng thông tin một cách thường xuyên và chức năng thông tin của VTIP phải được tích hợp tốt hơn với chức năng xử lý của nền tảng một cửa.

Thuế VAT đối với hàng hóa giao nhận ngoài Việt Nam: việc xử lý thuế hiện hành phù hợp với nguyên tắc Thuế VAT. Kính đề nghị Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính xem xét, có hướng dẫn phù hợp để doanh nghiệp thực hiện. Chúng tôi đề xuất rằng:

- Hàng hóa mua bán giữa hai bên Việt Nam nhưng được giao trước khi thông quan thì chịu thuế suất VAT 0% (theo quy định tại khoản 1a và khoản 2 Điều 9 Thông tư 219/2013/TT-BTC).
- Bên mua nộp thuế nhập khẩu và thuế VAT (nếu có) khi làm thủ tục nhập khẩu. Trị giá hải quan là giá bán theo hợp đồng giữa hai bên Việt Nam (không phải giá bán của Bên bán và Bên nước ngoài).

Phản hồi của bà Vũ Thị Mai – Thứ trưởng, Bộ Tài chính

Cải cách thủ tục hành chính: Bộ Tài chính đang tiến hành đẩy mạnh số hóa trong tài chính, đẩy mạnh điện tử hóa hơn nữa trong thuế và hải quan. Về vấn đề thuế, Bộ Tài chính đang tích cực đẩy mạnh hóa đơn điện tử như quy định tại Nghị định 119 cũng như Luật Quản lý thuế.

Trong năm nay và các năm tới, chúng tôi sẽ tiếp tục tái cơ cấu hệ thống công nghệ thông tin của hải quan và đặc biệt là tái cơ cấu hệ thống công nghệ thông tin tập trung của một cửa quốc gia và một cửa ASEAN cùng đề án kiểm tra chuyên ngành để thúc đẩy hiện đại hóa và tạo thuận lợi hơn cho hàng hóa xuất khẩu.

Hiệp hội Doanh nghiệp Hàn Quốc có đưa ra kiến nghị đối với thuế suất cho doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu, về vấn đề này chúng tôi đã trình lên Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi bổ sung Nghị định 134/2016/ND-CP và dự kiến sẽ ban hành trong Quý I/2020. Trong dự thảo này sẽ có những nội dung sửa đổi, bổ sung đối với sản xuất xuất khẩu, gia công, xuất khẩu theo hướng tạo thuận lợi hơn, lắng nghe ý kiến của các doanh nghiệp và các hiệp hội.

Đối với kiến nghị về Hiệp định CTTPP mong muốn được áp dụng hồi tố theo hiệu lực của Hiệp định của Hiệp hội Doanh nghiệp Úc: Nghị định về biểu thuế hướng dẫn Hiệp định CTTPP cũng như Thông tư 62 hướng dẫn về xuất xứ hàng hóa đã đảm bảo quy định chuyển tiếp được thực hiện theo hiệu lực của CTTPP và được thực hiện từ khi CTTPP có hiệu lực nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện của Hiệp định CTTPP.

Các vấn đề khác xin được tiếp tục trao đổi trong quá trình nghiên cứu xây dựng chính sách.

Ông Nguyễn Mạnh Hùng, Đại diện Nhóm Công tác Nông nghiệp

Nông nghiệp thực phẩm & trồng trọt là các ngành chủ chốt tại Việt Nam & Đông Nam Á, chiếm tỉ trọng đáng kể trong GDP khu vực & sử dụng phần trọng yếu của lực lượng lao động. Trước tình hình dân số ngày càng tăng, biến đổi khí hậu, mức độ đô thị hóa gia tăng, cùng thách thức về lực lượng lao động, do dân số khu vực nông thôn giảm xuống, các giải pháp đổi mới sáng tạo trong ngành nông nghiệp là nhu cầu cấp thiết. Trong bối cảnh đó, Việt Nam có cơ hội lớn để tham gia chuỗi cung ứng nông nghiệp quốc tế cho thị trường cao cấp. Điều đó chỉ làm được khi chúng ta có thể thuyết phục thị trường toàn cầu về khả năng cung cấp nông sản chất lượng cao, sạch, hợp vệ sinh, đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng về truy xuất nguồn gốc, bởi lẽ người tiêu dùng ở các thị trường cao cấp như Châu Âu, Hoa Kỳ, Australia & các quốc gia khác không chỉ đòi hỏi chất lượng cao mà còn yêu cầu cung cấp thông tin về quy trình trồng, chế biến, đóng gói, chuẩn bị & vận chuyển sản phẩm, cách xử lý động vật, sử dụng nước & quản lý chất thải.

Để đạt mục tiêu đó, ngành nông nghiệp cần giải quyết các thách thức, bao gồm nhiễm mặn, ngập lụt, biến đổi khí hậu & quản lý dịch bệnh, lạm dụng thuốc trừ sâu & thuốc diệt cỏ, quản lý nước, rác thải, cùng xung đột giữa quá trình đô thị hóa, nhu cầu kinh doanh thương mại & đất canh tác. Chính phủ cần tạo điều kiện để doanh nghiệp tư nhân chung tay giải quyết những thách thức này, như sử dụng công nghệ thông minh, máy bay không người lái, cảm biến, Internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo cùng các công nghệ tiên tiến khác. Chính phủ cũng cần phát huy vai trò trong việc cải thiện hệ thống luật pháp, năng lực thể chế để tăng cường việc tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng một cách toàn diện, từng bước đạt được công nhận quốc tế với nông sản Việt Nam.

Ông John Rockhold, Trưởng Nhóm Công tác Điện & Năng lượng

Kế hoạch Năng lượng sản xuất tại Việt Nam là một công cụ thúc đẩy sử dụng các nguồn lực nội địa của Việt Nam để kích cầu đầu tư vào năng lượng sạch, an toàn và có chi phí phù hợp hơn. Nhóm Công tác Điện & Năng lượng của VBF đã tổ chức hội thảo ngày hôm qua để chia sẻ rộng rãi báo cáo tới các cơ quan phía Việt Nam, bao gồm Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Bộ KH&ĐT, BCT, CEC, v.v. Năng lượng bền vững là cách thức sử dụng năng lượng theo hướng đáp ứng được nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn thương khả năng cho việc đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai. Đáp ứng các mục tiêu bền vững về năng lượng trong nước được coi là một trong những thách thức lớn nhất đối với Việt Nam trong vòng 15 năm tới. Để đạt được các mục tiêu này, Chính phủ phải có những chính sách phù hợp để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng, đồng thời khuyến khích đầu tư tư nhân, bảo vệ môi trường và tăng hiệu quả sử dụng năng lượng. MVEP 2.0 đưa ra các khuyến nghị sau nhằm nâng cao độ tin cậy và khả năng chi trả cho hệ thống năng lượng bền vững của Việt Nam:

- Ưu tiên năng lượng tái tạo trong quy hoạch phát triển điện quốc gia
- Tăng cường sử dụng khí thiên nhiên làm phụ tải cơ bản phù hợp nhất cho năng lượng tái tạo
- Xây dựng một môi trường pháp lý phù hợp nhằm thu hút đầu tư của khu vực tư nhân vào sản xuất năng lượng sạch và nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng
- Xây dựng một môi trường pháp lý phù hợp để nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng
- Xây dựng một môi trường pháp lý phù hợp để thu hút đầu tư quy mô nhỏ hơn, ngoài hệ thống lưới điện vào sản xuất năng lượng sạch
- Đầu tư phát triển hạ tầng lưới điện để cải thiện tính ổn định và nâng cao công suất
- Dừng phê duyệt với các dự án mới về nhiệt điện than

Phản hồi của Đại diện Cục Điện lực & Năng lượng tái tạo, Bộ Công thương

Các nguyên tắc Chính phủ đặt ra trong phát triển Tổng Sơ đồ Điện 8 như sau:

- Phải cân đối nguồn điện của các vùng, miền, từ đó cân đối được nhu cầu phát triển phụ tải.
- Ưu tiên phát triển năng lượng tái tạo. Với năng lượng điện mặt trời, điện gió, điện gió ngoài khơi cũng như các dạng năng lượng khác, như năng lượng sinh khối, năng lượng từ rác thải.
- Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, hạn chế phụ tải mà sử dụng nguồn điện không hiệu quả, chi phí tiêu tốn năng lượng cao.
- Phát triển lưới điện hiện đại, thông minh, kết nối lưới điện với các nước láng giềng, như Trung Quốc, Campuchia, Lào.
- Phát triển thị trường bán buôn điện cạnh tranh và tiến tới phát triển thị trường bán lẻ điện cạnh tranh vào năm 2021.
- Phát triển điện lực phải thích ứng với biến đổi khí hậu và nóng lên của trái đất, hướng tới phát triển xanh để phù hợp với chiến lược phát triển quốc gia về phát triển xanh.

Vừa qua, Chính phủ đã có những chính sách khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo, đặc biệt năng lượng gió, năng lượng mặt trời. Với điện gió, Chính phủ đã ban hành Quyết định 37 về cơ chế & ưu đãi giá điện gió. Về điện mặt trời, nhờ cơ chế của Quyết định 11, đã phát triển 7000 MW để xây dựng & đã phát điện 4500 MW điện mặt trời & 400MW điện gió. Hiện nay, có rất nhiều dự án điện mặt trời & điện gió đang được tiếp tục trình để bổ sung vào quy hoạch & tiếp tục triển

khai đầu tư trong thời gian tới, đặc biệt sẽ có cơ chế có thời hạn trước 30/11/2021 với những dự án điện gió.

Tuy nhiên, có một số vấn đề trong quá trình phát triển điện mặt trời, chẳng hạn như chưa cân đối được nguồn để hỗ trợ, bổ sung thiếu hụt điện mặt trời; phát triển điện mặt trời tương đối tập trung dẫn đến việc không đủ kết nối lưới điện truyền tải. Hiện nay, Bộ Công thương đã trình Chính phủ, tham mưu cho Chính phủ để có những giải pháp giải tỏa công suất của những dự án đang được phát điện.

Để có những chính sách trong tương lai, chúng tôi đang phối hợp với các kinh nghiệm của các chuyên gia tư vấn trên thế giới, đặc biệt là chuyên gia tư vấn của Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển châu Á để xây dựng cơ chế đấu thầu các dự án điện mặt trời trong tương lai. Đó là minh bạch, khách quan trong lựa chọn chủ đầu tư, giảm chi phí đầu tư trong phát triển điện mặt trời cũng như điện gió tương lai.

Về các khuyến nghị của Nhóm Công tác, Bộ ghi nhận và sẽ xem xét trong các dự thảo trình lãnh đạo Bộ cũng như lãnh đạo Chính phủ ban hành trong thời gian tới.

Ông Dominic Scriven, Trưởng Nhóm Công tác Thị trường Vốn

Kết thúc năm 2019, nền kinh tế Việt Nam thực sự là một điểm sáng trong nền kinh tế toàn cầu. Nhờ sự nỗ lực của Ủy Ban Chứng khoán, Bộ Tài chính và sự tập trung của Quốc hội, Việt Nam đã thông qua một Luật Chứng khoán mới. Chỉ số chứng khoán VNI tăng khoảng 9%. Lãi suất trái phiếu Chính phủ xuống chỉ còn 3% (cho 5 năm) – một mức chưa từng có.

Tuy nhiên, nếu như chỉ số VNI tăng 9%, thì còn thua chỉ số các thị trường cận biên +14%; các thị trường mới nổi +15%, và các thị trường phát triển +25%. Sau khi điều chỉnh tăng mức GDP +25% lên 300 tỷ, tỉ lệ giá trị vốn hóa lại giảm từ 76% xuống trên 60%, thấp hơn mục tiêu phấn đấu. Như NCT Thị trường Vốn đã dự báo cách đây một năm, Việt Nam đã chưa được nâng hạng lên Thị trường mới nổi thành công. Đồng thời vào Quý 4 vừa rồi, cơ quan định mức tín nhiệm đã thông báo việc xem lại mức tín nhiệm Việt Nam theo hướng tiêu cực.

Chủ đề hôm nay là phát triển nhanh và bền vững, liên quan đến chữ NHANH:

- Kiến nghị Ban Tài chính và Ủy ban Chứng khoán trao đổi cởi mở và chi tiết với các thành viên thị trường trong việc soạn các nghị định, thông tư dưới Luật Chứng khoán.
- Kiến nghị Ngân hàng Nhà nước, sau Hội nghị này, tạo điều kiện gặp các thành viên thị trường nhằm trao đổi tháo gỡ các rào cản trong việc phát triển các nhà đầu tư có tổ chức.
- Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc sửa Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp năm nay, tạo mọi điều kiện để Việt Nam nhanh chóng tiến hành các chứng chỉ không có quyền biểu quyết (NVDR).
- Nhằm đưa ngành chứng khoán vào kỷ nguyên 4.0, kiến nghị Chính phủ ủng hộ trong ngành được áp dụng chữ ký số, hồ sơ điện tử, ví điện tử, giao dịch thanh toán tức thời cũng như giá chứng khoán và quỹ theo thời gian thực.

Cuối cùng xin lưu ý đặc biệt các chữ BỀN VỮNG ở 4 vé của vấn đề:

- Lưu ý đến quản trị, đặc biệt ủng hộ Viện quản trị viên Việt Nam, ra đời năm 2019.

- Lưu ý đến khủng hoảng biến đổi khí hậu, nguyên nhân của nó, vai trò và trách nhiệm cũng như cơ hội.
- Lưu ý đến bảo vệ môi trường sinh thái, đẩy mạnh những bước gần đây trong việc tăng chế độ xử phạt trong trường hợp buôn bán động vật hoang dã trái phép.
- Lưu ý đến ô nhiễm không khí, mà nên chăng Việt Nam nghiên cứu chế độ đo lường CO2, vì cái gì không đo lường được thì không quản lý nổi.

Bà Jodi West, Trưởng Nhóm Công tác Ngân hàng

Chủ đề đề xuất cho NCT Ngân hàng trong Diễn đàn hôm nay là *“Thu hút đầu tư cho nền tài chính bền vững, hỗ trợ kiến tạo cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư”*.

Chủ đề này, theo NCT Ngân hàng, có 2 khía cạnh:

1. Sự đổi mới cần thiết để đảm bảo tự thân ngành tài chính giữ được sự bền vững, và
2. Sự đổi mới cần thiết trong ngành tài chính nếu Việt Nam tiếp tục thu hút đầu tư để hiện thực hóa tiềm năng quốc gia trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Về khía cạnh đầu tiên - **sự đổi mới cần thiết để đảm bảo ngành tài chính giữ được sự bền vững**. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đã mang đến những tiến bộ công nghệ đang làm thay đổi toàn bộ các ngành cũng như nền kinh tế toàn cầu. Sự thành công của từng doanh nghiệp và từng ngành phụ thuộc vào việc áp dụng thành công các công nghệ mới. Tuy nhiên, đối với một ngành có quy định chặt chẽ như ngành ngân hàng, tốc độ thay đổi công nghệ được quyết định bởi tốc độ thay đổi các quy định luật pháp. Với thay đổi công nghệ đang diễn ra nhanh chóng như hiện nay, đây là một thách thức đối với các cơ quan quản lý trên toàn thế giới.

Quốc hội và Chính phủ đã đưa ra định hướng rõ ràng cho Việt Nam trong những năm tới; cụ thể, NCT Ngân hàng hoàn toàn ủng hộ các nỗ lực không ngừng nghỉ của Chính phủ trong các lĩnh vực sau:

1. Số hóa trên diện rộng,
2. Thúc đẩy thanh toán điện tử để hiện thực hóa một xã hội không tiền mặt,
3. Tăng cường thông tin và an ninh mạng
4. Củng cố hệ thống tài chính.

Cần thiết lập các khung pháp lý phù hợp để hỗ trợ các lĩnh vực liên quan tới những thay đổi công nghệ này. Để đưa ra những quy định hiệu quả, cần có sự hợp tác và phối hợp giữa các bộ và cơ quan nhà nước như Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tư pháp và Ngân hàng Nhà nước.

Với nhiều tiến bộ đạt được trong những tháng gần đây, chúng tôi khuyến khích Chính phủ đẩy nhanh tốc độ cải cách quy định để đưa Việt Nam ngang tầm với các nước láng giềng trong khu vực và đảm bảo sự bền vững liên tục của ngành ngân hàng.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hiện đang xem xét sửa đổi Nghị định về thanh toán không dùng tiền mặt (Nghị định số 101/2012) và đánh giá khả năng áp dụng các công nghệ ngân hàng mới như API Mở và hạ tầng thanh toán tập trung. Chúng tôi ủng hộ các công nghệ như vậy và tin tưởng rằng việc chuyển sang thanh toán không dùng tiền mặt sẽ giúp cải thiện chương trình tài chính toàn diện ở Việt Nam và đóng góp vào tăng trưởng GDP.

Về khía cạnh thứ hai - **khả năng thu hút đầu tư của Việt Nam để hiện thực hóa tiềm năng quốc gia trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.**

Nhu cầu của các nhà đầu tư quan tâm tới Môi trường, Xã hội và Quản trị cũng đang tăng lên, phù hợp với mối quan tâm toàn cầu về môi trường. Chúng tôi khuyến khích Ngân hàng Nhà nước và Chính phủ Việt Nam tiếp tục hỗ trợ các giải pháp tài chính xanh và quy định cần thiết để thu hút và hỗ trợ các nhà đầu tư nêu trên.

Ông Tony Foster, Trưởng Nhóm Công tác Cơ sở hạ tầng

Thứ nhất, luật PPP nên duy trì quan điểm của một số quy định trong luật đầu tư và cho phép các bên, trong những trường hợp cụ thể, đàm phán xem nên áp dụng luật pháp Việt Nam hay luật quốc gia với một hợp đồng. Rõ ràng, một dự án phải được xây dựng phù hợp với pháp luật Việt Nam nhưng luật hợp đồng không nhất thiết phải là luật Việt Nam như trong dự thảo hiện nay. Luật pháp Việt Nam có rất nhiều điểm tích cực nhưng một số luật còn có những quy định chưa rõ ràng đối với các chủ đầu tư nước ngoài, do đó, họ không tài trợ cho các dự án lớn hoặc chi phí tài chính của dự án có thể tăng lên. Do đó, chúng tôi đề xuất đảm bảo tính linh hoạt khi áp dụng quy định.

Thứ hai, cơ chế bảo hộ của pháp luật cần có những điều chỉnh phù hợp để đáp ứng các yếu tố về thương mại và thị trường, đồng thời đảm bảo tính hiệu quả chi phí và khả năng dự báo của các sản phẩm hoặc dịch vụ trong các dự án PPP. Điều này hiện chưa được quy định trong dự thảo Luật PPP; một quy định phù hợp sẽ đảm bảo hỗ trợ các bên thương lượng trong hợp đồng dự án.

Thứ ba, dự thảo nên quy định về việc cấp bảo lãnh đối với đất dự án, ngay cả khi dự án được miễn tiền thuê đất. Chính phủ phê duyệt việc miễn tiền thuê đất đối với từng dự án cụ thể và rõ ràng không từ chối cấp bảo lãnh đối với diện tích đó. Miễn tiền thuê đất là một hình thức khuyến khích đầu tư có lợi cho doanh nghiệp dự án mà không làm giảm giá trị quyền sử dụng đất của doanh nghiệp. Điều này cần được thể hiện rõ trong Luật PPP mới.

Thứ tư, luật PPP mới cần đảm bảo tính linh hoạt, tùy thuộc vào các biện pháp bảo vệ liên quan cần có để chính phủ cấp bảo lãnh trong những trường hợp cần thiết. Nội dung này đã được quy định trong luật đầu tư và cũng nên được quy định đầy đủ trong luật PPP.

Thứ năm, dự thảo đưa ra phương án bảo vệ nguồn thu đối với các dự án không hoạt động hiệu quả như kỳ vọng, đặc biệt là các dự án đường bộ và đường sắt. Nội dung đó không áp dụng đối với các dự án do Quốc hội/Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Vì vậy, mức độ linh hoạt bị thu hẹp. Khuyến nghị đảm bảo tính linh hoạt về quy định trong dự thảo luật.

Các vấn đề đã được chúng tôi trình bày chi tiết trong báo cáo thể hiện quan điểm và chúng tôi mong muốn được thảo luận cụ thể với Bộ KH&ĐT.

Phản hồi của Ông Nguyễn Đăng Trương, Cục trưởng Cục Quản lý Đấu thầu, Bộ Kế hoạch & Đầu tư

Luật PPP đã được Quốc hội xem xét tại kì họp vừa rồi. Theo kế hoạch, Quốc hội dự kiến thông qua tại Kì họp lần 9 diễn ra vào tháng 5-6 năm 2020. Các ý kiến của Nhóm Cơ sở hạ tầng hết sức quan trọng. Tuy nhiên, các nội dung này cũng rất khó. Sắp tới, Bộ Kế hoạch & Đầu tư sẽ phối hợp với Ủy ban Kinh tế Quốc hội và các cơ quan khác của Quốc hội tiếp tục hoàn thiện Dự thảo luật cũng như làm việc với các nhà đầu tư, các hiệp hội doanh nghiệp để tiếp thu hoàn chỉnh dự luật trình Quốc hội theo đúng kế hoạch đề ra.

Ông Colin Blackwell, Trưởng Nhóm Công tác Nguồn Nhân lực

Các doanh nghiệp ở Việt Nam và trên thế giới luôn tìm kiếm nhân lực có kỹ năng phù hợp. Việt Nam có dân số tương đối trẻ và có thể đào tạo các kỹ năng mới cho lực lượng lao động bằng cách áp dụng phương pháp giảng dạy hiện đại đã được các nền kinh tế tiên tiến hơn áp dụng. Bản thân ngành giáo dục phải thay đổi mô hình hoạt động để duy trì mức độ phù hợp. Giáo dục luôn giữ vai trò quan trọng nhưng sẽ trở nên lỗi thời nếu vẫn tập trung vào bằng cấp & khả năng học vẹt. Giáo dục sẽ khai thác tiềm năng công nghệ và nội dung mã nguồn mở trong thế giới kết nối toàn cầu như hiện nay. Đây sẽ là nền tảng cho tương lai học tập, từ học tập ở trường sang học tập ở nơi làm việc.

Với sự hỗ trợ của công nghệ, giáo dục và cơ sở giáo dục đại học nên tập trung hướng dẫn cho từng đối tượng sinh viên và cung cấp nội dung phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp, qua đó đáp ứng nhu cầu học tập cá nhân của sinh viên. Tập trung xây dựng trải nghiệm của sinh viên thông qua cấu trúc chương trình học tập linh hoạt. Giáo dục và tổ chức giáo dục đại học nên sử dụng nhiều giảng viên có kinh nghiệm, trải nghiệm thực tế. Đầu tư vào lĩnh vực đào tạo giáo dục cần được tiếp tục khuyến khích và hỗ trợ nhiều hơn. Chúng tôi đề xuất áp dụng học tập trực tuyến là một trong những mô hình có thể triển khai khi cần thiết. Chúng tôi khuyến nghị sửa đổi Nghị định 86 để phù hợp với quy định và Thời đại 4.0 tại Việt Nam.

PHÁT BIỂU CHỈ ĐẠO CỦA NGÀI TRỊNH ĐÌNH DŨNG, PHÓ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Việt Nam đang chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang mô hình hài hòa giữa chiều rộng & chiều sâu trên cơ sở khai thác & sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, tận dụng các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến để tăng năng suất lao động, nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa dịch vụ, hiệu quả của nền kinh tế nói chung & hiệu quả vốn đầu tư nói riêng. Tuy nhiên, phát triển nhanh phải song hành với phát triển bền vững. Xây dựng & thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh, đảm bảo phát triển nền kinh tế theo hướng cacbon thấp để sử dụng năng lượng tiết kiệm & hiệu quả. Phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo để đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Trong tiến trình đó, không thể thiếu vai trò của doanh nghiệp bởi nhà nước đặt ra mục tiêu, nhưng lực lượng để hiện thực hóa mục tiêu là doanh nghiệp. Do đó, Chính phủ Việt Nam luôn sát cánh, đồng hành cùng cộng đồng doanh nghiệp. Năm 2019 có thể coi là năm bứt phá trong việc triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. GDP đạt 7,02%, vượt mục tiêu đề ra 6,8%. Lạm phát được kiểm soát ở mức 2,79%, thấp nhất trong các năm vừa qua. Quy mô xuất nhập khẩu đạt đến 517 tỉ đô, cao nhất từ trước đến nay; xuất siêu đạt 10 tỉ đô. Đây là năm thứ tư liên tục Việt Nam không có xuất siêu. Vốn FDI đạt trên 20 tỉ đô,

cao nhất trước đến nay & số doanh nghiệp thành lập mới đạt kỉ lục mới 138.000 doanh nghiệp, khách du lịch quốc tế đạt 18 triệu khách.

Theo đánh giá, đầu tư nước ngoài đã đóng góp khoảng 20% GDP & là nguồn vốn bổ sung quan trọng cho vốn đầu tư phát triển của Việt Nam với tỉ trọng 23,7% trong nguồn vốn xã hội đầu tư. Về kinh tế, đầu tư đóng vai trò là 1 trong những động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Tỉ trọng thu ngân sách nhà nước từ khu vực đầu tư nước ngoài cũng tăng đáng kể, từ 1,8 tỉ đô trong giai đoạn 1994-2000, đã lên 23,7 tỉ đô trong giai đoạn 2011-2015, chiếm gần 14% tổng thu ngân sách nhà nước. Năm 2018 đóng góp gần 298 nghìn tỉ đồng, chiếm 20,9% tổng thu ngân sách nhà nước. Doanh nghiệp FDI đã tạo việc làm cho khoảng 4,51 triệu lao động trực tiếp & 56 triệu lao động gián tiếp.

Trong những năm gần đây, cùng với môi trường kinh doanh ổn định & ngày càng được cải thiện thì các doanh nghiệp Việt Nam đã có những bước phát triển vượt bậc về số lượng & chất lượng doanh nghiệp cũng được cải thiện. Giữa doanh nghiệp trong nước & doanh nghiệp FDI, có sự hợp tác chặt chẽ & hiệu quả hơn. Hơn 100 tập đoàn lớn thế giới có mặt tại Việt Nam đã đóng góp, tạo hiệu ứng lan tỏa năng suất, công nghệ, phát triển công nghiệp hỗ trợ, kết nối mạng sản xuất & chuỗi giá trị toàn cầu. Đã có những công đoạn sản xuất công nghệ cao được thực hiện tại Việt Nam, tỉ lệ cung ứng thành phẩm, bán thành phẩm của các doanh nghiệp trong nước cho doanh nghiệp đầu tư nước ngoài. Trong một số ngành, lĩnh vực như xe máy, điện tử, gia dụng, thương mại, công nghiệp, công nghệ cao, điện tử tin học, viễn thông, ô tô & các thiết bị đồng bộ khác.

Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ 4, hội nhập quốc tế lan tỏa ngày càng sâu rộng, cần nhận thức xu hướng mới sẽ tác động tới phương thức, ý tưởng, kinh doanh mới trong tương lai của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam. Xu hướng thay đổi công nghệ & toàn cầu hóa là những động lực mới cho phát triển doanh nghiệp trong kỉ nguyên cách mạng công nghiệp 4.0, tự động hóa, trí tuệ nhân tạo, đồng thời là cơ sở cho những thay đổi về quản lí của Chính phủ nhằm tạo dựng môi trường kinh doanh thuận lợi, khơi nguồn sáng tạo, mang tính cạnh tranh.

Tại Diễn đàn hôm nay, có nhiều phát biểu rất trách nhiệm, tâm huyết, đại diện cho các hiệp hội, các doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế & các bộ ngành liên quan. Liên quan rất nhiều tới các lĩnh vực đang cần thiết, đang đòi hỏi Việt Nam phải tiếp tục phối hợp để giải quyết. Bộ Kế hoạch & Đầu tư cùng các bộ, cơ quan Việt Nam sẽ tiếp thu, hoàn chỉnh các qui định pháp luật, cơ chế chính sách, tiếp tục cải thiện thủ tục hành chính, thuận lợi hóa thương mại đầu tư, tạo ra môi trường đầu tư, môi trường pháp lí để huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển, cũng như tạo cơ hội để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp & người dân trong quá trình đầu tư phát triển.

Ông Ousmane Dione, Giám đốc quốc gia, Ngân hàng Thế giới

Có 3 yếu tố đóng góp vào sự phát triển thịnh vượng của Việt Nam vào năm 2035.

Thứ nhất, chất lượng thể chế sẽ là chìa khóa cho quá trình phát triển của Việt Nam trong thập kỷ tới. Để làm được điều đó, Việt Nam phải xác định ưu tiên & thúc đẩy thể chế trong một môi trường đầu tư phức tạp & luôn thay đổi nhanh chóng. FDI sẽ đóng vai trò rất quan trọng trong vấn đề này nhưng, quan trọng hơn, Chính phủ cần đảm bảo năng lực thể chế để đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp tư nhân & FDI. Đó là lý do mà chất lượng thể chế đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Yếu tố thứ hai sẽ là chất lượng của cơ sở hạ tầng. Yếu tố này sẽ đòi hỏi đầu tư. Vai trò của khu vực tư nhân sẽ ngày càng lớn. Quan hệ đối tác công-tư sẽ hỗ trợ thu hút hiệu quả đầu tư vào

chất lượng cơ sở hạ tầng, đặc biệt trong lĩnh vực năng lượng và giao thông. Đây sẽ là chìa khóa để duy trì động lực tăng trưởng của Việt Nam.

Yếu tố thứ ba là chất lượng vốn nhân lực. Giáo dục đại học & đào tạo nghề có vai trò rất quan trọng và cần phải được đổi mới, nâng cao chất lượng và phát triển để lực lượng lao động trong nước sẵn sàng đáp ứng yêu cầu phát triển của thế kỷ 21.

Khu vực FDI và khu vực tư nhân trong nước sẽ đóng vai trò then chốt. Doanh nghiệp trong các lĩnh vực này cần được hỗ trợ để tiếp tục tạo ra việc làm chất lượng. Khu vực tư nhân phải là động lực thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển công nghệ để thích ứng, xây dựng nền kinh tế số và tăng cường áp dụng trí tuệ nhân tạo. Chính phủ cần đóng vai trò thúc đẩy để hiện thực hóa mục tiêu đó thông qua đổi mới hệ thống quy định hành chính, và quan trọng nhất là duy trì bền vững các kết quả đạt được.

Tiến sỹ Vũ Tiến Lộc, Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Trong bối cảnh kinh tế thế giới 2020, theo dự báo vẫn chưa có dấu hiệu khởi sắc & đã giảm tốc kinh tế thế giới vẫn tiếp tục làm nền kinh tế thế giới có độ mở cao thì VN chắc chắn chịu ảnh hưởng đáng kể từ bối cảnh này. Trong nước cũng thấy xuất hiện một số dấu hiệu đáng ngại: một số đầu tàu tăng trưởng chậm lại, các điểm nghẽn pháp lý về kinh doanh chậm được giải quyết, các rào cản kinh doanh còn nhiều. Chúng tôi đề nghị rằng những nỗ lực cải cách của Chính phủ nên tập trung vào điểm nghẽn, bắt đầu từ những xung đột pháp luật về kinh doanh, quá trình thực thi để đảm bảo sao cho nhất quán. Điều cộng đồng doanh nghiệp lo lắng là thời gian gần đây các qui trình & thủ tục hành chính để thực hiện các dự án đang chậm lại & chính vì vậy sẽ ảnh hưởng đến kết quả đầu tư & kết quả tăng trưởng trong những năm sắp tới. Vấn đề này cần phải được khắc phục sớm.

Chính vì vậy, chúng tôi đề nghị trong năm tới, một trong những chương trình hành động quan trọng của Chính phủ là tập trung xử lý 25 điểm chòng chéo về pháp luật liên quan đầu tư kinh doanh mà cộng đồng doanh nghiệp đã kiến nghị. Chúng tôi rất vui mừng vì chính phủ đã thành lập tổ công tác về giải quyết xung đột pháp luật trong kinh doanh, thành lập tổ công tác thúc đẩy cải cách thể chế. Với cách nhìn liên ngành, sự tham gia của các chuyên gia, các cộng đồng doanh nghiệp thì chúng ta sẽ có được cách tiếp cận thúc đẩy cải cách tốt hơn trong thời gian tới & đặc biệt là trong việc đảm bảo sự đồng bộ của hệ thống pháp luật & tăng cường kỉ luật thực thi. Chúng tôi đề nghị bắt đầu thực hiện Chương trình 25: tập trung xử lý các điểm chòng chéo về pháp luật mà cộng đồng doanh nghiệp đã kiến nghị. Thứ hai, thực hiện Chương trình 20: cắt giảm 20% các thủ tục hành chính & các chi phí liên quan thủ tục hành chính trong kinh doanh. Thứ ba là Chương trình 50: triển khai nghị quyết của Bộ Chính trị về tăng cường nâng cao chất lượng đầu tư nước ngoài.

Ông Nguyễn Chí Dũng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch & Đầu tư

Thứ nhất, về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh & phát triển doanh nghiệp, mặc dù đánh giá cao sự nỗ lực của Chính phủ trong việc tạo lập môi trường kinh doanh ổn định, vững chắc, khuyến khích tinh thần khởi nghiệp doanh nghiệp, song cộng đồng doanh nghiệp vẫn cho rằng, Chính phủ

cần tiếp tục những nỗ lực thực chất & đồng bộ hơn để đạt những mục tiêu chiến lược. Các biện pháp về cải cách phải được đẩy mạnh & duy trì hơn nữa trong thời gian tới.

Thứ hai, về hoàn thiện thể chế đầu tư kinh doanh, cộng đồng doanh nghiệp cũng kiến nghị nhiều vấn đề liên quan tới luật chuyển giao công nghệ, luật xây dựng, luật đầu tư, luật doanh nghiệp, luật qui hoạch, luật đầu thầu, luật lao động, luật đất đai, an ninh mạng, luật PPP.... Đây đều là những vấn đề quan trọng liên quan chặt chẽ đến quá trình hoạt động của các doanh nghiệp.

Về thuế & hải quan, việc vận dụng các qui định chính sách ở địa phương vẫn còn những tồn tại, bất cập, như chưa thực sự tạo điều kiện thuận lợi & bình đẳng cho các nhà đầu tư trong & ngoài nước. Phạm vi kiểm tra sau thông quan còn chồng chéo.

Vấn đề về thuế giá trị gia tăng với hàng hóa giao nhận ngoài Việt Nam, những vướng mắc về hoạt động thương mại của các doanh nghiệp vốn đầu tư nước ngoài & điều kiện để được công nhận là doanh nghiệp chế xuất cũng chưa rõ ràng.

Về điện & năng lượng, các kiến nghị đề xuất ưu tiên năng lượng tái tạo trong qui hoạch phát triển điện lực quốc gia, tăng cường sử dụng khí ga tự nhiên, cũng như phụ tải cơ bản, phù hợp nhất cho năng lượng tái tạo, xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi để thu hút đầu tư tư nhân & hoạt động sản xuất năng lượng sạch & sử dụng năng lượng hiệu quả, xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi để thu hút đầu tư & sản xuất năng lượng sạch không nổi trội với qui mô nhỏ hơn. Về cơ sở hạ tầng, Việt Nam cần tiếp tục xây dựng cơ chế đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP có hiệu quả.

Về nông nghiệp, nhóm công tác cũng kiến nghị triển khai nông nghiệp thông minh về hợp tác với các quốc gia để triển khai nền nông nghiệp thông minh có khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu. Cơ hội để Việt Nam tham gia vào chuỗi cung ứng các sản phẩm nông nghiệp trên thế giới.

Về giáo dục & đào tạo, Việt Nam cần cải cách cơ bản & toàn diện giáo dục bậc đại học để đưa nền giáo dục phù hợp cách mạng 4.0. Phát triển nguồn nhân lực quốc gia tập trung việc học tập suốt đời & các kỹ năng mềm, kỹ năng công nghệ, kỹ năng giao tiếp, ứng xử cho tất cả sinh viên.

Về du lịch, cần đa dạng hóa hơn danh sách điểm đến của Việt Nam cũng như mở rộng các thị trường có phát triển du lịch lớn trên thế giới, ngoài các thị trường hiện nay mà đang phát triển như Hàn Quốc hay Trung Quốc.

Trong quá trình thảo luận, đại diện các bộ, ngành cũng đã có những ý kiến phản hồi & trao đổi cụ thể chi tiết, qua đó đã làm rõ hơn các nội dung các bên cùng quan tâm. Bộ Kế hoạch & Đầu tư sẽ tổng hợp tất cả các ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp & nội dung chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng, đồng thời phối hợp chặt chẽ với bộ ngành địa phương nghiên cứu các kiến nghị xác đáng của các nhóm công tác của các cộng đồng doanh nghiệp để trình cấp có thẩm quyền tiếp tục sửa đổi, hoàn thiện chính sách để cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh theo hướng tạo thuận lợi hơn nữa cho các doanh nghiệp nói chung & doanh nghiệp FDI nói riêng, góp phần để Việt Nam phát triển nhanh & bền vững hơn nữa trong thời gian tới.

Hợp tác cùng:



Tài trợ Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam thường niên 2020:

Nhà tài trợ Kim Cương



Nhà tài trợ Bạch Kim



Nhà tài trợ Vàng



Nhà tài trợ Bạc



Nhà tài trợ hiện vật



Liên minh Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF):



Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ:

Ban Thư ký Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF)

Tầng 3B, Tòa nhà Văn phòng Horison, 40 Cát Linh, Hà Nội, Việt Nam

ĐT: 84-24 3715 2223

Fax: 84-24 3715 2218

Email: info@vbf.org.vn

Website: www.vbf.org.vn

Cục Đầu tư Nước ngoài

Bộ Kế hoạch và Đầu tư

6B Hoàng Diệu, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Tel: 84-804 8416

Fax: 84-24 3734 3769